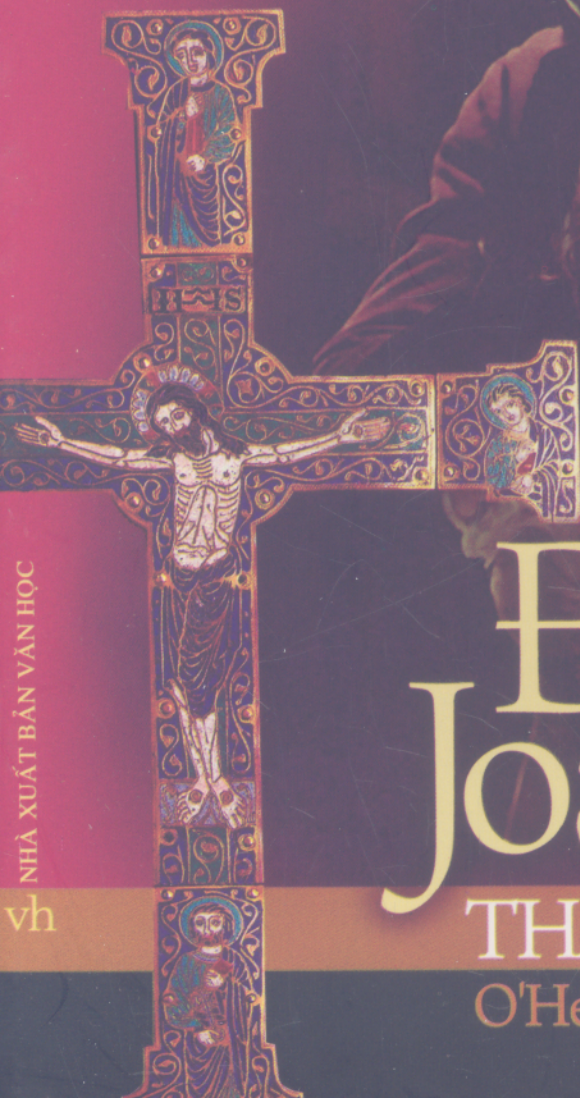


The Nobel Prize



*Collected best
short stories*

Tuyển truyện ngắn các
tác giả đoạt giải Nobel



Đông Joăng

THANH MINH

O'Henry, Pen, Malamud...

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

vh

ĐÔNG JOÃNG

Thanh minh

TRUYỆN NGẮN CÁC TÁC GIẢ ĐẠT GIẢI THƯỞNG:
NOBEL, O'HENRY, PULITZER, SÁCH QUỐC GIA MỸ ...

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

NÔ LỆ CỦA TÌNH YÊU

KNUT HAMSON

Nhà văn Na Uy – Giải thưởng Nobel 1920

I

Tất cả những dòng này là do chính tay tôi viết, vào ngày hôm nay, để cho lòng nhẹ bớt. Tôi đã mất việc và đánh mất luôn cả niềm vui sống. Tôi đã mất tất cả. Còn trước đó tôi đã từng làm công trong tiệm cà phê “Măximilian”.

Chàng trai trong bộ véc tông màu xám tối nào cũng ghé lại quán cà phê của chúng tôi với hai người bạn. Và họ thường ngồi vào một trong số những chiếc bàn do tôi phục vụ. Quán cà phê thường rất đông khách, và khách hàng vẫn nói với tôi những lời tốt đẹp, chỉ có anh là không. Đó là một chàng trai vóc dáng cao gầy, với mái tóc màu đen mềm mại, cặp mắt xanh da trời đôi khi vẫn hướng về phía tôi, còn phía trên môi là hàng ria mỏng.

Rõ ràng ngay từ đầu chàng trai đã chẳng để ý đến tôi.

Trong suốt một tuần lễ tối nào chàng trai cũng đến. Tôi đã quen với sự có mặt của anh, và những lúc vắng anh tôi cảm thấy lòng mình trống vắng. Có một lần chàng trai không đến. Tôi bối rối tìm kiếm khắp quán cà phê và bất

chợt nhìn thấy anh đang ngồi bên chiếc bàn đằng sau cây cột lớn, cạnh lối ra vào thứ hai. Anh ngồi cùng với cô diễn viên xiếc. Cô gái mặc chiếc áo váy màu vàng, đi đôi găng tay dài quá khuỷu. Cô gái còn rất trẻ, cặp mắt đẹp màu nâu sẫm, còn mắt tôi màu xanh da trời.

Tôi đứng lặng trong một lát, cố lắng tai nghe những lời trò chuyện của họ. Cô gái trách móc anh về một việc gì đó, rằng anh đã làm cho cô ta phát ngán, và yêu cầu anh hãy đi đi. Lạy Đức Mẹ đồng trinh, tôi nhủ thầm, giá anh ấy đến với mình? Tối hôm sau chàng trai lại đến, và như thường lệ với những người bạn của mình. Họ lại ngồi vào một trong số những chiếc bàn của tôi. Tôi phải phục vụ khách ở năm chiếc bàn cả thảy. Tôi đã không chạy ngay đến chỗ anh như mọi khi, tôi đỏ mặt và làm như không nhìn thấy anh. Khi đó anh liền gọi tôi đến.

Tôi nói:

- Tối qua anh đã không đến đây.
- Các bạn hãy nhìn xem, - anh nói với những người bạn của mình. - Cô hầu bàn của chúng ta có thân hình đẹp đấy chứ. Trông cô ấy rất tuyệt.
- Các anh dùng bia? - Tôi hỏi.
- Phải, - anh đáp.

Tôi không bước nữa mà chạy như bay đến lấy ba vại bia.

II

Vài ngày nữa trôi qua.

Một lần chàng trai chìa cho tôi tấm danh thiếp và nói:

Cô hãy trao tấm danh thiếp này cho cô gái kia...

Chẳng cần nghe hết câu, tôi cầm tấm danh thiếp và mang đến chỗ cô gái mặc áo vàng. Trên đường đi tôi đọc được tên của anh: Vladimia T.

Khi tôi quay lại bàn của anh, anh nhìn tôi bằng ánh mắt dò hỏi.

- Em đã trao cho cô ấy. - Tôi nói.

- Không có trả lời à?

- Không.

Chàng trai cho tôi một mác và mỉm cười nói:

- Không trả lời cũng là một cách trả lời.

Suốt cả buổi tối chàng trai không rời mắt khỏi cô gái và những người bạn của cô ta. Vào lúc mười một giờ anh đứng lên và bước lại bàn của họ. Cô gái tiếp anh với vẻ lạnh nhạt, nhưng hai người bạn trai của cô ta thì ngược lại, họ trò chuyện với anh, tuôn ra những câu hỏi nhạo báng và những tràng cười hô hố. Vài phút sau chàng trai quay lại chỗ của mình và tôi nhận thấy một chiếc túi áo bành tô mùa thu của anh bị ướt vì bia. Ngay lúc ấy anh cởi áo bành tô ra rồi quay lại ném về phía bàn của cô diễn viên xiếc một cái nhìn căm tức. Tôi đã cố gắng chải lại chiếc áo bành tô mùa thu cho anh, và anh mỉm cười với tôi:

- Cám ơn nỗ lực.

Tôi giúp anh mặc áo bành tô và vuốt nhẹ lên lưng anh.

Anh cứ ngồi mãi như thế, đắm chiêu suy nghĩ.

Một người bạn của anh gọi bìa, tôi cầm lấy chiếc cốc vại và định cầm luôn cả chiếc cốc của anh nữa.

Nhưng anh đã đặt tay mình lên tay tôi và nói:

- Không.

Sự đụng chạm của anh đã làm cho tay tôi như hoá đá. Anh nhận ngay ra điều đó, liền nhấc tay ra.

Đêm ấy, tôi đã quỳ xuống bên giường và cầu nguyện cho anh. Tôi sung sướng hôn lên bàn tay đã được anh chạm vào.

III

Một lần anh đã tặng hoa cho tôi, cả một bó hoa lớn. Anh đã mua của người bán hoa ngay sau khi vừa bước chân vào quán. Những bông hoa tươi, đỏ thắm, cả một bó lớn, gần hết cả giỏ hoa của bà bán hoa anh đặt bó hoa lên bàn. Hôm nay anh đến có một mình. Rảnh được phút nào tôi liền đứng nấp sau chiếc cột, nín thở nhìn về phía anh và nghĩ: Tên anh là Vladimira T.

Anh cứ ngồi như vậy, rất lâu, mắt luôn nhìn vào đồng hồ.

Tôi hỏi:

- Anh chờ ai à?

Anh nhìn tôi bằng ánh mắt vô hồn rồi đột nhiên đáp:

- Không, tôi không chờ ai cả. Tôi có chờ ai đâu?

- Thế mà em lại nghĩ rằng có lẽ anh đang chờ ai đó - tôi lại nói.

- Cô lại đây - anh nói. - Tặng cô đấy.

Và anh đã đưa cho tôi cả bó hoa.

Tôi muốn nói một câu gì đó cảm ơn anh, nhưng tôi bỗng thấy mình lạc cả giọng, chỉ lắp bắp được hai từ “Cảm ơn”. Tôi đứng bên quầy hàng, dường như ngợp thở vì hạnh phúc, không nhớ phải nói gì nữa.

- Cô cần gì? – Cô gái đứng quầy hỏi.

- Thế chị không biết à? - Tôi hỏi lại.

- Làm sao tôi biết được? Cô làm sao thế, điên à?

- Chị có biết ai đã tặng cho tôi bó hoa này không? Tôi lại hỏi.

Người quản lý đi ngang qua.

Tôi nghe ông ta nói:

- Cô đã quên mang bia cho người đàn ông đi chân gỗ đấy.

- Anh Vladimia đã tặng bó hoa này cho tôi, - tôi nói rồi vội vàng mang bia đến cho các bàn.

T. vẫn chưa đi. Cuối cùng khi anh đứng lên, tôi lại cảm ơn anh một lần nữa.

Anh đứng lại và nói:

- Thật ra tôi mua chúng không phải cho cô.

Thì đã sao. Rất có thể anh đã mua bó hoa cho một cô gái khác nhưng anh đã tặng cho tôi. Tôi đã nhận những bông hoa chứ không phải cô gái mà anh định tặng. Và anh đã cho phép tôi cảm ơn anh. Chúc anh ngủ ngon, Vladimia.

IV

Sáng hôm sau trời mưa.

Hôm nay tôi sẽ mặc bộ áo váy nào đây - bộ màu đen hay màu xanh lá cây? - Tôi tự hỏi. Bộ màu xanh lá cây còn mới, bởi vậy tôi đã mặc bộ ấy. Tôi cảm thấy rất hạnh phúc.

Tại bến đỗ xe điện có một người đàn bà đang đứng dưới mưa. Bà ta không có ô. Tôi nhường ô của mình cho người đàn bà, nhưng bà ta từ chối. Khi đó tôi liền cụp ô lại. “Bà ấy sẽ không bị ướt một mình” - tôi thầm nghĩ.

Buổi tối Vladimira lại đến quán cà phê.

- Cảm ơn anh vì những bông hoa hôm qua - Tôi kiêu hãnh nói.

- Hoa nào? - Anh hỏi lại. - cô đừng nhắc đến những bông hoa ấy nữa.

- Em chỉ muốn cảm ơn anh. - Tôi nói.

Anh nhún vai đáp:

- Không phải tôi yêu cô đâu, nô lệ ạ.

Anh không yêu tôi, thì đã sao. Tôi biết và không hề đau khổ vì điều đó. Nhưng tối nào tôi cũng được gặp anh, anh ngồi vào bàn của tôi chứ không phải bàn của người khác. Còn tôi tôi là người mang bia cho anh. Mời anh, Vladimira!

Tối hôm sau anh đến muộn. Anh hỏi tôi:

- Cô có tiền không, nô lệ?

- Rất tiếc là không, - tôi đáp. - Em là cô gái nghèo.

Anh nhìn tôi mỉm cười và nói:

- Cô không hiểu ý tôi rồi. Tôi chỉ cần mượn tạm ít tiền đến ngày mai thôi.

- Ở nhà em còn một trăm ba mươi mác.

- Ở nhà chứ không phải ở đây à?

Tôi đáp:

- Anh hãy chờ mười lăm phút nữa, quán đóng cửa, em sẽ mang đến cho anh.

Anh chờ đúng mười lăm phút và chúng tôi cùng về với nhau.

- Tôi chỉ cần một trăm mác thôi, - anh nói.

Anh không ngần ngại bước cạnh tôi trên suốt quãng đường, không đi trước hoặc đi sau như những quý ông sang trọng khác.

- Em có một căn phòng nhỏ xíu, - tôi nói khi cả hai về đến nhà tôi.

Tôi sẽ không lên với cô đâu, - anh nói - Tôi sẽ chờ ở đây.

Anh đứng chờ tôi.

- Khi tôi quay xuống, anh liền đếm tiền rồi nói:

- Ở đây có hơn một trăm mác. Tôi “buốc boá” cho cô mười mác. Đúng vậy, tôi muốn cho cô mười mác. Anh chìa cho tôi mười mác và nói: “Chúc ngủ ngon” rồi đi ngay. Tôi thấy anh dừng lại ở góc phố và cho bà lão ăn mày thọt chân một đồng silinh.

V

Tối hôm sau anh nói với tôi rằng, rất tiếc anh chưa thể trả món nợ cho tôi được. Tôi cảm ơn anh vì anh chưa trả nợ cho tôi. Anh cởi mở tiết lộ cho tôi biết, anh đã phung phí hết số tiền ấy rồi.

- Biết làm sao được, nô lệ! - Anh nói – Cô biết đấy, cũng chỉ vì cô gái áo vàng thôi!

- Tại sao cậu lại gọi cô hầu bàn của chúng ta là nô lệ! – Một người bạn của anh hỏi. - Cậu còn nô lệ hơn cô ta đấy.

- Các anh uống bia chứ? - Tôi hỏi để cắt ngang cuộc nói chuyện của họ.

Lát sau cô gái mặc áo vàng bước vào. T đứng dậy, nghiêng mình chào. Anh nghiêng mình thấp đến nỗi mái tóc xoà xuống mặt cô gái bước ngang qua và ngồi vào chiếc bàn trống, sau đó cô ta kéo hai chiếc ghế khác, xoay lưng của chúng vào mép bàn, ý muốn nhắc cho mọi người biết cô không muốn ngồi với ai.

Mặc dù vậy, T vẫn bước đến bàn của cô ta, ngồi vào một trong hai chiếc ghế. Sau vài phút anh đứng dậy và nói to:

- Thôi được rồi, tôi sẽ đi và không bao giờ quay lại nữa.

- Cảm ơn. - Cô ta nói.

Tôi cảm thấy đất như sụt dưới chân mình vì hạnh phúc.

Tôi chạy lại chỗ quầy và bắt đầu kể lể, hình như tôi đã nói rằng anh sẽ không bao giờ quay lại với cô ta nữa. ông quản lý đi ngang qua, khiển trách tôi bằng một giọng gay gắt, nhưng tôi chẳng thêm để ý.

Khi quán đóng cửa, T đã tiễn tôi về nhà.

- Cô hãy đưa cho tôi năm mác trong số mười mác tôi đã cho cô hôm qua. - Anh nói.

Tôi đề nghị anh cứ lấy luôn cả mười mác, anh đã lấy cả mười nhưng “buộc bo” lại cho tôi năm mác và không muốn nghe những lời từ chối rửa tội.

Hôm nay em hạnh phúc quá, - tôi nói - Giá như em có thể mời anh lên phòng, nhưng phòng của em chật lắm.

- Tôi không lên đâu, - anh nói. - Chúc cô ngủ ngon.

Rồi anh đi ngay. Anh đã quên bố thí cho bà lão ăn mày đứng ở góc phố mặc dù bà lão đã chìa tay ra. Tôi liền chạy lại chỗ bà lão, cho bà một đồng xu và nói:

- Đây là của chàng trai mặc bộ đồ màu xám vừa đi ngang qua.

- Chàng trai mặc bộ đồ màu xám à? - Bà lão ăn mày hỏi lại.

- Phải, của chàng trai có mái tóc màu đen ấy. Của anh Vladimira.

- Cô là vợ của anh ấy sao?

- Không, tôi là nô lệ của anh ấy. - Tôi đáp.

VI

Mấy tối liền anh nhắc đi nhắc lại với tôi rằng, anh rất tiếc chưa thể trả tiền cho tôi được. Tôi xin anh đừng xúc phạm tôi vì việc ấy. Anh nói to đến nỗi mọi người xung quanh đều nghe được, và nhiều người đã cười nhạo anh.

- Tôi là thằng khốn nạn, là đồ vô lại, - Anh nói. - Tôi đã vay tiền của cô mà không trả được. Tôi sẵn sàng cho người ta chặt đứt tay phải để lấy năm mươi mác.

Tôi cảm thấy khiếp hãi vì những lời anh vừa nói, tôi cố vất óc nghĩ xem có thể kiếm tiền cho anh bằng cách nào. Nhưng tôi không biết kiếm ở đâu cả.

Một lát sau anh lại nói với tôi:

- Nếu cô muốn biết có chuyện gì xảy ra, thì đây, cô gái áo vàng đã ra đi cùng với đoàn xiếc của mình rồi. Và tôi đã quên cô ta, thậm chí cũng chẳng thèm nhớ đến cô ta nữa.

- Nhưng dù sao thì hôm nay cậu lại viết thư cho cô ta, - một người bạn của anh nói.

- Lần cuối cùng, - Vladimia đáp.

- Tôi mua một bông hồng của người bán hoa. Tôi muốn gài vào ve áo của anh, nhưng hơi thở của anh cứ mơn man trên làn da tay làm tôi loay hoay mãi mà không sao tìm được cái khuy áo.

- Cảm ơn, - anh nói.

Tôi hỏi người đứng quỹ vài mác mà quán còn thiếu của tôi rồi đưa hết cho anh. Số tiền quả là ít ỏi.

- Cảm ơn, - anh lại nói.

Tôi cảm thấy hạnh phúc suốt cả buổi tối cho đến khi anh nói:

- Tôi sẽ ra đi bằng số tiền này. Sau một tuần nữa tôi sẽ trả lại cho cô, cô sẽ nhận được tiền của mình...

Nhận thấy sự xúc động của tôi, anh liền nói thêm:

- Tôi yêu cô, - rồi anh nắm lấy tay tôi.

Tôi vô cùng sửng sốt trước quyết định ra đi của anh, mặc dù tôi đã hỏi nhưng anh không nói sẽ đi đâu. Tiệm cà phê, những chùm đèn trần và vô số những khách hàng - tất cả như bỗng bênh trước mắt tôi. Không kìm nổi, tôi liền nắm lấy tay anh.

- Sau một tuần nữa tôi sẽ trả tiền lại cho cô. - Anh nói rồi đột ngột đứng dậy.

Tôi nghe thấy người quản lý nói: - Cô nên đi tìm một chỗ làm khác.

"Thì đã sao, - tôi nghĩ. - Có nghĩa lý gì đâu".

"Sau một tuần nữa Vladimira sẽ trở về với mình!".

Tôi muốn cảm ơn anh vì điều đó nhưng khi tôi quay lại anh đã bỏ đi.

VII

Một tuần sau, buổi tối khi trở về nhà tôi nhận được một bức thư của anh. Anh viết, anh đã đi tìm cô gái mặc áo vàng nhưng vô vọng, rằng anh không thể trả lại tiền cho tôi vì đã thành một kẻ bần hàn. Anh lại tự nguyện rửa mình là đồ hèn hạ, bên dưới anh viết thêm: "tôi là nô lệ của cô gái áo vàng".

Tôi đã khóc suốt cả một ngày đêm. Tôi không biết phải làm gì nữa. Một tuần sau tôi bị đuổi việc và bắt đầu đi tìm chỗ làm mới. Hết ngày này sang ngày khác tôi gõ cửa các tiệm cà phê và khách sạn, gọi điện đến các gia đình giàu có, nhưng đều vô hiệu.

Một đêm đã muộn, tôi mua một tệp báo hạ giá và vừa đi vừa đọc tất cả các thông báo. Tôi nghĩ: Rất có thể mình sẽ tìm được một công việc nào đó và sẽ cứu được cả hai, cả anh và cả mình.

Tối hôm qua tôi đã bắt gặp tên anh trên báo và đã đọc tất cả những gì người ta viết về anh. Ngay sau đó tôi vùng chạy ra đường, lang thang trên các phố, cho đến tận sáng mới quay về. Rất có thể tôi đã ngủ ở đâu đó, mà cũng có thể tôi đã ngồi bất động trên bậc cầu thang. Tôi không nhớ nữa.

Hôm nay tôi đã đọc lại mẫu tin đó, lần đầu tiên tôi đọc nó là vào tối hôm qua. Tôi run rẩy đổ vật xuống ghế. Sau đó không hiểu sao tôi thấy mình đang ngồi bệt trên sàn, dựa người vào thành ghế.

Tôi cứ đập mãi hai tay xuống sàn, miên man suy nghĩ mà cũng có thể tôi chẳng nghĩ gì cả. Trong đầu trống rỗng, tôi chẳng nhớ gì nữa. Sau đó, hình như tôi đã đứng lên và bước ra khỏi nhà. Ở góc phố, tôi nhớ mình đã cho bà lão ăn xin một đồng xu và nói:

Đây là của chàng trai mặc đồ màu xám. Bà cũng biết anh ấy.

- Cô là vợ chưa cưới của anh ấy à? - Bà lão hỏi.

- Không, tôi là vợ goá của anh ấy, - tôi đáp.

Tôi đã lang thang trên đường phố cho đến tận sáng. Còn bây giờ tôi đang đọc lại những dòng này. Tên của anh là Vladimia.

TỪ CON

Rabindranath Tagore
Nhà văn Ấn Độ – Giải thưởng Nobel 1913

1

Đó là một đêm trăng tròn vào đầu tháng Phagul¹. Mùa xuân tươi mát tỏa làn gió nhẹ đượm hương hoa xoài ra khắp nơi. Những tiếng hót du dương của một con chim papiya ẩn mình trong vòm lá cây rậm rạp của một cây vả già bên thành bể nước bay vào phòng ngủ, có người còn đang thao thức của gia đình nhà Miukoji. Trong phòng, Hêmenta bồn chồn lúc thì dùng ngón tay quăn một món tóc của vợ, lúc thì lấy cái churi² gõ vào chiếc vòng tay của nàng cho nó kêu leng keng, lúc thì kéo chiếc vòng hoa trên đầu nàng để cho nó rủ xuống ngang mặt. Tâm trạng chàng như một làn gió đêm đùa quanh một bụi cây rộ hoa mà nó ưa thích, lay qua lay lại nhẹ nhàng, hy vọng khuấy động nàng trở nên hào hứng.

Song Kuxum vẫn ngồi yên không động dậy, nhìn qua khung cửa sổ để mở, đôi mắt đắm nhìn vào ánh trăng

1. Một trong những tháng của lịch Hindu, tương ứng với tháng hai – ba dương lịch.

2. Vòng đeo ở mắt cá chân.

sâu thẳm trong khoảng không vô tận bên ngoài. Nàng không để ý đến sự vuốt ve của chồng.

Cuối cùng, Hêmanta nắm lấy cả hai tay vợ, vừa lắc nhẹ vừa nói: "Kuxum, em ở nơi nào thế? Anh kiên nhẫn tìm kiếm em qua một kính viễn vọng lớn cũng chỉ phát hiện ra em như một chấm nhỏ – em như đã lùi xa lắt xa lơ. Ôi, em hãy sát lại gần anh, em thân yêu. Em hãy nhìn xem đêm nay mới đẹp làm sao!".

Kuxum đảo mắt từ khoảng không trống rỗng quay nhìn chồng và chậm rãi nói: "Em biết một câu thần chú có thể trong khoảnh khắc đập tan đêm xuân này và vầng trăng thành từng mảnh".

"Nếu em biết" Hêmanta cười "xin em đừng thốt ra. Nếu như câu thần chú nào của em có thể đem lại ba, bốn ngày chủ nhật trong một tuần lễ và kéo dài ban đêm tới năm giờ chiều hôm sau thì xin em cứ niệm".

Vừa nói chàng vừa cố kéo vợ lại gần mình thêm một chút. Kuxum gỡ ra khỏi vòng tay chồng, nói: "Anh biết không, đêm nay em thêm được nói với anh cái điều mà em đã nguyện chỉ sẽ tiết lộ vào giờ phút hấp hối. Đêm nay, em cảm thấy đủ sức chịu đựng bất kỳ hình phạt nào có thể giáng xuống đầu em".

Hêmanta vừa toan nói đùa về các loại hình phạt bằng cách đọc một câu thơ của Jayadêyal¹ thì bỗng nghe tiếng một đôi dép thoăn thoắt tiến lại gần, ra chiều giận dữ. Đó là bước chân quen thuộc của cha chàng, ông Hariba

1. Một nhà thơ Ấn Độ chuyên viết về đề tài đạo đức.

Miukoji, và vì chẳng có chuyện gì nên Hêmanta vô cùng bối rối.

Đứng bên ngoài cửa phòng ông Hariba gầm lên:

"Hêmanta, đuổi ngay con vợ mày ra khỏi nhà này đi"

Hêmanta nhìn vợ mà không hề thấy chút ngạc nhiên nào trên nét mặt nàng. Nàng chỉ gục đầu vào lòng hai bàn tay, với tất cả sức lực và sự mãnh liệt của tâm hồn nàng cầu ước có thể ngay lập tức tan vào hư vô. Vẫn con papiya thả tiếng hót vào căn phòng theo làn gió nam, song không ai nghe thấy. Vẻ đẹp của trái đất thật vô cùng – nhưng, hỡi ôi, mọi vật sao mà dễ bị làm cho méo mó.

2

Từ bên ngoài trở vào Hêmanta hỏi vợ:

"Có thật thế không?"

"Thật thế Kuxum trả lời."

"Sao em không bảo anh từ lâu?"

"Em đã gắng thử nhiều lần, song đều không sao nói ra được. Em là một con đàn bà khốn nạn".

"Thế bây giờ em kể hết anh nghe đi".

Kuxum trang nghiêm kể lại câu chuyện của mình, giọng rần rỏ không hề run rẩy. Nàng như lợi chân không qua lửa, những bước chậm mà quả quyết và không ai biết nàng bị cháy bỏng đến mức độ nào. Sau khi nghe nàng kể hết, Hêmanta đứng dậy ra ngoài.

Kuxum nghĩ chồng đi hẳn không bao giờ trở lại với mình nữa. Điều đó với nàng chẳng có gì là lạ. Nàng coi nó cũng tự nhiên như bất kỳ sự kiện nào khác trong cuộc

sống hàng ngày? Trong mấy phút vừa qua tâm hồn nàng đã trở nên khô khan và thờ ơ. Duy có điều nàng thấy cuộc đời và tình yêu dường như là một sự trống rỗng, thậm chí, hồi ức về những lời thề non hẹn biển mà chồng nàng đã nói với nàng trước ngày cưới chỉ đem lại trên môi nàng một nụ cười khô héo, sắt đá, rầu rĩ, giống như một lưỡi dao sắc độc ác đâm qua trái tim nàng. Nàng đang nghĩ rằng có lẽ cái tình yêu dường như làm đầy ắp cuộc đời ta, cái tình yêu kéo theo biết bao trù mến và tình cảm sâu xa, cái tình yêu khiến giây phút xa nhau ngắn ngủi nhất cũng đau đớn tột cùng và chỉ một khoảnh khắc đoàn tụ cũng rất đổi ngọt ngào, cái tình yêu tưởng như rộng lớn mênh mông và vĩnh cửu và không ai có thể tưởng tượng nó sẽ chấm dứt, dù là ở những kiếp sau - đấy chính mới là tình yêu! Vậy mà ở ta chỗ dựa của nó thật là yếu ớt vừa mới dựa vào tôn giáo, tình yêu “vĩnh cửu” của ta đã tan vụn ra thành một nhúm đất bụi. Mới cách đây giây lát Hémant vừa thì thầm với nàng: “Đêm nay mới đẹp làm sao!”. Vẫn cái đêm ấy chưa tàn, vẫn con chim papiya kia còn đang hót líu lo, vẫn ngọn gió nam còn đang thổi vào gian phòng làm lay động chiếc diêm che giường, vẫn ánh trăng kia còn đang sóng soài ngủ trên chiếc giường kê sát khung cửa sổ để mở như một giai nhân mệt mỏi vì vui sướng. Tất cả những cái ấy đều hư ảo! Tình yêu còn trá ngụy hơn cả bản thân nàng!

3

Sáng hôm sau, qua một đêm không ngủ nom phờ phạc và như kẻ mất trí. Hémanta đến nhà bác Piri

Xanka Gôxan. “Có gì mới không con?” Pin Xanka chào hỏi chàng.

Bùng lên như một đám cháy lớn. Hêmanta nói, giọng run lên: “Ông đã làm nhơ nhục đẳng cấp của chúng tôi. Ông gieo tai họa xuống đầu chúng tôi. Và ông sẽ phải đền tội”. Chàng không nói thêm được gì nữa, chàng cảm thấy nghẹn ngào.

“Còn anh thì đã bảo vệ đẳng cấp của tôi, giúp tôi khỏi bị xua đuổi ra khỏi cộng đồng và thân ái vỗ vai tôi” Piri Xanka vừa nói vừa khẽ mỉm cười mỉa mai.

Hêmanta những muốn ngọn lửa uất khí Bà La Môn của mình có thể thiêu Piri Xanka thành tro trong khoảnh khắc song cơn cuồng nộ đó chỉ đốt cháy rục bản thân chàng. Piri Xanka vẫn ngồi trước mặt, nguyên vẹn và hoàn toàn khỏe mạnh.

“Tôi đã bao giờ làm hại ông điều gì?” Hêmanta hỏi, giọng dứt quăng.

“Tôi xin hỏi anh một câu” Pi ri Xanka nói. “Con gái tôi - đứa con duy nhất của tôi - nó đã làm hại gì bố anh? Khi ấy anh còn bé tí và có lẽ chưa biết chuyện. Vậy thì hãy nghe đây. Nào, đừng có nổi nóng. Những điều tôi sắp kể ra đây buồn cười đáo để.

Anh còn rất nhỏ khi Nabakanta, con rể tôi, ăn cắp đồ nữ trang của con gái tôi rồi bỏ sang Anh. Anh có thể thật sự nhớ trong làng xôn xao như thế nào khi nó trở về năm năm sau với danh hiệu luật sư. Hoặc giả có lẽ anh cũng không biết sự việc đó vì lúc bấy giờ anh đang theo học ở Cancota. Cha anh mạo nhận cương vị đứng đầu giáo phái đã tuyên bố rằng, nếu tôi cho con gái về nhà chồng

thì tôi phải dứt khoát từ nó và không bao giờ được cho nó bước qua ngưỡng cửa nhà tôi. Tôi quỳ xuống chân cha anh và nài xin: "Bác ơi, bác châm chúoc cho tôi chuyện này. Tôi sẽ bắt thằng con rể tôi ăn phân bò và chịu lễ Prayachil tam¹. Xin bác nhận nó trở lại trong đẳng cấp. Song bố anh vẫn khăng khăng không nghe. Về phần tôi, tôi không thể từ đứa con duy nhất của mình, và sau khi từ biệt làng xóm, bà con thân thích, tôi ra Cancota. Cả ở đó tôi vẫn không thoát nợ. Sau khi tôi thu xếp xong xuôi mọi thứ để làm lễ cưới cho thằng cháu gọi tôi bằng chú thì bố anh đã khích họ nhà gái, khiến họ xóa bỏ lời đính ước. Khi ấy tôi đã thề độc rằng, chừng nào còn một giọt máu Bà La Môn trong huyết quản tôi còn trả thù. Bây giờ anh đã phần nào hiểu câu chuyện rồi đấy nhỉ? Nhưng hãy đợi thêm một chút nữa, anh sẽ thích thú khi tôi kể xong toàn bộ câu chuyện hay đấy.

Khi đang học cao đẳng có một ông tên là Biprada Chatoji, ở gần nhà trọ của anh. Tội nghiệp ông ta bây giờ chết rồi. Trong nhà ông ta hồi ấy có một cô bé góa chồng lên là Kuxum, nó là một đứa bé mồ côi nghèo khổ, con một quý ông dòng họ Kayextha. Con bé rất xinh, ông già Bà La Môn kia muốn giữ cho nó thoát khỏi cái nhìn hau háu của đám sinh viên. Song đối với một cô gái trẻ thì việc che mắt ông già giám hộ chẳng khó khăn gì. Cô bé

1. Thời đó, rời đất nước Ấn Độ, vượt biển ra nước ngoài bị coi là một trọng tội về mặt xã hội. Kẻ nào làm điều đó khi trở về sẽ không được làng nước thừa nhận. Nếu muốn được tha thứ, anh ta phải chịu lễ tẩy rửa, gọi là lễ prayaceittam, làm lễ đó anh ta phải ném phân bò để cho mình trở nên trong sạch.

thường trèo lên mái nhà để phơi quần áo và tôi chắc rằng anh thấy mái nhà của anh là chỗ thích hợp nhất để học hành. Tôi không biết hai anh chị có trò chuyện với nhau những lúc mỗi bên ở trên mái nhà mình không, song cung cách của cô gái khiến ông già đâm nghi ngờ. Cô bé thường lằm lằm trong công việc nội trợ và cũng giống như Pabati¹ một lòng sùng đạo, nó dần dần bỏ ăn, biếng ngủ. Một buổi tối, nó òa lên khóc trước mặt ông già mà chẳng có lý do gì rõ rệt.

Cuối cùng, ông già phát hiện ra rằng hai anh chị rất hay gặp nhau trên mái nhà và thậm chí anh còn đi đến trốn học ở nhà trường để ngồi trên mái nhà giữa buổi trưa với quyển sách cầm tay anh bỗng trở nên rất thích học riêng lẻ. Ông già Biprada tìm đến hỏi ý kiến tôi và kể cho tôi nghe mọi chuyện. “Thưa bác” tôi nói với ông ta “lâu nay bác vẫn ấp ủ khát vọng được làm một cuộc hành hương tới Bénaret², bác nên tiến hành việc ấy bây giờ và cứ giao cô gái của bác cho tôi chăm nom”.

Thế là ông ấy ra đi. Tôi xếp cô gái ở nhà Xnpati Chatoji, bảo đó là bố đẻ nó. Những điều xảy ra tiếp theo thì anh đã biết. Hôm nay tôi cảm thấy nhẹ hẫng người vì đã kể anh nghe từ đầu đến đuôi. Nghe cũng có vẻ tiểu thuyết đấy chứ? Tôi cũng muốn viết nó ra thành sách và đem in, nhưng bản thân tôi không phải là nhà văn. Người ta bảo rằng cháu tôi có năng khiếu ấy, tôi sẽ thuyết phục nó viết cho tôi. Song tốt hơn hết là anh nên

1. Vợ của thần Siva, thần phá hoại.

2. Thành phố thánh địa của người Ấn Độ bên bờ sông Hằng.

hợp tác với nó, bởi vì phần kết thúc câu chuyện thì tôi không biết rõ lắm.

Không để ý lắm đến những lời kết luận của Piri Xanka, Hêmanta hỏi: "Kuxum có phản đối cuộc hôn nhân ấy không?".

"Ồ" Piri Xanka nói: "Cũng khó mà đoán được. Anh bạn ạ, anh cũng biết bụng dạ đàn bà nó thế nào: miệng nói "không" mà bụng lại nghĩ có". Suốt mấy ngày đầu sau khi dọn đến nhà mới nó gần như phát điên lên vì không gặp được anh. Hình như bằng cách nào đó, anh cũng đã phát hiện ra địa chỉ mới của nó, bởi vì mỗi khi đi đến trường anh thường lạc đường và cứ loay quanh trước cửa nhà Xripah. Đôi mắt anh chẳng có vẻ gì đích thực là tìm trường cao đẳng, bởi vì anh cứ nhìn chằm chằm vào một khung cửa sổ có chấn song của một ngôi nhà tư mà chỉ loài côn trùng và trái tim những chàng trai loạn óc mới lọt qua được. Tôi cảm thấy rất ái ngại cho cả hai anh chị. Tôi thấy việc học tập của anh bị gián đoạn nghiêm trọng và tình cảm của cô gái cũng đáng thương.

Một hôm tôi gọi Kuxum đến gặp tôi và nói: "Hãy nghe ta nói đây, con. Ta già rồi, con không cần phải tế nhị trước mặt ta. Ta biết lòng con đang quyến luyến ai. Tình cảnh anh chàng ấy cũng tuyệt vọng. Ta mong rằng ta có thể khiến hai con được đoàn tụ. Nghe vậy Kuxum bỗng òa lên khóc và bỏ chạy. Mấy tối sau đó tôi đến để liên quan đến anh, và thế là tôi dần dần dẹp được sự rụt rè của nó. Cuối cùng, khi tôi nói là tôi sẽ cố thu xếp một cuộc hôn nhân thì nó hỏi tôi: "Làm thế nào để được như

vậy ạ". "Đừng lo" tôi nói, "ta sẽ nói con là một cô gái Bà La Môn chưa chồng". Bàn luận hồi lâu nó khản khoản tôi dò xem anh có tán thành không. Rõ vớ vẩn", tôi trả lời, "có thể nói anh chàng đã gần phát điên lên, cần gì phải để lộ mọi sự rắc rối ấy với anh ta nữa. Cứ để cho hôn lễ tiến hành êm thấm, rồi thì kết thúc mỹ mãn tức là toàn bộ công việc mỹ mãn. Nhất là chuyện đó chẳng thể nào có cơ hở lọt ra ngoài, vậy thì tại sao vô cớ làm cho anh chàng phải đau khổ suốt đời?".

Tôi không biết Kuxum có tán thành kế hoạch ấy hay không. Đôi khi nó khóc lóc, đôi khi nó yên lặng. Hễ tôi có nói "thôi, hay ta bỏ cuộc" thì nó tỏ ra rất bồn chồn. Khi cơ sự đến nước như vậy tôi cử Xripati đến gặp anh, đề nghị tổ chức cưới, anh đồng ý ngay không chút do dự. Mọi chuyện được thu xếp xong.

Trước ngày ấn định ít lâu, Kuxum đâm buồn bĩnh, một mực tháo lui, khiến tôi phải hết sức khó khăn mới thuyết phục được nó quay trở lại quyết định ban đầu. "Xin bác thôi đi bác ạ" nó cứ liên tục nói với tôi như thế. "Con bé gốc ghêch, cháu nói thế nghĩa là thế nào?" tôi mắng nó". Bây giờ làm sao mà chúng ta có thể rút lui được khi mọi chuyện đã thu xếp đâu vào đó rồi?".

"Bác cứ phao tin là cháu đã chết" nó khản khoản, "rồi gửi cháu đến một nơi nào đó".

"Thế anh chàng kia sẽ ra sao?" tôi nói: "Anh ta hiện giờ đang sung sướng tuyệt trần, mong cho chóng đến ngày mai, khi cái khát vọng ấp ủ bao lâu trở thành sự thực, thế mà hôm nay cháu lại muốn bác nhấn tin cho anh ta là cháu đã chết? Kết quả có thể là ngày mai bác

phải báo cho cháu biết tin anh ta chết và cũng buổi chiều mai lại đến lượt bác nhận tin về cái chết của cháu. Cháu ạ, cháu có hình dung được rằng, ngần này tuổi đầu bác còn có thể phạm tội giết một cô gái và một người Bà La Môn chẳng?".

Cuối cùng, cuộc hôn nhân hạnh phúc được tổ chức vào một giờ tốt lành và tôi cảm thấy nhẹ hẫng người, trút được gánh nặng bốn phận, xong món nợ với chính mình. Những gì xảy ra về sau thì anh biết rõ hơn".

"Sau khi đã gây cho chúng tôi một điều tai hại không thể nào cứu vãn được chẳng lẽ bác không dừng lại được sao?" Hêmanta bật lên nói sau một lát yên lặng, "tại sao bây giờ bác còn nói ra điều bí mật ấy?".

Hết sức bình tĩnh, Piri Xanka trả lời: "Khi thấy tất cả mọi việc chuẩn bị cho đám cưới của Kuxum đã xong tôi tự nhủ: thế đấy, ta đã làm nhơ nhuốc đẳng cấp của một người Bà La Môn, song điều đó chỉ xuất phát từ một ý thức trách nhiệm. Còn đây, đẳng cấp một người Bà La Môn khác đang bị đe dọa và lần này rõ ràng là ta có nhiệm vụ ngăn chặn. Thế là tôi viết thư cho họ nói rằng tôi có thể chứng minh là anh đã lấy con gái một nhà hạ đẳng làm vợ".

Cố hết sức tự kiềm chế, Hêmanta nói: "Thế cô gái mà tôi sắp bỏ này rồi đây sẽ ra sao? Liệu bác có cứu mang cho cô ấy nơi ăn chốn ở không?".

"Tôi đã làm hết phận sự mình" Piri Xanka bình tĩnh trả lời. "Tôi không có bốn phận trông nom vợ thái của người khác. Có ai đấy không? Đem một cốc nước dứa đá

ra mời babu Hêmanta đi, mang cả ít lá trầu không nữa nhé”.

Hêmanta đứng dậy ra về, không đợi thưởng thức sự mến khách sang trọng ấy.

4

Đêm thứ năm của tuần trăng khuyết - trời tối đen. Không có tiếng chim hót. Cây vải bên bể nước nom như một vết mực giầy trên một cái nền nhạt màu hơn. Gió ngân hàng đang chờn vờn quần quanh trong bóng tối như một kẻ mộng du. Những vì sao trên bầu trời mất thao láo không chớp nhìn xuyên qua bóng tối cố gắng dò dôi một bí ẩn sâu xa nào đó.

Trong buồng ngủ không có ánh đèn, Hêmanta đang ngồi bên mép giường kê bên cửa sổ để mở, nhìn đắm đắm ra bóng tối trước mặt. Kuxum nằm trên sàn nhà, hai cánh tay ôm lấy chân chồng, mặt úp vào đôi chân ấy. Thời gian dừng lại như một đại dương chìm trong im lặng. Trên cái nền của màn đêm vĩnh cửu, số phận dường như đã vẽ lên bức tranh duy nhất này cho mọi thời - bốn bề đều là sự hủy diệt, ở giữa là quan tòa và kẻ phạm tội quỳ dưới chân ông.

Lại nghe tiếng dép lẹp lẹp. Đến gần cửa phòng Hariba Muikōji nói: "Tao đã cho mày chừng này thời gian là đủ rồi, không thể gia hạn thêm nữa, đuổi nó ra khỏi nhà đi".

Nghe thấy thế Kuxum ôm chặt lấy chân chồng bằng tất cả sức lực bình sinh của mình, hôn khắp lên đó. Và kính cẩn chào áp trán vào chân chồng nàng lui ra. Hêmanta đứng dậy đi ra cửa, nói:

20 *Truyện ngắn các tác giả đạt giải thưởng: Nobel, O'Henry, Pulitzer, Gorthe...*

“Thưa cha, con không bỏ vợ đâu”.

“Sao! Hariba gầm lên “Thế mày bỏ đẳng cấp của mày à!”.

“Con bất cần đẳng cấp” Hêmanta bình tĩnh trả lời.

“Thế thì cả mày tao cũng từ”.

Nguyễn Tâm dịch

ÔNG ĐẠI BIỂU

Maxvon Der Grun

Nhà văn Đức - Giải thưởng A.v. Droste/
Hill Shoff 1981

Dân thành phố đã biết tin về tai nạn này ngay cả trước khi người của ca đêm trở về nhà vào lúc bảy giờ sáng. Đúng ba giờ hoặc vào khoảng ấy, ở tầng năm khu năm, phía Đông của lò Tia nắng, trần hầm đã sập xuống trên một chiều dài hai mươi mét. Tám người đã bị đất đá lở vùi sống, ba giờ sau năm người được cứu thoát, bị thương nhưng vô sự. Công cuộc cấp cứu ba người còn lại kéo dài. Cuối cùng, lúc mười một giờ sáng đã tìm thấy họ: tất cả đều chết.

Ngoài ra, chẳng còn gì nữa. Một tai nạn, năm người sống sót, ba người chết. Một lần nữa, lại vẫn còn là may. Tối hôm đó, chỉ có những người trực tiếp liên quan là còn bàn tán. Truyền thanh và truyền hình chỉ đưa tin ngắn gọn trong các buổi phát địa phương. Thương cảm về số phận ba người thợ mỏ bị chết để làm gì? Trên thế giới, hàng ngày có biết bao chuyện xảy ra, có những quốc gia bị đảo lộn, có những thành phố sụp đổ, những con sông tràn bờ, những ngọn núi khạc ra lửa và diêm sinh, vậy thì tại sao tại xúc động về số phận ba người, xét cho cùng, chỉ là nạn nhân của nghề nghiệp?

Ở vùng Rua, người ta đã quen với những tin đó, những tin đó là một bộ phận của cuộc sống hàng ngày, như bụi vậy.

Đến trưa, những người chết được đưa lên mặt đất. Tại văn phòng, ban quản trị họp dưới sự chủ tọa của giám đốc và ủy ban xí nghiệp, để bàn về vấn đề ai chịu trách nhiệm thông báo cho các gia đình. Nhiệm vụ này, bạn bè các gia đình lâm nạn cũng như cấp trên thường vẫn tìm cách lẩn tránh, xét cho cùng, không ai muốn chứng kiến những nỗi đau đớn của các gia đình đó, đứng trước mặt họ mà không có được một lời an ủi, như một kẻ tội phạm đến gieo rắc kinh hoàng trong một ngôi nhà đang yên vui. Nhưng rồi người ta cũng tìm được người đi báo tin cho hai gia đình, còn đối với gia đình thứ ba, chẳng ai tự nguyện nhận cả, những người có mặt đều chùn vì trong vòng ba năm, gia đình này đã có hai người con trai chết dưới hầm, còn đứa con trai cuối cùng, anh thợ mỏ hai mươi một tuổi, thì lúc này đang nằm ở nhà xác, sau nhà tắm.

Trong sự im lặng nặng nề, đại biểu xí nghiệp Brinhốp bỗng nói to:

- Tôi đi?

Ông nói bằng một giọng quả quyết, tuy hơi khàn khàn, rồi nhìn mặt các đồng nghiệp đang dờ ra như những mặt nạ, để dò xem, đến phút cuối cùng, may ra có ai gánh đỡ cho ông cái nhiệm vụ này không. Nhưng bảy gương mặt kia chỉ biểu lộ một sự nhẹ nhõm, vì đã có người tự nguyện, không phải rút thăm như thường vẫn phải làm trong những năm qua.

Đồ hèn, Brinhộp nghĩ thầm, khi không thì to mồm lẩm nhẩm đến lúc cần phải nói thì cụp đuôi lại! Thôi được, chuyện đã rồi, mình tự nguyện, nhưng gì thì gì, dứt khoát là không thể lỡ trận bóng đá trên tivi chiều nay được.

Gia đình Hốc mà Brinhộp phải đến thăm, sống ở rìa thành phố, trong một khu nhà tập thể của thợ mỏ, ông cụ Hốc, nghỉ mất sức đã mười năm nay vì bệnh nhiễm bụi xi lich, đang làm vườn trước cửa nhà, Brinhộp nhận ra là ông cụ thỉnh thoảng lại ngừng tay, đứng thẳng lên, lấy bàn tay che bên trên mắt, nhìn ra phố, cái đường phố Brinhộp đã đi để tới đây.

Brinhộp dừng lại ở cửa vườn.

- Chào ông Vinhem? Ông làm việc vừa vừa thôi, còn để dành cho ngày mai nữa chứ! Hôm nay đẹp trời quá? Kể cũng không phải là sớm?

Brinhộp nói chậm rãi, giọng ra vẻ tự nhiên.

Trời đất ơi, ông cụ sướng thật đấy - Brinhộp nghĩ bụng - ung dung tự tại, muốn làm lúc nào thì làm. Mà nhất định là mình không để lỡ trận bóng đá trên tivi.

- A, ông Phít đấy à? - Cụ Hốc nói - Chào! Phải, cỏ mọc khỏe quá, ngày nào cũng phải rầy cỏ, nếu không thì rồi họa với cỏ lẫn lộn - chẳng còn biết đường nào mà lẫn.

Tuyệt đối mình sẽ không để lỡ trận bóng đá, Brinhộp tự nhủ.

Không biết Uvê có chơi không?

- Ông đợi ai à? - Brinhộp hỏi.

- Đợi ? Phải, đợi thằng con trai chưa về. Nó làm ca đêm mà bây giờ đã gần hai giờ rồi. Có lẽ nó làm liên hai ca chẳng, thật là không đúng tí nào. Ông biết không, nó có con bồ rất xinh. Nó cứ khăng khăng định mua xe mô tô. Chắc, ông cũng biết đấy, thanh niên chúng nó bây giờ thích ngao du, chẳng quan tâm gì đến vườn tược đâu. Nhưng việc gì nó cần phải làm thêm giờ, tôi có thể lấy lương hưu cho nó một ít được kia mà.

- Phải, phải - Brinhốp miệng nói, bụng vẫn nghĩ đến trận bóng đá trên ti vi, một giờ nữa sẽ bắt đầu.

- Nhưng bọn trẻ bây giờ chúng muốn cả ông trắng. - Ông già Hốc nói, và trong giọng lộ vẻ bực dọc.

- Thế cậu ta định mua xe “mác” nào? - Ông đại biểu hỏi, bụng lại thầm nghĩ: mua mô tô, thật là ngu ngốc hết sức. Thời buổi này, còn ai nghĩ chuyện mua mô tô nữa kia chứ! Phải là bốn bánh, bốn bánh và có mui bên trên kia. Không biết hôm nay Uvê có chơi không nhỉ?

- Ông đừng hỏi tôi, ông Phít, tôi chẳng hiểu gì cái chuyện ấy đâu. Hình như “mác” gì ấy của Italia. Tôi xin nói ông biết chứ, thời gian gần đây, tối nào nó với con bồ của nó cũng chúi đầu vào các catalô và các tờ quảng cáo. Đằng sau kia kia, trước đây có một cái chuồng bò, bây giờ nó dựng lên một cái ga ra, phải nói là đẹp. Nó còn: trang trí lòe loẹt, nhưng kể ra cũng không phải là xấu. Thanh niên bây giờ, chẳng còn hiểu chúng nó nghĩ gì nữa. - Ông già Hốc mỉm cười, mãn nguyện.

Cứ tán gẫu mãi thế này, đến lượt trận bóng đá quốc tế mất thôi, Brinhốp nghĩ bụng, nhưng lại nói:

- Phải, phải. Thế bao giờ cậu ấy đi mua bình bịch? Có đất lắm không?

- Nó bảo là tuần sau. Kể ra tôi cũng thích, nó nói là nó sẽ đèo tôi đi dự tất cả các cuộc triển lãm phim bồ câu và gà trống. Nhưng không nên gọi là bình bịch vì nó bảo xe của nó êm như ru, không một tiếng động. Đo bằng cái gì gọi là đêxiben ấy, nó bảo thế.

Trời đất ơi, Brinhốp nghĩ thầm, làm sao ông cụ có thể sống thế này được, hết ngày này qua ngày khác?

Mọi người ai cũng biết chuyện mà chẳng một ai nói cho ông cụ hay, là làm sao tình cờ lại là mình phải nói, tự nguyện đến báo tin? Thật vô lý?.... Không biết hôm nay Uvê có chơi không?

Bỗng ông già Hốc hỏi:

- Mà này, Phrit, ông đến đây có việc gì thế? Muốn mua chim bồ câu, hả?

Brinhốp nhìn đồng hồ đeo tay. Cứ thế này, ông ta thầm nghĩ, đến hổng trận bóng đá mất thôi.

- Ông nghỉ phép à? - ông già Hốc lại hỏi.

- Không, ông Vinhem ạ. Tôi đã nghỉ vào tháng ba rồi, để sửa lại cái nhà. Phải, tôi đã xin nghỉ phép vào tháng ba rồi.

- Đúng, đúng, ông Phrit ạ, nghỉ phép nhưng ít ra cũng phải làm một việc gì nghiêm chỉnh chứ. Trước đây tôi vẫn làm thế. Bây giờ thì tôi có thì giờ, nhiều thì giờ.

Phải, Brinhốp thầm nghĩ, muốn thế thì lại phải mất sức.

- Tôi xin nói ông biết chứ, một ngày làm được nhiều việc lắm! Không còn phải vội vã cuống quýt, không còn ai thúc dút mình nữa, quát mình: "Làm đi, làm đi! Nhanh lên!" hay là "Đừng có giả vờ mệt!" Nhưng bây giờ thì hỏng rồi: phổi không còn khỏe nữa. Tôi nói ông biết chứ, tôi luôn luôn lo sợ, khi sương mù xuống, tôi sẽ bị căn bệnh quái ác ấy bóp cho ngạt thở mà chết. Về hưu cũng chẳng sướng gì đâu. Mất sức, kiệt quệ rồi. Nhưng làm thế nào được, đời nó thế... - Phải, phải chúng tôi là dân thợ mà lại - Brinhốp nói và nghĩ thầm, không phải những người thúc dút mình lúc nào cũng là sai mà cả những người cứ để người ta phải thúc dút cũng sai.

- Ông biết không. Nigomaio định bán tất cả chuồng chim bồ câu của ông ta đấy, để dọn vào thành phố ấy, vợ ông ta được thừa kế cái nhà của ông bác, họ dọn đến đấy, nhưng ở đấy thì không được phép nuôi chim, ông có thể mua rẻ được, ông ta có những con chim đưa thư khá lắm, đã đoạt nhiều giải thưởng. Nhưng ông ta không phải loại người hay nói thách đâu.

- Ông ta lấy chỗ chim ấy bao nhiêu? - Brinhốp hỏi. Chết thôi, cứ tán gẫu mãi thế này thì đến trượt trợt bóng đá mất.

- Nếu ông muốn, tôi sẽ nói chuyện với Nigomaio. Hay là ông đến ngay đi, ông ta ở cách đây có mấy nhà thôi. Ấy là nếu ông muốn, nếu ông có thì giờ.

- Không, ông Vinhem ạ - Brinhốp vội vàng đáp - Là vì tôi còn phải làm một việc, lại một lần nữa phải làm một việc, ông hiểu tôi ý tôi nói chứ.

- Trời đất ơi, ông Phrit, có chuyện gì ở mỏ phải không? - Ông già Hốc đắm đắm nhìn Brinhốp.

Lạy chúa, Brinhốp trầm nghĩ, ông ta không đoán ra chuyện gì cả, trong khi chung quanh có đến hàng trăm người đã biết là con trai ông ta chết. Cái bọn hàng xóm láng giềng này, toàn bọn hèn nhát, không một đứa nào báo cho ông già biết, sao mà chúng hèn nhát thế?

Phải, phải....lò Tia nắng, ở khu năm phía Đông... ông biết đấy, xưa ông đã làm việc ở đó.

Sao? Tia nắng à? Khu năm phía Đông à? Phải rồi, chỗ ấy, đất xấu lắm. Thời tôi... tuần nào cũng sụt hầm, một nơi quái ác, tha hồ chèn chống nó vẫn cứ sụt vậy mà người ta vẫn không chịu đóng lò ấy lại là vì than ở đấy tốt, lại rẻ. Vài người hay bị thương có nghĩa lý gì kia chứ? Cái chính là có được nhiều than, và là than tốt. Xưa nay thế và rồi ra sẽ vẫn thế. Chẳng thay đổi gì đâu. Tôi không còn dính dáng với quân kẻ cướp đó nữa thật may.

Hốc nhìn một cặp diều hâu bay qua. Đẹp thật, chúng lượn lơ quanh đây đã mấy ngày nay rồi. Tổ tình với nhau giữa trời cao thế kia hẳn là thú vị!

Trên báo nói là Uvê có tham gia trận này hay không là điều chưa chắc chắn, vết thương cũ chưa thật lành hẳn Brinhốp nghĩ.

- Nhưng mà này - ông cụ bỗng kêu lên- ông bảo sao nhỉ? Khu năm phía Đông. Tầng năm. . . Nhưng mà . . . nhưng mà . . . thằng con tôi làm ở đấy... ông Phrit, có chuyện gì xảy ra thế?

Con trai ông cụ là một chân tả biên cừ khôi. Nếu được chăm sóc cẩn thận, biết đâu đấy, có lẽ cậu ta có thể chơi ở hạng A được. Bây giờ đáng lẽ mình đã được ngồi trước ti vi rồi, nếu mình không xung phong làm cái việc này.

- Ông Vinhem ạ, có tám người bị vùi - ông đại biểu khó khăn lắm mới nói được, rồi ngược mắt nhìn cặp điều hâu lượn. Như tả hữu biên vậy, ông ta tự nhủ thầm - Phải, tám người nhưng đã cứu được năm, còn ba người bị kẹt lại. Ông cũng biết chuyện đó là thế nào rồi...

Ông già Hốc chầm tẩu, trong nỏ không có thuốc lá, nhưng ông cụ cứ đánh mãi hết que diêm này đến que diêm khác, que diêm vút xuống dưới chân ông trông cứ như trò chơi micado.

Hốc lại nhìn về cuối phố.

- Ông bảo là còn kẹt lại ba người à, ông Phrit? Tại sao lại ba? Phải rồi, vì vậy mà thằng con tôi chưa về. Ra là thế. Phải, ra thế - Sau một lát im lặng ngọt ngào, ông già Hốc bỗng cười. - Phải, ông Phrit ạ, ngay từ đầu là ông đến tìm tôi, còn tôi là thằng ngu, tôi cứ tưởng ông đến mua chim bồ câu của Nigomaio đang muốn bán cả chuồng.

Cặp điều hâu vẫn lượn vòng, nhưng ông già Hốc cúi xuống nhìn đồng que diêm dưới chân.

- Phải - ông cụ nhắc lại - ở Tia nắng, đất xưa nay vẫn xộp như bánh ga tô.

Không biết ông cụ đã hiểu ra chưa? Trận đấu sắp bắt đầu đến nơi rồi, Uvê có chơi không?

- Vậy là ông bảo còn ba người bị kẹt. . . nhưng tại sao lại ba, mà không phải là hai.... hay là một.... hay là không một ai hết.... – Bỗng ông Winhem kêu lên. - Tại sao lại không phải là không có một ai bị kẹt, tại sao? Tại sao? Ông Phrit! Tại sao? Vì các ngài giám đốc không muốn hiểu rằng mạng một con người còn giá trị hơn một tấn than chẳng? Phải không? Có phải thế không? Có phải thế không?

Lạy Chúa, ông cụ nói đúng, Brinhốp nghĩ thầm. Đúng quá. Nhưng làm thế nào được? Chẳng lẽ ngừng mọi công việc lại?

Ông già Hốc nhìn về phía nhà, bà vợ đang từ trong nhà đi ra, mắt nhìn về phía cuối phố, không hề để ý đến hai người đàn ông đứng ở cửa vườn. Ngoài phố, đã thấy xuất hiện những người thợ đầu tiên của ca sáng, họ rất hối hả, có người đi như chạy.

Chắc chắn là họ sẽ đến trước máy ti vi của họ kịp giờ, Brinhốp nghĩ thầm.

- Ông Phrit, nhưng tôi sẽ nói với vợ tôi thế nào đây? Nói thế nào? Nói thế nào? Nói thế nào? - Ông già Hốc nhắc đi nhắc lại với một vẻ đau khổ, tuyệt vọng. - Cảm ơn ông rất nhiều lần đã đến cho biết tin, ông Phrit. Nhưng tôi nói với bà vợ tôi thế nào đây? Nói thế nào?

- Để tôi đến gặp bà ấy cho - Brinhốp nói.

Mình điên hay sao thế này! Trời ơi, thật là một ý nghĩ kỳ cục, có lẽ rồi ông cụ sẽ nhờ mình đi báo tin cho toàn thể gia đình ông cụ nữa chắc. Giờ thì có lẽ trận đấu đã bắt đầu rồi.

Ông già Hốc cầm lấy cái kéo cắt cây, đi ra phía hàng rào “chân chim” cao hơn đầu người.

Brinhốp đợi cho vợ ông Hốc quay vào trong nhà ông đứng lại một lúc, hơi do dự. Hành lang sực mùi cá rán và ông nghe thấy bà Hốc đang khua xoong, chảo gì đó. Ông đại biểu dừng hồi lâu trong hành lang, ngực như nghẹn thở. Cuối cùng ông đếm những chiếc khuy trên áo mình, như một đứa trẻ con. Vào hay không vào nào? Vào hay không vào? Ông hấp tấp lấy chân đẩy cánh cửa hé mở. Bà Hốc hơi ngạc nhiên thấy không phải là chồng hay con trai mình mà lại là một người lạ mặt. Vâng! Xin lỗi! Ông muốn gặp chồng tôi? Ông ấy ở ngoài vườn.

Nhưng ông vừa mới nói chuyện với ông ấy kia mà, có phải không?

Phải nói ngay bây giờ, thật nhanh, cho nó xong đi. Nhanh, phải thật nhanh mới được.

Brinhốp không nói. Ông muốn tiến lại gần người phụ nữ, nhưng rồi vẫn cứ đứng bậu cửa, tay xoay xoay cái mũ, tay không ngừng xoay xoay cái mũ.

Ông đại biểu Brinhốp nhìn thấy đôi mắt người phụ nữ mỗi lúc mở một to rồi bà ngã gục lên chiếc ghế. Và kêu lên: Không! Không, không không, không, không! Không thể thế được?

Brinhốp vội vã quay gót, chạy ra. Ông già Hốc vẫn đang cắt những thân cây “chân chim” xanh muốt và nói với Brinhốp:

Cô em vợ tôi sắp đến. Lẽ ra đã phải đến rồi. Đến lấy hoa và mượn cái xẻng. Cô ấy có áo lông thú nhưng lại không có xẻng.

- Ông có thể vào nhà được rồi đấy! - Brinhộp vừa hét to vừa chạy.

- Phải, ông Phrit, phải... nó có con bồ rất xinh... nếu...

Cặp điều hâu đã biến đâu mất.

Khi ông đại biểu Brinhộp ra tới phố, người ông ướt đầm, áo sơmi dán vào người, mồ hôi chảy ròng ròng qua cả lông mày.

Sau đó thì Brinhộp đi như lê bước trên vỉa hè. Trên đường phố, không một bóng người, chẳng thấy ma nào trong khu này. Về đến cuối khu nhà tập thể, nơi chấm dứt con đường, Brinhộp ngồi bệt xuống bãi cỏ bụi bặm bên bờ đường, và lấy khăn lau mặt.

Lạy Chúa, những con người kia họ là cái giống gì không biết? Họ ngồi trước ti vi, há hốc mồm ra nhìn quả bóng tròn. Họ là cái giống gì vậy? Ngồi đấy trố mắt ra mà gào thét. Còn ta?

Không biết Uvê có chơi không nhỉ?

Thanh Quân dịch

MẸ

Cao Hành Kiện
Nhà văn Trung Quốc – Giải thưởng Nobel 2000

Mẹ, mẹ đến rồi sao? Không, mẹ đừng đi? Lâu lắm, lâu lắm rồi con không được gặp mẹ, dường như con không nhận ra được cả hình dáng mẹ. Hơn hai mươi năm rồi, bắt đầu từ một ngày hè năm thứ hai đại học, từ đó về sau không bao giờ con được gặp mẹ nữa. Không, con vẫn còn nằm mơ thấy mẹ một lần, giấc mơ đó hầu như con không nhớ rõ. Mẹ không thay đổi, mẹ vẫn còn nguyên hình dáng như trong bức tranh đã ngả vàng treo trên tường nhà ta, là bức tranh mẹ chụp lúc sinh con ra chưa lâu, mẹ tựa vào lan can, trên lan can bày một chậu hoa. Mẹ mặc một chiếc áo dài, chiếc áo dài khi mẹ mở hòm sắp xếp đồ đạc con đã nhìn thấy. Đó là chiếc áo lụa màu xanh lục trên tô điểm những bông hoa vàng, vải đã bạc màu, bạc và mỏng như đã dùng qua nhiều năm tháng. Mẹ, con vẫn gọi mẹ là mẹ nhé, con đã hơn bốn mươi tuổi rồi. Hai ba, hai tư năm không được gọi tiếng mẹ. Mỗi lần người ta hỏi, mỗi lần nhắc đến mẹ, con đều kể mẹ tội thế này, thế này... Lúc mẹ ra đi; tuổi mẹ còn trẻ hơn tuổi con bây giờ, mẹ mất năm 1961, con còn không biết hồi ra đi mẹ bao nhiêu tuổi, con là đứa con bất hiếu của mẹ? Mẹ có tha thứ cho con không? Đúng vậy, rất ít khi con nhớ

về mẹ, chỉ có đôi lúc loé lên trong trí óc, rồi lại nhanh chóng biến mất. Thậm chí nhiều năm qua, con còn không chuyên tâm nhớ về mẹ lấy một lần. Con còn làm mất tờ khai đăng ký mộ mẹ, con không dám nói điều này với cha và em trai, thật may cậu ấy nhận ra mộ mẹ. Khi cha mất rồi, lúc rồi mộ mẹ chôn chung với cha, em trai đã tìm thấy mộ mẹ trên bãi nghĩa địa gập ghềnh. Con còn nhớ ở bãi tha ma này mộ mẹ nằm bên đường, những mộ mới xung quanh đều đắp đất vàng, giữa là cỏ. Sau này, có một lần con đi công tác qua, ở nhà mấy ngày, đúng vào dịp tết thanh minh, chúng con lại đi tảo mộ mẹ, lúc đó mộ mẹ đã rời xa đường cái, nghĩa địa đã mở rộng lên rất nhiều, nhưng tìm mộ vẫn không khó khăn. Đến nay đã mười lăm, mười sáu năm rồi.

Mộ mẹ sao nhỏ thế này, lọt thỏm giữa đám cỏ tranh um tùm, bia mộ bị chấn bởi một thân dây leo hộ pháp, phải bới ra mới thấy tên mẹ ghi trên bia. Và cả một nửa phần ghi tên tuổi anh em con cũng bị ngập trong bùn đất. Cả đến tấm bia con cũng không có ấn tượng, sao mà lại nhỏ bé đáng thương đến thế, lộ ra trên mặt đất chỉ có một thước, nhưng để chôn theo mẹ cần phải đợi ba năm. Lúc an táng mẹ, con không có mặt. Lúc đó con về nhà ăn tết, ngày mừng 4 hay mừng 5, cậu em rủ đi thăm mẹ. Nếu không có cậu ấy nhắc nhở, chắc là con sẽ không đi. Mẹ ơi, con là đứa con trai bất hiếu... trước khi ra đi mẹ vẫn mong con, mẹ vì con mà chết, còn con lại quên mẹ, mẹ đã sinh ra một đứa con bất hiếu. Những năm qua nó đã bôn ba vì bản thân, trong lòng nó không có gì cả, chỉ có sự nghiệp của riêng nó. Nó là một kẻ lạnh lùng ích kỷ.

Đúng vậy, đến nay nó đã thành công, nó xuất bản nhiều sách, thường xuất hiện trên báo chí, ti vi, truyền thanh; kịch bản của nó cùng lúc được diễn ở nhiều nơi khác nhau. Nó trở thành một nhà văn như ý muốn. Lúc nhỏ nó đã nói nó muốn trở thành một nhà văn. Mẹ ơi, mẹ còn nhớ không? Cái kỳ nghỉ hè năm ấy từ trường đại học về nhà, nó mới mười tám tuổi, nó vẫn như một đứa trẻ, mẹ gọi nó đến nằm bên cạnh mẹ kể cho mẹ nghe chuyện ở trường. Nó nói nó đang viết một kịch bản, nếu kịch của nó được diễn sẽ làm cho mọi người kinh ngạc, mẹ ơi, mẹ nhất định phải đi xem buổi biểu diễn đầu của nó. Lúc đó mẹ cười, mẹ cười đến chảy nước mắt, mẹ có một đứa con trai đáng để tự hào. Nhưng nó đã sớm đưa mẹ sang bên kia thế giới, cái thế giới âm u lạnh lẽo. Thậm chí đến cả lần nhìn mặt mẹ cuối cùng cũng không có. Nó đang mượn sách ở thư viện, kỳ thi vừa kết thúc, nó chuẩn bị mượn một đồng sách mang về đọc trong kỳ nghỉ hè. Nó có một kế hoạch đọc sách rất lớn, ham muốn học hỏi mãnh liệt, nhưng trái tim thì đã tù đọng. Thư ký văn phòng khoa lại gần hỏi: “Bao giờ thì cậu về nhà?”. “Đã đặt vé rồi, khi nào nghỉ thì về”. Nó không hề có một chút linh cảm nào, họ chỉ ngầm ám thị nó mau về nhà. Nhưng nó lại không hiểu được điều đó. Nó không hỏi kỹ càng, nó đã khinh suất cho qua. Nhưng nó lại bỏ ra một ngày vào phố mua sách, mà chỉ mua một hộp bút nhỏ về làm quà, nó dùng hết tiền tiêu vật vào mua sách. Nó đáp chuyến tàu chậm bổ sung cho học sinh về nghỉ hè, tiền đi tàu nó bớt lại để mua sách, trong khi tiền mẹ cho nó làm lộ phí từ mười hôm trước đủ để nó mua vé tàu nhanh.

Trong toa tàu ngột ngạt chật kín, chân người nọ giẫm đạp lên chân người kia, vai người nọ huých vai người kia như cá Sạcdinh trong hộp, mọi người thay phiên nhau leo lên giá đựng hành lý hoặc chui xuống gầm ghế khoanh tròn lại ngủ. Tàu chạy chậm, chốc chốc dừng lại, phải mất hai đêm hai ngày. Nó vác hai túi ba lô đầy chật sách, tay cầm một chiếc ba toong bằng gỗ táo, là quà của một người bạn học nhờ gửi cho bố cậu ta. Trên sân ga nó nhìn thấy cậu em trai và cậu bạn hàng xóm. Mọi người chạy lại xách túi hộ nó, ôm nó, nó vung vẩy ba toong nói cười hớn hở. Ra khỏi nhà ga, mọi người gọi một chiếc xích lô, người lái là một trong số nhóm thanh niên tranh khách của xe buýt với giá rẻ hơn. Các bạn nó đều đi xe đạp theo sau chiếc xích lô như một đoàn hộ vệ. Bọn họ không được như nó được học ở một trường đại học danh tiếng, nó là kẻ may mắn, nó cảm thấy nghi lễ dành cho nó là lẽ đương nhiên. Nó ngồi trên xích lô vẫn cười nói tự nhiên, ngược lại bọn họ chỉ trả lời nhát gừng. Nó vẫn không hề phát hiện ra, nó sao mà đần độn, nó không hề hỏi một câu về mẹ. Cho đến khi nó bước vào trong nhà, người cha loạng choạng ra đón, nó mới như bị sét đánh ngang tai, khóc không ra tiếng.

Trời mùa hè, xác không để được lâu, đợi nó hai ngày hai đêm, lúc nó vẫn đang lắc lư trên tàu, người ta đã mang xác đi hỏa thiêu. Mẹ ơi, con là đứa con trai bất hiếu, trong đầu nó chỉ có bản thân nó. Đúng thế, nó muốn thành đạt, nó muốn có một sự nghiệp vinh quang rạng rỡ, muốn tranh đấu vì thời đại, tổ quốc, dân tộc, nhưng lại đang tâm chôn đi người mẹ của nó, cả đến tờ

đơn đăng ký mộ mẹ nó cũng làm mất. Còn mẹ, chỉ mong ở với con trai nhiều ngày hơn, lúc nó về nhà mẹ nấu cho nó món ăn nó thích, tắm bố cho nó. Mẹ còn để dành mấy cân trứng gà suốt mấy tháng không nở ăn một quả, và để dành cả phiếu mua thịt đổi cho hàng xóm để đợi nó về nấu cho cả nhà bữa cơm đoàn viên. Đó là thập kỷ của thiên tai và nhân tai, trước hai ngày mẹ ra đi, cha đã phát hiện mẹ bị phù thũng. Mẹ từ nông trường của cơ quan trở về, một tháng mẹ có bốn ngày nghỉ, nhưng mẹ chỉ ở nhà một ngày để đem tất cả quần áo bẩn ra giặt, giặt cả chăn đệm mùng màn, để khi con trai trở về tất cả mọi thứ đều tinh tươm sạch sẽ, mẹ có thể cùng con trai yêu quý trò chuyện... Mẹ bận túi bụi suốt cả ngày, rồi lại trở về nông trường, để dành ba ngày nghỉ phép khi nào con trai trở về mới nghỉ. Lúc mẹ đi, quần mắt trũng thâm, mặt vàng bủng. Cha nói, chưa bao giờ thấy mẹ mệt mỏi như thế. Mẹ mang về nhà mấy con cá nông trường phân phát, không nở ăn một miếng, mẹ vất kiệt cả bản thân mình.

Mẹ tình nguyện trở về nông trường. Văn phòng điểm danh, chẳng ai tình nguyện. Ai cũng lấy cớ nhà có con nhỏ, sức khỏe không tốt, nếu có đi thì cũng phải đổi tới những đợt khác, chỉ có mẹ nói con cái trong nhà đã lớn, sức khỏe cũng rất tốt, tuổi không cao, chưa tới bốn mươi. Mẹ luôn là người tích cực, luôn đi đầu trong công việc, đến cả công việc mẹ đảm đương cũng lớn nhất, những người tiên tiến trong mấy năm trở lại không ai được như mẹ đủ tư cách vào Đảng, để bạt cán bộ không ai được bằng mẹ. Nhưng vì bà ngoại thành phần có vấn đề,

không biết có phải là địa chủ hay không. Tuy vậy bà chưa bao giờ làm việc trong nông trường, bà đính ước với người sau này là ông ngoại và nghe nói là mất sớm vì bệnh tật. Bà ở vậy thủ tiết nuôi con, gần như sau này ở cùng với mẹ. Người già đến tuổi xế chiều ngày một khó tính, bà làm âm lên đòi về ở quê, mỗi tháng mẹ phải gửi tiền nuôi bà, còn phải chu cấp cho hai anh em chúng con học hành. Việc con học đại học là một gánh nặng lớn cho gia đình. Em trai lại bước vào tuổi lớn, mẹ mua ở chợ đen về những quả trứng vịt lộn với giá cắt cổ. Mẹ bảo có thể con không được mạnh khỏe là vì lúc dậy thì ăn không đủ chất, vì vậy người rất ân hận.

Mẹ bận suốt cả ngày làm việc nhà. Sáng sớm ngày thứ hai, trời vẫn còn chưa sáng, mẹ vội vàng đón chuyến xe đầu tiên trở về nông trường. Mẹ làm ở nông trường nuôi gà, mẹ không quen với chuyện khắp nông trường chỗ nào cũng là phân gà, mẹ vốn ưa sạch sẽ, với mẹ lao động cũng như làm việc nhà, chỉ cần mẹ đi làm là trại gà sẽ được kỳ cọ sạch sẽ. Hôm đó đồng nghiệp trực ca đêm vào thành phố về không đúng giờ, mẹ lại phải làm thay việc của người ấy. Sáng sớm 5 giờ đổi ca, người mệt mỏi phờ phạc, nhưng vì mẹ rất sạch sẽ, nên lại trở về phòng ở lấy chậu rửa mặt và khăn, những người cùng phòng với mẹ đều đang ngon giấc. Trời vừa ứng ứng sáng, sắp vào một ngày mới. Bình thường mẹ rất sợ nước sông vì em trai người bị chết đuối ở sông năm mười lăm tuổi, mẹ không cho phép con học bơi. Có một lần con và các bạn trốn học đi bơi trở về mẹ về nhà đã phát hiện ra. Mẹ đánh con một trận, đánh đến gãy cả thanh tre. Mẹ chưa

bao giờ đánh con, đó là lần duy nhất. Mẹ sợ sông, mẹ sợ nước sông, nhưng mẹ lại ưa sạch sẽ, nước sông trước khi trời rạng đen ngòm. Mẹ chỉ còn để lại trên bờ chiếc chậu rửa mặt. Tám giờ sáng, cách nông trường ba dặm, một xã viên đi chăn vịt đã phát hiện mẹ trên mặt nước...

Mẹ ơi, mẹ có lạnh không? Mẹ bảo mẹ nằm mơ thấy em trai mẹ, khắp người ướt đầm đũng trước mặt mẹ thì thảo rằng cậu ấy lạnh, rất lạnh... Mẹ ơi, mẹ không nên vì đứa con trai bất hiếu mà lìa bỏ cõi đời sớm như thế. Mẹ vẫn chưa đọc các tác phẩm của nó, mẹ vẫn chưa xem kịch của nó, mẹ vẫn chưa viết cho nó một bài hồi ký. Mẹ hãy trách mắng con đi, con nhìn thấy được điều đó trong ánh mắt mẹ, tại sao mẹ không nói? Mẹ mắng con đi đánh con đi, đánh thật đau vào, đánh đến gãy roi cũng được, con là con trai mẹ, là đứa con bất hiếu! Là đứa con trai lãng quên người mẹ. Con đã nằm mơ nhiều người, là những người con gái con đã yêu và không yêu, là những người con quen và không quen, những người có liên lạc và không liên lạc, chỉ có mẹ, mẹ của con. Hai mươi năm qua, mẹ chỉ xuất hiện trong giấc mơ của con có một lần, và cũng rất mơ hồ, giờ nhớ lại cũng không rõ ràng từng chi tiết. Có lẽ con chưa bao giờ nằm mơ mẹ, đó chỉ là trong sự tưởng tượng của con thôi, hy vọng được sự tha thứ của người mẹ.

Con cảm giận sự vô tình vô nghĩa của chính mình, trong cuộc đại cách mạng văn hóa, con đã đốt đi tấm ảnh duy nhất con có của mẹ, là tấm ảnh chụp mẹ mặc áo dài, không phải là tấm ảnh vẫn treo trên tường lúc cha còn sống, mà là được chụp lúc mẹ mới lấy cha, hồi đó người

còn trẻ, đẹp. Cha mẹ lấy nhau khi cả hai mới mười tám tuổi, có lẽ lúc chụp bức ảnh đó mẹ mới mười chín, mẹ bảo hồi ấy mẹ mới mang thai con, còn con thì lại đốt đi tấm ảnh đó. Đốt cả kỷ ức quý giá về người mẹ, cùng với cả những bản thảo khi đó đang rầm rộ cuộc đại cách mạng “Phá bốn cái cũ”, con sợ những bản thảo chưa in sẽ làm con liên lụy. Giữa đêm gài chặt cửa, chỉ đốt một ngọn đèn dầu vụn cho nhỏ hết bắc, con ngồi trước bếp lò cho từng cuốn, từng cuốn bản thảo vào lò. Cả những cuốn bút ký đọc sách đóng thành tập trong đó có trích dẫn của Kant, Hêghen, Anhxtanh, cả những bản sao có liên quan tới Thái Bình Thiên Quốc và tư liệu lịch sử nghiên cứu thần thoại cổ đại, tất nhiên có cả tùy bút cá nhân. Nhưng cái thời đó chỉ cần người ta đào bới ra một câu chữ không thích hợp là có thể phải mang công nghe dấu tố. Khi xé những cuốn bút ký đó, tấm ảnh mẹ rơi ra. Con nhặt lên, không do dự ném vào bếp. Tấm ảnh đau đớn quần quại và nhanh chóng ngả sang màu vàng, con muốn cầm lên xem lại, chỉ nghe có tiếng như tiếng thổ dài rồi thành tro. Then cửa đã chốt, lửa cháy đến bỏng rất mặt, lưng dầm mồ hôi lạnh, con giống như một kẻ phạm tội, không phải vì đã đốt đi vật kỷ niệm quý giá nhất còn lại của mẹ, mà là sợ người ta phát hiện có chứng cứ thiêu hủy tài liệu. Nhưng con đâu có tội? Con không phải là con cháu của phần tử chống phá cách mạng, mẹ không phải là đã rất trong sạch đó ư? Ông ngoại là nhân viên ngân hàng, có lẽ nên gọi là viên chức cao cấp, thế nên không bao giờ con nghe mẹ kể về hoàn cảnh gia đình túng quẫn. Viên chức cao cấp tội không nặng bằng phần tử phản động, mẹ của con là người

trong sạch. Khi tốt nghiệp trung học mẹ còn tham gia Hội cứu vong, mẹ bảo đoàn thể này giống một tổ chức cận kề của Đảng. Lấy cha rồi, mẹ ra khỏi tổ chức, cha không muốn mẹ mạo hiểm vào những rủi ro chính trị, ông muốn có một gia đình bình yên êm ấm, suốt đời ông vẫn là một người bình thường với ít nhiều nhu nhược. Con còn nhớ hồi còn nhỏ mẹ hay dạy con những bài hát cứu vong Trên sông Tùng Hoa, Ca nữ dưới gót sắt, và diễn bài Hãy cắt đuôi sam của bạn, ở nhà còn dạy con và em trai hát Quạ và chim sẻ, khán giả duy nhất là cha hút thuốc cười cổ vũ. Chỉ vì tấm áo dài của mẹ, tấm ảnh chụp mẹ mặc áo dài lụa hoa, mặc áo dài tất nhiên được liệt vào "bốn cái cũ", lại còn lụa hoa nữa, chắc chắn không phải là tượng trưng của sự nghèo nàn. Con đã đốt đi ký ức quý giá nhất về mẹ, vì con khiếp sợ, một nỗi sợ không tên, có lẽ nó không phải là không tên, đó là nỗi sợ bị người ta nghi ngờ là con cái của phần tử xấu, vì thế con trai mới nỗ tâm đốt mẹ.

Mẹ ơi, đó là đứa con trai mẹ nuôi dưỡng bằng dòng sữa của người. Nó chưa bao giờ thừa nhận nó sợ, nhưng nó đã từng sợ. Mẹ ơi mẹ đừng nhìn con như thế, mẹ không nên tha thứ cho đứa con bất hiếu. Lỗi lầm này không thể tha thứ. Mẹ buồn bã thế. Mẹ không nói lấy một câu, cứ nhìn con như thế. Mẹ ngồi cạnh cửa trước mặt con, mẹ vẫn mặc chiếc áo dài, là chiếc áo trong tấm ảnh treo trên tường khi cha còn sống. Vầng trán gây guộc, ánh mắt trong sáng nhìn thẳng vào con. Mẹ nói đi, mẹ nhất định có nhiều lời để nói, lúc mẹ vùng vẫy trong khúc sông đen ngòm mẹ vẫn còn nhớ tới đứa con trai mẹ.

Người ta nói không phải mẹ bị hãm hại, bác sĩ kiểm tra thì thể nói trên mặt và đầu mẹ đều dính bùn, theo phân tích, đó là căn bệnh não thiếu máu nhất thời. Mẹ ngồi bên sông rửa mặt, khi đứng lên, tất cả trước mắt tối sầm lại, một cơn chóng mặt đã làm mẹ ngã xuống nước. Mẹ rất sợ nước nhưng mẹ lại ưa sạch sẽ, mẹ ơi mẹ đừng đi, hãy ở lại cùng con. Mẹ ơi, con cũng giống mẹ, cũng mệt mỏi, mệt mỏi vô cùng. Những năm vừa qua con vùng vẫy trong vực xoáy của cuộc đời, bốn ba phiêu dạt, con cũng đã phải về nông thôn, cũng đã qua vùng núi, cũng phải bị bơm giặt quần áo bằng nước sông, cũng đã chìm trong sự tuyệt vọng thăm thẳm, rồi lại bám được vào bờ. Mẹ ơi, con muốn được mẹ vuốt ve một lần nữa, như hồi bé nằm trong lòng mẹ. Mẹ ơi, mẹ đi đâu thế, tro xong mẹ đã tản mát rồi, lúc cái mộ tiểu dựng tro đã tích đầy nước. Ngày con và em trai hợp táng cha mẹ, trời nắng đẹp gió rất to, trong một cái hốc giữa mộ, tìm thấy bia mộ người bị một thân dây leo hộ pháp rễ cứng như kim cương đâm vào làm cho tiểu bị hở nắp. Cái cây mọc giữa kẽ hở của nắp tiểu, nhiều năm qua, những chiếc rễ dài màu hồng tím mọc giống những ngón tay thô kệch, nước mưa ngấm dần vào làm tiểu tích đầy nước.

Bức ảnh lồng gương mẹ trên tiểu đã bị ố nước không nhìn rõ mặt. Nắp tiểu cũng bị xê dịch như có người mở ra không dậy khít lại. Phu đắp huyết dùng xẻng đào đất, miệng ngậm thuốc, tiếng xẻng chạm vào tiểu sành nghe thê thảm. Cậu em nhờ cậy bạn bè, khắp ban quản lý nghĩa địa này đâu cũng là người quen của cậu ấy ngoài hai đồng phí cải mộ làm thu nhập cho ban quản lý, còn

phải tặng cho đám người đào mộ một bao thuốc. Đằng xa có tiếng người nạt nộ, trong bãi tha ma ngoài chúng tôi ra không còn một ai, chắc chắn là gọi chúng tôi. Một người đội mũ cỏ nhảy qua các ngôi mộ đến chỗ chúng tôi.

- Các anh làm gì ở đây? - Anh ta hùng hổ nạt.

- Cậu em vội vàng mời anh ta một điếu thuốc, nhưng anh ta không cầm.

- Các anh thông qua ai?

- Đây không phải là nghĩa địa công cộng? - Tôi hỏi.

- Nghĩa địa công cộng cũng là đất của đội sản xuất - Anh ta cộc cằn trả lời.

- Hút điếu thuốc đi, em trai lại đưa ra điếu thuốc và rút trong túi ra một đồng.

- Không nói năng gì đã động thổ rồi. Anh ta nhét tiền vào túi, giắt điếu thuốc lên vành tai, hăm hăm bỏ đi.

Gió vẫn thổi mạnh, mặt trời rất sáng. Tiếng xẻng chạm vào tiểu sành nghe sầm uất, u uất. Tiểu đã vỡ, nước đọng lại chảy chậm chậm qua những kẽ hở xuống đất. Mẹ ơi, mẹ ở nơi này không yên giấc. Con dùng một chiếc khăn lụa đỏ bọc hộp tro xương mẹ, ôm trước ngực đi phía trước, em trai đi đằng sau. Mẹ ơi, con không thể tiễn đưa mẹ, lúc đó trời nồng nực không để xác được lâu.

Chúng con đi trên đê giữa nghĩa địa, gió rất to, con nghe thấy tiếng động trong tiểu sành, mẹ ngủ không yên.

Mộ mới nằm lại bên đường, con đường nặng chình chịch những tiếng chân người đưa tang. Vẫn còn một

chút của ký ức đã mất, lại mọc lên đầy cỏ dại và dây leo hộ pháp.

Người phu huyết mở nắp mộ xây bằng xi măng vuông nửa mét, sâu một thước, đặt tiểu của mẹ và cha lại gần nhau. Họ làm rất nhanh, vị trí mộ đã chuẩn bị sẵn, bên đường vẫn còn hơn mười cái làm bằng xi măng vẫn chưa đầy nắp.

- Đây là mảnh đất cuối cùng của nghĩa địa. Chúng ta còn may mắn chán, sau này chỉ còn cách xây mộ cao tầng mà đặt tiểu.

Người phu huyết nói.

Trên mộ đặt vòng hoa, em trai đang xòe diêm, gió rất to, cậu ấy phải quẹt liên mấy que, trong chốc lát vòng hoa giấy bị ngọn lửa liếm tới. Em trai vội vàng đến đứng cúi đầu cạnh con. Con nghĩ con nên quỳ xuống, quỳ một lúc lâu để cúi lạy người đã sinh ra chúng con, quỳ lạy trước mặt cha mẹ, đó là một sự cần thiết của tâm linh. Người xưa còn viết trường ca để khóc, trường ca cũng là cần thiết. Nhưng con đã không quỳ, cũng không hề khóc, đó chính là chỗ nhỏ bé của con.

Lửa bùng rất mạnh. Lúc con đốt bức ảnh mẹ, lửa cũng bùng rất mạnh. Sợi lạt buộc vòng hoa nổ nhẹ. Gió rất mạnh, lửa bùng bùng. Trong ngọn lửa màu vàng nhạt còn có khói màu xanh nhạt. Có một vòng hoa dựng đứng, lảo nhào, mẹ, có phải đó là linh hồn bất an của người, con muốn nó cứ lảo nhào mãi, mang theo ngọn lửa bùng bùng lên không trung, để thể hiện sự trách mắng với đứa con bất hiếu. Nhưng vòng hoa đã lật nhào, người phu đào huyết dùng xẻng hất nó lên, để đổ lan vào mộ của người

khác. Các mộ chỉ cách nhau có hai thước. Âm gian cũng chật chội rồi. Con không có cách nào mua được một mảnh đất xây mộ rộng rãi hơn. Đây là quy định đến cả kích thước bia mộ to hay nhỏ cũng có quy định. Cao nhất là một mét, chúng con đành đặt tám bia một mét.

- Có cái nào to hơn không? Con hỏi.

- Không có.

Tám bia mộ một mét lớn hơn tám cũ, nhưng tám bia một mét chôn vào, chừa lại trên mặt đất cũng chẳng là bao.

Sau đó chúng con ra khỏi khu nghĩa địa. Không lập khắc bia, chỉ dùng sơn đỏ viết ký hiệu lên trên nắp xi măng, mấy dòng ký hiệu, mấy hàng số con cũng không nhớ rõ.

Trong nhà bán bia, người chủ chỉ cho con xem nhiều kiểu bia xếp chồng chất chưa khắc, cái một mét đúng là to nhất. Có hai kiểu khắc bia mộ, con chọn kiểu cũ: "Bia mộ cha mẹ" bởi vì con là con trai của cha mẹ, gọi như thế không lẫn với bạn bè. Con cũng chưa lập mộ bia cho bố mẹ, xong tang lễ, con lại vội vàng ra đi, bởi vì khắc một tấm bia phải mất ít nhất nửa tháng, còn phải nhờ những người làm ở nghĩa trang là bạn của em trai, bởi nếu không có quan hệ từ trước, còn không biết sẽ bị gác đến bao giờ. Vì thế giới này là thế giới của những người sống.

Mẹ ơi, mẹ rời thế giới này ra đi quá sớm, con trai của mẹ vẫn chưa an ủi được cho mẹ. Ngày hôm nay nó có một chút thành tựu, vênh vang tự đắc khi được ngợi khen, mà quên mất mẹ là người dạy nó chữ cái đầu tiên. Lúc nó mắc bệnh thập tử nhất sinh, mẹ bán hết số nữ

trang ít ỏi dành dụm được, suốt đêm túc trực ở bệnh viện trông nó. Trước ngày giải phóng, cha bị thất nghiệp, cả gia đình trông chờ vào bàn tay tần tảo của mẹ, nhờ vào bán đồ nữ trang và vay mượn để sống. Mẹ vẫn không quên mua giấy và tự tay đóng cho con trai mấy tập vở để nó viết nhật ký mỗi ngày.

Khi nó lớn hơn một chút, mẹ còn đưa nó ra phố mua vải may áo, nó còn trách móc mẹ chọn vải chọn màu lâu làm lãng phí thời gian quý báu của nó, giữa đường còn nổi cáu bỏ về nhà. Nó là đứa không hiểu được đạo lý, lạnh lùng. Nó vĩnh viễn không thể nào bù đắp nỗi tình cảm yêu thương mẹ đã cho nó bằng cả tâm huyết và cuộc đời.

Lúc này, mẹ đã đứng trước mặt con. Cuối cùng con đã nhìn rõ mẹ, mẹ vẫn mặc chiếc áo dài bạc màu như trong tấm ảnh lồng dưới khung kính treo trên tường khi cha còn chưa mất. Bức ảnh đã ố vàng, màu áo cũng lấm chấm vàng. Nhưng con biết đó là tấm áo dài sa nền màu xanh lục trên điểm những bông hoa vàng, giặt nhiều đến bạc màu như chăn đệm cũ. Ngày hợp táng cha mẹ tại sao con không bảo em trai tìm chiếc áo dài đó, bọc lấy hộp tro xương mẹ? Không, mẹ nuôi con thành người, còn con ngược lại chưa bao giờ may cho mẹ một bộ quần áo để tỏ lòng hiếu lễ. Khi hợp táng cho mẹ và cha, tại sao con không may cho mẹ một bộ quần áo mềm mại ấm áp, tại sao không may cho mẹ một chiếc áo dài, một chiếc áo bằng lụa đen, con đã đốt đi chiếc áo lụa hoa mẹ mặc trong tấm ảnh chụp khi mang thai con, sau này cuộc sống khó khăn mẹ đã mang chiếc áo bán cho hiệu quần

áo cũ. Tại sao con không nghĩ ra việc may cho mẹ một chiếc áo dài. Mẹ ơi, mẹ không có cách tha thứ cho đứa con trai bất hiếu, mẹ cho nó tất cả, còn nó, nó chưa mang tặng mẹ được một thứ gì. Bây giờ nó đã trở thành người có tên tuổi, nhưng nó vẫn mãi mãi chỉ là một kẻ nhỏ bé!

Mẹ không nói một câu, ở cái thế giới âm u, ẩm ướt, không ánh mặt trời, chắc mẹ rất lạnh? Cha, cha thế nào rồi, trước hôm mất một hôm, cha nằm giường bệnh nói chuyện với một người bạn đến thăm cha, có nhắc đến con, cha không đồng ý về việc con viết lách, cha nói đó là một công việc nguy hiểm, con nói thời đại đã khác rồi, nhưng cha vẫn cứ lo lắng cho con, còn con thì chẳng bao giờ nằm mơ về cha. Sao mẹ không nói? Mẹ! Mẹ không nói một câu? Mẹ đã đi rồi, quay lưng ra đi như thế, mắt hút đàng sau cánh cửa.

Trình Bảo dịch

LÁ SỐ TỬ VI

Rabindranath Tagore

Nhà văn Ấn Độ - Giải thưởng Nobel 1913

Ở thời buổi hùng tráng xa xưa, đàn ông phải chinh phục vợ mình bằng lòng dũng cảm. Chỉ có lòng dũng cảm mới xứng đáng với sắc đẹp.

Tôi đã chinh phục vợ tôi bằng một mưu mẹo hèn nhất, nhưng mãi về sau vợ tôi mới biết. Tuy nhiên, tôi có thể quả quyết rằng, những gì tôi đã chiếm lấy bằng gian lận, tôi đã cố tỏ ra xứng đáng sau ngày cưới và trả giá hàng ngày.

Đàn ông hầu hết quên mất rằng quyền vợ chồng phải được tái lập hàng ngày. Nhờ tờ chứng chỉ mà xã hội trao cho, họ đến nhận món hàng của họ tại hải quan; rồi sau đó không nghĩ gì đến nó nữa. Họ ứng xử như đã được trao tất cả quyền uy của một viên cảnh sát kẻ chỉ do khoác bộ đồng phục mà có quyền trong tay. Cởi bỏ bộ đồng phục kia đi là ngay lập tức họ trở thành những kẻ bất tài nhất trong giới đàn ông.

Hôn nhân là một bản nhạc mà người ta diễn tấu trọn đời. Lời ca chỉ là một điệp khúc đơn giản nhưng có hàng ngàn cách ứng tấu khác nhau hàng ngày.

Chính Xunêtorô đã giúp tôi hiểu ra lẽ đó rõ ràng biết bao. Tình yêu của nàng dồi dào và tráng lệ không cùng. Tưởng như luôn luôn nghe thấy ngoài cổng tiếng nhạc cười trong các hộp âm Xahama (làn điệu Ấn Độ) suốt các năm, tháng trong đời. Ở sở về, hôm thì tôi thấy một cốc kem bằng quả phanxa, riêng màu kem đã là một niềm vui cho đôi mắt, bên cạnh, đặt trên một cái khay bạc nhỏ là một nhành hoa nhài mà hương thơm đã đón quyền lấy tôi ngay khi bước chân vào phòng. Hôm thì tôi thấy một cốc nước cốt dừa ướp lạnh và một nhành hoa hướng dương cắm trong lọ. Đánh rằng tất cả những cái đó không là gì to tát nhưng tôi hiểu rằng mọi tình cảm và ý nghĩ của Xunêtorô đều hướng về tôi, ngày nào cũng như mới. Cảm thụ được cái thường lệ và quen thuộc với một cảm xúc tươi mới, chính là thiên bẩm của một nghệ sĩ. Con người thông thường chỉ biết nhìn và hành động theo thói quen. Xunêtorô phải có thiên tư về tình yêu mới có thể sáng tạo ra những cách thức mới để chiều người nàng yêu.

Aruna, con gái của hai vợ chồng, tôi năm nay mười bảy, bằng tuổi Xunêtorô khi tôi cưới nàng. Xunêtorô nay đã ba mươi tám nhưng nàng vẫn rất chăm chú đến hình dáng và cách ăn mặc, coi đó là một nghi thức hàng ngày, một phẩm vật dâng lên người nàng yêu quý.

Xunêtorô thích mặc những tấm xari trắng viền đen của Xanhpua¹. Nàng không hề phản đối những lời đã kích hàng ngoại của những người tuyên truyền cho các xưởng dệt khadda, nhưng không bao giờ chịu dùng hàng của các

1. Một làng ở Benga, nổi tiếng về hàng dệt.

xưởng dệt này. Nàng bảo: “Cái tôi thích là khung cửi và sự khéo léo của người thợ dệt thủ công. Họ là những nghệ sĩ, chọn sợi để dệt như tôi chọn tấm vải đã dệt”. Xunêtorra biết rằng một tấm xari trắng nhẹ gọi ra nhiều màu sắc khác nhau tùy theo từng lúc, và mặc nó nàng sẽ gây một ấn tượng thay đổi mà vẫn không có vẻ ăn mặc cầu kỳ. Nàng biết chân trời tiềm thức của tôi sẽ bừng sáng khi thấy nàng ăn mặc duyên dáng như vậy. Tôi sung sướng không biết vì sao. Ở mỗi người chúng ta có một người bí hiểm không cùng, chỉ tình yêu mới có cái chìa khóa vàng để mở còn tính kiêu ngạo, như giấy bạc giả, không tài nào khám phá được. Trong hai mươi một năm, Xunêtorra đã dâng cho tôi phẩm vật cao quý là tình yêu của nàng, là tất cả trái tim nàng và tâm hồn nàng. Ở dấu son nhỏ trên vầng trán thanh tao, hàng ngày nàng viết lên đó lời thông điệp của sự kỳ diệu vô tận ấy. Tôi là trung tâm vũ trụ của nàng, mà được như vậy chẳng phải tôi đã làm một điều gì khác với bất cứ ai. Tình yêu khám phá ra cái phi thường trong cái thông thường.

Kinh thánh dạy chúng ta: “Hãy tự biết mình. Tôi hiểu ra bản thân mình trong niềm vui thấy có một người khác đã hiểu thực được tôi trong tình yêu”.

Cha tôi ở trong ban giám đốc một ngân hàng nổi tiếng. Tôi vào làm ngành này nhưng người ta không để cho tôi làm một nhân viên nhân rồi. Tôi bị quản lý, bị cột chặt vào công việc bàn giấy mà tôi thấy không thích hợp cả về tinh thần lẫn thể xác. Tôi muốn làm kỹ sư thủy lâm để có thể sống ở ngoài trời thoáng đãng và được hưởng các lạc thú săn bắn, nhưng cha tôi chỉ nghĩ đến

địa vị và danh vọng. Ông bảo với tôi rằng ít có dịp người ta giao một chức vụ trong ngân hàng như một người Bengan. Vì vậy, tôi đành phải nghe. Và lại đối với con mắt phụ nữ chức vụ của người đàn ông là điều rất quan trọng. Chồng chị gái Xunêtorà là giáo sư chính ngạch khiến đám phụ nữ nhà ấy có quyền ngẩng cao đầu. Nếu tôi chỉ là một kỹ sư lâm nghiệp, không lúc nào ở yên một chỗ, chiếc mũ cứng kiểu thuộc địa xùm xụp trên đầu và sần nhà phủ đầy những tấm da hổ, da gấu, cố nhiên cuộc sống ấy chắc không làm tôi béo phì ra như bây giờ, nhưng nó cũng sẽ không đem lại cho tôi một vị trí xã hội sánh được với những người láng giềng danh giá.

Biết đâu việc đó chẳng làm tổn thương đến lòng kiêu hãnh của đám phụ nữ nhà tôi! Nhưng cái căng thẳng của công việc bàn giấy ngồi cố định một chỗ đã nhanh chóng bắt đầu giảm sút về trai trẻ của tôi. Người khác có lẽ đã chịu đựng sự thay đổi ấy với một thái độ thản nhiên, không coi vóc dáng phục phịch là một tai họa. Nhưng tôi thì không thể chấp nhận một cách bình thản như vậy được. Tôi biết Xunêtorà đã đến với tôi không chỉ vì các phẩm chất mà còn vì vẻ tuấn tú của tôi nữa. Cái vòng hoa hôn lễ do chính ông Tạo kết thành, ngày nay cũng không thể thiếu được như hồi tôi tặng nàng lần đầu tiên. Xunêtorà vẫn còn giữ được nét xuân sắc kỳ lạ trong khi vẻ trai trẻ của tôi giảm sút nhanh chóng, chỉ để lại cho tôi một tài khoản lớn hơn tại ngân hàng.

Vợ chồng tôi như thế nào hồi mới gặp nhau, tôi có thể dễ dàng thấy khi nhìn con gái với người bạn trai Xailen của nó. Tôi thấy bình minh của tuổi trẻ hai đứa thắm

đượm những màu sắc ấm áp như chính những màu sắc đã tô lên cuộc sống tươi trẻ của chúng tôi vẻ rực rỡ tựa ánh nắng ban mai. Nhìn Xailen tôi như thấy lại mình trong từng đường nét của cơ thể nó, tôi như còn thấy cả những cái sức sống sôi nổi và cái nhiệt tình phong phú ấy, đôi khi cũng cái nổi lo lắng và vẻ ỉu xiu đột ngột ấy khi một niềm hy vọng nào đó không được thực hiện. Con đường tôi đã đi qua này đang trước mặt Xailen và nó đang cố tìm cách giành được sự quý mến của Xunêtorra, chẳng để ý gì đến tôi. Mặt khác, Aruna bố nó thông cảm với nỗi đau của nó, đôi khi nó đến ngồi bên chân tôi trên một chiếc ghế mây nhỏ, không nói không rằng, biết mẹ nó có thể cứng rắn, nhưng tôi thì không thể thế được.

Không phải mẹ nó không hiểu chuyện gì làm cho con gái đau khổ, nhưng nàng cho rằng đó chẳng qua chỉ là những tiếng sấm âm ỉ của cơn bão buổi sáng, rồi sẽ qua đi trong ngày. Tôi không nhất trí với nàng. Người ta có thể làm xẹp một cơn hấu đói nếu cứ không dọn cho ăn, song tìm ai đã bị kim đâm một lần rồi thì sẽ không còn ham thích một mối tình trẻ nữa khi bàn ăn được dọn ra lần thứ hai. Lời ca ban mai sẽ không còn vang lên lạnh lạnh lúc giữa trưa nữa. Các bậc cha mẹ bảo: “Hãy để đến tuổi biết suy nghĩ, rồi hẵng hay...”. Hỡi ôi, tuổi biết suy nghĩ lại ở bên bờ đối lập với tuổi yêu đương.

Cách đây bốn hôm, tháng Badra (tháng bảy - tháng tám) đã mở màn bằng những cơn mưa lớn đầu mùa. Dưới những trận mưa như thác, các ngôi nhà gỗ và gạch ở Cancota như bị mềm đi và những âm thanh chói tai của thành phố bị nghẹt lại như giọng nói nghẹn ngào

nước mắt. Mẹ Aruna tưởng con gái đang ở trong phòng sách học thi, nhưng khi tôi vào lấy một cuốn sách thì thấy nó đang ngồi bên khung cửa sổ để mở trong bóng tối lúc chiều tà. Nó chưa chải đầu và mỗi cơn gió đông lại tấp những giọt nước mưa vào các bím tóc lò xo của nó. Không để Xunêtorra biết, tôi viết ngay vài chữ cho Xailen bảo đến uống trà với chúng tôi, và cho xe đi đón. Khi Xailen tới, dễ thấy Xunêtorra không thật hài lòng với cuộc đến thăm bất ngờ này. Tôi nói ngay:

- Bác cho gọi cháu, vì với vốn liếng nghèo nàn của bác về toán, bác không đi sâu vào nổi môn vật lý hiện đại. Bác cần hiểu về lý thuyết lượng tử nhưng thấy vốn kiến thức của mình quá cũ kỹ và quá ít ỏi cho việc học hỏi này.

Tôi giải thích lý do như vậy với Xailen.

Cố nhiên, việc nghiên cứu môn vật lý hiện đại của tôi đã chẳng đi xa được bao nhiêu. Tôi cảm thấy con bé Aruna đã hiểu cái mẹo nhỏ và mừng được một người bố lý tưởng. Tôi và Xailen vừa mới bắt đầu đi vào thuyết lượng tử thì có tiếng chuông điện thoại. Tôi vội ra nghe, dặn lại:

- Có lẽ có chuyện gì cấp bách đây. Hai đứa ra chơi bóng bàn đi, khi nào ta dứt được khỏi công việc này trở lại hăng hay.

Tôi cầm ống nghe: "A lô". Tiếng nói trong máy xin số mười hai, tôi trả lời: "Không phải, đây là số bảy mươi". Tôi đặt ống nghe xuống, rồi về buồng riêng ở tầng dưới, cầm lấy một tờ báo cũ cố đọc. Khi trời tối hẳn tôi thấp đèn lên. Lúc bấy giờ, Xunêtorra bước vào buồng tôi, vẻ mặt rất nghiêm. Tôi mỉm cười, nói:

- Nha khí tượng mà nhìn thấy em lúc này, chắc phải dự báo là trời sắp bão.

Xunêtorra không đáp lại câu đùa đó. Nàng hỏi:

- Sao anh bao dung như vậy với Xailen?

- Ở nó có cái gì cho phép người ta bao dung - tôi đáp.

- Nếu ngăn được hai đứa không cho chúng gặp nhau ít lâu thì trò trẻ con ấy sẽ qua đi thôi.

- Nhưng cần gì phải giết chết cái mà em gọi là trò con trẻ? Năm tháng trôi qua, chúng nó sẽ mỗi ngày một già và không bao giờ tìm lại được tuổi trẻ này.

- Anh không tin ở các vì sao chiếu mệnh sao? Còn em thì tin. Hai đứa này không hợp nhau.

- Anh không biết các vì sao chiếu mệnh của chúng gặp nhau như thế nào và khi nào, nhưng dễ thấy là các vì sao ấy đã gặp nhau trong trái tim hai đứa.

- Anh không bao giờ chịu hiểu em! Những bạn đời thật sự của mỗi người đã được ấn định ngay lúc chúng ta sinh ra. Nếu để cho mình bị mê hoặc vì một sự say mê nhất thời mà đi chấp nhận người khác thì vô tình mình đã phạm tội thiếu lòng tin, đau khổ và nguy hiểm rồi sẽ đến để trừng phạt ta.

- Nhưng làm thế nào tìm được người bạn đời thật sự?
- Tôi hỏi.

- Họ có những bức thư giới thiệu do chính các vì sao chiếu mệnh ký tên - Xunêtorra trả lời.

Sự thật không thể che giấu lâu thêm nữa. Ông nhạc tôi, Ajit Kham Battacharia, sinh ra trong một gia đình có truyền thống thông thạo tiếng Phạn lâu đời. Ông đã

sống qua thời niên thiếu trong bầu không khí trường Phan ở làng quê, về sau đến Canxota, vào đại học và đã đỗ cử nhân toán. Ông rất tin ở môn chiêm tinh học và rất giỏi học thuật này. Cha ông là một nhà triết học luân lý trưởng phái Nyaya, môn đệ của thuyết cho rằng không chứng minh được sự tồn tại của Thượng đế. Bố vợ tôi cũng không tin ở các vị thần nam nữ trong hàng vạn thần miếu ở Ấn Độ. Lòng tin của ông, không biết dùng vào đâu, nay hướng cả vào các vì sao. Nó phát triển thành một thứ cuồng tín. Xunétora lớn lên trong bầu không khí đó bốn bên có các vì sao canh gác.

Tôi là trò yêu của giáo sư Battachana, ông dạy con gái học cùng với tôi. Do vậy, hai chúng tôi đã có vô vàn cơ hội quen biết nhau, và một thứ vô tuyến viễn thông đã báo cho chúng tôi biết rằng mỗi quen biết ấy không vô ích. Bà nhạc tôi là Bihabati cũng được giáo dục như ở thời xưa. Không được tiếp xúc với chồng bà cởi mở và không mang một thành kiến nào. Bà chỉ khác ông ở chỗ không mấy may tin vào các vì sao tuy cũng ngấm tin ở thần hộ mệnh. Một hôm, bị trêu chọc về chuyện đó, bà đáp lại:

- Ông loằng quằng chỗ này chỗ kia, rụt rè chào hỏi đám tôi tớ và gác cổng, còn tôi không tôn kính ai khác ngoài đức vua.

Ông đáp lại

- Bà ơi, rồi một ngày kia bà sẽ phải hối đấy. Có vua hay không có vua, không quan trọng, mà đứng ở đó chính là bọn tôi tớ và gác cổng tay cầm gậy gộc, rồi bà sẽ mang vạ vào thân.

- Tôi bất chấp, tôi sẽ không chịu cúi đầu trước những tên vũ phu đi giày nagra (giày mũi - cong) ở ngoài cửa.

Mẹ xunêtra rất quý mến tôi, tôi có thể giải bày hết với bà mọi nỗi niềm của mình. Một hôm có dịp, tôi thưa với bà.

- Thưa mẹ, mẹ không có con trai và con thì không có mẹ. Xin mẹ cho con con gái của mẹ và đến quỳ xin giáo sư chấp thuận nốt cho con.

- Con thân yêu của mẹ, khoan hãy nói đến sự chấp thuận của giáo sư. Trước hết, con hãy mang cho ta xem số tử vi của con đã.

- Tôi đem lá số tử vi của mình đến đưa bà xem. Bà bảo tôi thế này không xong đâu giáo sư sẽ không bao giờ ưng thuận mà con gái mẹ lại là học trò của bố nó.

- Còn ý mẹ thế nào? - Tôi đánh bạo hỏi:

- Mẹ thì không nói làm gì. Mẹ hiểu con và hiểu lòng dạ con gái mẹ. Mẹ không cần tìm đến các vì sao để biết thêm làm gì.

Tôi rất bức tức về cái trở ngại hoàn toàn vô lý ấy. Nhưng đấu tranh làm sao được với cái hư ảo, khi những ngọn đèn của ta chỉ đánh vào không khí.

Trong khi đó những lời cầu hôn tới tấp đến với Xunêtra và một số đám rất hợp về mặt lá số và cung sao. Nhưng nàng thì không bao giờ lấy chồng và nguyện hiến dâng cả cuộc đời cho khoa học. Cha nàng không biết được lý do thật sự. Quyết định của Xunêtra làm ông nhớ đến tám gương cổ điển của Lilivali, con gái Bátkuracharia.

Nhưng bà mẹ thì hiểu và khóc thầm. Cuối cùng, một hôm bà đưa cho tôi một mảnh giấy và bảo:

- Đây là số tử vi của Xunê-tơ-ra. Con hãy tìm cách sửa lại số tử vi của con đi để hai lá số hợp nhau. Mẹ không đang tâm nhìn con gái mẹ đau khổ.

Tôi không cần kể lại những gì đã xảy ra.

Tôi đã cứu Xunê-tơ-ra khỏi cái mê cung rắc rối bí hiểm của tử vi. Mẹ nàng gạt nước mắt khen tôi:

- Con ơi, con đã làm một việc tốt.

- Chuyện đó diễn ra cách đây hai mươi mốt năm.

- Trời mưa liên miên và gió thổi mỗi lúc một mạnh.

- Anh không thích ánh đèn quá sáng. Anh tắt đi nhé.

Tôi nói, rồi tắt đèn.

Ánh sáng yếu ớt của ngọn đèn ngoài phố le lói hắt vào phòng qua màn mưa.

- Em có coi anh là người bạn đời không, Xuni? - tôi hỏi.

- Anh nói hay nhỉ? Có thật em phải trả lời không?

- Nhưng nếu các cung chiếu mệnh của hai chúng mình không hợp nhau thì sao? - tôi lại hỏi.

- Hợp mà, em biết rõ.

- Chúng mình đã chung sống với nhau lâu rồi. Có bao giờ em ngờ vực về điểm ấy không?

- Em bực lên bây giờ đấy nếu anh còn hỏi em những câu ngớ ngẩn như vậy.

- Em yêu quý, chúng mình đã cùng trải qua bao nhiêu đau buồn! Con trai đầu lòng được tám tháng thì

chết. Trong lúc anh đang mắc bệnh thương hàn, dở sống dở chết thì cha anh qua đời. Khỏi bệnh, anh phát hiện ra ông anh cả anh đã giả mạo chúc thư của cha và lấy đi tất cả di sản. Ngày nay, anh chỉ trông mong vào nghề nghiệp của mình để sống.

Lòng thương yêu của mẹ em là người dẫn đường, là ngôi sao Bắc đẩu của đời anh, thế mà bà bị chết đuối dưới sông cùng với cha em khi về quê nghỉ lễ Puja. Giáo sư cha em, không thông thạo cách làm ăn ở thế giới này, đã để lại những món nợ nặng nề. Anh đã nhận trang trải hết cả. Liệu có phải chính ngôi sao dữ của anh đem lại mọi tai họa này không? Nếu như em biết trước, có lẽ em đã chẳng lấy anh, phải không?

Xunêtra quàng tay ôm lấy tôi không đáp.

- Trong cuộc đời chúng mình, chẳng phải đã có bằng chứng tình yêu mạnh hơn đau thương và vận hạn ư? - Tôi lại hỏi.

- Vâng đúng, đúng anh ạ.

- Vậy em hãy nghĩ xem. Nếu như số tử vi bảo rằng anh sẽ phải chết trước em, chẳng phải anh đã đến bù cho sự mất mát ấy bằng cả cuộc đời anh đó sao?

- Thôi anh, đừng nói nữa, đừng nói thêm gì nữa.

- Xavitori chỉ được chung sống mỗi ngày với Xatiavan. Thế mà, đối với nàng, một ngày chung sống ấy vẫn hơn cả một sự chia ly vĩnh viễn. Nàng đã không sợ cung bạc mệnh.

Xunêtra nín thính. Tôi nói tiếp:

- Aruna yêu Xai len, đó là tất cả những gì chúng ta cần biết. Còn những chuyện khác cứ giấu kín. Em nghĩ sao, Xuni?

Xunêtrơ không trả lời.

- Hồi yêu em, anh đã gặp nhiều khó khăn trở ngại, không biết xoay sở bề nào. Giờ đây, anh không chịu nổi cảnh diễn lại một sự đau khổ cũng tàn nhẫn như thế ở hai cuộc đời non trẻ kia vì bất cứ một cung sao nào. Anh sẽ không cho phép nảy sinh trong óc chúng mình bất cứ mối hoài nghi nào khi so số tử vi của hai đứa với nhau.

Có tiếng chân bước trong gian phòng tầng trên. Xailen ra về. Xunêtrơ vội đứng dậy ra đầu cầu thang bảo:

- Sao cháu về sớm thế, Xailen?

- Thưa bác, đã muộn rồi, cháu không có đồng hồ.

- Xailen hoảng sợ, giọng lí nhí.

- Đã muộn đâu - Xunêtrơ nói - Cháu ở lại ăn tối với nhà bác đã.

- Đó là điều mà tôi gọi là bao dung!

Đêm ấy tôi kể lại với Xunêtrơ chuyện lá số tử vi của tôi.

- Em muốn giá anh đừng kể thì hơn.

- Em sợ cái gì? Sợ bị góa chồng ư?

Xunêtrơ lặng thinh một lúc lâu rồi nói:

- Không đâu, em không sợ gì cả. Nếu phải chết trước bỏ lại anh một mình, đối với em đó là cái chết hai lần.

Hoàng Cường dịch

MÂY VÀ MẶT TRỜI

Rabindranath Tagore

Nhà văn Ấn Độ – Giải thưởng Nobel 1913

1

Hôm trước trời mưa nhưng hôm sau đã không còn dấu hiệu gì của mưa. Mặt trời nhợt nhạt cùng những đám mây rải rác chơi trò dùng bút vẽ quệt những vệt mầu dài lên các cánh đồng lúa thu chín vàng. Cảnh vật xanh rờn bát ngát vừa mới bùng lên thì một mầu trắng rực rỡ do được ánh sáng chạm vào thì liền đó bị lôi lem nhem những mảng bóng râm tối sẫm mát rượi.

Trong khi hai diễn viên, mặt trời và mây, thủ vai trên toàn bộ sân khấu bầu trời, thì vô số vở khác cũng được ỏ dưới, tại những điểm khác nhau trên sân khấu thế gian.

Tại các địa điểm đặc biệt, nơi sắp mở màn một trong những vở kịch nho nhỏ ấy, chúng ta thấy một ngôi nhà bên rìa đường làng. Chỉ có một gian buồng trông ra đường là xây bằng gạch, còn phía kia, một bức tường đã gần đổ nát bao quanh mấy túp nhà tranh vách đất. Từ ngoài đường, qua khung cửa sổ có chấn song sắt, ta có thể nhìn thấy một chàng trai trẻ, mình trần, ngồi trên một tấm phản, thỉnh thoảng dùng cái quạt lá cọ chống

đỡ với không khí nóng và đàn muỗi. Tay trái anh cầm quạt, tay phải cầm quyển sách đang đọc. Phía ngoài, trên con đường làng, một cô bé mặc xari¹ kẻ sọc tại đi lại trước khung cửa sổ chần song nọ, nhón từng quả anh đào chín đen đựng trong vạt lên miệng.

Qua vẻ mặt, có thể nhận thấy ngay cô bé quen thân chàng trai ngồi đọc sách trong nhà và cô muốn bằng cách này hay cách khác vừa khiến anh chú ý lại vừa tỏ cho anh sự khinh khỉnh lạng lẽ của mình: "Anh thấy đấy tôi còn đang bận ăn những quả anh đào da đen, không thêm để ý gì đến anh đâu".

Rủi thay chàng trai đọc sách trong nhà lại cận thị nặng, sự khinh bỉ im lặng kia không chạm được tới anh. Cô bé cũng biết thế cho nên sau nhiều lần đi lại uống công cô thuộc phải dùng hạt anh đào để biểu thị thái độ ngạo mạn không lời nọ.

Sau khi ba bốn hạt anh đào ném hú họa đập vào cánh cửa gỗ, người đọc sách ngẩng đầu lên nhìn ra ngoài. Thấy thế cô bé rành mạch càng tỏ ra chăm chú chọn trong vạt xari những quả anh đào đen ngọt lựng. Nheo mắt, nhú hai hàng lông mày, chàng trai cuối cùng nhận ra cô, đặt sách xuống, tiến ra phía cửa sổ mỉm cười gọi: "Giribala".

1. Y phục duyên dáng của phụ nữ Ấn Độ, gồm một mảnh vải dài khoảng 5m, có thể quấn quanh người theo nhiều kiểu. Màu sắc và cách vận thay đổi theo từng địa phương.

Tuy cố ra vẻ để hết tâm trí vào việc chọn quả đựng trong vạt xari, nhưng Giribala cũng bắt đầu chầm chậm bước về phía cửa sổ.

Bỗng hiểu ra mình đã bị phạt vì một lỗi nào đó mà không biết, chàng trai vội bước ra khỏi nhà và hỏi: - Này, hôm nay sao em không nói cho anh cùng ăn anh đào?

Cô bé giả vờ không nghe thấy thận trọng và chăm chú chọn một quả đưa lên miệng ăn một cách hết sức thản nhiên.

Những quả anh đào này Giribala hái ở vườn nhà và ngày nào cũng đem đến cho anh. Nhưng vì một lẽ nào đó, hôm nay cô xem chừng quên việc ấy và ứng xử hiện thời như muốn nhấn rõ là cô hái những quả anh đào này cho riêng mình thôi.

Nhưng có cái gì không rõ ràng trong câu chuyện. Việc gì phải đi hái quả ở vườn nhà mình rồi đem đến ăn nhem nhẻm trước cửa nhà người khác? Chàng trai chạy ra và chộp lấy tay Giribala. Thoạt tiên cô quay ngoắt đi, vùng vằng, cố gỡ anh ra, rồi đột nhiên òa khóc. Những quả anh đào đựng trong vạt xari rơi lung tung trên mặt đất, cô bé bỏ chạy.

Mặt trời không biết mệt và những bóng râm buổi sáng chạy nhón nhơ mãi cuối cùng chán nên đến chiều thì đứng yên. Các đám mây trắng dồn lại ở một góc trời và ánh chiều tà lấp lánh trên lá cây, trên mặt ao, trên khắp các góc ngách của quang cảnh dầm dề mưa lúc này. Ta lại thấy cô bé đứng trước khung cửa sổ chần song và chàng trai ngồi trong buồng. Khác với lúc trước,

giờ đây cô không còn anh đào đứng trong vạt xari và chàng trai thì không cầm sách ở tay. Hẳn còn những nét khác nữa, sâu sắc hơn và nghiêm trọng hơn.

Khó mà nói là nhu cầu đặc biệt gì bữa chiều ấy cứ thúc đẩy cô bé quay trở lại chỗ này. Bất kể vì lý do gì, nhưng cứ xem thái độ thì hình như cô bé đến không phải vì muốn nói chuyện với chàng trai. Và trong khi cô bé chốc chốc lại cúi xuống tìm kiếm một vật tưởng tượng nào đó thì chàng trai, cố nín cười, cẩn thận chọn từng quả một đưa lên miệng ăn một cách nghiêm trang. Sau cùng, khi thấy một hai hạt rơi cạnh chân mình và thậm chí rơi đúng vào chân mình, Giribala hiểu ra là người ta đã trả miếng cô.

Thái độ như vậy có đúng không? Khi cô đã gạt bỏ mọi tự ái và tìm cách đến làm lành mà đứng lên một trở ngại trên con đường khó khăn đó, chẳng phải là độc ác sao? Cô bé bỗng đỏ mặt, chợt hiểu ra rằng cái mẹo của mình đã bị lộ, toan bỏ chạy thì chàng trai đã lại chạy ra nắm lấy tay.

Lần này cũng vậy, Giribala lại vùng vẫy, cố rút tay ra để chạy trốn như hồi sáng. Nhưng giờ đây, cô không khóc. Cô đỏ mặt, quay đầu đi, giấu mặt sau lưng kẻ hành tội mình, bật cười, rồi như thể bị vũ lực cưỡng ép, cô bước vào phòng giam có chấn song sắt như một người tù.

Hai người ở cái góc nhỏ này trên quả đất đùa giỡn và cũng chỉ nhẹ nhàng, hời hợt và thoáng qua như nắng và mây trên trời.

Nhưng nếu như trò chơi của nắng và mây trên trời quả thật không phải là không quan trọng và trên thực tế không phải là một trò chơi, có chăng chỉ là bề ngoài, thì câu chuyện nhỏ mọn của hai con người vô danh kia trong cảnh thư nhàn một ngày mưa cũng vậy. Câu chuyện có vẻ chẳng lý thú gì giữa hàng trăm sự kiện xảy ra trên thế gian này, nhưng thật ra lại không phải thế. Số mệnh, cái số mệnh kỳ diệu có từ vạn cổ hằng vẫn dệt cuộc đời này lồng vào cuộc đời khác với một sự nhần tâm không lay chuyển, chính cái số mệnh ấy làm cho những mầm sống của niềm vui, nỗi buồn, trong suốt đời cô gái nảy sinh từ những giọt nước mắt và những tiếng cười nhẹ nhàng buổi sáng, buổi chiều hôm đó. Tuy nhiên, nỗi hờn giận vô cớ của cô bé xem chừng là điều không thể hiểu nổi không những đối với các khán giả mà với cả chàng trai, nhân vật chính của lớp kịch nhỏ này. Tại sao Giribala hôm thì giận dỗi, hôm thì lại chan chứa yêu thương? Tại sao hôm thì cô gia tăng khẩu phần anh đào, hôm thì lại không cho? Hiểu được điều đó không phải dễ. Có hôm, như thể trí tưởng tượng mạnh mẽ của cô bé, mọi suy nghĩ, tài khéo léo của cô đều được dồn tụ để làm vui lòng chàng trai, lại có hôm khác dường như cô dốc hết sức lực, nghị lực và nhần tâm để cố làm méch lòng anh. Khi không đạt được mục đích đó cô đâm ra độc ác hơn lên. Nhưng khi thành công thì sự nhần tâm đó tan thành những giọt nước mắt ăn năn, tràn ra thành hàng nghìn con suối yêu thương.

Phần đầu câu chuyện có vẻ nhẹ nhàng như nắng giỡn mây đùa này sẽ được kể trong chương dưới đây.

Cả làng này quanh năm suốt tháng chỉ cãi lộn nhau, bảy mưi tính kế chống đối nhau về chuyện ruộng mía, chuyện kiện cáo bất chính, chuyện buôn bán gai đay, độc có Xasibuxan và Giribala là những người truy nhất quan tâm đến tư tưởng và văn chương.

Không có gì phải lo ngại về chuyện đó vì Giribala mới lên mười còn Xasibuxan vừa mới đỗ cử nhân xong. Họ là láng giềng của nhau.

Ông Harakuma, bố Giribala, trước kia làm đại diện cho viên lãnh chúa làng, nhưng gặp vận rủi, ông đã phải bán hết của cải. Ông nhận làm quản lý cho một lãnh lúa vắng mặt, có nhiệm vụ trông nom khu vực trong huyện ngay nơi ông ở nên không cần phải rời nhà đi xa.

Xasibuxan đã đỗ bằng cử nhân và cả bằng luật sư nhưng chưa kiếm được địa vị gì. Anh không dám hòa nhập với mọi người và phát biểu trong các cuộc họp, dù chỉ vài ba câu. Do cận thị không nhận ra được những người quen biết và hơn nữa, do cú phải nheo mắt để nhìn được rõ hơn nên người ta cho anh là ngạo mạn, khinh người.

Ở một thành phố như Cancota, một biển người thực sự, thì có thể không quan tâm đến người khác cũng được, nhưng trong một làng cư xử như vậy sẽ bị coi là kiêu căng. Cho nên khi bố Xasibuxan, sau nhiều cố gắng vô ích, cuối cùng phải đưa con vô tích sự về trông nom cái cơ ngơi nhỏ bé của ông ở làng quê thì anh phải chịu đựng đủ mọi thứ ngược đãi ngày ngày và chàm chọc của những người láng giềng. Sự hành hạ này còn có một lý

do khác nữa: anh chàng Xasibuxan hiền lành không muốn lấy vợ và các ông bố lo lắng cho con gái đến tuổi lấy chồng coi thái độ hiếm hỹ hôn nhân ấy là một sự kiêu ngạo không thể dung thứ.

Càng bị hành hạ, Xasibuxan càng náu mình vào trong hang. Anh có thói quen ngồi trên tấm phản gỗ kê ở góc buồng với những cuốn sách tiếng Anh bìa bọc da đẹp để bên cạnh và đọc những gì anh thích. Toàn bộ công việc của anh chỉ có thế, Xasibuxan chẳng để tâm gì đến việc quản lý gia sản.

Ta đã thấy Giribala là con người duy nhất mà anh còn giữ mối quan hệ tiếp xúc.

Các anh trai của Giribala đi học và ở trường về là vẫn hỏi đứa em gái đốt nát, lúc thì quả đất có hình dạng gì lúc thì quả đất to hơn mặt trời hay mặt trời to hơn quả đất. Khi cô bé trả lời sai, họ sửa lại với một vẻ cực kỳ khinh bỉ. Nếu Giribala coi ý kiến cho rằng mặt trời lớn hơn quả đất là vô căn cứ vì không có gì chứng minh ngược lại và nếu cô dám táo tợn bày tỏ những gì ngờ vực thì các anh cô ngay lập tức tuyên bố với vẻ rất miệt thị: “Đúng thế đấy! Điều đó đã được ghi trong sách của chúng tao, thế mà mày...”.

Một khi Giribala nghe nói là điều đó đã được viết trong sách in thì cô nín bật, nghĩ rằng không cần phải bằng chứng gì khác nữa.

Trong cô bé trỗi dậy một niềm khao khát lớn: cô cũng muốn đọc những cuốn sách mà các anh cô vẫn đọc. Thế là cô ngồi hàng bao ngày trong buồng với một quyển sách để mở trước mặt, mồm lẩm nhẩm một mình như

đang đọc, tay giở nhanh hết trang này sang trang khác. Những chữ đen nhỏ xa lạ như sắp hàng san sát dài bất tận canh gác một cái cổng lớn bí hiểm nào đó, lưỡi lê nguyên âm vác vai, và không buồn trả lời các câu hỏi của Giribala lấy một tiếng. Cuốn *Ngụ ngôn* không tiết lộ một lời nào về những con hổ, con cáo, con ngựa và con lừa của nó cho cô bé khổ sở vì tò mò, còn cuốn *Truyện kể* đầy tích chuyện thì cũng lặng thính, y như thể đã thề nguyên giữ im lặng.

Giribala nảy ra ý định nhờ các anh hai dạy cô học, nhưng họ không thêm mảy may chú ý đến yêu cầu đó. Người bạn đồng minh duy nhất của cô là Xasibuxan.

Cũng như cuốn *Ngụ ngôn* và *Truyện kể* thoát tiên Xasibuxan đối với Giribala cũng chứa đầy một bí ẩn không sao hiểu nổi. Anh cứ lủi thủi một mình suốt trong gian buồng nhỏ ven đường với khung cửa sổ có chấn song sắt, ngồi trên một tấm phản gỗ, xung quanh chất đầy sách. Đứng bên ngoài, tay vịn những chấn song sắt, cô bé ngạc nhiên nhìn con người kỳ quặc kia đang khom lưng mãi mê đọc sách.

Cô ước tính số lượng sách và trình độ học vấn của Xasibuxan còn hơn các anh cô nhiều. Cô không thể tưởng tượng điều gì kỳ diệu hơn.

Garibala tin chắc Xasitbuxan đã đọc những cuốn sách nổi tiếng nhất thế giới, như cuốn *Ngụ ngôn* v.v... cho nên, khi Xasibuxan lần giở các tranh sách, cô đứng im phăng phắc, cảm thấy chiều sâu kiến thức của anh không sao đo nổi.

Sau cùng, cô bé ngây ngất kia cũng làm cho chính anh chàng cận thị phải chú ý. Một hôm, anh mở một cuốn sách trắng rất bóng bẩy và bảo cô: “Giri, lại đây mà xem tranh ảnh”. Giribala liền bỏ chạy.

Tình bạn giữa hai người bắt đầu như vậy và chúng ta ắt phải tiến hành những tìm tòi lịch sử nếu muốn xác định chính xác cái ngày mà tình thân giữa hai người phát triển đến mức đủ để cho cô bé, sau khi đứng mãi ngoài chần song sắt, bước vào buồng Xasibuxan, chiếm lĩnh vị trí giữa những cuốn sách bìa cứng đặt trên tấm phản gỗ.

Xasibuxan bắt đầu dạy Giribala học. Độc giả của tôi chắc sẽ cười khi biết rằng người thầy không những dạy cho cô học trò nhỏ của mình các chữ cái, chính tả và ngữ pháp, mà còn dịch và đọc to cho cô nghe nhiều bài hay rồi hỏi xem cô nghĩ gì về những tác phẩm ấy. Có trời biết cô bé hiểu được những gì, nhưng rõ ràng là cô yêu thích các bài thơ đó. Giribala vẽ ra trong trí tưởng tượng non trẻ của mình nhiều hình ảnh kỳ diệu, tạo nên bởi những điều cô hiểu và những điều cô không hiểu. Cô bé im lặng hết sức chăm chú lắng nghe hai mắt mở to, thỉnh thoảng đặt một hai câu hỏi ngớ ngẩn, rồi đôi khi nhảy sang một vấn đề khác hoàn toàn chẳng đâu vào đâu. Xasibuxan không bao giờ phản đối những chuyện như vậy trái lại, anh đặc biệt thích thú nghe nhà phê bình nhỏ xú ấy khen chê và bình luận những bài thơ nổi tiếng. Xung quanh anh chỉ có Giribala là người bạn thân, là người có nhận định vững vàng.

Khi Xasibuxan bắt đầu quen biết cô, Giri mới lên tám, bây giờ cô đã lên mười. Trong hai năm ấy, Giri đã học các vần chữ cái tiếng Bengan, tiếng Anh và đã đọc trọn ba bốn cuốn sách dễ. Trong suốt thời gian này, Xasibuxan không hề cảm thấy nỗi cô đơn và buồn chán của hai năm sống ở làng.

3

Nhưng Xasibuxan đã không biết cách thu xếp cho quan hệ giữa anh với ông Harakuma, bố Giribala, được êm đẹp. Hồi đầu ông Harakuma thường hay đến nhờ anh cử nhân luật này giúp ý kiến trong các vụ kiện. Thế nhưng, anh cử nhân nhà ta không tỏ ra quan tâm lắm đến các vấn đề đó và không ngần ngại thú nhận với ông quản lý là mình còn dốt về luật pháp. Ông ta cho rằng đó chỉ là một cách thoái thác. Hai năm trôi qua như vậy.

Gần vào quãng thời gian này, ông quản lý Harakuma thấy nhất thiết phải trưng trị một kẻ thuê nhà bướng bỉnh. Ông khẩn nài Xasibuxan bày cách cho ông truy tố người thuê nhà kia tại nhiều huyện khác nhau về nhiều tội trạng và nhiều đòi hỏi yêu sách khác nhau. Nhưng chẳng những anh đã không bày cách cho ông ta thì chớ. Xasibuxan còn bình thản nhưng kiên quyết nói một đôi điều chẳng lọt tai ông tí nào.

Mặt khác, trong tất cả các vụ kiện người thuê nhà, ông Harakuma không sao thắng nổi lấy một vụ, cho nên ông một mực tin rằng chắc anh đã giúp kẻ khốn khổ kia, và thế sẽ tìm cách tống khứ anh đi ngay khỏi làng.

Thế là Xasibuxan thấy bò cứ lạc vào ruộng nhà anh luôn, rồi số đậu dự trữ của anh bị bốc cháy, ranh giới ruộng đất nhà anh bị tranh chấp, những người thuê nhà không chịu trả tiền, còn định kiện anh nữa. Thậm chí có lời đồn rằng anh sẽ bị đánh nếu đi chơi trong làng ban tối và sẽ có đêm nhà anh bị cháy.

Cuối cùng, anh chàng Xasibuxan hiền lành, không biết làm hại ai bao giờ, chuẩn bị bỏ làng về ẩn náu ở Cancota.

Đúng lúc anh đang thu xếp nhà cửa để ra đi thì ngài phụ tá quan huyện người Anh đến dựng trại ở làng. Lập tức, trong làng nhan nhản cảnh sát, đầu bếp, chó, ngựa, phu coi ngựa và phu quét nhà.

Trẻ con từng đám, tò mò nhưng e sợ, bắt đầu lảng vảng bên ngoài khu trại của quan tây "xahíp" như một bầy chó rừng lảng vảng bên hang hổ.

Ông quản lý Harakuma bắt đầu cung cấp gà, trứng, bơ và sữa như lệ thường. Tất cả những thứ đó ông đều nộp và không quá mức cần thiết. Nhưng một buổi sáng khi người phu quét dọn của quan xahíp đến đòi có ngay bốn ki lô bơ cho chó thì ông Harakuma thấy sự táo tợn ấy thật quá quắt, nên ông giải thích với người hầu kia rằng, tuy chó của quan chắc chắn có thể tiêu hóa được nhiều bơ hơn chó bản xứ nhưng ăn ngần ấy chất béo sẽ không có lợi cho sức khỏe của nó, và ông không chịu cấp bơ.

Người hầu về thưa lại với chủ là y đến nhà viên quản lý hỏi xem có thể mua thịt ở đâu về cho chó, nhưng y đã bị viên quản lý khinh bỉ đuổi đi trước mặt mọi người vì y

thuộc đẳng cấp người phu quét dọn. Như vậy viên quản lý đã không ngần ngại tỏ ra thiếu tôn kính đối với chính quan *xahíp*.

Các quan *xahíp* dễ méch lòng trước sự kiêu ngạo về đẳng cấp của những người Bà La Môn. Lần này lại thấy một người Bà la môn dám cả gan lăng nhục cả một người hầu của mình, quan *xahíp* không ghìm nổi cơn thịnh nộ và lập tức ra lệnh cho tên lính chạy giầy đi gọi ngay viên quản lý.

Ông này run như cây sậy, đến đứng trước nhà rạp của quan *xahíp*, thậm chí tên nữ thần Đócga. Quan tây ở trong nhà bước ra, tiếng giầy nện thình thình, quát to bằng một thứ tiếng Bengan lơ lớ:

- Sao mày dám đuổi tên hầu quét nhà của tao?

Luống cuống hai bàn tay vịn vào nhau, Harakuma vội bẩm với quan rằng ông không khi nào hỗn đến mức dám đuổi người hầu của quan, nhưng người hầu này đòi có ngay bốn ki lô bơ cho chó nên ban đầu ông có nhẹ nhàng nói lại, vì lợi ích của con vật bốn chân kia, rồi sau đó cho người đi khắp nơi kiếm bơ.

Quan hỏi ông đã cử những ai đi và đi những đâu. Harakuma vội kể bừa những tên ông chợt nghĩ ra.

Quan cho ngay người đi điều tra xem có đúng là những người được kể tên kia đã được phái đến các làng lân cận để kiếm bơ không, và trong suốt thời gian đó, quan giữ viên quản lý lại trong nhà rạp của mình.

Đến chiều, những người được sai đi trở về bẩm là không ai được cử đi kiếm bơ cả. Những câu trả lời đó

khiến trong óc quân không còn hoài nghi gì nữa: tất cả những điều tên quản lý đã nói đều là dối trá, chỉ có tên quân hầu là nói đúng sự thật. Thế là nổi trận lôi đình, quan gọi lên hầu và bảo:

- Tóm có tên súc sinh kia và bắt nó chạy quanh nhà rập.

Tên hầu vâng lệnh làm đúng lời quan không chậm một phút, trước mặt đông đảo người xem.

Chuyện này lan nhanh khắp làng và Harakuma về đến nhà người một lử gần chết, không ăn nổi một miếng cơm.

Trong công việc làm ăn, viên quản lý đã gây cho mình nhiều kẻ thù. Nghe được tin này tất cả họ đều mừng rơn, nhưng khi Xasibuxan đang chuẩn bị lên đường, nghe được chuyện đó thì máu trong người anh sôi lên, cả đêm không ngủ.

Sáng hôm sau, anh đến nhà Harakuma. Ông này cầm lấy tay anh, khóc lóc thảm thiết. Xasibuxan bèn nói:

- Ông phải kiện lão xahúp về tội phỉ báng người, tôi sẽ đứng ra làm thầy cãi bên ông.

Thoạt liên Harakuma kinh hãi khi nghe nói đến việc đi kiện cáo chính quan tây, nhưng Xasibuxan cứ nói ráo riết.

Ông xin thư ít lâu để suy nghĩ, nhưng khi biết chuyện này đã lan truyền khắp làng, kẻ thù của ông đang hí hửng ra mặt, thì không do dự nữa, Harakuma đến nhờ Xasibuxan, bảo anh:

- Cháu ơi bác nghe nói cháu sắp sửa đi Cancota mà chẳng vì có gì cần thiết. Cháu không thể làm như vậy cháu ở đây là một chỗ dựa vững chắc cho bà con trong làng. Và lại, thế nào đi nữa thì cháu cũng phải rửa cho bác mỗi túi nhục ghê gớm này.

4

Xasibuxan là người cho đến nay vẫn cố sống một cuộc đời yên tĩnh và ẩn dật, xa lánh con mắt mọi người nay chính anh chàng Xasibuxan ấy sẽ ra trước tòa. Nghe tin vụ kiện, quan huyện gọi anh đến phòng làm việc, tiếp đãi hết sức lịch sự. Ông ta bảo:

- Ông Xasi, ta thu xếp với nhau vụ này một cách êm thấm có hơn không?

Nhưng Xasibuxan, đôi lông mày nhú lại theo thói quen của người cận thị, mắt nhìn chăm chăm vào bìa một cuốn sách luật đặt trên bàn, trả lời anh không thể khuyên khách hàng của mình chấp nhận đề nghị ấy. Anh nói:

- Làm sao khách hàng của tôi có thể hòa giải riêng khi việc lăng nhục đã diễn ra trước công chúng.

Sau khi trao đổi dăm ba câu với anh chàng cận thị ít nói, quan huyện biết là không dễ gì thuyết phục được liền bảo:

- Thôi được, để rồi xem sự thể cuối cùng sẽ ra sao.

Sau đó quan tòa xử án và đi thanh tra một chuyến trong huyện.

Trong khi đó, ngài phụ tá quan huyện viết cho viên chúa đất mấy chữ như sau: “Tên quản lý đất đai của ông đã lảng nhục kẻ hầu của tôi và tỏ ra vô lễ đối với chính tôi nữa. Tôi mong ông sẽ thi hành những biện pháp cần thiết”.

Viên chúa đất bực mình vô cùng và cho gọi ngay Harakuma đến. Ông này kể lại tỉ mỉ toàn bộ sự việc từ đầu chí cuối. Viên chúa đất tức giận lắm, bảo:

- Sao ông không đưa ngay cho tên hầu ấy bốn kilô bơ cho nó xin? Đưa như vậy hỏi có thiệt gì cho ông?

Harakuma phải nhận là gia sản thừa hưởng của gia đình ông không vì thế mà bị thiệt hại, rồi thưa nhận ông đáng bị quả mắng và nói thêm:

- Chính cái vận rủi đã xui tôi hành động ngu ngốc như vậy.

- Thế thì ai bảo ông đi kiện quan *xahíp*? - Viên chúa đất hỏi.

- Tôi xin lấy tất cả lòng ngay thẳng chính trực mà thưa, - Harakuma đáp - Tôi không hề may mắn có ý định kiện cáo, mà chính là gã thanh niên ở làng tôi có tên là Xasibuxan đã đẩy tôi vào vụ rắc rối này. Nó xưa nay chưa bao giờ được đứng ra cãi trong một vụ kiện nào, nó cứ nói ráo riết và hầu như không đợi tôi cho phép.

Nghe thấy thế viên chúa đất nổi giận đùng đùng đối với Xasibuxan. Hắn biết anh chàng này là một thầy cãi mới vào nghề, chẳng tài cán gì và đang tìm cách làm cho mọi người chú ý đến mình hắn ra lệnh cho viên quản lý



rút lại kiện và tìm cách làm nguôi giận ngay hai quan tây, quan chánh lẫn quan phó.

Harakuma bèn đến phòng làm việc của quan phó với món lễ vật gồm quả cây, bánh ngọt để làm dịu bớt cuộc tiếp xúc lần đầu. Ông thưa là bản tính ông không hề có ý định kiện quan, tất cả do tên thầy cãi miệng còn hơi sữa kia, cái đứa không ra gì, cái tên Xasibuxan ở làng ông. Nó đã dám hỗn láo đi kiện cáo, hầu như không cho ông hay. Cả quan xahíp cũng hết sức tức giận Xasibuxan và rất hài lòng về thái độ của viên quản lý, ngài còn nói (bằng tiếng Bengan) ngài lấy làm ân hận đã trừng trị Harakuma. Quan xahíp mới đây giật được một giải thưởng trong kỳ thi về tiếng Bengan, cho nên lúc nào và với ai ngài cũng thêm thắt vào trong câu chuyện những câu nói bằng một thứ tiếng Bengan khoa trương, hơi quá sách vở. Harakuma thưa lại là các bậc cha mẹ trong cơn giận đôi khi trừng phạt con cái, nhưng những lúc khác thì lại âu yếm quàng tay ôm lấy chúng, mà như vậy thì cả các bậc cha mẹ lẫn các con đâu có lấy thế làm buồn.

Thế rồi, sau khi đã quà cáp hậu hĩnh cho tất cả bọn tôi tớ của quan phó, Harakuma lại đến chỗ quan chánh. Trong cuộc gặp gỡ này, được biết thái độ ngạo mạn của Xasibuxan, quan chánh nhận xét.

- Thực vậy ông quản lý ạ, tôi lấy làm lạ rằng, ông mà xưa nay tôi vẫn coi là một người rất biết điều lại vội đi đệ đơn kiện chứ không đến báo tin trước cho tôi hay để tìm cách dàn xếp êm thấm. Lúc đó tôi thấy toàn bộ vụ này thật là vô lý! Bây giờ tôi mới hiểu hết.

Sau cùng, quan hỏi viên quản lý có phải Xasibuxan có chân trong đảng Quốc đại không. Không do dự một phút, Harakuma bảm là có. Cách suy nghĩ thông thường của quan tây, người thuộc giống nòi chinh phục, dẫn quan đến chỗ nhận ra rõ ràng tất cả chuyện này chỉ là một âm mưu của chính đảng Quốc đại. Bọn tay chân lau nhau của đảng ấy len lỏi khắp nơi, tìm mọi cơ hội gây ra những chuyện rắc rối, và viết các bài báo trên tờ Amrila Bada để gây gổ với chính phủ. Quan rửa thắm trong bụng thái độ yếu ớt của chính phủ Ấn Độ, đã không trao khá đủ quyền cho các quan tòa để gi nát dưới gót giày những cái gai ẻo ọt này. Nhưng cái tên Xasibuxan, đảng viên đảng Quốc đại, được ghi vào óc quan.

5

Khi những sự kiện lớn lao trong cuộc sống ngắng cao đầu oai vệ thì những sự việc ít quan trọng hơn cũng không chịu kém, chúng tỏa rộng ra xa cái mạng lưới nhỏ bé nhưng dễ háu đói và đòi chỗ đứng xứng đáng trong các công việc ở thế gian.

Vì thế, trong khi Xasibuxan để hết tâm trí vào các vụ kiện cáo tai hại chống lại quan tòa, tra cứu trong các sách luật, nhặt ra những điều cần ghi lại về luật pháp, mài giũa trong óc những điểm anh muốn nêu lên trong bài cãi của mình, điểm mặt những nhân chứng tưởng tượng, run lấy bầy, vã mồ hôi vì sợ khi hình tượng trong óc phiên tòa đông nghịt và những phần tiếp theo trong bài anh hùng ca của mình, thì chính trong thời gian đó, cô trò nhỏ của anh vẫn tiếp tục đều đặn đến cửa nhà anh

với cuốn sách lem nhem và quyển vở dây mực cầm tay cùng với khi thì bó hoa, gói quả, khi thì chiếc bánh ngọt nhân dừa, lát dẻ ướp hương kêtaki, tất cả đều lấy của mẹ.

Mấy ngày đầu, Giribala nhận thấy Xasibuxan có vẻ lơ đãng, chệnh mảng lật giở các trang trong một quyển sách to dày không có ảnh, trông đến gờm, xem ra không có vẻ đọc thật chăm chú. Những lần khác Xasibuxan thường hay tìm cách giải thích cho cô hiểu, ít ra là một đoạn trong các cuốn sách anh đọc còn trong quyển sách nàng nặng nề, bọc bìa đen kia lại không có một vài chữ anh có thể đọc cho cô nghe được ư? Phải chăng quyển sách kia lại quan trọng đến thế và Giribala nhỏ mọn đến thế ư?

Thoạt tiên, để làm cho ông thầy chú ý, cô bé bắt đầu đánh vần và đọc to các bài học với giọng lên bổng xuống trầm như hát, vừa đọc vừa vung vẩy hai bím tóc và đu người rất mạnh. Nhưng cô thấy mưu của mình không thành. Trong óc, cô vô cùng tức tối với quyển sách đen dày kia mà cô bắt đầu coi như một con người ghê tởm, tàn nhẫn và độc ác. Mỗi trang không hiểu được trong quyển sách mang hình bộ mặt một con người tàn ác và tỏ ra hết sức khinh bỉ Giribala vì cô chỉ là một cô bé. Giá có tên trộm nào cuồn đi cuốn sách đó thì cô sẽ thưởng công cho nó tất cả những quả *casu*¹ cô đã lấy trộm của mẹ. Các vị thần linh không để tai lắng nghe tất cả những lời cầu xin vô lý, không thể thực hiện được mà cô

¹ Chất keo hút nước, lấy ở một thứ cây keo (catêsu) ở Ấn Độ.

bé khẩn thắm để thiêu hủy quyển sách, và tôi nghĩ cũng không cần để các độc giả của tôi nghe những lời cầu xin đó.

Thế là cô bé Giribala tội nghiệp bỏ bằng một hai ngày không cầm sách đến thăm nhà thầy nữa. Sau đấy cô ra con đường nhỏ đi qua cửa buồng Xasibuxan để xem kết quả của hai ngày xa cách kia ra sao. Nhìn vào bên trong, cô thấy Xasibuxan đã gạt cuốn sách đen sang một bên, đang đứng một mình nói với những chấn song sắt bằng một thứ tiếng nước ngoài, tay vung rất mạnh. Có lẽ anh đang thử làm mềm lòng quan tòa trước những chấn song sắt kia.

Là kẻ xưa nay chỉ biết có ngấu nghiêng sách vở, Xasibuxan cho rằng, ngay trong thời buổi văn minh vụ lợi này, không phải không thể lập lại những kỳ tích hùng biện của Đemoxten, Xixêrôn, Buyêchơ, Sêridan v.v... những người thời xa, bằng những mũi tên sắc nhọn của lời nói, đã xé tan bất công, đánh gục bạo chúa và dìm thói kiêu căng ngạo mạn xuống tận bùn đen. Vậy là trong ngôi nhà bé nhỏ, ọp ẹp ở làng Tinkuchi, Xasibuxan đang chuẩn bị sỉ nhục giống nòi người Anh ngạo mạn, mặt đỏ vì men rượu chiến thắng và bắt họ phải hối hận vì những hành vi xấu xa của họ trước toàn thế giới. Các vị thần linh trên trời có cười khi nghe được những lời nói của anh và con mắt thần của các vị có thấy nước mắt hay không, nào ai biết được!

Vì thế anh không để ý gì đến Giribala. Hôm ấy cô bé không mang theo anh đào trong vạt xari. Vì đã bị bắt quả tang khi đang ném hột hồ đào một lần rồi nên cô

không muốn nghe nhắc đến loại quả đó nữa, đến nỗi nếu Xasibuxan có vô tình hỏi: “Giri ơi, hôm nay không có anh đào cho anh à?” thì cô có thể coi đó là một lời châm chọc, kêu “ừ” lên một tiếng, tiếng kêu trách móc quen thuộc của cô, và bỏ chạy.

Do không có hột anh đào, hôm ấy Giribala phải dùng đến một mưu mẹo khác. Bất thần, mắt nhìn ra xa, cô gọi to: “Xoana, bạn ơi, đừng đi vội, mình sẽ đến ngay bây giờ đây!”

Các bạn trai đọc những dòng này chắc sẽ nghĩ rằng câu gọi kia là nói với một cô bạn gái đứng hơi xa một chút nhưng các nữ độc giả của tôi chắc dễ dàng thông hiểu ngay là không có ai ở xa và đích nhắm ở ngay cạnh đấy thôi. Nhưng tiếc thay, mũi tên không trúng mục tiêu, cái anh chàng đuôi mù ở ngay cạnh! Không phải Xasibuxan không nghe thấy mà là anh không hiểu nổi duyên cớ sâu xa của lời gọi đó. Anh nghĩ cô bé thực sự muốn đi chơi với bạn, anh không có can đảm bắt cô bỏ chơi ngồi học, vì chính hôm đó anh cũng đang tìm cách bán những mũi tên sắc nhọn vào một số người. Cũng như cái đích viển vông mà bàn tay bé nhỏ của Giribala nhắm bắn đã không trúng, cái đích quan trọng hơn, được nhắm bắn bởi một bàn tay thành thạo hơn, cũng trượt nốt, như các độc giả của tôi đã biết.

Hột anh đào có cái lợi là có thể ném nhiều lần và giả sử ném trượt bốn lần thì lần thứ năm sẽ có cơ trúng. Còn Xoana tuy hoàn toàn là một nhân vật tưởng tượng, song, không thể cứ đứng chờ mãi khi đã có người bảo: “Mình đến đây”. Nếu cứ bắt cô ta chờ mãi như thế lẽ đương

nhiên mọi người sẽ hoài nghi sự tồn tại của cô ta. Vì vậy, thấy mưu này không thành, Giri đành bỏ đi không chờ nữa, nhưng bước chân cô bé không có cái vẻ nhanh nhẹn lẽ ra phải có nếu thực bụng muốn đến gặp bạn gái đứng đợi ở xa. Tuồng như cô cố đoán tìm ở đằng sau lưng cái cảm giác có người đi theo mình. Khi biết chắc không có ai thì với tia hy vọng mong manh cuối cùng, Giri ngoái đầu lại, và xé tan cái hy vọng bé bỏng tội nghiệp ấy lần cuốn sách học gần long hết trang mà cô vút tung trên đường. Giá trả lại Xasibuxan số kiến thức ít ỏi anh đã dạy cô thì có lẽ cô đã ném nó đánh ám một tràng vào cửa nhà anh như ném các hột anh đào, rồi bỏ đi.

Cô bé thề thảm rằng trước khi gặp lại Xasibuxan sẽ quên hết tất cả các bài học và sẽ không trả lời nổi lấy một câu hỏi nào anh đặt ra, phải, không một câu hỏi nào. Thế rồi sao? – Ừ đó sẽ là một bài học đáng đời cho anh ấy.

Giribala rưng rưng nước mắt. Cô thấy trái tim tổn thương của mình được an ủi đôi phần khi nghĩ rằng Xasibuxan chắc sẽ vô cùng hối hận nếu cô quên hết các bài học anh đã dạy và trong óc tưởng tượng của cô bé bỗng vọt ra một dòng suối xót thương cho cô bé Giribala tội nghiệp này, đã quên mất hết những gì đã học chỉ vì lỗi lầm của Xasibuxan.

Mây chồng chất lên bầu trời như mọi ngày trong mùa mưa Giribala đứng sau một thân cây bên vệ đường khóc vì tự ái. Nhiều cô gái vẫn thường rỏ những giọt nước mắt vô ích như vậy. Đây có phải là một điều đáng ghi lại hay không?



Các độc giả của tôi đều rõ những lí do khiến cho việc tra cứu các sách luật cũng như việc thử tài hùng biện của Xasibuxan không được dùng vào đâu. Vụ kiện viên quan đột ngột bị hủy bỏ. Harakuma được cử làm ủy viên danh dự hội đồng huyện ông thường mặc chiếc áo đuôi tôm nhàu bẩn, đội một cái khăn nhem nhuốc, ra thành phố hầu các quan người Anh.

Rốt cuộc, những lời nguyên rửa của Ginbala đối với quyển sách to đen bắt đầu có kết quả. Nó bị xếp xó ở một góc nhà, phủ đầy bụi. Nhưng Giribala, cái cô gái chắc sẽ xiết bao sung sướng khi thấy cuốn sách kia bị bỏ xó, bây giờ ở đâu?

Hôm Xasibuxan gấp lại các cuốn sách luật, ngồi vọi vọi một mình, anh mới nhận ra Giribala không đến. Lúc bấy giờ, anh mới bắt đầu nhớ lại dần những chuyện đã diễn ra trong mấy ngày qua. Anh nhớ lại cái buổi sáng trong trẻo, hôm ấy Giribala đem đến trong vạt xari một đồng hoa bakun, đầm những giọt nước mưa của mùa mưa mới.

Thấy anh không rời mắt khỏi quyển sách khi cô đi qua, sự hăm hở của Giribala nguội đi ngay và cô lấy kim chỉ gài ở vạt xari bắt đầu khâu những bông hoa bakun, đầu cú cúi gầm. Cô khâu rất chậm, mãi mới làm xong: ngày tàn dần và chẳng mấy chốc đã đến lúc Giribala phải về, thế mà anh vẫn chưa đọc sách xong. Cô bé bỏ tràng hoa lại trên tấm phản gỗ, ra về buồn rười rượi. Anh nhớ lại Giribala đã cảm thấy ngày càng tự ái hơn như thế nào, nhớ cả lúc cô thôi không vào buồng anh

nữa, chỉ ló mặt ở xa xa, trên con đường đất trước cửa sổ buồng anh rồi bỏ đi. Cuối cùng, cả con đường đất ấy cô cũng không đến nữa, và như thế mấy hôm nay rồi. Những cơn bực tức của cô trước kia chưa bao giờ kéo dài đến vậy. Xasibuxan buông một tiếng thở dài, ngồi dựa lưng vào tường, ngơ ngác không biết làm gì. Vắng mặt cô trò nhỏ, anh thấy chán cả sách vở.

Anh kéo về phía mình một hai quyển, nhưng đọc được vài ba trang lại đẩy ra xa. Nếu có cầm cái bút viết, đôi mắt chăm chú của anh thỉnh thoảng lại bồn chồn ngược nhìn về phía con đường đất trước mặt, và anh lại ngừng viết.

Xasibuxan lo rằng Giribala ốm. Anh kín đáo đi nghe ngóng và được biết nỗi lo của mình thật không đâu. Giribala từ nay không ra khỏi nhà nữa. Người ta đã chọn cho cô một người chồng.

Buổi sáng liền ngay sau cái hôm đáng ghi nhớ mà Garibala đã rắc trên con đường làng lầy lội những trang giấy xé từ quyển sách học, cô ra khỏi nhà vào lúc trời còn sớm, chân bước đi thoăn thoắt, vạt xari đựng đủ mọi thứ quà. Sau một đêm mất ngủ vì nóng, từ sáng sớm, ông Harakuma đã cởi trần ra ngồi ngoài trời, hút điệu huka¹. Ông hỏi con gái:

- Mày đi đâu đấy?
- Con lại nhà anh Xasibxan.

1. Loại điệu ở Ấn Độ giống cái điệu bát ở Việt Nam nhưng có khi có nhiều cần điệu để nhiều người cùng hút một lúc.

- Mày không có việc gì mà phải đến nhà thằng Xasibuxan. Đi về ngay - Harakuma mắng.

Sau đó ông nói nhiều với Giribala về hành động của cô, thật đáng xấu hổ với một đứa con gái sắp về nhà chồng. Từ hôm đó cô bé bị cấm không được ra khỏi nhà lần này cô không tìm được dịp nào để nhún mình làm lành với Xasibuxan. Mứt xoài, quả hải nhi ướp chanh ngâm lắm, cứ nằm nguyên trên giá.

Trời vẫn mưa, hoa bakun vẫn cứ rơi, các cây ổi trĩu quả và mặt đất dưới rặng anh đào ngày nào cũng đầy những quả anh đào đen ngọt lịm mà chim mổ rơi từ trên cây xuống. Hối ôi, các trang giấy xé từ quyển sách học không còn ở đấy nữa!

7

Đúng hôm trong làng đàn sáo tấu lên các bài nhạc cho lễ cưới của Garibala thì Xasibuxan không được mời đến dự, đã đi Cancota bằng thuyền.

Từ ngày rút đơn kiện, chỉ nhìn thấy Xasibuxan, Harakuma đã thấy rất khó chịu, vì trong bụng, ông tin rằng anh rất khinh ông. Harakuma bắt đầu khám phá ra hàng nghìn bằng chứng tưởng tượng ở tính nết và thái độ của anh. Tất cả dân làng đều quên dần câu chuyện nhục nhã đã qua của ông rồi, ông nghĩ duy chỉ có Xasibuxan là còn nhớ nguyên. Lần nào gặp anh, Harakuma cũng cảm thấy một nỗi hổ thẹn khiến ông sạm mặt, và kèm theo là một mối ác cảm mạnh mẽ. Ông thể với mình là sẽ tống cổ Xasibuxan đi khỏi làng.

Ép một người như Xasibuxan phải bỏ làng ra đi không khó khăn gì. Vì vậy, ước vọng thâm kín của ông quản lý chẳng mấy chốc trở thành sự thật. Một buổi sáng, Xasibuxan bước lên một chiếc thuyền cùng với một kiện sách và một vài đồ nấu nướng bằng kim loại. Sợi dây hạnh phúc duy nhất gắn bó anh với cái làng này đúng hôm đó đã bị rút đứt. Trước kia anh chưa hiểu hết sợi dây mỏng manh ấy đã trói buộc tìm mình đến thế nào. Hôm nay, lúc con thuyền rời bến, lúc các ngọn cây trong làng và tiếng nhạc hôn lễ mờ chìm dần thì một tấm màn bằng nước mắt bỗng trùm lên các mạch máu trên trán và đập giằng giật làm anh đau đớn. Tất cả cảnh vật bên ngoài nhòa đi như chìm trong màn sương mù, tưởng đâu đó chỉ là một ảo ảnh mơ hồ.

Gió thổi ngược chiều rất mạnh khiến thuyền chạy chậm tuy xuôi dòng. Vừa vùn lúc đó, trên sông xảy ra một chuyện làm chuyển đi của Xasibuxan bị chậm lại.

Gần đây người ta mới mở một tuyến tàu thủy chạy đến tận thị trấn chính của huyện. Chiếc tàu chạy ngược dòng, vừa đi tới vừa nhả khói phì phì, chân vịt xoay như cánh chim tạo thành sóng ở hai bên mạn. Trên tàu có viên quan trẻ người Anh cai quản tuyến đường này cùng với một số hành khách, trong đó có một vài người cùng làng với Xasibuxan.

Một chiếc thuyền nhà buôn cố chạy đua với con tàu đã được một lúc. Có lúc chiếc thuyền suýt đuổi kịp nó nhưng rồi lại bị tụt lại. Tinh thần ganh đua đã nổi dậy ở người lái thuyền. Ông ta giơ thêm một cánh buồm thứ hai lên trên cánh buồm thứ nhất rồi lại kéo thêm một

cánh buồm nhỏ thứ ba nữa lên trên cánh buồm thứ hai.. Cột buồm to lớn oằn cong dưới sức gió, sóng nước bị rẽ đôi nhảy nhót điên cuồng và bắn tung tóe ào ào hai bên mạn thuyền. Con thuyền chúi mũi trước như một con ngựa đứt cương. Đến một chỗ, tàu phải chạy hơi vòng một chút thì thuyền chạy tắt bằng đường thẳng vượt lên. Viên quan Anh ngả người trên lan can tàu, hăm hở theo dõi cuộc đua. Khi chiếc thuyền chạy hết tốc lực, vượt được con tàu khoảng một mét thì viên quan Anh rút súng ngắn bắn một phát vào cánh buồm căng phồng. Loáng một cái, cánh buồm rách toang, chiếc thuyền chìm nghiêng và con tàu thì mất hút sau một khúc sông lượn vòng.

Tại sao người kia lại hành động như vậy? Khó mà nói được. Người Bengan chúng tôi không phải bao giờ cũng hiểu được những gì diễn ra trong óc người Anh. Có thể hẳn ta thấy không thể dung thứ sự cạnh tranh của một chiếc thuyền buồm Ấn Độ; cũng có thể hẳn thấy có một sự thích thú man rợ khi bắn một phát súng vào một cái gì to rộng, căng phồng, bằng một động tác nhanh như chớp; cũng có thể có một sự hài hước hung bạo và quái quái khi loại được khỏi vòng chiến chiếc thuyền kiêu hãnh trong một tích tắc bằng cách khoét thủng mấy lỗ trên tấm buồm của nó. Lý do thế nào, tôi không biết đích xác. Nhưng có điều tôi biết rất chắc chắn, đó là người Anh kia cho rằng hẳn không khi nào bị trừng trị vì cái trò đùa nhỏ nhỏ ấy và hẳn nghĩ rằng những người trên thuyền có cơ bị thiệt mạng nếu thuyền đắm, không thể coi là những con người.

Khi viên quan Anh nổ súng và chiếc thuyền chìm nghiêng thì thuyền của Xasibuxan cũng vừa đến nơi xảy ra tai nạn. Anh chứng kiến cảnh cuối cùng, vội đưa thuyền đến cứu những người bị nạn. Duy có một người đang nghiền gia vị cho bữa ăn ở dưới bếp là không vớt lên được vì nước sông dâng to sau các trận mưa lúc đang chảy xiết.

Máu trong người Xasibuxan sôi lên vì tức giận. Luật pháp hành động rất chậm chạp, nó như một cỗ máy bằng sắt khổng lồ và phức tạp, chấp nhận các bằng chứng sau khi cân nhắc và trừng trị một cách bình thản, nó không có cái nhiệt thành của một trái tim người. Nhưng đối với Xasibuxan, tách rời thức ăn khỏi cái đói, khát vọng khỏi hưởng thụ, cơn tức giận khỏi sự trừng trị, đều là không bình thường: có nhiều tội ác đòi có sự trừng phạt tức khắc bằng chính bàn tay của nhân chúng, ngay sau khi người đó được chứng kiến, nếu không thì... trái tim anh sẽ bị sự bất công giầy vò nhức nhối. Vào những lúc như vậy người ta cảm thấy hổ thẹn trong lòng khi tự an ủi là đã có luật pháp. Nhưng luật pháp do con người làm ra và con tàu cũng do con người làm ra, cả hai thứ đó đã đưa viên quan Anh ra xa Xasibuxan. Không biết xã hội có được lợi lộc gì khác trong chuyện này hay không, nhưng ít ra có điều này là chắc chắn. Xasibuxan nhờ đó bà tránh được cái phiền làm người dân Ấn Độ.

Anh quay trở lại làng cùng với những người đi thuyền anh đã cứu sống. Thuyền chở đầy. Anh cho người vớt số đay ấy lên và cố thuyết phục người chủ thuyền để đơn

kiện viên quan trên tàu thủy. Nhưng người chủ thuyền không muốn đi kiện. Ông ta bảo thuyền của ông đã chìm mất rồi và ông không muốn cùng chìm với nó. Trước hết, ông ta phải dứt lốt bọn cảnh sát dã, rồi bỏ bể công việc, mất cái ăn và thậm chí cả thời gian nghỉ ngơi nữa để lang thang trong các tòa án. Sau đó, có trời biết còn những khó khăn gì nữa sẽ xảy ra cho ông, và có trời biết kết quả sẽ ra sao nếu ông đi kiện một viên quan Anh. Mãi sau khi nghe nói chính Xasibuxan sẽ làm thầy cãi, sẽ chịu hết mọi phí tổn kiện tụng và có rất nhiều khả năng ông được bồi thường thì ông ta mới ưng thuận. Nhưng những người cùng làng với Xasibuxan có mặt trên tàu thủy dứt khoát không chịu đứng ra làm nhân chứng. Họ bảo anh:

- Chúng tôi không nhìn thấy gì hết, ông ạ. Chúng tôi ở đằng sau, không thể nghe thấy tiếng súng vì tiếng máy nổ và sóng vỗ.

Rửa thắm trong bụng những người đồng bào của mình, Xasibuxan cứ bướng bỉnh đưa vụ kiện ra trước tòa.

Không có một nhân chứng nào được gọi ra đối chất. Viên quan Anh nhận là hắn có bắn một phát súng ngắn. Hắn nói hắn nhằm bắn một đàn sếu bay trên trời. Chiếc tàu thủy lúc đó đang chạy hết tốc lực và vừa mới ngoặt theo một quãng sông lượn vòng, vì vậy quả thực hắn không thể biết đã bắn chết một con quạ, một con sếu hay chiếc thuyền đã bị đắm. Trên trời dưới đất thiếu gì thứ để bắn, việc gì một người đầu óc sáng suốt như hắn lại

ngu ngốc phí một viên đạn bắn vào một mảnh vải bẩn thỉu.

Được trắng án viên quan Anh ra về miệng ngậm xì gà đi chơi "uýt" tại câu lạc bộ của hắn. Xác người nghiện gia vị dưới khoang thuyền bị dạt vào bờ cách đó chín dặm, còn Xasibuxan thì trở về làng với niềm căm giận không dịu bớt trong lòng.

Đúng hôm anh trở về Giribala lên đường về nhà chồng trên một chiếc thuyền trang hoàng rực rỡ. Tuy không ai bảo, song Xasibuxan cứ chầm chậm bước về phía bờ sông. Ngoài bến rất đông, nhưng anh đứng hơi xa đấy một chút. Khi thuyền rời các bậc xuống bến chạy qua mặt anh, anh thấp thoáng nhìn thấy cô dâu đang ngồi gục đầu, trùm một vạt xari. Từ lâu Giribala đã mong mỏi có cách nào đó gặp lại Xasibuxan trước khi ra đi, nhưng hôm nay cô thậm chí không biết rằng thầy dạy của mình đang ở cách mình không xa. Không một lần nào cô ngẩng nhìn lên, những giọt nước mắt rơi lã chã trên má trong nỗi sầu muộn âm thầm.

Chiếc thuyền xa dần, chẳng mấy chốc khuất hẳn. Ánh nắng ban mai lấp lánh trên mặt sông; con chim papia¹ đậu trên cành xoài ven sông hót lanh lảnh cố làm vui bớt niềm say sưa trong lòng nó; chiếc phà đầy ắp người qua qua lại lại giữa hai bờ sông, những người đàn bà ra bến lấy nước trò chuyện âm ĩ với nhau về việc Giribala lên đường về nhà chồng; còn Xasibuxan nhắc kính ra chùi mắt, quay bước đi về, rồi vào gian buồng

¹ Một trong những giống chim hót hay nhất vùng Bengan.

nhỏ có chấn song sắt ven đường. Bỗng anh dường như nghe thấy tiếng Giribala gọi: "Anh Xasi, anh ở đâu? Anh ở đâu?" Tiếng nói ấy không ở đâu hết, không ở trong buồng, không ở trên con đường đất, không ở trong làng, mà ở trong trái tim anh.

Và Xasibuxan lại khăn gói đi Cancota. Anh không có việc gì ở Cancota, anh đến đây không có mục đích gì cụ thể. Vì vậy anh không đi xe lửa mà quyết định đi thuyền.

Vào giữa mùa mưa, khắp Bengan là một mạng lưới ngang dọc những con suối lớn, nhỏ chảy ngoằn ngoèo. Các mạch máu của mảnh đất xanh tươi này dường như tràn trề nhựa sống khắp mọi bề, trong các cây to cây con, trong các bụi cây ngọn cỏ, trồng cây ngô, cây đay và cây mía, với sự sung mãn rô đại của một tuổi trẻ hiếu động.

Thuyền của Xasibuxan sẽ đi qua những dòng nước nhỏ hẹp ngoằn ngoèo uốn khúc kia, mặt nước lúc đó đã dâng lên ngang bờ. Những lùm cỏ cao với túp bông trắng phau, những lùm sậy, và ở một vài nơi, những ruộng lúa đều chìm dưới nước. Các khóm tre, rặng xoài và hàng rào ven làng ngập nước sông tưởng đâu những người con gái của các vị thần linh ở mảnh đất Bengan này đã tưới nước đầy đến miệng những hố tròn quanh rễ cây.

Lúc Xasibuxan lên đường, rừng cây lấp lánh, tươi cười và óng ả sau khi được trận mưa tắm tấp, nhưng chẳng mấy chốc mây kéo đến và trời lại mưa. Toàn bộ cảnh vật tối sầm lại, xám xịt. Như lệ thường trong mùa lụt, các đàn gia súc chen chúc nhau trong những ngăn

chuồng chật hẹp, ngập bùn và bẩn thỉu, ướt sũng vì những trận mưa rào liên tiếp tháng bảy, nhẩn nhục chịu đựng số phận của chúng với con mắt đáng thương. Thôn quê Bengan mệt nhọc, lặng lẽ và buồn bã, bị ngập nước liên miên trong dải rừng rậm rạp, bùn lầy và trơn nhầy. Người ta thấy những người dân quê, khoác áo mưa bằng lá cọ, loạng quạng chỗ này chỗ kia, những phụ nữ lo công việc nội trợ hàng ngày quần áo ướt sũng, đi từ lều này sang lều khác, co ro trong làn gió lạnh và ẩm ướt mon men bước xuống các bậc thang trơn nhầy để lấy nước sông. Đàn ông ra ngoài hiên hút thuốc và khi thật cần mới đi ra ngoài, tay cầm dép, quàng khăn lên người và áo mưa trùm đầu. Than ôi! Trong những phong tục lâu đời và đáng kính của chúng ta, không có phong tục trang bị áo mưa cho những người phụ nữ nhẩn nại của mảnh đất Bengan này, trời nắng thì nóng rẫy và trời mưa thì ngập nước.

Thấy trời còn có thể mưa lâu, chán cảnh bị giam hãm trong thuyền, Xasibuxan quyết định chuyển sang đi tiếp bằng xe lửa. Vừa lúc thuyền tới một ngã ba sông rộng, anh cho thuyền cập bờ và chuẩn bị bữa trưa.

Châm ngôn có câu “Chân anh thọt hay sa xuống hố”. Không chỉ tại cái hố, mà còn tại chân anh thọt đặc biệt thích sa xuống hố. Hôm ấy, Xasibuxan đem lại cho chúng ta một bằng chứng hiển nhiên.

Ở chỗ hợp lưu của hai nhánh sông, ngư dân có cắm những cọc tre ở hai bờ và chăng một tấm lưới lợp từ bờ nọ sang bờ kia, chỉ để chừa một khoảng ở một đầu cho tàu bè qua lại. Họ ngăn dòng sông như thế từ lâu và họ



phải nộp một khoản tiền để được phép làm việc đó. Rủi thay, quan chánh cấm chí tôn của huyện lại hạ cố đến đường này. Khi đám dân chài thấy thuyền quan chánh cấm tới, họ kêu to ra hiệu cho người lái thuyền và chỉ lối cho thuyền đi qua bên cạnh. Nhưng người lái thuyền của một quan Tây đầu có quen tôn trọng các hàng rào chắn mà chịu đi vòng, vì thế y cho thuyền đâm thẳng vào lưới. Tấm lưới được hạ xuống lấy lối cho thuyền đi, nhưng bánh lái của thuyền bị mắc vào mắt lưới, phải mất thời gian và công sức mới gỡ được.

Quan cấm nổi giận dừng dưng, mặt đỏ tía tai, lệnh cho thuyền cập bờ. Thấy thái độ dữ tợn của quan bốn người dân chài bỏ chạy. Quan cấm ra lệnh cho các tay chèo trên thuyền cắt đứt tấm lưới. Thế là một tấm lưới rất rộng, giá tới bảy tám trăm ru pi bị cắt nát.

Sau khi trút cơn thịnh nộ lên tấm lưới, cuối cùng quan ra lệnh đi lùng mấy người đánh cá. Không tìm ra bốn người đã chạy trốn, viên cảnh sát tóm cổ bữa bốn người dân chài đầu tiên mà hắn gặp. Họ chấp tay van xin, kêu thưa là không có tội tình gì. Khi quan chánh cấm ra lệnh cho bọn thuộc hạ dẫn đi bốn người dân chài kia thì Xasibuxan với cặp kính cận thị, chiếc áo sơ mi không kịp cài cúc khoác vội lên vai, chân đi dép cứ muốn trượt ngã trên đất trơn, hồn hèn chạy đến chiếc thuyền của cảnh sát. Anh nói bằng một giọng run run:

- Nay ông, ông không có quyền phá hủy tấm lưới của những người dân chài này và hành hạ họ.

Vị “chúa tể” của ngành cảnh sát chửi to vào mặt anh một câu đặc biệt xúc phạm bằng tiếng Hindi. Tức thì, từ

trên bờ, Xasibuxan nhảy bổ xuống thuyền, nhào đến chỗ quan xahíp lấy hết sức đánh đấm ông ta, anh đánh túi bụi như một đứa trẻ, như một người điên.

Sau đấy, anh không hay biết chuyện gì đã xảy ra cho anh. Khi tỉnh dậy, Xasibuxan thấy mình ở trong đồn cảnh sát, và chúng tôi buộc phải nói rằng anh bị đối xử một cách không đáng hài lòng, về phẩm giá lẫn tiện nghi của anh.

9

Nhờ các trạng sư và thầy cãi, bố Xasibuxan thoát tiền xin cho anh được tại ngoại hậu cứu. Sau đó việc của anh chuẩn bị mang ra xét xử tại tòa.

Những người dân chài bị phá rách lưới sinh sống tại một vùng đất và thuộc quyền cùng một viên chúa đất với Xasibuxan. Nhưng khi vấp phải một chuyện gì rắc rối, họ thường đến gặp anh hỏi ý kiến về các vấn đề luật pháp. Những người bị quan chánh cảm bắt đem đi trên thuyền anh cũng quen biết.

Xasibuxan nhờ người đi tìm họ để họ ra làm chứng nhưng những người này sợ rúm người.

Trời ơi nỗi hoạn nạn của chúng tôi đến đâu mới là cùng nếu như chúng tôi hằng ngày phải cố sống lẫn hồi với vợ con, nay lại còn cãi nhau với cảnh sát nữa? Con người ta sống được mấy đời? Thiệt hại chúng tôi phải chịu đã qua rồi, việc gì bây giờ lại đi chuốc vào mình những nỗi lo lắng mới với việc đứng ra làm chứng? Cậu

oi, cậu đẩy chúng tôi vào một cảnh ngộ gay go lắm đấy - họ hết thấy đều bảo thế.

Anh cố thuyết phục mãi, họ đành nhận lời sẽ nói ra sự thật.

Cũng vào khoảng thời gian đó, nhân một hôm Harakuma đến lễ lạt các quan Tây, quan chánh cảm cười mỉm, bảo:

- Nay ông quản lý, tôi được biết những người thuê nhà của ông định đứng ra làm chứng man chống lại cảnh sát đấy.

- Bẩm quan, thực thế ạ? - Viên quản lý kêu lên, - Bọn lộn con ấy lại táo tợn đến mức dám làm một chuyện tày đình đến thế kia?

Những ai hay đọc báo hẳn biết rằng Xasibuxan không có may mắn khả năng được kiện.

Những người dân chài lần lượt đến khai trước tòa là quan xahíp đã không cất lưới của họ, mà ngài chỉ sai người đi tìm họ và ghi lại tên tuổi, địa chỉ của họ thôi.

Chưa hết. Ba bốn người trong làng còn khai là họ có mặt tại nơi và vào lúc xảy ra sự việc vì họ được mời đến dự một đám cưới, và đã tận mắt nhìn thấy Xasibuxan tự nhiên vô cớ đến đánh các nhân viên cảnh sát.

Xasibuxan nhận là sau khi bị chửi anh đã nhảy xuống thuyền đánh quan xahíp. Nhưng nguyên nhân thật sự của hành động đó là việc phá rách tấm lưới và đánh đập những người dân chài.

Trong tình huống ấy mà anh bị trừng trị thật không thể nói là bất công được. Nhưng bản án rất nặng. Anh bị

khép vào ba bốn tội: hành hung, xâm phạm tài sản, cản trở các quan cảnh sát đang làm công vụ v.v... tất cả những tội đó đã được hoàn toàn chứng thực.

Bỏ lại trong gian buồng nhỏ những cuốn sách thân yêu Xasibuxan đi ngồi tù năm năm. Cha anh định kháng án, nhưng anh một mực ngăn lại. Anh nói:

- Sống trong tù lại hay; các chán song sắt không man trá, chứ cái tự do của ta ở bên ngoài chỉ đánh lừa ta thôi và chuốc cho ta đủ mọi thứ rắc rối. Còn nói đến việc bầu bạn với những người lương thiện thì nếu so sánh, trong nhà tù, bọn gian dối và đốn hèn ít hơn vì ở đây ít chỗ hơn, chứ ở ngoài bọn ấy đông lắm.

10

Xasibuxan đi tù được ít lâu thì cha anh qua đời. Anh hầu như không còn ai thân thích. Anh có một người anh đã được bổ đi làm việc ở các tỉnh miền trung từ lâu, ít có dịp về thăm gia đình. Người anh ấy đã xây nhà và an cư cùng với vợ con tại đó. Đôi chút gia sản thuộc về Xasibuxan ở làng thì đã bị Harakuma viện cớ này cớ khác tịch thu hết cả.

Số phận còn muốn anh phải chịu đựng trong nhà tù nhiều đau khổ hơn những người tù khác. Dầu vậy, năm năm trời đằng đẳng cũng trôi qua.

Và vào một ngày mưa rả rích, Xasibuxan ra tù với thân hình tiêu tụy và đầu óc trống rỗng. Anh đã giành lại được tự do, nhưng đó là tất cả những gì anh sở hữu. Anh không có một ai, không có một thứ gì thuộc về

mình. Không nhà cửa, không họ hàng thân thích, không bạn bè Xasibuxan cảm thấy cái thế giới bao la này quá mênh mông và quá bấp bênh đối với cảnh cô đơn của anh.

Trong lúc anh còn đang phân vân không biết nên bắt đầu nối lại từ đâu những sợi dây tan tác của đời mình thì một chiếc xe song mã lớn dừng bánh trước mặt anh. Một người hầu từ trên xe bước xuống, hỏi:

- Có phải ông là Xasibuxan không ạ?

- Phải, - anh đáp.

Ngay lập tức, người kia mở cửa xe, đứng chờ Xasibuxan lên xe. Anh kinh ngạc hỏi:

- Anh định đưa tôi đi đâu?

- Chủ con sai con đi đón ông, - người hầu kia thưa.

Không chịu nổi con mắt tò mò của khách qua đường, Xasibuxan không chần chừ gì nữa nhảy lên xe. Anh nghĩ chắc có sự nhầm lẫn gì đấy thôi. Nhưng dù sao thì anh cũng phải đi đến một nơi nào đó, cho nên một sự nhầm lẫn cũng có thể dùng làm màn mở đầu cho một cuộc sống mới.

Hôm đó cũng vậy, mặt trời và mây rượt đuổi nhau trên bầu trời, các ruộng lúa gọi mưa xanh sẫm ven đường được bôi màu sắc sỡ nhờ trò chơi linh hoạt của ánh sáng và bóng tối. Có một chiếc xe chở hàng rất lớn đậu ở gần chợ, cạnh cửa hàng bánh kẹo, các vị khất sư visnu¹ vừa hát vừa đệm đàn dây, trống và náo bạt:

¹ Một thể trong Tam vị nhất thể của đạo Bà La Môn Ấn Độ (Brahma, Vichnou và Civa).

Về đi anh, về đi anh, chúa tể của lòng em

Hỡi anh yêu dấu, hãy về với trái tim khao khát, héo hon và cháy bỏng này.

Vì xe cứ tiếp tục lăn bánh nên khúc ca mỗi lúc nghe một nhỏ dần ở xa xa.

Hỡi anh ác độc, về đi anh! Hỡi người bạn đáng thương

Về đi anh, người có màu sắc kỳ diệu của những đám mây trôi nước

Lời ca dần dần nhỏ đi, nghe không rõ. Nhưng nhịp điệu của nó đã khơi dậy một sự xúc động trong lòng Xasibuxan, anh bắt đầu hát nho nhỏ cho mình mình nghe, thêm dần dòng tiếp dòng các đoạn của bài ca, tưởng chừng không tài nào dừng lại được.

Hỡi niềm vui vĩnh cửu và nỗi đau bất tận của em.

Anh hãy trở về

Hỡi kho báu, đã dứt xa mọi khổ đau, mọi niềm vui của em

Hãy trở về trong trái tim em

Hỡi anh, người em mãi mãi mãi ước mong, mãi mãi yêu dấu

Hỡi anh. Người thoáng qua, hỡi anh, Người vĩnh hằng

Hãy trở về trong cánh tay em

Hãy trở về trong trái tim, trong đôi mắt, trong giấc ngủ em.

Trong những giấc mơ của em, trong y phục, trên những vật trang sức người em

Hãy trở về khắp nơi trên mặt đất

Trở về trong nụ cười trên môi, trong giọt lên nơi khóe mắt em

Trong bàn tay em ve vuốt, trong những phút vui đùa, trong lòng tự ái tổn thương của em

Trong mỗi kỉ niệm và trong cả lãng quên

Trong cuộc sống và trong cái chết của em

Hỡi anh, anh hãy trở về

Bài ca của Xasibuxan kết thúc khi chiếc xe lăn bánh vào một khu vườn có tường vây quanh và dừng lại trước một tòa nhà hai tầng. Không hỏi han, anh làm theo những điều chỉ dẫn của người hầu và bước vào nhà.

Gian phòng anh đang đứng, bốn mặt tường đều kê những tủ sách lớn lồng kính, trong xếp đầy những hàng sách đóng bìa nhiều kiểu và nhiều màu khác nhau. Trước cảnh tượng đó, bỗng chốc cuộc đời đã qua của anh dường như một lần thứ hai được giải thoát khỏi nhà tù. Những cuốn sách bọc bìa mạ vàng và đủ mọi màu sắc kia đối với anh khác nào những trụ quan thân quen, gần đây ngọc ngà châu báu, ở cửa ngõ xứ sở của niềm vui.

Trên bàn còn có vài ba thứ đồ. Vì cận thị, anh chàng Xasibuxan của chúng ta cúi xuống và nhìn thấy một tấm bảng đã rạn vỡ, bên trên để một quyển vở cũ một quyển sách số học đã bị xé mất nhiều trang, cuốn Ngụ ngôn, cuốn Sử thi Mahabarata của Kasim Đất.

Trên khung gỗ của tấm bảng đá có dòng chữ to do chính tay anh viết: "Giribala Devi". Trên các quyển sách và quyển vở cũng có cái tên ấy viết cùng một nét chữ.

Xasibuxan bấy giờ hiểu ra anh đang ở đâu. Máu chạy rần rật trong người. Anh nhìn ra ngoài qua khung cửa sổ gỗ và thấy gì? Gian buồng bé nhỏ có chần song sắt, con đường làng gỗ ghê, cô bé trong chiếc xari kẻ sọc, và cuộc sống của chính anh, cuộc sống hàng ngày không còn chút lo âu phiền muộn, lặng lẽ êm đềm.

Bản thân cuộc sống hạnh phúc thời ấy không có gì kỳ diệu hoặc phi thường. Nó trôi đi một cách tự nhiên trong những công việc nhỏ nhặt, niềm vui nhỏ bé, và việc dạy học cho một cô bé cũng chỉ là một trong những công việc vặt vãnh ấy. Nhưng cuộc sống ẩn dật đó ở một góc làng sự yên tĩnh ở vùng quê, những niềm vui nhỏ bé đó, gương mặt cô trò nhỏ đó, tất cả dường như tồn tại trong một xứ sở khao khát và mơ ước nhạt nhòa, trong một thiên đường không có thời gian, không gian và ngoài tầm sức của anh.

Tất cả những cảnh vật kỷ niệm của những ngày xa xưa, hòa vào với ánh sáng êm dịu của buổi sáng mưa rơi hôm nay và những khúc ca kiết tan¹ tan vào bức chân dung này khiến Xasibuxan tưởng chừng như nỗi buồn khôn tả giữa lòng vũ trụ đã đổ bóng lên gương mặt cô gái quê non trẻ kia. Vùi đầu vào đôi cánh tay gấp lại trên tấm bảng và những quyển sách trên bàn, sau bao nhiêu năm trời, anh bắt đầu mơ tưởng về những ngày xa xưa ấy.

¹ Bài hát tôn giáo của tín đồ Phật giáo, ca ngợi tình yêu của Krisna và Rada.

Sau một lúc lâu, anh nghe thấy tiếng động nhẹ, Xasibuxan giật mình ngẩng đầu lên. Anh thấy trước mặt một cái khay bạc đựng quả cây, bánh ngọt và xa hơn một chút, Giribala đang lặng lẽ đứng chờ. Anh vừa ngược mắt lên thì Giribala, mặc đồ trắng như một góa phụ không một thứ trang sức đã đến quỳ gối trước mặt anh, chạm trán vào bàn chân anh. Rồi cô đứng dậy và ngấm anh ngấm nhìn gương mặt quá hốc hác, quá đổi xanh xao, tiêu tụy của anh với đôi mắt chan chứa một niềm thương xót dịu dàng và những giọt lệ trên má.

Xasibuxan gắng sức định hỏi thêm cô đôi câu, nhưng anh không nói nổi thành lời, những giọt nước mắt làm giọng anh nghẹn lại, những người hát rong kiết tã đến trước cửa nhà trên đường mộ quyên bắt đầu hát đi hát lại điệp khúc:

Hãy trở về, hỡi anh yêu dấu, hãy trở về...

Hoàng Cường dịch

TUỔI TRẺ, TUỔI VÀNG SON

Hermann Hesse

Nhà văn Đức – Giải thưởng Nobel 1946/ Goethe 1946

Ngay cả bác Matthauss tôi, ông cũng hài lòng, theo điệu bộ riêng của ông, khi gặp lại tôi. Khi một người thanh niên đã nhiều lần sinh sống ở nhiều nơi tại hải ngoại bỗng hồi hương một ngày nào đó, hơn nữa anh chàng lại đã hiển đạt thì những người thân thuộc vốn lạnh lùng nhất cũng sẽ tươi cười, niềm nở bắt tay anh ta.

Chiếc vali nhỏ màu nâu trong đó tôi đựng những đồ vật mua ở ngoại quốc còn mới tinh, có một ổ khóa vững chắc và những sợi dây buộc bóng loáng. Trong vali xếp hai bộ đồ lớn sạch sẽ, khá nhiều quần áo lót, một đôi boots còn mới, một sổ sách và tranh ảnh, hai chiếc pipi đẹp và một khẩu súng nhỏ. Thêm vào đó, tôi xách một túi đàn vĩ cầm và một ba lô nhét đầy đồ lặt vặt, hai chiếc mũ, một cây gậy và một chiếc dù, một tấm áo khoác nhẹ và một đôi giày lót nhẹ. Tất cả những đồ vật này đều có thực và mới mẻ, và hơn thế nữa, dán sát vào túi áo trước ngực tôi có hơn hai trăm đồng mác tiền dành dụm và một bức thư hứa hẹn một chức vụ quan trọng ở ngoại quốc vào mùa thu năm tới. Tất cả tạo nên một số hành trang khá kính. Và bây giờ, với những năm lữ hành để lại đằng sau, tôi hồi hương, với tất cả số hành trang ấy.

Như một khách giang hồ tôi về tỉnh nhà, nơi trước đó tôi đã bỏ đi như một đứa con hoang.

Với dáng bò đi thận trọng chiếc xe lửa xuống đồi theo những đường cong lớn ngoằn ngoèo, và mỗi lần tẩu quẹo những ngôi nhà, những đường phố, những con sông và những mảnh vườn của thành phố bên dưới tiến lại gần, hiện ra rõ ràng hơn. Rồi có thể phân biệt được những mái nhà, nhận ra những mái nhà quen thuộc; rồi tôi cũng có thể đếm được những khuôn cửa sổ và nhận ra những tổ chim hạc. Và trong lúc tuổi ấu thơ, tuổi thiếu niên và hàng ngàn kỷ niệm quý giá về quê hương từ thung lũng trào dâng về phía tôi ý niệm ngông cuồng về sự vinh qui dần dần tan biến. Sự khao khát gây xúc động cho những người ở dưới đó nhường chỗ cho tình cảm ngỡ ngàng đầy lòng biết ơn. Lòng nhớ quê hương, theo năm tháng dài đã hết thôi thúc tôi, bỗng nhiên lại trở dậy tấn công tôi thật mãnh liệt vào mười lăm phút cuối cùng này. Mỗi bụi cây cọ ở gần sân ga và mỗi hàng rào cây quen thuộc trở nên quý giá vô cùng đối với tôi, và với mỗi vật ấy tôi đều xin lỗi vì tôi đã có thể quên chúng và có thể vui sống mà chẳng cần tới chúng lâu tới như vậy.

Lúc con tàu đi qua phía bên trên khu vườn nhà tôi, tôi thấy có người đứng ở khung cửa sổ cao nhất của ngôi nhà cổ, đang vẫy chiếc khăn lớn và trên ống lò sưởi có làn khói xanh lọt từ nhúm lửa nấu cà phê bốc lên bầu không khí ấm áp và tỏa bên trên thành phố nhỏ bé. Tất cả cảnh tượng ấy lại thuộc về tôi; nó đợi chờ tôi và đang chào đón tôi trở lại.

Trong sân ga, ông xếp ga già để râu chạy lăng xăng vẫn linh hoạt theo thói thường của ông, đang lừa người ta đứng xa đường ray, và trong đám người ấy tôi nhìn thấy em gái tôi và thằng em trai đang ngóng chờ tôi. Để chỗ hành lý của tôi, cậu em kéo theo chiếc xe chở đồ nhỏ, chiếc xe vốn là sự hãnh diện của chúng tôi suốt thời niên thiếu. Chúng tôi chất valy và ba lô lên đó. Fritz kéo xe, tôi theo sau cùng với em gái tôi. Cô trách tôi sao lại hốt tóc cao quá, nhưng nó nghĩ là bộ ria mép của tôi thật bảnh và chiếc vali mới của tôi khá điệu. Chúng tôi cười và nhìn vào mắt nhau, lâu lâu lại xiết chặt tay nhau, và gật đầu với Fritz, hấn kéo xe đi trước nhưng vẫn ngoái cổ lại nhìn chúng tôi. Bây giờ hấn cao bằng tôi rồi và to ngang khá đẹp. Trong lúc hấn đi trước, tôi bỗng nhớ ra hồi còn nhỏ đôi khi tôi đã đánh hấn trong lúc anh em cãi lộn. Tôi lại nhìn thấy vẻ mặt trẻ thơ của hấn và đôi mắt phần nộ hay u sầu, và tôi lại cảm thấy sự ân hận đau đớn mà tôi đã từng thấy hồi ấy mỗi khi sự giận dữ đã lắng xuống. Bây giờ Fritz đi trước, to lớn và bệ thế, và trên mặt đã có lớp lông tơ mọc quanh cằm.

Chúng tôi đi xuôi theo đại lộ có những bụi anh đào và băng qua cây cầu dành cho khách bộ hành, một cửa tiệm mới và những ngôi nhà không thay đổi. Rồi đến góc đường cạnh cây cầu, nơi đó ngôi nhà của cha tôi vẫn đứng trơ trọi với những cửa sổ rộng mở, nơi đó tôi có thể nghe tiếng con vẹt nhà tôi liu lo lòng rộn ràng vì vui sướng và vì đủ thứ kỉ niệm. Tôi đi qua cổng đá đen lạnh lẽo, xuôi theo lối đi lát đá, và vội vã lên thang. Cha tôi xuống thang lâu để đón tôi. Người ôm hôn tôi, mỉm cười,

và vỗ vào vai tôi. Rồi người lặng lẽ dắt tay tôi lên phía cửa trên của gian tiền đường nơi đó mẹ tôi đang đứng đợi và ôm choàng lấy tôi.

Rồi đến Christine, người đẩy tóc gái, chạy với lên bắt tay tôi, và tôi đi vào phòng sinh hoạt gia đình, trong phòng cà phê đã dọn sẵn. Tôi ra chào Polly, con vẹt. Nó nhận ra tôi ngay, nó leo từ nóc lồng xuống ngón tay tôi, và cúi đầu lông xám xinh xinh xuống cho tôi ve vuốt. Gian phòng mới dán giấy lại, ngoài ra mọi vật đều y nguyên như trước – từ những bức chân dung của ông bà và cái tủ đựng đồ sứ cho đến chiếc đồng hồ lớn với những đường chạm trổ những chùm hoa theo lối cổ. Những chiếc tách bày sẵn trên mặt bàn trải khăn, và trong chiếc tách của tôi có một cành hoa cẩm nhung nhỏ mà tôi nhặt lên cài trên ve áo.

Đối diện với tôi là mẹ tôi, đang nhìn tôi và để những khoanh bánh mềm trên đĩa của tôi. Người cảnh cáo tôi đừng nói nhiều quá kéo quên ăn và rồi chính bà lại hỏi tôi hết câu này đến câu khác mà tôi phải trả lời. Cha tôi yên lặng lắng nghe, vuốt chòm râu đã ngả màu xám, và nhìn tôi qua cặp kính với tia nhìn soi mói. Và trong lúc tôi thuật lại những từng trải, những hành động và những sự thành công - không có gì là khiêm tốn cho lắm - tôi không thể không cảm thấy tri ân hai đấng sinh thành vì những điều may mắn ấy.

Ngày đầu tiên tôi không muốn xem thấy gì ngoài ngôi nhà cổ kính thân yêu của tôi; ngày hôm sau và những ngày kế tiếp tôi còn đủ thời giờ để thăm viếng tất cả những nơi khác. Và vì vậy sau khi dùng cà phê chúng tôi

đi qua tất cả các phòng, qua nhà bếp, các lối đi, và những phòng ngủ, và tôi thấy hầu hết mọi vật trong nhà vẫn y nguyên như trước. Ít nhiều sự đổi mới mà tôi nhận ra được thì lại đã có vẻ cũ kỹ, càng dĩ nhiên hơn đối với những người khác, và họ tranh luận xem những việc tu bổ ấy đã được thực hiện hồi tôi còn ở nhà hay là sau khi tôi đã đi rồi.

Trong khu vườn nhỏ nằm trên sườn đồi giữa những bức tường phủ dây tường vi nắng xé trưa chiều trên lối đi gọn ghẽ và những thành bờ xây bằng đá vôi xù xì trên chiếc thùng tonno chứa lưng thùng nước và những luống hoa đẹp, rực rỡ, bởi thế mọi vật đều êm đềm. Ánh nắng chiếu thành từng luồng, lạng lẽ, ấm áp, xanh lợt xuyên qua những nhánh lá ôliu trong suốt. Vài con ong bay lạc đường vo ve đầu đây, nặng nề và say nắng. Để tạ ơn về sự trở về của tôi, ba tôi lật nón đọc kinh "Lạy Cha". Chúng tôi đứng lặng yên khoanh tay lại, và mặc dầu sự nghiêm trang khác thường làm cho tôi hơi nản, tôi vẫn nghe tất cả những lời kinh cổ kính với tất cả sự vui mừng và tôi thành kính thưa Amen.

Rồi ba tôi trở lại thư phòng, em trai và em gái tôi chạy đi chỗ khác, và toàn thể ngôi nhà trở lại tĩnh mịch. Tôi ngồi ở bàn với mẹ tôi. Đó là lúc mà tôi đã có ý chờ đợi và cũng lo sợ nữa. Vì mặc dù cuộc hồi hương của tôi là một nguồn vui và được chào mừng, cuộc sống của tôi trong những năm vừa qua đã không hoàn toàn trong sạch và vô tội.

Lúc này mẹ tôi nhìn tôi với đôi mắt đẹp, ấm và chăm chú nhìn vào mắt tôi. Có lẽ mẹ tôi đang cân nhắc xem

phải nói gì, phải hỏi han gì. Tôi ngồi yên lặng, lúng túng bẻ ngón tay. Tôi chuẩn bị chịu một cuộc lục vấn mà nói chung ra không phải là tử nhục, nhưng có vài chi tiết khiến tôi cảm thấy thẹn thùng.

Người lặng lẽ nhìn vào mắt tôi một chập. Rồi mẹ tôi cầm lấy bàn tay tôi trong đôi bàn tay nhỏ đẹp của người.

- Thỉnh thoảng con có cầu nguyện chút không? Mẹ tôi hỏi, giọng dịu dàng.

- Gần đây con bỏ hẳn cầu nguyện rồi, tôi phải thú thật và mẹ tôi nhìn tôi với vẻ hơi bối rối.

- Rồi con sẽ tập lại, người nói. Và tôi đáp:

- Có thể.

Rồi mẹ tôi yên lặng một hồi và mãi sau người nói tiếp: "Nhưng con vẫn là một người chính trực phải không?".

Về vấn đề này tôi có thể đáp là vâng. Và bấy giờ, thay vì đặt những câu hỏi hóc hiểm để bắt tôi trả lời, người dịu dàng vuốt bàn tay tôi và gật đầu ngụ ý tín nhiệm tôi, mặc dầu tôi không hề đi xưng tội. Và rồi người hỏi thăm tôi về quần áo của tôi và sự giặt giũ, vì trong hai năm vừa qua tôi tự lo liệu lấy, không còn gửi đồ về nhà để nhờ giặt giũ và khâu vá nữa.

- Ngày mai mẹ con mình sẽ cùng lục soát lại, mẹ tôi nói. Và thế là cuộc thẩm vấn hoàn tất.

Một lát sau em gái tôi ra ngoài hiên và rủ tôi vào trong nhà cùng với nó. Trong phòng khách nó ngồi trước chiếc dương cầm và lấy tập nhạc chúng tôi chơi từ những ngày xưa, nhưng nay vẫn chưa quên. Chúng tôi hát

những bài ca của Schubert và Schumann, rồi chúng tôi hát những bài dân ca Đức và ngoại quốc cho mãi tới giờ ăn cơm chiều. Em gái tôi dọn bàn trong khi tôi nói chuyện với con vẹt. Mặc dù có tên là Polly, nó là con vẹt đực. Nó có thể nói nhiều điều; nó nhái giọng nói tiếng cười của chúng tôi và dành cho mỗi người chúng tôi một mức độ diễn tiến đặc biệt về tình thân hữu. Nó thân thiết nhất với cha tôi, ông có thể làm gì nó cũng được, rồi đến em trai tôi, kế đến mẹ tôi, và sau cùng là em gái tôi - với cô ta, Polly hơi có vẻ dè dặt.

Polly là con vật cưng duy nhất trong nhà tôi, và như hệt một đứa con trong gia đình, nó đã sống với chúng tôi tới hai mươi năm. Nó thích nghe người khác nói chuyện, cười, thích âm nhạc. Khi nó cô độc và nghe người khác nói chuyện huyền ảo ở phòng kế cận, nó lắng nghe hóng, nói xen vào và cười theo một cách tự nhiên và khôi hài. Và đôi khi lúc nó ngồi yên cô độc, không ai ngó tới trên thành lồng, khi mọi vật đều yên lặng và ánh nắng rọi ấm căn phòng, giọng nó bắt đầu cất lên trầm tĩnh, mãn nguyện để chào đón cuộc đời và ca ngợi Thượng đế. Giọng nó như tiếng sáo, trang nghiêm ấm áp, thiết tha như tiếng trẻ hát đến quên mình lúc vui chơi.

Sau bữa cơm chiều tôi dành nửa giờ để tới vườn. Lúc tôi đi vào nhà, ướt át, lấm láp, ngay từ lối đi tôi đã nghe giọng nói quen quen của một người con gái đang nói chuyện trong nhà. Tôi vội chùi tay vào chiếc khăn tay rồi bước vào. Một thiếu nữ đẹp, cao lớn, mình bận áo hoa cà, đầu đội nón rơm rộng vành đang ngồi trong đó. Khi cô ta

đứng dậy nhìn tôi, tôi nhận ra Helene Kura, cô bạn của em gái tôi, người mà hồi xưa tôi đã đem lòng thương yêu.

- Cô vẫn nhận ra tôi nhỉ, tôi nói giọng tự mãn.

- Lotte bảo tôi là anh mới về, nàng hoan hỉ đáp. Nhưng tôi sẽ miễn nguyện hơn nếu nàng trả lời đơn giản, vâng. Thực tình nàng đã cao lớn và đẹp trội lên. Tôi không nghĩ ra điều chi để nói và tiến về phía của sở ngắm bình hoa, trong khi đó nàng trở lại chuyện trò với mẹ và em gái tôi.

Đôi mắt tôi ngó ra đường và những ngón tay tôi mân mê những chiếc lá cây phong-lữ-thảo, nhưng ý nghĩ của tôi thì ở mãi đâu kia. Tôi nhớ tới một buổi chiều mùa đông xám lạnh, tôi đang trượt tuyết trên dòng sông giữa những bụi đước cao, rụt rè lượn thành những nửa vòng tròn, mắt nhìn theo người thiếu nữ ở xa xa, cô ta lúng túng chưa biết trượt tuyết và được một cô gái kèm sát bên.

Giọng cô nàng to hơn, trầm hơn độ trước, có vẻ quen thuộc mà vẫn như xa lạ đối với tôi. Nàng đã trở thành một thanh nữ, và tôi không cảm thấy bình đẳng với nàng về tuổi tác và tư thế một chút nào. Thực tình tôi thấy mình như mới mười lăm tuổi. Lúc cáo biệt, tôi bắt tay nàng, lại còn cúi thấp đến độ không cần thiết như thường tưởng và nói: "Chúc cô ngủ ngon, thưa cô Kura".

- Thế là cô ta về mất rồi! Tôi nói sau khi cô đã ra về.

- Không về thì cô ta đi đâu? Lotte hỏi lại và tôi muốn lờ câu chuyện đi.

Đúng mười giờ cổng nhà khóa lại và bố mẹ tôi vào phòng ngủ. Lúc ôm hôn tôi chúc tôi ngủ ngon giấc, bố tôi choàng tay lên vai tôi và dịu dàng nói:

- Con về chơi ba mừng lắm. Con có mừng không?

Mọi người đều vào giường cả rồi – cô hầu gái cũng đã chúc chúng tôi ngủ một lúc trước đó - và sau khi những cánh cửa phòng được mở ra đóng lại vài ba lần, một sự im lặng về đêm bao trùm toàn thể ngôi nhà.

Tôi đã rót sẵn cho mình một cốc bia vai đem ướp lạnh. Bây giờ tôi để ly bia trên mặt bàn trong phòng tôi, và vì trong nhà tôi có lệ không được phép hút thuốc lá trong các phòng ngủ, tôi nhồi thuốc vào một ống vố rồi đốt lên. Hai cánh cửa phòng tôi trông ra khoảng sân đen tối và lặng lẽ, từ đó có những bậc đá dẫn ngược lên khu vườn. Trên ấy tôi thấy những bóng cây thông in đậm lên vòm trời, và phía trên ngọn cây là những vì sao lấp lánh. Tôi ngồi có hơn một tiếng đồng hồ, nhìn những con muỗi mắt bay quanh ngọn đèn và chậm rãi thả những làn khói thuốc bay về phía những khung cửa sổ rộng mở. Những chuỗi hình ảnh dài, lặng lẽ diễn qua tâm não tôi, vô số những kỷ niệm về những ngày thơ ấu, hồi còn ở nhà - những hình ảnh bao la, lặng lẽ kế tiếp nhau xuất hiện, lung linh rồi tan biến như những đợt sóng trên mặt hồ.

Sáng hôm sau tôi bận bộ đồ lớn tốt nhất như biểu hiện sự tôn kính đối với thành phố quê hương tôi và với những người quen biết trước và cũng để chứng tỏ là tôi đã thành công chứ không hồi hương như một thằng ăn mày dở. Bên trên thung lũng hẹp bao quanh thành phố,

bầu trời mùa hè màu xanh sáng rực rỡ. Một làn bụi bốc lên từ những đại lộ màu trắng. Những chiếc xe ngựa chở thư, từ những xóm làng hẻo lánh về, đậu thành hàng trước sở bưu điện gần đây, và trên đường phố bọn trẻ đang mãi chơi đùa với những miếng đá bông và những trái banh mềm.

Lần xuất hành này đưa tôi lên trên cây cầu đá, một kiến trúc cổ xưa nhất của thành phố. Tôi chiêm ngưỡng ngôi nhà nguyện kiểu Gô - tích nhỏ nằm bên trên cầu, mà ngày xưa tôi đã chạy qua cả trăm lần. Rồi tôi vịn vào thành cầu và nhìn xuôi ngược khúc sông xanh chảy xiết. Nhà máy xay gió thân thuộc ngày xưa với bánh xe trắng trên đầu hồi đã biến mất, nhường chỗ cho một tòa nhà gạch lớn mới. Ngoài ra không có gì thay đổi, và như thường lệ, từng đàn ngỗng, đàn vịt chì chít bơi lội trên mặt nước, lội bì bõm trên bờ.

Sang đầu cầu bên kia tôi gặp người quen thứ nhất, người bạn cùng lớp ngày trước nay đang làm nghề thuộc da. Anh ta choàng tấm tạp dề bằng da màu cam vàng bóng trước bụng. Anh đưa mắt nhìn tôi ngờ ngợ, dò dẫm, nhưng không nhận ra tôi. Hải lòng, tôi gật đầu chào rồi tiếp tục đi, trong khi anh ngó theo và cố nhớ lại.

Tôi chào ông cụ thợ đúc đồng có bộ râu bạc kỳ diệu đang đứng trước cửa tiệm. Rồi tôi nhìn vào trong chỗ người thợ tiện, bác ta đang cọt két kéo sợi dây da trên bàn tiện, và mũi tôi ngửi thấy mùi khét. Tiếp đến là quảng trường chợ, nơi có mấy nước lớn và cái cổng hình vòng cung ngổ nghĩnh của tòa thị chính. Cửa tiệm bán sách cũng ở đây. Và mặc dù ông chủ tiệm đã từ lâu rồi

vốn coi tôi như một tên vô lại vì tôi dám đặt mua những tác phẩm của Heine, tôi vẫn ghé vào mua một cây viết chì và một tấm bưu ảnh. Từ địa điểm ấy chẳng cách trường học bao xa, cho nên lúc đi ngang tôi vào đây nhà ấy. Đứng ngoài cổng tôi cũng ngửi thấy mùi vị nhức óc của những phòng học, và tôi thở dài nhẹ nhàng khi bước qua địa phận nhà thờ và nhà cha Sở.

Vào lúc tôi lách quanh một con đường nhỏ hẹp sau khi đã cạo râu ở tiệm hớt tóc, thì đã là mười giờ, giờ hẹn đến thăm bác Matthaüs. Tôi băng qua khoảng sân xinh đẹp để đi vào ngôi nhà khang trang của ông, tôi giữ bụi dính trên quần ở đây hành lang mát rượi, rồi mới gõ cửa khu sinh hoạt gia đình. Vào trong tôi gặp bác gái và hai chị gái đang may khâu. Ông bác tôi lúc đó đang ở thư phòng. Mọi vật trong ngôi nhà này đều đượm màu cổ kính, tinh sạch, hơi khắc khổ và rất thực dụng, nhưng cũng đầy vẻ êm đềm, và nền nếp. Đó là quê hương của sự quét dọn, lau chùi, giặt giũ, vá may, đan thêu và quay chỉ; tuy vậy hai cô con gái vẫn có thì giờ chơi nhạc và chơi rất khá. Cả hai cô đều biết chơi dương cầm và ca hát, và nếu họ không biết mấy tới những soạn giả mới thì trái lại họ rất quen thuộc với các nhạc sư Handel, Bach, Haydn và Mozart.

Bác gái nhảy lên sung sướng khi trông thấy tôi. Hai cô khâu nốt mấy mũi còn dở rồi bắt tay tôi. Tôi rất đồi ngạc nhiên, tôi được đối xử như một người khách danh dự và được mời vào phòng khách. Hơn thế nữa, tôi không sao từ khước được ly rượu vang và những chiếc bánh ngọt mà bác gái Berta mời. Rồi bà ngồi đối diện với

tôi trên một chiếc ghế bành hai cô con gái ngồi thêu may ở phòng bên.

Lần này tôi bị thăm vấn một phần nào về những điều mẹ tôi đã bỏ qua cho tôi bữa trước. Nhưng ở đây trong lúc thuật lại tôi cũng không bị đòi hỏi phải tô điểm cho một tình trạng tự nó không đẹp đẽ gì. Bác gái tôi đặc biệt lưu ý tới phẩm cách của các nhà giảng thuyết lưng danh và bà tra hỏi dài dòng về những ngôi thánh đường, những vị mục sư ở những thành phố mà tôi đã từng sinh sống. Cũng có đôi khi vấp vấp nhưng với tất cả thiện tâm chúng tôi cùng biện minh cho những lỗi lầm ấy và cùng nhau tiếc thương cái chết đã mười năm về trước của một vị tu hành nổi danh mà những bài thuyết giáo của ông ta tôi đã có thể được nghe ở Stuttgart nếu như ông ta còn sống.

Rồi câu chuyện chuyển sang số phận, kinh nghiệm về triển vọng của tôi, và chúng tôi đi tới kết luận rằng tôi đã gặp may và đã khỏi sự đúng đường.

- Sáu năm về trước ai dám ngờ? Bà nói.

- Hồi đó cháu tệ lắm sao? Tôi không thể không hỏi lại bà.

- Không, đâu bác có ý nói vậy. Nhưng ba má cháu hồi đó lo lắng lắm.

"Cháu cũng vậy" tôi muốn nói như vậy, nhưng nói chung ra bà nói có lý và tôi cũng không muốn khơi lại những sự cãi cọ của thời quá khứ.

- Cháu đoán sự thật là thế, tôi nói và gạt đầu dè dặt.

- Bác nghe nói cháu đã ráng thử đủ mọi nghề.

- Dạ vâng, đúng vậy, thưa bác, và cháu chẳng tiếc hận gì hết. Cũng vì vậy mà cháu không tính theo đuổi nghề nghiệp hiện tại mãi đâu.

- Cháu đừng nói vậy. Cháu nghĩ vậy thật à khi cháu vừa đạt một địa vị khả quan sao? Mỗi tháng gần hai trăm đồng mác rồi còn gì đối với một thanh niên thế là khá lắm đấy.

- Nhưng biết được bao lâu, thưa bác?

- Cháu nói chỉ mà kỳ cục vậy? Sẽ như vậy mãi miễn là cháu đừng nản.

- Vâng, cháu hi vọng thế. Bây giờ cháu xin phép lên thăm cụ cố Lydia rồi ghé vào thăm bác trai trên văn phòng. Vậy cháu xin phép bác.

- Được thôi chào cháu, gặp cháu bác mừng lắm. Thế nào cháu cũng ghé lại thăm bác nữa nghe.

- Thưa bác vâng ạ.

Tôi từ già hai cô chị ở phòng bên và lúc ra đến cửa phòng lại ngoái lại vẫy chào bác gái. Rồi tôi leo thang vừa rộng, vừa bóng. Và nếu trước đây tôi có cảm tưởng mình đang hít thở một bầu không khí lỗi thời, thì bây giờ tôi thực sự bước vào khung cảnh cổ xưa.

Ở hai căn phòng xinh xắn trên lầu có một bà cụ cố tám mươi tuổi, người tiếp đón tôi với tất cả nghi lễ trang trọng của thời xa xưa.

Có những bức chân dung vẽ bằng nước màu của các vị tổ tiên, những tấm khăn phủ ghế, những túi xách tay có trang điểm những bó hoa và những phong cảnh kết

bằng những hạt cườm, những khung cảnh hình bầu dục, và hương vị của gỗ trầm, mùi thơm cổ kính dịu dàng.

Cụ cố Lydia bận một chiếc áo dài màu tím hồng cắt rất giản dị. Ngoài chúng cận thị và cái đầu hơi rung rung, cụ coi bộ chững chạc và trẻ lạ lùng. Cụ kéo tôi ngồi xuống một chiếc ghế nệm dài và thay vì nói chuyện quá khứ xa xưa, cụ lại hỏi han về cuộc đời và cảm nghĩ của tôi. Cụ thích nghe đủ mọi chuyện, lắng nghe đủ loại chuyện tôi kể. Dù tuổi tác già nua, và dù căn phòng của cụ có vẻ, có mùi vị cổ xưa, cũ kỹ như vậy mà chỉ hai năm trước đây cụ vẫn thường xuyên đi du lịch. Mặc dù cụ không hoàn toàn chấp thuận, nhưng cụ vẫn theo dõi và có thiện cảm với quan niệm của thế giới hiện đại, và cụ vẫn ôn lại, bổ túc quan niệm nhân sinh của cụ. Đồng thời cụ có tài nói chuyện duyên dáng, khéo léo. Khi ngồi với cụ, câu chuyện tiếp diễn không ngừng, lúc nào cũng hay ho hấp dẫn.

Lúc tôi kiếu từ, cụ ôm hôn tôi rồi buông tôi ra bằng một cử chỉ chúc phúc lành mà trước đó tôi chưa hề thấy ai làm như vậy.

Tôi ngó lên văn phòng kiểm bác Matthaus; bác đang cúi rạp người trên những tờ báo và những bảng mẫu. Tôi đã quyết định không ngồi xuống và sẽ rời đi càng sớm càng hay, ông bác tôi chấp nhận điều ấy dễ dàng.

- Ra cháu mới về hả? ông hỏi.
- Dạ cháu về: cũng hơi lâu rồi.
- Bác nghe nói cháu lớp này khá lắm phải không?
- Cám ơn bác, nhờ trời cũng khá.

- Cháu ghé qua thăm bác gái một lát nghe không.
- Dạ, cháu gặp bác cháu rồi ạ.
- Vậy hả, tốt lắm, thế thì tốt lắm.

Tối lúc đó mắt bác lại ngó xuống tấm bảng mẫu và giờ tay về phía tôi. Vì ông chìa tay ra khá đúng hướng, tôi vội bắt tay ông rồi vui vẻ đi ra.

Bây giờ thì những cuộc thăm viếng chính thức đã hoàn tất, tôi, về nhà để ăn bữa trưa. Để đãi tôi, có món cơm và thịt bê nướng. Sau bữa ăn, Fritz, em trai tôi, gọi riêng tôi và dẫn tôi lên phòng nó, nơi có treo sưu tập bướm bướm của tôi lồng dưới khung kiếng. Em gái tôi cũng muốn nói chuyện phiếm với chúng tôi, ngó đầu vào bên trong cửa nhưng Fritz trịnh trọng xua tay: “Không được, bọn này có chuyện bí mật”. Fritz nói với Lotte rồi dăm dăm nhìn mặt tôi, và thấy tôi có vẻ nôn nao chờ đợi, hần lôi một chiếc hộp giấu dưới gầm giường ra, nắp hộp được che phủ bằng một tấm thiếc, trên chặn mấy cục đá lớn.

- Anh thử đoán xem bên trong có gì? Hần nói, giọng thấp và tình quái.

Tôi nhớ tới những thú chơi và những cuộc thí nghiệm của chúng tôi ngày xưa rồi đoán liều:

- Thần lẩn có phải không?
- Không.
- Rắn khoáng?
- Trật lắc.
- Sâu róm?

- Không, không phải vật sống.

- Không, tại sao lại phải đóng kỹ vậy? Có những vật còn nguy hiểm hơn cả sâu róm.

- Nguy hiểm à? Vậy thì chỉ còn có thuốc súng thôi.

Thay vì trả lời, hắn mở nắp hộp ra và tôi thấy bên trong là cả một kho thuốc nổ: những gói thuốc súng thứ thì to, thứ thì nhỏ, than, ngòi, dây chì, những mẩu lưu huỳnh những hộp sanpét và những vụn sắt.

- Anh có ý kiến gì không?

Tôi biết là cha tôi sẽ không chộp mất một giây nếu ông biết là có một hộp đựng những chất ấy cất giấu trong phòng ngủ của mấy thằng con trai ông. Nhưng Fritz đỡ bưng mặt lên vì vui vẻ sung sướng, hãnh diện dành cho tôi một sự bất ngờ nên tôi chỉ chấp thuận lấy lệ và đặc biệt khen ngợi những biện pháp đề phòng của hắn. Vì chính tôi có phần nào trách nhiệm trong vụ này, tôi đã từng trông ngóng những lần đốt pháo bông hăng hái như anh thợ học việc chờ ngày lành nghề ra làm ăn riêng.

- Anh có cộng tác với em trong vụ này không? Fritz hỏi.

- Dĩ nhiên, mình có thể đốt về đêm, ngoài vườn hoặc là ở chỗ trống nào đó, hả?

- Được chứ. Mới đây em cho nổ một trái lựu đạn có tới hai trăm ram thuốc súng, trên sân cỏ bên ngoài thành phố. Trời ơi nổ như động đất. Nhưng bây giờ hết tiền rồi, vậy mà, còn thiếu nhiều nguyên liệu quá.

- Anh sẽ góp ba đồng mác.

- Thế thì tuyệt, mình có thể làm pháo thăng thiên và làm những lá pháo thiệt lớn.

- Nhưng phải cẩn thận nghe?

- Cẩn thận à! Chưa bao giờ em gặp chuyện gì cả.

Tôi có ý ám chỉ đến tai nạn lớn hồi tôi mười bốn tuổi, suýt nữa chỉ trong đường tơ kẽ tóc tôi đã bị mù và mất mạng.

Bây giờ hấn cho tôi xem những vật liệu dự trữ và những trái nổ hấn đã khởi sự làm, tường trình cho tôi biết những bí mật hấn khám phá trong công cuộc thí nghiệm và sáng chế của hấn, hấn làm tôi nức lòng muốn biết về những việc hấn sẽ trình bày cho tôi sau này nhưng hiện tại hấn cần phải bảo toàn bí mật. Hấn mất cả buổi trưa để thuyết trình rồi sau đó hấn phải đi làm công việc. Sau khi hấn bỏ đi, tôi vừa đẩy chiếc hộp quái ác ấy lại và đẩy nó vào gầm giường, thì em gái tôi bước vào, mời tôi đi dạo chơi với cô ta và cha tôi.

- Con thấy thằng Fritz có lạ không? Ba tôi hỏi. Nó lớn mau quá phải không?

- Dạ vâng.

- Nhưng con có nghĩ là điều đáng lo hơn cả là nó bắt đầu tinh nghịch ma mãnh lắm. Phải, bây giờ con cái ba lớn cả rồi.

Bàn tới chuyện ấy tôi cảm thấy hơi mắc cỡ. Nhưng buổi xế trưa hôm đó thật đẹp trời; những bông hoa kèn đỏ rực trên cánh đồng, những bông hoa lau phát phơ. Chúng tôi đi chậm chậm dọc theo con đường, chuyện phiếm không ngoài đề tài tươi vui. Những con đường

mòn, những mảnh vườn quá quen thuộc, những bụi cây ven rừng thân yêu chào mừng, vẫy gọi tôi; những quãng đời đã qua lại hồi sinh, dịu dàng, trắng lợt, dường như tất cả đều tốt đẹp, hoàn hảo trong những ngày ấy.

- Nào, bây giờ em phải hỏi qua ý kiến anh. Lotte nói. Em tính mời một người bạn em đến đây nghỉ ít tuần.

- Ồ ư. Cô ta hơn em hai tuổi. Anh nghĩ thế nào? Hiện nay anh đang có mặt ở nhà, đó là điều chính, cho em biết việc cô ta đến chơi có phiền phức cho anh không?

- Sở thích của cô ta là gì?

- Cô ấy mới thi sư phạm.

- Trời ơi!

- Không trời ơi gì hết! Sự thực cô ấy rất hiền và không phải loại người cứng nhắc đâu - không một chút nào cả. Không phải cô ta thi để đi dạy học đâu.

- Sao lại không?

- Điều ấy để anh hỏi lại cô ta sau.

- Nghĩa là cô ấy sẽ đến phải không?

- Sao anh khờ thế. Còn tùy thuộc ở anh chứ. Nếu anh nghĩ rằng anh chỉ trích sống với gia đình thôi, cô ta có thể đến chơi vào dịp khác. Vì thế mà em phải hỏi anh.

- Đối với anh thế nào cũng được.

- Nếu thế thì anh cứ trả lời ừ cho rồi đi.

- Được, thì ừ.

- Tốt, bữa nay em sẽ viết thư cho cô ấy liền.

- Em cho anh gửi lời thăm cô ấy nghe.

- Điều đó sẽ làm cho cô ta sung sướng lắm.

- Cần rõ một chi tiết: tên cô ta là gì?

- Anna Amberg.

- Amberg thì hay, còn Anna là tên một bà thánh, nhưng nghe chán lắm, bởi danh từ này không tạo được một biệt danh.

- Anh có thích tên Anastasia không?

- Có chứ, - mình có thể kêu tắt là Stasi hay Stasei.

Trong khi ấy chúng tôi đã lên tới đỉnh đồi, bậc nọ như sát bậc kia ngay trên đỉnh đầu, nhưng sự thực thì khá xa. Bây giờ từ trên một tảng đá nhìn xuôi theo những mảnh đất méo xệch nằm trên sườn đồi dốc mà chúng tôi vừa leo, nhìn xuống thành phố ở xa, sâu trong thành phố hẹp. Sau lưng chúng tôi, trên dải đất thoải thoải một cánh rừng thông âm u chạy dài dậm nọ nối dậm kia, thỉnh thoảng bị cắt ngang bởi những bãi cỏ hẹp hay một thửa ruộng, màu sắc tương phản với màu đen của rừng cây.

- Thực tình không có nơi nào đẹp như thế này, tôi nói một cách tự lự.

- Ba tôi mỉm cười nhìn tôi:

- Đây là quê hương con ạ. Quê hương bao giờ chẳng đẹp.

- Quê hương ba đẹp hơn không ba?

- Không, nhưng tuổi thơ ngây đâu thì mọi vật ở đó đều đẹp đẽ, đều thiêng liêng cả. Trong lúc xa quê, con có nhớ nhà bao giờ không con?

- Có chứ, đôi khi con cũng nhớ.

Gần đó là một khu rừng mà hồi còn nhỏ tôi thường tới bắt chim sâu đỏ ực. Và xa hơn một chút có lẽ còn dấu vết của một pháo đài bằng đá mà hồi nhỏ chúng tôi đã nấp. Nhưng vì ba tôi mệt nên sau một lúc nghỉ ngơi chúng tôi quay về và đi bằng một lối khác.

Tôi mong muốn được biết nhiều hơn về Helene Kurz, nhưng tôi không dám nhắc đến tên cô ta vì sợ lộ liễu quá. Trong sự bình an và nhàn nhã ở gia đình và với triển vọng của năm bảy tuần lễ nghỉ ngơi, tâm hồn trẻ trung của tôi bắt đầu rung động với những khao khát và những giấc mộng yêu đương. Bất kỳ điều chi mình cần đều là duyên có thuận tiện để hỏi. Nhưng chính đó là điều tôi thiếu; và tôi càng bị ám ảnh bởi hình ảnh của người thiếu nữ đẹp, tôi càng khó hỏi han về nàng cùng hoàn cảnh của nàng mà không thấy mình bị lúng túng.

Trên đường về nhà, chúng tôi hái những bó hoa lớn dọc bờ ruộng. Đây là một nghệ thuật mà từ lâu tôi thôi thực tập. Trong nhà chúng tôi, mẹ tôi không những có thói quen sưu tầm những bình đồ gốm mà còn đặt bình hoa tươi trên tất cả các mặt bàn, mặt tủ. Sau nhiều năm chúng tôi có đủ loại bình, loại ly và loại chậu cắm hoa, và hoa lá, cành cây và những bụi cây nho nhỏ. Để chọn bông đẹp nhất mà hái thì những đóa hoa ấy khác hẳn nhau.

Tôi thấy hình như đã nhiều năm rồi tôi không có dịp nhìn thấy những đóa hoa dại. Vì khi chúng ta ngấm nhìn chúng lúc đi ngang qua với tâm hồn nghệ sĩ, như những hòn đảo tô màu trong thế giới màu xanh, và khi chúng ta quỳ gối cúi xuống, xem xét từng đóa một để

chọn bông đẹp nhất mà hái thì những đóa hoa ấy khác hẳn nhau. Tôi khám phá ra những loại cây nhỏ xịu, mọc nép ở chỗ khuất, loài cây mà bông của chúng nhắc tôi nhớ tới những lần trốn học hồi còn nhỏ và những loại cây khác mà tôi thích đặc biệt hay đặt cho nó những tên riêng kỳ cục. Những loài hoa ấy vẫn còn phải tìm kiếm và mỗi loại làm sống lại nơi tôi một kỷ niệm. Từ mỗi chiếc đài hoa màu xanh hoặc màu vàng tuổi thơ gây hạnh phúc của tôi ngược lên nhìn tôi, nhìn với vẻ triu mến, thiết tha đắm trong khóe mắt.

Trong cái mà chúng tôi gọi là phòng khách có chứa tới năm bảy cái thùng gỗ thông lớn. Trong đó chất đầy sách cuốn đứng cuốn nằm ngổn ngang. Những sách này từ nhiều đời để lại. Chúng không được xếp đặt theo thứ tự nào cả và thường bị quên lãng. Hồi còn nhỏ tôi tìm thấy ở bộ Robinson Crusoe và Gulliver phiêu lưu ký, màu giấy đã ngả vàng, có in nhiều tranh đẹp mắt. Rồi tôi đọc tên truyện cổ về những nhà hàng hải và những nhà thám hiểm, và sau này tôi có đọc nhiều tác phẩm có màu sắc văn chương hơn, như Siegwart, *Truyện một nhà Tu, Tân - Amdis, Nỗi buồn của chàng Werther*, và *Ossian*. Về sau nữa tôi đọc đến tác phẩm của Jean Paul, Stilling, Walter Scott, Platen Balzac và Victor Hu go, cũng như thế là cuốn *Tướng mạo* của Lavater in khổ nhỏ và nhiều bộ niên lịch in đẹp, những cuốn sách loại bỏ túi và những cuốn lịch nổi tiếng, những cuốn lịch được minh họa bằng những bảng khắc đồng của Chodowiecki, những cuốn lịch về sau thì do Ludwig Richter trình bày, những tấm lịch Thụy sĩ do bản khắc gỗ của Disteli.

Vào những buổi chiều trong gia đình không tổ chức chơi âm nhạc hay tôi không bận làm pháo với Fritz, tôi có thể lấy cuốn này hay cuốn khác từ kho sách ấy vào phòng riêng và thở khói thuốc lên trên những trang sách vàng khè, trên đó tiền nhân tôi đã từng thở dài, nói mơ sáng và bản khoăn suy nghĩ. Cậu em tôi đã xé cả cuốn Titan của Jean Paul để làm pháo. Sau khi tôi đã đọc hai cuốn đầu và cố tìm cuốn thứ ba để đọc thì nó thú tội, nhưng cãi rằng cuốn sách đã rách long lở cả rồi.

Những buổi chiều ấy thật êm đềm, thích thú. Chúng tôi cùng hát, Lotte chơi dương cầm, Fritz kéo vĩ cầm. Má tôi kể chuyện hồi chúng tôi còn thơ ấu. Con Polly hót trong lồng và không chịu đi ngủ. Ba tôi ngồi nghỉ bên cửa sổ hay loay hoay dán sưu tập tranh ảnh để dành cho các cháu con mấy người em.

Có một buổi chiều Helene Kurz ghé vào chơi nói chuyện tới nửa giờ. Tôi không thấy hành động ấy lạ điều một chút nào cả. Tôi liếc mắt nhìn cô nhiều lần và ngạc nhiên vì thấy cô đẹp và toàn vẹn quá. Lúc cô ta đến, những ngọn đèn cây trên mặt dương cầm đã cháy gần hết và nàng tiếp giọng hòa ca hai bè. Tôi cố hát thật thấp để nghe rõ từng nốt giọng ca phong phú của nàng. Tôi đứng đằng sau và ngó qua mái tóc nàng lung linh dưới ánh nến vàng, tôi thấy đôi vai nàng nhẹ rung trong khi nàng hát; và tôi thầm nghĩ giá được giờ tay vuốt nhẹ mái tóc ấy thì thật là thú vị biết bao.

Không có gì là chắc, nhưng tôi có cảm tưởng là giữa chúng tôi đã có những liên lạc tình cảm từ ngày xưa, vì tôi đã yêu nàng vào thời chịu phép Thêm sức. Bây giờ

đôi khi cử chỉ thân thiện của nàng làm tôi hơi thất vọng. Vì tôi muốn rằng tình yêu chỉ một chiều, tôi đóng vai chủ động còn nàng thì đừng biết gì chuyện ấy.

Một lúc sàu nàng cáo từ, tôi vội lấy nón của mình và tiến ra phía cửa kính cùng với nàng.

- Thôi, xin chào tất cả, nàng nói.
- Nhưng thay vì giờ tay ra bắt tay nàng, tôi lại nói:
- Để tôi đưa cô về.

Nàng cười:

- Ô, không cần, cảm ơn anh. Ở đây người ta không quen tiễn đưa như thế.

- Thế à? Tôi nói và né mình tránh chỗ cho nàng ra. Nhưng lúc đó em gái tôi với lấy chiếc nón rơm vành xanh gọi theo:

- Cho em đi với.

Thế là ba người chúng tôi cùng xuống thang. Tôi nhanh nhẹn mở cánh cổng sắt nặng nề và chúng tôi cùng bước vào nắng quái chiều hôm, rồi chậm chạp đi xuôi đường phố, băng qua cầu, đến quảng trường trước chợ, rồi leo lên đồi dốc nơi căn nhà của gia đình Helene tọa lạc. Hai cô nói chuyện như khướu, tôi chỉ biết nghe và thấy sung sướng được là thành phần của bộ ba. Đôi lúc tôi đi chậm lại làm như đang nhìn lên vòm trời để đoán thời tiết, đi lùi lại sau vài bước để có thể ngắm nhìn cái đầu Helene cất cao và di động tự nhiên, tấm thân uyển chuyển tiến lên.

Đến nhà nàng, Helene bắt tay chúng tôi rồi đi vào. Tôi còn thấy cái nón của nàng lóng lánh một hồi trong căn tiền đường trước khi cánh cửa sập lại.

- Đúng. Lotte nói. Helene thật là một cô gái đẹp. Ở cô ta có một cái gì dịu dàng ghê lắm.

- Em nói đúng. À còn cô bạn gái của em ra sao? Bao giờ thì cô ấy đến?

- Em viết thư cho cô ta bữa qua.

- Hừ, biết vậy. Ừa, mình về theo lối cũ sao?

- Ồ mình có thể về theo lối vườn cây mà.

Chúng tôi lần theo lối đi chật hẹp giữa những hàng rào cây. Lúc đã bắt đầu tối, chúng tôi phải ngó chừng để biết lối đi, và có nhiều bậc gỗ đã sụt xuống và có những cột giậu đổ ngã ra ngoài đường.

Chúng tôi đã về gần tới vườn nhà và đã có thể nhìn thấy đèn thấp sáng trong phòng sinh hoạt. Bỗng nghe tiếng “xì, xì” cô em tôi hoảng sợ. Té ra cậu Fritz đang nấp trong vườn đón đợi chúng tôi

- Đứng yên, ngó coi nó bảo chúng tôi. Nó bật diêm châm một cái ngòi rồi tiến lại phía chúng tôi.

- Lại pháo? Lotte rầy em.

- Không nổ lớn lắm đâu. Fritz trấn an. Coi thử xem. Một khám phá mới lạ.

Chúng tôi chờ cho cái ngòi cháy hết. Rồi bắt nổ lách tách, xoẹt ra những tia lửa sáng từng chập, như thuốc súng ứt cháy, Fritz sướng đỏ mặt lên:

- Bây giờ đây, trong một giây lát, trước hết sẽ là ngọn lửa trắng, rồi đến một tiếng nổ và ngọn lửa đỏ, rồi kế đến là ngọn lửa xanh thật đẹp!

Chương trình không đúng như nó trù liệu. Sau khi xẹt xẹt, bắn tia sáng ra, công trình khám phá của nó cháy vèo một lượt, gây một tiếng nổ lớn, tạo một sức ép rồi có một đám khói trắng bốc lên.

Lotte cười phá lên, và Fritz rất đổi khổ tâm. Trong lúc tôi cố an ủi hắn thì làn khói đen trịnh trọng tan dần trên những ngọn cây đen tối.

- Có một tia xanh. Fritz bắt đầu tự biện hộ và tôi chấp nhận ngay. Rồi giọng như đượm nước mắt, nó mô tả tỉ mỉ công việc chế tạo pháo bông và đáng lẽ pháo đã phải cháy như thế nào.

- Để mình làm lại lo gì! Tôi nói.

- Mai nghe? - Không được, để tuần tới.

Tôi cũng có thể đồng ý là để mai. Nhưng tâm trí tôi còn tơ tưởng tới Helene Kurz và đang mơ mộng biết đâu ngày mai chẳng có chuyện vui bất ngờ xảy đến với tôi đấy - có thể nàng sẽ đến chơi vào buổi chiều, hay là nàng có thể bỗng nhiên say mê mình. Nói tóm lại bây giờ tôi bận tâm đến những việc quan trọng hơn, hấp dẫn hơn là bất kỳ loại pháo bông nào trên đời này.

Chúng tôi bước qua vườn để vào nhà và thấy cha mẹ tôi ngồi ở bàn cờ trong phòng sinh hoạt gia đình. Khoảng mười một giờ đêm, lúc tôi đang ngồi trước cuốn sách dây của Jean Paul, ngọn đèn dầu nhỏ của tôi bắt đầu lu. Ngọn lửa bập bập thành tiếng nhỏ, chập chờn.

Ngon đèn đỏ và bốc khói, và khi tôi xem lại ngọn đèn, vận bắc lên xuống thì biết là đèn đã hết dầu. Tôi thấy tiếc cuốn tiểu thuyết đang hay, nhưng không thể mò mẫm trong ngôi nhà tối om để tìm dầu.

Và vì vậy tôi thổi tắt ngọn bắc bốc khói rồi vào giường, tâm trí bức bối. Bên ngoài, cơn gió ấm nổi lên, đang thổi nhẹ nhàng qua những ngọn thông và những cụm hoa sấu đông. Trong sân cỏ phía dưới, một con dế mèn đang gáy. Tôi không thể ngủ được và bắt đầu nghĩ tới Helene. Tôi không dám hy vọng gì hơn là được chiêm ngưỡng người thiếu nữ đẹp, quý phái ấy mà thậm chí mơ ước một cách vô vọng, điều đó làm cho tôi đau khổ nhưng cùng lúc cũng làm cho tôi thú vị. Tôi cảm thấy nóng ran và khổ sở khi mơ tưởng đến khuôn mặt, giọng nói phong phú của nàng, dáng đi, bước đi nhịp nhàng, vững chắc của nàng lúc nàng đi dọc đường phố và băng qua quảng trường trước chợ hồi chiều.

Sau cùng ngồi nhồm dậy ra khỏi giường thấy nóng và xao xuyến quá không ngủ được. Tôi ra chỗ cửa sổ và nhìn ra ngoài.

Vàng trắng nhạt lấp ló sau những đám mây vẫn. Con dế mèn vẫn gáy dưới sân cỏ. Điều tôi tha thiết mong muốn là được ra ngoài đi đi lại lại chừng một tiếng đồng hồ. Nhưng cổng trước nhà tôi luôn được khóa lại trước mười giờ, thỉnh thoảng hoặc nếu phải mở ra để sử dụng thì phải là có biến cố gì bất thường, xáo trộn và mạo hiểm lắm.

Tôi cũng không biết là chìa khóa cổng treo ở đâu nữa.

Tôi nhớ lại những năm xa hồi còn niên thiếu, đôi khi tôi nghĩ là đời sống trong gia đình thực sự là tù túng. Và về đêm, với mặc cảm tội lỗi và sự liêu lĩnh, tôi lên ra khỏi nhà đi uống bia ở một quán mở cửa về khuya. Để ra ngoài tôi đã dùng cửa sau chuẩn ra vườn, cửa này chỉ cài then thôi, rồi tôi trèo qua rào để ra phố bằng lối hẹp phân cách những khu vườn kề cận nhau.

Tôi bận quần vào - trời khá nóng nên chẳng cần bận gì thêm nữa - tháo giày ra cầm trên tay và đi chân đất lên ra khỏi nhà. Leo qua rào, tôi bắt đầu đi thong thả trong thành phố đang ngủ, đi ngược triền sông, con sông chảy xuôi theo tiếng nước rì rào và nó đùa cùng ánh trăng phản chiếu lung linh.

Thức giấc và đi lang thang ngoài trời về đêm, dưới vòm trời yên tĩnh, bên cạnh dòng sông chảy lặng lẽ và luôn luôn có vẻ bí hiểm dễ gây cho tâm hồn những rung động sâu xa. Vào những lúc đó chúng tôi cảm thấy gần gũi nguồn gốc của chúng ta hơn; cảm thấy mình thân thuộc với muông thú, cây cỏ, ta có những hồi ức mơ hồ về cuộc sống trước khi nhà cửa và thành thị được xây cất, khi mà con người, gã lang thang không nhà không cửa, có thể đối xử với những khu rừng, dòng suối ngọn núi, lang sói, và những con diều hâu như những kẻ bình đẳng, có thể yêu chúng như bạn hay ghét chúng như kẻ thù. Đêm cũng còn trực xuất ý thức tập thể quen thuộc của chúng ta; khi ánh sáng không còn chiếu rọi và không còn nghe tiếng người nữa, ai còn thức sẽ thấy mình cô đơn và xa cách người khác chỉ phải đối diện với thân phận mình. Bấy giờ thứ tình cảm khủng khiếp

nhất của con người, tình cảm bị cô độc không sao tránh nổi, bị bó buộc sống một mình và một mình phải lẻ loi chịu đựng sự phiền não, sự sợ hãi, và sự chết; đúng làm căn bản cho mọi suy tư của chúng ta - đối với người thanh niên giàu nghị lực, đó chỉ là một sự thách đố, một lời cảnh cáo, nhưng đối với tâm hồn yếu đuối thì thật là sự sợ hãi khủng khiếp.

Tôi cũng cảm thấy một cảm tưởng tương tự. Ít nhất là cơn bức bối của tôi cũng tan biến và nhường chỗ cho sự chiêm nghiệm bình tĩnh. Tôi cảm thấy đau khổ khi nghĩ rằng nàng Helene mỹ miều khả ái không hề nghĩ đến tôi với những tình cảm của tôi dành cho nàng; nhưng tôi cũng biết rằng nỗi buồn của mối tình không được đền đáp sẽ không giết chết tôi, và tôi cũng lơ mờ linh cảm rằng cuộc đời này, cuộc đời huyền bí còn chứa chất những vực thẳm đen tối, những bất trắc ghê gớm hơn những nỗi buồn của một thanh niên nhân dịp nghỉ phép.

Dẫu sao, mạch máu của tôi còn đang nhảy lẹ và sôi nổi, nó không tùy thuộc ý chí tôi, tình trạng này được tạo nên bởi làn gió nhẹ, mơn trớn đôi bàn tay và bởi mái tóc nâu của người con gái, nên cuộc đi dạo khuya về đêm này không làm tôi mệt hoặc buồn ngủ. Vì vậy tôi bước lên trên những gốc ruộng cỏ xám trên bờ sông, tôi cởi quần áo nhảy xuống nước lạnh. Dòng sông chảy xiết cưỡng bách tôi phải vùng vẫy liên. Tôi lội ngược dòng chừng mười lăm phút. Sự chán nản, buồn phiền theo dòng nước mát lạnh trôi đi. Mát mẻ và hơi mệt, tôi tìm quần áo mặc vào dù thân mình còn ướt, tôi vào nhà lên giường ngủ, tâm trí lâng lâng thanh thản.

Sau sự sôi nổi của ít ngày đầu tôi dần dần làm quen với nếp sống bình thường nơi quê hương. Tôi đi rong chơi lang thang trong vùng lân cận đi từ tỉnh nọ qua tỉnh kia, làm quen với nhiều loại người, lúc thì làm việc, lúc thì mơ mộng, đôi khi học hành, đôi khi chè chén thâu đêm, lúc thì sống bằng bánh, bằng sữa, và lúc thì sống bằng sách, bằng xì gà, mỗi tháng một nhân cách mới. Và ở đây mọi vật đều nguyên vẹn như mười hay hai mươi năm về trước. Ở đây những ngày, những tuần trôi theo một nhịp độ êm đềm, đều đặn. Và tôi, một kẻ đã trở nên xa lạ với nếp sống này để làm quen với nếp sống bất định của những kinh nghiệm đầy mới lạ, rồi lại thích ứng lại với cuộc sống ở đây như chưa hề đi xa. Tôi thích thú theo dõi những người, những sự vật mà tôi đã nhiều năm quên hẳn và không quên thuật lại những điều lạ đầy ý nghĩa ở thế giới bên ngoài. Đối với tôi ngày giờ trôi qua dễ dàng như những đám mây mùa hè, không để lại một dấu tích nào, mỗi ngày, mỗi giờ là một bức tranh màu và mang theo sự cảm xúc lướt qua, trào lên như một sóng nhạc, vang ra rồi im lìm. Tôi tới vườn, ca hát với Lotte, đốt pháo với Fritz, nói chuyện với má về những địa danh ngoại quốc và bàn luận với ba về những biến cố mới đây trên thế giới, tôi đọc Goethe và Jens Peter Jacobsen, việc nọ kế tiếp bằng việc kia, phù hợp với nhau, mà cũng chẳng có việc nào liên hệ với nhau mật thiết cả.

Trong thời gian đó điều quan trọng nhất đối với tôi là nàng Helene Kurz và tình cảm của tôi đối với nàng. Nhưng điều đó cũng chỉ hiện hữu như những chuyện

khác thôi; có lúc nó làm tôi thốn thức cả mấy tiếng đồng hồ, rồi lại chìm đi cùng cả mấy tiếng. Bên bờ nhất là sự sôi nổi, tình cảm sung sướng vì được sống, thứ tình cảm của một người đang bơi theo dòng nước êm, không hấp tấp không mục đích, không cố gắng không e ngại. Trong rừng khướu hót và dâu dại đã chín đỏ; trong vườn những đóa hồng nở và hoa phượng đỏ rực. Tôi đều chăm chú theo dõi và nghĩ rằng thế giới thật huy hoàng, và tôi băn khoăn tự hỏi cuộc đời sẽ ra sao khi sau này tôi thực sự trưởng thành, già nua và khôn ngoan.

Một buổi xế trưa có chiếc bè lớn trôi qua thành phố. Tôi nhảy lên, nằm trên một đồng gỗ ván và trôi xuôi dòng sông cả mấy tiếng đồng hồ, qua những trang trại làng mạc và dưới những gặm cầu, trong khi ở bên trên tôi không khí xao động và những đám mây đen đặc có tiếng sấm bùng nổ, và bên dưới tôi, dòng sông lạnh vỗ bờ, reo cười, tươi mát bọt nước bắn tung. Tôi cố tưởng tượng có Helene đi theo; tưởng tượng là tôi đã bắt cóc nàng, và chúng tôi ngồi tay nắm tay, đang chỉ cho nhau những sự huy hoàng của thế giới. Từ đây con đường nào cũng dẫn về Hòa Lan cả.

Khi tôi rời khỏi chiếc bè ở cuối thung lũng, tôi nhảy hụp và lặn xuống nước đến tận ngực. Nhưng trên đường về nhà quần áo bốc hơi khô queo. Và lúc tôi về tới dãy nhà đầu tiên trong thành phố, lấm bụi và mệt mỏi sau một chuyến đi bè dài, tôi gặp Helenen Kurz - nàng bạn tấm áo dài đỏ. Tôi bỏ nón, nàng cúi đầu chào và tôi nhớ đến giấc mơ giữa ban ngày, đến chuyện đi xuôi dòng sông với nàng, tay nắm tay, và nàng cùng tôi tâm sự; rồi

suốt buổi chiều hôm đó tôi cảm thấy thất vọng và tự cho mình là một tên khùng mơ mộng hão, một kẻ ngắm trăng sao. Dù sao trước khi đi ngủ tôi đã đem chiếc píp đẹp ra hút, chiếc píp có hình hai con hươu đang gặm cỏ trên nõ điều làm bằng sứ, và đọc Wilhelm Meister mãi tới mười một giờ đêm.

Chiều tối hôm sau vào khoảng tám giờ rưỡi, tôi cùng Fritz lên đỉnh đồi. Chúng tôi mang theo một gói nặng, hai đứa thay phiên nhau xách gói đó. Có một tá pháo lớn, nửa tá pháo thăng thiên, ba quả pháo ném lớn, và một mớ đồ lật vật.

Bầu trời hơi âm hấp nóng, sắc xanh, có những mảng mây di động, mây nhẹ nhàng trôi trên tháp nhà thờ và trên những đỉnh đồi thường che khuất những vì sao hôm màu lợt đầu tiên. Lên đến đỉnh đồi chúng tôi ngồi nghỉ một lát, tôi nhìn xuống dòng sông trong khu thung lũng chúng tôi ở, dòng sông nằm trong ánh sáng hoàng hôn. Tôi lặng ngắm thành phố và khu làng kế cận, rồi những cây cầu, đập nước và dòng sông hẹp có bụi cây mọc hai bên bờ. Rồi hình ảnh người thiếu nữ đẹp len lỏi vào tâm trí tôi. Tôi muốn được ngồi mơ mộng một mình chờ trăng lên. Nhưng không được, vì cậu em tôi đã tháo gói và cho nổ hai trái pháo bằng sợi dây cột vào đầu sào, và để sát bên tai tôi.

Tôi hơi khó chịu. Nhưng Fritz phá lên cười huyền ảo, hẳn có vẻ thích thú lắm nên tôi cũng vui lây và cười theo. Tiếp sau đấy tôi cho nổ trái pháo ném và lắng nghe những tiếng dội lại liên hồi từ vách thung lũng rồi mới tắt đi theo tiếng rền rĩ. Rồi đốt pháo lớn, pháo tép,

pháo dây cỡ lớn, và để kết thúc chúng tôi cho nổ những quả pháo bông bắn vọt lên nền trời lúc đó đã tối đen.

- Anh thấy không, một pháo thăng thiên toàn vẹn như thế này đâu có kém gì lời ngợi ca Thiên Chúa - em tôi vốn sành dùng lối nói văn vẻ hay là một bài ca hay, anh có nghĩ vậy không? Thật là long trọng.

Trên đường về, chúng tôi ném quả pháo cuối cùng vào trong sân nhà bác thợ hút tót, quả pháo trúng con chó khiến nó hú lên và hoảng sợ và tiếp tục sủa dữ dội sau lưng chúng tôi có tới mười lăm phút. Chúng tôi về đến nhà tâm trí vui vẻ, ngón tay nhem nhuốc, như hai thằng quỷ sứ sau khi đã nghịch ngợm đủ trò. Khi tường trình lại với cha mẹ, chúng tôi ca ngợi cuộc dạo chơi đầy thú vị, tả quang cảnh khu thung lũng và vòm trời đầy sao.

Vào một buổi sáng trong lúc tôi đang lau chùi chiếc ống điếu, Lotte chạy lại nói:

- Bữa nay đúng mười một giờ bạn em đến.
- Anna Amberg?
- Vâng, anh đi đón cô ta với em nghe.
- Được.

Tôi không hi vọng gì nhiều nơi người khách này, tôi chưa nghĩ gì đến cô ta. Nhưng không làm gì hơn được cho nên khoảng mười một giờ tôi cùng cô em gái đi ra ga. Chúng tôi đến sớm quá nên đi đi lại lại trước nhà ga.

- Có lẽ cô ta đi hạng nhì. Lotte nói.

Tôi ngó em tôi đầy vẻ nghi ngờ.

- Có lẽ vậy. Gia đình Anna khá giả lắm, mặc dầu cô ta chẳng có về...

Tôi nhún vai. Tôi tưởng tượng ra một cô ả điệu bộ đáng khinh khỉnh, công kênh hành lý, bước ở toa hạng nhì ra, và thấy ngôi nhà ấm cúng của cha tôi tầm thường, còn tôi thì không xứng với cô ta.

- Nếu cô ấy có đi hạng nhì thì rồi cô ta cũng đến tới đây. Anh chỉ cần có bấy nhiêu thôi.

Lotte tỏ vẻ khó chịu và sắp đáp xẵng giọng thì xe lửa tiến vào rồi ngừng lại, và Lotte vội chạy ra. Tôi thủng thẳng đi theo và thấy cô bạn gái từ toa hạng ba bước ra, cấp nách một cây dù lụa màu xám, một tấm khăn phủ đầu gối và một chiếc vali nhỏ.

- Anna, đây là anh mình.

Tôi cất tiếng chào, và mặc dù nàng đi hạng ba, tôi không biết nàng sẽ nghĩ thế nào về việc tôi đích thân xách vali rất nhẹ, nên tôi vội gọi người phu khuân vác và trao vali cho hắn. Rồi tôi đi dọc thành phố bên cạnh hai người thiếu nữ, tự nghĩ chắc họ có nhiều chuyện cần nói lắm. Nhưng tôi thấy có cảm tình với cô Amberg. Lẽ dĩ nhiên là tôi hơi thất vọng vì cô ta không đẹp lắm, nhưng bù lại, có cái gì khả ái nơi nét mặt và giọng nói của cô ta, như mơn man, như gọi lòng tin.

Tôi vẫn còn nhớ cách thức má tôi chào đón hai người ở trước cửa kính. Má tôi có biệt tài xem tướng mặt, và bất kỳ người nào bà đã tiếp đón bằng nụ cười sau một tia nhìn tìm hiểu đầu tiên, có thể chuẩn bị để sống vui vẻ trong gia đình bà. Tôi vẫn còn nhớ cách thức bà nhìn vào đôi mắt Anna Amberg và rồi gật đầu chào cô ta. Bà dang cả hai tay ôm cô vào lòng khiến cô cảm thấy tự nhiên mà không cần nói một tiếng. Nỗi lo người lạ mặt này sẽ là

một sự khó chịu đối với gia đình tôi tan biến mất, vì cô tiếp nhận đôi tay đang ra cùng sự thân thiết với tất cả tấm lòng bình thản chân thành, và ngay từ giây phút đầu cô đã là người trong gia đình tôi.

Với tất cả sự thành thạo của những năm trẻ tuổi, tôi kết luận ngay từ ngày đầu rằng người thiếu nữ dễ thương này có một tâm hồn bình thản tự nhiên và vô tội. Có thể cô ta không biết nhiều về cuộc đời, nhưng cô ta là một người bạn thân rất quý. Tôi lơ mơ biết là có một sự bình thản cao hơn, giá trị hơn mà có người đạt được qua khó khăn; đau khổ, và có những kẻ không bao giờ đạt nổi. Nhưng điều này chưa được kinh nghiệm kiểm chứng. Cho đến lúc ấy tôi chưa biết rằng người khách của chúng tôi có một tính tình vui vẻ hồn nhiên hiếm có.

Theo kinh nghiệm của tôi hồi ấy, những thiếu nữ mà mình có thể nói chuyện về cuộc đời, về văn chương không phải là dễ kiếm. Cho tới lúc này tôi thường coi các bạn gái của em tôi hoặc tôi là những đối tượng để yêu hoặc làm bạn thân thiết. Kết thân với một thiếu nữ trẻ trung mà không cần phải giữ miếng, và có thể nói chuyện về mọi vấn đề như thể cô ta là một trong số bạn trai của mình là một điều mới lạ, thích thú đối với tôi. Mặc dầu nói là bình đẳng với cô ta, tôi vẫn thấy trong giọng nói, trong ngôn ngữ, và trong cách suy tưởng của cô có nữ tính, và vì thế nó ấm áp, ngọt ngào.

Tôi cũng ngạc nhiên không biết sao Anna đã thích ứng với nếp sống của chúng tôi một cách lặng lẽ và khéo léo, không một chút rụt rè, e lệ như thế. Vì tất cả những người bạn mà tôi đã có dịp mời về nhà nghỉ thường làm

ra bộ tự nhiên và thường mang tới một sắc thái xa lạ. Ngay đến tôi đây cũng ăn nói dõng dạc hơn, làm bộ quan trọng hơn trong những ngày đầu tiên mới trở về nhà.

Đôi lúc tôi cũng ngạc nhiên vì Anna không hề đòi hỏi được xử dãi đặc biệt. Trong lúc đàm luận tôi có thể xẵng giọng mà không hề thấy nàng tỏ ra bị xúc phạm. Đối với Helene Kurz thì khác hẳn. Đối với Helene, ngay trong lúc vui chuyện nhất tôi cũng không dám nói gì hơn là những câu trang trọng, giữ gìn.

Trong khoảng thời gian đó Helene Kurz thường lại thăm chúng tôi luôn và có vẻ quyến luyến người bạn của cô em tôi. Một hôm tất cả chúng tôi được mời tụ họp trong vườn nhà bác Matthaus. Có cà phê và bánh ngọt, sau nữa là tuần rượu dâu. Xen vào giữa, chúng tôi vui những trò chơi trẻ con vô hại hoặc đàng hoàng dạo trên những lối đi trong khu vườn mà sự gọn ghẽ, sạch sẽ bắt mọi người phải xử sự đứng đắn.

Thật là ngộ nghĩnh đối với tôi khi gặp Helene và Anna cùng một lúc và nói chuyện với hai người cùng một lượt. Với Helene Kurz, lúc nào cũng ngỡ ngàng, tôi có thể bàn đến những chuyện hời hợt, nhưng cần phải kể bằng một giọng rành mạch, sốt sắng, trong khi nói chuyện với Anna tôi có thể bàn luận đến những vấn đề hay ho nhất mà không hề gượng gạo hoặc căng thẳng. Và trong lúc tôi tỏ lòng biết ơn cô, tôi nhận thấy đàm đạo với cô thật là thoải mái, hấp dẫn, nhưng tôi không bỏ lơ díp nhìn người con gái kia, đẹp hơn cô nhiều, nàng có những khoe mắt khiến tôi say đắm nhưng không làm tôi mất ngủ.

Chú Fritz em tôi buồn nản một cách khốn khổ. Sau khi đã ra công ra sức ngốn bánh kẹo, chú đề nghị những trò chơi sôi động, có trò chúng tôi không dám chơi, có trò chơi một lát rồi đành bỏ. Có lúc chú lôi tôi ra một chỗ rồi phàn nàn rằng buổi chiều hôm nay thật nhạt như nước ốc. Tôi nhún vai, nó bảo cho tôi biết nó có thủ sẵn một trái pháo bông trong túi và định bụng chút nữa sẽ đốt vào lúc các cô, theo thông lệ, già biệt nhau. Tôi cố gắng thuyết phục nó nên bỏ ý kiến đó đi. Nó bèn bỏ ra một góc vườn thật xa rồi nằm xuống cạnh một bụi cây dâu lớn. Mặc dầu tôi phản bội nó và đồng lõa với những người khác cười nhạo thái độ con nít của nó, tôi vẫn cảm thấy thương hại nó và thấu hiểu cảm nghĩ của nó.

Hai cô chị họ, con gái bác Berta, thì dễ điều khiển lắm. Các cô còn hồn nhiên và say sưa thưởng thức những câu nói đùa từ lâu xa vắng nên đầy vẻ mới lạ với các cô. Ông bác thì đã rút lui ngay sau lúc uống cà phê. Bác gái Berta cặp kè với Lotte suốt buổi; bác muốn giã tôi ra ngay sau khi tôi nói ít lời khen ngợi về nghệ thuật làm mứt dâu của bác, khiến bác hài lòng vô cùng. Và vì vậy tôi được rảnh rang quán quýt bên cô nàng và, trong những giây phút yên lặng giữa những cuộc đàm đạo, tôi thấy nói chuyện với người con gái mình thương là cả một vấn đề khó khăn. Tôi muốn tìm cách tỏ ra mình triu mến Helene mà không sao nghĩ ra. Sau cùng tôi ngắt hai bông hồng trong vườn, tặng Helene một đóa, tặng Amberg một bông.

Đó là ngày cuối cùng không vương mây mờ trong kỳ nghỉ của tôi. Vì ngày hôm sau tôi được một người quen

cho hay thời gian gần đây có một người khách năng lui tới thăm. Helene Kurz, người khách đó thuộc dòng họ danh giá, và lễ đính hôn giữa hai người sắp cử hành. Người quen của tôi vô tình kể lại chuyện đó như thuật lại những tin vặt khác, phần tôi thì làm như không lưu ý. Dù đó chỉ là một tin đồn, tôi chẳng còn dám hi vọng gì ở Helene nữa, và bây giờ thì tôi tin chắc là nàng đã hoàn toàn vượt khỏi tầm tay tôi rồi. Trên đường về nhà tôi lao đảo như một cánh cửa long bản lề và nhảy vọt vào phòng riêng.

Trong những hoàn cảnh ấy, và với sức đàn hồi của tuổi trẻ, tôi không thể tiếp tục buồn tủi lâu được. Tuy rằng có tới năm bảy ngày tôi từ khước mọi cuộc vui. Tôi lui thủ đi dạo một mình vào sâu trong rừng hay quanh quần gần nhà, cảm thấy buồn bã và trống rỗng, tôi đến đóng chặt cửa sổ, gửi nỗi niềm tâm sự vào tiếng vĩ cầm.

- Con có chuyện gì không vui phải không? Ba tôi vừa hỏi vừa đặt tay trên vai tôi.

- Con ngủ không được ngon giấc. Tôi cứ tỉnh thực trả lời. Nhưng tôi cũng không nói gì thêm. Câu nói sau đó của cha tôi còn làm tôi nhớ mãi.

- Một đêm không ngủ - người nói - thì bao giờ cũng là điều xui xẻo. Nhưng có thể chịu đựng nếu mình cố nghĩ đến những gì vui vui. Khi mình nằm yên mà vẫn không ngủ được, mình dễ đâm ra bực mình và hướng tâm trí vào những ý nghĩ bực bội. Nhưng ta vẫn có thể dùng ý chí để nghĩ đến những điều hay được.

- Có làm được như vậy không? Tôi hỏi. Vì trong những năm gần đây tôi bắt đầu nghi ngờ sự hiện hữu của cái gọi là ý chí tự do.

- Được chứ? Cha tôi dần giọng đáp.

Tôi vẫn còn nhớ rõ rệt cái giờ phút mà, sau nhiều ngày cay đắng và sâu não, tôi trở lại với chính mình, quên điếu bất hạnh, và bắt đầu vui vẻ sinh hoạt trở lại với những người khác. Lúc đó chúng tôi cùng ngồi trong phòng sinh hoạt gia đình, uống cà phê vào buổi xế trưa, chỉ có Fritz vắng mặt. Mọi người khác đều vui vẻ, đùa nhau nói, nhưng tôi vẫn giữ thái độ yên lặng, không nhập bọn, mặc dầu tôi đã thấy nhu cầu cần phải trò chuyện và vui vẻ trở lại.

Như những người trẻ khác thường làm, tôi đã tự phong tỏa nỗi buồn khổ của tôi bằng một bức tường yên lặng và thái độ bướng bỉnh thách đố. Theo một tập quán đầy ý nghĩa trong gia đình tôi những người khác để cho tôi an thân, họ kính trọng sự buồn phiền ra mặt của tôi, và bây giờ tôi không đủ can đảm đập vỡ bức tường vây quanh tôi. Một lúc trước đây, cảm nghĩ của tôi thật chân thành và cần thiết; bây giờ tôi đang tính toán, bần khoản vì chuyện ấy. Hơn nữa, tôi cảm thấy mắc cỡ vì sự buồn rầu của tôi ngăn ngủi quá.

Bỗng nhiên bầu không khí yên tĩnh của bữa cà phê buổi xế trưa tan vỡ vì tiếng kèn tây thổi thúc trội lên điệu kèn mạnh dạn thúc giục khiến chúng tôi đứng cả lên.

- Cháy nhà à? Cô em tôi hốt hoảng hỏi.

- Báo cháy nhà như vậy thì vui quá?

- Rồi lính cứu hỏa sẽ đến bao vây chúng ta.

Nói rồi chúng tôi cùng đổ xô ra cửa sổ. Ở ngoài đường, ngay trước cửa nhà tôi, có một đàn trẻ nít, và giữa bọn trẻ có một người thổi kèn, cuỗi trên lưng con ngựa trắng to lớn, hấn ta mặc đồ hồng sặc sỡ chiếc kèn đồng và y phục của hấn ánh lên trong nắng. Nhân vật đáng lưu ý này vừa thổi kèn vừa ngược lên nhìn cửa sổ các nhà bên đường. Hấn có bộ mặt sạm nắng và một bộ ria để kiểu Hungari rậm rì. Hấn tiếp tục rúc kèn như điên, hấn thổi bát nháo, chợt nhớ điệu nào thì thổi điệu ấy cho đến lúc tất cả các cánh cửa sổ của khu phụ cận đều đen ngòm người đứng ngó. Lúc đó hấn hạ kèn xuống, vuốt râu mép để tay trái lên hông, trong lúc tay phải ghì con ngựa lại trong thế nghỉ ngơi và hấn bắt đầu diễn thuyết.

Hấn nói đoàn xiếc nổi danh khắp thế giới của hấn qua đây và chỉ ngừng lại có một ngày thôi. Vì có lời năn nỉ của dân trong tỉnh nên ngay tối nay hấn sẽ cho trình diễn một chương trình đặc biệt trên sân cỏ gần bờ hồ. Sẽ có những mục ngựa biểu diễn, đánh đu leo dây ngoạn mục và một màn kịch câm vĩ đại nữa. Giá vé hai mươi xu cho người lớn, mười xu cho trẻ con. Sau khi đã loan báo như trên và yên trí là mọi người đều hiểu cả, hấn thổi một hồi kèn inh ỏi rồi mới khởi hành, theo sau hấn là một bầy con nít và một đám bụi trắng mịn mờ.

Tiếng cười và sự hứa hẹn một buổi tối vui tươi khi anh làm xiếc xuất hiện khích động mọi người và là một dịp may cho tôi. Tôi lợi dụng cơ hội đánh rơi bộ mặt sầu thảm để cùng mọi người chung vui.

Tôi nhanh nhẩu mời hai người con gái đi xem trình diễn. Sau một lúc do dự, ba tôi cho phép chúng tôi và ba người chúng tôi lập tức xuống dưới sân cỏ cốt dành lấy chỗ tốt để xem cho thật rõ. Chúng tôi thấy hai người đàn ông đang bận rộn đánh dấu khu trình diễn, họ lấy dây thừng vây quanh, rồi họ bắt đầu dựng một cái bục cao. Gần đó, trên bục lên xuống của chiếc xe lưu động màu xanh, có một bà già mập phất sợ đang ngồi đan. Một con chó lông xù màu trắng nằm dưới chân bà. Trong lúc chúng tôi mãi miết nhìn, thì anh chàng cuỡi ngựa từ dưới phố về, y cột con ngựa đằng sau chiếc xe, cởi bộ đồ màu đỏ lòe loẹt ra, bận áo sơ mi thường rồi phụ với hai người kia dựng bục.

“Tôi nghiệp họ?” Anna Amberg nói. Nhưng tôi bảo là tôi thấy họ chẳng có gì là đáng thương cả. Tôi bênh vực những người làm xiếc lưu diễn và tôi ca ngợi cuộc sống giang hồ, tự do của họ lên đến tận mây xanh. Tôi không mong gì hơn là được đi theo họ, được đi trên dây và sau khi trình diễn đưa chậu đi xin tiền.

- Tôi muốn được xem cảnh ấy, Anna vui vẻ cười nói.

Lập tức tôi lột nón ra vì không có chậu, làm theo điệu bộ của người đi thâu tiền và nhã nhặn xin mọi người đóng góp chút ít giúp anh hề. Anna cho tay vào túi, và sau một lát lục lọi, nàng ném một xu vào chiếc nón của tôi.

Tôi cảm ơn nàng và bỏ đồng xu vào túi áo vét.

Sự vui vẻ mà tôi đè nén những ngày qua nổ tung ra với một sức mạnh phi thường. Suốt ngày hôm đó, tôi hồn

nhien như một đứa con nít. Có lẽ cái chủ ý thay đổi thái độ của tôi cũng giúp phần vào đấy.

Tối hôm đó chúng tôi dẫn Fritz cùng đi xem trình diễn. Ngay trước khi có mặt ở đấy chúng tôi hồi hộp đoán trước là xiếc sẽ vui lắm. Trên bãi cỏ, một đám người nhấp nha nhấp nhô khắp đây đó. Những đứa trẻ nhỏ đứng quanh quần, yên lặng và vui vẻ, mắt mở rộng chờ đợi; những đứa bé tinh nghịch trêu chọc mọi người và vật nhau ngã lăn; nhiều khán giả leo lên cả những cây dừa ngồi xem ông cảnh binh đội nón sắt đi tuần hành quanh đó. Xung quanh bực trình diễn có một hàng ghế mới đặt. Giữa sân trình diễn có một cây cột chẻ thành bốn nhánh trên có những lon dầu treo lủng lẳng. Những lon dầu lúc này đã được đốt sáng; đám đông nhích lại gần: những hàng ghế dần dần có người vào ngồi; những làn khói bô hóng đen của những bó đuốc nhựa thông bay lên phía trên bực và bay qua đầu khán giả.

Chúng tôi ngồi được vào hàng ghế làm bằng ván dài. Chiếc phong cầm kéo bằng tay trọi lên và người điều khiển buổi trình diễn xuất hiện trên sân khấu cùng với con ngựa nhỏ lông đen. Tên hề đi theo sau và cuộc đàm thoại bắt đầu, cuộc đàm thoại được chấm câu bằng những cái vả vào mặt, khiến mọi người vỗ tay tán thưởng. Tên hề bắt đầu bằng một câu hỏi xác láo. Người đạo diễn thay vì trả lời lại vả một cái vào mặt anh hề rồi lại hỏi:

- Bộ mày tưởng tao là con lạc đà?

- Thưa ngài đạo diễn, bây giờ thì em biết cái sự khác biệt giữa ngài và con lạc đà rồi. Tên hề trả lời.

- Mày biết hả? Thằng hề. Vậy khác ở chỗ nào?

- Có gì đâu thưa ngài đạo diễn, con lạc đà có thể làm việc cả tuần mà không cần uống, ngài có thể uống cả tuần mà không cần làm việc thêm một cái vả vào mặt anh hề, lại một tràng pháo tay. Rồi cứ tiếp tục như vậy, mặc dầu tôi ngạc nhiên về sự sống sượng của những câu pha trò và sự hồn nhiên của đám khán giả đầy lòng biết ơn, tôi cũng cùng cười với mọi người.

Con ngựa con nhảy mấy bước rồi nhảy băng qua chiếc ghế dài, đếm tới số 12, rồi giả vờ chết. Rồi đến con chó bông nhảy qua những chiếc vòng, đi bằng hai chân, giả làm lính tập. Xen vào đó, chốc chốc tên hề lại xuất hiện. Rồi đến lượt con dê, một con vật nhỏ rất đẹp ngồi đánh đu trên chiếc ghế.

Sau cùng tên hề bị hỏi khích là nó có biết làm gì khác ngoài cái nghề đứng quanh quẩn, chọc cười thiên hạ hay không. Ngay lập tức hấn nhanh nhẹn cởi bộ đồ hề công kênh ra, xuất hiện trong bộ đồ nai nịt màu đỏ và leo lên sợi dây cao. Hấn đẹp trai và trình diễn tài tình. Nhưng dù cho hấn có trình diễn không hay chăng nữa, chỉ nhìn thấy cái khuôn mặt đỏ của hấn sáng rực lên vì lửa đuốc dưới vòm trời đêm xanh tối cũng đủ sướng con mắt rồi.

Vì cuộc trình diễn lâu hơn thời gian dự tính nên màn kịch câm bị cắt bỏ. Thế mà khán giả vẫn phải ở lại lâu hơn giờ định trước, nên chúng tôi vội về ngay.

Suốt khoảng thời gian trình diễn chúng tôi chuyện trò sôi nổi. Tôi ngồi sát cạnh Anna Amberg và dù thỉnh thoảng chúng tôi mới ghé qua nhau trao đổi vài nhận xét, lúc nào tôi cũng ý thức nàng ngồi sát bên tôi ầm ắp,

và giờ đây trên đường về tôi còn hơi nhớ nhưng cảm giác ấy.

Vì nằm trong giường một hồi lâu mà không ngủ được tôi có đủ thời gian để nghĩ về chuyện này. Và vì nghĩ mông lung như vậy, tôi đau khổ và xấu hổ khi ý thức được sự thiếu chung thủy của mình. Tại sao tôi bỏ nàng Helene điếm lệ mau lẹ vậy? Nhưng nhờ nguy biến, đêm những ngày hôm sau, tôi đã giải quyết vấn đề một cách ổn thỏa và dung hòa những gì có vẻ mâu thuẫn cho vừa lòng mình.

Đêm hôm ấy, trước khi đi ngủ, tôi bật đèn lên một lần nữa, lục áo vét của tôi để kiểm đồng xu Anna cho tôi trong lúc cao hứng và âu yếm xem xét. Đồng tiền mang niên biểu 1877 - nói khác vừa đúng tuổi tôi. Tôi gói đồng xu trong tờ giấy trắng, ghi ra hai mẫu tự A.A và để ngày hôm ấy, rồi để nó vào ngăn trong cùng của chiếc ví, như một đồng tiền may mắn.

Nửa đầu kỳ nghỉ của tôi - mà nửa đầu một kỳ nghỉ thì bao giờ cũng lâu hơn nửa sau - đã qua lâu rồi, và sau một tuần mưa gió náo nức mùa hè dần dần trở nên già nua và chín muồi hơn. Nhưng đối với tôi dường như không còn gì là quan trọng trên cõi đời này nữa, tôi bị thất tình, lòng tan tác như những lá cờ đuôi nheo phấp phới, qua những ngày ngắn ngủi không ngờ được tôi bùng lên hy vọng mỗi ngày trong sự gan dạ liều lĩnh tôi chứng kiến từng ngày đến, sáng lên, rồi đi mất mà không muốn ngăn cản hay hối tiếc sự qua đi của nó.

Chắc chắn là sự gan dạ liều lĩnh này phát sinh từ sự vô tư kỳ lạ của tuổi trẻ, nhưng một phần nào mẹ tôi

cũng chịu trách nhiệm về chuyện này. Vì dù không thốt ra lời nào, mẹ tôi cũng để lộ cho tôi biết là bà có thiện cảm với sự thân thiện giữa tôi và Anna. Tôi rất có lợi khi xe kết với một thiếu nữ thông minh và có phẩm chất như Anna. Điều đó không thể chối cãi được và tôi thấy dường như mẹ tôi sẽ vui lòng chấp nhận cho mối liên lạc của chúng tôi mỗi ngày một gần gũi hơn, sâu xa hơn. Vì thế chẳng cần phải lo lắng, giấu giếm làm gì, tôi đã xử sự với Anna như là đối xử với một cô em gái thân yêu.

Dẫu sao tình trạng ấy xảy ra khác hẳn điều tôi mong muốn và một thời gian sau tình thân hữu suông giữa chúng tôi đôi khi lại trở thành đau đớn cho tôi. Vì tôi muốn vượt khỏi địa hạt kín cổng cao tường của tình bằng hữu để tiến vào một cánh đồng rộng rãi không vướng mắc của tình yêu. Nhưng tôi không nghĩ ra một ý kiến nào để có thể dễ dàng lôi cuốn người bạn thân yêu ấy bước sang con đường rộng thênh thang kia. Nhưng lại từ chính cuộc xung đột nội tâm ấy phát sinh ra tình trạng hồi hộp thú vị - suốt cả thời gian cuối cùng của kỳ nghỉ - giữa sự vui với hiện trạng và khát vọng đi xa hơn, bây giờ nghĩ lại tôi thấy đó là trạng thái hạnh phúc.

Như vậy chúng tôi đã qua một mùa hè thú vị trong ngôi nhà êm ấm. Đối với mẹ tôi, trong suốt thời gian này, tôi đã trở lại cương vị một đứa con, tôi có thể kể lể không ngưng ngừng cho bà nghe về cuộc đời tôi, thú nhận mọi lỗi lầm và bàn định chuyện tương lai. Tôi còn nhớ có một buổi sớm mai lúc hai mẹ con ngồi dưới dàn hoa leo. Tôi kể lể cho mẹ tôi nghe chuyện gì đã xảy ra cho đức tin nơi Thượng đế của tôi và để kết luận tôi nói

rằng nếu có bao giờ tôi là tín hữu trở lại chắc phải có người đến để thuyết phục tôi.

Nghe nói vậy mẹ tôi mỉm cười nhìn tôi. Sau khi suy nghĩ một hồi bà nói:

- Chắc sẽ chẳng có ai đến để thuyết phục con đâu. Nhưng dần dần chính con sẽ thấy rằng con không thể sống suốt đời mà thiếu lòng tin được. Vì kiến thức chỉ là một phần điều đó con cũng thừa rõ. Hầu như mỗi ngày con đều gặp một người mà con nghĩ là con biết người ta rõ lắm. Con thử trắc nghiệm lại xem thực sự con có biết gì về người ta đâu, con có biết gì về sự vật đâu. Vậy mà người nào cũng cần một cái gì để nương tựa vào, người nào cũng cần sự vững chắc. Và tốt hơn nên quay về Đấng Cứu thế hơn là trông vào một vị giáo sư nào đó hoặc Bismark hay bất kỳ một người nào khác.

- Sao vậy? Tôi hỏi. Sau hết vẫn không có đủ yếu tố để người ta tin hẳn vào Đấng Cứu thế.

- Ô tin được chứ. Này nhé, qua bao nhiêu đời và ở khắp nơi vẫn có những người có thể chết với sự tự tin và không hề sợ hãi. Người ta nói Socrates là một trong những người ấy, và có một số người khác nữa - nhưng không nhiều lắm đâu. Thực vậy, ít lắm, và nếu họ có thể bình thản nhắm mắt không phải vì họ khôn ngoan thông thái; nhưng vì nhờ tâm hồn và lương tâm họ trong trắng. Được lắm, chúng ta cứ cho là số ít những người này hợp lẽ phải đi - lẽ phải của mỗi người. Nhưng đã mấy người trong chúng ta được như họ? Một mặt khác, bên cạnh con số nhỏ nhoi này có hàng ngàn vạn những người nghèo nàn tầm thường, vậy mà họ vui lòng chết, chết

một cách bình thản chỉ vì họ tin ở Đấng Cứu chuộc. Ông ngoại con nằm đau đớn ê chề ròng rã mười bốn tháng trước khi được giải thoát; vậy mà ông không phàn nàn và hứng chịu tất cả sự đau đớn, sự chết một cách vui vẻ bởi vì ông có Chúa làm nguồn an ủi.

- Mẹ biết lắm: mẹ không thể thuyết phục con được. Đức Tin thường không đến bằng con đường lý luận, tình yêu cũng vậy. Nhưng có một ngày kia con sẽ thấy rằng lý trí không bao quản được mọi việc đâu và khi con đã nghĩ như thế, lúc bấy giờ trong sự cực đoan con sẽ vô vấp lấy bất kỳ cái gì có thể đem lại sự nâng đỡ. Có lẽ lúc bấy giờ con sẽ nhớ lại những lời mẹ nói với con hôm nay.

Tôi giúp cha tôi làm vườn và thường mỗi khi đi dạo chơi tôi đều đem về một túi đất lấy ngoài rừng cho ông trồng cây cảnh. Với Fritz tôi giúp nó chế tạo mấy trái pháo lớn và bị bỏng đầu ngón tay khi đem ra đốt. Với Lotte và Anna Amberg tôi tiêu xài những buổi sáng, những buổi xế chiều trong rừng, phụ giúp các cô hái dâu và kiếm hoa. Tôi đọc thật to cho hai cô nghe những đoạn văn hay trong những cuốn sách tôi ưa thích và cố kiếm những địa điểm mới để dạo chơi.

Những ngày hè êm dịu nối gót nhau đi. Tôi đã quen với khung cảnh có Anna lúc nào cũng quần quít bên mình rồi, và khi nghĩ rằng không bao lâu nữa cảnh này sẽ chấm dứt, chỉ ý nghĩ đó cũng đủ làm cho bầu trời sáng xanh của kỳ nghỉ sa sầm xuống.

Và bởi vì sự êm dịu, sự khả ái không bất tử, chúng đổi theo một chủ đích, từng ngày, từng ngày của mùa hè năm ấy, lột khỏi đầu ngón tay tôi - Theo ký ức riêng tôi

thì chính mùa hè năm ấy hình như đã chấm dứt tuổi trẻ của tôi. Mẹ tôi lục soát lại tất cả quần áo của tôi một lần nữa, mạng vá lại ít đồ, và bữa tôi đóng hành lý mẹ tôi đem tặng tôi hai đôi vớ len màu xám tro bà đã tự tay đan; không ngờ đó là món quà cuối cùng mẹ tôi cho tôi.

Ngày cuối cùng tôi vẫn khiếp sợ từ lâu mà vẫn ngạc nhiên khi nói tới. Hôm đó là một ngày cuối hè trời xanh trong sáng, với những đám mây mềm như lụa, với ngọn gió đông nam hiu hiu thổi trong vườn giữa những bụi hồng còn đang đua nở - cơn gió nhẹ thu cả hương thơm của mùa hè, cho đến trưa thắm mệt thì đi ngủ. Bởi vì tôi đã quyết định tận dụng ngày còn lại và sẽ chỉ khởi hành khi chiều tối, bọn trẻ chúng tôi dành cả buổi chiều để dạo chơi. Như thế còn những giờ buổi sáng dành cho cha mẹ tôi và tôi ngồi giữa hai vị trên tám ghế bọc nệm dài trong phòng làm việc của cha tôi.

Cha tôi dành tặng tôi vài kỷ vật vào phút chót. Với giọng đùa cợt cố che giấu cảm xúc, cha tôi đưa tặng tôi một cái ví da kiểu cổ trong đựng một ít tiền, một cây viết cài túi áo, và một cuốn sổ tay do chính tay ông đóng thật đẹp và trên những trang giấy trắng đó, bàn tay khắc khổ của ông đã ghi lại hơn chục câu danh ngôn. Về tiền bạc ông khuyên tôi tần tiện nhưng đừng keo kiệt, cây viết để viết thư về nhà luôn và nếu tôi bắt gặp thêm những câu danh ngôn mà kinh nghiệm riêng cho là đúng thì ghi vào quyển sổ, bên cạnh những câu danh ngôn mà chính ông thấy là đúng và hữu dụng trong đời ông.

Ba người ngồi với nhau hơn hai tiếng đồng hồ và cha mẹ tôi kể cho tôi nghe nhiều chuyện về thời quá khứ,

chuyện thời thơ ấu của chúng tôi, chuyện thời thơ ấu và cuộc đời các đồng sinh thành ra cha mẹ tôi - những chuyện đối với tôi thật mới mẻ và có vẻ quan trọng lắm. Tôi đã quên hầu hết những chuyện ấy và giữa lúc ấy tâm trí tôi vẫn mơ tưởng tới Anna, có lẽ vì thế tôi không thể hăng hái lắng nghe và ngấm ngấm về những lời cha mẹ tôi nói. Nhưng tôi còn giữ được nguyên vẹn kỷ niệm linh động của buổi sáng hôm ấy trong phòng làm việc và sự tôn kính sâu xa, lòng biết ơn hai đồng sinh thành ra tôi, mà hôm nay tôi thấy sáng rực lên trong một vòng hào quang trong trắng, thánh thiện tôi không thấy được nơi bất kỳ người nào khác. Nhưng cuộc già từ buổi chiều hôm đó khiến tôi cảm động sâu xa hơn nhiều. Ngay sau buổi cơm trưa tôi đi chơi cùng hai người thiếu nữ dọc theo con đường lên núi. Địa điểm chúng tôi nhằm đi tới là một khu đất trũng có cây mọc rất đẹp, một thung lũng có vách đá cao, thông sang dòng sông chảy qua vùng.

Lúc đầu, điệu bộ nghiêm trọng của tôi làm hai cô gái yên lặng và tự lự. Nhưng khi chúng tôi leo lên đến đỉnh núi, từ đó, xuyên qua những gốc thông lớn màu đỏ, có thể nhìn thấy vùng thung lũng uốn quanh co và những ngọn đồi có cây bao phủ, tôi tự giải thoát khỏi bầu không khí nặng nề bằng một tiếng reo thật lớn. Hai thiếu nữ phá lên cười và lập tức cất tiếng hát theo nhịp bước. Bài Nhịp Ca, bài hát ruột của mẹ tôi. Tôi hát theo và nhớ lại những buổi đi cắm trại trong rừng hồi còn bé và trong những kỳ nghỉ ngày xưa. Những tiếng cuối cùng của bài hát vừa dứt, như đồng ý với nhau, chúng tôi bắt đầu kể chuyện ngày trước, kể chuyện mẹ tôi. Chúng tôi nhắc

đến thời ấy với tất cả tấm lòng tri ân và sự hãnh diện vì chúng tôi được hưởng một tuổi trẻ vàng son. Tôi nắm tay Lotte tung tăng đi, Anna cười theo và nắm lấy tay bên kia của tôi. Rồi chúng tôi lần theo con đường ven bờ rừng, ba đứa chúng tôi tay đong đưa theo điệu nhảy và cảm thấy sống là sung sướng.

Rồi chúng tôi lần xuống một dốc đá gồ ghề thoải thoải dẫn xuống một đáy khe sâu. Xa xa chúng tôi nghe tiếng suối róc rách chảy trong hốc đá. Ngược dòng suối, ngang sát bờ có một quán nước chúng tôi ưa thích, tôi mời hai cô đến uống cà phê, ăn bánh, ăn cà rem cùng với tôi. Lúc xuống đồi men theo dòng suối, chúng tôi phải đi hàng một và tôi đi sau Anna, nhìn nàng đắm đắm, tôi cố nghĩ ra một cách nào đó để được nói chuyện riêng với nàng. Trước lúc ngày tàn.

Sau cùng dịp may xuất hiện. Chúng tôi sắp đến địa điểm ấn định, chỗ đó là một bãi cỏ có nhiều hoa dại mọc. Tôi đề nghị Lotte nên đi trước đặt cà phê và bảo người ta dọn cho một chiếc bàn con ở ngoài vườn, còn tôi và Anna sẽ ở lại hái một bó hoa lớn, hoa chỗ này nhiều tha hồ mà hái. Lotte nói ý kiến rất hay và chạy đi trước. Anna ngồi xuống một tảng đá có rêu phủ, nàng bắt đầu hái những lá dương xỉ.

- Hôm nay là ngày cuối cùng tôi còn ở đây, tôi gọi chuyện.

- Vâng, tiếc quá. Nhưng thế nào rồi anh cũng có dịp về thăm nhà nữa chứ?

- Không biết trước được. Năm tới thì nhất định không rồi mà dù tôi có về thì cũng khác mất rồi.

- Sao vậy?
- Bởi vì biết cô có còn trở lại đây nữa không?
- Đây lại là vấn đề khác. Nhưng dẫu sao lần anh về thăm nhà này có liên hệ gì với tôi đâu.
- Bởi vì trước tôi chưa quen biết cô.
- Vâng, dĩ nhiên là như vậy. Nhưng anh chẳng chịu giúp tôi gì cả. Anh trao cho tôi mấy bông hoa đó đi.

Tôi ngồi thu mình lại:

- Để tôi hái dần. Lúc này tôi còn một câu chuyện quan trọng hơn nhiều. Như cô đã biết tôi chỉ còn được nói chuyện riêng với cô có vài phút thôi, tôi đợi mãi có giây phút này... Bởi vì hôm nay tôi phải đi. - Vâng, tôi muốn hỏi cô, cô Anna.

Nàng nhìn tôi, khuôn mặt thông minh nghiêm lại và có vẻ bối rối.

- Khoan đã! Nàng cắt ngang tiếng nói ngập ngừng của tôi. - Tôi nghĩ là tôi biết anh muốn nói gì rồi. Và bây giờ tôi thành thật xin anh đừng nói chuyện ấy nữa.

- Không được nói?
- Không, anh Helene ạ. Bây giờ thì tôi không thể nói với anh tại sao lại như vậy, tôi không cần anh biết ngay. Sau này có dịp anh nên hỏi em gái anh. Cô ta biết rõ lắm. Bây giờ còn ít thời giờ lắm, và đây là câu chuyện buồn; bữa nay chúng mình không nên buồn. Ráng hái cho xong bó hoa đi trước khi Lotte trở lại. Còn kỳ dự mãi mãi chúng ta vẫn là những người bạn thân, hãy ráng vui vẻ suốt ngày hôm nay.

Anh có chịu nghe không?

- Tôi sẽ cố gắng.

- Vậy là được rồi, xin anh lắng nghe. Trường hợp tôi cũng giống trường hợp của anh. Có một người tôi yêu mà chẳng được yêu. Nhưng cơ sự đã vậy, mình càng thêm lý do để bầu vịu lấy tình bạn, lấy sự tử tế của những người khác, anh có nghĩ thế không? Cũng tại thế mà tôi bảo anh - chúng ta hãy là những người bạn tốt và nhất là trong- ngày cuối cùng này. Hãy ráng vui lên anh có đồng ý không?

Tôi lẩm bẩm đồng ý và rồi chúng tôi bắt tay nhau. Nước chảy miệt mài giữa lòng suối tung bọt lên tận chỗ chúng tôi đứng. Chúng tôi hái được một bó hoa lớn tươi thắm, và chỉ một lát sau tôi nghe tiếng em gái tôi lại gần, cô vừa hát vừa gọi. Lúc nó tới nơi tôi giả vờ kêu khát nước. Tôi quì gối xuống bờ suối, gục trán vào dòng nước lạnh chảy miệt mài một lúc. Rồi tôi đỡ lấy bó hoa và chúng tôi cùng tiến lại quán nước không xa đấy lắm.

Ở đó dưới gốc cây sồi họ dành cho chúng tôi một bàn trên bày cà rem, cà phê và bánh kẹo. Vợ ông chủ quán niềm nở chào đón chúng tôi và tôi ngạc nhiên vì chính mình, tôi vẫn có thể trò chuyện, trả lời người khác rất tự nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Tôi có vẻ vui vẻ lạ thường; sau nữa tôi nói ít lời và tôi cười ngượng ngùng khi những người khác cất tiếng cười.

Tôi sẽ không bao giờ quên sự hỗn nhiên, sự dịu dàng, khả ái mà Anna sử dụng để giúp tôi vượt lên trên sự tủi cực, nỗi buồn phiền buổi chiều hôm đó. Không hề tiết lộ mấy may về câu chuyện vừa xảy ra giữa chúng tôi, nàng xử sự với tôi tất cả tình bạn thân thiết, nhờ đó tôi có thể

có được thái độ bình thản. Lòng tôi tràn ngập sự kính trọng chân thành với sự buồn tủi lâu ngày và sâu đậm của nàng. Tôi cảm phục thái độ bình thản chịu đựng của nàng.

Khe núi đá hẹp có cây mọc đã chập chùng bóng chiều xuống khi chúng tôi ra về. Nhưng sau khi lên đến triền núi chúng tôi nhìn thấy mặt trời đang lặn. Tôi quay đầu lại nhìn ngắm mặt trời một lần cuối khi nó còn lảng vảng, to và đỏ hồng, giữa những ngọn thông đen ngòm, và tôi nghĩ rằng mai đây dù xa chốn này, tôi vẫn nhìn thấy nơi đất khách quê người.

Chiều tối hôm đó sau khi đã già từ mọi người trong nhà, Lotte và Anna – tiễn tôi ra tận nhà ga và vẫy tay theo tôi khi con tàu lao vào bóng đêm.

Tôi đứng ở cửa sổ và nhìn ra đường phố lúc đó đã lên đèn, những khung cửa sổ của các ngôi nhà đều sáng rực rỡ. Lúc đoàn tàu đi ngang khu vườn nhà tôi, tôi thấy một luồng sáng đỏ như lóe lên.

Chú Fritz em tôi đứng ở đó mỗi tay cầm một chiếc đèn bão. Đúng lúc tôi giơ tay vẫy nó rồi xe chạy lướt qua, nó đốt trái pháo thăng thiên bắn thẳng lên trời. Nghiêng mình nghe tôi thấy trái pháo vọt lên, chậm lại vẽ thành hình vòng cung rồi biến trong trận mưa lân tinh, lấp lánh bụi đỏ.

Trần Phong Giao – Hoàng Hưng dịch

BUU PHẨM VÀ VẾT SON MÔI

I. Abuziarov

Nhà văn Nga – Giải thưởng Iuri Kazakov - 2005

Cuối thu.

Một mình ngâm nghĩ:

“Người lảng giềng sống ra sao?”

Basho¹

1

Mùa thu năm ấy tôi sống trên phố Gaugen, trong khu nhà tập thể giữa những toà biệt thự sang trọng. Trước đây, chưa khi nào tôi được sống ở một nơi yên tĩnh như thế này. Không có ai, kể cả những chiếc xe con loại sang trọng chạy êm như tiếng lá rơi lại có ý định khuấy động sự yên tĩnh đầy cảm hứng sáng tạo nơi đây.

Kết quả là môn tiếng Nhật của tôi tiến triển như những bước chân của cô gái trong bộ Kimônô, sáng sủa chạy lon ton ra chợ cá. Thời kỳ đó, tôi có định kiến rằng, người Nhật sống chủ yếu bằng những chiếc lá mục và ốc sên. Nếu suốt ngày cứ ngồi trong quây hàng dưới tán lá phong, nhìn những đám mây trôi là đà, lại còn cố mò mẫm xác định xem, những hạt mưa, những cơn gió và

1. Basho - Nhà thơ lớn và là một Thiền sư người Nhật Bản, sống ở thế kỷ 17.

những tán lá bảy sắc cầu vồng kia có chạm vào mặt ta hay không, thì sớm hay muộn, những đám mây ấy sẽ gọi cho ta nhớ đến những khách hàng hối hả tất bật, chen lấn nhau trong chợ hải sản, bán từ vây cá mập cho đến lườn cá voi.

Cũng cần phải nói thêm rằng, khi đó tôi mới chỉ đặt những bước chân đầu tiên vào nền văn hóa Nhật Bản thông qua những tập sách dày cộp. Nhưng, như thường lệ, với tư cách là một trí thức trẻ, mặc dù chỉ mới bắt đầu bằng những từ đơn giản "xin chào", "tạm biệt", tôi đã nghĩ đến việc sẽ cho ra mắt một cuốn sách khoa học thường thức.

Vì rằng trong căn phòng của khu tập thể trường đại học Tổng hợp không được rộng rãi cho lắm, tôi quyết định, bằng trí tưởng tượng của mình, biến những cành cây thành những chữ tượng hình. Bản thân cây cối vào mùa thu trông cũng giống như những chữ tượng hình và cũng giống con người. Chẳng bao lâu sau tôi đã biết chúng rất rõ. Căn cứ vào màu sắc của tán lá trông như chiếc áo Kimônô, tôi còn phân biệt được giới tính của chúng nữa.

Sáng và chiều, mỗi khi ra ngoài để hít thở không khí trong lành và để học thêm những từ mới, tôi chào hỏi với những cái cây - những người bạn mới của tôi: Chào bạn, chào em, xin chào...

Có một lần tôi vô cùng sửng sốt khi nhìn thấy những người bạn của mình tỏ ra lo lắng về một điều gì đó. Nỗi lo lắng lạ lùng ấy tràn ngập trong không gian.

- Có chuyện gì thế? - tôi hỏi.

Hóa ra là đã đến lúc cây cối bắt đầu phải cởi bỏ những bộ trang phục của mình. Đối với người Nhật, đây quả là là một nỗi đau ghê gớm. Người Nhật rất yêu quý bộ trang phục dân tộc của mình. Nhưng vấn đề khó chịu nhất là tôi không biết phải an ủi họ ra sao. Giả như họ là người Pháp, tôi đã có thể vuốt ve lên má họ. Tuy nhiên, đối với người Nhật, một cử chỉ như vậy là không thể chấp nhận được. Thậm chí ngay cả trên sân ga, họ cũng không cho phép được đụng chạm vào nhau một cách thân ái.

Thế đấy, vùi đầu vào những tiết học của mình, tôi không nhận ra những cơn gió ngày càng dữ dội hơn.

Tôi chỉ còn biết gập mình xuống với lời chào kính cẩn, thể hiện nỗi đau và sự thông cảm với chiếc lá phong màu đỏ. Nhưng ngay lúc ấy chiếc lá bật dậy, lè ra cho tôi thấy chiếc lưỡi đỏ rực rồi biến mất sau chỗ ngoặt.

Kỳ lạ thật! Tôi liền chạy theo chiếc lá ở chỗ rẽ dưới cổng tò vò và bỗng nhìn thấy một cửa hàng đóng bìa sách. Bao nhiêu lần dạo quanh khu nhà của mình, trước đây chưa bao giờ tôi để ý đến một cửa hàng dịch vụ nào cả...

Thậm chí tôi còn ồ lên một tiếng - đó là biểu hiện sự kinh ngạc tột độ. Thật là đúng lúc, đi nhặt những chiếc lá vàng và ép vào những chiếc bìa cứng. Nhưng cửa hàng đóng cửa. Trên cánh cửa màu xám có treo bảng hiệu của cửa hàng là một vòng tròn âm dương - hình con mắt không bao giờ nhắm.

Có điều gì đó mách bảo cho tôi biết rằng, cái tòa nhà liền kề với cửa hàng này rất quen thuộc đối với tôi. Đi

quanh tòa nhà một vòng, tôi càng khẳng định điều linh cảm của mình. Đây chính là nhà bưu điện mà tôi vẫn thường ghé lại.

2

Đã mấy tháng nay Avgusta sống trong bệnh viện thực hành trên phố Những Ngày Tháng Bảy dưới sự giám sát chặt chẽ của các y tá. Trước kia bệnh viện này thuộc loại mẫu mực, tốt nhất trong số những bệnh viện tâm thần. Giờ đây biên chế đã bị cắt giảm, các góc tường đầy các vết nứt nẻ.

Avgusta được đưa thẳng từ công viên đến đây để điều trị bắt buộc. Họ tìm thấy cô trong bộ dạng như vừa được sinh ra khiến cho những bà mẹ có con nhỏ phải hoảng sợ.

Avgusta hai mươi tám tuổi, ấy là theo bệnh án. Tên của cô được lấy theo tháng¹ khi cô được đưa đến bệnh viện. Nhan sắc của cô cũng khá, còn bệnh tình của cô không tăng nhưng cũng không giảm. Khi người ta đưa cô đến đây, bác sĩ đã thử trò chuyện với cô.

- Tên cô là gì?
- Tôi không biết...
- Cô sống ở đâu?
- Tôi không nhớ...

Đại loại như vậy. Chỉ có một số đồ vật gây cho cô những cảm xúc kỳ lạ.

1. Avgust-Tháng Tám

Chẳng hạn, trong phòng ăn cô thường ngồi ngắm rất lâu chiếc tách trà, hay mỗi sáng, khi cô nữ y tá - nghiên cứu sinh Eva phát thư cho người bệnh thì trong ánh mắt của Avgusta toát lên một sự mong đợi bồn chồn.

Nữ y tá Eva đang làm nghiên cứu sinh được phân công theo dõi Avgusta, cố gắng phục hồi trí nhớ của cô, dạy cô tập viết và học bảng cửu chương. Nhưng sau mấy tuần, Avgusta chỉ nhớ được hai chữ trong bảng chữ cái. Đó là chữ A (Avgusta) và T (Tôi - cũng có nghĩa là Avgusta). Trong các chữ số, cô chỉ nhớ được ba số đầu tiên.

- Cô ấy không muốn nhớ lại điều gì cả,- Eva phàn nàn.

- Hãy đưa cho Avgusta chiếc bì thư và giải thích cho cô ấy hiểu, cô ấy có thể viết thư. Thế nào cũng có kết quả.

3

Tôi đứng dưới ô cửa nhỏ, còn đằng sau tấm kính mờ, như thường lệ, là bà nhân viên bưu điện đã đứng tuổi, với khuôn mặt dài vẻ mệt mỏi, nhưng những món tóc quần bông bênh thì tràn trề nhựa sống.

- Chào chị,- tôi thực hiện nghĩa vụ xã giao.- Xin lỗi, cho tôi hỏi, cái cửa hàng in và đóng bìa sách bên cạnh đây có làm việc không ạ?

Người đàn bà trả lời rằng, bà ta không phải là phòng chỉ dẫn, cho dù cái ô cửa nhỏ của bà có giống phòng chỉ dẫn đi chăng nữa.

Quả là ngốc nghếch lại đi hỏi bà ấy về chuyện đó (làm sao bà ấy biết được). Tuy nhiên tôi không nản, tốt nhất là sáng mai tự mình đến đây, có thể sáng mai cửa hàng sẽ mở cửa.

Để thoát ra khỏi tình thế lúng túng, tôi bèn hỏi bà ấy về việc mua báo dài hạn, về nội dung của tờ báo này, tạp chí nọ.

Bà ta đề nghị tôi tự tìm hiểu lấy - sao lại không nhỉ? - Hơn nữa tôi cũng chưa muốn ra về. Căn phòng chính của bưu điện tối nhờ nhờ, trần thấp, bàn ghế và giá để báo chí bằng gỗ. Những chiếc bàn đã cũ lắm, lại đầy những vết xước, cộng với mùi giấy báo cũ gợi cho tôi cảm giác đây là phòng của của một nhà bác học thông thái vĩ đại nhưng lại luộm thuộm và chán ngắt.

Trong khi bà nhân viên bưu điện lấy từ trong tủ ra tập danh mục dày cộp, tôi hình dung, đến một lúc nào đấy tôi sẽ có một căn hộ giống như cái bưu điện này.

- Anh có thể ngồi trong phòng khách hàng mà xem - bà nhân viên bưu điện đề nghị. - Chỗ để chìa khóa anh biết rồi chứ?

Như tôi đã nói, tôi vẫn thường xuyên đến đây nên căn phòng dành cho khách hàng đối với tôi quá quen thuộc. Đây còn là nơi để các thùng đựng bưu phẩm và báo chí đặt mua dài hạn. Tôi nhận được thư từ khắp mọi miền trên trái đất, tôi có nhiều bạn bè, trong đó có cả người Nhật và người Trung Hoa. Muốn vào phòng khách hàng, phải lấy chìa khóa đựng trong cái túi, móc trên cái đinh bên cửa hông và mở chiếc ống khóa treo lủng lẳng ở cửa phòng.

Căn phòng chung, như các nhân viên bưu điện thường gọi, lại còn ảm thấp và tối tăm hơn. Tôi chợt có ý nghĩ rằng mình đang từng bước lội vào lớp bụi thời gian, trong mớ thư tịch cổ và những biểu tượng bị quên lãng. Sau nhiều tháng nghiên cứu tiếng Nhật, tôi đã dần dần thâm nhập vào nền văn hóa phương Đông và tôi có cảm giác mình đã bắt đầu đam mê nó. Tôi thích tìm kiếm vẻ đẹp huyền bí trong tất cả các môn học. Chỉ cần nhìn thấy một thứ đồ chơi mỹ nghệ nào đó, tôi sẽ đánh giá đúng giá trị của nó, nhất là trong cái bối cảnh đơn điệu, thiếu bản sắc như ở đây. Nhất định tôi sẽ gặp một thứ như vậy, nhưng không phải ngay bây giờ...

Tôi bỏ cái ổ khóa vào trong chiếc túi và khi tôi vừa bước qua ngưỡng cửa nó liền rơi xuống chiếc thùng sắt. Một tiếng keng vang lên chẳng khác gì tiếng những thanh gươm Nhật Bản chạm vào nhau. Tiếng ngân kéo dài và mạnh đến mức làm tôi đứng sững lại, sợ rằng cú đánh tiếp theo của một võ sĩ Xamurai đang nấp đâu đó trong bóng tối chập choạng sẽ giáng vào đầu tôi. Thật chẳng thích thú gì khi bị đánh ngay từ đòn phủ đầu.

- Anh cứ tự nhiên, anh vào đi và ngồi vào bàn nào cũng được. - Nữ chủ nhân bỗng xuất hiện và đề nghị.

Tất cả các bàn trong phòng đều được xếp gọn lại thành một chiếc bàn lớn, quanh bàn la liệt hàng tếp báo mới. Bất giác tôi bỗng đưa tay về phía chồng báo, cầm tờ trên cùng và cũng quên hỏi có được phép sử dụng hay không.

Mép trên tờ báo, chỗ thường được ghi địa chỉ của người mua, có các chữ cái "t/v". Bởi lẽ tôi là khách hàng



thường xuyên của các thư viện, nên tôi thừa biết ý nghĩa của chúng, nhưng cho đến giờ, tôi vẫn không sao hiểu nổi tại sao lại là “t/v”.

- Khi nào xem xong, anh mang chìa khóa lại cho tôi, còn tập danh mục cứ đặt lên bàn.

Tôi chỉ còn lại một mình trong căn phòng âm thấp. Tất cả mọi thứ ở đây, nhất là những chiếc thùng được sơn kẻ như những bàn cờ và mùi vị của căn phòng kích thích trí tưởng tượng của tôi. Người ta nói rằng, để tạo nên cảm hứng sáng tác, Sile lúc nào cũng đặt trên bàn làm việc của mình vài quả táo thối. Còn Banzắc thì ngửi mùi cà phê...

Tôi nhìn quanh, trên chiếc tủ của khách hàng đặt báo dài hạn có một chiếc tách màu trắng bị sút miệng.

Tôi ngắm nghía chiếc tách gần nửa giờ. Lúc đầu ngồi ngắm, sau đó nằm trên những chiếc bàn được kê sát lại với nhau. Rồi tôi ngồi dậy, lùi về phía cửa sổ để ngắm nó từ xa, rồi tiến lại gần định cầm chiếc tách lên.

Và tôi đã nhìn thấy gì? Chiếc tách hiện lên không phải trên nền màu xanh lá cây (là màu tường), mà trên nền màu xanh da trời. Có nghĩa là, đằng sau những chiếc tủ kia có một cánh cửa.

Tôi thận trọng cầm chiếc tách lên, ngắm nghía nó từ mọi góc độ. Sau đó tôi giơ cao nó lên để quan sát đáy tách. Mép ngoài của đáy tách có hàng chữ được viết bằng màu nâu sáng: “Đồ sứ Bratislava, làm bằng tay”. Như vậy chiếc tách này là hàng của Cộng hòa Séc, rất mỏng và nhẹ, không phải màu trắng tinh mà là màu phớt hồng. Một sản phẩm cao cấp tinh xảo. Ở miệng tách vẫn

còn lại dấu son môi màu nâu sáng. Chiếc tách này là của ai?

Trong khi tôi chưa kịp đặt chiếc tách vào chỗ cũ vì quá bối rối thì bà nhân viên bưu điện bước vào phòng. Tôi làm ra vẻ như đang kiểm tra thùng báo của mình, vừa huýt sáo vừa mở nó ra.

- Ô, - tôi ngạc nhiên thốt lên. - Có thư!

Lạ thật, bức thư không ghi người nhận. Trên chiếc phong bì màu trắng chỉ có vài con số và chữ cái được viết bằng nét bút nắn nót của đứa trẻ.

123321 - là mã vùng của Bưu cục và AIA 123 - là mã số thùng đặt báo dài hạn của tôi.

"Chẳng lẽ đây là bức thư của cô gái Nhật Bản dễ thương không quen biết, và cũng như tôi đang tập đánh vần từng từ của môn ngoại ngữ?" - một niềm hy vọng mong manh bỗng lóe lên. Một cô gái muốn làm quen với một chàng trai châu Âu, cần phải học ngoại ngữ để giao tiếp.

Bà nhân viên bưu điện đi ra. Chính xác hơn là tôi chờ cho đến khi bà ấy khuất sau cánh cửa rồi run run mở bức thư ra. Nhưng trong phong bì không có gì, hay chính xác hơn là hầu như không có gì. Chỉ có một chiếc lá. Một chiếc lá mùa thu, một mặt đã ngả sang màu nâu sáng như màu son môi dính trên miệng tách - như màu môi của người con gái chạm vào miệng tách, còn mặt kia của chiếc lá có màu đỏ rực, giống như chiếc lá phong mới cách đây một giờ đã lè lưỡi ra với tôi.

Tôi bồi hồi đặt chiếc lá vào trong chiếc tách màu phốt hồng, hình dung như đang cắm hoa theo kiểu Ikebana¹ và chuẩn bị thực hiện những lễ nghi của môn trà đạo (tôi vẫn thường gọi quá trình viết lách như vậy). Trong đầu tôi những cái bọt bong bóng của trí tưởng tượng đang sôi sùng sục, tuôn ra dòng nước sôi của hiện thực lên tờ giấy là chiếc tách sứ trắng như tuyết.

Tôi không rời mắt khỏi chiếc tách giờ đây đã biến thành cái bình cắm hoa theo kiểu Ikebana. Tôi có cảm giác, cái tách này là dấu hiệu đích thực của một tình yêu đã được số hóa. Chỉ cần giải mã bức thông điệp đã được số hóa kia bằng trí tưởng tượng phong phú thì mọi việc sẽ được sáng tỏ.

Như tôi đã nói, người Nhật không thích hôn. Nếu vậy thì còn gì để nói về vết son môi nữa!

Sẽ là đáng chê trách, thậm chí là mất lịch sự nếu mang chuyện vết son môi trên miệng tách ra bàn luận công khai. Như vậy, có thể đây không đơn giản là dấu hiệu của tình yêu, mà là biểu hiện của sự tuyệt vọng, có liên quan đến một mối nguy hiểm to lớn, là dấu hiệu mong manh nằm giữa ranh giới của sự sống và cái chết.

Ngay lập tức tôi hình dung rằng, có thể đây là một sự vi phạm những tập tục cổ xưa nào đấy. Chẳng hạn, theo ý muốn của người cha, cô con gái bị gả cho một quý ông đã đứng tuổi, rằng trong buổi lễ đính hôn, cô gái đã tìm được ý trung nhân của mình và bí mật gặp gỡ với chàng.

1. Ikebana-một kiểu cắm hoa nghệ thuật của người Nhật.

Thậm chí có thể không phải là ý trung nhân mà là một niềm đam mê nào đấy, như mê đọc sách nhưng cha mẹ không hay biết. Và từ trong những trang sách ấy, cô gái biết rằng còn có một cuộc sống khác hẳn với cuộc sống bình lặng của cô bấy lâu nay.

Và thế là, đi theo tiếng gọi của niềm đam mê, cô gái quyết định sẽ trung thành đến cùng với những cuốn sách. Chiều nào cô gái cũng ngồi bên cửa sổ, vừa uống trà bằng chiếc tách màu phớt hồng, vừa mãi mê đọc sách. Cô gái hình dung ra những chuyến du lịch vào trong thế giới tưởng tượng của mình từ những trang sách. Thậm chí cô còn tuyên bố với gia đình rằng, cô sẽ đi học ở châu Âu. Nhưng cha cô, dĩ nhiên là một võ tướng thuộc dòng dõi quý tộc, bị xúc phạm nặng nề bởi sự bướng bỉnh của cô con gái, đã vươn cánh tay sắt của mình rút chiếc kiếm của võ sĩ đạo Xamurai ra khỏi vỏ, và dưới sự chứng kiến của mọi người trong gia đình, chém nát tất cả quần áo của cô để cô không thể ra khỏi nhà. Thậm chí, không phải là quần áo mà là cuốn sách cô đang cầm trên tay, để cô không thể dạo chơi trong thế giới hư ảo của nó.

5

Người thợ đóng sách Mark, một năm trước đã cho đóng cửa cái cửa hàng đóng bìa sách kiêm in ấn và photocopy (xưởng in mini) để làm cái việc là ăn trộm những bức thư của Bưu cục số 321. Anh ta lọt vào Bưu cục bằng một cánh cửa bí mật trong phòng xếp của cửa hàng thông với Bưu cục.

Mark cũng không bỏ qua những tòa nhà chung cư cao tầng, nơi anh ta dùng những chiếc đĩa dài kiểu Trung Hoa, gấp các bức thư trong các thùng thư đặt ở các lối vào, chẳng khác gì người ta gấp món ốc sên trong những chiếc bát sắt. Có người thích sưu tầm vỏ chai, người thích chơi tem, người thích đào bới trong các côngtenơ rác để sưu tầm những đồ vật cũ. Còn Mark, bằng cặp mắt sắc sảo của mình, anh ta nhìn xuyên qua lỗ khóa của các thùng thư, lôi từ đấy ra những món sơn hào hải vị là những chiếc bì thư như món thịt bồ câu trắng. Món ăn khoái khẩu nhất của anh ta chính là những bức thư mới gửi...

Mark đóng những bức thư ấy lại thành một tập sách dày. Có thể nói rằng, Mark bị điên một cách trầm lặng, nhưng bên trong những hành động của anh ta là một sự tính toán sáng suốt. Mark ấp ủ niềm hy vọng, sẽ xuất bản tác phẩm của mình với một số lượng in khổng lồ - dù gì đi nữa thì đây cũng là một tác phẩm văn học nghệ thuật giật gân - anh ta sẽ tung nó ra thị trường với tiêu đề "Những bức thư của người thân và bạn bè không đến tay người nhận" cùng lời giới thiệu ngắn gọn.

6

Nhìn thấy chiếc lá phong màu nâu đỏ nhẹ nhàng đáp xuống bệ cửa sổ, Augusta dự tính sẽ bỏ nó vào chiếc phong bì, như cô đã cắm những chiếc lá vào những chiếc tách sứ mà bệnh viện vẫn dùng để phát cafe vào bữa sáng.

Như các quý bà sang trọng và xinh đẹp, Avgusta làm công việc đó một cách chậm rãi. Cô thông thả dán bì thư lại, thông thả ra vườn hoa bỏ thư vào trong thùng thư cạnh cổng sắt. Thùng thư từ lâu đã không muốn nhận những bức thư từ bàn tay non nớt của Avgusta. Nó làm ra vẻ quan trọng, giống như một quan chức bụng phệ, má phính, không muốn nhìn, không muốn nghe và không muốn hiểu bất cứ chuyện gì nữa...

Sau đó Avgusta đi xem các bà già chơi gôn.

- Chào cô, Avgusta. - bác sĩ điều trị cho bệnh nhân Iuli dừng cô lại.

- Chào anh. - Avgusta đáp.

- Công việc của cô thế nào? Cô Eva cho biết, hôm nay cô vừa viết thư?

- Thì cũng thế thôi. Tôi vừa gửi xong.

- Cô gửi cho ai thế, nếu không bí mật?

- Bác sĩ ạ, chính tôi cũng không biết mình gửi cho ai nữa. Tôi chỉ làm theo những gì mà trái tim mách bảo thôi. Ai trả lời sớm nhất những bức thư của tôi, có nghĩa là thư tôi gửi cho người đó.

- A, bây giờ thì tôi hiểu rồi. Nhưng không sao, không sao. Cô Eva sẽ trực tiếp nói với người đưa thư, để tất cả những bức thư của cô sẽ được chuyển đi. Còn bây giờ cô có thể cho tôi biết, cô viết gì trong những bức thư ấy thế?

- Thì bạ gì viết nấy thôi. Mà cần gì phải viết, nếu như thiên nhiên đã viết hộ cho chúng ta. Cây cối là những chữ tượng hình đấy thôi, chúng kể cho ta về lịch sử. Chúng là những biểu tượng đã được số hóa, giúp cho cả

thế giới này vượt qua những rào cản về văn hóa và mọi sự bất đồng, vượt qua không gian và thời gian...

- Phải, phải, tôi đã nghe cô nói về chuyện đó. Nhưng cô hãy cẩn thận, đừng để xảy ra trục trặc như lần ở công viên đấy.

- Vâng, bác sĩ nói đúng, lúc đó tôi cảm thấy mình là một phần nhỏ bé của thế giới này với một tình yêu bao la đối với tất cả vạn vật xung quanh. Và cây cối đã đáp lại tôi cũng bằng một tình yêu như thế. Chúng không muốn xa tôi, đến bây giờ cũng vậy. Tôi như rơi vào một thế giới khác, thế giới của một đứa bé định chạy khỏi gia đình...

- Khoan đã, Avgusta.- bác sĩ vội vàng ngắt lời bệnh nhân. - Thế còn tem thư?

- Tem nào? - Avgusta đột ngột giật mình.

- Tôi hy vọng cô không quên dán tem vào bì thư.

- Không.- Avgusta sực nhớ ra.- Tôi quên băng mất.

- Thế còn chữ ký? - người bác sĩ tiếp tục.- Cô cần phải suy nghĩ chín chắn trước khi ký tên vào bức thư. Cô hãy hình dung, một người nào đó nhận thư của cô, thế mà thư lại không có chữ ký. Thật kỳ lạ, đúng không? Cô có thể ký bằng tên thật hoặc bằng bút danh. Chỉ có điều, cô cần phải tập ký trên giấy trước. Giờ đây cô cần phải học lại và nhớ lại nhiều điều. Cô đồng ý chứ?

- Được rồi. Tôi sẽ ký bằng bút danh - Okchiabrina¹

1. Tháng Mười

Dĩ nhiên, đó chỉ là sự tưởng tượng của tôi do bị ảnh hưởng bởi niềm đam mê đối với nền lịch sử và thi ca thời Trung cổ của Nhật Bản. Vừa nhìn thấy ô cửa sổ bám đầy bụi với những nhành cây cào lên mặt kính thành những chữ tượng hình, tôi có cảm giác như nhìn xuyên qua lớp mạng nhện trong màn sương mờ và thấy những chữ tượng hình cổ xưa hé lộ ra nhiều điều bí ẩn...

Đó, người cha của cô gái đang đứng cạnh cửa sổ, với đôi vai rộng và lời hiệu triệu xung trận trước những cánh tay trần đang giơ lên. Hướng về phía những đám mây đen, búi tóc bị gió làm rối bù, người cha chuẩn bị trừng phạt kẻ bất lương đã lừa đảo con gái mình. Còn cô gái, người cúi gập, vai so lại, bàn tay đặt lên môi và qua kẽ tay một dòng máu như dải lụa đỏ thắm đang túa ra. Cô tuyệt vọng nhìn người cha võ tướng đang vô cùng tức giận, nhưng cô không thể làm gì được để bảo vệ sự độc lập của mình.

Ồ, chút nữa thì quên. Trước đó tôi không để ý đến con tem trên bì thư. Những con tem, cũng như những loại giấy tờ có giá trị khác, nhưng chúng còn là một phát minh của phương Tây. Tuy nhiên, trong quan niệm của tôi, dấu con tem là biểu hiện của nền văn hóa phương Tây thì nó cũng không thể đóng vai trò quan trọng gì trong câu chuyện này.

Nhưng tôi đã lầm to! Vì qua con dấu bưu điện, tôi đã nhìn thấy, như nhìn qua chiếc kính viễn vọng của Mackô Pôlô, người thợ in đầu tiên đang gặp người xuống

trên chiếc máy in với những trang in. Con tem được phát hành nhân kỷ niệm ngày lễ của ngành xuất bản.

8

Sáng nay Mark đóng bìa cuốn sách cuối cùng trong tổng số xuất bản 5 ngàn cuốn. Giấy đã hết. Tiền cũng hết. Mọi khoản dành dụm kiếm được bằng công sức lao động vất vả trong thời gian dài của nghề đóng bìa sách, anh ta đã dồn hết vào việc này. Giờ đây chẳng còn gì để sống, mà cũng chẳng sống để làm gì nữa. Sau khi tìm được số điện thoại của người bạn học phổ thông hiện làm giám đốc công ty kinh doanh sách báo, Mark đề nghị, vì tình bạn cũ, sáng mai hãy ghé lại chỗ anh ta để nhận số sách của một "cuốn sách bán chạy như điên".

- Tôi cầu xin anh, hãy giúp tôi vì tình bạn cũ của chúng ta. Anh sẽ tìm thấy hóa đơn xuất hàng ở trên bàn. Lợi nhuận sau khi bán sách anh hãy giữ hết lại cho mình...Chỉ để lại cho tôi một ít thôi, sáng mai anh sẽ biết dùng vào việc gì...

Sau đó Mark nói cho bạn rõ hơn về số lượng phát hành khổng lồ của cuốn sách với một cái giá rất khô hài và sẽ bán rất chạy. Mark tin chắc như vậy. Thứ nhất, vì nó đánh đúng thị hiếu tò mò của bạn đọc - quả là thú vị khi có thể nhòm qua vai ai đó mà biết được cuộc sống riêng tư của người khác. Thứ hai, mọi người đều muốn nhận thư, ai cũng muốn đọc những bức thư đã không đến được tay mình đúng lúc.

Càng gần đến mùa thu, người ta càng hay viết thư cho nhau. Bộ sưu tập của Mark đã thâu tóm cả thành

phố. “Chẳng bao lâu nữa tôi sẽ có thể trả thù thành phố này, sẽ phơi bày cho bàn dân thiên hạ thấy cái mớ đồ lút bẩn thỉu của họ, rằng họ là những kẻ tội đồ. Cuộc gặp gỡ của tôi với cô gái Iuna trong công viên thành phố giữa cái thói đạo đức giả của người đời đã biến thành một trò tình nghịch ngây thơ”.

Đặt ống nghe xuống, Mark đi đi lại lại giữa đồng sách ngổn ngang. Nhìn thấy chiếc thùng giấy đựng những bức thư, anh ta lần lượt ném chúng vào chiếc máy cắt giấy. Sau đó Mark bung hộp giấy lên, mở cửa bước ra ngoài đường và ném những mẩu giấy lên trời. Gió thổi tung những mẩu giấy bị xén thành những dải nhỏ trông như những vệt nước mưa tưới khắp đường phố. Có cảm giác như Mark chỉ chờ có cơn mưa giấy này.

Quay vào phòng, Mark lôi từ trong ngăn kéo bàn ra một khẩu súng ngắn đã cũ. Ngồi xuống chiếc ghế bành sâu, anh ta hít một hơi dài và nâng cao khuỷu tay lên để nòng súng chĩa thẳng vào thái dương. Nhưng đúng lúc ấy, khuỷu tay của Mark đụng vào chiếc tách làm nó rơi xuống đất và vỡ tan thành từng mảnh.

Đó là một trong hai chiếc tách mà Mark và Iuna cùng uống trà với nhau lần cuối trong cái cửa hàng in này theo nghi lễ trà đạo cổ xưa của Nhật Bản.

“Cái kết thúc của ta đã đến”- một ý nghĩ thoáng qua óc Mark. Từ lâu chiếc tách trà kia là biểu tượng về sự cô đơn của anh ta, giờ đây ý nghĩa của nó đã nâng lên một cấp nữa, rằng cuộc sống của Mark đã đến hồi đồ vỡ hoàn toàn...

Hai ngày trước, Mark đã bí mật đưa chiếc tách thú hai sang căn phòng dành cho khách hàng của bưu điện qua cánh cửa bí mật trên bức tường ngăn bằng gạch.

"Bây giờ ta còn giữ chiếc tách này làm gì nữa? - khi đó Mark đã nghĩ như vậy. - Đẳng nào ta cũng cô đơn. Còn trông mong vào cái gì?". Với ý nghĩ ấy, Mark nâng chiếc tách lên ngang mặt, ngửi mùi son môi. Nhưng sau nhiều ngày, mùi son giờ đã biến đổi, nó trở nên đắng và ám khói như mùi lá cháy.

9

Trái hẳn với quan niệm thông thường, các bản viết tay rất khó cháy. Lửa lại càng khó lém vào những tập giấy dày. Cũng như những chiếc lá mùa thu, chúng rất khó bị cháy đen.

Những niềm đam mê cuồng nhiệt sẽ đưa ta tới đâu? Những câu chuyện tình rồi sẽ dẫn đến đâu, khi bên ta còn có sự bình yên của gia đình? Mà tại sao tôi lại phải đau buồn vì những cái cây vớ vẩn nào đó? Mỗi giây trên thế gian này không chỉ có một đứa bé hay một cái cây bị chết. Cuối cùng thì cuộc chiến giữa phe In và phe An cũng kết thúc bằng sự tàn phá khủng khiếp. Và sau mùa lá rụng, cũng giống như sau một trận dịch bệnh vàng da là đến Mùa Đông của những chiếc Lá Trắng.

Có thể, tốt hơn là ngay từ đầu ta cứ ngồi dưới gốc cây và tỏ tình với "hư vô"? Mặc cho xung quanh sông Hằng cuộn sóng, ta cứ ngồi dưới gốc cây để tận hưởng sự yên bình vĩ đại trong tâm hồn vì cội niết bàn cũng chỉ là một sự trống rỗng, còn thiên nhiên luôn có nguồn gốc là

giống cái. Giờ đây, sự hấp hối của tình yêu đã bao trùm lên chiếc lá kia. Có thể đó là một thi sĩ nửa điên nửa dại hay là một nữ sĩ định bày tỏ tình yêu của mình với thế giới xung quanh.

Sau khi đã quyết định như vậy, tôi liền lau vết son môi màu phớt hồng trên chiếc tách và đặt nó vào chỗ cũ. Ngẫm nghĩ giây lát, tôi đặt dưới đáy tách chiếc bì thư như chiếc đĩa lót và bỏ chiếc lá phong vào trong tách.

Ngay lúc ấy một cơn gió mạnh làm bật cánh cửa ra, cuốn theo vào trong phòng những chiếc lá lẫn với những dải giấy mỏng manh, ngoằn ngoèo, trông như những tia nước mưa bên cây thông Nôen hay là những chùm pháo bông Trung Hoa. Hàng ngàn chùm pháo bông bằng giấy.

10

"Giờ đây trên chiếc tách không còn lại mùi son môi của Luna, nhưng chiếc tách vẫn có thể là nơi chứa đựng nắm di hài của mối tình mùa thu", - khi ấy Mark vừa nghĩ vừa đặt chiếc tách lên thùng đặt báo dài hạn của bưu điện. Còn hôm nay, trước vụ tự sát không thể trì hoãn, Mark muốn kiểm tra xem điều gì đã xảy ra với chiếc tách kia và hít thở lần cuối vị cay đắng ẩm ướt của mùa thu. Mark vô cùng ngạc nhiên khi nhìn thấy trong tách có chiếc lá phong - đúng là một dấu hiệu không thể chối cãi, còn dưới đáy tách là chiếc bì thư với con dấu bưu điện, mà căn cứ vào đó Mark có thể dễ dàng xác định lá thư này được gửi đi từ Bưu cục trên phố Những Ngày Tháng Bảy.

“Cuối cùng thì cũng có tin tức!- Mark nghĩ.- Vết son môi đã bị chùi mất cùng với chiếc lá mùa thu chính là biểu hiện của sự kết thúc mối quan hệ giữa mình với cô ấy. Nhưng cũng có thể, đó là lời cầu xin sự giúp đỡ, cô ấy muốn nhấn với mình rằng tình yêu vẫn còn có cơ hội cứu vãn. Vậy thì phải đến ngay!- trái tim trong lồng ngực Mark đập điên cuồng.- Phải đến ngay, đến ngay phố Những Ngày Tháng Bảy...Phải chạy ngay cho kịp, trong khi còn chưa muộn, trong khi mặt trăng còn chưa lặn. Mình sẽ tìm thấy trên môi Luna những dấu vết còn lại của mối tình mùa hè cháy bỏng, dấu vết của sự thú nhận nồng nàn. Có lẽ người đưa thư cũng để ý đến nét chữ mảnh mai trên chiếc bì thư mỏng không có địa chỉ người gửi”.

11

Với những suy luận như thế, tôi vội vàng chào bà nhân viên bưu điện rồi lao ra phố. Dù sao đi nữa, mùa lá rụng chỉ là một hiện tượng tự nhiên. Chính nó, cũng như những cơn gió giạt, những tiếng sấm sét và những cơn mưa rào đã tạo cảm hứng cho tôi.

Mùa thu quả là đẹp tuyệt! Từng đám lá bị gió cuốn xoay tròn, bốc lên trời. Còn cô gái mặc bộ đồ Kimono, hình như vừa trở về từ chợ cá, khoác trên đôi vai mảnh mai chiếc giỏ với mớ cá thồn bơn lớn lấp lánh màu trắng bạc.

Cô gái vừa ông ẹo bước trên đôi guốc của mình, vừa nghĩ đến việc chế biến mớ cá cho bữa trưa và sẽ được mọi người trong nhà chén sạch.

- Chào cô, Lixan, - tôi vốn vã chào cô gái.

- Chào ông, - cô gái khẽ nghiêng mái đầu kiêu diễm của mình, còn tôi trong lúc đó quan sát bộ trang phục của cô, cố tìm ra những nét mới.

- Con mưa Ngâu hôm nay đẹp quá, - tôi nói, hàm ý về cơn mưa thu nhỏ.

- Vâng, - cô gái gật đầu đáp lại, - Vào những ngày như thế này tôi cảm thấy rất buồn.

- Thế còn những người thân trong gia đình cô sống ra sao? - Tôi hỏi tiếp. Theo những quy tắc xã giao tôi cần phải tỏ ra quan tâm đến công việc và sức khỏe những người thân của cô gái.

- Cám ơn ông, tốt ạ, - cô gái lại gật đầu. - Tôi chỉ hơi lo về người chị cùng tên với tôi.

- Thế có chuyện gì xảy ra với chị ấy? - tôi hỏi.

- Rất tồi tệ. Chị ấy lại bị tái phát. Thậm chí bây giờ người ta không cho phép chị ấy dạo chơi ở công viên nữa mà giữ rịt ở trong phòng.

- Tại sao? Chị ấy bị bệnh gì vậy?

- Người ta bảo chị ấy bị điên, vì chị ấy thích giao tiếp với thiên nhiên hơn là học đại học và cũng vì tình yêu mà chị ấy từ bỏ sự nghiệp của mình. Người ta còn cho rằng chị ấy bị điên vì chị ấy có thể giao tiếp với cây cối như với người thân trong gia đình và vì chị ấy không đồng ý với cách người ta đánh giá về mình. Rất có thể đến một lúc nào đó, người ta cũng coi tôi là điên vì tôi thích đọc sách của phương Tây.

- Tôi có thể giúp gì cho cô không? - tôi đề nghị và bỗng nhận ra rằng mình không hề dừng dưng đối với bông hoa anh đào¹ dễ thương kia. Và tôi cũng nhận ra sự quyến luyến của cô gái đối với tôi. Nhưng tôi biết giúp cô bằng cách nào?

- Có thể ông thử nói chuyện với chị tôi xem? - bông hoa anh đào Lixan đề nghị.

Dĩ nhiên, chuyện về người chị bị bệnh chỉ là cái cớ của cuộc trò chuyện này. Mọi việc đều rất trùng khớp. Ngay cả nét hoa văn trên chiếc áo Kimono cũng giống như những chiếc lá. Rõ ràng đó hoàn toàn không phải là sự trùng hợp ngẫu nhiên mà là một sự tổ tình kín đáo. Và tôi sẽ không ngạc nhiên, nếu đến một lúc nào đó bông hoa anh đào Lixan kia chìa cho tôi chiếc tách màu trắng đầy trà, giống y như chiếc tách trà mà trưa nay tôi vừa nhìn thấy trong bưu điện.

12

Vậy là một ngày sắp kết thúc. Sau cuộc dạo chơi thoải mái và tận hưởng mọi thú vui, tôi trở về khu tập thể lúc nửa đêm. Con mưa Ngâu vẫn tiếp tục rắc hạt. Nhưng như vậy lại càng tốt, vì trong mưa viết rất hứng khởi.

Rất có thể trí tưởng tượng sẽ tạo cảm hứng cho tôi hoàn thành cuốn sách về nền văn hóa Nhật Bản thời Trung cổ. Ít ra thì tôi cũng hình dung được nội dung cụ thể của nó. Cuốn sách sẽ kể về cuộc chiến tranh bí mật

1. Loài hoa biểu tượng của đất nước Nhật Bản.

và dai dẳng giữa hai phe In và An. Về sự đan xen và thay thế lẫn nhau giữa nguồn gốc giống đực và giống cái. Rằng trong khi con người còn đang sống thì cái mặt trái của con người sẽ không bao giờ chịu buông tha anh ta.

"Có thể, ngày mai mình sẽ đến cái cửa hàng in đó tìm hiểu về giá cả để xuất bản công trình khoa học thường thức của mình...- tôi mỉm cười.- Hy vọng ngày mai, hoặc ngày kia, những dự vọng mùa thu sẽ lắng dịu lại và cửa hàng in sẽ mở cửa.

Còn lời đề từ cho cuốn sách của mình, tôi sẽ trích một câu nói của nhà triết học vĩ đại Lão Tử "Thật là nông cạn khi chỉ biết những gì mà nhiều người biết".

Đào Minh Hiệp dịch

ĐÔNG JOĂNG THANH MINH¹

George B.Shaw

Nhà văn Anh – Giải thưởng Nobel 1925

Để bạn đọc thấy được đầy đủ hương vị của câu chuyện nhỏ này, mở đầu tôi phải nói ngay rằng tôi là một người đàn bà rất xinh đẹp. Nếu bạn thấy tôi nói như vậy có điều quá đáng thì bạn có thể quay sang đọc vài mẩu chuyện của những người có quan niệm về sự khiêm tốn của đàn bà cũng giống như bạn. Chúng cứ về cái đẹp của tôi là đàn ông họ đã mất khá nhiều thì giờ và tiền của họ đi làm những chuyện lỗ bịch xung quanh tôi. Vì thế, mặc dù tôi chỉ có sắc đẹp của một người ở tỉnh nhỏ, nhưng tôi cũng biết nhiều những cuộc tán tỉnh ve vãn như bất kỳ người đàn bà nào khác cùng lứa tuổi với tôi ở trên đời, và nếu bạn là người đàn ông yêu tôi thì tôi cũng có thể nói trước được cho bạn nghe đúng những câu mà bạn định nói với tôi và nói như thế nào trong cuộc gặp

1. Theo đúng âm Tây Ban Nha, phải đọc là Đôn Khoan. Nhưng vì đã quen gọi Đông Joăng nên chúng tôi để như cũ, Đông Joăng là một nhân vật truyền thuyết ở truyện dân gian Tây Ban Nha (Don Juan Tenario) một người thuộc dòng họ quý tộc nhưng có tư tưởng chống đạo lý phong kiến, tự do phóng đãng, đồng thời cũng nổi tiếng là người đẹp trai được nhiều phụ nữ yêu mến.

mặt lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba hay bất cứ trong buổi nói chuyện nào khác tùy ý bạn. Tôi đã hứa hẹn yêu khá nhiều lần, và tôi khi tôi cắt đứt đi vì tôi nghĩ rằng người đó muốn thế, hoặc có lúc tôi làm cho người đó cắt đứt bằng cách tỏ cho anh ta thấy rằng tôi muốn thế. Trường hợp trên thì tôi ân hận, còn trường hợp sau thì anh ta ân hận, tuy nhiên, mặc dầu những ý nghĩ của chúng tôi như thế nào, cái cảm giác dễ chịu khi xa nhau thường thường là cả hai bên đều thấy như nhau cả.

Tôi cho rằng bạn - dù bạn là ai đi nữa - bây giờ đã hiểu rõ tính tình của tôi rồi, hoặc ít nhất cũng cho rằng bạn hiểu. Được, bạn cứ việc tâng bốc mình đi, nhưng bạn hãy cho tôi nói với bạn rằng sự ve vãn là một thứ trò chơi mà không bao giờ tôi phải tìm ở đâu xa, và chẳng bao giờ tôi phải mất công học tập. Tôi thích ăn mặc, thích khiêu vũ và thích đánh quần vợt như bạn thường vẫn nghĩ. Tôi cũng thích nhạc hay, sách hay, thích hoa thảo mộc, thích trồng trọt, và dạy trẻ, như bạn thường không nghĩ tới. Và nếu như ở địa phương của tôi người ta biết đến tôi là một cô gái đẹp, thích chuyện trăng hoa hơn biết đến tôi là một nhà thực vật hay một nhà giáo, thì đó là vì ai cũng cho tôi không có việc gì khác ở trên đời hơn là ngồi suy tính đến một cuộc kết hôn tốt đẹp. Những người đàn ông, ngay cả những người tử tế nhất, họ cũng muốn làm thân với tôi để chiêm ngưỡng cái gương mặt và vóc người của tôi chứ không phải để rèn luyện trí óc của họ. Tôi lấy làm thích thú khi thấy mình có thể dầy vò được họ, nhưng cuối cùng, tôi đã thấy rằng

họ thích được dày vò khác nào như những trẻ em thích người ta cù, tôi có phải dùng đến bảo bối của tôi cũng chỉ có nghĩa là chuốc lấy sự vất vả để mua vui cho họ mà thôi. Nếu không phải là cho đám thanh niên điên rồi, đám này không những chỉ chăm chăm nhìn tôi như cú vọ mà thật sự lại còn tôn thờ tôi nữa kia – tội nghiệp chưa! - Và cho mấy đứa hợm mình lúc nào cũng sẵn sàng nghiên cứu về cây cối và chơi bè trâm trong những bài viết cho hai đàn dương cầm ở những bản giao hưởng của Haydn¹ thì tôi sẽ phải cho những giờ phút sống trong cái xã hội đàn ông là những giờ phút buồn tẻ nhất đời tôi.

Một buổi chiều tháng Mười, tôi nhận được điện của mấy người bạn trên thị xã tỉnh tôi, cách chỗ tôi ở hai mươi lăm dặm đường xe lửa, báo cho biết là họ mua được cả lô ghế để xem ca kịch và dành cho tôi một ghế (nếu bạn là người Luân đôn chính cống thì tôi có thể nói với bạn rằng những gánh kịch họ cũng đi vòng về các tỉnh nhỏ như những ban kịch khác, và thường khi về tỉnh nhỏ thì những gánh hát ấy được người ta coi trọng hơn là ở Luân đôn). Thế là tôi chỉ còn đủ thì giờ để chạy một mạch lên gác trang điểm cho lông lẩy, uống vội một tách trà, và đi cho kịp chuyến tàu bảy giờ kém mười. Tôi đi có một mình, vì nếu không thế thì chỉ có cách là tôi vĩnh viễn ở quanh xó nhà. Các em trai tôi còn có công việc khác của chúng, không thể đi theo được, bố mẹ tôi thì

1. Haydn: Nhạc sĩ áo (1732 – 1809) tác giả nhiều bản giao hưởng và hoà tấu có giá trị. Trong câu này, tác giả ám chỉ những kẻ bề ngoài làm như cao thượng nhưng bên trong chỉ là những kẻ bẩn thỉu, chúng tôi giữ nguyên tinh thần câu văn của tác giả.

già quá và các cụ thích được yên tĩnh chứ không ham gì những trò chơi của con gái hoặc bị nó giữ rịt với nó đến tàn khuya, còn như tôi, là con gái nên tôi chỉ lo cho thân tôi cũng đủ bận rồi chứ chẳng cần phải lo cho bà nào khác. Vả lại, đi trên xe lửa chỗ tôi thì cũng như ở nhà, tất cả những người gác trên tuyến đường đều biết rõ chúng tôi như họ biết rõ gia đình của họ vậy. Cho nên bạn không cần phải giơ tay lên trời mà lo cho tôi không được an toàn vì tôi vẫn thường đáp xe lửa lên tỉnh, đi xe đến rạp, tìm cái “lô” của bạn tôi ở đó, đi xe quay ra ga, và - đây mới thật là điểm tốt cùng bất tiện! - Trở về nhà bằng một chuyến tàu mười một giờ buổi đêm, hoàn toàn đi một mình, không có bà nội thị đi kèm hay một người đi hộ tống nào khác.

Vở ca kịch diễn hôm ấy là vở Đông Joăng¹, và cố nhiên biểu diễn thì thật quá tồi. Phần lớn những cuộc biểu diễn ca kịch hiện nay đều là như vậy - đối với những người hiểu biết khá nhiều về âm nhạc để tự mình thưởng thức về ca kịch cũng như đối với những người khác đọc Sêchpia². Vai Đông Joăng do một người Pháp đóng bộ dạng lơ lửng. Với một giọng mũi vừa buồn vừa không có âm điệu, mà khi ngân lên thì không bao giờ anh ta giữ giọng được lâu để chúng tôi nghe xem có đúng hay không. Vai Lépôrelô là một anh hề nhợt nhợt người Ý dáng vóc mập mập, anh ta quát lên chứ không phải

1. Vở ca kịch hai màn nhạc của Môza (Môzart) 1787. Một vở ca kịch kiểu mẫu về đẹp, nhẹ nhàng, duyên dáng và có nhiều tính chân thực của sân khấu.

2. Shakespeare, thi hào lớn nhất của nước Anh (1564 – 1616)

hát. Vai hát giọng nam cao là một anh chàng lão khoèo, khi hát đã bỏ hẳn cái đoạn Dall suapace¹ vì anh ta không tin rằng mình có thể qua nổi đoạn ấy. Còn Masetto và Conmãngdato thì chỉ do một người thủ vai, tôi chắc là anh chạy cò. Còn những vai nữ, Donna Anna thì to béo và già đến năm mươi tuổi, người đóng vai Envira có một giọng nữ cao rất bi tráng vừa the the vừa hỗn hển, mỗi lần nghe cô ta lên đến quá Fa thăng là tôi lại lo sắp đứt, còn đóng Zeclina là một người mới bắt đầu đi diễn thử, hát xúng đoạn Bati, bati, và vèdrai carino với những đoạn chuyển điệu của vai nàng Luxia lúc diên đại phải được bó tay nhiều và phải diễn lại hai lần. Dân nhạc được tăng cường bằng những tay nghiệp dư ở địa phương, trong đó có bộ kèn đồng mượn của đội kèn đoàn kỵ binh thứ Mười. Mọi người đều thú vị, và khi tôi nói là tôi không thú vị, thì họ bảo: "Ô, cô kỹ tính lắm, khó mà chiều cô được. Cô không nghĩ rằng nếu cô không khác người quá như vậy thì cô cũng sẽ thấy thú vị hơn hay sao". Ai lại nghĩ ra chuyện đêm nhạc của Môza và vút cho những người ngu ngốc như vậy nghe bao giờ!

Khi anh chạy cò và người Pháp kia chìm vào đồng lửa đỏ trong tiếng kèn vang dậy của đoàn kỵ binh thứ Mười và tiếng quang quác của anh béo lùn dưới chân bàn, thì tôi kinh tởm thất vọng, đứng dậy bỏ đi, và tôi lấy làm lạ tại sao người ta lại trả những giá thật đắt để đi nghe những vở ca kịch bị cắt xén một cách không ai có thể chịu được, với một kiểu hài kịch tân thời hay một trò ú

1. Một đoạn rất khó hát trong vở ca kịch Đông Joăng.

tim như vậy. Chúng tôi ra đến ngoài trời thì trời đang mưa tầm tã, phải đợi đến gần mười phút mới thuê được một chiếc xe cho tôi. Phải đợi nên tôi rất lo, chỉ sợ nhỡ chuyến tàu cuối cùng, rồi về sau, tuy nổi lo lắng có dịu đi một chút vì đến nơi còn ba phút nữa tàu mới chạy, tôi vẫn chẳng thấy vui vẻ gì lắm khi người gác tàu khóa cửa để tôi ngồi một mình trong toa hạng nhất.

Thoạt đầu, tôi ngả người vào trong góc định ngủ. Nhưng tàu đi được một quãng ra khỏi ga thì có tiếng pháo hiệu nổ đoàng đoàng, báo sương mù và tàu đỗ lại. Trong lúc chờ cho tàu chuyển bánh, người tôi rất tỉnh táo nhưng bực tức một cơn mưa nặng hạt đập vào kính cửa làm tôi quay ra phía cửa sổ, đêm tối đen như mực, tôi chẳng nhìn thấy gì ngoài ánh phản chiếu của bên trong toa xe và cố nhiên có cả tôi trong đó. Cả đời tôi chưa bao giờ nom thấy mình đẹp hơn thế. Tôi đẹp thật. Cảm giác trước tiên của tôi là cái cảm giác vui thích của lòng kiêu căng thỏa mãn. Rồi đến cái cảm giác buồn bực vì tất cả những cái đó đều vô ích, chẳng có một ai ở trong toa xe để ngắm tôi. Bạn đọc cao quý, nếu như bạn quá giản dị mà chẳng bao giờ bạn phải hoài công nghiên cứu vấn đề các vẻ đẹp, thì xin bạn hãy để tôi nói cho bạn biết rằng ngay cả những người đẹp cũng chỉ thấy mình yêu kiêu và hấp dẫn từng lúc mà thôi. Có những ngày buồn chán bạn thấy mình không đáng nhìn, và có những ngày đáng ghi nhớ khi bạn thấy mình thật hấp dẫn, khi ấy bạn không thể nhìn vào chính đôi mắt và khuôn mặt của bạn mà lại không cảm động được. Nhưng không phải ngày nào bạn cũng như vậy đâu, dù bao nhiêu xà phòng,

nước hoa, phấn, sáp, chải chute và diện cũng không tạo ra cho được cái đó. Đến lúc thấy đời đáng sống như vậy, trừ trường hợp như đang xảy ra đến cho tôi bây giờ, thì bạn lại mất hết cả những hào quang vì phải ở một nơi hẻo lánh hoặc nơi đó chỉ có mình mình, hoặc chỉ có gia đình mà cố nhiên là chẳng có ai chú ý đến sự có mặt của mình cả. Tuy vậy, tôi nghĩ lại cũng khá sung sướng vì như thế cũng tránh cho tôi khỏi bị cảm lạnh, như tôi vẫn thường bị mỗi khi trở về nhà khuya mà trong lòng không vui vẻ.

Sau đó tiếng xích nối toa lẳng xềng và tiếng kinh kịch của đầu toa đập vào nhau, nghĩa là có một chuyến tàu hàng đã tránh đường. Tàu của chúng tôi giạt một cái rồi đi, và tôi lại ngồi vào trong góc, mặt quay về phía cửa sổ để dễ nhìn ngắm trong khi tàu chạy. Xin bạn đọc chú ý là tôi không hề nhắm mắt một lúc nào, tôi vẫn tỉnh táo đến lúc này đây. Tôi nghĩ đến bao nhiêu chuyện, vở ca kịch vừa rồi lại diễn ra khá nhiều trong óc tôi, và tôi nhớ rằng lúc đó giả thử Đông Joăng có gặp tôi, thì tôi sẽ có thể hiểu chàng hơn là những người đàn bà khác, và cả hai đã ý hợp tâm đầu với nhau rồi. Dù có thế hay không, tôi cũng cảm thấy chắc chắn rằng anh chàng không thể lừa dối tôi một cách quá dễ dàng như đã lừa dối những người đàn bà kia, nhất là nếu chàng ta lại đúng như người Pháp với cái giọng ngân ăy. Hơn nữa, Đông Joăng thật thì có thể đã là một cái gì khác hẳn, vì kinh nghiệm đã dạy cho tôi biết rằng những người được ngưỡng mộ nhiều thường cũng hay bị nịnh hót hoặc bị khổ sở trong những chuyện tình duyên với những người mà lẽ ra họ

phải để cho người khác yêu nếu bản thân họ đã được để yên.

Tôi nghĩ lan man trong óc như vậy rồi đưa mắt nhìn ra xung quanh thì tôi không hiểu tại sao, vì chắc chắn là tôi không hề có ý nghĩ rằng có ai hay có cái gì để mà nhìn thì kia, ngồi trước mặt tôi là một người đàn ông lịch sự, khoác chiếc áo choàng làm bằng một thứ hàng thật đẹp màu đỏ sẫm duyên dáng, cắt rất khéo có thể nói thứ hàng đó mặc cả đời không hỏng và đến lúc hỏng thì cũng vẫn còn đẹp như mới. Người đó đội chiếc mũ tròn bằng nỉ đen đẹp trông rất oai vệ. Đôi giầy ủng cao đến gần đầu gối làm bằng một thứ da mềm màu mận chín, tôi chưa bao giờ trông thấy thứ nào như vậy, trừ có đôi giầy tôi đã mua một lần ở Pari giá bốn mươi quan, trông nó mịn như da trẻ nhỏ chứ không phải da thú. Và để tả cho đủ, người đó đeo một thanh kiếm có cái vòng cán toàn bằng vàng, nhưng làm khéo như một thứ đồ kim hoàn rất ưa nhìn.

Tại sao tôi lại chú ý đến tất cả những cái đó mà chưa kịp ngạc nhiên không hiểu người ấy thế nào mà vào được đây, cái đó tôi không thể nói được, nhưng nó là như vậy đấy. Cố nhiên, rất có thể người đó vừa ở một cuộc liên hoan trá hình nào về và đã bước vào toa trong khi tàu dừng lại ở ngoài ga. Nhưng khi tôi chợt mạnh bạo liếc nhìn vào mặt người đó (tôi cũng chả cần phải nói rằng một người thiếu nữ đã từng trải thì không ai lại bắt đầu nhìn chòng chọc vào người đàn ông khi chỉ có một mình cô ta với người ấy trong toa xe) thì bao nhiêu ý nghĩ về tất cả những gì kỳ cục như một cuộc liên hoan trá hình,

có liên quan đến người đó đều biến đi đâu hết cả. Người đó có bộ mặt cương nghị, diêm đạm, trắng trẻo, đang nhìn đắm đắm qua đầu tôi và nhìn ra ngoài khoảng không. Cái đó làm tôi cảm thấy mình bé nhỏ quá đi mất, mặc dầu tôi nhớ lại cảm giác khiêm tốn và sung sướng rằng lúc đó tôi đang có một vẻ đẹp lộng lẫy. Thế rồi tôi chợt thấy thật là vô lý người đó chẳng qua chỉ là một người đàn ông. Tôi chưa kịp kích động cái bản chất thấp kém của mình nghĩa là bằng cách nghĩ đến nó, thì bỗng nhiên tôi kinh hoảng, tôi tin rằng tôi sắp sửa lao người ra chỗ giạt chuông, thấy người đó hơi nhăn mặt, y như tôi đã làm phiền ông ta, cái cử chỉ ấy lần đầu tiên chứng tỏ rằng người đó biết có tôi ngồi ở đây.

“Xin cô cứ ngồi yên”, người đó nói, giọng ôn tồn nhẹ nhõm rất phù hợp với khuôn mặt, và người ấy nói như không để ý gì đến cái sắc đẹp hấp dẫn của tôi ngay lúc đó tôi đã để ý thấy - như thể tôi chỉ là một con bé xấu xa lên mười hoặc mười hai tuổi - “Cô đi có một mình. Còn tôi chỉ là cái mà người ta gọi là hồn ma; tôi không hề có chút ý nghĩ gì dính dáng đến cô cả”.

- “Một hồn ma!” - Tôi lắp bắp nói, cố giữ bình tĩnh, làm như tôi không tin là có ma.

- Tốt hơn hết là cô hãy thử đưa cái quạt của cô cất qua cánh tay tôi mà xem, để cho cô thật tin - người đó lạnh lùng nói và chìa khuỷu tay ra, mắt chăm chăm nhìn tôi.

Lưỡi tôi dính chặt lên hàm trên. Trong óc tôi nghĩ nếu không làm một cái gì để qua được cái giây phút kinh khủng ấy thì tóc tôi sẽ bạc hết mất, mà như vậy thì

chẳng còn gì khổ cho tôi hơn nữa. Tôi đặt cái quạt của tôi đã cụp lại lên tay áo người đó. Cái quạt cứ đi suốt qua y như không có cánh tay người đó thật, và tôi hét lên, khác nào như cái quạt ấy là một con dao đâm qua thịt của chính tôi vậy. Người đó rất bực bội và dần giọng nói:

- Nếu tôi làm phiền cô thì để tôi đi sang toa khác vậy. Tôi chắc người đó đã biến ngay đi nếu như tôi không thật sự cố nắm lấy cái áo choàng ma của người đó và nếu tôi không nói với một giọng gần như khóc:

- Ô không, không, xin ông đừng đi. Trông thấy ông rồi thì tôi không dám ngồi lại một mình ở đây đâu.

Người đó không hẳn là mỉm cười, nhưng ông ta đã có một chút gì "người" hơn trong cử chỉ, mắt nhìn tôi có một cái gì nửa như thương hại, nửa như thú vị.

- Tôi sẽ ở lại đây với cô nếu cái đó làm cho cô phần nào đỡ lo sợ. Nhưng cô phải cư xử thật sự như một người đàn bà có học thức và đừng có hét vào mặt tôi.

Kính hiển vi hồi ấy chưa được chế tạo ra để có thể soi thấy một thứ sinh vật nào nhỏ hơn là tôi đã cảm thấy mình nhỏ bé trong lúc đó.

- Xin ông thứ lỗi cho, tôi vốn không quen như thế này - tôi nói một cách khúm núm. Rồi để lái sang chuyện khác, vì người đó chẳng để ý một tí nào đến lời xin lỗi của tôi, tôi nói thêm:

- Ông phải đi bằng xe lửa thì hình như cũng lạ lắm nhỉ.

- Tại sao?

- Cứ kể ra thì việc này cũng chẳng lạ hơn bao nhiêu việc khác mà người ta vẫn coi là chuyện xảy ra hàng ngày, - tôi nói, gắng tỏ ra cho người đó thấy rằng tôi thật sự cũng là một người đàn bà có học thức. - Nhưng ông không thể bay nhanh hơn được ư? Ý tôi muốn nói rằng như vậy có mau hơn không?

- Bay! Người đó nghiêm nghị đáp - Tôi có phải là chim đâu?

- Không, thưa ông không, nhưng tôi nghĩ rằng ma thì có thể... không hẳn là bay, nhưng là tự nó... à tự người đó... à, tự ông phóng đi, tôi muốn nói là... qua không gian bằng cách thế nào đó, và... nghĩa là, nếu ông bị giới hạn bởi thời gian và không gian. Vừa nói buông mồm thì tôi cảm thấy mình thực là hợm mình ghê gớm.

Nhưng cái tính hợm mình hình như lại thích hợp với người đó. Người đó đáp lại rất nhã nhặn: - Tôi bị hạn chế như vậy đấy. Tôi có thể chuyển từ chỗ này đến chỗ khác... tự phóng mình đi, như cô nói đấy. Nhưng đi xe lửa tránh cho tôi khỏi phiền phức.

- Vâng nhưng như thế chẳng chậm hơn ư?

- Nắm cái vãnh cửa trong tay, tôi có việc gì mà phải vội.

Tôi thấy mình thật là ngốc không nghĩ ra chuyện đó. Tôi nói: Cố nhiên xin ông tha thứ cho tôi đã ngớ ngẩn hỏi ông như vậy.

Người đó lại cau mày và cựa mình nới cái áo choàng ra một chút, rồi nghiêm nghị nói: Tôi sẵn sàng trả lời những câu cô hỏi, và đem tất cả những khả năng và hiểu

biết của tôi ra giúp cô. Nhưng tôi phải nói với cô rằng tôi rất chán những chuyện thứ lỗi, xin lỗi, rất tiếc rằng, với mọi điều phân trần không cần thiết. Xin cô nhớ giùm cho rằng, cô có thể làm bất cứ cái gì đi nữa cũng không thể làm tổn thương, xúc phạm hay làm tôi thất vọng được. Nếu cô đại dốt hoặc không thành thật thì tôi có nói chuyện với cô cũng bằng vô ích, có thể thôi.

Khi tôi hơi hoàn hồn về những lời chê trách ấy, tôi đánh bạo hỏi “Vậy tôi cứ phải tiếp tục đặt ra câu hỏi với ông ư?” Có cái lệ như vậy cần thiết đối với m... với những người... với các ông các bà ở thế giới bên kia.

- Thế giới bên kia! - Người đó ngạc nhiên nói - thế giới bên kia nào cơ chứ?

Tôi thấy ngượng quá nhưng không dám xin lỗi.

Người đó nói: Thường cần phải đặt ra cho các hồn ma những câu hỏi là vì thế này, ma không có ý muốn nói chuyện với người mà ngay như không hẳn phải như thế nữa thì ma cũng không có cảm tình khá mạnh đối với người để có thể đoán được ý thích của người. Mặt khác, vì sự hiểu biết là cái cái quyền chung của mọi người, nên, trừ phi vốn là kẻ cắp hay là một thằng bủn xỉn, còn không có hồn ma nào khi có người hỏi lại từ chối không trả lời. Nhưng cô đừng mong ở chúng tôi muốn nói bất cứ chuyện gì thì nói đâu.

- Tại sao ạ? - Tôi hỏi, lúc này tôi đã tỏ ra bướng bỉnh hơn, trước thái độ kiêu kỳ lạnh nhạt của người đó.

- Vì làm đẹp lòng cô cũng chẳng có lợi lộc cho tôi một chút nào cả.

- Tôi rất tiếc, nhưng tôi không thể nghĩ ra điều gì để mà hỏi ông. Có rất nhiều chuyện đáng hỏi, nhưng nhớ được thì còn nói gì nữa. Ít nhất, những cái tôi nghĩ ra được lúc này thì hình như nó riêng tư quá và chả có nghĩa lý gì hết.

- Nếu đối với cô nó còn hình như vậy sau khi cô đã suy nghĩ về sự thoát xác của tôi thì có lẽ là cô điên – người đó điềm tĩnh và nhã nhặn nói với tôi như một bác sĩ đang nói về một căn bệnh gì của tôi vậy.

- Hẳn là tôi đang điên đây - tôi đáp, lúc đó đã bắt đầu thấy bực mình. Tuy nhiên, nếu ông không gắng ăn nói một cách lễ độ thì ông cứ giữ lấy những điều ông hiểu biết cho riêng ông.

- Khi nào tôi có điều gì xúc phạm đến cô, xin cô cứ nhắc tôi sẽ cố tránh, - người đó nói, không tỏ ra khó chịu chút nào. Tốt hơn hết là cô cứ hỏi đi, và nhớ rằng giữa hồn ma vào cái thời cách đây hàng mấy thế kỷ với cô con gái hai mươi tuổi thì có thể không cần phải khách sáo gì cả.

Người đó tỏ ra kiên nhẫn một cách quá dễ thương trong cái thái độ khinh mạn đối với tôi khiến tôi cũng đành chịu. Vả lại, tôi còn lớn hơn người đó tưởng những bốn tuổi nữa kia. Tôi nói: Tôi muốn ông cho tôi biết, ông là ai, nghĩa là xưa kia ông là ai, và chết đi ông có đau khổ lắm không. Tôi mong rằng vấn đề này sẽ không phải là một chuyện đau xót. Nếu có như thế thì...

Người đó không đợi tôi nói hết những câu rào đón ngớ ngẩn, mà đã nói ngay:

- Cái chết của tôi nó quá đặc biệt, nên thực sự chính tôi cũng không phải là người am hiểu vấn đề này lắm. Tôi vốn là một người thuộc dòng dõi quý tộc Tây Ban Nha, còn văn minh hơn nhiều những người cùng thời với tôi, là những người hay thù oán, mê tín, hung dữ, tham lam, hết sức bị sai lệch vì bị ảnh hưởng những truyền thống đẳng cấp của họ, những người tàn ác điên rồ không thể tưởng tượng khi họ bị tình yêu ám ảnh, và họ bất lương hèn nhát trong tư tưởng. Họ cho tôi là quái gở, thiếu thiện tâm, và không có ý thức về đạo lý.

Tôi thờ dài, bị những lời nói thao thao kỳ lạ ấy chinh phục.

- Mặc dầu tôi là người cuối cùng của dòng họ Ténarioo, những người thuộc dòng họ này đã từng chiếm những địa vị cao trong triều đình trải qua mấy đời, nhưng tôi vẫn không muốn mất thì giờ để đi làm một tên hầu cận có chức vị, cái việc tôi từ chối ấy theo những ý nghĩ của thời đại tôi và đẳng cấp tôi là vô cùng hỗn xược, và người ta cho là tôi đã tự bôi nhọ mình. Cái đó chẳng làm tôi bận khoản mấy. Tôi có tiền, có sức khỏe, và tự làm chủ được mình về mọi mặt. Đọc sách, du lịch và phiêu du là những sở thích của tôi. Hồi niên thiếu và lúc mới trưởng thành thái độ coi thường của tôi đối với những dư luận khuôn mẫu với một chút trào phúng khinh mạn trong chuyện trò giao thiệp đã làm tôi bị những người khe khắt gán cho cái tên vô thần, phóng đảng nhưng sự thật thì tôi cũng chẳng tệ hơn một nhà tư tưởng tự do, chăm chỉ suy nghĩ và lãng mạn cao độ. Họa hoàn, có người đàn bà nào đó gọi tính ngông cuồng

non trẻ của tôi, nhưng tôi vẫn chỉ đứng xa mà ngưỡng mộ người ấy rất lâu, chứ chẳng bao giờ dám tìm đến làm quen. Nếu ngẫu nhiên mà tôi có bị vút đến bên người đàn bà ấy thì tôi lại quá e dè nhút nhát nhẹ dạ, lễ phép một cách quá hào hiệp đến nỗi không dám lợi dụng cái mà người ngoài cuộc có thể dễ dàng nhận thấy đó là một sự khuyến khích mạnh mẽ nhất, và rốt cuộc thì một anh chàng hiệp sĩ nào đó từng trải hơn tôi đã hót mất cái phần thưởng kia đi mà tôi cũng không hề có một lời phản kháng. Sau cùng, một người đàn bà góa mà thỉnh thoảng tôi vẫn đến thăm và tôi cũng không hề ngờ vực gì về cái tình cảm của bà ta đối với tôi, bà ta ngày càng tỏ ra thất vọng vì thấy tôi quá ngu ngốc và không hiểu gì, thế rồi một buổi tối bà ta ngã vào lòng tôi và nói thực với tôi bà ta đã say mê tôi. Nỗi ngạc nhiên của tôi, những lời vuốt ve của bà ta, cái ngây thơ của tôi, với nỗi đau khổ đáng yêu của bà ta đã khiến tôi bị khuất phục. Tôi không thể nhẫn tâm, từ chối bà ấy được, thế là trong gần một tháng trời tôi không ngần ngại hưởng hết những vui thú bà ấy dành cho tôi, và khi nào không có việc gì khác thì tôi lại tìm đến với bà ta. Đó là câu chuyện yêu đương tuyệt diệu đầu tiên của tôi, và mặc dầu trong gần hai năm người đàn bà ấy không có điều gì phàn nàn về sự chung tình của tôi, tôi cũng đã nhận ra cái khía cạnh lãng mạn trong cuộc đàn dứ này, đối với bà ta hình như nó không bao giờ nhạt phai, nhưng đối với tôi thì nó buồn chán, vô lý, lại còn như bị cưỡng bách và không thành thật nữa, trừ có đôi lúc khi sức mạnh của tình yêu làm cho bà ta đẹp hẳn lên, cả về thể xác lẫn tâm hồn thì không kể. Chẳng may là khi những ảo tưởng, tính nhút

nhất với sự tò mò trẻ con của tôi về đàn bà vừa mất đi, thì tôi lại bắt đầu làm cho họ say mê tôi đắm đuối. Sự vui thích của tôi đối với chuyện này chẳng mấy chốc lại hóa ra một sự lo sợ. Tôi trở thành cái đích cho những vụ ghen tuông dữ dội, mặc dầu tôi đã hết sức khéo léo, nhưng không có người bạn nào của tôi đã có vợ mà chẳng trước thì sau lại không suýt có một cuộc đọ gươm vô lý với tôi. Người hầu của tôi lấy làm khoái với cái chuyện lập ra một bản danh sách về những cuộc đi chinh phục của tôi mà hẳn không nghĩ rằng chẳng bao giờ tôi lợi dụng gì về họ, lại càng ít nghĩ rằng sở dĩ tôi ưa thích hơn những cô quý mến tôi còn trẻ và chưa chồng, trong những chuyện này khi hẳn có gan hẳn cũng hùa theo tôi, là do họ ngây thơ, cả thẹn không dám tán tỉnh tôi như mấy bà đã có chồng mà tôi quen biết, họ thường chẳng ngần ngại gì mỗi khi họ thấy rằng nếu không tấn công thì chẳng còn mong đợi gì ở tôi. Tôi đã phải luôn luôn tự gõ mình ra khỏi những tình thế khó chịu đó bằng cách xa lánh không ở gần họ, một biện pháp để trốn tránh mà thói quen hay sống lang thang của tôi cũng đã giúp cho tôi dễ dàng trong việc đó. Nhưng tôi e rằng cả cái đó nữa cũng đưa tôi đến chỗ mang tiếng là một kẻ du dương. Lâu dần, cái ý nghĩ ngu dại của người hầu về tôi đã bắt đầu lan rộng đi, và sau cùng tôi trở thành nổi tiếng là một thằng chơi bời bất trị, và với một nhân vật như thế, tôi lại càng làm cho người đàn bà mà tôi ghê sợ nhất mê tôi hơn nữa. Tai tiếng ấy càng lan đi càng to ra như một quả cầu tuyết. Những chuyện vô lý về tôi trở thành một trong những đầu đề bàn tán thời đó. Gia đình tôi từ bỏ tôi, và trong người tôi còn khá nhiều

lòng tự phụ kiêu Tây Ban Nha để mà coi khinh mọi ý định nhằm hòa giải việc đó. Ít lâu sau, tôi thật sự bị pháp luật cấm đoán. Một thiếu nữ hết mức ngoan đạo, con gái ông Tư lệnh thành Xêvin, đã hứa hôn với một anh bạn của tôi. Vốn đã được nghe đồn nhiều về tôi nên hề nói đến tôi là cô ta hết sức kinh hãi. Nhưng cái đó vì người bạn tôi nể tôi nên đã giấu không cho tôi biết. Một hôm, thật không may cho tôi lại đi nảy ra cái ý muốn làm quen với người vợ tương lai của anh bạn. Do đó, lợi dụng sự liên hệ huyết thống giữa gia đình Tư lệnh với gia đình tôi, tôi đã mạnh dạn đến thăm. Trời đã gần tối tôi mới đến gặp cô ta, trong ánh sáng nhạt nhoang, cô ta tưởng tôi là người yêu nên mừng rỡ ôm choàng lấy tôi, nhưng sự cự tuyệt của tôi làm cô ta hiểu ra là mình lầm. Đáng lẽ phải xin lỗi tôi về chỗ cô ta đã lầm ấy - chỗ này mãi về sau chính tôi cũng không hiểu - thì cô ta lại hô hoán lên, và khi bố cô ta cầm thanh kiếm trong tay chạy đến, cô ta lại vu cho tôi là đã hỗn láo với cô ta. Ông Tư lệnh không chờ tôi giải thích đã nhất định muốn giết tôi, và chắc chắn là ông đã giết được tôi rồi nếu như vì để tự vệ tôi không đâm một nhát qua người ông. Sau này, ông ấy tự thú là mình đã lầm, và bây giờ thì hai chúng tôi là đôi bạn rất thân rồi, nhất là tôi lại không bao giờ cho là mình tài giỏi hơn ông ta trong cuộc đọ kiếm ấy, mà chỉ nhận rằng trong bóng tối chẳng qua đó là một nhát đâm may mà trúng thôi. Song không ngờ trong khoảng không đầy năm phút sau khi bị nhát kiếm của tôi, ông ta chết, người hầu của tôi và tôi phải bỏ chạy để tránh khỏi bị gia nhân của ông ta giết chết.

Ấy thế rồi, chẳng may cho tôi, con gái ông ta, dù là một tín đồ Thiên chúa giáo Tây Ban Nha đi nữa, cũng là người có đức hạnh và quyết tâm lớn phi thường trong việc báo thù. Khi những ông ủy viên hội đồng thành Xêvin cho dựng lên pho tượng một kỵ sĩ khá đẹp để kỷ niệm bố cô ta thì, với một số tặng vật đưa đến chỗ này, chỗ khác cô ta đã tranh thủ được đa số trong hội đồng để họ ủng hộ cái đề nghị đòi cho một trong những tấm biển dưới chân tượng phải được ghi một câu rằng ông Tư lệnh đang mong đợi Thượng đế trả thù kẻ đã giết ông. Cô ta còn làm rùm beng lên và lòng tôi hết nơi này đến nơi khác đến nỗi những nhà pháp luật phải nhiều lần yêu cầu tôi hãy trốn đi khỏi địa hạt của họ nếu không sẽ vì những áp lực của cô ta và của dư luận mà buộc phải thi hành nhiệm vụ và bắt giam tôi, bắt chấp cả địa vị xã hội của tôi. Cô ta cũng không chịu kết hôn với anh bạn của tôi chừng nào tôi chưa đền tội cô ta gọi như vậy. Khổ cho Ottavio, một con người hiền lành và biết điều, anh ta chẳng ăn hận chút nào vì đã thoát được ông bố vợ hay giận dữ và độc đoán kia, anh ta biết rõ rằng cô ta với tôi, hai người đều đáng trách cả. Vì vậy, trước mặt cô thì anh ta thể với các thánh thần là sẽ không bao giờ tra kiếm vào vỏ nếu nó chưa nhuộm đỏ máu của tôi, nhưng anh ta vẫn nói riêng cho tôi biết về những việc cô kia đang tiến hành và mặc dầu anh ta cứ leo đèo theo cô kia như hình với bóng - vì anh ta yêu cô ấy lắm, anh ta vẫn cố tránh sao cho không gặp tôi bao giờ.

Sau cùng, mệt vì những tai tiếng, vì những người đàn bà ngưỡng mộ tôi cũng như vì những người làm khổ tôi ở

thành Xêvin, nên tôi đã quyết tâm rũ bỏ tất cả bằng cách lập gia đình và trở thành con người đúng đắn. Với hy vọng rằng phụ nữ ở thành Cattin¹ cổ kính có thể là ít dễ cảm và ít gây phiền phức hơn phụ nữ ở Andaluxla, tôi bèn đi Buagôt và ở đó tôi làm quen với một thiếu nữ vừa học ở tu viện ra. Khi tôi hài lòng thấy rằng cô này là một cô gái ngoan ngoãn không đặc biệt tha thiết với tôi cũng như với người nào khác, tôi liền cưới nàng. Mục đích của tôi là được yên ổn để có thì giờ học tập chứ không phải vì hạnh phúc. Nhưng chẳng bao lâu, tôi chắc do tính tình, nàng đã phát hiện ra rằng tôi lấy nàng không phải vì yêu, mà tôi cũng chẳng khâm phục gì học thức của nàng lắm, cho nên nàng đã quay ra ghen tuông lồng lộn. Chỉ có những ai đã từng bị người vợ ghen tuông của mình rình mò mới thấy được rằng những chuyện rình mò như vậy là không thể chịu được. Tôi chịu đựng không để lộ một lời, một cử chỉ, và cố nhiên là nàng chẳng phát hiện ra được cái gì. Rồi nàng bắt đầu tự đẩy ả mình, đi dò hỏi bạn bè có người quen ở thành Xêvin, và khi họ cho biết tin nàng nổi ghen đến nỗi tưởng chừng như nàng bảo là tôi đang giết nàng. Từ trước đến nay trước mặt tôi nàng vẫn còn có chút dè dặt, nhưng một hôm, nàng bảo thẳng nếu tôi không thú nhận những hành động bạc tình của tôi hay nếu không tỏ ra là tôi yêu nàng thì nàng sẽ tự tử. Nào giờ đây tôi có gì đâu để mà thú nhận với nàng còn như việc tôi yêu nàng thì nếu không phải do tôi cực kỳ kinh tởm không muốn làm nhục ai thì chẳng có gì có thể khiến tôi phải che giấu là bây giờ nàng làm cho tôi phiền

1. Old Castile

vô cùng. Rõ ràng không có cách nào hơn là bỏ đi chỗ khác. Trước đó ít lâu, tôi đã đuổi người hầu của tôi đi để cho nàng vui lòng, vì nàng ngờ hấn là người liên lạc giữa tôi với những tình nhân của tôi mà nàng đã tưởng tượng ra trong đầu. Nhưng hấn vẫn còn lĩnh lương của tôi và sẵn sàng cùng tôi đi lang thang, vì do một sự tính toán điên rồ suýt nữa hấn cũng lấy vợ. Nhận được tin tôi nhắn, hấn đến nhà tôi, tiếp tục làm cho vợ tôi nghi ngờ là tôi có một cuộc hẹn hò trưa hôm đó ở nhà thờ và trong khi nàng đến đấy rình tôi thì hấn đã gói súng của tôi vào một chiếc khăn, rồi trước lúc mặt trời lặn, hấn theo kịp tôi trên đường đi Xêvin. Từ Buagôt đến Xêvin là một trăm dặm Tây Ban Nha theo đường chim bay và vì hồi đó chưa có đường xe lửa, nên tôi không tin rằng vợ tôi có thể theo tôi đi xa như vậy, dù nàng có đoán được là tôi đi đâu nữa.

Khi tôi cho ngựa quay đầu về phía Nam, Buagôt trông như một cái hang tối đen của bọn cuồng tín có rào sắt vây xung quanh, còn Xêvin là đất thần tiên. Chúng tôi đến nơi vô sự, nhưng ngay sau đó tôi nhận ra là cái may mắn khi xưa của tôi không còn nữa. Ít lâu sau khi chúng tôi tới nơi, tôi gặp ở ngoài phố một người đàn bà đang trong cơn hoạn nạn. Tôi bước đến định giúp đỡ thì hóa ra người đàn bà đó lại chính là vợ tôi. Khi nàng hỏi tại sao tôi lại bỏ trốn thì tôi chẳng biết nói thế nào, vì tôi nghĩ nói thẳng sự thật ra thì nó sẽ tàn nhẫn và khó hiểu đối với nàng. Chán nản, tôi giao nàng cho người hầu của tôi và trong lúc hấn làm cho nàng chú ý đến việc khác thì tôi lẫn đi mất. Tôi vừa quay lưng đi thì tên sỏ lá kia

vì sợ rằng nếu chúng tôi thỏa thuận thì hẳn lại phải theo tôi trở về Buagôt, nên hẳn đã chìa ra cho nàng xem cái bảng hẳn đã kê khai về những cuộc tình duyên của tôi trong đó riêng ở Tây Ban Nha đã có 1.003 cuộc, với nhiều cuộc khác ở những nước mà tôi chưa bao giờ đặt chân tới. Envira¹ xưa nay chẳng bao giờ tin ở một lời nói thật nào về tôi, đã rất nhẹ dạ thừa nhận con số 1.003 tưởng tượng ấy. Trong danh sách có tên sáu người đàn bà chắc chắn đã yêu tôi say đắm, và chừng mười lăm người mà tôi đã có đôi khi chào hỏi. Còn lại chỉ toàn là bịa đặt, rất nhiều tên đã chép ở trong cuốn sổ kế toán của người hầu của cha tôi, một anh chủ quán rượu.

Tới khi Lêpôrelô² đã gây được hết sức nhiều chuyện tai hại giữa tôi với vợ tôi, thì hẳn ta bỏ mặc vợ tôi và chạy trốn. Trong lúc đó tôi đã về ở một căn nhà của tôi ở thôn quê, và tìm cách khuây khỏa bằng cách sống hòa lẫn với nông dân. Tính tình giản dị của họ lúc đầu làm tôi thích thú, nhưng rồi chẳng bao lâu nó lại làm tôi thấy buồn. Cả cái vận đen nó cũng theo đuổi tôi. Một hôm đang đi đến đình làng, tôi bỗng gặp cô con gái ông Tư lệnh, vẫn còn mặc đồ đại tang khiến cô ta trông rất ồm yếu. Anh chàng Ôttaviô tội nghiệp kia vẫn lẻo đẻo theo sau cô ta. May sao, giữa ban ngày như vậy mà cô ta cũng không nhận được ra tôi, và nếu như lúc đó vợ tôi không xuất hiện như từ trên trời rơi xuống và không xỉ vả tôi thậm tệ thì tôi đã có thể tránh đi được sau một vài

1. Tên người vợ

2. Tên người hầu

câu nói lễ phép và đã ra hiệu riêng được với Ôttaviô. Giá như vợ tôi hơi bình tĩnh một chút thì ngay câu đầu nàng đã có thể phát hiện tôi cho Đônha Anha người vợ chưa cưới của Ôttaviô biết nhưng thật nàng đã phát điên, chẳng còn biết phải trái là gì, và tôi cũng chỉ mới nói có thể thôi là nàng đã điên cuồng chạy bỏ đi, và tôi chạy theo nàng. Thoát được khỏi cô Anha rồi, và biết rằng mình cũng không giúp đỡ gì được cho Envira, tôi vội vã đi thật nhanh về nhà. Tối hôm đó, tôi mời những người nông dân quen biết đến khiêu vũ nhà tôi, nhân dịp có đám cưới một cặp tá điền của tôi họ ăn uống nhảy nhót rất vui vẻ làm hồng cả thảm, bàn ghế, và xơi hết cả một hầm rượu của tôi. Nếu không có cuộc vui đó thì tôi đã không đi khỏi chỗ này rồi. Nhưng chuyện đã như thế, tôi nhất quyết sáng hôm sau đi sớm. Trong khi chờ đợi, chẳng có việc gì khác hơn là thay quần áo và ra tiếp những người khách của tôi cho thật vui vẻ. Khi sự dè dặt ban đầu của họ không còn nữa, họ trở nên rất ấm ì và thô lỗ lạ, nhưng ngay sau đó, tôi không để ý đến họ nữa, khi nhìn thấy ba người đeo mặt nạ bước vào, tôi nhận ra ngay đó là vợ tôi Anha với Ôttaviô. Cố nhiên tôi làm như không quen họ chỉ chào họ như thượng và vẫn tiếp tục khiêu vũ. Lát sau Ôttaviô tìm cách gửi đến cho tôi một mẫu giấy nhắn rằng vừa rồi Anha đã bất chợt nhận ra tiếng nói của tôi, đã tìm đến chỗ Envira và kể lại những nỗi đau lòng của cô ấy. Hai người đã trở nên đôi bạn thân, và họ nhất định đòi đeo mặt nạ đến chỗ tiệc vui của tôi để tố cáo tôi trước mặt mọi người. Ôttaviô đã không thể ngăn được họ và chỉ còn cách nói với tôi là nếu tôi chuồn khỏi được chỗ đó thì anh ta sẽ chạy lên

phía trước giả làm địch thủ của tôi, dưới con mắt của Anha để giúp tôi bằng mọi cách.

Lúc đó tôi không còn kiên nhẫn được nữa. Tôi bảo Lépôrelô lấy đôi súng của tôi ra và cứ giữ trong túi hần. Rồi tôi trở lại chỗ khiêu vũ, mời cô dâu nhảy với tôi trước đó tôi nghĩ nên tránh không nhảy với cô ta vì chú rể đã có vẻ ghen và cô ta cũng có một vài cử chỉ tỏ ra đã bị ngã trước sức quyến rũ mãnh liệt còn ở tôi mà tôi không hề có ý muốn sử dụng đến nó. Tôi định nhảy với cô ta một điệu khiêu vũ nhập ba nhưng cô ta không nhảy được. Rồi chúng tôi kéo nhau vào vòng nhảy của nhóm khác và định nhảy điệu van xơ. Điệu nhảy đó vượt khả năng quê mùa của cô, nhưng đến khi chúng tôi nhập vào nhóm đang nhảy điệu nông thôn thì cô ta đã nhảy một cách rất hăng hái, đến nỗi chả mấy lúc tôi phải đưa cô vào ngồi nghỉ ở một căn phòng nhỏ hơn. Tôi để ý thấy hai cô đeo mặt nạ kia đang chăm chú theo dõi việc hai chúng tôi rút lui. Bấy giờ tôi quay lại phía cô gái và lần đầu tiên tôi nói với cô ta bằng một giọng *bề trên*, ra lệnh cho cô rằng hãy tôi bảo cái gì là cô phải làm ngay cái đó. Rồi tôi đi ra cửa, đóng lại, và chờ. Ngay sau đó, Lépôrelô chạy vội vào, hần yêu cầu tôi hãy coi chừng những việc tôi vừa làm không thì nguy, vì ở ngoài người ta đang dự nghị về hành động của tôi. Tôi nghiêm giọng bảo hần đưa cho cô ta một đồng tiền để thưởng cô ta đã nghe lệnh tôi. Khi hần làm theo ý tôi rồi, tôi bèn quát bảo cô: "Cô hét lên, hét lên như yêu quái đi". Cô ta ngáp ngừng, nhưng rồi Lépôrelô nhận thấy không phải chuyện đùa với tôi được nên hần cấu vào cánh tay cô ta một vài cái và cô ta hét lên như không phải

tiếng của một con yêu quái mà là hàng nghìn con yêu quái một lúc. Sau đó, chú rể và những người bạn hữu của anh ta xô bật cánh cửa vào trong, còn tất cả chúng tôi thì đánh ừa ra phòng khách, gây nên một cuộc đại huyên náo. Nếu không có Ôttaviô lúc ấy vừa chạy lên trên vừa hoa thanh kiếm để cảnh cáo tôi, thì rất có thể họ đã tập trung can đảm để tấn công vào tôi rồi. Tôi bảo Ôttaviô rằng nếu cô gái kia có bị đau là do Lêpôrelô cấu véo cô ta. Vừa nói đến đó thì cơn bão táp của đe dọa và tố giác nổi lên đến nỗi làm tôi gần như choáng váng. Khi tôi trấn tĩnh lại thì tôi không còn giữ được bình tĩnh nữa, tôi lao vào họ, và nếu như không có Ôttaviô ở trước mặt kiên nhẫn ngăn lại thì chắc chắn là tôi đã gây ra điều chẳng lành. Sau cùng Lêpôrelô rút súng ra, chúng tôi vừa đến cửa, thì hấn chạy bán sống bán chết. Suy nghĩ một lát rồi cũng chạy theo hấn, và cả hai chúng tôi lấy ngựa ở một trạm ngựa gần đó chạy thoát được về đến Xêvin.

Sau đó, tôi sống yên ổn trong một thời gian. Một buổi chiều, từ trên một cửa sổ, vợ tôi nhận ra tôi nhưng sau một vài lời nói dịu dàng, tôi khoác cho Lêpôrelô chiếc áo choàng của tôi để đánh lừa cho nàng tưởng hấn là tôi, và tôi thoát nạn. Cũng như phần lớn những người đàn bà ghen tuông nàng đã đánh giá mình quá cao mà không ngờ rằng sở dĩ tôi lánh mặt nàng chỉ vì nàng không thể thương được, cho nên nàng tung tin rằng tôi đã đưa nàng với Lêpôrelô đi xa, để tôi ở nhà có thể đi lại dạn dít với người hầu của nàng trong lúc nàng đi vắng, một chuyện chẳng có chút gì làm căn cứ, nhưng lại được rất nhiều người tin.

"Bây giờ, tôi nói đến sự kiện kỳ lạ nó đã đưa tôi đến chỗ chết. Ngay tối hôm đó, sau khi đã thoát khỏi vợ tôi, Lêpôrelô tìm gặp tôi ở quảng trường gần bên cái tượng ông Tư lệnh mà tôi đã nói về những dòng chữ khắc ở bức tượng và về Hội đồng thành phố. Trong khi đang nói chuyện với nhau, tôi bỗng bật lên cười. Ngay khi đó, tôi ngạc nhiên thấy ông Tư lệnh hay nói cho đúng hơn là cái tượng ông ta lên tiếng phản nản rằng tôi làm huyên náo, rất là bất lịch sự. Lêpôrelô nghe thấy rõ ràng cái tượng nói thì hấn hoảng sợ quá đỗi, khiến tôi đâm ra khinh ghét sự hèn nhát của hấn, và tôi cố ý bắt hấn đến gần cái tượng đọc những dòng chữ ở dưới chân như tôi vẫn thường thúc một con ngựa nhát đi lên nhìn một vật gì mà nó sợ. Nhưng những dòng chữ kia vẫn không làm cho anh chàng tội nghiệp ấy hoàn hồn. Rồi muốn cho câu chuyện có vẻ ly kỳ, tôi làm như nhấn mạnh bảo hấn phải mời bức tượng kia về nhà ăn cơm tối với chúng tôi, hấn cố thuyết phục cho tôi tin rằng người bằng đá kia đã thật sự gật đầu đồng ý. Tính tò mò của tôi lúc này lên đến cao độ. Tôi nhìn kỹ pho tượng và đồng dặc hỏi xem nó có đến ăn thật không. Pho tượng trả lời "có" bằng một giọng đá lẹ lùng từ trong cổ phát ra, nhưng không thấy nó cảm ơn làm cho tôi đâm ngạc nhiên vì ông Tư lệnh vốn thuộc trường phái cổ, thường xử sự rất đúng phép tắc. Tôi đâm ra lo cho tình hình sức khỏe của tôi, và hình như tôi sắp hóa điên mất, nếu không thì tôi cũng đang mê muội, vì chính Lêpôrelô cũng có nghe thấy tiếng nói ấy. Tôi chỉ nghĩ ra được có hai cách để giải thích. Hoặc là do chúng tôi đã nhịn ăn từ trưa đến bây giờ và đói quá, vì thế mà có lẽ hoa mắt và nát lẫn nhau

chăng. Hoặc là có thể có người nào chơi khăm chúng tôi một vố. Tôi quyết định ngay hôm sau sẽ quay lại xem xét kỹ càng chỗ này để khỏi băn khoăn về chuyện ấy. Tuy nhiên, trong khi chờ đợi, chúng tôi chạy vội về nhà, lao vào ăn một bữa cật lực. Liên sau đó, tôi hết sức kinh ngạc thấy vợ tôi ở đâu chạy vào và đáng lẽ trách móc tôi như mọi khi thì nàng lại cứ lảm nhảm những gì đó, bảo tôi là phải thay đổi cách sống đi. Thoạt đầu tôi ôn tồn nói với nàng, sau đó tôi cười về nỗi lo lắng điên rồ của nàng. Nhưng điều đó chỉ khiến nàng thêm công phần, cuối cùng nàng chạy ra ngoài, nhưng lại quay vào ngay, vừa kêu vừa chạy như bay vào phía bếp. Lépôrelô đi ra ngoài để xem có cái gì làm cho nàng phải hoảng hốt như thế cũng lại quay trở vào, mặt tái mét. Hắn lắp bắp những câu gì đó, theo tôi hiểu là nói về cái tượng. Và hắn định khóa cửa lại rồi thấy một tiếng đập vào cửa nghe đến rùng rợn. Tôi đã tưởng là nhà cháy và người gác chạy đến báo động vì chỉ có người gác chứ còn có ai mà gõ cửa mạnh đến thế. Tôi ra mở cửa và thấy pho tượng đứng ngay trên thềm trước cửa. Tôi rùn cả người, lùi lại không nói được. Pho tượng theo tôi một vài bước trong phòng, nó đi hơi khuynh khuynh vì đã ngồi trên mình ngựa bao nhiêu lâu, chân nó giẫm làm rung chuyển cả nhà, mỗi bước chân của nó tôi tưởng như sập nhà đến sứt xuống và lún tới tận móng – thật ra nếu phải bỏ ra số tiền lớn để chữa nhà mà đuổi được pho tượng ấy đi cho khuất mắt thì tôi cũng chẳng tiếc. Không cần phải mời pho tượng ngồi, vì trong nhà chẳng có cái ghế nào chịu nổi sức nặng của nó. Không để mất thì giờ, pho tượng bắt đầu nói, tiếng nói rung lên và

xuyên thấu qua cả người tôi. Nó nói rằng tôi đã mời nó đến ăn thì bây giờ nó đến đây. Tôi chẳng biết nói gì khác hơn là bảo lấy làm sung sướng, rồi xin lỗi vì đã ngồi vào bàn ăn mà không chờ "hắn", tôi bảo Lépôrelô bày lại bàn ăn, trong bụng ngẫm nghĩ không hiểu pho tượng bằng đá thì ăn gì được. Nó nói là nó không muốn làm phiền chúng tôi, nhưng rất muốn mời tôi đến ăn cơm tối nếu tôi có can đảm nhận lời. Nếu không khiếp sợ thì tôi đã lẽ phép từ chối rồi. Nhưng vì sự thể đã như vậy nên tôi làm ra vẻ mạnh bạo nói rằng tôi sẵn sàng làm bất cứ việc gì và đi đến bất cứ đâu. Lépôrelô đã biến mất, nhưng tôi vẫn nghe tiếng hai hàm răng của hắn đập vào nhau ở dưới gậm bàn. Pho tượng chìa tay ra bắt tay tôi, tôi cũng đưa tay ra, vẫn làm bộ như mình anh hùng lắm. Bàn tay đá của pho tượng vừa nắm lấy tay tôi thì tôi bị nhức đầu ghê gớm, đau ở sau lưng, lão đảo và lả người đi. Mồ hôi ở người tôi vã ra như tắm, tôi rụng rời chân tay, nhìn một hóa hai, và co rúm lại như bị bại liệt hết cả chân tay. Tôi thấy hiện ra những cảnh tượng khủng khiếp và những tiếng rùng rợn. Tôi thấy hình như pho tượng kêu "ê, ê" một cách quái gở, và tôi thì cũng quái gở gân cổ hét lên "không, không", mê man tưởng như chúng tôi đang ở trong Nghị viện nước Anh mà chúng tôi đã có dịp đến thăm trong một chuyến đi du lịch. Bỗng pho tượng bước vào một chỗ có ván mỏng và thế là cả sàn sập xuống. Tôi bị tụt sâu đến tám thước và thể xác tôi như tách ra khỏi tôi và lao vào tận lòng vũ trụ. Tôi thở hắt ra một cách ghê gớm khi pho tượng đã đi rồi, thấy mình chết và đang ở dưới âm phủ".

Nói một hơi đến đây, Đông Joăng mới ngừng lại. Đến năm phút sau, tóc tôi vẫn còn dựng đứng cả lên. Tôi muốn làm sao lấy can đảm để hét lên hay băng mình ra ngoài toa xe. Nhưng tôi chỉ lắp bắp hỏi được xem cái chỗ người đó nói là ở chỗ nào.

- Nếu tôi có nói đấy là một chỗ nào đó thì chẳng qua cũng để cho câu chuyện của tôi dễ hiểu, cũng như tôi hiện ra trước mắt cô là một người đội mũ, khoác áo và đi giày, tuy tất cả những cái đó không thuộc về hạng người ngày nay nữa. Có lẽ cô không hiểu tôi nói chẳng?

- Ô có chứ. Tôi rất thích đọc những sách về siêu hình học.

- Vậy tôi phải để cô tự trả lời lấy câu hỏi của cô bằng một loạt những cái trừu tượng mà phần còn lại của nó cô sẽ có dịp kiểm tra lại bằng kinh nghiệm. Chỉ cần nói là tôi đã thấy cái xã hội ở dưới đó phần lớn gồm những kẻ tầm thường, điên loạn, cục súc, yếu hèn, vô dụng, tất cả đều có chủ tâm, họ đã làm nổi danh cái xã hội đó bằng cách đem hết sức ra mà đẩy dọa bản thân mình cũng như đẩy dọa những kẻ khác. Họ làm tôi phải chán ngán và ghê tởm họ, và tôi cũng làm cho họ hoang mang vô cùng. Vua Diêm vương không phải là một người lịch sự. Cái hiểu biết với nhân quan của ông ta cũng rất khá, nhưng nó không quá cái trình độ lũ tay chân của ông ta. Ông ta làm ra vẻ thích giao du và nói chuyện với tôi, tôi cũng tỏ ra nhã nhặn đối với ông ta và cố gắng làm mọi cách để cho ông ta khỏi tự cảm thấy mình hèn kém. Tuy vậy tôi vẫn cảm thấy là tình thân mật trong những quan hệ giữa tôi và ông ta là một sự miễn cưỡng cho cả hai bên. Một hôm, một người bạn của ông ta đến chỗ tôi -

thú nhận rằng vì quá tôn trọng tôi nên y không thể nhấm mắt làm ngơ để mặc kẻ nói xấu sau lưng tôi, y bảo tôi rằng vua Diêm vương đã công khai nói rằng việc tôi xuống đây là một sự sai lầm, mà ông ta thì muốn tôi lên thiên đường để được hưởng phúc lành, ăn nói như vậy thì gồm thật. Lập tức tôi đến ngay chỗ Diêm vương nói lại với ông ta điều tôi đã được nghe. Đầu tiên với lối ăn nói thô lỗ vẫn làm tôi khó chịu, ông ta bảo rằng kẻ nào nói với tôi như vậy là nói láo, nhưng rồi thấy tôi tỏ ra không chịu tin lời giải thích thì ông ta cầu nhàu xin lỗi, và nói thật với tôi rằng, một là, ông ta muốn tôi lên trời, vì mặc dầu ông ta nhận là không thể tán thành những cái sở thích của tôi, ông ta vẫn thành thật nghĩ rằng nếu lên trời thì tôi sẽ được thoải mái hơn và hai là: việc tôi nhập vào bọn ông ta thật là một sai lầm, vì do Tư lệnh, một lão già ngu ngốc bướng bỉnh theo ông ta tả lại, đã làm cho họ hiểu lầm về tính tình của tôi, và do đó họ có thể để tôi chết một cách oan uổng. Tôi hỏi ông ta vậy thì ông có quyền gì mà giam giữ. Ông ta trả lời là ông ta hoàn toàn không có giam giữ gì tôi cả và hỏi rằng nào có ai và có cái gì ngăn cản tôi muốn đi đâu thì đi. Tôi cũng ngạc nhiên và lại hỏi thêm rằng, nếu thật âm phủ là Cung Tự do thì tại sao tất cả các ma quỷ lại không đi lên trời. Tôi chỉ có thể nói lại cho cô hiểu ý câu trả lời của ông ta là cái lý do mà ma quỷ không lên trời cũng giống y như cái lý do mà những người dân Anh của cô hay đánh cuộc với nhau không đi nghe những buổi hòa nhạc bình dân ngày thứ hai đó thôi, mặc dầu họ cũng được tự do đi đến chỗ đó như cô vậy. Nhưng cái ông vua quỷ ấy cũng khá tốt bụng nên mới bảo tôi rằng, lên thiên đường

thích hợp với tôi hơn. Ông ta còn cho tôi biết trước rằng những người ở trên đó toàn là những kẻ tàn nhẫn, kiêu căng, hay chú ý đến những cái vật, và khô khan đến kinh khủng trong khi chuyện trò và lúc giải trí: Tuy nhiên, tôi cũng có thể cứ thử xem, và nếu lên đó mà tôi không thích họ thì tôi có thể quay về đây. Ông ta lúc nào cũng sẵn sàng vui vẻ tiếp tôi mặc dầu tôi không hoàn toàn là con người như lão Tư lệnh đã nói. Ông ta lại nói thêm rằng ngay từ đầu ông ta đã phản đối việc dựng cái tượng kia, vì bây giờ dân người ta đã quá ngấy cái trò ngớ ngẩn ấy rồi, cứ tiếp tục mãi cái trò đó ở trên thế gian trong thời buổi này thì chỉ tổ làm cho âm phủ hóa ra kỳ cục đáng buồn cười mà thôi. Tôi đồng ý với ông ta và từ biệt đi. Ý định ra đi của tôi làm ông ta khoan khoái nhưng ông ta lại vẫn còn khá thiết tha với thiện ý của tôi và yêu cầu tôi đừng quá khắt khe với những người ở dưới này. Ông ta nói, họ có những cái không phải đây nhưng dù sao, nếu tôi muốn tìm những tấm lòng, những ý nghĩ với những tình cảm chân thật, muốn thấy tất cả cái lạc quan lành mạnh với lòng ham chuộng thể thao vô hại, thì tôi nên tìm đến họ. Tôi thật thà nói với ông ta rằng tôi không muốn trở lại đây và vì ông ta quá thông minh nên không phải không thấy rằng lời tôi nói là có lý. Hình như ông ta cũng nở mũi và chúng tôi thân mật chia tay nhau. Con người tầm thường của ông ta làm tôi khó chịu hết sức, nhưng trong cái tầm thường của ông ta lại có cái rất thành thật, và ông ta được nhiều người mến chuộng thực, hoàn toàn không phải là không xứng đáng.

“Từ đó đến nay, tôi đã đi du lịch rất nhiều lần với những người cùng hoàn cảnh với tôi. Trong chúng tôi, cái ý định muốn an cư lạc nghiệp một khi đã tìm ra được chỗ nào thích hợp hầu như không bị cưỡng lại. Tuy nhiên, có một số vẫn thấy rằng cái chỗ hoàn toàn thích hợp với mình còn phải tạo ra mới có được. Một số những người đó – như tôi chẳng hạn, còn thấy thú vị với trần gian nên muốn thỉnh thoảng xuống thăm nó. Về điểm này, chúng tôi bị coi như hơi bị lập dị. Sự thật, hồn ma chính là những kẻ điên rồ của cái mà cô vừa gọi là thế giới bên kia đấy. Với tôi, đó chỉ là một chuyện tôi rất ham thích, một chuyện mà thỉnh thoảng tôi mới làm. Thế là bây giờ tôi đã trả lời câu cô hỏi tôi là ai, và tôi chết như vậy có đau khổ lắm không. Cô đã thỏa mãn chưa?

- Ông đã mất nhiều thời giờ để nói cho tôi nghe như thế thật quý hóa quá, - tôi đáp và chợt thấy rằng người đó nói hết đầu đuôi câu chuyện với tôi là do cái ý thức bốn phận về mình, vì tôi đã yêu cầu như vậy. Tôi muốn biết còn nàng Anha và những người khác thì về sau ra sao.

- Lần Ottaviô bị ốm qua loa được cô ta săn sóc một cách hết sức ân cần đến nỗi do đó anh chàng phải từ giã cõi đời, một trường hợp mà sau này anh ta không thấy ân hận gì. Cô ta lại bận đồ tang chế mới và cứ chung mãi câu chuyện chịu tang như vậy cho đến khi hơn bốn mươi tuổi mới lấy một người xứ Êcôt thuộc phái Trưởng lão¹ và rời bỏ Tây Ban Nha. Còn Envira thì vì thấy không thể

1. Presbyterian, một phái tin lành ở miền Bắc nước Anh không thừa nhận hệ thống giám mục của giáo hội Anh.

lấy ai được nữa sau khi đã ăn ở với tôi, lại quay về tu viện cũ của nàng một thời gian. Về sau, nàng lại cố công tìm cách lấy chồng nữa, nhưng không được, cái này tôi cũng không hiểu tại sao, vì nàng là một người đàn bà đẹp. Cuối cùng nàng phải kiếm ăn bằng cách đi dạy hát. Còn người con gái nông dân, tôi quên mất tên, về sau lại nổi tiếng một hồi là cô thợ giặt giỏi.

- Tên cô ta là Zeclina, phải không?

- Hình như đúng thế, nhưng xin hỏi làm sao cô biết?

- Do tương truyền mà biết. Đông Joăng còn được người đời nhớ rất rõ. Có một vở kịch lớn và một vở ca kịch vĩ đại nói về ông:

- Cô làm tôi ngạc nhiên quá. Tôi rất muốn được xem một buổi biểu diễn những vở ấy. Tôi xin hỏi cô họ thể hiện nhân vật của tôi có giống không?

- Theo họ biểu diễn thì đàn bà thường hay say mê đàn ông.

- Hẳn thế rồi, nhưng họ có đặc biệt nêu rõ là tôi không bao giờ yêu những người đàn bà kia không, tôi rất tha thiết nhắc nhở những người đàn bà ấy về ý thức đối với bốn phận của họ, và đã kiên quyết cưỡng lại những lần họ tấn công. Cái đó có được nêu rõ không?

- Không, thưa ông, tôi e rằng không. Tôi nghĩ là họ đã biểu diễn ngược lại.

- Lạ nhỉ! Sự vụ khổng bám chặt lấy danh tiếng con người ta dai dẳng biết mấy! Và thế là tôi bị người đời nêu danh và chửi rủa như một kẻ phóng dăng đấy.

- Ô, không phải bị chửi rửa đầu, tôi dám nói chắc chắn với ông như thế. Ông rất được nhiều người ưa. Nếu biết được sự thật thì có lẽ họ sẽ vô cùng thất vọng.

Có thể như vậy. Các bà vợ tôi, khi tôi từ chối không chịu cùng với họ trốn đi, thậm chí tôi còn đe là nếu họ không chịu thôi đi đừng làm khổ tôi nữa thì tôi sẽ nói những ông chồng của họ biết, thường họ vẫn gọi tôi là anh chàng sợ khảnh. Có lẽ cô cũng đồng tình với họ.

- Không - tôi đáp. Thế rồi, tôi cũng không biết cái gì đã ám ảnh tôi, nhưng cố nhiên đối với người đó không giống như đối với mọi người bình thường. Tôi giơ tay ra nói: - Ông nói đúng đấy, họ không phải là người đàn bà chân chính. Nếu họ biết rằng bốn phận của họ đang chờ đợi họ những gì thì họ đã chẳng bao giờ lại đi tỏ tình với một người đàn ông, nhưng tôi thì... tôi... tôi yêu... - Tôi ngừng lại, bị cái ánh sáng lóe ra trong đôi mắt ngạc nhiên của người đó thôi miên.

- Cả đến hồn ma của tôi nữa? - Người đó kêu lên - Thưa cô, sao cô, không biết rằng người phụ nữ. Anh thường chả khi nào tự dưng không đợi ai mời đã vội đi tuyên bố là mình yêu với những người đàn ông lạ mặt trên toa xe lửa đêm?

- Tôi biết tất cả những cái đó, nhưng tôi không cần. Cố nhiên nếu ông không phải là hồn ma thì tôi đã không nói điều đó. Nhưng tôi không thể dừng lại được. Nếu ông là người thật, thì dù có phải đi hai mươi dặm dặm để nhìn ông một cái tôi cũng đi và tôi sẽ làm cho ông phải yêu tôi, dù cho ông có lạnh lùng đến mấy đi nữa.

- Thật đúng như điều họ vẫn nói với tôi. Đúng từng chữ, chỉ có khác là họ nói bằng tiếng Tây Ban Nha! Khoan đã, cô lại sắp e lệ quàng tay lên cổ tôi đấy, cô hãy hỏi xem tôi có yêu cô tí nào không đã, rồi hãy khóc thút thút trên ngực tôi. Vô ích cô ạ, cổ tôi và ngực tôi đã là một phần tro bụi ở thành Xêvin. Sau này, khi nào cô có làm như thế với một người đương thời của cô thì cô hãy nhớ rằng sức nặng của cô tập trung ở trên gáy một người đàn ông cao lớn, sẽ làm cho người đó mệt không thể chịu được.

- Cảm ơn ông tôi không có ý định như thế. Xin ông cho tôi hỏi một câu nữa trước khi tàu đi lại. Ông có tin chắc ở sự quyến rũ của ông khi ông còn sống cũng như bây giờ không?

- Con người kiêu kỳ, họ vẫn thường gọi tôi thế. Tất nhiên không phải như vậy, tôi bẩm sinh là một người nhút nhát. Nhưng biết bao nhiêu những lời thể thốt lấp đi lấp lại đã làm cho tôi thấy quả là mình có sức hấp dẫn, mà những cái đó, xin cô nhớ cho, chỉ làm cho đời tôi thêm cay đắng.

Tàu đi lại, người đó đứng dậy đi xuyên qua gỗ và mặt kính của cửa tàu. Tôi phải chờ cho người gác tàu đến mở khóa. Tôi hạ cửa sổ xuống, và làm sao cho người đó nhìn lại và nói một lời cuối cùng với tôi.

- Từ biệt nhé, Đông Joăng!

- Hỡi cô thiếu nữ Anh sắc sảo ơi! Xin từ biệt cô. Chúng ta sẽ gặp lại nhau, trong trường cửu.

Tôi không hiểu có ngày nào chúng tôi sẽ gặp nhau nữa không. Tôi cũng ước mong như vậy.

Xuân Oanh dịch

CON NGỰA TRẮNG

Thom Jones
Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O'Henry/
Sách quốc gia Mỹ 1993

Ad Magic cảm thấy triệu chứng một cơn động kinh chừng một tích tắc trước khi xảy ra vụ va chạm và anh đã co cuộn người lại đúng lúc cái xe tải đụng vào đuôi chiếc xe du lịch mini. Anh đang ngồi giữa hàng ghế cuối cùng, một ngất ngư vì quá chén thì bị hất nhào xuống lối đi như một quả đạn súng thần công. Một lát im lặng sau vụ tai nạn, rồi chiếc xe bus du+ lịch chao đảo lách vào bên đường. Một nhóm năm đàn ông và một đàn bà người Bahrain, đang ngồi giữa xe nên khi đụng xe không bị sao, ra khỏi chỗ ngồi của họ để giúp anh chàng người Mĩ, người duy nhất bị đau ở chân.

Ad Magic đang ngậm viên thuốc bạc hà hình thoi khi tai nạn xảy ra. Bây giờ nó mắc sâu trong họng anh. Anh toan nuốt nhưng nó quá to không thể nuốt được nên anh cố ho nó ra. Tuy nhiên, khi bay ra khỏi chỗ ngồi: anh phát hoảng và vừa quỳ vừa bật ra một tràng những tiếng ho nức cười: Khắc, khắc, khắc.

Anh cảm thấy một cơn sóng nóng bỏng dâng lên trong lồng ngực. Nó bốc lên mặt, buốt lên tai như thiêu đốt, trong lúc anh quay về phía những người Bahrain, hoa

chân múa tay cầu kính ra hiệu cho họ biết đang cần ai đó thực hiện những thao tác điều trị để giúp anh. Nhóm người Bahrain ngay lập tức hiểu tình trạng của anh, họ bèn vỗ vỗ vào lưng anh trong khi anh bóp chặt lấy cổ họng mình như một người bị treo cổ.

Cuối cùng, một người Bahrain dùng cạnh bàn tay chém mạnh vào xương sống Ad Magic. Viên thuốc vọt ra khỏi miệng anh, nảy bật qua tấm chắn gió của xe và rơi vào lòng ông tài xế. Khi Ad Magic bắt đầu thở lại được bình thường, những tiếng cười vỡ ra trong đám người Bahrain. Họ vừa thấy nhẹ nhõm thì bắt đầu pha trò ngay về cảnh huống ngớ ngẩn vừa qua. Ngày hôm đó, trước khi tai nạn xảy ra, Ad Magic đã cùng chia sẻ với họ những giờ phút thú vị. Giờ đây, trong khi biết ơn họ vì anh lại thở lại được bình thường, anh cảm thấy rằng tiếng cười của họ đượm vẻ giễu cợt và thù nghịch như thể anh là tiết mục hài Jerry Lewis của họ. Trong động Elephanta chẳng hạn, khi họ la hét báng bổ một bức tượng lớn Đức Phật nghiêm trang nhập định, một ngàn lẻ một con dơi bị khuấy động đã ào ào xô ra, rít rú chao chát và bay loạn xạ khiến anh tối tăm cả mặt mũi bởi những cú vả, tát của cánh dơi, thân dơi, anh không ngờ chúng lại to lớn, dữ dằn đến vậy. Anh trượt ngã vào đồng phân dơi, trong lúc cố gắng né tránh bầy dơi đáng sợ ấy, đầu gối và tay anh vấp xuống. Đồng phân dơi dày đến vài centimet, giống như một cái bánh pudding lớn, lạnh ngắt. May thay, một người Bahrain mang theo túi Handi Wipes, nhờ thế anh có thể gột sạch chỗ phân dơi

dính vào người. Mặc dù vậy, mùi hôi thối thì không hết, anh vẫn ngửi thấy mỗi khi đưa tay lại gần mặt.

Chiếc xe bus, sau khi bơm lại một cái lốp, lại tiếp tục lăn bánh đến Marine Drive, một trong những đường phố đông đúc nhất của Bombay. Ad Magic đến bên cửa thoát hiểm và lão đảo xuống xe. Anh đã có thể thở bình thường, nhưng cảm thấy đau họng. Anh cởi chiếc áo lụa Kashmere cổ chữ V màu xanh mòng kết ra. Diên rồ mà mặc cái áo này. Không khí bên ngoài xe ẩm ướt và ngột ngạt. Ad Magic nhận ra bãi biển Chowpatty, nhận ra anh đang đứng trên bãi đất nhô ra biển Arab giống như một ngón chân. Anh cũng biết Bombay gồm một loạt những hòn đảo, và từ nơi này, anh chỉ cách cửa ngõ Ấn Độ, nơi xuất phát hành trình du lịch, chừng vài dặm.

Một cậu bé, chừng tám hay mười tuổi - khó mà nói tuổi cậu ta, có lẽ vì cái đầu cạo trọc của cậu - đến gần Ad Magic. Trên vai cậu bé là một con khỉ, mặc bộ đồng phục màu đỏ, viền vàng, có cầu vai, đã bẩn bụi, đội chiếc mũ tuần dinh. Con khỉ bắt đầu trình diễn màn biểu diễn hề. Biểu diễn xong, nó đến gần anh chàng người Mĩ và ngả mũ ra thành cái bát thu tiền. Khi Ad Magic thò tay vào túi, anh lại bắt đầu ho. Anh đặt sáu rupi vào mũ của con khỉ và quẳng chiếc áo lụa đắt tiền của anh cho thằng bé.

“Đi đi”, anh nói. “Cầm lấy. Của em đấy”. Người phụ nữ Bahrain theo dõi màn trình diễn của con khỉ, bà ta kêu lên the thé. Một trong số những người đàn ông Bahrain, người có thể nói được chút ít tiếng Anh, thì nói một cách hài hước: “Hoan hô, con khỉ tuyệt vời”.

Cô hướng dẫn du lịch chui ra khỏi xe và hỏi thăm sức khỏe anh chàng người Mĩ. Ad Magic nói anh ổn rồi, sau đó cô ta trách anh vì đã cho thẳng bé nhiều tiền quá. “Không tốt đâu”. Cô ta cười châm chọc. Ad Magic bước xa khỏi cô hướng dẫn du lịch và đám người Bahrain, anh chẳng muốn liên hệ gì với họ nữa. Anh rời đường, đi xuống bãi biển Chowpatty. Khi đã đi xa họ anh quay lại xem cô hướng dẫn viên đầy kinh nghiệm đang dẫn toán người Bahrain vượt qua đường phố Marine Drive tấp nập bốn làn xe đến một nơi đã hư nát có tên là Quán cà phê New Zealand.

Trên các bức tường vừa cũ kỹ, cấu bần của quán có những bảng yết thị. Một cái, bằng tiếng Anh, quảng cáo dụng cụ dùng cho xe bột xóc, bột dần, nhãn hiệu Gabriel. Cái bia bằng tiếng Hindi, có hình một chính khách nổi tiếng của Ấn Độ, diện mạo hơi giống Rudolph Valentino, quảng cáo cho một kiểu tóc đàn ông. Qua quán cà phê, băng qua con đường đầy xe cộ qua lại ầm ầm và sặc mùi diesel, Ad Magic gặp một khu ổ chuột. Khu dân cư này quần tụ quanh một con mương hình bán nguyệt, bên này mương có thể thấy người ta đang ngồi xõm tự do phóng uế chẳng chút ngượng ngùng, còn bên kia, cuối dòng, những phụ nữ đang gội đầu.

Nhìn vào quán ăn, Ad Magic thấy một người trong nhóm Bahrain đang túm chặt cổ họng, làm bộ nghệt thở, trong khi những người khác phá lên cười. Mồm họ ngoác ra, để lộ những cái răng vàng. Họ vẫy anh và la hét hoan hỉ. Anh không hiểu sao họ có thể vui vẻ đến thế. Tại sao anh không thể giống được họ?

Trước cửa quán ăn, tài xế xe bus đang cãi nhau với tài xế xe tải về cái đuôi xe bus bị đụng. Ad Magic quay lại và bước về phía biển. Qua khu vực khét mùi diesel, đến bãi đầy những cây dành dành tỏa mùi hăng hăng dễ chịu, rồi lại đến một khu vực có mùi thật sự kinh khủng. Nhà máy đồ hộp cá ngừ ở American Samoa có cái mùi đã khó chịu, nhưng không thể nào tởm bằng mùi ở đây, trên khắp Bombay này, mà tệ hơn nữa là phải cố làm ra vẻ không để ý đến cái mùi đó, không được phàn nàn gì với những bạn du lịch đồng hành vì dường như những người cùng đi chẳng ai để ý thấy mùi gì cả. Ad Magic bỗng có một cảm giác siêu thực - anh không hiểu mình đã từng ở American Samoa hay chưa, hoặc đó chỉ là một giấc mơ, hay Bombay đôi khi chỉ là một giấc mơ.

* *

*

Anh đi dọc bãi biển dài, vắng lặng và bắt gặp một con ngựa nhỏ màu trắng đứng cô độc bên sóng. Anh tiến gần hơn và nhận thấy đó là một con ngựa già, lưng võng xuống, đầy mụn nhọt lở loét, quắt queo đến nỗi xương sườn lộ hết ra, hàm răng thì dường như trở nên quá lớn. Con ngựa đã phải đứng lâu lắm rồi, Ad Magic thấy nó loạng choạng, đứng không vững nữa. Ở Ấn Độ có nhiều cảnh nghèo nàn, thảm hại nhưng đây là cảnh tượng thương tâm, khổ sở nhất mà anh từng nhìn thấy. Rõ ràng là con ngựa trắng này sắp chết rồi, có lẽ chỉ trong vòng một tiếng đồng hồ. Nó sẽ phải chết hoàn toàn cô độc, bị bỏ mặc như thế này sao? Ad Magic bỗng nhớ tới chính nỗi khổ của một con ngựa cuối cùng đã dẫn

Friedrich Nietzsche đến tình trạng mất trí không thể phục hồi vào tháng 1 năm 1889.

Ồi, Chúa lòng lành? Ad Magic cũng bị mất trí. Anh đã phải bỏ những sinh viên trường thuốc của anh, lên máy bay, chuẩn sang đây, sang Ấn Độ. Ad Magic cuống cuống lục lọi các túi quần, túi áo tìm hộ chiếu, không thấy. Anh cũng không có ví - chỉ có một nắm lớn những ngân phiếu một trăm dollar Mỹ, vài ngân phiếu giá trị ít hơn cùng với tiền Ấn Độ, và một đồng tiền lẻ, khiến cho túi anh căng phồng. Anh thậm chí chẳng biết tên mình là gì, anh chỉ biết "Ad Magic" nhưng khi anh mở nắm tiền ra, anh thấy một chiếc chìa khóa phòng khách sạn Tay Inter - Continental. Trên tấm thẻ đó có in chữ "Đoàn 7". Ad Magic biết rằng bí mật về con người anh sẽ được phát hiện ở đây, dù rằng anh chưa vội vã gì phải quay về khách sạn. Anh cảm thấy không biết lại còn tốt hơn, ít nhất thì chưa biết vẫn hay hơn.

Cổ họng vẫn tiếp tục đau. Khi lục trong các túi, anh tìm thấy một bao thuốc Marlboro và một cái bật lửa bằng vàng xinh xắn. Anh rút một điếu thuốc và bật lửa. Thằng bé đi cùng con khỉ lại xuất hiện bên cạnh anh, hỏi xin một điếu. Anh châm thuốc cho nó, rồi thấy thằng bé chuyển điếu thuốc cho con khỉ. Con khỉ đỡ lấy điếu thuốc bằng phong cách quý phái của những sĩ quan S.S trong các phim đen trắng về chiến tranh thế giới lần thứ hai. Nó hút say sưa như thể thèm nicotine thực sự. Sau màn trình diễn, nó lại ngả mũ xin tiền thưởng. Ad Magic cho con khỉ một ngân phiếu năm dollar. Sau đó, anh ngồi xuống một cái bánh xe Fems nhỏ đã han gỉ, lại chăm chú

nhìn con ngựa. Anh lấy thuốc lá ra, và phát hiện trên cổ tay chiếc vòng bằng thép không gỉ Med - Alert và chiếc đồng hồ Rolex bằng vàng. Anh ngắm nghía một cách tò mò như chưa từng nhìn thấy chúng bao giờ. Cái vòng nhỏ có khắc chữ “bệnh tâm thần”.

Bệnh tâm thần. Ad Magic không bị bệnh tâm thần theo nghĩa thông thường, với những cơn co giật. Anh bị động kinh thùy thái dương. Bây giờ anh đã nhớ ra điều đó. Anh bị chứng tâm thần lang thang, bỏ nhà đi hoang. Nhưng anh vẫn chưa nhớ ra anh tên gì, sống ở đâu, đã có vợ chưa, có con chưa, và nhiều nữa... nhưng anh nhớ mình là một nhân viên quảng cáo. Nhân viên quảng cáo, và một bệnh nhân động kinh. Anh nhớ rõ giọng của ông bác sĩ, phòng khám rộng, trần cao, dưới bóng một cây sồi đen, một cửa ra vào và một cửa sổ kính, một bức tượng tay chấp lại cầu nguyện đặt trên bàn làm việc của bác sĩ. Ad Magic nhớ mình đã trải qua rất nhiều giờ đồng hồ trong căn phòng ấy, từ lúc thiếu niên cho tới lúc trưởng thành, anh nhớ những cây sồi lớn, những chiều mùa thu, mùi lá cháy, những dinh cơ nguy nga bằng đá nâu ở thành phố Midwestern, nhưng anh không thể hình dung ra thành phố, không thể tưởng tượng ra diện mạo ông bác sĩ và không thể nhớ ra tên của ông. Anh biết rằng ông ta, đối với anh, không chỉ là bác sĩ, còn là một người bạn tốt, người mà anh yêu quý vô cùng. Anh cho rằng ông bác sĩ giờ đã chết rồi, nhưng anh vẫn còn nhớ đôi điều ông đã nói về bệnh tình của anh. “Anh cần nghỉ ngơi, đi du lịch các nơi, đó chính là một hình thức của tẩu pháp đối với bệnh động kinh, nếu không, anh sẽ bị

chúng đang trí mà anh thoáng thấy thể hiện trong các chương trình opera trên ti vi. Chúng rất thường thấy trong các nhạc kịch trên ti vi nhưng gần như không nghe nói đến ngoài đời – Nhưng đó cũng là một kiểu của bệnh động kinh thủy thái dương trái”.

Ad Magic không biết anh là ai. Anh đã tới Ấn Độ bằng cách nào. Anh chỉ biết rằng có nhiều khi anh trở nên tuyệt vọng, cầu kinh, cuối cùng thì nói năng lảm nhảm, lên cơn mê sảng đến mức vút hết thuốc thang đi, chạy lồng lên, chệnh choáng và mất hết ý thức về mình. Bây giờ đây, anh đang cảm thấy điều đó. Anh cảm thấy ghê tởm mọi thứ trên trái đất này, kể cả bản thân anh – nhưng tình cảm khổ sở của con ngựa trắng kia là điều mà anh không thể chịu đựng nổi. Bỗng nhiên, có một điều còn hơn cả bản thân và nỗi đau yếu của anh, khiến anh để tâm chú ý.

Anh gọi thằng bé đang tự đắc với cái áo lụa Kashmere lại gần, đưa nó và con khỉ đi dọc theo con đường về quán cà phê New Zealand. Không khí trong quán sặc sụa mùi dầu mỡ nấu nướng, mùi khói thuốc, hai cái quạt trần quay vù vù như trực thăng. Một người phục vụ mặc áo jacket trắng đã cúi bần đang đưa trà và một đĩa bánh tới chỗ những người Bahrain. Từ trong bếp, chiếc đài đang phát âm ĩ bản nhạc *Limehouse Blues*. Ad Magic kéo ghế lại gần cô hướng dẫn du lịch và nói: “Cô hỏi thằng bé này xem ai là chủ con ngựa đang đứng trên bãi biển?”

Cô hướng dẫn viên du lịch hơn ba mươi tuổi, trông dễ coi, là người có thể biến đổi nhanh lẹ từ vẻ khúm núm, xun xoe sang thái độ chống đối sừng sĩa mặt mày. Cô ta

mặc một chiếc sari màu cam, sạch không chê vào đâu được, Ad Magic không hiểu tại sao cô ta vẫn giữ được trang phục sạch đẹp đến thế sau suốt một hành trình dằng dặc qua Elephanta, rồi đến thành phố Bombay này. Anh xem cô chất vấn thằng bé. Rồi cô quay về phía anh và nói: “Con ngựa đó là của người làm xiếc, nhưng bây giờ nó không thể biểu diễn được nữa. Nó đi lang thang. Muốn đi đâu thì đi”.

Ad Magic hỏi cô hướng dẫn viên anh có thể gọi điện thoại tìm một bác sĩ thú y không?

“Bác sĩ thú y ấy à?” Cô ta lặp lại một cách chao chat, như thể anh đã có một câu đề nghị hết sức xúc phạm.

“Cô nói đúng. Điều đó nghe có hơi ngu xuẩn, ở đây có thể không có bác sĩ thú y, hoặc nếu có, có lẽ cũng khó mà gọi được ông ta, nhất là trong một thành phố phức tạp như Bombay. Rồi cô đã phải chịu đựng một ngày dài mệt nhọc, rồi hiện nay chiếc xe lại bị hỏng nữa. Thôi, bỏ qua cho tôi. Hôm nay tôi không được khoẻ. Cho tôi hỏi cô một câu. Cô có thể nói cho tôi biết tôi đang trọ ở khách sạn nào không?”

- “Khách sạn Taj”, cô ta nói.

- “Phải rồi, khách sạn Taj. Đó là điều tôi đang nghĩ đến”. Ad Magic đặt sáu ngàn phiếu mười dollar Mĩ lên bàn. “Vui lòng nhận chỗ tiền nhỏ này. Cô tuyệt lắm. Bây giờ thì tôi muốn biết nếu cô có gọi giúp tôi được một bác sĩ *thực* không. Hãy bảo ông ta là tôi sẽ trả thù lao xứng đáng. Thằng bé này và tôi sẽ đợi ông ta trên bãi biển kia. Tôi sẽ tự quay về khách sạn. Khách sạn Taj phải không nào?” Người phụ nữ gật đầu. Ad Magic và đứa bé,

với con khỉ trên vai, lại qua đường và ngồi trên hai con ngựa gỗ ở khu trò chơi xe ngựa kéo quân bỏ trống. Cạnh đây có một bánh xe Ferris nhỏ, được sáng chế để chạy bằng ngựa hay la kéo hơn là bằng mô tơ. Kế bên là một ki ốt bán vé trang trí bằng những hình người - voi - khỉ màu sắc sặc sỡ. Ngày hội đã qua. Ad Magic nhớ những ánh sáng rực rỡ – một đêm hội cải trang thời thơ ấu. Trước khi anh nhận thức được vẻ hào nhoáng, lờ lợt của hội hè, anh chỉ thấy sự lộng lẫy huy hoàng của chúng. Anh chỉ được dự có mỗi bốn hội cải trang tất cả. Lúc đó, anh chỉ ngồi trong chiếc xe nhỏ xíu màu đỏ. Anh thấy một cái xe khác - màu vàng, anh thích xe vàng hơn. Đây phấn kích, anh bò sang cái xe vàng - nhưng anh vừa mới tháo thắt lưng an toàn và bước chân ra khỏi cái xe đỏ nửa chừng thì trò chơi tiếp tục, cái xe lao đi và anh ngã xuống, tay bị xe đè lên, khuỷu tay treo sái và bị lột da, mặt đập mạnh vào cửa xe. Rồi bỗng nhiên anh được một người đàn ông mặc áo mưa, đội mũ nỉ gõ ra. Người ông ta thơm mùi mới tắm gội, cạo râu. Ba anh chẳng? Hay một người lạ? Anh không biết chắc. Không còn khuôn mặt nào khác ngoài khuôn mặt ông bác sĩ.

Ad Magic lục các túi tìm thuốc và thấy một hộp nhỏ, dẹt màu nâu và đen đựng thuốc đau đầu Powl. Anh lấy ra hai viên, nuốt khan rồi châm một điếu thuốc lá. Anh thấy một chiếc xe bus du lịch không người, vượt qua chiếc xe bus hỏng mà trước lúc anh đi, và từ chỗ anh ngồi, Ad Magic có thể thấy nhóm người đi cùng anh ra khỏi quán cà phê New Zealand, trèo lên chiếc xe mới và đi tiếp. Không một cái vẫy tay tạm biệt, kể cả những người

Bahrain nhiệt tình, đối xử thân mật hơn với anh. Anh lại cố nhớ tên mình và thành phố nơi mình xuất phát, nhưng không thể. Cuối cùng anh đã tới Bombay chứ không phải Lusaka, Lima, Rangoon hay Zanzibar. Anh nhớ anh đã đến Zanzibar trên một chiếc tàu chạy bằng hơi nước, anh bị say - mùi hương liệu nồng đến nỗi có thể ngửi thấy từ cách xa hai mươi dặm. Anh nhớ là đã cảm thấy dễ chịu khi tàu cập cảng, lúc đó là nửa đêm và anh thấy dân chúng ở thành phố đã tò mò, lạ lẫm biết bao về những dây đèn mới lắp trên phố. Một khách du lịch người Australia bảo anh rằng Zanzibar là nơi cuối cùng trên thế giới này được đón nhận đèn điện đô thị và nếu có bóng đèn nào trên phố cháy thì chỉ duy nhất một công nhân Thụy Sĩ được thuê mượn là có thể tới và thay bóng khác mà thôi. “Bọn chó ngu này không thể thay nổi một cái bóng điện”. Hồi tưởng về Zanzibar của Ad Magic gần giống như ảo giác của Alice - trên - xứ - xở - diệu - kì. Hình như anh bị mắc kẹt ở đó nhiều tuần liền, gần như không một xu dính túi, chỉ sống nhờ bánh mì và cam.

Một chiếc Mercedes màu xanh lá cây nhạt, đuôi xe bị hỏng chút ít lao đến bãi biển, bánh xe hơi trượt khi nó dừng lại gần khu ngựa gỗ kéo quân. Một người âu trung tuổi mặc áo choàng trắng khoác ngoài bộ đồ mỏng bản thủ, bước ra khỏi xe. Tóc ông cứng và bạc, để theo kiểu tóc Albert Einstein, bù xù, rối rắm. Tay ông hất ngược tóc ra sau, rồi ông tiến tới mở cửa sau của chiếc xe. Một con chó lớn nhảy ra, theo gót ông đi về phía Ad Magic và thẳng bẻ.

- “Ông là bác sĩ à?”

- “Vâng. Ông bị tai nạn xe hơi phải không?”

- “Vâng, có, nhưng không sao cả. Tôi mời ông đến vì con ngựa kia. Tôi muốn biết ông có thể giúp gì cho nó không. Nó bị làm sao vậy?”

Bác sĩ nhìn ra biển, đưa tay che nắng chói vào mắt. Có lẽ nó đã uống nước biển mặn. Nó sẽ chết, sắp chết rồi”.

Ad Magic bảo: “Tôi sẽ trả ông năm trăm dollar Mĩ nếu ông cứu được con ngựa”.

Viên bác sĩ trả lời: “Tôi chỉ có thể cho nó mười phát đạn gửi nó về bảy tầng trời. Để nó chết. Năm trăm dollar cho cả một ca như thế này”.

“Tôi không muốn cãi cò. Nếu ông cứu được con ngựa, tôi sẽ trả ông một ngàn dollar”.

Ông bác sĩ mở xe, lấy ra một khúc thùng. Ông ta bảo thằng bé ra mép nước, dắt con ngựa vào bãi cát trong khi ông ta lùi chiếc xe xuống bãi chừng năm mươi bộ và dừng xe lại. Ông ra khỏi xe, lấy túi thuốc xuống đặt trên mui. Ông nhìn qua khắp thân thể con ngựa. “Suy dinh dưỡng, mất nước, sốt”. Ông ta vạch mồm con ngựa ra. “À, có những cái răng bị nhiễm trùng. Nguy hiểm quá”.

“Còn những mụn nhọt lở loét này thì sao? Sao nó bị nhọt nhiều thế?”

“Nhanh lên”, bác sĩ nói. “Trên xe tôi có glucose và nước. Chúng ta phải truyền cho nó”.

Ad Magic mang tới hai chai cỡ nửa lít¹ glucose và nước cất, cầm nó cho bác sĩ truyền vào những ven lớn ở

1. Chai 1 pint = 0,57 lít

cổ con ngựa. Ad Magic quan sát những cái chai chầm chậm cạn đi trong khi bác sĩ xỏ tay vào đôi găng cao su và bắt đầu xét những mụn nhọt trên thân ngựa. Ông dùng một bàn chải cứng tắm i ốt chà trên lông ngựa, phát ra tiếng xào xạo như tiếng giấy ráp.

“Không đau à?”

“Thú vật không cảm nhận cái đau theo cùng cách như con người”. Bác sĩ nói, hơi bối rối, khó chịu. “Nỗi đau của con người là những hồi ức, những kỉ niệm khao khát, tưởng tượng”.

“Tôi chẳng quan tâm đến những cái đó. Cái mà ông đang làm ấy hẳn phải làm cho con ngựa đau”.

Ông bác sĩ đi vòng quanh con ngựa từ phía sau. “Nó nặng chừng bao nhiêu kí nhĩ? Trừ khi gan nó bị bệnh, nếu không tôi sẽ tiêm cho nó morphine. Tôi không phải siêu nhân. Tôi không có kết quả chụp X quang. Có lẽ gan nó cũng yếu. Kí sinh trùng. Ai mà biết được?” Bác sĩ lục trong túi và lấy ra một cái xylanh tiêm dưới da cỡ lớn. Ông ta hút đầy morphine và tiêm vào vai con ngựa. Rồi ông ta lại lấy cái xylanh ấy, hút đầy thuốc kháng sinh, tiêm tiếp cho nó. Sau đó, ông cầm cái bàn chải lên, và lại tiếp tục trên những mụn nhọt thối rữa ở da con vật. Tay Ad Magic bắt đầu đau mỗi vì cầm những chai nước đã lâu.

Bác sĩ nhìn anh. “Ông là người Mỹ phải không? Ai cào vào mặt ông và đôi mắt đen quầng của ông đấy?”

“Hử, ô, cái đó”. Ad Magic nói. “Tôi quên rồi. Đêm qua, tôi cho tiền một người lang thang trên phố. Một phụ nữ với bảy đứa con. Họ nằm trên mảnh vải trải trên phố mà ngủ, và tôi đã cho họ tiền”.

- “Thế à?”

- “Vâng, sau khi tôi cho họ tiền, những người đàn ông nhìn thấy cảnh ấy liền xông lại, giằng tiền của bà ta. Đánh bà ta ngã ra. Tôi xông vào, đánh ngã một đứa, nhưng chúng có nhiều người hơn. Tôi không thể chống lại cả lũ. Chúng cố cướp đồng hồ của tôi. Tôi say rượu. Tôi không nhớ chính xác.” Ad Magic cúi xuống và nhìn vào mặt anh trong chiếc gương bên hông xe Mercedes. Anh có một con mắt đen thẫm không thể nào tin được, không có gì lạ nếu đám người du lịch cùng anh thấy là anh quái đản.

Bác sĩ cầm lấy những chai glucose từ tay Ad Magic và dựng nó lên, vào phía trong cửa hậu xe, kéo cửa sổ lên cho đến khi những cái chai đứng thẳng và chắc chắn. “Trong túi của tôi có cái chai xanh. Hãy lấy ra hai chai và nằm xuống ghế sau”. Khi Ad Magic tìm kiếm trong túi, ông bác sĩ đến cạnh, nắm lấy cổ tay anh. Ông ngắm nghía cái vòng nhỏ bằng thép không gỉ”.

“Bệnh động kinh”, bác sĩ nói. “Hừm”

Ông ta đưa cho Ad Magic một chai rượu gin nhỏ. “Uống đi và nằm xuống”, - ông nói. “Con ngựa sẽ cần nhiều thời gian đấy”.

Trời đã tối đen khi Ad Magic tỉnh dậy. Con chó đứng cạnh đang cúi xuống ngửi ngửi khuôn mặt anh. Ad Magic lăn người chồm dậy. Vài ngọn đèn dầu đã được thắp sáng, trên bãi biển rất nhiều đèn đuốc, và tập nập hoạt động. Hàng trăm người lang thang trên bãi, và những làn gió thổi từ biển mang theo rất nhiều thứ mùi: mùi rác rưởi hôi thối đã bị thay thế bởi mùi thơm dễ chịu

của cây dành dành, mùi cam chua, mùi vang, mùi cari thơm phức, mùi dầu diesel và mùi nước biển mặn mòi, mùi da cũ kĩ từ đệm ghế xe của chiếc Mercedes. Con chó, há mồm, thở hổn hển vào mặt Magic và từ mồm nó, không có mùi gì cả.

Ad Magic ra khỏi xe và nhìn xung quanh. Cảnh vật, màu sắc, âm thanh náo nhiệt lạ thường. Có những nhóm nhạc công, vũ nữ nhào lộn đi hát rong, những người bán hàng dạo, những đứa bé bán thuốc lá. Cả những con người thánh thiện, các thầy phù thủy, các nghệ sĩ dụ rắn, những đứa bé dốt khi biểu diễn. Chú bé với con khỉ của Ad Magic đang theo dõi anh dựa người vào chiếc Mercedes, mắt nó đảo qua đảo lại từ cái đồng hồ Rolex sang ông bác sĩ.

“Không thể tin được là tôi đã cảm thấy tuyệt diệu đến thế”, Ad Magic nói. “Ông đã cho tôi uống thuốc gì đấy?”

“Vật vãnh thôi”. Bác sĩ nói, cúi người xuống cát trong khi anh nhìn cái túi thuốc màu đen của ông. Cạnh chân con ngựa là một dãy hàng tá chai glucose rỗng và một cái răng ngựa, có lẽ răng hàm - to lớn, màu đen, vài cái răng nhỏ hơn, những cái dài màu vàng.

“Bị áp xe răng. Rất nguy hiểm”. Bác sĩ nói. “Mủ chảy ra tất cả những chỗ tôi động đến. Con ngựa quy xuống, bị sốc. Tôi đang phải tiêm cho nó epinephrine. Tất cả đã khá hơn rồi. Còn cát trong các ung nhọt. Làm sạch tất cả hai lần”.

“Con ngựa sẽ khỏe chứ?”

“Nó trông khá hơn nhiều, ông không thấy sao? Gần hăng hái, hoạt bát rồi đấy, thấy không?”

“Ồ vâng, tốt hơn nhiều rồi.”

“Có lẽ nó sẽ sống được đấy”.

Con chó đưa cho Ad Magic một mảnh củi trôi dạt trên biển và anh với nó bắt đầu chơi trò giỡn nước. Họ chạy loăng quăng trên bãi biển và nhảy xuống nước. Khi sóng vỗ vào chân Ad Magic, anh chú ý thấy trong nước có phân người, bèn vội vã vào bờ. Anh nhìn ra biển xa thấy những con thuyền đánh cá, dưới ánh sáng trắng và những ngọn đèn sáng màu hổ phách. Những con thuyền ra khơi - họ đi đâu vậy? Con chó ngoạm ống quần anh, lôi kéo, anh và nó lại chạy nhảy đùa giỡn, vật lộn, lăn vòng trên bãi cát. Rồi anh thả bộ thong dong trên cát, con chó lèo đèo theo sau. Họ chạy nhanh dần lên cho đến khi anh cảm thấy thực sự thích thú, anh chưa bao giờ thấy sảng khoái đến thế. Anh chạy không biết mệt và dường như anh chưa bao giờ biết mệt. Gồm một chút nào. Anh là người nghiện thuốc. Hay anh là? Anh chạy không cần ráng sức, như một vận động viên chuyên nghiệp, cho đến khi, cuối cùng, anh bắt đầu chớm mệt và vã mồ hôi. Anh và con chó lao xuống nước, anh chẳng thèm bận tâm đến nước bắn nữa. Anh bơi về phía những con sóng lớn và con chó bơi cùng anh cho đến khi ra xa, đến vùng nước ấm. Rồi cả hai để mặc sóng mang về bờ. Ad Magic đi trên bãi cát về phía chiếc xe và con ngựa. Khi đến bên con ngựa, anh ôm lấy nó và áp mặt vào cổ nó. “Ồi, chúa ơi, cảm ơn”. Anh nói.

“Bây giờ ông khỏe hơn chứ?” Ông bác sĩ hỏi.

“Vâng, tôi nghĩ vậy”.

“Ad Magic là gì?” Anh đã nói “Ad Magic”. Nó có nghĩa là gì?”

“Ồ, cái đó. Tôi là một người viết quảng cáo, và đôi khi tôi cảm thấy ma thuật. Tôi dính vào một loại ma thuật nào đó. Khó giải thích lắm”¹

Ad Magic thò tay vào túi, lấy ra mười ngân phiếu một trăm dollars. Bó ngân phiếu của anh chặt đến nỗi chỉ những tờ ngoài bị ướt. Anh đưa tiền cho ông bác sĩ. Anh tìm thuốc lá và thấy thuốc đã ướt hỏng cả rồi. Hộp thuốc đau đầu Powell cũng hỏng do nước biển. Ad Magic ngấm nghĩa cái hộp một lát. Anh nói. “Hãy nghe nhé - ad magic. Tôi viết thế này nhé” “Đó là một ngày nóng bức ở Califonia, giao thông đông đúc, khi đèn đỏ và tôi bỗng bị đau đầu muốn chết. Tôi uống hai viên thuốc đau đầu Powell và - bip, bip, tút tút đèn xanh, xe tôi lăn đi tiếp. Năm mươi tiếng bip, bip, tút, tút như vậy - Đó là ma thuật của tôi. Ngày nay không được nữa rồi. Tôi chỉ có trong chốc lát đó thôi. Chỉ một khoảnh khắc nó đã đi qua tôi”.

“Tôi hiểu, người viết quảng cáo”.

“Điều đó ra sao? Tôi viết “Một ghế ngồi hạng hai trên toa tàu Thế Giới Thứ Ba, nóng nực hơn cả đường hầm Calcutta, đã làm tôi đau đầu, loại đau đầu hạng nhất. Tôi đã đổi con dao quân dụng Thụy Sĩ để lấy hai hộp thuốc đau đầu Powell. Ở nhà hay trong các chuyến đi toàn cầu, Powell là sự lựa chọn tốt nhất của tôi để hết đau đầu”. “Thế là họ xô đến, mua hàng.”

1. Cái tên này phép hai chữ Ad = Quảng cáo, Magic – Phép thuật

“Ồ, bạn đang tíu tít mua sắm quà cáp Noel, bạn bạn và vội vã lắm - Thuốc Powell. Chỉ năm mươi tín hiệu thôi. Bip, bip, tút, tút, bạn sẽ hết đau đầu ngay”.

“Đêm Noel, mười lăm phút trước lúc nửa đêm, địa điểm, Trung tâm thương mại Fox Valley, Aurora, Illinois, bệnh đau đầu, đau dai dẳng,... Giải pháp cho bạn: Thuốc Powell.

Kết thúc thật tốt lành, bạn khỏi đau đầu, những món quà màu sắc tươi vui trên cây thông ngày hội, và Chúc Mừng Giáng Sinh tới tất cả mọi người”.

“Ad Magic. Ma thuật quảng cáo. Kiếm được nhiều tiền chứ?”

“Vâng. Kiếm tiền. Tôi nghĩ vậy. Con ngựa sẽ sống chứ. Ông thấy không, nếu con ngựa sống được, thì đó chính là phép lạ của tôi, ma thuật của tôi. Đó là hi vọng của Chúa đối với tôi. Tôi có thể thực hiện được phép màu kì diệu hơn cả thuốc Powell. Tôi có thể thực hiện phép màu kì diệu hơn, vậy nếu con ngựa sống thì tôi có ma thuật, có phép lạ của mình. Con ngựa này bao nhiêu tuổi rồi nhỉ?”

“Lúc đầu tôi đã tưởng nó già hơn cơ. Có lẽ nó hai mươi tuổi”.

“Giống ngựa có thể sống bao lâu? Nếu được chăm sóc tốt nhất ấy?”

“Được chăm sóc tốt thì chúng sống lâu đấy. Ba mươi lăm năm”.

Ad Magic rút ra những ngân phiếu năm trăm dollar. “Tôi muốn nhờ ông cho con ngựa này đi an dưỡng. Tôi

muốn nó được ăn những thức ăn tốt nhất. Nếu nó muốn có những con ngựa khác để bầu bạn chơi bởi thì hãy kiếm cho nó vài con. Tôi muốn nó có một đồng cỏ. Ngựa có thích âm nhạc không nhỉ". Tôi nghe có lần người ta nói chúng thích. Hãy mua một cái radio chơi nhạc. Tôi muốn con ngựa này có điều kiện sinh hoạt thật tốt. Tôi muốn ông làm bác sĩ riêng cho nó và tuyển những người tốt, có kinh nghiệm chăm sóc cho nó, những viên thuốc ông đã cho tôi uống là gì nhỉ? Tôi cảm thấy tuyệt vời! Có cách để chúng ta đưa con ngựa này vượt biển tới Mỹ phải không nào? Tôi sẽ lo việc này. Ông có thể đưa tôi về khách sạn Taj bây giờ không? Điều này thật điên rồ – nhưng quả là tôi thậm chí không biết tên mình, nhưng tôi có một chiếc chìa khóa phòng. Ông hãy bảo thằng bé trông con ngựa cho đến khi tôi quay lại. Ông có danh thiếp không?Ồ, đây là cái chúng ta sẽ cần đến. Tôi đã có nó. Bây giờ tôi đã có được nó rồi. Ông ở đây với con ngựa nhé. Tôi sẽ đưa trả xe của ông lại đây. Tôi không muốn ông rời con ngựa đâu. Tôi không muốn có bất cứ điều gì xảy ra với nó. Khi tôi về nhà, ông sẽ gửi cho tôi một bức hình con ngựa. Cùng với nó là một bản copy của tờ báo *In.ternational Herald Tribune*. Khi tôi thấy con ngựa vẫn khỏe mạnh, béo tốt, nhìn thấy ngày tháng trên tờ báo, tôi sẽ gửi cho ông mỗi tháng sáu trăm dollar. Thế đủ chưa? Nếu con ngựa cần một chuồng ngựa gắn máy điều hòa nhiệt độ, tôi muốn làm cho nó ngay. Bất cứ cái gì - ti vi, video, hồ nước, bất cứ cái gì mà trái tim ngựa của nó khao khát nhé".

"Có thể làm được thôi".

“Ồ tuyệt lắm. Mà này, từ đâu mà ông có con chó tuyệt thế? Bán cho tôi nhé?”

“Không bao giờ tôi bán nó lấy tiền”. Bác sĩ nói.

“Ồ, thưa bác sĩ, tôi yêu con chó này lắm. Hãy bán cho tôi đi”.

“Tuy nhiên, ông không thể đưa nó về Mĩ”.

“Thôi được”, Ad Magic nói. “Mới là có ý thế thôi. Ông nhìn tôi có vẻ nực cười lắm. Tôi biết ông đang nghĩ gì. Ông không tin tôi về chuyện cái xe. Bảo thằng bé đi gọi cho tôi một cái taxi vậy. Tôi phải tính toán để trở về Mĩ. Ông biết những bộ yên cương ấy, những con chó có cái nhìn đăm đăm ấy? Tôi sẽ đeo kính râm và đưa con chó trở lại. Một cây gậy trắng. Cho tôi mượn con chó một lát thôi”.

“Ồ, thưa ông. Con chó này là người bạn tốt nhất của tôi. Tôi không bán. Cũng không cho mượn”.

“Thôi được. Nhưng chăm sóc con ngựa nhé. Tôi sẽ gửi tiền cho ông. Nhiều đấy”. Ad Magic thò tay vào túi, rút bọc tiền ra, lấy ra vài ngàn phiếu nữa. “Hãy lưu ý để cậu bé này cũng được chăm sóc nhé. Gửi nó đến trường học. Mà bác sĩ, ông đừng nhìn tôi như thế - đó chỉ là tiền quảng cáo thôi mà. Tôi không phải làm việc cho điều đó đâu. *Bây giờ tôi thấy khi con cừu mở một trong bảy dấu niêm phong, tôi nghe tiếng một trong bốn sinh vật nói bằng giọng sấm sét, hãy tới đây! Và tôi thấy và mục kích thấy, một con ngựa trắng, và người cưỡi ngựa cúi chào; và một đám đông vây quanh anh ta, anh ta đi chinh phục và chiến thắng.*

Khi chiếc xe taxi Ambassador màu đen và vàng bóp còi ra hiệu từ đường Marine Drive, Ad Magic ôm con ngựa lần cuối cùng. “Hãy, ông bạn vàng bạc của tôi”, anh ta nói khi trèo lên taxi, vung vẩy một nắm tiền, bảo tài xế lái xe đi.

Ad Magic trả cho tài xế một trăm dollar về cuộc taxi chỉ đáng tám mươi cent rồi băng qua hành lang khách sạn Taj Inter - Continental, lên phòng anh. Anh tắm rửa và sau khi lau khô người, anh thấy ví và hộ chiếu của mình trong ngăn kéo tủ. Anh thận trọng mở ví ra, cất bằng lái xe sang một bên. Cái ví đầy thẻ tín dụng và tiền. Trong ví, anh thấy bức hình một phụ nữ tóc vàng và hai đứa trẻ. Lúc đó, anh bỗng nhớ ra tên anh, anh đã có vợ từ mười lăm năm nay, anh nhớ ra con anh, và anh nhận ra chính mình. Anh rút cái ví xuống, và bắt đầu nguệch ngoạc trên một tập giấy màu vàng. Có quá nhiều điều để viết và tâm trí anh lỏng lẻo lên thoát khỏi sự kiềm chế. Phép lạ, ma thuật bắt đầu. Anh phóng tác ra những đoạn quảng cáo, đủ dùng cho một năm. Anh điện thoại cho tòa soạn và gọi người phục vụ mang đến một chai rượu scotch cùng một đĩa cơm cari.

Rượu scotch làm anh bình tĩnh lại và anh viết tiếp. Anh quay số gọi tổng đài và đặt một cuộc gọi đường dài cho vợ anh ở Los Angeles.

Phan Thu Hiền dịch

LOẠI MỘT NGƯỜI TÌNH RA KHỎI DANH SÁCH NGẮN

Doris Lessing
Nhà văn Anh – Giải thưởng Nobel 2007

Mấy năm trước, lần đầu gặp Barbara Coles, hấn chỉ lưu ý đến nàng bởi ai đó nói: “Đây là cô nàng mới của Johnson”. Chắc chắn khi ấy hấn đã không sử dụng kiểu nói dậm dật riêng của hấn: Ủ, thị đấy. Nhưng hấn lại thầm hỏi, John tìm được gì ở nàng. Cô ta sẽ không tồn tại lâu đâu, hấn nhớ ý tưởng ấy khi quan sát Johnson, một gã đẹp trai nhưng hơi đỏ mặt vì rượu, đang ve vãn một cô gái lạ trong lúc Barbara đứng nhìn bên bức tường. Hấn nghĩ nàng có vẻ khó chịu.

Nàng xanh xao, không được thon thả lắm bởi vóc người hơi đầy nhưng phong cách nàng vẫn tạo nên sự quyến rũ. Mái tóc vàng, thẳng, rẽ ngôi lệch một bên, hơi luộm thuộm trong suy nghĩ của hấn. Hấn không để ý y phục nàng. Nhưng mắt nàng thì hấn nhớ: mở to, xanh biếc, gợi cảm bởi nét tình tứ mơ hồ ánh lên nơi khóe mắt. Đôi mắt xanh màu lục bảo trên khuôn mặt của cô nữ sinh, hoặc một nữ giáo viên trẻ đang nhìn người yêu của mình tán tỉnh kẻ khác hấn rồi sẽ hờn dỗi về điều đó.

Tên nàng thỉnh thoảng xuất hiện trên báo. Nàng trang trí sân khấu, một nghề thiết kế hay một nghề đại loại gì đấy trong lĩnh vực này.

Khi tờ báo Sunday mở cuộc thi thiết kế sân khấu, nàng đoạt giải. Barbara Coles là một trong những “tên tuổi” của nhà hát, ảnh của nàng được trưng bày. Trông nàng rất nghiêm túc. Hấn nhớ là đã nghĩ về vẻ hồn dỗi của nàng.

Tối nọ, tại một bữa tiệc, hấn thấy nàng đi qua phòng. Nàng đang nói chuyện với một nghệ sĩ nổi tiếng. Mái tóc vàng của nàng vẫn lệch một bên nhưng bây giờ trông đã gọn gàng. Nàng đeo chiếc nhẫn ngọc ở tay phải, chiếc nhẫn dường như đã có chủ ý mời mọc so sánh với màu mắt của nàng. Hấn bước lại, nói: “Tôi là Graham Spence, chúng ta đã từng gặp nhau”. Hấn nói với vẻ lúng túng vì đã ngắt lời họ. “Xin lỗi, tôi không nhớ, nhưng xin chào anh,” nàng nói, mỉm cười - Và tiếp tục cuộc đối thoại của mình.

Hấn bám theo một lát, nhưng nàng vội bỏ đi với nhóm người nàng mời đến nhà dùng trà. Nàng không mời Graham. Ở nàng toát lên vẻ tự tin, bất cần mà hấn nhận thấy như là dấu hiệu của thành công. Ngay lúc ấy, nhìn nàng cười vang trong lúc bỏ đi cùng nhóm bạn, hấn dùng lối nói: “Ừ, thị ấy”. Rồi hấn về nhà với vợ trong tâm trạng vui vẻ như thể cuộc hẹn giữa hấn và Barbara đã được thu xếp.

Cuộc sống gia đình của hấn kéo dài đã hai mươi năm nay. Thoạt tiên có cãi cọ, khổ đau, bị kịch - đầy bất đồng, phản bội và tái hợp ngọt ngào. Phải mất đến mười năm

thì hắn mới nhận ra rằng hôn nhân của hắn thật chẳng ra gì, kiểu hôn nhân mà hắn đã trải qua trong ý nghĩ và cảm giác đầy kinh ngạc. Trái lại, hôn nhân của hầu hết những người hắn quen, dấu cho họ có thay đổi một, hai hoặc ba lần thì cũng y như cũ. Tình cảm của hắn cũng thực sự thay đổi, thậm chí hắn còn yêu say đắm một cô gái và vì quyền lợi của cô ta hắn suýt li dị vợ - nhưng vào phút cuối, hắn thay đổi ý định, bỏ rơi cô để lương tâm hắn (không phải không hài lòng) luôn cắn rứt vì cô. Hành vi nhục nhã đó đã giúp hắn hiểu ra rằng vở kịch ấy chẳng là gì so với điều duy nhất hắn tưởng tượng. Chẳng có gì hơn kinh nghiệm của bất kì ai ở vào hoàn cảnh hắn. Và cũng có lẽ ở vào hoàn cảnh của bất kì một ai khác?

Dẫu sao, trong suốt mười năm sống cuộc sống gia đình hắn đã hiểu ra rất nhiều điều, cuộc đời hắn nảy sinh một kiểu phiêu lưu tình cảm kì lạ, và cuộc sống gia đình cũng đã thay đổi.

Vợ hắn kết hôn với một gã nghèo kiết xác có cái tiền đồ rực rỡ là nhà văn. Sự hi sinh đã xuất hiện, chủ yếu là từ nàng, cho cái tương lai ấy. Chẳng phải hắn không nhận thức được điều đó hay vong ân bạc nghĩa, thực tế hắn cảm thấy luôn mang tội lỗi về chuyện ấy. Cuối cùng thì hắn cũng đã xuất bản một cuốn sách thành công hậu hĩ, nhưng đến cuốn thứ hai bây giờ, thì lạy Chúa, chẳng một ai nhớ nổi. Hắn chuyển sang truyền thanh, truyền hình và bình luận sách.

Hắn hiểu hắn sẽ không làm việc đó; cái công việc mà hắn làm - không phải là người viết văn thuê, chẳng ai có

thể gọi hấn như thế - là trở thành thành viên của một nhóm sống bằng sự khôn ngoan của mình bên rìa nghệ thuật. Khoảnh khắc bùng nổ là khi hấn ngồi trong quán rượu vào giờ ăn trưa bên cạnh đài BBC, nơi hấn thường tạt vào để gặp những người giống hấn: hấn hiểu đây là lí do mà hấn tìm đến - họ giống hấn. Chỉ đến khi cuộc sống gia đình đầy kịch tính suốt suốt ấy hóa ra là giống với mọi nhà khác - chỉ khác là được chia sẻ với một người đàn bà thay vì là hai hay ba, - thì cũng hóa ra rằng tài năng độc đáo của hấn, sự phấn đấu trở thành nhà văn đã đưa hấn đến đó, đến quán rượu này và cả nửa tá quán rượu tương tự, nơi tất cả đàn ông trong đó đều có cùng một lịch sử. Bọn họ tất cả đều có tiểu thuyết, kịch, thơ, thời hoàng kim dành cho tài năng họ. Nhưng ở đây, họ chạy theo những chương trình truyền hình mà họ xem thường (lẫn nhau hoặc với vợ) hoặc viết những bài bình luận về sách của những người khác. Đúng, đây là việc hấn làm, một ông bầu cho tài năng của những người khác. Hai khoảnh khắc thấu rõ về hôn nhân và tài năng hấn lại trùng khít lên nhau; và (chắc không phải tình cờ) cũng trùng với quyết định từ bỏ hấn của cô vợ để theo một anh chàng trẻ hơn hấn, có triển vọng, theo cô ta, là một kịch tác gia. Chà, hấn phải nói cho cô ta từ bỏ ý định ấy. Về phần cô, cô phải hiểu rằng hấn sẽ không trở thành T. S. Eliot hay Graham Green của thời này - nhưng thử tính xem, có bao nhiêu người như thế? Cuối cùng cô cũng phải hiểu điều đó vì hấn chẳng thể nào chịu đựng nổi sự cay đắng của cô thêm chút nào nữa. Về phần mình, hấn cũng phải từ bỏ việc say khật khừ, mò về nhà vào năm giờ sáng và bắt đầu

câu chuyện lãng mạn mới, cứ sáu tháng một lần và thực hiện nghiêm túc đến mực khiến cô khổ sở bởi những khuyết điểm tiềm ẩn của cô. Tóm lại hấn sẽ là một người chồng tốt (hấn đã luôn là người cha có trách nhiệm): Và cô là người vợ ngoan. Và thế là: cuộc sống gia đình trở nên bền vững, như cách người ta nói.

Cái công thức: Ủ, thị ấy, từ lâu đã không hàm chứa nhu cầu tình dục. Trong cách dùng sau này, nó nghiêng về phía những điều mà hấn cảm thấy xấu hổ. Mặt khác, nó diễn tả khía cạnh khôi hài trước phẩm chất, tài năng thật sự và năng khiếu của hấn, hóa ra là chúng chẳng liên quan gì đến nghệ thuật, nhưng hấn lại gắn liền với đời sống cảm xúc và kinh nghiệm khó đạt đến. Nó diễn tả một lối sống đời bại, một bằng chứng đầu chỉ riêng với hấn: bản thân ta có thể trung thực, nhưng nếu cần: ta sẽ kiếm được ả tốt nhất trong đám ấy bất cứ khi nào ta muốn.

Hấn theo dõi phạm vi dành cho những phụ nữ nổi tiếng trong nghệ thuật hoặc trong chính trường; sẵn lòng ảnh, lắng nghe những mẩu chuyện ngồi lê đôi mách. Hấn lên kế hoạch xem họ làm việc, khiêu vũ hay diễn thuyết khoa trương. Hấn xây dựng nên hình ảnh không phải là không khôn ngoan của họ. Hấn hoặc âm thầm kéo sợi dây cơ hội để gặp cô ta hoặc thường xuyên hơn, vì đã mang đặc điểm hài lòng khi chờ đợi của một con bạc - bỏ bằng đi cho đến khi gặp cô ta trong trường hợp hết sức tự nhiên mà chẳng chóng thì chày cũng sẽ xảy ra. Hấn hấn được thu xếp công khai gặp nàng đôi lần bởi công việc của hấn là phải làm vui lòng những

người nổi tiếng, cả nam lẫn nữ. Vợ hắn luôn biết, hắn kể với cô. Hắn hắn có quan hệ gần gũi nhanh chóng với người đàn bà này, nhưng thường xuyên hơn đây không phải là quan hệ hình thức. Không phải hắn không thấy hài lòng khi những người khác ghen tị với hắn - hắn sẽ lên kế hoạch, chẳng hạn như đưa người đàn bà này đến những quán rượu đồng nghiệp nam của hắn thường đến. Cảm giác hài lòng thực sự của hắn đến khi hắn thật sự ngạc nhiên của nàng hiện lên khi biết hắn hiểu rõ nàng đến chừng nào. Hắn khoái trá trước không khí hắn có thể tạo dựng giữa một phụ nữ thông minh và bản thân hắn: một sự phức tạp khôi hài chứa chất nhiều điều không thể nói và như thế thì việc làm tình chẳng có liên quan gì đến.

Trong danh sách những phụ nữ hắn dự định quan hệ như thế có Barbara Coles. Chẳng cần vội vã. Tuần tới, tháng tới, năm tới họ sẽ gặp nhau tại một bữa tiệc. Thế giới của những người nổi tiếng ở London thì nhỏ bé. Các loại cá lớn cá bé lớn vồn, chạm mũi nhau, giương vó tán tỉnh rồi lại lẫn tránh nhau. Khi hắn đụng phải Barbara Coles thì đây sẽ là lúc hắn quyết định ngủ với nàng hay không.

Trong thời gian ấy, hắn nghe ngóng. Nhưng hắn chẳng khám phá được gì nhiều. Nàng đã có chồng, con, nhưng gã chồng dường như mờ nhạt. Bọn trẻ dễ thương và được nuôi dạy giống như trẻ con của các nhà khác. Nàng cũng từng quan hệ tình dục ngoài hôn nhân, họ nói; nhưng nhiều người hắn gặp đều nói tốt về nàng, thật khó có thể biết được họ đã ngủ với nàng hay chưa

bởi chẳng một ai khoác lác trực tiếp về nàng. Nàng được nhắc đến trong lĩnh vực bè bạn, công việc, nhà cửa, tiệc tùng nàng tổ chức và công việc nàng tìm hộ cho ai đó. Nàng được hâm mộ, kính trọng và thói kiêu hãnh của Graham Spence được tăng lên bởi hấn đã chọn nàng. Hấn chờ đợi để nói bằng kiểu giọng rề rà: “Barbara Coles hỏi tôi nghĩ gì về cảnh đó và trả lời cô ấy khá thẳng thắn...”.

Rồi tình cờ hấn gặp được gã trai trẻ khoác lác về Barbara Coles; gã tuyên bố là đã yêu đương ra trò với nàng, gần đây thôi và gã nói như thể chuyện ấy thì ai cũng biết cả. Graham nhận ra trong tâm trí mình nổi ao ước được gần gũi với nàng lớn biết nhường nào bởi lúc này hấn đang rối bời bởi cung cách của gã oắt con Jack Keunaway kia. Mới đây gã đã thành công ở cương vị biên tập viên cho một tờ tạp chí - một trong số những gã trai tơ ấy, không hiếm như người ta giả dụ ở những thành phố lớn, đã gặt hái thành công bằng sự thô lỗ và tính vô liêm sỉ trắng trợn. Chẳng có bao tài năng hoặc lịch thiệp nhưng khả năng mặt dày mày dạn của gã lại có sức lôi cuốn. “Đúng, tôi nhất định sẽ thành công, bởi tôi đã quyết định như thế, đúng, tôi có thể ngốc, nhưng không ngốc đến nỗi không biết những khiếm khuyết của mình”. “Đúng, tôi sắp thành công bởi những người như anh lại sống quân tử, vân vân, đơn giản là không tin vào khả năng của những kẻ như tôi. Các anh quá hèn nhát để có thể ngăn cản tôi. Đúng, tôi chấp nhận chuẩn mực của anh và tôi sẽ thành công bởi tôi can đảm, không những vô đạo đức mà còn thẳng thắn hoàn toàn trước

nó. Thêm nữa, anh ngưỡng mộ tôi chắc thế, nếu không thì anh đã cản tôi rồi...". Chà, cái gã oắt con Jack Kennaway này, gã làm Graham choáng váng. Gã nói năng liến thoắng, đẹp trai, bí ẩn và rõ ràng gã hoặc là người đồng tính luyến ái. Gã huyền thuyên về ân huệ của Barbara Coles; thực sự là bốc lên trời về tình yêu của nàng. Hoặc giả nàng loạn thần kinh nói năng lảm nhảm theo sở thích của người tâm thần; hoặc giả Jack Kennaway là kẻ nói dối trắng trợn nhất; hoặc là nàng đã ngủ với bất kì ai. Graham nổi cơn tò mò. Hắn đưa Jack Kennaway đi ăn tối cốt để nghe gã nói về Barbara Coles: Chẳng còn nghi ngờ gì về việc hai người này rất thân nhau - tất cả những bữa tối, nhà hát, kì nghỉ cuối tuần ở miền quê - Graham Spence cảm tưởng như hắn đã đặt được tay lên ví của Barbara Coles; và việc hắn phải đợi để gặp nàng thì không thể nào chịu được nổi nữa; hắn quyết định thu xếp để gặp gỡ.

Việc đó hóa ra là không cần thiết. Nàng lại xuất hiện trên báo với một loạt may mắn. Nàng đã thiết kế thành công một vở kịch lịch sử, và ngay sau đó là một vở kịch hiện đại rồi tiếp theo là vở kịch ca vũ. Trong cả ba vở, cánh bài trí gây ấn tượng lớn. Graham đọc mấy bài phỏng vấn trên báo và trên ti vi. Tất cả đều xoay quanh chủ đề khả năng giải quyết dễ dàng của nàng với nhiều kiểu sân khấu khác nhau; nhưng dĩ nhiên, trọng tâm điểm là ở chỗ người thiết kế là phụ nữ, điều này dễ dàng làm tăng thêm sức hấp dẫn cho vấn đề. Còn bây giờ thì Graham Spence được cử đến gặp nàng để thực hiện bài phỏng vấn truyền thanh nửa tiếng. Hắn vạch ra những

câu hỏi để hỏi nàng về sự quan tâm, suy nghĩ trước những gì người ta đã phát biểu về nàng, kèm thêm vào đó là bản năng và kinh nghiệm của hấn đối với phụ nữ. Cuộc phỏng vấn sẽ bắt đầu vào lúc chín rưỡi tối; hấn sẽ đón nàng vào lúc sáu giờ tại nhà hát nơi làm việc thường xuyên của nàng, để còn có thời gian, như bức thư từ đài BBC viết, “để anh và cô Coles tìm hiểu nhau.”

Vào lúc sáu giờ, hấn đến cửa sân khấu, nhưng cô Coles gọi mẩu nhắn tin bảo là cô chưa sẵn sàng, xin đợi một lát. Hấn đi loanh quanh rồi đến quán rượu đối diện uống nhanh một ít nhưng vẫn chưa thấy cô Coles. Vậy nên hấn vòng ra phía sau sân khấu vọng tiếng người, tiếng búa và tiếng cười. Ánh sáng tối nên nhóm người đang làm việc không nhìn thấy hấn. Giám đốc, James Poynter, khoác vai Barbara. Anh ta mới nổi, trẻ, đẹp, hào hoa, nổi tiếng về sự thông minh. Barbara khoác chiếc áo choàng màu xanh đậm, mái tóc phẳng xõa xuống trán nên nàng đưa bàn tay đeo nhẫn hất giữ ngược lên. Hai người đứng bên nhau, rất gần. Ba chàng trai trẻ, nhân viên trang hoàng sân khấu, đứng đằng kia bụi, nơi mấy bức minh họa đang được kéo lên. Họ đang xem xét mấy bức họa đó. Barbara nói bằng giọng ấm áp, truyền cảm: “Này, tôi nghĩ thế nếu chúng ta đặt ở đây anh thấy được chứ, James? Anh nghĩ thế nào, Steven?” “Ồ tuyệt,” chàng trai nàng gọi là Steven đáp, “tôi hiểu ý chị, nhưng tôi phân vân nếu...” “Tôi nghĩ là em đúng đó, Babs,” Giám đốc nói: “Nhìn này Barbara nói, khi giữ một bức họa trước mặt Steven, “Nhìn này, tôi chỉ cho anh xem”. Cả năm người cùng cúi nhìn, miệt mài với công việc.

Bỗng nhiên Graham không thể nào chịu đựng nổi cảnh đó. Hắn biết hắn chấn động tận đáy lòng. Hắn rời sân khấu, đứng tựa lưng vào bức tường của lối đi dơ bẩn dẫn vào phòng thay đồ. Mắt hắn ngập đầy nước mắt. Hắn đang thấy những hình ảnh tự xa xưa thuở hắn ra đời từ thế giới thù hằn, sự điên rồ của cái tôi tuổi trẻ; cũng nhắc đầy ngưỡng mộ mà hắn từng ném trái từ năm hai mươi tuổi. Nhóm người ấy - làm việc, trêu đùa, tranh luận, phải, đấy là tất cả những gì hắn đã không biết suốt nhiều năm nay. Điều làm họ trong sáng là tinh thần dân chủ trong thái độ tôn trọng công việc của nhau, tin tưởng vào bản thân và tin tưởng người khác. Trông họ giống như những người kết thành nhóm để cùng chống lại một thế giới mà họ - không, không phải xem thường, nhưng đã cân nhắc, thấu hiểu là sẽ chiến đấu cho đến hơi thở cuối cùng, không quan tâm đến việc họ ủng hộ ai hay cái thế giới ấy ủng hộ ai. Hắn thấu hiểu một phần của sự cân bằng ấy đã lâu lắm rồi. Và hắn biết hắn đã nhìn thấy Barbara Coles tại khoảnh khắc nàng đúng là nàng đang thoả mái với nhóm người nàng cùng làm việc. Đến lúc đó, nước mắt đang ráo dần trên mi, cảm thấy già nua và khô hải, hắn quyết định sẽ ngủ với Barbara Coles. Điều ấy cần thiết cho hắn. Hắn quay lại, bước qua cửa lên sân khấu, lòng nung nấu quyết tâm duy nhất này.

Cả năm người vẫn cùng làm việc. Barbara nhắc tám vài xanh lóng lánh quần qua vai Steven, người trang hoàng sân khấu. Anh ta phô nó ra, mấy người kia cùng quan sát. "Anh nghĩ thế nào, James?" nàng hỏi giám

đốc. “Chúng ta chọn màu xanh xỉn ấy, anh nghĩ...”
 “Được.” James nói nhưng không thật chắc chắn, “được
 đó, Babs, được...”

Bây giờ Graham bước tới gần, đứng bên cạnh Barbara và nói: “Tôi là Graham Spence, chúng ta đã từng gặp nhau trước đây.” Và lần thứ hai, nàng mỉm cười xã giao rồi nói: “Ồ, xin lỗi, tôi không nhớ.” Graham gật đầu chào James, người hẳn quen hoặc chí ít đã từng gặp nhau đôi lần trong vài năm nay. Nhưng rõ ràng là James cũng chẳng hề nhớ hẳn.

“Từ đài BBC,” Graham nói với Barbara, một lần cắt ngang đột ngột nữa; trái với ý muốn của hẳn. “Ồ, xin lỗi, xin lỗi, tôi quên khuấy đi mất. Tôi phải đi trả lời phỏng vấn”, cô nói với cả nhóm. “Ông Spence đây là phóng viên”. Graham khẽ nhếch mép cười mĩa mai cái danh hiệu phóng viên ấy, nhưng lúc ấy nàng không nhìn hẳn. Nàng đang mải miết với công việc. “Chúng ta nên quyết định tối nay,” nàng nói. “Steven đúng đấy.” “Vâng, tôi đúng,” tay trang hoàng nói. “Cô ấy đúng đấy James, chúng ta cần màu xanh ấy với cái màu xanh xỉn ở mọi nơi.” “James,” Barbara nói. “James, nó có gì sai? Anh không nói.” Nàng bước về phía James, vượt qua Graham. Lại nhớ tới hẳn, nàng phân bua. “Xin lỗi,” nàng nói, “chúng tôi chưa thể đồng ý. Ở, này” - nàng quay sang Graham - “ông khuyên chúng tôi đi, chúng tôi thấy khó quyết định quá...” Lúc ấy, James cười phá lên, mấy người trang trí kia cũng cười rộ. “Đừng, Babs,” James nói, dĩ nhiên ông Spence không thể khuyên được. Ông ấy vừa mới đến tức thì. Chúng ta phải quyết định lấy. Này,

tôi sẽ để các bạn đến sáng mai. Đã đến lúc về nhà, bây giờ chắc đã sáu giờ.”

“Gần bảy giờ rồi,” Graham nói với vẻ bức bối.

“Thế ư” Barbara nói như đóng kịch. “Lạy Chúa, khủng khiếp quá; tồi tệ quá là cái công việc mà tôi đã làm...” nàng đang tự cười mình. “Ồ, ông sẽ phải thứ lỗi cho tôi thôi, ông Spence ạ, bởi ông không còn được lựa chọn nào khác.”

Họ lại phá ra cười: rõ ràng đây là trò đùa của nhóm. Và bây giờ Graham chớp lấy cơ hội. Hắn nói quả quyết như thể là hắn là giám đốc của nàng, nhưng thực tế là bất chước cung cách của James Poynter dành cho nàng: “Không, cô Coles, tôi sẽ không thứ lỗi cho cô đâu, tôi đã lang thang mòn cả gót gân cả nửa tiếng đồng hồ nay rồi”. Nàng nhăn nhó, cười rồi chấp nhận điều đó. James nói “Đấy, Babs, đấy là cách em đáng được đối xử. Bọn anh làm hư em.” Anh ta hôn lên má nàng, nàng hôn cả hai má anh ta, mấy người trang trí bước ra. “Chúc một buổi tối tốt lành, Babs,” James nói, đi ra ngoài và gật đầu chào Graham – Người đang đứng che giấu sự hài lòng của mình trong điệu bộ khó xử. Hắn biết, bởi lẽ hắn có đủ can đảm để kiên quyết, thực sự dứt khoát với Barbara, rằng bản thân hắn đã tiết kiệm được nhiều giờ diễn tập. Uống nhiều, một bữa ăn tối - có lẽ hai hoặc ba tối đi uống và ăn tối - đã được tiết kiệm vì bây giờ hắn đã dám được một bước như thế với Barbara Coles khi có thể nói: “Không, tôi sẽ không tha thứ cho cô, cô đã bắt tôi chờ đợi”.

Nàng nói: “Em cần phải...” rồi đi vượt qua hần. Trên lối đi, nàng móc chiếc áo khoác vào cái mắc áo. Dường như nàng đang suy nghĩ về việc gì khác nhưng khi bắt gặp cái nhìn của hần, nàng mỉm cười thân thiện; hần hài lòng nhận ra đây là kiểu cười nàng hần dành cho một trong những người trang trí sân khấu, hay thậm chí là cho James. Nàng lại nói: “chỉ vài giây...” rồi đi đến phòng làm việc có cửa thông sang sân khấu. Nàng trao đổi ý kiến với người gác cửa. Có chuyện gì rồi. Graham chớp thêm một cơ hội nữa nói: “Chuyện gì vậy, anh có thể giúp được gì không?” – như thể hần có thể giúp, như thể hần mong muốn được giúp. “Ồ...” nàng nói, nhún vai. Rồi nói với người kia: “Không, sẽ ổn cả thôi. Tam biệt”. Nàng đến chỗ Graham. “Bọn em hơi bất đồng ý kiến bởi một nửa cảnh là ở Liverpool còn một nửa là ở đây - nhưng rồi cũng sẽ tìm ra cách”. Nàng đứng trò chuyện với hần như cách một người đối với đồng nghiệp của mình. Hần cảm thấy tất cả được thu xếp rất đáng khâm phục; nhưng chắc sẽ có khoảnh khắc tệ đi họ chuyển từ lĩnh vực sân khấu chuyên môn ra đường. Hần lại đưa ra quyết định, cầm cứng cánh tay nàng và nói: “Chúng ta sẽ uống một tí trước lúc làm bất cứ việc gì, bên ngoài này, trời đêm khủng khiếp quá”. Cánh tay nàng có vẻ lưỡng lự nhưng vẫn để yên trong tay hần. May mắn thay, trời đang đổ mưa. Hần tự tiện chỉ lối cho nàng: “Không, không phải quán ấy, có một quán dễ thương hơn ở sau góc kia kìa”. “Ồ, nhưng em thích quán này”, Barbara nói, “bọn em luôn uống ở đây”.

“Dĩ nhiên mày có thể vào”, hắn thâm nhủ. Nhưng trong quán ấy chắc là có mấy tay trang trí sân khấu, có lẽ là cả James và hắn sẽ không tiếp cận được nàng. Hắn lại trở thành phóng viên. Hắn kiên quyết lôi ào nàng qua khỏi nơi nguy hiểm, vòng qua hai góc phố rồi tạt vào quán rượu hắn tình cờ trông thấy. Liếc nhìn quanh một vòng - không, chúng chẳng có ở đây. Nhưng lại có mấy người của nhà hát, nàng chẳng tỏ dấu hiệu gì. Nàng đề nghị bia. Hắn gọi cho nàng một suất đôi rượu Scotch, sau khi được nàng đồng ý. Rồi, sau một loạt những chiến thắng nhỏ, hắn cần thời gian để suy ngẫm. Có cái gì đó đang làm hắn khó chịu - cái gì thế nhỉ? Đúng, đấy là cảnh hắn thấy ở hậu trường, Barbara và James Poynter. Nàng đang dây dưa với gã sao? Nếu như thế thì sự thể sẽ khó khăn hơn nhiều. Hắn buộc bản thân phải xem xét chuyện hai người và tư duy với cảm giác ghen tuông mạnh mẽ đến kỳ lạ: Đúng, là thế rồi. Trong lúc đó hắn ngồi nhìn nàng, biết rõ cái nhìn của mình dành cho nàng, một người đàn ông dám nhìn người đàn bà với vẻ điềm tĩnh nhận biết giá trị: chờ đợi nàng cảm thấy và phản ứng. Nàng đang ngó nghiêng quán rượu. Bộ đồ len trắng của nàng thất ngang lưng là bộ đồng phục không phải không kêu gọi. Mái tóc vàng thẳng của nàng được buộc vội sau khi làm việc đã không được gọn ghẽ. Làn da trắng sạch của nàng, không điểm tô chút màu gì cả, khiến nàng trông có vẻ mệt mỏi. Vào lúc ấy, Graham nghĩ, chẳng hào hứng lắm, nhưng vẫn giữ nguyên cái nhìn thấu hiểu giá trị của hắn cho đến khi nàng quay lại và sẽ nhìn thấy. Hắn biết nàng sẽ nhìn thấy gì: hắn đâu có tuyệt đối trông cậy vào ánh mắt đắm

đằm “ấm áp dịu dàng” của hấn bởi đây chỉ là ấn tượng giả tạo mà hấn cố nặn ra. Tóc hấn đen, điểm bạc. Quần áo hấn rộng thùng thình, công kênh và sắc vẻ đàn ông. Đôi mắt hấn lộ vẻ khôi hài và từng trải. Hấn không và sẽ không bao giờ, để rơi vào tình cảnh sao nhãng ấn tượng về sự ổn định, phụ thuộc của một người chồng và một người cha. Nhưng ngược lại, hấn biết phụ nữ luôn tìm thấy ở đó sự đảm bảo.

Rốt cuộc, khi quay lại, nàng nói như có lỗi: “Anh không phiền nếu chúng ta ngồi xuống chứ? Tôi đã chạy tới chạy lui nhiều việc suốt cả ngày nay rồi”. Nàng chỉ hai chiếc ghế trống trong góc. Hấn cũng muốn thế nhưng vội phản đối vì đã có mấy người đang ngồi bên bàn. “Nhưng dĩ nhiên, bỏ à!” Họ ngồi xuống ghế, khi ấy Barbara nói: “Em xin lỗi ra ngoài một lát”. Nàng nhớ mình cần trang điểm. Hấn nhìn nàng đi ra, cảm thấy bức bối. Nàng mệt và hấn chắc đã thấu hiểu, che chở, cho nương tựa. Hấn nhận ra rằng ở quán kia, với những người cùng làm việc suốt ngày, nàng chắc đã không nghĩ: “Mình phải trang điểm, phải tươi tắn”. Dung mạo này dành cho người ngoài. Cho đến lúc này, nàng đã không xem Graham là người ngoài, bởi hấn đón lấy cơ hội xuất hiện như thể hấn là một trong những thành viên của nhóm làm việc tại nhà hát, nhưng bây giờ cơ hội ấy không còn nữa. Nàng đã quay lại với vỏ bọc của mình. Tóc nàng đã được chải chuốt, không còn cầu thả nữa. Mắt nàng đã trang điểm. Lông mày được chăm chút, bên trên đôi mắt xanh sáng là đường kẻ vàng nhạt, lông mi được kẻ đen. Khá tốt, hấn nghĩ, sự tương phản.

Phải, nhưng khoảnh khắc ấy qua đi khi hắn mở miệng nói: Em có biết má em có vết bầm không? Hoặc - cô bé xinh đẹp của tôi ơi! Rồi dùng sống tay thân mật vuốt tóc nàng ra sau. Thực tế nếu hắn không cẩn thận thì hắn sẽ phải quay về xuất phát điểm ban đầu.

Hắn lưu ý: “Chiếc nhẫn ngọc rất xinh” - mỉm cười nhìn vào mắt nàng.

Nàng mỉm cười lịch sự rồi nói: “Không xinh lắm đâu, chỉ là ngẫu nhiên, của bà nội em”. Nàng khẽ cọ mặt vào tay và mỉm cười. Nhưng đây là điệu bộ nàng thường đáp lại những lời ca ngợi nàng nhận trước đây. Tất cả chỉ mang tính xã giao, nàng trở nên hoàn toàn xã giao. Nàng nhắc: “Chẳng phải anh đã nói chín rưỡi chúng ta thu băng sao?”

“Barbara thân thương của tôi ơi, ta còn cả hai tiếng nữa. Ta sẽ uống vài li nữa, sau đó tôi sẽ hỏi em vài câu rồi ta tạt vào trường quay và mọi việc kết thúc, tiếp đó ta sẽ thoải mái đi ăn bữa khuya”.

“Em muốn ăn bây giờ nếu không làm phiền anh. Em không ăn trưa nên đói lắm”.

“Thì em thân thương ơi, cứ tự nhiên” Hắn cúi. Chỉ vì hắn đang sững sờ bởi cơn ghen thực sự của hắn với James, vậy nên lúc này hắn không giữ được bình tĩnh; hắn đã tính toán suốt bữa ăn tối lặng lẽ kéo dài sau đó để thu xếp chung chăn gối với nàng. “Cạn li đi rồi anh sẽ đưa em đến nhà hàng Nott”. Nott đắt. Khi nói hắn liếc nhìn thăm dò nàng. Nàng nói: “Em nghĩ sao anh không đến nhà hàng Butler? Ngon và gần hơn”. Butler ngon nhưng rẻ, hắn cho nàng điểm tốt vì thích nhà hàng ấy.

Nhưng Nott đã được chọn. “Cưng à, ta sẽ đón taxi và đến Nott ngay, đừng lo”.

Nàng nghe lời nhắc chân đi: cái cách nàng di chuyển khiến hấn hiểu mình đã sa lầy như thế nào. Nàng đang tự nhủ: Rất tốt? Hấn thích thế, vậy thì được, ta sẽ làm bất cứ điều gì hấn muốn rồi kết thúc bằng...

Nuốt vội li rượu của mình, hấn theo nàng và khoác tay nàng trên ngưỡng cửa quán rượu. Động tác của hấn lịch sự. Bên ngoài trời mưa bụi. Không có taxi. Bây giờ hấn đang gặp rủi ro. Hấn im lặng đi bộ đến cuối phố. Đến đây, Barbara liếc nhìn bên đường nơi có biển hiệu: NHÀ HÀNG BUTLER. Không nhằm để lưu ý hấn, mà trái lại nàng che giấu cái liếc nhìn. Và đến lúc này, nàng nhất nhất nghe theo lời đề nghị của hấn, hai người chắc sẽ không bao giờ chia sẻ khoảnh khắc gần gũi như ở nhà hát.

Họ cuộc bộ nửa dặm đến Nott. Không có taxi. Nàng nói chuyện: điều ấy hấn biết là nhằm để khoả lấp thái độ ngượng ngùng mà hấn có thể cảm nhận được bởi nửa dặm đi bộ dưới trời mưa trong lúc nàng đã mệt mỏi. Nàng đang nói về mấy dự định sẽ thực hiện ở nhà hát, với các bản thiết kế xây dựng nhà hát. Hấn nghe tiếng hấn nói và lặp lại: Ừ, ừ, ừ. Hấn nghĩ về nhà hàng Nott, làm sao để thu xếp mọi thứ ngay khi hai người đến Nott. Ở đó, hấn kéo gã bồi trưởng sang một bên, cho gã một pound và căn dặn. Họ được xếp ngồi trong góc. Mấy li rượu Scotch lớn được mang đến. Thực đơn trải rộng. “Nào, cưng”, hấn nói. “Anh xin lỗi là đã kéo em đến đây, nhưng hi vọng rằng em sẽ nghĩ việc ấy đáng làm”.

“Ồ, nhà hàng hấp dẫn quá, em rất thích. Chỉ có điều là...” Nàng bỏ dở nửa chừng câu nói: đoạn đường xa ời là xa. Nàng mỉm cười với hắn, nâng li và nói: “Đây là một trong số những địa điểm yêu thích nhất của em, rất vui vì anh đã đưa em đến đây”. Giọng nàng đều đều vì mệt mỏi. Tình thế trở nên tồi tệ, hắn ngồi suy tính cách phục hồi vị trí của mình. Trong lúc đó, nàng mài rà tay trên thực đơn. Bồi trưởng nhận yêu cầu, nhưng Graham phác cử chỉ ra hiệu: Hãy đợi một lát. Hắn muốn rượu Scotch ngấm trước lúc nàng ăn. Nhưng nàng đã nhìn thấy hiệu lệnh im lặng của hắn; và chẳng hề bực mình hay trách cứ mà chỉ nghiêng người tới trước nói với vẻ cam chịu: “Graham, xin anh hãy để em ăn, chắc anh chẳng muốn em say khi phỏng vấn, đúng không?”

“Họ sẽ mang lên ngay khi làm xong”, hắn nói rõ giọng như thể nàng tham ăn. Hắn không nhìn cả bồi trưởng lẫn Barbara.

Hắn tự nhủ, khi hắn càng trượt xa, trượt xa con đường tiếp cận nàng, thì một quyết định tàn nhẫn dấy lên trong hắn; rõ ràng nó xuất phát từ hành động ý thức của dục vọng, mà những gì có thể xảy ra là, nếu phải mất cả đêm thì trước khi trời sáng hắn sẽ vào được giường nàng. Còn bây giờ, nhìn khuôn mặt xanh xao bé nhỏ, có đôi mắt xanh, to thì đây là lần đầu tiên hắn tưởng tượng cơ thể nàng trong vòng tay. Mặc dù hắn đã nói: Phải, thị ấy, nhiều tuần lễ trước thì chỉ bây giờ hắn mới hình dung nàng như đôi tượng để nếm mùi cảm giác. Giờ thì hắn đã quyết tâm, mạnh đến nỗi chỉ dám

liếc nhìn nàng rồi vội lảng xa đến chỗ mấy tay bồi đang mang thức ăn vào.

“Lạy Chúa”, Barbara nói, và ngay lập tức giọng nàng vui nhộn, thành tâm. “Lạy Thượng Đế - Lạy khắp các quyền năng mà...” Nàng đang đùa bởi lối nói cường điệu của mình; rồi như hần thấy, bởi vì nàng muốn hần lấy lại cảm giác thoải mái của chính hần sau khi hần đã thô lỗ với việc trì hoãn gọi thức ăn. (Nàng vẫn không bị cuốn vào, hần thấy bẽ mặt và ghét nàng). “Cám ơn tất cả các thánh thần của nhà hàng Nott”, nàng nói tiếp, “bởi nếu không được ăn trong vòng năm phút thì em nói cho mà biết nhé, em chắc chết mất”. Đến đây nàng cầm dao, nĩa và bắt đầu ăn món bít tết của mình. Hần rót rượu, mỉm cười với nàng trong lúc nghĩ rằng khoảnh khắc gần gũi này sẽ không được để mất đi. Hần nhìn cơn đói ngấu của nàng khi nàng ăn và nghĩ: Khoái cảm xác thịt - thật lạ lòng mình đã không tự hỏi nàng có hay là không.

“Nào”, nàng nói lúc ngồi dựa người ra, sau khi đã đẩy lùi cơn đói: “Ta tiến hành công việc đi thôi”.

Hần nói: “Anh đã nghĩ chuyện này rất kĩ lưỡng - cách giới thiệu em ấy mà. Đường như đối với anh, việc đầu tiên là chúng ta phải bỏ ngay cái lối cũ rích: Thừa cô Coles, thật phi thường làm sao đối với một phụ nữ, người rất tháo vát trong công việc của mình... tôi hi vọng cô đồng ý chứ?” Đây là quân át chủ bài của hần. Khi trông thấy nàng trên ti vi, hần đã lưu ý đến nụ cười lịch sự lúc lời ấy được đưa ra (kiểu cười mỉm mà hần luôn thấy tối nay). Nụ cười ấy nói: Thôi được, nếu bạn phải là đồ ngốc thì tôi có thể làm gì đây?

Bây giờ nàng cười vang rồi nói: “Dễ chịu làm sao. Em nghĩ anh sắp làm hết như vậy”.

“Tốt, bây giờ em ăn còn tôi nói”.

Bằng giọng chuẩn bị kĩ càng, nhưng không trực tiếp, hấn nói về các phong cách khác nhau của nhà hát mà nàng đã chứng tỏ tài nghệ của mình: hấn đang tâng bốc chuyên môn nàng; sự phức hợp của đặc trưng được thể hiện qua cách bày trí của nàng. Nàng bình thản ăn, gương mặt chẳng bày tỏ chút dấu hiệu gì. Cuối cùng nàng hỏi: “Và anh đã tính toán như thế nào để dẫn dắt điều đó?”.

Hấn trù tính bất ngờ nói ra điều ấy với nàng, câu gì đó đại loại: Cô Coles, một phụ nữ trẻ tài năng với những gì đã đạt được (nàng ba mươi? ba hai?) và là người rất duyên dáng... “Có lẽ tôi sẽ cung cấp cho quý vị những sở thích của cô nếu tôi nói cô có thể được nhận thay cho mình tinh mần bạc Marie Carletta”. Carletta nổi tiếng là người có trí tuệ với mái tóc vàng sẫm khỏe mạnh. Nhưng giờ thì hấn biết chưa phải lúc để nói điều đó: hấn có thể hình dung được cái nhìn dừng dừng của nàng nếu hấn nói. Nàng nói: “Ông vui lòng nếu chúng ta đừng đả động chút gì đến chuyện ấy nữa - chuyện tài năng lĩnh kính của tôi ấy mà, vân vân...”. Hấn cảm thấy cơ thể co cứng vì bức bối; đặc biệt một khi đấy không phải là lời buộc tội, hấn hiểu nàng chẳng coi kể hấn ra gì. Nàng đánh giá hấn: Đây là loại người sử dụng cái lối tán tỉnh ấy và vì thế... Nó khiến hấn thêm phần giận dữ bởi thậm chí nàng cũng không gây rắc rối bằng mách bảo: Tại sao anh lại cứ làm đúng những gì mà anh đã hứa là không

làm? Nàng đang lịch sự hết mực, cố giữ kiên nhẫn trước sự ngớ ngẩn của hắn.

“Tóm lại”, nàng nói, “công việc của một người thiết kế sân khấu là thực hiện những gì được đưa diễn. Ai cũng sẽ làm được, ta thử đề cập đến Johnnie Cranmore”: (một người thiết kế sân khấu) ở trong hoàn cảnh ấy hoặc trên ti vi và nói: Anh thật tháo vát làm sao bởi tháng trước anh đã minh họa cho nhạc phẩm ấy về Java và một vở kịch hiện đại về những người lao động Ailen?”.

Hắn cố kìm cơn giận. “Barbara thân thương, anh xin lỗi; anh đã không nhận ra rằng những gì anh nói lại nghe như thể những lời rối rắm trước đây. Vậy thì chúng ta sẽ nói gì đây?”.

Những gì chúng ta đã nói khi đi bộ đến nhà hàng: chúng ta có thể dừng đề cập gì đến vấn đề cá nhân được không?”.

Lúc này hắn rất hoang mang. Rồi lạy Chúa, hắn cười xòa nhẹ nhõm bởi nàng đã phá lên cười và nói: “Anh chẳng nghe lấy một câu nào của em”.

“Đúng, anh đã không nghe. Anh sợ em sắp nổi giận bởi anh để em đi bộ quá xa trong lúc đã mệt mỏi”.

Họ cùng cười, quay lại lúc họ ở trong nhà hát. Hắn cúi người, cầm tay nàng lên hôn. Hắn nói: “Nói lại cho anh nghe đi”. Hắn nghĩ: Mẹ kiếp, bây giờ cô ả sắp sửa thù mị nhất và dễ bảo.

Nhưng hắn biết hắn gốc. Hắn đã quên bég bản thân lúc hai mươi - hoặc, vì vấn đề ấy, ở tuổi ba mươi; quên mất rằng con người có thể nhiệt thành sống vì một

quan điểm, một loạt quan điểm. Bởi lẽ khi nói - về quan điểm của nàng (cũng như quan điểm của những người cùng làm việc với nàng) về một sân khấu mới, một phong cách sân khấu mới thì nàng hồ hởi như cách nàng xử sự với các đồng nghiệp trước những bức minh họa hay tấm vải màu xanh. Nàng thoải mái, không kiểu cách và rất cởi mở. Đây là cơ sở, hần nhớ, để ai đó phát biểu, quan điểm là hơi thở của cuộc đời. Những quan điểm ấy, hần nghĩ, quả thực là thông minh; và hần sẽ đồng ý với họ, với nàng, nếu hần tin điều đấy cực kì quan trọng theo cách này hay cách khác, nếu bất cứ một trong những tấm lòng nhiệt tình ấy là quan trọng đúng mực. Nhưng rốt cuộc bây giờ hần đã có chìa khóa, hần biết phải làm gì. Cuối cùng, chưa đến quá nửa giờ, họ lại là hai nhà chuyên môn, nói về những quan điểm có thể chia sẻ, vì một lần nữa, hần nhớ tuyệt đối cần trọng về tất cả chuyện này. Khi nào? Hần đã từng cần trọng như thế cách đây bao nhiêu năm rồi?

Cuối cùng hần nói: "Barbara thân thương, em có nhận thấy em đang đẩy anh vào thế kẹt không? Margaret Ruyen, người điều hành chương trình quyết định anh phỏng vấn đời tư của em, người đàn bà đáng thương ấy đã không có lấy một ý tưởng nghiêm túc trong đầu".

Barbara cau mày. Hần đặt tay lên tay nàng, an ủi: "Đừng, hãy đợi đã, cứ tin vào anh, chúng ta sẽ thuyết phục được bà ta".

Nàng mỉm cười. Thực ra Margaret Ruyen đã trao toàn quyền cho hần mà không nói gì về cô Coles.

“Bọn chúng chẳng sáng dạ lắm đâu - cái đồ mặt dày mày dạn ấy”, hắn nói. “Nào, đừng bận tâm: chúng ta sẽ tìm được thứ mình muốn, cứ thực hiện đi và sự việc sẽ hoàn toàn tốt đẹp”.

“Cám ơn anh, dễ chịu quá. May mắn làm sao khi em được anh phỏng vấn”. Bây giờ nàng thoải mái, bởi vì rượu whisky, thức ăn, rượu vang và hơn nữa là một liên minh mới chống lại Margaret Ruyen. Mọi việc sẽ dễ dàng. Họ tìm ra năm, sáu câu hỏi, một châu cà phê, rồi đón taxi đi trong mưa đến phòng ghi âm. Hắn để ý thấy nhu cầu bức bối được gặp nàng, tiếp xúc rồi chinh phục nàng, đã rời bỏ hắn. Thậm chí hắn đang hình dung trong lòng cảnh buổi tối kết thúc, hắn hôn lên má nàng, rồi về nhà với vợ. Tình cảm bạn bè như thế hắn cực kì dễ chịu. Điều đó làm dịu đi vết thương mà hắn không ý thức là đã mang suốt cả tối hôm ấy khi hắn phải chấp nhận sự phán xét từ cái từ phóng viên. Hắn cảm thấy có thể nói chuyện mãi về vấn đề sân khấu, tình hình tài chính của nó, sự ngu ngốc của chính phủ, về tính phi văn hóa của...

Đến phòng ghi âm, hắn cẩn thận pha trò để hai người vừa bước vào vừa cười. Hắn tính toán để cuộc phỏng vấn tiến hành ngay, không nói chuyện với Margaret Ruyen rồi từ lúc đèn xanh bật sáng, giọng hắn mất hẳn vẻ thân tình dễ dãi. Hắn đảm bảo không có bất cứ một câu hỏi về đời tư nào được đưa ra trong suốt cuộc phỏng vấn. Sau đó, Margaret Ruyen, với vẻ hài lòng, tiến đến để bày tỏ nhưng hắn vội kéo bà sang một bên và bảo cô Coles bị mệt, cần được đưa về nhà ngay; bởi vì hắn biết, đối với

Barbara hành động đó như thể hắn đang chống lại người phụ trách, người đang mong đợi một cuộc phỏng vấn theo kiểu khác. Hắn đưa Barbara ra, tay nàng búi chặt và áp sát vào người hắn. “Ồn”, hắn nói, “ta đã làm xong, anh không nghĩ bà ta biết chuyện gì trái ý mình”.

“Cảm ơn anh”, nàng nói. “Thật dễ chịu khi có dịp nói về điều gì đó một cách sáng suốt”.

Hắn hôn nhẹ lên miệng nàng. Nàng đáp lại và mỉm cười. Lúc bấy giờ hắn cảm thấy chắc chắn trạng thái ấy không rời bỏ nữa, hắn có thể giữ lại.

“Có hai việc chúng ta có thể bàn”, hắn nói. “Em có thể đến câu lạc bộ của bọn anh uống một chút. Hoặc anh có thể đưa em về nhà rồi em sẽ mời anh uống. Đằng nào anh cũng đi qua nhà em”.

“Anh sống ở đâu?”

“Ở Wimbledon”. Thật ra hắn sống ở Highgate; nhưng nàng sống ở Fulham. Hắn sắp nhận một cơ hội nữa, nhưng đến lúc nàng phát hiện ra thì họ đã ở vào quan hệ cười phì trước mưu kế ấy.

“Tốt”, nàng nói. “Vậy thì anh có thể thả em xuống nhà. Em phải dậy sớm”. Hắn không nói gì. Trong taxi, hắn cầm tay nàng; bàn tay nặng trĩu trong tay hắn, hắn hỏi: “James có bắt em làm quá sức không?”

“Em cứ tưởng là anh không quen anh ấy - không, anh ấy không làm như vậy đâu”.

“Ồ thật ra anh không thân anh ta đâu. Làm việc với anh ta thì như thế nào?”.

“Tuyệt vời”, nàng đáp ngay. “Em chẳng thích làm việc với bất cứ ai bằng anh ấy”.

Cơn ghen lại bốc lên trong hắn. Hắn chẳng hề kiềm chế nổi:

“Em đang quan hệ với anh ta phải không?”

Nàng nhìn: “Thì can hệ gì đến anh?” Nhưng nói: “Không, em không?”.

“Anh ta rất hấp dẫn”, hắn nói trong nụ cười thâm của sự đồng lõa từng trải. Nàng chẳng nói gì và hắn quả quyết: “Nếu là phụ nữ thì anh sẽ phải lòng James”.

Nàng dừng nói gì thì có lẽ tốt hơn. Nhưng nàng lại buột miệng: “Anh ấy đã lập gia đình”.

Hắn xây xẩm mặt mày. Đây là lời ngốc hại đầu tiên nàng mắc phải. Đây là lời nhắc nhở cực kì ngu ngốc đến nỗi... hắn buông một tiếng cười lấy lòng, choàng tay ôm nàng, hôn rồi nói: “Babs bé bỏng thân thương của tôi ơi”.

Nàng nói: “Tại sao lại Babs?”

“Có phải đó là đặc quyền của James, và của mấy người trang trí sân khấu kia không?” hắn không thể tự ngăn mình đừng nói nữa.

“Tên ấy chỉ dùng khi làm việc”. Nàng cưỡng người trong vòng tay hắn.

“Vậy thì Barbara thân thương...” Hắn đợi nàng nguôi đi và giai thích, nhưng nàng không nói gì. Lát sau nàng toài người ra khỏi vòng tay hắn, lấy có là châm thuốc. Hắn châm cho nàng. Hắn để ý rằng quyết tâm chinh phục nàng bằng bất cứ giá nào đã trở lại trong hắn. Họ đến bên nhà nàng. Hắn nói nhanh: “Và bây giờ Barbara,

em có thể pha cho tôi một tách cà phê và một li rượu mạnh". Nàng lưỡng lự; nhưng hấn đã ra khỏi taxi, trả tiền và mở cửa cho nàng. Hấn để ý thấy ngôi nhà không một ánh đèn. Hấn nói: "Chúng ta sẽ thật khế để không làm bọn trẻ thức giấc".

Nàng từ từ quay đầu lại nhìn hấn. Nàng nói đều đều đáp lại câu hỏi thực của hấn: "Chồng em đi vắng. Bọn trẻ cũng vậy, tối nay chúng đến thăm bạn". Bây giờ nàng đi trước hấn đến cửa ngôi nhà. Đây là ngôi nhà nhỏ nằm trong dãy những ngôi nhà nhỏ nhưng không thật xinh xắn. Bên trong hành lang cá nhân hẹp, sáng sủa, nàng nói: "Em sẽ đi pha cà phê. Rồi sau đó, bạn tôi ơi, anh phải về bởi tôi đã rất mệt".

Cụm từ bạn tôi ơi khiến hấn giật mình, bởi trong mối quan hệ gần gũi này giờ, hấn đã bị tổn thương. Hấn nói liến thoắng: "Anh đã làm em bực mình - ồ, xin đừng. Anh xin lỗi".

Nàng mỉm cười, lạnh lùng xa lạ. Hấn thấy, trong ánh đèn nhỏ trên trần, đôi mắt lạ thường của nàng. Đôi mắt "xanh" có màu nâu đỏ, màu nâu pha những đốm xanh, thậm chí là xanh nhạt. Đôi mắt đầy sóng gió tì vết, đổi thay. Mắt nàng màu xanh rờn nhưng trước đây hấn chưa hề nhìn thấy một đôi mắt nào như thế. Chúng như thể màu nước ở dưới đáy. Chúng giống - ở phải, màu ngọc lục bảo; hay màu xanh thuần khiết của tán cây mùa hạ. Và bây giờ, khi nàng mỉm cười trực diện, hấn thấy một màng đen bao phủ lên chúng. Bóng đen nuốt không màu xanh thuần khiết. Nàng nói: "Em chẳng bực bội gì cả đâu". Câu ấy như thể nàng đã ngáp dài vì chán

ngán. “Bây giờ em pha mấy thứ... Ở trong đó”. Nàng hất đầu về phía cánh cửa màu trắng và để hắt lại. Hắt đi vào căn phòng màu trắng dài rất gọn gàng, có một cái giường nhỏ ở trong góc và một cái bàn xếp đầy các bản vẽ, bản phác thảo và bút chì. Đính trên tường với những chiếc ghim vẽ là những miếng vải mẫu thủ mầu. Hai chiếc ghế nhỏ đặt gần cái bàn tròn thấp; căn phòng làm việc này rất tiện nghi. Hắt đang nghĩ: Mình chẳng thích chút nào nếu vợ mình có một căn phòng như thế này. Mình không rõ liệu chồng Barbara...? Cho đến tận bây giờ, hắt đã không nghĩ về nàng trong các mối quan hệ chồng, con. Khó có thể tưởng tượng nổi cảnh nàng cầm chiếc chảo rán trong tay, hoặc chuyện ấy, ẩm cứng trên chiếc giường đôi.

Có tiếng động bên ngoài; hắt vội chỉnh lại tư thế, thì người lên cánh tay đặt trên bệ lò sưởi. Nàng mang cái khay nhỏ đựng tách, ly, rượu, cà phê vào. Trông nàng có vẻ lơ đãng. Điều bộ đó càng khiến Graham nuôi hi vọng; có lẽ như muốn mách bảo, nàng hài lòng khi có mặt hắt. Hắt thấy hơi căng thẳng và thấm mệt. Dĩ nhiên, nàng cũng mệt, đó là lí do khiến nàng thần thờ. Hắt nhớ đầu buổi tối hắt đã để mất cơ hội khi không lợi dụng sự mệt mỏi của nàng. Còn bây giờ, nếu hắt thông minh.. Nàng chuẩn bị rót cà phê. Hắt đón cái bình cà phê từ tay nàng rồi gặt đầu chỉ vào chiếc ghế. Nàng mỉm cười nghe theo lời hắt. “Tốt hơn đấy”, hắt nói. Hắt rót cà phê, pha rượu mạnh rồi đẩy cái bàn về phía nàng. Nàng nhìn hắt. Rồi hắt nâng tay nàng, hôn, vỗ nhẹ rồi dịu dàng đặt xuống. Được, hắt nghĩ, mày làm được đấy.

Giờ thì có trở ngại. Hấn muốn tiếp cận nàng nhưng nàng đã ngồi lọt thỏm vào trong chiếc ghế tựa nhỏ chết tiệt có tay vịn. Nếu hấn đến ngồi cạnh nàng trên sàn...? Nhưng không được, vì hấn, một gã đàn ông to kênh đang tự trấn an; cảm thấy điều bộ sẽ không được tự nhiên, và tư thế sẽ không bình thường. Giả dụ như mình bế nàng khỏi ghế đưa vào giường? Hấn uống cà phê khi trù tính. Phải, mình sẽ đưa nàng lên giường, nhưng chưa phải bây giờ.

"Graham", nàng gọi khi đặt li xuống. Hấn bực bội nhìn và thấy nàng có vẻ bứt rứt: "Graham, mười hai rưỡi rồi, em muốn về giường ngủ".

Khi nói, nàng ban cho hấn một nụ cười gây tức cười trong tình huống đó - tình huống rất khôi hài bởi sự trở tài khéo léo của người đàn ông và người đàn bà, với vai ấy, chắc hấn hấn có thể thực hiện được. Hầu như hấn suýt mỉm cười với nàng, cười rữ rượi (Và suốt nhiều ngày sau, hấn thâm thốt lên: Trời ơi, mày thật quá sai lầm khi không chia sẻ trò đùa ấy với nàng; đấy là điều mình rất sai lầm). Nhưng hấn không thể mỉm cười. Mặt hấn danh lại với kiểu cách tự trọng lố bịch. Chẳng phải tại nàng đang theo dõi âm mưu của hấn; nét mặt gây buồn cười, nàng đã phô cho hấn thấy lúc này, đã cho thấy điều đó. Mà chỉ tại vì quyết tâm sống còn của hấn để đạt mục đích, hấn sắp sửa chiếm đoạt nàng. Hấn sẽ không về. Nhưng hấn có cảm giác như thể đang giữ một chùm chìa khóa nhưng không biết phải chọn cái nào. Hấn nhắc cái ghế nhỏ thứ hai ngồi đối diện với Barbara, đẩy cái bàn cà phê sang một bên để tiện bề thực hiện ý đồ. Hấn ngồi

trên ghế, cúi người tới trước, cầm cả hai bàn tay nàng và nói: “Cưng à, đừng bắt anh về nhà nghe, đừng nghe, anh xin em đó”. Điều rắc rối là suốt cả buổi tối ấy chẳng có chuyện gì cho thấy dấu hiệu dẫn đến những lời ấy và hắn nói bằng kiểu giọng chân thành, nghiêm túc, thiết tha cầu xin được tiếp tục ở lại. Hắn thấy mình nghiêng người tới trước, hai bàn tay lớn của hắn nắm trọn tay nàng; hắn biết nét mặt mình đang ảm lên vì lời yêu cầu ấy. Và hắn nhận ra rằng cách ăn nói của hắn có hiệu quả. Mọi việc không nằm ngoài dự kiến của hắn. Hắn muốn ở lại với nàng vì nàng muốn hắn, vì hắn là đồng nghiệp, cùng hoạt động trong lĩnh vực nghệ thuật như nàng. Hắn khao khát điều đó. Nhưng nàng đang dò xét hắn, tò mò hơn là ngạc nhiên, rất dừng dừng. Hắn nghe giọng mình nói: “Nếu James ở đây thì tôi biết cô đã làm gì rồi?” Giọng hắn cáu kỉnh; hắn thấy bóng tối lướt nhanh qua mắt nàng; nàng nói: “Graham, anh có muốn dùng thêm cà phê trước lúc ra về không?”.

Hắn nói: “Anh đã khao khát gặp em từ lâu. Anh quen nhiều người tử tế, từng biết em”.

Nàng cúi người tới trước, rót thêm một ít rượu mạnh, ngồi tựa người ra, hai tay giữ cái li ngang ngực. Cử chỉ lóng ngóng: Graham nhận thấy cái li nàng đang nâng niu trong lòng bàn tay là chính hiện thân nàng. Một thái độ chịu đựng bền bỉ, nhẫn nại. Hắn nghĩ về những thằng đàn ông đã nói về nàng, hắn nhớ đến Jack Kennaway, run run hoảng hốt nói: “Chẳng hạn như Jack Kennaway”.

Bây giờ, với cái tên ấy, mắt nàng lộ cảm xúc - cảm xúc gì vậy? Hắn nói tiếp, tự do kiểm nghiệm cảm xúc ấy.

“Tuần trước anh ăn tối với cậu ta - ồ, hoàn toàn tình cờ? - cậu ta đã nói về em”.

“Anh ta ư?”

Hắn nhớ là đã hình dung nàng sâu muộn từ nhiều năm trước. Nhưng lúc này nàng như thể co mình lại, nhảu nhó. Hắn nói: “Thật ra là cậu ta đã dành hầu hết buổi tối để nói về em”.

Nàng nói những câu ngắn, hụt hơi, hắn biết là do giận dữ: “Tôi có thể hình dung rất rõ những gì hắn nói. Nhưng chắc chắn là anh biết tôi không thích nghe lại những lời đó...”. Nàng nín lặng, căm giận hắn, hắn biết bởi hắn đã dồn nàng đến mức hận thù. Nhưng đây không phải do hắn, tất cả là do lỗi của nàng, hoàn toàn của nàng? Đã nhiều năm nay, trong đầu hắn, không có tình huống nào liên quan đến đàn bà mà không điều khiển được. Một lần nữa hắn có cảm giác như thể người đang đi trên dây. Hắn nói, cố vớt vát chút gì đó từ Jack Kennaway, dẫn cho vào cái giờ khuya khoắt này: “Dĩ nhiên cậu ta hấp dẫn, nhưng thật chẳng là đàn ông chút nào cả”.

Nàng nhìn hắn, im lặng, li rượu mạnh tì sát ngực.

“Dĩ nhiên, trông mặt thì khó bắt hình dong”. Hắn không thể cưỡng lại việc tìm ra sự thật mặc dù hắn biết điều đó là tai họa.

Nàng không nói gì.

“Em có biết người ta đồn em quan hệ gần gũi với Jack Kennaway không?”, hắn kêu lên với vẻ ngăn chặn thành tâm những kẻ ngốc, người có thể tin điều đó.

“Tôi nghe nói cả rồi”. Nàng đặt li xuống. “Còn bây giờ”, nàng nói, đứng dậy bỏ rơi hắn. Đầu óc hắn quay cuồng, bước lên một bước, hắn chộp tay nàng và rên rỉ: “Barbara!”.

Mặt nàng quay qua quay lại theo những nụ hôn của hắn. Hắn liếc nhanh thăm dò thái độ nàng - vẫn nhẫn nại. Hắn chạm môi xuống cổ nàng, lại rên rỉ “Barbara”, và chờ đợi. Lẽ ra nàng phải làm cái gì đó. Vòng thoát, đẩy mạnh hay những hành động tương tự. Nhưng nàng chẳng làm gì cả. Cuối cùng nàng nói: “Lạy Chúa, Graham!”. Giọng nàng nghe thật buồn cười; một lần nữa hắn được tặng tâm thế tức cười. Nhưng nếu hắn chia sẻ điều đó với nàng thì cơ hội chiếm đoạt nàng sẽ không còn nữa. Hắn áp nhanh miệng lên miệng nàng để khiến nàng im lặng. Nàng không cưỡng lại hắn mạnh như xô bắn hắn ra. Miệng nàng đối xử với cái mồm tấn công của hắn như cách phụ nữ thói hoặc cười vang trong nước, ngheo đầu sang một bên, cười dội lên những con sóng hay những tia nước. Điều bộ ấy nửa bực mình, nửa khôi hài. Hắn tiếp tục hôn nàng trong lúc nàng di chuyển đầu và mặt theo từng cái hôn như thể chúng là những làn sóng nhỏ đang tấn công.

Về sau, khi nhớ lại chuyện này, hắn biết đấy là cái đáng hổ thẹn nhất trong đời. Thậm chí lúc ấy hắn cảm ghét nàng cũng như sự vụng về của hắn. Bởi lẽ hắn cứ ôm nàng đứng đó ngẩn nửa tiếng đồng hồ. Nàng thấp hơn hắn nhiều nên hắn phải cúi, cổ hắn đau nhức. Hắn ôm cứng nàng, đùi kẹp chặt hai bên đùi nàng, tay nàng ép chặt bên sườn như tay gấu. Nàng không thể cử động,

chỉ trừ cái đầu. Khi miệng hắn buộc môi nàng mở ra, lưỡi hắn di chuyển, trườn vào, nàng vẫn ở thế bị động. Còn hắn thì không thể dừng lại. Trong lúc trí thông minh của hắn đảo qua khung cảnh kì quặc ấy, hắn quyết định tiếp tục bởi chẳng chóng thì chầy thân hình nàng sẽ mềm đi theo nhục dục. Và hắn không thể dừng lại bởi hắn không dám đối mặt với nỗi kinh hoàng trong khoảnh khắc hắn buông nàng ra là nàng nhìn hắn. Càng lúc hắn càng ghét nàng hơn. Bất gặp ánh nhìn từ đôi mắt xanh lớn mở to và buồn bã của nàng dưới mắt hắn, hắn biết mình chưa bao giờ ghét bất cứ thứ gì hơn đôi mắt “nạm ngọc” ấy. Chúng làm hắn ghê tởm. Cuối cùng hắn rơi vào trạng thái nếu bây giờ nàng muốn hắn thì hắn cũng chẳng thể nào biết bởi nàng chẳng thể nhúc nhích được lấy một li. Hắn thận trọng nới rộng vòng tay để nàng có được tí khoảng trống để xoay trở. Nàng vẫn hoàn toàn bị động. Như thế, hắn nghĩ giễu cợt, nàng đã đọc hoặc được bảo ban cái cách làm đàn ông phát điên lên bởi cứ để cơn ham muốn giày vò chúng. Hắn nhận ra mình đang suy nghĩ: Đồ bỏ cái ngu ngốc, bộ mày tưởng tao tìm thấy ở mày sức hấp dẫn sao? Mày cứ tự cao tự đại mà nghĩ như thế đi!

Sự chệch hướng, tác động vào hắn do cơn giận dữ điên cuồng của ý tưởng này, đã mở vòng tay hắn, đẩy hắn và nhấc lưỡi ra khỏi miệng nàng. Nàng bước lùi lại, đưa mu bàn tay chùi miệng, đứng trân, sững sốt. Cơn hổ thẹn đang nằm đợi hắn gần nuốt chửng lấy hắn nhưng hắn để cơn giận kìm hãm nó lại. Nàng nói với vẻ biện hộ, thậm chí, vào lúc ấy, cũng khôi hài: “Anh điên à,

Graham. Chuyện gì vậy, anh say à? Anh đâu có vẻ say. Thậm chí anh còn không thấy tôi hấp dẫn”.

Máu thù hận bốc lên đầu, hấn lại vỗ lấy nàng. Bây giờ nàng kiên quyết quay mặt đi để hấn không thể chạm vào miệng mà cứ hôn đi hôn lại lên các vùng má, cổ, để sẵn cho hấn: “Graham, buông em ra, để em đi, Graham”. Nàng tiếp tục nói như thế, hấn tiếp tục ôm chặt, ghì riết hôn và liếm. Điều ấy hấn sẽ kéo dài suốt đêm; nó là cuộc đấu của sự khao khát lâm lạc chứ chẳng vì cái gì khác. Hấn nghĩ: Chỉ có đàn bà thực sự nam tính đến giờ mới chưa chịu mềm đi theo khoái cảm xác thịt! Nhưng hấn biết rõ một điều, rằng nàng sẽ lên chiếc giường đó, trong vòng tay hấn và rất nhanh. Hấn buông nàng ra nhưng lại nói: “Tối nay tôi sẽ ngủ với cô, em biết điều đó đúng không?”.

Nàng chống tay lên lò sưởi để giữ thẳng bằng. Mặt nàng không màu bởi hấn đã liếm hết đồ trang điểm. Nàng như thể đã hoàn toàn đổi khác, nhỏ bé và bất lực với cái miệng rộng lúc này đã nhợt nhạt, đôi mắt xanh nhòe của nàng lấp lánh ánh vàng. Còn bây giờ, lần đầu tiên, hấn cảm nhận được cái mà lẽ ra đã được mong đợi (chắc chắn là bởi nàng) từ nhiều giờ trước. Quan sát khuôn mặt nhỏ dâm dấp của nàng, hấn cảm thấy gần gũi, thân thiết với nàng, hấn cảm thấy sự thân mật của xác thịt, sự chung đụng của khiếu khôi hài thuần thực. Hấn thấy nàng là thịt da mình, thân hữu với hấn về nhục cảm. Hấn cảm thấy khát khao nàng, thực sự mong muốn có nàng; và vì điều đó mà hấn xấu hổ về trò hề mà

hắn đang diễn. Lúc này hắn chỉ đơn giản ao ước đưa nàng lên giường trong sự thôi thúc nhục cảm.

Nàng nói: “Tôi biết làm cái quái gì đây? Gọi cảnh sát, hay làm gì?” Hắn bị tổn thương bởi nàng vẫn nói với cái con người đã cưỡng bức nàng trong sự lãnh đạm giận dữ; chứ không nói về hắn tí nào.

Nàng nói: “Hoặc hét gọi hàng xóm, anh thích kiểu nào?”

Đôi mắt viên màu vàng gần như ngả sang màu đen bởi độ sâu của cái bóng chán nản bao phủ lên chúng. Nàng mệt mỏi và rã rời đến mức sẽ quỵ xuống sàn, hắn có thể nhận thấy điều đó.

Hắn nói: “Anh sẽ ngủ với em”.

“Nhưng anh đâu có thể muốn như thế” - một câu hỏi vặn mình, hợp lí dành cho người (hắn biết) nàng tin là sẽ trả lời. Nàng nói: “Anh biết là tôi không muốn và tôi biết thực ra anh không thêm đếm xỉa gì đến chuyện đó cả”.

Hắn bị đẩy lùi trở lại thành kẻ thô lỗ bởi nàng không đủ thông minh để hiểu rằng kẻ thô lỗ đâu còn tồn tại nữa; bởi nàng không thể hiểu ra đây là người đàn ông khao khát nàng theo cách mà nàng phải đáp lại.

Nàng đứng đó, một tay đỡ cơ thể, trông nhỏ bé, trắng nhợt, kiệt sức và hoàn toàn ngờ vực. Hắn có thể nhận thấy nàng sắp sửa quay người bước ra khỏi cái chốn chẳng tin được tí nào nữa. “Em nghĩ là tôi không muốn chuyện ấy sao?” hắn hỏi, giọng rín rít qua kẽ răng. Nàng phác điệu bộ - sắp nhấc chân đi. Bàn tay hắn vô thức chộp lấy cổ tay nàng. Nàng cau mày. Bàn tay kia của

hắn nắm lấy cổ tay kia của nàng. Người hắn chồm sát nàng để bắt đầu một cuộc ôm ấp chít nghẹn mồi. Trước lúc điều đó diễn ra, nàng nói: “Ồi, lạy Chúa, đừng; tôi không chịu đựng được lần nữa đâu. Vậy thì, được”.

“Vậy thì, được - em nói vậy có nghĩa gì?” Hắn hỏi.

Nàng đáp: “Anh sẽ ngủ với tôi. Được. Bất cứ chuyện gì cũng tốt hơn lại diễn ra trò ấy. Chúng ta sẽ kết thúc với việc ngủ ấy chứ?”

Hắn nhăn răng cười và thâm nhủ: “Không phải đâu em yêu, ồ, không em, không, tôi không chấp từ ngữ em dùng, tôi sắp ngủ với em bây giờ và tất cả mọi chuyện là ở đó”.

Nàng nhún vai. Sự xem thường, chán ngắt của tấm thân ấy chẳng mấy may tác động đến hắn, bởi lẽ lúc này hắn lại đang căm ghét nàng đến nỗi muốn nàng như thể muốn giết đi một cái gì đó hay một ai đó.

Nàng cởi đồ như thể bản thân nàng sắp đi ngủ: áo Jacket, váy, áo lót. Nàng đứng trong chiếc xu chiêng và quần lót màu trắng, một cô gái da thịt khá săn chắc, vẫn râm nắng từ mùa hè. Hắn cảm nhận cảm xúc thân thương trước cô gái da nâu với mái tóc vàng buông xõa khi nàng đứng. Nàng bước lại giường, nằm xuống trong lúc đôi mắt xanh nhìn hắn với ánh mắt giấu cợt: Anh thực sự làm tình như vậy sao? Anh cần phải à? Ừ, đôi mắt hắn đáp lời: Anh cần phải. Nàng chuyển ánh mắt sang một bên lên bức tường, im lặng: Được, nếu anh muốn làm tình mà chẳng có chút khao khát gì ở tôi thì cứ việc, nếu không biết xấu hổ. Hắn không xấu hổ, bởi hắn đang duy trì ngọn lửa căm ghét nàng mà hắn biết rõ

tổng đi rằng đang đứng giữa hấn và sự xấu hổ. Hấn cởi đồ rồi lên giường nằm bên nàng. Khi hấn làm tình, trong sự thấu hiểu là đang đặt mình vào vị trí cưỡng hiếp một người đàn bà biết rõ là hấn chán nàng, thì dục vọng hấn nguội hấn xuống, buồn bã, đầy oán trách bởi vừa mới đây thôi sự ham muốn đã trở dậy dành cho người thân thương của hấn, người mà lẽ ra hấn đã mang lại hạnh phúc. Hấn nằm nghiêng bên nàng, bí mật tự kích thích, lát sau chống khuỷu tay chồm lên người nàng, đưa bàn tay còn lại vuốt ve nàng. Hấn thấy nàng nghiêng rằng khi hấn chạm vào người. Dù sao nàng cũng không thể biết sau tất cả những phúc cảm ấy hấn không thể làm tình.

Để kích thích ham muốn, hấn lại ôm chặt nàng.

Trong lúc đang nằm, nàng nghĩ: Cách duy nhất để thoát khỏi cảnh ngộ này là phải làm cho y lớn trở lại, nếu không thì mình sẽ phải chịu đựng y suốt cả đêm. Nỗi căm ghét nàng đã mang lại cho hấn khả năng tiên đoán; hấn biết rất rõ ý nghĩ gì đang diễn ra trong đầu nàng. Nàng bật đèn, với quyết tâm kết thúc mọi chuyện bằng thái độ kiên nhẫn, khôì hài, nhạy cảm hết mực. Hấn nằm xuống. Nàng ngồi xồm bên cạnh, ánh đèn từ trần nhà mờ chiếu trên bờ vai nâu rám, mái tóc đẹp, thẳng xoã xuống mặt. Nhưng nàng không nhìn mặt hấn. Nàng giống như người vợ điệu nghệ, mỗi một hoặc giống như một cô điểm. Nàng chế ngự và đang buộc bản thân làm hài lòng hấn. Được, hấn nghĩ, thể xác nàng khôù gọi, nàng có thể. Suốt thời gian đó, nàng đã thành công trong việc giành lại sự miễn cưỡng nhục dục, dấu hiệu tổn thương của ước muốn có thể chấp nhận được, của

hắn bằng cách sử dụng kĩ năng phốt lạnh như vũ khí có hiệu quả trong việc cảm dỗ hắn. Ngay khi đó hắn quyết định: Tốt, ổn rồi, bây giờ mình đường hoàng với nàng, nàng đã làm nó sống dậy. Đây không phải là mẹo, do vội vã hoặc lừa dối hắn, cái đánh bại hắn là ý tưởng minh bạch của nàng: Đây giá trị của y là thế đấy.

Rồi, khi đã xong, đợi một lát, nàng đứng dậy nói với hắn bằng thứ ngôn ngữ khác hẳn ngôn ngữ từ đôi mắt mệt mỏi, xanh thẫm của nàng. Nàng nhìn hắn, suy nghĩ và thể hiện một cách đơn giản: Y thuộc hạng đàn ông nào đây...? Hắn dõi nhìn đôi vai thoáng cử động của nàng, chỉ một cái nhún vai dò hỏi. Nàng ra khỏi phòng, rồi có tiếng nước chảy. Lát sau nàng trở lại trong chiếc váy ngủ trắng, tay mang theo chiếc khăn tắm vàng. Nàng đưa khăn cho hắn, lịch sự quay nhìn đi chỗ khác khi hắn lau. “Bây giờ anh sẽ về nhà chứ?” Nàng hi vọng hỏi về chuyện ấy.

“Không, anh không về”. Hắn tin rằng bây giờ hắn sẽ phải bắt đầu một cuộc chiến nữa với nàng, nhưng nàng nằm xuống bên cạnh, không đụng vào người hắn (hắn có thể cảm nhận được sự chán ngán của nhục cảm nàng đối với hắn), hắn nghĩ: Được lắm, cũng à, nhưng đêm hãy còn dài đấy. Hắn nói lớn: “Tối nay anh sẽ làm tình đúng kiểu với em”. Nàng chẳng nói gì, chỉ nằm im và ngáp. Lát sau, nàng nói với vẻ an ủi, còn hắn thì hắn đã cười phá lên vì quá đối nghịch: “Đây khó có thể là môi trường thích hợp để làm tình”. Nàng đang an ủi hắn. Hắn cảm nàng vì điều đó. Đúng là đồ chó cái: Mình ép ả lên giường, ả đâu có muốn mình, nhưng ả vẫn phải làm

cho mình sướng rơn lên, giống hết một con điếm. Nhưng dầu cho có đang cảm ghét nàng thì hắn vẫn trả lời dịu dàng bởi thói quen hào phóng dục tình. “Chỉ tại vì tôi ngưỡng mộ em, tại vì... sau rốt, tôi đang ôm ấp trong vòng tay một trong số cả ngàn phụ nữ”.

Im lặng. “Cả ngàn ư?” nàng hỏi, dè dặt.

“Cả ngàn phụ nữ đặc biệt”.

“Ồ Anh hay trên toàn thế giới? Anh chọn họ vì trí tuệ, vẻ đẹp của họ hay vì cái gì khác?”

“Bất cứ điều gì khiến họ trở thành ngoại hạng”, hắn nói, tặng nàng một lời ngợi khen.

“Chà”, cuối cùng nàng nói, kích thích hắn khôi hài lần nữa: “Tôi hi vọng chỉ ít cũng có một danh sách ngắn, anh có thể nói tôi ở trong đó, vì lịch sự”.

Hắn không trả lời vì hắn biết mình đang buồn ngủ. Hắn vẫn luôn tự nhủ là phải cố thức, nhưng khi hắn từ từ tỉnh giấc thì trời đã sáng. Lúc ấy khoảng tám giờ. Barbara không ở đó. Hắn nghĩ: Lạy Chúa! Mình biết ăn nói với vợ sao đây? Barbara đâu rồi nhỉ? Hắn nhớ lại cảnh tượng kì quặc tối qua và suýt đâm ra xấu hổ. Sau một hồi suy nghĩ, cơn giận sống lại: Nếu ả không ngủ bên mình ở đây thì mình sẽ không bao giờ tha thứ cho ả... Hắn lặng lẽ ngồi dậy, quyết định lòng sục khắp nhà cho đến khi tìm thấy nàng, và sau khi thấy nàng thì hắn sẽ làm tình với nàng, lúc ấy cánh cửa mở ra, nàng bước vào. Nàng vận bộ đồ màu xanh, tóc chải gọn, mắt trang điểm. Nàng mang khay cà phê, đặt xuống bên giường. Hắn ý thức được cái cơ thể lông lá lưng nhùng to đùng của mình đang tổng ngồng, nửa kín nửa hở. Hắn thầm

nhủ, sẽ không chịu nằm trên giường, trần truồng, trong lúc nàng đã vận xong sống áo. Hấn nói: “Em có cái áo ngủ nào không?” Không nói lời nào, nàng đưa cho hấn cái khăn và bảo: “Phòng tắm thứ hai bên trái”. Nàng bước ra. Hấn đi theo, cái khăn quấn quanh người. Mọi thứ trong nhà đều xám, ẩm cúng - chẳng giống tí nào với căn phòng làm việc đủ tiện nghi của nàng. Hấn muốn tìm nơi nàng đã ngủ bèn mở cánh cửa thứ nhất. Đây là bếp, nàng ở trong đó, đang đặt cái đĩa bằng đất sét nung lên lò. “Cửa bên cạnh” Barbara nói. Hấn vội vã bỏ cánh cửa thứ hai và (với hi vọng thầm lặng) mở cánh cửa thứ ba. Đây là cái tủ chứa đầy những vật dụng bằng vải lanh. “Cửa này này”, Barbara đứng sau hấn nói.

“Vậy thì được rồi, em đã ngủ ở đâu?”

“Thì can hệ gì đến anh? Trên lầu, ở giường tôi. Bây giờ, nếu anh đã có được mọi thứ thì tôi xin ngỏ lời tạm biệt, tôi muốn đến nhà hát”.

“Tôi sẽ đưa em đi”, hấn nói ngay.

Lần nữa, hấn lại nhìn thấy sự chuyển động trong mắt nàng, bóng đen nuốt chửng lấy ánh sáng trong sự chán nản vô cùng tận. “Tôi sẽ đưa em đi”, hấn nhắc lại.

“Tôi thích đi một mình”, nàng nói. Rồi nàng mỉm cười: “Dĩ nhiên, anh sẽ đưa tôi đi. Và nhất thiết anh sẽ đưa tôi đến nơi, để James và những người khác có thể chứng kiến - đây là lí do anh muốn đưa tôi đi, đúng không?”

Cuối cùng, hấn ghét nàng chỉ đơn giản vì trí thông minh của nàng, vì không phải một lần hấn từ bỏ mọi dự định, vì nàng đã thấu hiểu, kể từ phút hai người gặp

nhau hôm qua, mỗi một hành vi trong kế hoạch hấn vạch ra để chinh phục nàng. Tuy nhiên, do sự thôi thúc của số mệnh hay bản năng nào đó mà hấn không kiềm chế nổi đã khiến hấn nói đầy cảm thông: “Cứng à, em phải hiểu rằng anh chỉ muốn đưa em đi làm thôi”.

“Chẳng sao, tôi đồng ý”, nàng nói, trắng trợn lừa hấn. Nàng vượt qua hấn đi đến phòng hấn đã ngủ. “Mười phút nữa tôi sẽ đi”, nàng nói.

Hấn tắm nhanh. Khi hấn quay lại phòng làm việc đã được dọn gọn gàng, giường được dọn, mọi dấu hiệu tối qua đã biến mất. Cả dấu vết của li cà phê, nàng mang cho hấn cũng không còn. Hấn không dám đề nghị uống cà phê vì sợ nhận được lời từ chối thẳng thừng. Thêm nữa, nàng đã sẵn sàng, mặc áo khoác, túi xách tay khoác ở tay. Chẳng nói chẳng rằng, hấn bước ra cửa trước, nàng bước theo, im lặng.

Hấn có thể nhận ra mỗi một thớ thịt trên người nàng đều mang dấu hiệu của một thông điệp đơn giản: Ôi lay Chúa, cầu xin khoảnh khắc để con có thể từ bỏ cái đồ thô lỗ này? À chẳng là gì cả ngoại trừ là con điểm mặt hăng, hấn nghĩ.

Taxi đến. Lên xe, nàng ngồi xa hấn ở mức có thể. Hấn nghĩ điều sẽ nói với vợ.

Đến nhà hát, nàng nói: “Có thể thả tôi ở đây, nếu anh thích”. Đây không phải là lời cầu xin, nàng không hạ mình vì điều đó. “Tôi sẽ đưa em vào”, hấn nói và thấy nàng đang suy nghĩ: Rất tốt. mình sẽ chấp nhận để cho y xấu hổ. Hấn quyết tâm đưa nàng vào và trao nàng cho các đồng nghiệp, hấn sợ nàng lẩn thoát khỏi tay mình.

Nhưng cuộc chơi đầu đã diễn ra thế nào thì dường như nàng luôn quyết định chơi theo lối của hắn. Đến cửa sân khấu, nàng nói với người gác: “Đây là ông Spence, Tom - anh nhớ chưa, ông Spence tối qua ấy?” “Chào Babs”, người ấy nói và lịch sự kiểm tra Graham như mệnh lệnh được giao cho hắn.

Barbara đi đến cửa sân diễn, mở ra và giữ cho hắn. Hắn vào trước rồi giữ cửa cho nàng. Họ cùng nhau bước vào khu vực tối om, đầy rác, giống như một cái hang và nàng cất tiếng gọi: “James, James” Giọng của một người đàn ông vọng đến từ phía trước tòa nhà: Đây này, “Babs, sao em đến trễ thế?”.

Thính phòng mở ra trước mắt họ, tối đen, yên tĩnh, đợi công việc dọn dẹp buổi sáng của nữ lao công. Một cái máy hút bụi rít lên nho nhỏ gần đầu đó. Hai tay trang trí sân khấu đứng nhìn lên giọt nước được thiết kế theo màu xanh có những đường xoắn màu xanh đậm. James đứng quay lưng lại khu thính phòng, hút thuốc. “Em trễ rồi đấy, Babs”, anh ta nhắc lại. Trông thấy Graham đứng sát nàng, anh gạt đầu chào. Barbara và James hôn nhau. Barbara nói: giọng nhấn mạnh trên từng âm tiết: “Anh còn nhớ ông Spence tối qua không?” James gạt đầu: “Chào ông?” Barbara đứng bên cạnh anh ta, cả hai cùng nhìn lên tấm phông xanh nhạt sọc xanh đậm. Rồi Barbara nhìn lại Graham, lạnh lẽo nói: “Giờ thì xong, chưa đủ sao?” Hắn có thể đọc trong mắt nàng nỗi khổ sở vì chán ngấy.

Hắn nói: “Tạm biệt Babs. Tạm biệt James. Tôi sẽ gọi cho em, Babs.” Không có tiếng trả lời, nàng phớt lờ hắn.

Lát sau hắn nghe tiếng James nói với Barbara: “Cái này không ổn đâu, Babs, anh hiểu em say mê hình dáng khác lạ của màu xanh ấy, nhưng thử nhìn lại xem, có một cô gái tốt bụng...” Graham rời sân khấu, đi qua văn phòng nơi người gác cửa sân khấu đang ngồi đọc báo. Anh ta ngược nhìn, gật đầu, rồi quay lại với tờ báo. Graham bước ra tìm taxi và suy nghĩ: tốt hơn là mình nên nghĩ lí do gì đó có sức thuyết phục trước khi gọi điện cho vợ.

May mắn thay, hắn đã có lí do để vắng nhà hôm đó, tối nay hắn phải phỏng vấn một anh chàng trẻ tuổi (cho truyền hình) về cuốn tiểu thuyết mới của anh ta.

Lê Huy Bắc dịch

TRÒ CHƠI

Terry Bain

Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O' Henry 2003

Đôi lúc tôi đợi cửa sổ phòng BeaAnne bật sáng, vì thế tôi thường ngồi trong xe đậu trên phố, trước cửa nhà Pattison, tôi tưởng tượng BeaAnne ngồi lặng lẽ cùng cha mẹ xem ti vi. Cuối cùng BeaAnne đứng dậy đi vào phòng mình và bật điện lên, vì cô thích đọc hơn. BeaAnne đọc rất nhanh, tôi tưởng tượng rằng cô lật trang này qua trang khác, lướt nhanh qua các từ, ghép nó thành câu, rồi mở rộng nó ra thành ý. Tôi chưa bao giờ tự bắt mình đọc hết được một cuốn sách, vì thế tôi nghĩ rằng BeaAnne làm việc đó cho cả tôi nữa. Cô sẽ lật đến trang cuối cùng, gập cuốn sách lại, đẩy nó ra và sung sướng một lúc vì đã đọc xong. Sau đó tôi bắt đầu nghĩ rằng có ai đó trong nhà sẽ để ý thấy tôi ngồi trên phố, ngay trước cửa nhà Pattison, không có lý do gì rõ ràng hơn là đang theo dõi ai đó trong nhà này, vì thế tôi nổ máy xe và về nhà. Tôi rẽ trái ở đường Crystal rồi rẽ trái nữa ở Cherry.

Tối thứ năm, cha mẹ Pattison thường về nhà nghỉ ăn bữa tối, sau đó đôi khi họ còn đi uống gì đó nữa. Những hôm ấy tôi thường đến nhà Pattison và chúng tôi tự do làm chủ ngôi nhà, đôi khi có cả bạn gái của cậu ta, Cheryl Wexler. Cô ta tối hoặc Pattison nói chuyện với cô

ta qua điện thoại cả buổi tối. Khi Pattison nói chuyện với Cheryl Wexler trên máy, thì tôi giết thời gian bằng cách thỉnh thoảng chen vào câu chuyện của họ.

- Chào cô ấy hộ tôi, - tôi nói.

- Teddy cũng ở đây, - Pattison nói vào ống nghe.

Pattison đi tới đi lui trong bếp. Pattison nhắc chiếc đĩa có tay cầm trắng lên khỏi bàn ăn, mang nó qua phòng và đặt xuống quầy bếp. Pattison cầm chiếc khăn ăn từ bàn ăn lên, mang nó qua phòng và đặt xuống quầy bếp. Pattison nhắc chiếc chai rượu lên khỏi bàn ăn, mang nó qua phòng và lại đặt xuống quầy bếp.

Tôi nói:

- Có phải cô ấy ở nhà BeaAnne không?

Pattison nhìn mà không thực sự nhìn tôi và nói :

- Nếu cô ấy ở nhà BeaAnne thì tớ sẽ phải đến đấy, đúng không?

Chuông cửa nhà Pattison reo.

Pattison cố nói chuyện với Cheryl Wexler thêm một lúc. Nghe có vẻ là cô ta không nói tiếp nữa. Pattison nói rằng cha mẹ cậu ta sẽ đi vắng lâu. Cậu ta nói rằng chắc hẳn họ sẽ chè chén say sưa đêm nay. Nghe có vẻ Cheryl Wexler không quan tâm.

Chuông cửa nhà Pattison reo.

Tôi nói:

- Sao cô ấy lại không ở đó?

Pattison bịt tay vào ống nghe và nói :

- Cô ả và BeaAnne vừa cãi lộn hôm nay.

Sau đó cậu ta bỏ tay ra khỏi ống nghe và nói rằng Cheryl Wexler hãy đến ngay, cậu ta sẽ đãi cô một bữa tiệc.

Cheryl Wexler và BeaAnne luôn cãi nhau vì một chuyện gì đó. Có lẽ đó là lỗi của BeaAnne bởi vì cô chẳng tán thành bất cứ chuyện gì Cheryl Wexler nói. Khi Cheryl Wexler và BeaAnne cãi nhau, tôi thường lái xe qua nhà BeaAnne vào lúc đêm để đợi đèn cửa sổ phòng cô bật sáng bởi vì tôi biết chắc cô sẽ về nhà sớm, cô và Cheryl Wexier không nói chuyện với nhau. Vì thế hẳn là BeaAnne đang ở phòng mình và đọc sách, và tôi có thể hình dung ra cô lật từng trang. Tôi thường nói “tiếp” một mình khi một trang sắp được lật sang bên trái và phũ lên trang trước đó. Tôi vẫn có thể tưởng tượng BeaAnne đang lật từng trang dù tôi đã lái xe đi xa rồi, và trên đường về tôi thường nói “tiếp” tới sáu lần thì đến nhà.

Chuông cửa nhà Pattison reo. Có tiếng cười, tiếng hét bên ngoài. Tôi đứng dậy và đi ra phía cửa. Không có ai ở đó. Bí ngô nát bét rải rác trên bậc cửa. Một cây nến đã tắt nằm giữa cái đồng hồ hỗn độn màu vàng da cam các quả bí hình đầu người. Tôi nhìn qua bên kia đường, tôi biết đèn phòng BeaAnne sẽ sáng. Nếu cô và Cheryl Wexler cãi lộn, Cheryl Wexler sẽ đang ở trên phòng của BeaAnne, ngồi trong phòng giải trí, nghe nhạc và phớt lờ chiếc bàn đánh *pun*¹ màu xanh, và đèn trong phòng ngủ của BeaAnne sẽ tắt trong suốt thời gian họ ngồi ở đó. Và một lát sau Pattison có thể qua bên đó để gặp Cheryl

1. Tên một đồ chơi.

Wexler và sẽ ngồi trên những chiếc ghế cao ở quầy bar trong phòng giải trí, sờ mó và hôn nhau. Và có thể tôi cũng ở bên đó nữa. Tôi sẽ cố chơi vài ván *pun*⁽¹⁾ và BeaAnne sẽ tiếp chúng tôi một lúc, cô sẽ mang cho chúng tôi toàn 7UP, sau đó chúng tôi sẽ để BeaAnne lại một mình và trở về nhà Pattison. BeaAnne sẽ vào phòng mình, bật đèn lên và đọc sách.

Tôi đóng cửa và đứng trong nhà Pattison. Một lúc nghe tiếng hò hét một lúc nữa và nói “tiếp” một mình ba lần. Tôi nghe thấy tiếng Pattison nói chuyện với Cheryl Wexler qua điện thoại, nhắc một bông thủy tiên hoa vàng bằng nhựa ở mặt bàn ăn lên, mang qua phòng và đặt xuống quầy bếp; cố gắng thuyết phục Cheryl Wexler đến.

Chuông cửa nhà Pattison réo. Tôi trở lại bếp đúng lúc Pattison đang treo ống nghe. Pattison nhắc chiếc đĩa cán màu trắng ở bàn lên, giữ tay, xoay tròn giữa các ngón tay và đem xuống quầy bếp.

Pattison bảo:

- Cô ấy không đến.

Tôi nói:

- Ờ

Sau đó tôi ngồi xuống bàn ăn, còn Pattison vào quầy bếp, gõ nhẹ đĩa xuống mặt quầy. Pattison nói:

- Đêm nay có bữa tiệc nào không?

- Không, - tôi đáp. - Ngày mai.

- Ra sông có được không?

Pattison thực sự không thích ra sông. Cậu ta rất hay phàn nàn về nó. Vì vậy tôi không trả lời.

Tôi hỏi Pattison xem lần này Cheryl Wexler và BeaAnne cãi nhau về chuyện gì, và Pattison nói rằng điều đó không quan trọng. Cậu ta nói rằng không biết rõ lắm, nhưng cho là BeaAnne ghen về chuyện Cheryl Wexler suốt ngày đi với Pattison và thậm chí khi BeaAnne ở bên Cheryl Wexler được một lúc thì Pattison cũng ở đó nữa. Vì thế mà bất cứ chuyện vặt vãnh nào cũng có thể làm họ cãi lộn. Ai mà biết được lần này là chuyện gì.

Tôi nói:

- Sao cậu không đến gặp cô ấy?

Pattison nhún vai và nói:

- Gia đình cô ta cãi vã chuyện gì đó.

Tôi hỏi Pattison xem có phải Cheryl Wexler giận cậu ta không, cậu ta nói có thể. Và tôi hỏi có phải BeaAnne cũng giận cậu ta không, cậu ta nói có thể. Và tôi hỏi có phải BeaAnne cũng giận tôi nữa không, cậu ta nói:

- Thế cậu định làm quái quỷ gì với chuyện đó?

- Cậu ta vung vẩy chiếc đĩa cán trắng về phía tôi, sau đó cậu ta ném nó lên trời rồi bắt lấy và nói:

- Này, cậu vẫn không giấu giếm chuyện gì, vì thế nếu cậu muốn đến đó, lạy Chúa, thì cô ta sống ngay bên kia đường thôi mà.

Chuông cửa nhà Pattison reo.

Tôi nói rằng chuyện đó khó hơn thế nhiều, và cậu ta biết thế. Sau đó Pattison đặt chiếc đĩa xuống quầy bếp,

nhấc điện thoại lên và quay số. Pattison biết số đó bởi vì đó là nơi Cheryl Wexler thường có mặt nếu cô ta và BeaAnne không có chuyện cãi lộn ngu ngốc nào. Cô nhấc máy khá nhanh và lo lắng như chiếc bong bóng dâng lên trong ngực tôi, chui vào cổ họng và có vị lạnh của hơi nước.

Pattison nói vào ống nghe:

- Teddy và anh đang ngồi tán róc, và bọn anh bắt đầu đoán xem em đang làm gì? - Pattison nhấc chiếc đĩa cán trắng lên khỏi quầy bếp mang nó qua phòng và đặt xuống bàn ăn. Chắc chắn - Pattison nói. - Nếu gia đình em không phiền lòng - Pattison chậm rãi đi ngang qua phòng và nói. - Đồng ý, - và đặt máy xuống. Pattison quay sang tôi cười nhàn nhỡ.

- Đi thôi nào.

- Đi đâu?

- Đi xin, - cậu ta nói.

Chúng tôi ngó ra cửa sổ phía trước để xem có ai đến không, sau đó lách ra ngoài, sang bên kia đường và gõ cửa.

Khi mẹ của BeaAnne mở cửa, Pattison nói:

- Xin bà cho tiền thôi, thưa bà. Chỉ tiền giấy thôi nhé.

Mẹ BeaAnne nói:

- Ôi, James ? Theodoro, -bà ta cười với chúng tôi và định đưa một nắm kẹo gồm bi trong quả bí ngô hình đầu người bằng nhựa mà bà đang cầm trong tay, nhưng bà ta dừng lại đặt xuống và nói: - Bea đang trong phòng nó.
- Mẹ BeaAnne dẫn chúng tôi vào, tôi bốc một nắm kẹo

trong quả bí nhựa và bỏ vài viên vào miệng và một ít vào túi quần. Thứ kẹo ngọt và cứng như đá. Tôi ngậm một lúc rồi cắn vào phần giữa mềm của nó.

Cửa phòng BeaAnne mở và cô đang đọc quyển *Cuốn sách về rừng xanh*: Cô gấp sách lại khi chúng tôi bước vào, cô ném nó xuống giường và đứng dậy. Cô bước qua chỗ chúng tôi để ra khỏi phòng, đi xuống phòng khách rồi vào phòng giải trí. Chúng tôi theo cô vào đó và đóng cửa lại phía sau lưng. BeaAnne đi vào sau quầy bar. Tôi ngồi trên chiếc ghế đầu trước quầy.

Phía trong phòng giải trí lạnh và BeaAnne vặn nút đèn sau quầy lên một nửa vòng. BeaAnne hỏi chúng tôi có muốn uống 7UP không, Cả hai chúng tôi đều đồng ý. Pattison đứng trước bàn *pun* và đẩy quả bóng chạy theo chiều dọc để nó va vào cạnh bàn rồi từ từ quay lại, lăn vào bàn tay đang đợi của cậu. Quả bóng dường như chạy hàng thế kỷ mới quay lại phía cậu ta.

BeaAnne đặt lon 7UP lên quầy và tôi nhấm nháp lon 7UP của tôi.

BeaAnne hỏi:

- Thế bọn anh đang làm gì?
- Nghĩ về em. - Pattison nói.
- Thế ư?
- Đúng vậy.

Pattison cầm quả bóng lên và đi về phía quầy. Cậu ta nhấm nháp lon 7UP của mình, và đặt quả bóng xuống mặt quầy, lấy tay úp lên nó. Pattison nói:

- Cậu Teddy đây lúc nào cũng nghĩ về em đấy.

BeaAnne nhìn tôi và nói:

- Đúng thế không, anh Teddy?

Pattison nói:

- Để tôi vặn đèn nháy nhé.

Ngọn đèn nháy được gắn vào sát tường mãi góc sâu nhất của căn phòng và được điều khiển bằng một nút cạnh nút chỉnh độ sáng. Pattison đi qua quây, chỉnh cho các bóng đèn mờ thêm một chút, rồi bật đèn nháy.

Pattison cười nhả nhỏ rồi quay lại bàn *pun*. Cậu ta đứng cạnh bàn bóng, đẩy quả bóng chạy dọc, va vào thành và lăn từ từ trở lại bàn tay cậu gờ ra. Quả bóng đi qua đi lại như không chắc nó có tồn tại hay không, rồi biến mất vào tay Pattison, rồi xuất hiện ở phía xa, lại biến mất, lại xuất hiện, từ phía kia của bàn dường như không hề chạm vào - thanh chắn, giật giật lăn qua mặt nỉ xanh, bò qua bàn và trở lại tay Pattison. Pattison lăn quả bóng quay lại quây. BeaAnne hỏi:

- Có đúng thế không, anh Teddy?

Tôi phải lùi lại trước câu hỏi của BeaAnne. Đèn nháy tắt, rồi quả bóng quay lại nhưng cuối cùng thì tôi cũng thốt ra được:

- Đúng.

- Hôn cô ấy đi, -Pattison nói, tựa khuỷu tay xuống mặt quây, một tay chống cằm, một úp lên quả bóng. Rồi cậu ta nhìn tôi, rồi cậu ta nhìn BeaAnne, rồi cậu ta lại nhìn tôi. Cậu ta lại nói: - Hôn cô ấy đi. Tôi lờ mắt nhìn Pattison. Pattison nói: - Tổ làm cho cậu xem. -Pattison ngھn lên về phía BeaAnne, ẩn hiện trong ánh đèn

nháy, rồi cậu ta hôn lên môi cô. Sau đó quay lưng về phía cô, cười nhả nhỏ và trở lại bàn *pun* và nói: -Cậu muốn mà. - Cậu ta nhìn tôi, nhìn BeaAnne, nhìn tôi. Lúc này tôi nhìn tưởng như xuyên thủng Pattison. Cậu ta nói: -Tớ đã làm rồi.

Pattison nhìn tôi dường như đang đẩy tôi về phía sau. Kiểu cười nhả nhỏ của cậu ta có ý muốn nói rằng tớ biết cậu không thể làm được. Cậu sẽ không bao giờ làm được việc đó. Chỉ đứng ngoài. Nhìn ngọn đèn bật tắt.

Tôi vẫn tiếp tục lờ mắt nhìn Pattison.

Pattison rời mắt khỏi tôi. Cậu ta nhìn quả bóng trên bàn. Cậu ta vỗ ngón tay lên quả bóng. Cậu ta đẩy nó. Quả bóng chạy không xa lắm. Pattison rời khỏi phòng.

Chậm rãi, tôi quay lại và nhìn BeaAnne. Cô vẫn tiếp tục ẩn hiện. Mắt tôi quen dần với ánh đèn nháy ngu ngốc, và tôi gần nhìn thấy rõ BeaAnne lúc đèn tối hay ít nhất là hình ảnh đọng lại của BeaAnne.

Tôi chống cả hai tay lên bàn và duỗi người về phía trước, và BeaAnne đang gần lại phía tôi, ẩn hiện, và tôi nghĩ đã phải vượt qua một quãng xa, sau đó mặt chúng tôi va mạnh vào nhau trong bóng tối, sau đó nhẹ nhàng hơn lúc đèn sáng, và tôi lùi lại và quan sát hình ảnh của cô trong ánh đèn nhấp nháy, ẩn hiện cùng với ánh đèn, đều đặn và chắc chắn, ánh đèn tiếp tục bật và tắt. Tôi hôn cô hai lần nữa, và chính môi cô chạm vào môi tôi, và chính cô hôn tôi; tôi duỗi về phía trước và vẫn biết cô đang đứng trước mặt tôi, tôi sẽ không bị lừa dối bởi hình ảnh lóe lên của cô nữa.

Hay tôi vẫn bị lừa.

BeaAnne lừa lưởi vào miệng tôi, thoát tiên điều đó làm tôi ngạc nhiên, nhưng không biết tại sao tôi lại phải ngạc nhiên. Chúng tôi cứ hôn nhau qua quấy như thế một lúc, sau đó tôi nhìn vào mặt cô. Tôi bật đèn nháy, và bật điện thường, để có thể nhìn thấy mặt cô rõ hơn. Nhưng sau ánh đèn nháy thế giới dường như nghiêng đi, và da mặt cô không còn mịn màng, tôi lại hôn cô lần nữa. Cuối cùng BeaAnne nói rằng tôi nên đi, nếu không cha mẹ cô sẽ bắt đầu tưởng tượng ra chuyện gì buồn cười lắm.

Tôi hôn cô một lần nữa.

Tôi nói rằng ngày mai sẽ gặp cô ở trường, và tôi đóng cửa phòng lại khi đi ra.

Khi tôi hỏi mẹ BeaAnne xem Pattison ở đâu thì được biết cậu ta đã về nhà rồi. Tôi lấy một nắm kẹo gồm bi trong quả bí ngô nhựa và chào tạm biệt. Tôi cứ đứng mãi ở cửa nhà BeaAnne, muốn quay trở lại và rung chuông, đi vào nhà và lại hôn BeaAnne. Tôi bước tới cửa sổ phòng ngủ của cô, đèn trong phòng đã tắt. Tôi có thể nhìn thấy bên trong bởi một luồng ánh sáng rọi vào qua cửa, *Cuốn sách về rừng xanh* vẫn nằm trên giường. Có ai đó đi qua cửa và che mất ánh sáng một lát, vì thế tôi thụt xuống và men tới cửa sổ phòng giải trí. BeaAnne vẫn còn ở đây, đèn nháy lại bật lên. Cô đứng cạnh bàn *pun*. Cô lẩn quả bóng qua bàn và tôi thấy nó biến vào túi lưới bên góc trái. BeaAnne quay lại và ngồi lên bàn, sau đó lui người vào sâu hơn, rồi nằm ngửa ra, hai chân duỗi đưa trên mép bàn. Cô vung chân đá đôi giày và nó

bay qua phòng. Cô nghiêng về một bên và cuốn tròn trên mặt bàn.

Đôi mắt cô nhắm lại, mái tóc xõa ra dưới đầu như một chiếc gối nhỏ.

Tay và trán tôi dán vào tấm kính cửa sổ lạnh lẽo.

Tôi nhắm mắt lại. Tôi sẽ không quấy rầy cô ấy.

Tôi bước qua bên kia đường.

Pattison lại gọi điện thoại, và đang cố thuyết phục Cheryl Wexler đến. Pattison nhắc chiếc chai rỗng từ bàn bếp, mang nó qua phòng và đặt xuống quầy bếp. Cheryl Wexler không đến và tôi không oán trách gì cô ta. Tôi bảo Pattison rằng tôi sẽ đi khỏi đây à cậu ta vẫy tay chào. Tôi quay đi. Vừa bước sắp tới cổng nhà thì có tiếng chuông reo. Tôi mở cổng, ba thằng bé mặc giả ma chào tôi.

Chúng thở hổn hển và những mảnh vải trùm lên đầu phập phồng. Tôi thò tay vào túi, lấy ra kẹo gồm bi và bỏ vào mỗi túi của ba con ma một ít. Cả ba đứa nói “Cảm ơn” khi kẹo gồm bi rơi vào túi của chúng.

Chúng chạy đi ngay lập tức. Chúng chạy tới nhà tiếp theo ngay bên kia phố, ánh đèn pin chiếu sáng, quần áo trắng bay phấp phật phía sau. Tôi muốn chúng trở lại để tôi đi theo.

Nguyễn Thị Hiền Thảo dịch

THÂN CHẾT THƯỜNG ẨN SAU ÁI TÌNH

Gabriel Garcia Marquez
Nhà văn Colombia – Giải thưởng Nobel 1982

Nghị viện Ônêximô Xăngchết chỉ còn lại 6 tháng 11 ngày thì chết khi ngài gặp được người đàn bà của đời mình. Ngài quen cô gái ở vườn hồng của Phó vương, một làng huyền ảo mà về đêm là nơi để bọn buôn lậu giấu những con thuyền khổng lồ và về lúc giữa trưa là một biển hoang vu, ở biệt lập với những làng khác mà không một ai ngờ rằng tại đó đang sống một con người đủ khả năng làm thay đổi số phận của người khác. Ngay cái tên của nó, vườn hồng của Phó vương, nghe cũng thấy hài hước làm sao bởi bông hồng duy nhất mà làng này được nhìn thấy thì chính nghị viện Ônêximô Xăngchết đã mang đi trong buổi chiều ngài gặp và quen Laura Pharina.

Đó là dịp ngài tiến hành đợt vận động không thể thiếu được trong chiến dịch tuyển cử bốn năm một lần. Những chiếc ô tô chở hàng chở phong cảnh của một gánh hài kịch đã tới đây từ sáng sớm. Sau đó, những chiếc ô tô cam không chở toàn bọn Anhđiêng - những người đã nhận tiền công và luôn luôn được mang từ nơi này đến nơi khác làm đông thêm số công chúng ở các cuộc mít tinh hoặc hội họp – cũng ùn ùn kéo tới. Lúc gần 11 giờ

trưa, một chiếc xe con màu dâu tây, mát dịu cũng lăn bánh tới cùng với âm nhạc âm ỹ, pháo nổ đi đùng và một đoàn tùy tùng. Nghị viên Ônêximô Xăngchết ngồi trong xe tươi tỉnh. Nhưng khi vừa mở cửa xe, một luồng không khí hầm hập, nóng như than lửa, làm ngải rùng mình. Chiếc áo lụa tơ của ngải ướt sũng mồ hôi. Lúc ấy ngải cảm thấy mình già đi nhiều quá, cảm thấy mình cô đơn quá. Nhưng thực ra năm nay ngải mới bốn mươi hai tuổi, từng đậu kỹ sư luyện kim ở Gotinhga và là một độc giả chăm chỉ, mặc dù không được may mắn lắm của những tác phẩm cổ điển bằng tiếng Latinh được dịch tới. Ngải lấy một người đàn bà Đức, sinh được năm con. Chúng rất sung sướng ở nhà, còn ngải là người hạnh phúc hơn cho tới khi cách đây ba tháng, người ta báo cho Ngải hay rằng: ngải sẽ chết, chết thật sự vào lễ Nôen tới.

Khi công việc chuẩn bị cho sự ra mắt trước công chúng đã xong đầu đấy, nghị viên Ônêximô Xăngchết còn dành được một giờ nghỉ ngơi tại nhà khách dành cho ngải. Trước khi nằm nghỉ, nghị viên đặt bông hồng tươi được giữ gìn cẩn thận trong lúc xe đi qua hoang mạc - vào bình nước uống. Ngải ăn toàn thức ăn bằng ngũ cốc mang theo để tránh ăn nhiều thịt quá, nhất là thứ thịt dê rán thường có vào bữa cơm thiêu. Ngải uống phòng mấy viên thuốc giảm đau trước giờ cơn đau hành hạ. Sau đó ngải đặt chiếc quạt điện ngay trước vồng rồi trần trùng trực ngủ khoảng 15 phút trong bóng mát của bông hồng, cố quên cái chết đang ám ảnh. Ngoài các bác sĩ ra, không một ai biết rằng ngải đang dần dần đi tới cái giờ chết đã định sẵn của mình bởi vì ngải quyết chí chỉ một

mình biết, một mình buồn và cố giữ cho cuộc sống thường ngày của mình không mấy may xáo động. Ngài làm như vậy không phải vì lòng kiêu hãnh mà vì mặc cảm hổ thẹn.

Ngài cảm thấy hoàn toàn mãn nguyện vào lúc ba giờ chiều khi ngài xuất hiện trước công chúng. Ngài đã lại sức và bảnh bao trong chiếc quần lạnh và chiếc áo sơ mi kẻ hoa, và tâm hồn ngài nhẹ nhàng nhờ đã uống mấy viên thuốc giảm đau. Nhưng cái chết từ từ, chết dần chết mòn còn phần phức hơn điều ngài từng dự định bởi vào lúc đang đàn ngài nhận ra cái đám người đang tranh nhau bắt tay mình đã biểu lộ một sự khinh thường là lạ. Thế là ngài không hề thương hại bọn họ như trước đây ngài đứng trước đám dân Anhđiêng chân đất kéo xe bò trên những nẻo đường đá nóng như than. Ngài giơ tay ra lệnh ngưng vỗ tay rồi với giọng giận dữ bắt đầu nói mà không làm điệu bộ, mắt lơ đãng nhìn ra biển đang hút hơi nóng. Giọng nói ề ề và ồm ồm của ngài như nước hồ mùa thu nhưng bài diễn văn thuộc lòng và có nhiều chỗ không thích hợp đã không giúp ngài nói lên sự thật mà chỉ biểu lộ sự bất bình của mình trước ý nghĩ bị quan trọng muốn thứ tư, những hồi ức của Marcô Aurêliô¹.

- Chúng tôi hiện hữu ở đây để chiến thắng thiên nhiên - ngài bắt đầu nói. - Giờ đây chúng ta không còn là những đứa con bị ruồng bỏ của Tổ quốc, không phải là

1. Hoàng đế và triết gia La Mã (121 – 180), tác giả tập *Những ý nghĩ nổi tiếng*.

những đứa trẻ mồ côi của Thượng đế, không phải là những kẻ tha hương ở chính đất quê mình. Thưa quý ông, quý bà, bây giờ chúng ta đã trưởng thành, đã sung sướng. Chúng ta đã khác hẳn trước đây.

Và đây là những cách thức biểu diễn của gánh xiếc do ngài chỉ huy. Trong lúc ngài đang đàn diễn thuyết thì mấy kẻ giúp việc tung lên những con chim giấy. Những con vật hàng mã ấy bỗng nhiên có sức sống vỗ cánh lượn quanh diễn đàn rồi bay ra biển. Cũng lúc ấy, số khác lấy những cây giả, lá làm bằng nỉ từ trong thùng những chiếc xe hàng đem trồng ở phía sau đám công chúng trên đất mỡ diêm sinh. Cuối cùng bọn họ dựng lên một bức áp phích bằng các tông ráp lại vẽ cảnh những ngôi nhà ngói đỏ có cửa sổ bằng kính. Với bức áp phích này bọn thuộc hạ của nghị viên Ônêximô Xăngchét đã che khuất những túp lều tranh rách nát của đời sống thực tại.

Nghị viên Ônêximô Xăngchét cố kéo dài bài diễn văn của mình bằng cách dẫn hai dẫn chứng bằng tiếng Latinh để có thêm thời gian cho việc chuẩn bị ra mắt vở hài kịch của mình. Ngài hứa sẽ mang lại cho dân chúng những cỗ máy làm mưa, những chiếc máy biết nuôi gia súc loại nhỏ có thể đặt trên bàn được cả thứ dầu hạnh phúc có thể nuôi sống rau tươi trồng trên đá rún và cả hoa bướm trồng nơi cửa sổ. Khi thấy thế giới bày đặt theo trí tưởng tượng của mình đã hoàn chỉnh, nghị viện chỉ ngón tay trỏ, cao giọng nói:

- Chúng ta sẽ như thế đấy, thưa quý ông, quý bà - ngài gào - hãy nhìn kia! Chúng ta rồi sẽ như thế.

Công chúng quay lại nhìn. Một con tàu thủy bằng giấy phết sơn thấp thoáng chạy ở phía sau ngôi nhà cao nhất của cái thành phố được vẽ trên bức áp phích bằng bìa các tông ráp lại. Chỉ có nghị viên Ônêximô Xăngchết nhìn thấy cái làng bằng giấy - tháo ra và ráp lại, được mang từ nơi này sang nơi khác- cũng lỗ chỗ thủng bởi khí hậu ác nghiệt, cũng nghèo nàn, cũng buồn tẻ như làng Vườn hồng của Phó vương này.

Lần đầu tiên trong vòng mười hai năm nay, Nenxông Pharina không đi đón chào ngài nghị viên Ônêximô Xăngchết. Gã nằm trên vông dưới bóng mát căn nhà lợp những tấm ván thô để nghe ngài diễn thuyết. Đây là căn nhà do chính bàn tay gã làm nên, những bàn tay đã từng chặt người vợ cả của gã ra thành từng khúc. Gã trốn khỏi nhà tù Gadenna và xuất hiện ở làng Vườn hồng của Phó vương. Gã tới đây cùng với một người phụ nữ da đen - đẹp nhưng ăn nói lằng loàn, gặp được Paramaribô trên một con tàu chở toàn những con vẹt ngây thơ. Người vợ này đẻ cho gã một người con gái.

Sau đó ít lâu, người đàn bà chết vì bị bệnh và được chôn cất tử tế với bia mộ chỉ viết bằng chữ Hà Lan tại nghĩa địa của làng này, chứ không có cái may mắn của người vợ cả bị xẻ thân thành từng khúc đem bón cho vườn súp lơ. Người con gái đã thừa kế của mẹ nước da và dáng hình, của người cha đôi mắt vàng sọc sệt. Và vì vậy người cha có lý do để tin rằng mình đang dưỡng dục người đàn bà đẹp nhất trần gian.

Kể từ ngày quen biết nghị viên Ônêximô Xăngchết trong chiến dịch vận động tuyển cử đầu tiên, Nenxông

Pharina từng khẩn khoản xin ngài giúp cho một tờ chứng minh giả để cứu gã khỏi sự trừng phạt của luật pháp. Nhã nhận nhưng kiên quyết, nghị viên Ônêximô Xăngchết đã từ chối gã. Trong vài năm liền Nenxông Pharina không chịu nhụt chí, và cứ mỗi khi gặp dịp gã lại nêu vấn đề với những thủ đoạn khác nhau. Lần nào cũng như lần nào gã nằm lì trên vông thà chịu chết dần chết mòn trong cái nơi ảm náu nóng bỏng của những tên cướp biển ấy. Khi nghe thấy những tràng vỗ tay cuối cùng của công chúng, gã ngẩng đầu lên khỏi chiếc vông, nhờ vậy qua khe hở của hàng rào gần kề, gã nhìn thấy mặt trái của màn hài kịch: chiếc khung của bức áp phích vẽ thành phố với những ngôi nhà, thấy giàn giáo đỡ những cây cối làm giả, thấy cả một lũ người làm ảo thuật nấp sau con tàu vượt đại dương đang cố sức đẩy nó bơi đi. Gã buông một tiếng than náo nề từ đáy lòng mình.

- Merde - gã nói - c'est le Blacaman de poletique¹.

Sau bài diễn văn, như thường lệ, nghị viên Ônêximô Xăngchết đi dạo quanh làng trong tiếng pháo nổ giòn và tiếng nhạc inh ỏi. Ngài luôn luôn phải dừng lại để nghe dân chúng kể lể những nỗi thống khổ của họ. Ngài hôn hờ nghe dân chúng, luôn luôn tìm được những lời an ủi thích hợp cho tất cả mọi người. Một bà nạ dòng đứng trên mái nhà mình cùng với sáu đứa con nhỏ, nói như

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản: Đồ cứt dái - gã nói - hần là một tên bán buôn chính trị kiểu Hlacamăng (xem Blacamăng, người hiền bán phép tiên).

gào, và bằng cách ấy bà ta đã làm cho tiếng của mình đến được tai ngài nghị viên qua tiếng ồn ào của đám đông đang vây lấy ngài:

- Tôi không đòi nhiều, thưa ông nghị viên - bà ta nói - tôi chỉ xin một con lừa để chở nước từ giếng *Kẻ chết treo* về nhà.

Ngị viên dán đôi mắt vào sáu đứa trẻ gầy guộc và bẩn thỉu.

- Chồng bà làm gì hả? - Ngài hỏi.

- Nhà tôi đã bỏ nhà đi tìm của lạ của đảo Aruba rồi - bà ta vui vẻ trả lời ngài - và ông ta đã gặp được một người đàn bà xứ lạ thuộc số những người có răng kim cương.

Câu trả lời của bà làm cho mọi người phá lên cười ha hả.

- Tốt lắm - ngài trả lời - rồi bà sẽ có lừa.

Ngay sau đó, một người giúp việc của ngài mang đến nhà người đàn bà nọ dòng một con lừa thồ mà trên lưng nó đã viết sẵn một khẩu hiệu vận động bỏ phiếu bằng thứ mực không phai để không một ai quên rằng đó là quà tặng của nghị viên Ônêximô Xăngchết.

Trên một đoạn đường ngắn, ngài còn tiến hành một vài hoạt động không đáng kể trong đó nổi bật việc ngài bón thìa cháo cho một người ốm được mang từ giường bệnh ra tận cửa để người này xem ngài đi qua. Tại xóm nhà cuối cùng, qua hàng rào sân, ngài nhìn thấy Nenxông đang nằm trên vông, mái tóc màu xám tro, vẻ buồn rầu. Tuy vậy ngài vẫn chào lấy lệ:

- Thế nào ông bạn?

Nenxông Pharina nằm trên vông ngoảnh mặt lại, nhìn ngài với cái nhìn buồn rười rượi.

- Moi, vous savez¹ - gã nói.

Khi nghe tiếng chào hỏi lẫn nhau, con gái gã bước ra ngoài sân. Cô gái đi giày ba ta què mùa mơn vẹt cả gót, mái tóc xoắn cuốn những chiếc lô nhiều màu và mặt sạm nắng đen nhẻm. Tuy nhiên trong hoàn cảnh ấy, cô gái vẫn có thể được chấp nhận là người đàn bà đẹp nhất trần gian. Nghị viên Ônêximô Xăngchết vẫn cứ chết lặng vì vẻ đẹp của cô gái.

- Con khỉ - Ngài thở dài đầy thán phục - đóa hoa rừng làm xốn xang lòng Thượng đế!

Đêm ấy, Nenxông Pharina mặc cho con gái mình bộ váy áo đẹp nhất rồi hiến cho nghị viên Ônêximô Xăngchết. Hai tên lính gác cầm súng, lắc lắc cái đầu vì trong nhà quá oi bức, ra hiệu cho cô gái ngồi đợi nghị viên tại một chiếc ghế duy nhất kê ngoài hiên.

Nghị viên Ônêximô Xăngchết ở trong phòng bên, đang họp với những người đứng đầu làng Vườn hồng của Phó vương, những người đã được ngài mời tới để thông báo những sự thực không tiện nói công khai trong các bài diễn văn. Bọn họ giống hệt những người từng thường xuyên dự họp ở tất cả những làng bản hẻo lánh nơi hoang mạc khiến chính nghị viên Ônêximô Xăngchết cũng phải ngán tới cổ. Chiếc áo sơ mi của ngài ướt sũng

1. Tiếng Pháp nguyên bản: Tôt à, như ngài thấy đấy.

mồ hôi, do đó ngài định hong khô nhờ làn gió nóng phát ra từ chiếc quạt điện chạy ro ro như tiếng muỗi.

- Vì vậy chúng ta không ăn chim giấy - ngài nói - Các ngài ngài và tôi đều biết rằng sẽ đến ngày có cây cối và hoa lá nở trên cái đất chó ăn đá gà ăn sỏi này, đến cái ngày cá thu sẽ thay cho nhái bén trong các giếng nước, đến cái ngày ấy thì các ngài cũng như tôi sẽ chẳng có cái đích gì để mà làm ở đây cả. Tôi nói thế đúng không nào?

Không một ai trả lời ngài. Trong lúc ngài nói, ngài rút nốt tờ lịch gấp thành một con bướm rồi thả nó vào luồng gió của chiếc quạt điện, ngài làm mà chẳng hề có mục đích gì cả. Nhưng con bướm lại bay lượn trong phòng vài vòng rồi bay ra ngoài cái cửa để ngỏ. Nghị viên Ônêximô Xăngchết tiếp tục nói:

- Vậy thì tôi chẳng phải nhắc lại điều mà các ngài đã thừa biết rằng việc tôi ra tranh cử lại là một cú buôn có lợi cho chính các ngài hơn là cho bản thân tôi bởi vì tôi đã chán ngấy cái thứ nước tù và mồ hôi của bọn Anhđiêng ở đây rồi, còn các ngài thì đang phải sống nhờ chúng.

Laura Pharina nhìn thấy con bướm giấy bay ra. Chỉ một mình cô ta nhìn thấy, bởi vì bọn lính gác đang ngồi ngủ gật ở chiếc ghế dựa, hai tay ôm lấy súng. Sau vài vòng bay, con bướm to dừng lại, chạm phải tường rồi nằm yên một chỗ. Laura Pharina định bắt lấy nó. Nhưng một trong số những tên gác bảo cô rằng:

- Không hề bắt được nó đâu, cô em ạ! - Hắn nói, giọng ngái ngủ - nó đã được vẽ lên tường đấy.

Laura Pharina trở lại ghế ngồi trước cả khi những người dự họp ra về. Nghị viên Ônêximô Xăngchết đứng khá lâu ở ngay cửa phòng, tay cầm quả đấm của. Ngài chỉ nhận ra Laura Pharina khi hàng hiên đã vắng người.

- Cô làm gì ở đây?

- C'est de la part de mon père¹. – Cô gái trả lời ngài.

Nghị viên Ônêximô Xăngchết chợt hiểu ra. Ngài nháy mắt cho bọn lính gác đang ngái ngủ, nháy mắt cho Laura Pharina mà vẻ đẹp không chắc có thực của cô ta còn đáng quan tâm hơn cơn đau đớn của ngài. Thế là ngài quyết định cái chết phải phụ thuộc vào mình.

- Mời vào - ngài nói.

Laura Pharina phấn chấn hẳn lên khi bước chân tới cửa phòng: Hàng ngàn tờ giấy bạc của Ngân hàng quốc gia đang lơ lửng trong không trung, chúng bay như những con bướm giấy. Nhưng khi nghị viên Ônêximô Xăngchết tắt quạt máy thì những tờ giấy bạc ấy đứng lặng một hồi rồi rơi xuống những đồ vật trong nhà.

- Như cô em đã thấy đấy - ngài nói - đến cả cút cũng bay được.

Laura Pharina ngồi trên một chiếc ghế học sinh.

Nước da cô ta căng mọng với màu đen của dầu thô. Mái tóc cô ta cũng dựng lên như bờm ngựa. Đôi mắt to sáng rực hơn cả ánh sáng. Nghị viên Ônêximô Xăngchết hướng cái nhìn của mình theo cái nhìn của cô gái và cuối

1. Tiếng Pháp trong nguyên bản: Đây là ý nguyện của cha tôi.

cùng mắt cô dừng lại ở bông hồng đã heo héo vì hơi diêm sinh.

- Đó là bông hồng, em ạ? - Ngài nói.

- Vâng phải đấy! - Cô gái nói. - Em đã nhìn thấy ở Riôacha.

Nghị viên Ônêximô Xăngchết ngồi trên chiếc giường đã chiến tán tỉnh hoài về những loài hoa hồng trong lúc cởi cúc áo. Ngay ở bên sườn, nơi ngài đoán rằng có trái tim ở bên trong, xăm hình trái tim bị mũi tên xuyên qua y hết hình xăm của những tên cướp biển. Ngài vút chiếc áo đầm mồ hôi xuống sàn nhà rồi nhờ Laura Pharina cởi hộ mình đôi ủng.

Cô gái quỳ gối ngay trước chiếc giường đã chiến. Ngài nghị viên Ônêxinô Xăngchết lặng lẽ quan sát cô gái và trong lúc cô ta cởi cho ngài dây ủng, ngài tự hỏi một trong hai người, cô gái và ngài, ai là người rủi ro trong cuộc hội ngộ này.

- Cô em hãy còn là trẻ ranh.

- Ngài đừng tưởng nhé? - Cô gái nói - tháng tư tới em vừa tròn mười chín tuổi đấy.

Nghị viên Ônêximô Xăngchết cảm thấy thú vị.

- Ngày mấy?

- Ngày 11.

Nghị viên Ônêximô Xăngchết cảm thấy khoan khoái hơn.

- Chúng mình cùng thuộc cung Bạch dương đấy em ạ, ngài nói.

- Rồi ngài mỉm cười nói rõ thêm:

- Đó là dấu hiệu của nỗi cô đơn.

Laura Pharina không chú ý đến lời nói của ngài, bởi lúc này cô còn đang loay hoay với đôi ủng. Về phần mình, nghị viên Ônêximô Xăngchết cũng lúng túng không biết làm gì với Laura Pharina, bởi ngài chưa quen với cái thứ ái tình ngẫu nhiên bất được và mặt khác ngài cũng ý thức được đó là thứ ái tình có nguồn gốc ô nhục. Để có thời gian suy nghĩ thêm, hai đầu gối ngài kẹp chặt lấy Laura Pharina, rồi ngài ôm lấy thắt lưng, xốc cô dậy, sau đó vật ngửa cô ra giường. Chỉ lúc này ngài mới vỗ nhẹ sau bộ váy áo mặc ngoài là một cơ thể trần truồng, bởi vì cái cơ thể ấy phả ra mùi hôi chuột chù, nhưng trái tim cô gái đang giật thót hoảng hốt, da cô trơn chuồi chuội thứ mồ hôi dầu.

- Chẳng ai yêu chúng mình cả! - Ngài thở dài nói.

Laura Pharina muốn giải bày với ngài đôi lời nhưng cổ họng cô cứ nghẹn lại.

Ngài đặt cô gái nằm bên cạnh mình để vỗ về. Ngài tắt đèn. Căn phòng lúc này nằm trong mùi hương bông hồng. Cô gái dần dần quên đi số phận cùng khổ của mình. Nghị viên Ônêximô Xăngchết từ từ sờ mó cô gái, ngài rón rén nhẹ nhàng tưởng như tay không chạm vào da thịt cô. Nhưng ở cái nơi ngài tưởng sẽ sờ được nó thì tay ngài lại đụng phải một vật bằng sắt nổi gồ lên.

- Cái gì thế này? - Ngài hỏi.

- Cái khóa đấy!- Cô gái trả lời.

- Buồn cười chết được - ngài nói về giận dữ rồi hỏi điều ngài thừa biết: - Chìa khóa đâu em?

Laura Pharina thở nhẹ nhõm:

- Cha em giữ!

- Cô gái trả lời. - Ông già bảo em thưa với ngài rằng hãy cho ngài tới nhà lấy chìa khoá và gửi theo một tờ giấy cam đoan rằng ngài sẽ giải quyết tình cảnh của ông.

Nghị viên Ônêximô Xăngchết giận tràn hông. “Thật là thằng Pháp chúa đểu”, ngài lẩm bẩm nói. Ngài nhắm mắt để nghỉ ngơi và trong bóng tối ngài bắt gặp ngay chính mình. Hãy nhớ rằng - ngài nhớ lại - dù là ngài hay bất kỳ một ai, ngài sẽ chết trong khoảng thời gian rất ngắn và hãy nhớ rằng sau đó không lâu các ngài sẽ chẳng còn gì hết, ngay đến cả tên tuổi của mình. Ngài đợi cho cơn ớn lạnh qua đi rồi nói:

- Hãy nói cho ta biết nhé: Em nghe thấy người ta nói gì về ta nào?

- Nói thật nhé?

- Nói thật.

- Được thôi - cô gái mạnh dạn lên – Người ta bảo rằng ngài là một thằng đểu hơn tất cả những thằng đểu bởi ngài khác hẳn bọn họ.

Nghị viên Ônêximô Xăngchết không hề bối rối. Im lặng hồi lâu với đôi mắt nhắm lại và khi mở mắt ra ngài có cảm giác như mình từ nơi sâu thẳm của lòng mình trở về.

- Con c. - Ngài quyết định - Hãy nói với cha cô, cái thằng dê cụ ấy, rằng ta sẽ giải quyết vấn đề của hắn.

- Nếu ngài muốn em sẽ về lấy chìa khóa cho? Laura Pharina nói.

Thế là Laura Pharina để đầu ngài lên cánh tay mình mở to hai mắt nhìn chăm chăm vào bông hồng. Nghị viên Ônêximô Xăngchết úp sát mặt mình vào cái nách hôi mùi chuột chù và bằng cách này ngài quên nỗi sợ hãi. Sáu tháng, mười một ngày sau đó, trong chính cái tư thế ấy ngài chết bởi thói dâm dăng quá mức của Laura Pharina đã làm cho ngài kiệt sức và bị bỏ rơi, khiến ngài phải khóc lóc mà hận rằng chết không có cô gái ở bên cạnh.

Nguyễn Trung Đức dịch

SỰ TÍCH NÚI LỬA

Miguel Angel Asturias

Nhà văn Guatemala – Giải thưởng Nobel 1967

Sáu người đàn ông sáng nghiệp nên Đất nước của những cây cối: ba người đến từ gió và ba người đến từ nước nhưng chỉ cần nhìn thấy ba người thôi. Ba người ẩn dưới sông và chỉ nhìn thấy ba người đến từ gió khi họ từ trên núi xuống sông để uống nước.

Sáu người đàn ông đã sáng nghiệp nên Đất nước của những cây cối.

Ba người đến từ gió chạy nhảy tung tăng trên những cánh đồng toàn những điều kỳ diệu.

Ba người đến từ nước treo người lủng lẳng trên những cành cây để ăn quả hay đuổi những con chim vốn rất nhiều và đủ mọi màu sắc.

Những người đến từ gió, như bọn chim, đánh thức đất dậy trước khi mặt trời mọc. Khi chiều buông, những người đến từ nước, như bọn cá, nằm dài dưới đáy sông trên đám rong rêu mềm mại mà phình phờ rằng mình đang mệt lắm. Họ nằm xuống đất trước khi mặt trời lặn hẳn.

Ba người đến từ gió, như bọn chim, sống nhờ trái cây.

Ba người đến từ nước sống nhờ các vì sao.

Ba người đến từ gió qua đêm trên những rừng cây. bên dưới những tàu lá mà thi thoảng bọn rắn trườn bò hoặc bên trên những cành lá cạnh những chú sóc, những chú khỉ, những con thằn lằn và cả những ông gấu.

Ba người đến từ nước thì ẩn mình trong những bông hoa rơi xuống đầm lầy hay trong những hang ổ của thằn lằn: những chú thằn lằn đang ngo ngoay bò như kẻ nằm mộng hoặc nằm yên ngủ say như những chiếc thuyền độc mộc.

Dù là ở trên cây hay ở dưới nước, những người đến từ nước và những người đến từ gió thấy đều xoa dịu cơn đói mà không chịu rời xa những trái cây lành của những kẻ xấu bởi vì đối với những người đầu tiên này không có trái cây độc. Trái cây là máu của đất, nó ngọt hay nó chua là bởi nó mang thứ máu ấy của đất ở trong mình.

- Nidô!

Núi trong một con chim đã thốt lên như vậy.

Một trong số những kẻ đến từ gió quay đầu lại và thế là các bạn đường đều gọi anh ta là Nidô.

Núi trong một con chim là ký ức về cha mẹ họ, là một con vật màu nước mưa mà họ đã giết ở ngoài biển để đến được đất liền. Đó là một con vật mang mùi cá, mềm mại, có hình thù xinh xinh như đầu ngón tay út, có hình chữ thập đen nằm ở đáy hai con ngươi mắt vàng hoe.

Nhờ cái chết của con vật này, bọn họ đã đến được đất liền. Đó là đất ẩm ướt nhô lên khỏi mặt nước tạo thành bờ biển trong một khung cảnh mê say lòng người với những trái cây thông thấp thoáng đâu đó, với những

cánh rừng bạt ngàn và những ngọn núi vút cao hẫ hẫ lên, với con sông nước như đứng lặng trong cảnh trí nên thơ của thung lũng . . . Đó là đất của những cây cối.

Đọc theo bờ biển có thú không khí trong như pha lê, bọn họ đi chẳng có khó khăn gì để đến những quả đồi xanh và khi lần đầu tiên đến bên bờ con sông để giải cơn khát thì họ nhìn thấy ba người đàn ông ngã trong nước.

Nidô an ủi các bạn mình (những người này vốn là những cây lạ biết di động). Anh bảo họ rằng chúng mình đang nhìn thấy hình bóng mình ở trong nước. Anh nói:

Đó chính là mặt nạ của chúng ta, sau chúng là khuôn mặt đích thực của mỗi chúng ta. Đó chính là bản sao của chúng ta mà nhờ chúng, chúng ta có thể tàng hình được. Đó chính là cha, là mẹ chúng ta, là Núi trong một con chim mà chúng ta đã giết ở ngoài biển để đến được đất liền. Đó chính là quê hương của chúng ta.

Rừng đã kéo dài biển trên đất liền. Là là ở bên dưới những cành lá là thú không khí đông lại trong như pha lê với sắc màu lam xanh hiện trên màu sáng tối của mặt nước và sắc xanh biếc của quả in dưới đáy nước.

Vì là biển vừa rút đi nên người ta thấy nước biển thành ánh sáng trên từng tàu lá, từng tầng mây, từng bông hoa.

Rừng tiếp tục vươn tới Núi lửa, cái núi lửa sừng tấy, trương phình bụng sôi réo ùng ục, với sức tàn phá của loài rắn độc: đại dương những tàu lá vỡ tung thành những tảng đá hoặc lặn mình dưới đồng cỏ, ở nơi mà dấu chân người đã vẽ lên những con bướm dưới ánh mặt trời.

Có cái gì vỡ tung trên những đám mây đã lôi ba người thoát ra khỏi cơn bão hào hứng của mình.

Hai trái núi chóp chóp mi mắt theo mỗi nhịp bước đi của con sông.

Trái núi từng được gọi là Huracăng, ngọn núi đủ khả năng ôm một khu rừng giữa hai cánh tay mình và công trên vai cả một thành phố, đang nhỏ ra nước bọt - lửa cho đến khi đốt cháy mặt đất. Và nó đã đốt cháy đất.

Trái núi tảng được gọi là Huracăng, ngọn núi những đám mây, đã trèo lên núi lửa và bằng những bàn tay mình định bịt miệng nó lại.

Bầu trời, bỗng dưng mờ mây phủ đã chặn đứng cái ngày không có ánh nắng lại, những con chim bằng hoàng vội trốn vào những chiếc giỏ để ẩn nấp, người ta chỉ nghe thấy tiếng gào thét của ba người đàn ông đến từ gió, những kẻ không được bảo vệ y hệt như những cây cối trên mặt đất ẩm nóng này.

Trong sương mù, bọn khỉ chạy trốn đã để lại giữa những tàu lá tiếng sột soạt khi chúng tháo chạy. Bọn nai chạy lướt nhanh như những tiếng thở dài. Bọn lợn rừng béo ục ịch mất màu tro, nặng nề, kéo hàng chạy, tạo thành những cơn lốc khổng lồ. Bọn sói tháo chạy khi vồ phải nhau nhe hàm răng nhọn hoắt ra. Ôi thật là lạnh xương sống. Bọn kỳ nhông chạy trốn mà luôn luôn đổi màu vì sợ hãi. Tháo chạy còn biết bao loài vật khác như thỏ, kì đà, dơi, rùa, cóc và cua. Bọn rắn cũng tháo chạy để lại trên dãy đèo cả cảm quan man rợ về một cuộc chạy trốn.

Bằng những bước nhảy đại, đá cứng bắt đầu tháo chạy. Từ trên cao những tảng đá to, những tảng đá nhỏ

ào ào đổ xuống va vào những cây gạo cổ thụ và quật ngã chúng như những con gà mái ghe. Nước ầm ầm đổ xuống mang trong nó cơn khát trắng. Nước bị thứ máu độc của đất nham thạch nóng bỏng truy đuổi, đã xoá đi những dấu chân của nai, sư tử, hổ, của sói; xoá đi dấu chân những con chim trong khoảng không hừng sáng thứ bụi của ánh sáng cháy, của tro bụi ánh sáng. Các vì sao rơi xuống mà không bị ướt trong cái nhìn của biển. Chúng rơi xuống trong bàn tay của đất. Người ăn mây mù lòa vốn không biết đó là các vì sao sa nên đã dập tắt chúng.

Niđô thấy các bạn mình biến mất. Họ bị gió cuốn đi. Nó cũng thấy bản sao của mình biến mất bởi lửa cuốn đi ở đằng sau những cánh đồng ngô từ trên trời rơi xuống trong những ánh chớp. Khi chỉ còn lại một mình, Niđô nhìn thấy Simbôlô¹. Simbôlô bảo Niđô: Trong một thế kỷ có một ngày dài bằng nhiều thế kỷ cộng lại.

Đó là một ngày toàn là buổi trưa, một ngày, như pha lê mới tinh khôi không có bình minh cũng chẳng có hoàng hôn.

- Niđô này - trái tim bảo nó - ở cuối con đường này...

Nó không nói hết vì có một con chim họa mi bay qua rất gần để nghe điều trái tim nói.

Niđô đợi một cách vô vọng để xem trái tim mình nói gì thêm nhưng ngược lại trong lúc đợi nó như hồi sinh theo tiếng nói khác của tâm hồn mình. Đó là khát vọng đi đến một đất nước xa lạ đang vang vọng trong tâm hồn Niđô.

1. Tiếng Tây Ban Nha có nghĩa là biểu tượng.

Nidô nghe thấy người ta gọi mình. Ở phía cuối một con đường tựa như một chiếc bánh dài màu hồng hiện rõ trong khung cảnh, có một tiếng nói thâm thì sâu lắng đang mời gọi Nidô.

Khi Nidô đi trên đường ấy thì cát bụi của nó liền biến thành những chiếc cánh và khi Nidô ngoảnh lại nhìn phía sau thì nó thấy một con bò tót màu trắng vươn thẳng lên trời mà chẳng hề để lại dấu vết trên mặt đất.

- Ni đô?... Nidô!... Nidô?... Nidô?.....!

Cây cối đeo đầy những tổ chim. Nidô nhìn thấy một vị thiên thần, một bông hoa huệ và một em bé. Thiên thần, hoa và trẻ nhỏ đó là Chúa Ba Ngôi nhất thể đang chào đón Nidô. Nidô nghe thấy:

- Nidô ơi, ta muốn nhà người dựng cho ta một đền thờ!

Tiếng nói ấy loăng ra, lan tỏa như một bó hoa hồng mà cánh của nó bay bay theo chiều gió thổi và những cánh hoa này đã làm bùng nổ những bông hoa huệ trong tay vị thiên thần làm bùng nổ những nụ cười xinh tươi trên miệng đứa trẻ thơ.

Nidô trở về trong một chuyến đi ngọt ngào từ đất nước xa xôi ấy trên đám mây ngũ sắc toàn những hạt pha lê giả ngọc. Núi lửa đã ngừng phun nham thạch - từ trong lòng nó, đất đá khóc tuôn trào nước mắt lấy từ trong hố nước; Nidô vốn rất trẻ trung, sau một vài ngày dài bằng nhiều thế kỷ cộng lại, trở về trong thân hình già lụ khụ và anh chỉ còn đủ thời gian để dựng một làng gần trăm nóc nhà vây chung quanh một đền thờ.

NHỮNG CUỘC ĐỜI BỊ PHÙ PHÉP

Nadine Gordimer

Nhà văn Nam Phi – Nobel 1991

Có hai người đàn ông trong tỉnh, một người điếc và một người say.

Người thứ nhất là thợ đồng hồ, còn người kia là bác sĩ. Họ chẳng bao giờ gặp nhau trừ khi bác thợ đồng hồ đến ông bác sĩ khám chứng loét dạ dày, hoặc khi ông thầy thuốc cần lau dầu đồng hồ, nhưng họ gắn liền với nhau trong tâm trí Cato Shan, cô gái hai mươi tuổi. Với Cato, sự liên kết này bắt đầu từ dạo cô cùng các em trai cô hãy còn bé. Đối với bọn trẻ nhà Shan, chỉ có hai loại người: những người được mẹ chúng dành cho nhiều thời gian và những kẻ bà chẳng phí thì giờ bận tâm đến. Cả bác thợ đồng hồ lẫn ông bác sĩ đều thuộc loại được bà Shan ưu ái.

Bác thợ đồng hồ Simon Datnốp làm thuê cho cha Cato ở cửa hiệu kim hoàn của ông. "Tôi có ối thì giờ dành cho bác Simon", bà Shan thường nói vậy, kèm mấy tiếng "xin nhớ cho", giọng ngụ ý bảo lưu một cách khôn ngoan. Chả là, nói chung, bà không ưa họ hàng, mà bác này thực tế là một trong đám họ hàng người Litva và Nga mà vào những năm hai mươi, Máccút Shan đã giúp cho

“di tản” sang Nam Phi từ khi Cato chưa đẻ, và từ sau đó, ông tỏ ra khinh khỉnh quàu quàu với họ, trái với bản tính hoà nhã của ông - một thái độ cău gắt nảy sinh từ mối xung đột trong ông giữa tình cảm gia đình đối với họ và sự bức tức vì nỗi họ là loại người mà chẳng hi vọng vợ mình có thể ưa được. Vì mặc dầu Máccút thường cau mặt khi thấy vợ khinh rẻ họ hàng mình, trong thâm tâm, ông vẫn giấu một niềm tự hào tai quái vì đã lấy được một người vợ biết khinh rẻ họ. Những người xa lạ ấy, (bà Shan gọi họ thế) quen nằm trên nóc bếp lò. Mỗi tuần họ không tắm quá một lần. Họ ăn những món gồm ghiếc, cá muối với xúp củ cải đường. Hồi đó, nhà Shan còn dùng bếp lò than, lũ trẻ hình dung các ông chú bà cô kỳ cục đó nằm túm tụm rúc vào nhau trên mặt lò đầy mồ hóng sau khi đã cào tắt lửa vào buổi tối, người nào người nấy ngón tay nhóp dàu mỡ như dân Exkimô. Giá Cato, Uyliam và Diki có nghe nói là các bà cô thường nhai ủng của các chú vị phu quân để làm cho nó mềm thì bọn chúng hẳn cũng chẳng lấy làm lạ.

Simon Datnốp không phải đích thực là họ hàng cùng huyết thống với Máccút Shan, mà chỉ là anh chồng một bà chị gái của bà Shan. Người chồng này chết và Simon phải làm “hình nhân thế mạng” hộ tống em dâu “di tản” sang đây. Có lẽ vì không có quan hệ máu mủ gì kìm giữ nỗi bức tức với tội lỗi nên ông Shan ít ưa Si -mon nhất trong số bà con lưu vong, trong khi bà vợ lại quý bác nhất. Dường như Shan lấy làm phiền lòng vì nỗi sau đêm đầu tiên bác thợ đồng hồ điếc này vẫn thực sự chẳng nọ nần gì ông; không như những người khác, bác

ta chẳng có gì đặc biệt phải hàm ơn ông. Si-mon đã hoàn lại khoản lộ phí để sang đây do Shan ứng trước, bác lại là một thợ lành nghề mà ông không thể hi vọng kiếm được ai sánh bằng ở đất Nam Phi này.

Cato vẫn nhớ hình ảnh bác thợ đồng hồ như cô thường nhìn thấy từ cửa ra vào mỗi khi tới cửa hiệu của cha cô; bác ngồi trong cái lồng kính ba mặt có gắn dòng chữ SỬA ĐỒNG HỒ bằng vàng lá như một biểu ngữ ngang cái đầu cúi xuống của bác. Khi Cato lớn lên, lá vàng bắt đầu bong, và qua cái vòng tròn của chữ o, có thể thấy tai trái của bác ngày một rõ thêm. Ở lỗ tai đó, thỉnh thoảng lại thấy xuất hiện một núm trợ thính mới màu da, hoặc màu đen, hoặc màu ngọc trai, nhưng thường thường, khi làm việc, bác không đeo núm nghe. Bác chỉ đeo vào khi có ai đến gần để nói với bác và trước khi người đó lên tiếng, chính lúc dòng mạch tiếp xúc với thính giác, ta có thể thấy bác nhả mặt dưới tác động bùng nổ của tiếng gầm gào ngoài thế giới mà bác đã bị bung bít tách khỏi. Hẳn như một người được thả xuống biển trong cái chuông lặn vậy.

Cato thấy bác gắn khớp với cái bàn như bàn gắn khớp với khung kính của nó. Trước mặt bác là những đồ đựng nhỏ xíu nông toẹt và những thanh kim khí phẳng, vuông với mỗi chiều độ gần mười phân trên đó lều lều những cái nhíp gấp tinh xảo, những dụng cụ dũa, như những con côn trùng chân dài ngoằng bước giữa những đám chân kính đỏ, những bánh xe bé tí và những lò xo nom tựa lộn tọc một đứa trẻ rụng ra khi ta gãi đầu cho nó. Những chiếc chuông thủy tinh bé xíu bảo vệ những

bộ phận bên trong đồng hồ mà bác không làm tới. Cô cảm thấy không dám thử mạnh gần những bộ phận bày ra, sợ chúng bị luồng hơi thở của mình cuộn bay đi và rớt vào một cái khe nào đó trên mặt bàn mòn, đầy vết rạch.

Mùa hè cũng như mùa đông, phần lớn các ngày, bác chỉ ngược lên khi Máccút Shan lộp cộp đi tới, dúi vào tay bác một chiếc đồng hồ để chẩn bệnh tho nó, miệng quát: “Chậm hăm lăm phút trong hai bốn giờ” hoặc: “Lau dầu. Xem nó chạy có ổn không”. “Hở?”, người đàn ông điếc đặc nói bằng cái giọng khó nghe như tiếng huyết gió, mặt cau lại lơ đãng và rờ rẫm tìm “máy”- bác gọi dụng cụ trợ thính của mình như thế- trong khi cố nén mình, ngao ngán trước sức mạnh của ông chủ. Shan sốt ruột gào lên nhắc lại thành thử một nửa những điều ông nói thì bác thợ đồng hồ không nghe thấy, còn nửa kia thì vang lên như sấm khi máy nghe được bật. Cường độ của nửa câu đó giáng vào bác như một cú đòn, đến nỗi bác ngớ ra mất một lúc, không hiểu gì cả. Rồi ông Shan lại sốt ruột hơn bao giờ hết và lại hét to gấp đôi. Vì sự truyền đạt trái giò ấy, ông Shan có khuynh hướng tóm gọn hết sức những gì ông cần nói với bác thợ đồng hồ của mình và miễn mọi màu mè lịch sự thành thử tất cả những gì đến với Simon Dátnốp từ thế giới bên ngoài suốt tám giờ trong ngày chỉ là một sự công kích bằng những yêu cầu và những câu hỏi cần cầu.

Vì bác thợ đồng hồ chỉ nhạy cảm với tiếng tích tắc đồng hồ, chứ không thính với độ thì thầm của giọng người, nên ông Shan đâm có thói quen lầm bầm của Simon ngay trước mặt bác.

Bà Shan tức điên vì nỗi người duy nhất mà chồng bà có can đảm lên tiếng xỉ vả lại là một kẻ chỉ thuộc một nửa về thế giới và do đó, hết sức bấp bênh, hầu như không có chỗ đứng. Bản thân bà đã cố gắng và thực tế, suốt đời vẫn tiếp tục cố gắng làm cho ông chồng dám đương đầu với bà. Nhưng không, người duy nhất Mác cắt dám khiêu chiến bằng cách dương lá cờ gan thỏ để của mình lại là một người không có khả năng để tin là mình hiểu rõ sự thách thức. Bà Shan bèn trả đũa bằng cách bệnh vực Simon Dát-nốp.

- Dát-nốp, - bà giảng cho các con mình - là một nhà quý phái tự nhiên, một ngẫu nhiên kỳ lạ trong đám bà con lưu vong. Sự làm lụng vất vả của bác thành một lý tưởng về phục vụ tận tâm, sự cô lập ép buộc của bác với thế giới thành một lý tưởng về suy tưởng trầm mặc. Về phần uất ngờ ngạc, bất lực lộ ra trong mắt bác ta - cái ánh man rợ nén lại trong mắt con bò tót không biết những mũi xiên đã đâm vào chỗ nào trong vùng vai đây gân bắp - trước sự cục cằn của chồng bà mà bác không nghe thấy được, bà diễn giải như là sự tự chủ của một người bề trên. Cái vẻ nhu mì do tật điếc tạo ra cho bác khi bác đi quanh phố trong giờ ăn trưa, đối với bà là một phẩm chất mà mặt đất nên thừa kế.

Dạo bé, Cato đôi khi vẫn đứng hồi lâu dán mũi vào cái lồng kính, mỉm cười kính cẩn với Simon; bác thợ đồng hồ đáp lại với nụ cười từ tốn lấp lánh nước bọt của mình, gật đầu ra hiệu cho cô chú ý, đồng thời giơ lên một bộ phận đồng hồ nào đó cho cô xem. Hễ thấy ông bố

lại gần là cô bé im lặng, tránh né cái vẻ thô lỗ gây sự ông phô ra khi nói với Simon.

* *

*

Một hôm, vào cái năm Cato lên chín, trước lễ Giáng sinh một tuần, cô bé lảng xảng quanh cửa hiệu của bố. Tháng chạp ở Nam Phi lại vào giữa mùa hè nóng thiêu, và thành phố mở vàng này phô một không khí hội hè nhộn nhịp thiếu sinh khí với những tuyết giả trong những tủ kính cửa hàng, những dây đèn xanh đỏ chung quanh toà Thị chính và những giọng say bia lè nhè của các thợ mỏ mặc áo thể thao sắc sỡ vỗ bồm bộp vào lưng nhau bên ngoài các “ba”. Cửa hiệu kim hoàn bận thu tít tít. Cato chạy việc vặt cho bố, cho cô gái bán hàng người Nam Phi và uống nước chanh trong căn phòng đằng sau cửa hiệu, nơi để những hộp cáctông, rơm và giấy lụa để gói hàng; đám chuột nhắt ở đây rất hỗn, bất cứ cái gì ăn được hễ quay lưng là biến mất liền.

Vào cỡ này trong năm, công việc của bác thợ đồng hồ luôn luôn bị ngắt quãng bởi những yêu cầu lắp dây đồng hồ mới cho khách hàng, hoặc chỉnh những chuỗi hạt quá dài, hoặc sửa những vòng bạc bị hỏng lấy. Để hoàn thành công việc sửa chữa đồng hồ, bác đến làm từ sáng sớm, trước khi cửa hàng mở và ở lại khá lâu sau khi đóng cửa. Và suốt ngày trong khi xung quanh bác tiếng lao xao của khách hàng, tiếng gói hàng sột soạt và tiếng chuông của máy báo thu ngân tràn ngập cửa hàng, bác cứ còm còm gập người trên bàn làm việc, cố gắng làm

mấy việc một lúc. nhiều khi dưới con mắt nôn nóng, nhiều sự của Máccút Shan hoặc của cô bán hàng. Ở xăngđuych ăn trưa của bác nhiều khi không được đựng tới. Có lần, một con chuột nhắt từ phòng trong mạo hiểm ra cửa hàng gặm hộ. Suất trà sáng và chiều của bác nổi vầng lên trong tách. Trên cái bàn ngổn ngang trước mặt, những lục phủ ngũ tạng nhỏ xíu của đồng hồ bị lẫn dưới những dây đeo bằng kim khí, những chuỗi hạt, những vòng tay. Bản thân bác trông cũng giống một con chuột nhắt lưng xám, luống cuống hồi hã trên mớ công việc bộn bề.

Vào cái ngày đặc biệt này, bác bận đến nỗi chẳng chú ý gì đến bộ mặt của cô bé lảng vảng đến quan sát qua lớp kính. Dù sao cô cũng ngắm bác một vài phút. Bác lắp một mớ bong bóng trong bụng một chiếc đồng hồ; đặt một chiếc bánh xe lên trên, cho ba mẫu chân kính vào những lỗ nhỏ bằng mũi kim. Rồi bác lấy ra chiếc “panh” để gắp một cái gì đó ngâm trong cồn. Hoá ra nó không ở đấy. Bác khoảng “panh” mò tìm, nhìn vào một cái đĩa khác, cuối cùng, nhướn mày lên, cho chiếc lúp soi gần ở hốc mắt trái rơi vào lòng bàn tay.

Bác đứng dậy khỏi chiếc ghê đầu, lần lượt nhìn đối thật kỹ dưới từng chiếc chuông thuỷ tinh, trong lòng từng chiếc đĩa bác lục bới một cách có hệ thống cái nắp hộp cáctông, trong đó bác giữ phôi giữa từ những dây đeo đồng hồ, những chuỗi hạt, những vòng tay - một mớ sợi xoắn loại màu vàng và bạc, nhỏ như những dấu chấm câu. Bác ngừng một lúc như để nghĩ xem nên tìm tiếp ở chỗ nào. Rồi ánh chớp loé của một giải pháp, một người

dịu bình thần làm mặt bác thư giãn. Bác từ từ đứng lùi lại, đẩy chiếc ghế đầu cốt kết ra sau trên sàn ximăng. Rồi bác tìm chặt lấy bàn làm việc, hai bàn tay ngửa lên bên dưới mặt bàn, nâng nó lên và đổ tuột tất cả cái mớ linh tinh trên đó rơi loảng xoảng xuống đầu chính mình.

Bác đứng đó, hai tay buông thõng hai bên sườn, giữa đám đổ nát. Mắt bác long lanh và miệng bác mím lại, khiến lớp da lõm chồm râu trắng, trắng ra ở cả trên lẫn dưới cặp môi đỏ dần. Bác thở hồng hộc, to đến nỗi có thể nghe rõ qua cái im lặng đột ngột trùm khắp cửa hiệu đầy những người.

Catơ vùng chạy trước khi dứt cú chuông im lặng ấy. Khi cô trở lại vào cửa hàng, có một đoàn đại biểu từ một mỏ tới, coi bộ hân hoan, đang chọn một hộp đựng dao đĩa ở khu vực gọi là gian nghĩa trang, để tặng một quan chức sắp về hưu. Đằng sau khoang SỬA ĐỒNG HỒ, bác thợ đồng hồ đang đặt những chiếc cuối cùng trong bộ đồ đựng bé tí xiu của bác trở về cái góc mọi khi vẫn để chúng; chỉ thiếu những cái chuông thủy tinh, chắc Anbe, gã lao công làm công việc dọn dẹp, đã quét chúng đi rồi. Mặt bác thợ đồng hồ tái nhợt nhưng bình thần đằng sau những chữ bằng vàng lá.

Bà Shan dành nhiều thời gian cho ông bác sĩ còn nhiều hơn cho bác thợ đồng hồ.

Những lần Catơ, hoặc Uyliam hoặc Diki ốm, và bà Shan đợi bác sĩ Conno trên chặng đi *tua* buổi sáng thăm bệnh nhân, bà thường dành sẵn một đĩa bánh nướng mới ra lò cho ông dùng trà trước mười giờ. Và nếu ông đến sớm hơn, vào lúc nhà còn đang rộn rịch lau chùi quét

dọn (công việc này không vì có người ốm mà được phép cắt đoạn), hể thấy ông tới gần là bà cho Amê và Phátcatê, hai người ở rút lui cùng chiếc máy hút bụi rền rĩ và máy cọ sàn của họ, kéo theo dây dợ lòng thòng.

Bà Shan thường đứng chống nạnh tươi cười, trong khi ông bác sĩ khám bệnh cho đứa trẻ. Ngay cả nếu trước đây mười phút, bà có thốt ra miệng những điều lo sợ nghiêm trọng nhất về bệnh tình của đứa bé với mẹ hoặc em gái bà qua dây nói, khi bác sĩ xuất hiện, bao giờ bà cũng chuyển sang một trạng thái tin tưởng và bình tĩnh. Thái độ bà trở nên bông lơn và đồng đánh: "Nào, cưng, giờ cái tom-tom cho bác sĩ xem đi... thật đấy, Diki, việc gì con phải mặc bộ quần áo ngủ này? Tại sao bọn nó lại cứ đi thích những cái đồ chẳng hợp tí nào nhỉ? ôi, trẻ con, trẻ con...?"

Rồi khi khám xong, ông bác sĩ và bà Shan biên mất vào phòng khách, rì rầm nói chuyện riêng. Khi bác sĩ Conno đứng dậy ra về, bà Shan thường tiễn ông qua lối vườn rồi đứng nói chuyện thêm qua cánh cổng hoặc cửa xe hơi.

Sau khi ông lái xe đi khỏi, bà chậm rãi theo lối vườn trở vào, thận trọng nắm trong tay tờ đơn thuốc ông đã kê; chậm rãi đi qua nhà, vào phòng ngủ, nơi đứa bé nằm. Nó gần như là một bất ngờ đối với bà... "Ô, con đấy ư cưng" - Bà lơ đãng nói: "Con phải nghỉ học mấy ngày. Bây giờ mẹ phải đến hiệu tân dược mua thuốc theo đơn này. Còn con phải nằm yên trên giường. không được chạy nhảy, nghe chưa? Bác sĩ Conno bảo...".

Rồi bà ra máy điện thoại nói chuyện với mẹ và em gái lần nữa: “Vâng, ông ấy đã đến. Đó, con thích ông ta chính ở điểm đó, khi mình cần là ông ta đến ngay lập tức. Và tất nhiên, đúng như con đoán... bị lạnh bụng thôi mà, và ông ấy nhận ra ngay lập tức. Ông Rô be đôn hậu, con sẵn sàng giao tính mạng mình cho ông ta bất cứ lúc nào, kể cả những khiếm khuyết của ông”.

Bà mẹ bao giờ cũng nhắc đến bác sĩ Conno bằng cái tên thánh oai vệ mà bà đã thấy ghi trên những tấm bằng học vị của ông ở trong phòng khám: Rôbe Endritgiơ. Trong nhiều năm, Cato vẫn mơ hồ nghĩ rằng cách gọi ấy là một thứ chỉ danh, như thế người ta nói ngài thiếu tá, hoặc ngài Tổng giám đốc, hoặc ngài Tổng biên tập vậy.

Những “khiếm khuyết” mà bà Shan và thực ra là gần như cả tỉnh đều biết, nhưng mặc dầu vậy, vẫn tin tưởng ở Rôbe Endritgiơ, tất nhiên là tật say sưa của ông ta. Không phải ông chỉ nghiện rượu, mà ông bị xiềng vào cái ma men một cách thảm hại, như một con chó to tướng và rụt rè rất giống ông bị xích vào cũi vậy. Ông không uống trong các cuộc liên hoan với bạn bè, mà chỉ độc酌 một mình trong những cuộc say túy lúy thường xuyên và trái quy luật: có khi tuần nào cũng khướt, có khi cách quãng hàng tháng, có khi lại thường nhật suốt cả tháng ròng. Một dạo, ông tỉnh táo đến hơn một năm, dạo khác, họa hoằn. Ông mới tỉnh táo trong một năm trời.

Trừ phi yếu lử lả sau một chiều nhậu đặc biệt dài, ông thường không uống tại nhà, mà lái xe ra thảo nguyên cùng với gã làm vườn người Phi và một hòm Brandy thô của Nam Phi - loại rượu rẻ tiền nhất, ông

uống ẩu, bất cần chọn rượu. Rồi ông ở đó vài ba ngày. Rượu thì bảo đảm cho ông quên lãng, còn gã người Phi, vốn chẳng thắc mắc, hay phản đối, hay lí sự, hay tỏ lòng thông cảm, thì bảo đảm sự sống còn.

Bởi vì điều kỳ cục là con người khốn khó này, trong khi lần đi uống, không phải cho khinh khoái mà để ngụy vào sang loạn, dờ dẩn một cách đáng xấu hổ, như một con vật ốm, theo bản năng, giấu bệnh của mình để những con cùng loài khỏi thấy, lại vẫn muốn sống sót. Mong muốn này mãnh liệt đến nỗi dường như nó che chở cho ông khỏi bị hại, ông lái xe trong khi say mà không tự giết mình và ông giải phẫu bệnh nhân trong khi say mà không giết họ. Thành thử, đối với dân phố, ông mang cái huyền thoại về một cuộc đời được phù phép, nên họ không sợ giao phó tính mạng cho ông. Ông sống một mình với bà mẹ trong một ngôi nhà rộng, bị sao lãng, với cái không khí ngất ngư, ảm đạm của những bức tường đồ đạc, của cái đã hấp thụ cái nhìn bất hạnh của lạng người cư trú lạng lẽ. Tại đây, trong phòng khách với những cái bình trống không, ông đã ngồi buồn bã sám hối cùng bà mẹ không hề trách móc một câu. Tại đây, trong phòng khách nơi ông khám bệnh của ông trong bộ đồ đánh vợt (những người vợ của ông đã đến và đi không gây được thiện cảm của ai), những lúc tuyệt vọng, ông đã giấu rượu trong những chai mang nhãn thuốc chữa bệnh. Và tại đây, trong hành lang nơi lớp bụi lưu cữu bao năm đã biến những mô lông đen xơ xác của một cái đầu linh d-ương thành một bộ óc giả trắng phếch, nhiều bận, ông

đã nằm sõng sượt dưới chân cầu thang suốt đêm, không đủ sức để lên phòng ngủ.

Ngôi nhà lặng lẽ nhưng nói lên tất cả những điều đó. Hồi đó ngày nào cô cũng đến nhà bác sĩ Conno để tiêm một đợt pênixilin chữa mụn nhọt phá khắp người. Những mụn nhọt của tuổi dậy thì ấy khiến cô hoang mang ghê tởm mình (thân thể cô trừng phạt cô hay chính nó bị trừng phạt, cô biết mình có tội tuy không biết là tội gì) và trong ngôi nhà này của bác sĩ Conno, có một cái gì lập tức nhận ra và về bề với sự ghê tởm bản thân. Cái đầu linh dương, những chiếc bình, cô gái quá cố mặt xanh xao, vận đồ tennít đều nhận họ hàng với cô.

Em không đơn độc, chúng nói, có cả một phía cuộc đời phù hợp với cảm giác của em.

Sự vào vào đó làm cô bàng hoàng và khơi dậy ý thức phải đấu tranh chống lại một nhận thức được áp đặt mà cô không muốn. Lần đầu tiên cái đầu bạc sớm, xương xẩu của bác sĩ Conno cúi xuống đôi bàn tay to, sạch, đang bẻ đầu ămpun để tra mũi kim tiêm vào, không gợi cho cô hình ảnh của sự cứu nạn, của kỹ năng và không làm cô yên tâm như trong tất cả những lần khác, những lần lên sỏi, sưng amidan hay gãy tay.

* *

*

Lớn lên, càng ngày Cato càng ít đến cửa hiệu của cha. Cô rời tỉnh đi học, mới đầu ở một trường nội trú, rồi một trường đại học. Mỗi lần về thăm nhà, cô đều cảm thấy sốc

khi thấy cửa hiệu vẫn nguyên như cũ, bác thợ đồng hồ vẫn làm việc trong cái khoang đằng sau dòng chữ bằng vàng lá. Ở tuổi mười bảy, mười tám cô cảm thấy thế giới cũng quay với cô, làm cho những thứ này vẫn tĩnh lại, vẫn nguyên chỗ cũ, như cái lâu đài nơi nàng công chúa chích ngón tay và làm cho mọi vật ngủ lịm cả trăm năm?

Cô mỉm cười với bác thợ đồng hồ từ xa nhưng không đi tới để nói chuyện với bác, như thế nếu vậy thì sẽ làm sống động cái bóng của con bé năm xưa thường đứng đó, bên kia dòng chữ, ngắm nhìn bác. Cái con bé hôm lễ Giáng sinh nóng thiêu đã thấy cái bàn làm việc của bác rừng mình lật nhào xuống đất như thế con vật nào đó nằm bên dưới, xưa nay vốn cần cù quy phục, bỗng cựa mình trong một cơn phản kháng bất lực.

Một khi mọi sứ mệnh của thời trẻ thơ đã lùi lại sau lưng cô (trẻ nhà Shan trải suốt lần lượt từ bạch hầu, thanh quản đến ho gà đều qua tay bác sĩ Conno điều trị), trong nhiều năm Cato không cần đến thầy thuốc nữa, nhưng mẹ cô thì vẫn cần luôn và một kỳ nghỉ, từ trường đại học về, Cato bực bội khi nghe thấy nói là bà Shan vừa đi đến nhà Rô be Endritgior. “Lạy Chúa, sao mẹ không thể đi đến một bác sĩ khác”. “Thôi mẹ thà chữa ông ấy còn hơn là nhờ đám trẻ đồng bóng ấy”. Bác sĩ Conno vẫn đi lại trong vùng trên chiếc xe hơi mà mọi người đều né ra nhường đường như thế đó là một con bò thân lang thang quanh phố phường; sau những lần mất tích theo chu kỳ, trở về, ông vẫn được lặng lẽ chấp nhận dưới tấm ảnh ở phòng khám trong ngôi nhà cũ kỹ, không kèm theo lời bình luận nào.

Trên các trang sách thì giun quần, người say rượu gục xuống rãnh nước vĩa hè chết bất đắc kỳ tử, thế giới chuyển vần ở cái tỉnh nhỏ này, Cato cảm thấy mọi thứ đều kiên nhẫn ghìem bước, phải, chẳng hạn, để giữ cùng nhịp với hai con người được mẹ cô dành cho nhiều thời gian đến thế.

Khi Cato tốt nghiệp và khi bà mẹ, với cung cách đảm đang thường lệ, thông báo rằng bà đã dùng ảnh hưởng của mình với Ban giám hiệu một trường địa phương dành sẵn được một chân giáo viên ở đó, thì tất cả những gì cô gái viện ra giải thích tại sao cô không muốn, không thể trở về sống ở cái tỉnh nhỏ này đều là những lý do logic hợp lý mà con cái thường dùng trong quá trình tách mình khỏi cha mẹ.

Nhưng lạ thay, với Cato, mặc dù cô biện bạch, lý sự như vậy, đó vẫn không phải là sự thật: cô không nghĩ đến những cơ hội giành được học vị cao hơn, đến phạm vi xã hội rộng mở hơn cho sự lựa chọn, đến sự kích thích văn hoá của cái thành phố cô sẽ đến, và ngay cả nếu cô có dẹp những luận điệu dập khuôn kể trên và thay vào đó, nói toạc rằng ở đó có nhiều tiền hơn, thì cũng chẳng cần lý do thật sự khiến cô ra đi hơn chút nào.

Lý do đó và nó là một nỗi kinh hoàng trong cô - đã dần dần hình thành từ toàn bộ thời thơ ấu của cô, thể hiện ở phận vị hai con người mà thực ra cô chỉ biết sơ sơ - một ông điếc và một ông say. Tại sao lại là họ? Hai người thiệt thòi, vô tội chẳng bao giờ hại ai chút đỉnh, như mẹ cô thường nói, mà hồi bé, cô mặc nhiên kính

trọng bởi lẽ họ thuộc loại người được cô dành cho nhiều thời gian.

Vậy mà, đến năm hai mươi tuổi, chính vì họ mà Cato biết không thể trở về sống ở tỉnh quê hương. Họ gắn liền trong trí cô và cô phải quay mắt khỏi họ, khỏi những mảnh vỡ của hình ảnh họ, để sống.

Dương Tường dịch

KẺ PHẢN BỘI HAY MỘT LINH HỒN BỐI RỐI

ALLBERT CAMUS

Nhà văn Pháp - Nobel 1957

Dầu tôi rồi mù cả lên! Cần phải lập lại trật tự trong đó. Từ khi họ cắt đứt lưỡi của tôi, hình như lại mọc thêm một cái lưỡi khác thì phải, tôi không biết nữa. Một cái lưỡi khác vẫn không ngừng quay trong đầu tôi, một thứ tiếng nói không biết của cái gì hay của ai, đang nói đột nhiên ngừng bật rồi lại liếp tục nói và tôi nghe thấy những điều mà tôi không thể nói ra, quả là rối rắm và mỗi khi tôi mở miệng thì chỉ thành tiếng sỏi đá đập vào nhau khi bị lắc trong bị. Phải có trật tự, phải có kỷ cương, cái lưỡi đó nói, đồng thời nó nói thêm nhiều thứ khác nữa. Đúng thế, tôi rất thèm trật tự, ít nhất thì một điều đã rõ ràng: Tôi đợi cha truyền giáo đúng ra sắp phải đến thay chân tôi. Tôi đang ở đó, trên con đường, cách thị trấn Taghasa một giờ đồng, nấp sau một đồng đá lở, ngồi trên một khẩu súng cũ. Trời bắt đầu hừng sáng trên sa mạc. Vẫn còn rất lạnh. Chỉ lát nữa thôi trời sẽ nóng khủng khiếp, kiểu nóng làm tôi phát điên, từ bao nhiêu năm rồi, chính tôi cũng không sao đếm xuể... Không, tôi phải gắng sức thêm một lần nữa! Cha truyền giáo thế nào cũng phải đến, hoặc sáng nay hoặc chiều nay. Tôi nghe nói hán đến cùng với một người dẫn

đường. Rất có thể hai thầy trò chỉ có một con lạc đà. Tôi sẽ đợi. Tôi đợi và chỉ cái lạnh mới làm được tôi run rẩy. Hãy kiên nhẫn thêm nữa, hồi tên nô lệ bẩn thỉu!

Tôi đã quen kiên nhẫn từ lâu lắm rồi. Hồi tôi còn ở nhà, trên cao nguyên của dãy núi Trung Tâm, cha tôi thô lỗ, mẹ tôi dốt nát, rượu vang, ngày nào cũng vẫn món xúp thịt mỡ, đặc biệt là món rượu vang, chua và lạnh. Và mùa đông dài dằng dặc, gió lạnh thổi, những cây dương xỉ đáng ghét, bấy giờ tôi thêm ra đi dứt bỏ tất cả những thứ đó ngay một lúc rồi bắt đầu một cuộc sống dưới ánh mặt trời với làn nước trong vắt. Tôi đã tin lời ông cha cố, ông kể tôi nghe về trường dòng. Ngày nào ông cũng chăm lo cho tôi, ông có nhiều thời gian rảnh rỗi trong cái vùng Tin Lành này, nơi ông lướt đi sát những bức tường khi phải qua làng. Ông cha cố kể với tôi về một tương lai có ánh mặt trời. Đạo Thiên chúa chính là vầng Thái dương, ông nói và ông dạy tôi đọc sách. Ông đã đem trở lại thứ tiếng La Tinh vào cái đầu dần dần của tôi. “Thằng bé này thông minh. Nhưng giống con lừa”. Cũng cần nói rằng cái sợ của tôi cứ đến nỗi suốt cuộc đời, qua bao nhiêu lần ngã, vậy mà đầu tôi không rớm máu lần nào. “Đầu của con bò cái”. Cha tôi cũng chỉ là thứ con lợn, vậy mà nói về tôi như vậy. Tại trường dòng tất cả bọn họ đều kiêu căng. Tuyển được một tên lính mới trong xứ sở Tin Lành ấy quả là một chiến công. Họ thấy tôi đến mà tưởng như nhìn thấy mặt trời mọc trên chiến trường Austerlitz⁽¹⁾. Một mặt trời nhợt nhạt, đúng thế, bởi hơi men. Họ thì chỉ uống thứ rượu

⁽¹⁾ Trận chiến thắng lấy lưng của Hoàng đế Napoleon năm 1805 trên đất Tiệp (N.D).

vang chưa còn con cái họ đều hồng răng, ha ha, phải giết lão linh mục thôi, đúng là phải như thế, nhưng không nguy hiểm gì hết. Đúng thế. Hắn ta xung vào chân truyền giáo vì ông ta chết từ lâu rồi, rượu vang chưa loét đã ăn thủng dạ dày của hắn ta, cho nên hắn chỉ còn mỗi một việc là giết cha truyền giáo.

Tôi có món nợ cần thanh toán với hắn ta và với những thầy của hắn, những kẻ đã đánh lừa tôi, với cái châu âu bản thủ, toàn thế giới đều đã đánh lừa tôi. Sứ mệnh truyền giáo, họ vẫn chỉ có mỗi mấy chữ ấy trên môi, đến nơi dân cư man rợ và nói rằng: “Đây là Thượng đế của ta, các người hãy nhìn vào đó. Thượng đế của ta không đánh ai, cũng không giết ai. Người bảo ban bằng giọng nói dịu dàng, ai tát Người má này thì Người chia má kia ra. Thượng đế của ta là vị Thượng đế vĩ đại nhất trong các Thượng đế, hãy chọn Ngài, các người thấy đấy. Thượng đế của ta đã làm cho ta tốt đẹp hơn. Các người hãy thủ xúc phạm ta đi, các người sẽ thấy”.

Đúng thế, tôi tin và tôi cảm thấy mình cao quý hơn, tôi trở nên cao to hơn, gần như điển trai, tôi mong được kẻ khác xúc phạm. Trong lúc tôi bước, ken chặt hàng ngũ và trong bộ áo chùng màu đen, mùa hè dưới cái nắng của xứ Grenoble⁽¹⁾, và khi đoàn chúng tôi gặp những đứa con gái mặc áo dài mỏng, tôi không cần ngoảnh mặt đi, tôi khinh bỉ chúng, tôi mong chúng xúc phạm tôi và đôi khi chúng cũng cười giễu chúng tôi. Khi đó tôi nghĩ: “Giá như chúng đánh mình và nhổ nước bọt

1. Thành phố nước Pháp, cách thủ đô Paris khoảng 600 km về phía Đông nam (N.D.).

vào mặt mình thì tốt”, nhưng tiếng cười của chúng, đúng thế, giống hệt như những cái miệng lõm chồm răng và những đầu nhọn đâm vào da thịt tôi. Sự sỉ nhục và nỗi đau đớn mới dễ chịu làm sao? Vị hiệu trưởng trường dòng đã không hiểu tôi khi tôi đau đớn, dằn vặt: “Trong con có điều lành!” Điều lành! Họa trong bụng tôi có rượu vang chua thì đúng hơn, nhưng như thế càng hay bởi vì nếu chưa xấu thì làm sao tốt lên được, tôi hiểu được điều đó trong toàn bộ những gì họ dạy dỗ tôi trong trường dòng. Bấy giờ tôi chỉ hiểu được có thể một ý tưởng duy nhất và con lừa thông minh, tôi đã đi tới tận cùng, tôi đến trước bực sám hối, tôi đọc kinh nhật tụng, cuối cùng tôi muốn trở thành mẫu mực, để người ta nhìn tôi trở thành người tốt đẹp, và qua tôi người ta cúi đầu trước Đấng Thượng đế của tôi.

Vàng mặt trời man rợ! Mặt trời lên, thế là sa mạc đổi hẳn bộ mặt, không còn cái màu xiclamen của những ngọn núi, ôi ngọn núi của tôi, ôi, tuyết mềm hiền dịu, không, đó là một kiểu màu vàng hơi xám, thời điểm khó nhìn, trước khi bùng lên sự chói lòa vĩ đại. Chưa, chưa có thứ gì trước mặt tôi, từ đây cho tới tận chân trời, nơi cao nguyên mất hút trong một quầng màu sắc sẫm sẫm dù vẫn còn mờ nhạt. Phía sau tôi, con đường trải dài tới tận cồn cát che lấp thị trấn Taghasa, cái tên gọi sắt thép ấy vẫn ong ong trong đầu óc tôi suốt bao nhiêu năm nay. Người đầu tiên nói đến cái tên ấy với tôi là ông linh mục già, mắt thông manh sống ẩn dật trong nơi về nghỉ của ông ở nhà tu kín. Nhưng tại sao lại là người đầu tiên? Ông ta là người duy nhất, và tôi, đây không phải là đây

phổ bằng muối, những bụi trong trắng dưới mặt trời đỏ lửa đã làm tôi kinh ngạc trong câu chuyện kể của ông ta, không, mà là sự độc ác của dân chúng man rợ, và thị trấn đó đóng chặt cửa với tất cả những người xứ lạ chỉ một người duy nhất đã tìm cách lọt vào, người đó mới có thể kể về những gì ông ta đã nhìn thấy tại đó. Dân chúng ở đó đánh đập và đuổi ông ta ra ngoài sa mạc sau khi xát muối vào những thương tích trên người ông ta, và nhét muối vào miệng ông ta. May thay ông ta đã gặp những kẻ du mục thương hại ông ta còn tôi thì từ ngày đó, tôi ngẫm nghĩ về câu chuyện của ông ta, về ánh lửa từ muối và từ vàng mặt trời, về căn nhà đặt linh vật và về những kẻ tín đồ nô lệ của linh vật đó. Người ta có thể tìm ra nơi nào man rợ hơn, đúng thế, đấy là sứ mạng của tôi, và tôi có bốn phận phải tới đó và chỉ cho dân chúng man rợ ấy thấy Đấng Thượng đế của tôi.

Trong trường dòng người ta giảng giải cho tôi để can ngăn tôi, làm tôi nhụt chí, bảo rằng cần phải chờ đợi, rằng đây không phải là nơi có thể truyền giáo được rằng tôi còn non nớt, tôi phải được huấn luyện một cách đặc biệt, phải biết tôi là ai và phải thử thách nhiều trước khi xem xét. Nhưng cứ chờ đợi mãi hay sao? Không. Còn nếu phải huấn luyện một cách đặc biệt và qua những thử thách thì cũng được thôi, nếu như những thứ đó được tiến hành ở thành phố Alger và lại giúp ích tôi tiếp cận gần đó thêm. Nhưng còn cái khác thì tôi lắc cái đầu búng bình của tôi và nhắc đi nhắc lại vẫn cái câu ấy: Tôi phải đến với cư dân man rợ, sống cuộc sống của họ, thuyết phục cho họ thấy ngay tại nhà của họ, thậm chí

ngay cả trong căn nhà đặt linh vật, rằng chân lý của Đấng Thượng đế của tôi mới là chân lý mạnh mẽ nhất. Dân chúng tại đó sẽ hành hạ tôi, sỉ nhục tôi, chắc chắn là như thế. Nhưng tôi không sợ bị hành hạ sỉ nhục. Đây là thứ cần thiết để tôi chứng minh, và bằng những cách tôi nắm được, tôi sẽ khuất phục những kẻ man rợ ấy như vầng mặt trời hùng mạnh. Hùng mạnh, đúng thế, chính đây là cái từ tôi nghiền ngẫm trên đầu lưỡi tôi. Tôi ước mơ đạt được quyền lực tuyệt đối, cái quyền lực bắt mọi kẻ khác phải quỳ gối, bắt đôi thủ phải quy hàng, cuối cùng tôi cải đạo cho họ. Đối thủ càng mù quáng, càng tàn bạo, càng tin chắc vào bản thân nó, càng bị vùi trong một niềm tin ngưỡng bao nhiêu thì nó lại càng sớm thừa nhận quyền hành của kẻ khiến nó thất bại bấy nhiêu. Cải đạo cho những con người ngay thẳng chỉ hơi bị lầm lạc chính là lý tưởng tâm thường của những vị linh mục của chúng ta. Tôi khinh bỉ họ là giới giang nhượng ấy mà làm được kết quả chẳng là bao. Họ thiếu niềm tin, nhưng tôi thì có. Tôi muốn cả những tên đao phủ cũng phải thừa nhận tôi, muốn bắt chúng phải quỳ gối và nói: "Hỡi Thượng đế, đây là chiến thắng của ngài!". Tôi muốn chỉ dùng lời lẽ mà chiếm được quyền lực trước một đạo quân những kẻ dữ tợn. Ôi, tôi đã quá tin vào lý lẽ của mình, chưa bao giờ tôi tự tin đến thế, khốn nỗi một khi tôi đã có một ý tưởng, tôi không thể rời nó ra được nữa. Đây là sức mạnh của tôi, đúng thế, cái sức mạnh của tôi mà tất cả bọn họ đều phải thương hại.

Mặt trời vẫn lên cao thêm, trán tôi bắt đầu nóng giãy. Những tảng đá xung quanh tôi nứt răng rắc rất

khẽ, chỉ riêng nòng khẩu súng của tôi là còn mát, mát như cánh đồng cỏ, như trận mưa buổi tối, ngày xa xưa, khi nổi xúp trên bếp chín dần, cha và mẹ tôi đợi tôi về và đôi khi cười với tôi. Có lẽ hồi ấy tôi cũng có yêu quý cha mẹ. Nhưng thế là hết, một tấm màn nóng giãy bắt đầu dâng cao lên từ mặt đường. Hãy đến đây đi, cha truyền giáo, tôi đợi cha, bây giờ tôi đã biết phải đáp lại lời kêu gọi kia như thế nào rồi. Các chủ nhân mới của tôi đã dạy cho tôi bài học và tôi hiểu rằng họ đúng, cần phải thanh toán món nợ tình cảm ấy. Hồi tôi trốn khỏi trường dòng ở thành phố Alger, tôi hình dung họ rất khác, những con người man rợ ấy. Trong toàn bộ mơ màng của tôi bấy giờ, chỉ đúng duy nhất có một điều, họ tàn ác. Bản thân tôi, tôi đã ăn trộm hòm tiền để dành, và vứt bỏ áo chùng, đã lặn lội qua dãy núi Atlas¹, những cao nguyên và sa mạc, người tài xế lái xe trên đường vượt sa mạc Sahara đã chế giễu tôi: "Ông đừng đến nơi đó!". Sao mà bọn họ nghĩ giống nhau đến thế. Những cồn cát như sóng biển kéo dài mấy trăm cây số, đỉnh cồn bù rôi, chúng tiến lên rồi lại lùi xuống theo chiều gió thổi, rồi lại đến núi, nhọn hoắt như mũi giáo đen sì, sườn núi sắc như bằng gang và sau chặng đường ô tô ấy, lại cần đến một người dẫn đường để đưa tôi ra biển, nơi có những viên cuội màu nâu, trải dài đến vô tận, dào dạt toả nắng, cháy thành muôn vàn ngọn lửa phản chiếu như qua những tấm gương soi, cho mãi đến ranh giới giữa miền đất da trắng và da đen, nơi hiện

1. Tên chỉ cả một hệ thống gồm nhiều dãy núi đá cao ở Bắc Phi.

lên thị trấn bằng muối. Rồi món tiền mà tên dẫn đường cướp đi của tôi, tôi khờ dại đem khoe với hắn, nhưng hắn đã bỏ mặc tôi giữa đường, ngay đúng chỗ này đây, sau khi đánh tôi: Đồ chó, đây là con đường mà tao hân hạnh qua lại. Mày cứ đi đi nữa, và chúng sẽ dạy cho mày!".

Và họ đã dạy cho tôi thật. Ôi, họ y hệt như mặt trời, không bao giờ ngừng, trừ ban đêm, giáng xuống sức nóng và sự kiêu hãnh, lúc này họ cũng vừa mới đánh tôi dữ dội bằng những mũi giáo nóng bỏng đột nhiên xuất hiện từ dưới đất, được giấu trong tảng đá to kia, đúng thế, cho đến khi mắt tôi hoa lên và tôi không biết gì hết.

Bóng đêm nơi này đậm lại tốt. Làm sao có thể sống được trong thị trấn bằng muối, dưới lòng cái chảo lớn chứa đầy hơi nóng trắng bạch. Trên mỗi bức tường trắng đúng, được dẻo bằng mạt và bào sơ sài, những chỗ nhô lên do lưỡi mạt để sót lại ánh lên những ánh chói loà, cát vàng rải rác khiến những bức tường hơi vàng đi đôi chút, trừ phi có gió mạnh thổi qua quét đi những hạt cát đó và những bức tường lại trắng toát lên sáng chói, dưới một bầu trời cũng được quét sạch, trở ra một màu xanh biếc. Tôi thành mù, trong những ngày đó, khi đám cháy bất động nổ lách tách hàng giờ liền trên mặt những sân trời trắng toát, cũng hoà lẫn vào mọi thứ khác, y hệt như một ngày nào đó, xa xôi lắm rồi, họ cùng tấn công vào ngọn núi muối, đầu tiên san nó thành bằng địa, sau đó khoét chúng thành đường phố, nhà cửa, hoặc như, hơn thế nữa, họ rạch địa ngục trắng của họ bằng cách dùng một đám vôi nước nóng bỏng đốt, để chứng minh rằng

nơi không ai dám đến ở thì họ ở được, không phải chỉ trong ba chục ngày, nơi sức nóng buổi giữa trưa ngăn cản mọi sự tiếp cận giữa con người với con người bằng những hàng rào lửa vô hình và những tinh thể nóng bỏng. Nơi những cái lạnh giá ban đêm tiếp liền ngay cái nóng lại buộc họ đứng bất động, cách xa nhau, trong những vỏ sò bằng muối mo, những cư dân trên một băng đảo khô khốc, những cư dân Esquimaux¹ đen đui run rẩy trong những tảng băng dài vuông vắn. Đen ư? Đúng thế, bởi họ đều mặc áo choàng dài chấm gót bằng vải đen và muối lọt vào tận móng tay họ, họ nhai và nuốt mặt lại trong giấc ngủ địa ngục. Muối mà họ uống cùng với nước lấy từ một khe suối duy nhất nứt ra giữa đá muối lóng lánh, để lại trên áo quần màu sẫm của họ những đường trắng ngoằn ngoèo giống như những vết bò của loài ốc sên để lại trên tàu lá sau cơn mưa.

Mưa, ôi Thượng đế! Chỉ có thứ mưa đáng gọi là mưa, đó là trận mưa dài dằng dặc, tàn nhẫn, của bầu trời của Ngài. Rồi sau đó thị trấn như bị gặm nhấm, từ từ sụp đổ, tan hoàn toàn trong làn nước đặc sánh trôi theo những cư dân ác thú ra tận bãi cát. Chỉ một trận mưa duy nhất, hỡi Thượng đế! Nhưng Thượng đế nào cơ chứ? Bởi họ chính là Thượng đế của chính họ. Họ ngự trị trên những ngôi nhà khô cằn của họ, trị vì những tên nô lệ da đen mà họ bắt phải chết trong mỏ và mỗi vạt muối lại đòi một mạng người trong những xứ sở phương Nam. Họ đi lạng lẽ, trùm những tấm mạng để tang, trong màu

1. Dân miền Bắc cực (N.D).

trắng của quặng muối trên các đường phố và khi màn đêm buông xuống, khi toàn thể thị trấn chỉ là một bóng ma đục sữa, họ khom người bước vào những ngôi nhà mà tường lấp lánh muối. Họ ngủ, giấc ngủ chập chờn, để sáng mai thức dậy họ lại tiếp tục ra lệnh và đánh đập. Họ nói rằng họ chỉ là một dân tộc, rằng Thượng đế là có thật và cần phải vâng lệnh Ngài. Đây là những chủ nhân của tôi. Họ không hề biết đến lòng thương và cũng như mọi ông chủ khác, họ muốn chỉ có mình họ, muốn tiến lên mình họ, muốn ngự trị mình họ, bởi vì chỉ họ mới đủ dũng cảm khoét muối thành cái thị trấn nóng như lửa này. Còn tôi...

Khi mặt trời lên cao, đầu tôi ong ong, mồ hôi toát ra như tắm, nhưng họ thì không sao. Giờ đây bóng đêm cũng hừng hực như lửa đốt, tôi cảm thấy mặt trời đang ngự trị bên trên tảng đá trên đầu tôi. Và nó đánh xuống như búa, giáng lên tất cả các tảng đá và tạo nên một bản nhạc. Bản nhạc rộng lớn của buổi giữa trưa. Không khí run rẩy và những tảng đá lắc lư trên hàng trăm cây số, giống như ngày xưa tôi nghe thấy sự im ắng. Đúng thế. Đây cũng chính là sự im ắng đó, đã tiếp đón tôi khi đám lính canh dẫn tôi lần đầu tiên đến trình diện họ, dưới ánh nắng gay gắt, tại giữa bãi rộng trung tâm thị trấn, từ đó nhìn ra, những dãy nhà xếp thành vòng tròn đồng tâm cứ cao dần lên đến bờ chiếc chảo mà vùng là bầu trời xanh khô khốc. Tôi ở đó, bị họ hất cho ngã quỵ xuống, đúng giữa rốn của cái khiên trắng toát ấy, hai mắt cay nhức bởi những tinh thể muối bay vào và hơi nóng từ các bức tường phản ra. Mặt tôi tái nhợt vì mệt,

tai rỉ máu do bị tên lính canh đánh và họ đứng đó, to lớn, đen sì, nhìn tôi lặng lẽ. Lúc đó đúng giữa trưa. Mặt trời hắt lửa, cả bầu trời phản chiếu xuống, những tấm tôn bị nung trắng. Vẫn là thứ im ắng ấy và họ nhìn tôi. Thời gian tiếp tục trôi. Nhưng họ vẫn nhìn tôi mãi. Phần tôi, tôi không chịu nổi những luồng mắt ấy, tôi mỗi lúc một thở hổn hển. Rồi đột nhiên, không nói một lời, tất cả bọn họ quay lưng, cùng bỏ rơi tôi và đi về một hướng... Tôi quỳ gối và chỉ nhìn thấy những chiếc dép đỏ và đen. Nhưng bàn chân của họ mũi nhấc hơi cao, gót đập xuống đất, và khi bãi trống không còn ai nữa, bọn lính canh giải tôi về căn nhà thờ linh vật.

Ngồi xồm, cũng như lúc này núp bên dưới tảng đá và lửa nóng vẫn xuyên qua tảng đá xuống tôi, tôi đã bao nhiêu ngày sống trong bóng tối của căn nhà thờ linh vật, hơi cao hơn các nhà khác bao bọc một hàng rào bằng muối. Nhưng không cửa sổ, tối đen, với những ánh lấp lánh của tinh thể muối. Nhiều ngày như thế. Họ cho tôi mỗi ngày một thìa nước mặn và ít hạt ngũ cốc vút xuống đất như cho gà để tôi nhặt lấy ăn... Ban ngày cửa vẫn đóng kín, tuy vậy bóng tối cũng giảm đi đôi chút, như thể ánh nắng vẫn thấm qua được lớp muối. Không có đèn, tôi dò dẫm theo các bức tường, đụng vào những lá cọ khô khốc trang trí dính vào tường. Tôi lần vào sâu bên trong và thấy một cánh cửa, tôi sờ được thấy then. Rất nhiều ngày sau đó, nhiều lắm, không thể đếm xuể cũng như không đếm xuể giờ giấc. Nhưng họ đã vút những hạt ngũ cốc vào cho tôi thế là mười lần và tôi đào một cái hố để đại tiện. Tôi đã dậy những mùi uế khí vẫn

nồng nặc, đúng là một cái hang hốc của loài thú vật. Cuối cùng đến một hôm cửa mở ra và họ bước vào. Tôi ngồi xổm trong một góc nhà. Một người trong bọn họ bước đến gần tôi. Tôi thấy má tôi áp vào bức tường muối nóng bỏng, mũi tôi ngửi thấy mùi lá cọ khô và mắt tôi nhìn người đó. Y dừng lại cách tôi chừng một mét, lặng lẽ nhìn thẳng vào mắt tôi, rồi ra hiệu cho tôi đứng lên. Cặp mắt y ánh lên như kim loại, không biểu lộ gì hết, mặt y màu nâu như mặt ngựa, rồi y giơ cao tay. Vẫn thản nhiên như trước y véo vào môi dưới của tôi vận từ từ tới lúc môi tôi bị rách ra, rồi vẫn không nhẹ bớt gọng kìm, y dùng mấy ngón tay đó vận mạnh bắt tôi phải quay người lại và từ từ bước ra giữa phòng. Y giật mạnh môi tôi, buộc tôi phải quỳ xuống. Môi tôi đã toé máu. Sau đấy y buông tôi, quay lại đám người của y đang ngồi dọc theo bức tường. Họ nhìn tôi rên rỉ trong luồng ánh sáng sáng rực lọt qua ô cửa mở. Trong phòng không còn một góc nào tối. Trong luồng ánh sáng ấy xuất hiện tên phù thủy, tóc xoã, mình mặc một chiếc áo tết bằng ngọc trai, hai chân để trần ló ra khỏi chiếc váy tết bằng rơm, mặt đeo mặt nạ bằng những ống sậy ghép vào nhau bởi sợi dây thép, trở hai lỗ hình vuông để nhìn.

Gã phù thủy vào, theo sau là những nhạc công và đám phụ nữ mặc những chiếc áo màu sắc sỡ, rộng thùng thình, không thể đoán được vóc người bên trong của họ ra sao. Họ nhảy múa trước ô cửa bên trong, những động tác thô thiển, hơi thành nhịp một chút, trông như chỉ động đậy uốn éo thể thôi. Cuối cùng gã phù thủy mở cửa sau lưng tôi. Đám chủ nhân của tôi vẫn ngồi đó, chỉ nhìn

tôi và không nhúc nhắc gì hết. Tôi quay lưng lại và nhìn thấy linh vật, hai đầu như hai lưỡi rìu, mũi là một sợi dây thép uốn cong như con rắn.

Họ nhắc tôi đến trước bệ thờ linh vật bắt tôi uống một thứ nước đen sì, rất chua, chua loét, khiến đầu óc tôi nóng ran như lửa đốt. Thế là tôi cười vang: Vậy là tôi đã được sỉ nhục, được hành hạ. Họ cởi hết quần áo tôi ra, lấy dầu nhờn lau khắp người tôi, quất dây thừng tẩm nước muối vào mặt tôi. Tôi cười sằng sặc và cố quay đầu đi. Nhưng mỗi lần tôi quay đi thì mấy người đàn bà đứng bên lại túm tai tôi kéo tôi quay mặt về phía linh vật và để tôi nhận sợi dây thừng tẩm nước muối quất vào mặt. Gã phù thủy liếp tục quất tôi. Tôi chỉ nhìn thấy cặp mắt của gã đằng sau lỗ hổng vuông trên mặt nạ. Mặt tôi đầy máu nhưng tôi vẫn cười sung sướng. Họ dừng lại. Nhưng không ai nói gì, trong khi đó đầu óc tôi ong ong nhúc nhối. Họ bắt tôi đứng lên và ngược mắt nhìn linh vật. Tôi không cười nữa. Tôi hiểu rằng thế là từ nay tôi phải thờ phụng, phải sùng kính nó. Không, tôi không cười nữa.

Nỗi sợ hãi và nỗi đau đớn làm tôi ghen cổ họng. Thế là từ đó trong căn nhà trắng toát, giữa bốn bức tường bị mặt trời bên ngoài nung nóng, mặt tôi căng ra, trí óc tôi mù mẫm, đúng thế, tôi bắt đầu cầu nguyện linh vật. Chỉ còn mỗi nó và khuôn mặt ghê tởm của nó dù sao vẫn chưa đáng ghê tởm bằng thế giới bên ngoài. Đến lúc đó họ buộc hai cổ chân của tôi bằng một sợi dây thừng chỉ vừa đủ để tôi đi được những bước ngắn. Bây giờ đám phụ nữ lại nhảy nhót. Nhưng lúc này là trước bệ thờ linh vật. Các "ông chú" tản dần ra ngoài.

Lúc họ ra hết, khép cửa lại, tiếng nhạc vang lên. Gã phù thủy đã châm lửa vào một đồng vỏ cây đặt dưới đất rồi nhảy múa xung quanh. Bóng gã in lên tường, to lớn và bị gãy theo những đường góc bập bênh trên những mặt tường phẳng. Đám đàn bà lôi tôi vào góc nhà gã phù thủy vạch thành một hình chữ nhật xung quanh tôi. Tôi cảm thấy những bàn tay đàn bà khô và mềm mại. Đám đàn bà đặt trước mặt tôi một bát nước và một đồng nhỏ hạt ngũ cốc rồi trở vào linh vật. Tôi hiểu rằng họ bảo tôi là phải nhìn lên đó. Gã phù thủy lúc gọi họ đến xung quanh đồng lửa, quất roi vào họ khiến cho một vài người đàn bà rên rỉ. Sau đó họ bước đến trước bệ thờ và cúi lấy linh vật. Gã phù thủy vẫn nhảy nhót và đẩy đám đàn bà ra ngoài, chỉ còn lại một cô gái rất trẻ ngồi bên cạnh các nhạc công vẫn chưa bị đánh. Gã phù thủy túm lấy một dải tóc của cô gái, quay bàn tay quăn dần dải tóc vào đó cho đến lúc cô gái bật ngửa, cặp mắt trợn lên vì đau đớn. Cuối cùng cô ngã ngửa ra đất. Gã phù thủy buông cô ra và hét lên gì đó Đám nhạc công úp mặt hết vào tường, trong khi gã phù thủy vẫn trong chiếc mặt nạ có hai lỗ vuông, đảo mắt và miệng vẫn tiếp tục kêu to dần đến lúc không thể kêu to hơn được nữa. Cô gái lăn lộn trên sàn nhà lên cơn rồi chống hai tay và hai chân lên, cô kẹp đầu vào giữa hai cánh tay. Cô cũng kêu những tiếng nhỏ và gã phù thủy, miệng vẫn hét, mắt đăm đăm nhìn lên linh vật, gã bắt đầu làm tình với cô gái, động tác nhanh nhẹn nhưng phũ phàng. Lúc này không thấy được mặt cô gái vì cô chống hông và những vạt áo dày che lấp. Và tôi, do cảm giác cô đơn và hoang mang, tôi cũng kêu lên kinh hãi trước linh vật cho đến khi một bàn chân đá mạnh,

hất tôi đập người vào tường, miệng tôi ngoạm vào muối trên tường giống như lúc này đây, tôi đang ngoạm vào tảng đá bằng cái miệng không có lưỡi, đợi kẻ mà tôi phải giết.

Lúc này mặt trời đã bắt đầu xế bóng. Qua khe đá tôi nhìn thấy mặt trời như một cái lỗ đục giữa tấm sắt tây nóng bỏng, giống một sa mạc không màu sắc. Trên con đường trải dài trước mặt tôi không có thứ gì hết, kể cả một hạt bụi ở chân trời. Chắc hẳn họ đang lừa tôi. Nhưng không, chỉ đến cuối buổi chiều họ mới mở cửa ra và phát hiện được là tôi đã bỏ trốn. Bởi vì vào lúc đó họ thường cho tôi ra ngoài một chút sau cả một ngày quét dọn, lau chùi căn nhà đặt linh vật, thay các đồ dâng cúng. Rồi đến tối mới là giờ lễ. Thông thường họ đánh đập tôi, chỉ thỉnh thoảng mới không, bắt tôi thường xuyên thờ phụng linh vật, linh vật mà hình như in sâu vào trí óc tôi như bị đốt bằng sắt nung đỏ, hằn vào ký ức tôi và bây giờ là vào niềm hy vọng của tôi. Chưa bao giờ có một Đấng Thượng đế nào lại nắm giữ tôi và nô dịch tôi chặt chẽ đến như linh vật này. Toàn bộ cuộc sống của tôi, cả ngày lẫn đêm tôi đều dâng hiến cho nó. Nỗi đau đớn và cả nỗi không đau đớn, thậm chí cả niềm vui đều do nó ban cho tôi, thậm chí cả nỗi thèm khát, do ngày nào tôi cũng phải chứng kiến cái hành động làm tình lạnh lùng và tàn bạo bằng tại chú không phải bằng mắt bởi lúc gã phù thủy làm chuyện đó, tôi phải úp mặt vào tường nếu không sẽ bị đánh ngay. Nhưng mặt úp vào tường bằng muối, bị những cái bóng đen thú vật lay động trên vách áp đảo, tôi nghe rõ tiếng kêu kéo dài, cổ

họng tôi khô khốc và một nỗi thèm khát khiến thái dương và dưới bụng tôi quặn đau.

Ngày lại ngày cứ tiếp tục như thế đến nỗi không phân biệt ngày nào với ngày nào bởi chúng hoà tan vào nhau trong một cái nóng thiêu đốt và sự phản chiếu của những bức tường muối lạnh lùng. Thời gian chỉ còn là một sự bùng nhùng không rõ hình thù, cắt quãng đều đặn những tiếng kêu thét đau đớn chiếm đoạt. Tất cả chỉ như một ngày kéo dài dằng dặc không tuổi tác, nơi linh vật ngự trị giống như vầng mặt trời tàn ác ngự trị trên mái che bằng đá của tôi lúc này. Và bây giờ cũng như lúc đó, tôi khóc vì đau đớn và vì thèm muốn. Một niềm hi vọng độc ác thiêu đốt tôi. Tôi muốn phản bội. Tôi liếm nòng khẩu súng của tôi và linh hồn của nó bên trong; linh hồn của nó, chỉ những khẩu súng mới có linh hồn; mà đúng thế, từ ngày họ cắt mất lời của tôi, tôi đã học được cách thờ phụng linh hồn bất tử của lòng căm hờn.

Sao mà mọi thứ rối tung đến thế, sao mà tôi uất giận đến thế cái nóng làm tôi mê đi, tôi cúi xuống, áp má vào khẩu súng. Ai đang thở hỗn hển vậy?

Tôi không thể chịu nổi cái nóng dài dằng dặc, tôi không chịu nổi sự chờ đợi. Tôi cần phải giết ông ta. Không một con chim nhỏ, không một ngọn cỏ, chỉ có tảng đá, một nỗi thèm muốn khô cằn, sự im ắng, những tiếng kêu của gã phù thủy và cô gái, cái tiếng nói bên trong của tôi đang nói và từ ngày họ hủy hoại thân thể tôi, nỗi đau khổ kéo dài, phẳng lì và vắng vẻ thiếu cả đến nước của ban đêm, cái ban đêm mà tôi thường ao ước, khi bị nhốt cùng với Đấng Thượng đế, trong cái hốc bằng muối.

Chỉ trời đêm với những vì sao tươi tắn và những dòng suối tối tăm mới có thể cứu rỗi được tôi, bứt tôi ra khỏi những Đấng Thượng đế độc ác của loài người. Nhưng vì liên tục bị giam cầm tôi không sao được chiêm ngưỡng những thứ đó.

Nếu như kẻ truyền giáo kia đến trễ, tôi sẽ được thấy trời đêm ít nhất cũng mọc lên từ sa mạc, chiếm lĩnh bầu trời, cảnh nho lạnh sẽ rủ xuống từ đỉnh bầu trời tăm tối và tôi có thể uống nước ở đó thoả thích, thấm ướt cái lỗ đen ngòm và khô khốc không còn một thớ thịt nào mềm mại và sống động có thể làm cho ẩm ướt và mát mẻ. Tôi thêm được quên đi cái ngày mà nỗi điên rồ đã chi phối cái lưỡi của tôi.

Hôm đó trời nóng khủng khiếp, muối chảy ra hay ít nhất cũng là tôi tin như thế không khí làm mất tôi nhúc nhút, gã phù thủy bước vào, không đeo mặt nạ. Gã gần như trần truồng, chỉ có một mảnh vải xám khoác trên người. Một cô gái mới bước theo sau gã, mặt sẫm những đường ngoằn ngoèo giống như mặt linh vật. Cô không nói năng gì, vẻ mặt thờ ơ như một ngẫu tượng ác thần. Chỉ riêng thân thể gầy và phẳng của cô ta là có sinh khí. Cô ta nằm xuống bệ thờ linh vật trong lúc gã phù thủy mở cửa phía trong. Gã đi ra không hề nhìn tôi. Cái nóng tăng lên. Tôi không động đậy. Linh thần trên cao vẫn nhìn xuống tôi qua tấm thân bất động đang nằm bên dưới. Tuy vậy những thớ thịt trên người cô gái vẫn nhúc nhích. Khuôn mặt như ngẫu tượng không thay đổi lúc tôi bước đến gần. Chỉ có cặp mắt mở to của cô nhìn tôi. Chân tôi chạm vào chân cô. Cô vẫn không nói gì, chỉ

chăm chú nhìn tôi bằng cặp mắt mở to. Đang nằm nghiêng, cô từ từ xoay người để nằm ngửa ra, khê thu lại hai chân và choài hai đầu gối ra. Những gã phù thủy đã rình và ngay lúc đó họ ủa vào, lôi tôi ra khỏi cô gái, đánh đập rất mạnh vào vật tội lỗi của tôi. Nhưng tội lỗi nào, tôi cười, thế đức hạnh thì ở đâu? Họ đẩy áp tôi vào tường, một bàn tay cứng như thép bóp chặt hàm tôi một bàn tay khác cạy miệng tôi, kéo lưỡi tôi ra cho đến khi nó chảy máu và lúc đó chính là tôi kêu thét lên cái tiếng kêu của loài thú vật. Một nhát đưa nhẹ và mát mẻ, đúng thế, mát mẻ lướt trên lưỡi tôi. Lúc tôi tỉnh lại, xung quanh không còn ai. Một mình tôi trong đêm tối, ngồi tựa lưng vào tường, đầu máu đã khô lại rồi. Một nắm lá khô bít đầy, kín miệng tôi. Một mùi là lạ, máu không chảy nữa, nhưng tôi cảm thấy bên trong miệng rộng thế nào ấy và chỉ thấy một nỗi đau khủng khiếp trong đó.

Tôi định đứng lên nhưng lại ngã vật xuống, sung sướng, tôi vô cùng sung sướng khi thấy mình sắp được chết. Cái chết đối với tôi lúc ấy sao dễ chịu đến thế, và trong bóng của nó không có một Thượng đế nào ngự trị.

Tôi lại chưa chết. Một nỗi căm hờn trẻ trung một ngày kia đã vùng lên đồng thời với tôi, đi tới khung cửa phía trong, mở đi ra rồi khép lại. Tôi căm hờn những đồng bào của tôi, linh vật vẫn ngồi đó và trong đáy cái hốc mà tôi bị nhốt, tôi đã làm một việc hay hơn là cầu nguyện y, tôi đã tin vào y và từ bỏ tất cả những gì tôi đã tin trước đó. Linh vật kia là sức mạnh, là uy lực, người ta có thể phá huỷ y. Nhưng không thể cải giáo cho y.

Y nhìn tôi bằng cặp mắt trống rỗng và han gỉ. Y là một ông chủ, là Thượng đế duy nhất mà tính chất kèm theo là sự độc ác. Làm gì có ông chủ nhân đức?

Lần đầu tiên trên đời, do bị sỉ nhục quá nhiều toàn bộ xác thịt kêu thét với một nỗi đau duy nhất, tôi đã phò thác tôi cho y và chấp nhận giáo lý tàn bạo của y, tôi sùng tín thói ác độc trên thế giới này chứa đựng trong y.

Là tù nhân trong vương quốc của y, thị trấn căn cứ khoét trong ngọn núi muối, tách rời khỏi thiên nhiên, bị tước mất những mùa đâm hoa kết trái ngấn ngủi và hiếm hoi của sa mạc chịu đựng chi phối của những ngẫu nhiên, một đám mây bất ngờ, một trận mưa hung hãn và ngấn ngủi mà ngay mặt trời và những cồn cát rừng còn được biết tới, thị trấn mang trật tự với những góc vuông, những ngôi nhà hình hộp, những con người thẳng đuồm, vậy mà tôi tự nguyện làm một công dân hần học và bị hành hạ của nó, chối bỏ tất cả những gì mà người ta đã dạy dỗ tôi trước đây.

Tôi đã bị lừa. Chỉ có triều đại của sự độc ác mới không rạn nứt. Người ta đã lừa tôi. Chân lý hình vuông, nặng nề, đặc sệt. Chân lý không dung thứ sự đa dạng. Cái thiện chỉ là một điều ước mơ, một ý đồ mà người ta luôn luôn phải xem lại, bắt người ta phải cố gắng đến kiệt sức, một bên bờ mà người ta không bao giờ đạt tới. Triều đại của nó là điều không thể có. Chỉ có cái ác mới đi được tới những giới hạn tận cùng của nó và ngự trị một cách tuyệt đối. Chính cái ác mới là thứ cần sử dụng để tạo nên một vương quốc nhìn thấy được. Sau đấy người ta nghĩ lại, người ta hỏi như thế nghĩa là sao, chỉ duy

nhất cái ác là hiện diện. Đả đảo châu Âu, lý trí danh dự và thánh giá. Đúng, tôi cần phải cải đạo sang cái tôn giáo của các chủ nhân của tôi. Đúng, đúng, tôi là nô lệ, mặc dù hai chân tôi bị buộc dây và lưỡi tôi bị cắt.

Ồi cái nóng này làm tôi phát điên. Sa mạc kêu thét khắp mọi chỗ dưới thứ ánh nắng không thể chịu nổi. Và ông ta, Đấng Thượng đế kia, Đấng Thượng đế nhân từ, bây giờ chỉ nghe tên ông ta tôi đã buồn nôn, tôi chối bỏ ông ta bởi vì bây giờ tôi đã quá rõ ông ta rồi, ông ta mơ ước viễn vông và ông ta thích nói dối. Họ đã cắt lưỡi để lời lẽ của ông ta không lọt ra làm mê muội mọi người được nữa. Họ đã đóng đinh vào tận trong đầu ông ta, tội nghiệp cái đầu ấy, giống như cái đầu của tôi lúc này rồi tung rồi mù cả lên. Sao tôi mệt thế này? Đất có rung đâu, tôi biết chắc là như thế. Không phải người bị giết là một người chính nghĩa. Tôi nhất định không tin là như thế. Làm gì có người chính nghĩa mà chỉ có những kẻ tàn ác tạo nên sự ngự trị của cái chân lý không bao giờ nguôi. Đúng thế. Chỉ cái linh vật kia mới có sức mạnh. Nó là Đấng Thượng đế duy nhất của cõi đời này. Mệnh lệnh của y là cầm hờn. Đó cũng là cội nguồn của mọi sự sống, là làn nước mát, mát như bạc hà làm lạnh miệng và đốt cháy dạ dày.

Lúc đó tôi đã đổi tín ngưỡng. Họ thấy được điều đó. Tôi hôn bàn tay họ mỗi khi tôi gặp họ. Tôi là người của họ, tôi chiêm ngưỡng họ không biết mệt. Tôi tin cậy họ. Tôi hi vọng sẽ làm tàn phế những người phía chúng ta giống như họ đã làm tôi thành phế nhân. Và khi tôi biết tin một giáo sĩ sẽ đến truyền giáo ở đây tôi hiểu rằng tôi

sẽ phải làm gì. Ngày hôm nay giống như mọi ngày khác, nằm trong cái ngày dài dằng dặc đã khởi đầu trước đây bao nhiêu lâu. Cuối buổi chiều, tôi nhìn thấy một tên lính canh xuất hiện, chạy trên bờ cái chảo khổng lồ là thị trấn này. Vài phút sau, tôi bị giải về căn nhà thờ linh vật của đóng. Một tên trong bọn giữ chặt tôi dưới đất trong bóng tối, giờ sẵn thanh kiếm lên đe tôi. Thanh kiếm hình cây thánh giá. Nỗi lạng lẽ kéo rất dài, cho đến khi một tiếng động lạ rung chuyển cả thị trấn vốn xưa nay bình thản. Nhiều giọng nói vẳng đến tai tôi, một lúc sau tôi mới nhận ra là họ nói thứ tiếng của nước tôi. Nhưng khi những tiếng nói đó vẳng đến thì tên lính canh hạ mũi kiếm sát mắt tôi và hấn im lặng chăm chú nhìn tôi. Tôi vẫn còn nghe thấy hai giọng nói, một người hỏi tại sao căn nhà này lại phải canh giữ, hay ta phá cửa ra? Thưa trung úy? Người kia đáp cụt lủn: "Đừng!" Rồi sau đó một chút, y nói thêm rằng bản thỏa ước đã được ký kết. Thị trấn này chấp thuận một đơn vị gồm hai mươi chiến binh với điều kiện họ đóng quân bên ngoài hàng rào bao quanh thị trấn và họ tôn trọng phong tục tập quán của dân sở tại. Người chiến binh cười, họ nhượng bộ nhưng viên sĩ quan không biết, cũng có thể đây là lần đầu tiên họ chịu nhận một người nào đó chữa bệnh cho trẻ con và người đó là cha tuyên úy, sau khi họ đã chiếm được đất. Người chiến binh nói rằng nếu như quân đội không có mặt ở đây thì dân chúng sở tại sẽ cắt tai ông tuyên úy mất. Viên sĩ quan đáp: "Không đâu, cha Beffort sẽ đến đây trước cả đơn vị đồn trú. Chỉ hai ngày nữa cha sẽ tới". Tôi không nghe thấy thêm gì nữa, hồi hộp dưới mũi kiếm chĩa vào đầu tôi. Một bánh xe gài đầy

kim và móc nhọn đang quay ruồng trong người tôi. Họ điên rồi? Họ điên rồi! Sao họ lại để cho đám quân sĩ kia vào được cả thị trấn, xâm phạm sức mạnh bất chiến bại của họ, xâm phạm vào Thượng đế chân chính thật sự và kẻ kia, tên giáo sĩ sắp đến kia, họ sẽ không cắt lưỡi hẳn được và hẳn sẽ huênh hoang thuyết giáo một cách hỗn hào về lòng nhân đức mà không phải trả giá, không bị lãng nhục gì hết. Triều đại của cái ác sẽ bị trì hoãn, sẽ lại xuất hiện nỗi hồ nghi. Người ta sẽ lại mất thời gian mơ tưởng những điều viễn vông không thể thực hiện được, lại tốn bao công sức vô ích trong khi lẽ ra cần phải đẩy nhanh cho mau tới cái triều đại duy nhất có thể có. Và tôi nhìn lên mũi kiềm đang lăm lăm trên đầu. Ôi, sức mạnh duy nhất, hãy ngự trị trên thế gian này đi! Ôi, sức mạnh! Thị trấn dần dần trở nên im ắng cuối cùng của mở ra và tôi còn một mình, như bị thiêu đốt, cay đắng, cùng với linh vật và tôi đã thề với nó rằng tôi sẽ bảo vệ tín ngưỡng mới của tôi, bảo vệ những ông chủ thật sự của tôi, vị Thượng đế bạc chúa, rằng tôi sẽ phản bội lại tín ngưỡng ngày trước bằng bất cứ giá nào.

Cái nóng giảm đi đôi chút. Tầng đá không còn rung lên nữa. Tôi có thể lui ra khỏi cái hốc, nhìn sa mạc đang được che phủ dần bằng những màu vàng, rồi màu vàng đất và cuối cùng là màu vàng xám. Đêm qua, tôi đã đợi cho họ ngủ, tôi đã mở khoá cửa bước ra đi theo cái cách mà sợi dây thừng buộc nối hai cổ chân tôi cho phép. Tôi thuộc phố xá, tôi biết đến nơi nào có thể kiếm được một khẩu súng, công nào không có lính canh và tôi có cảm giác như mình núp trong cái hốc đá này bao nhiêu ngày

rồi. Mau lên, thăng cha truyền giáo kia đến mau lên! Chỉ lát nữa thôi, họ sẽ tìm tôi, sẽ lục soát tất cả các ngõ, các phía, họ không biết rằng tôi ra đây là vì họ, là để hầu hạ họ tốt hơn. Hai chân tôi run lẩy bẩy vì đói và vì cảm hờn. Ôi, kia rồi, nơi cuối đường hai con lạc đà hiện ra và lớn dần, chạy nước kiệu và tôi đã thấy bóng của chúng ngăn ngụt in trên cát. Hai kẻ đó cuối lạc đà vẫn với cái vẻ hồ hởi và mơ mộng như mọi khi. Vậy là chúng đây rồi!

Khẩu súng đâu, mau lên. Tôi nạp đạn thật nhanh. Ôi linh vật, vị Thượng đế của tôi nơi kia, cầu cho sức mạnh của Ngài vững vàng, cầu cho nỗi uất hận được tăng gấp nhiều lần, cầu cho lòng hờn căm ngự trị không thương xót trên một thế gian đầy những kẻ đau khổ, dọa dẫm, cầu cho cái tàn ác vĩnh viễn là ông chủ, cầu cho cái vương quốc trở lại, nơi trong thị trấn duy nhất bằng sắt thép và bằng muối kia sẽ có những bạo chúa đen đui nô dịch và chiếm đoạt các cô gái một cách không thương xót. Và bây giờ, bàn tay này hãy nổ súng vào lòng thương cảm, nổ súng vào sự bất lực và lòng nhân từ, nổ súng vào tất cả những gì ngăn và làm chậm lại sự xuất hiện của cái ác. Hai phát súng nổ và kia rồi, chúng ngã xuống và hai con lạc đà chạy thẳng về phía chân trời, nơi hai bầy chim đen sì vừa cất cánh lên bầu trời nhợt nhạt. Tôi cười, cười mãi. Tên linh mục truyền giáo quần quai trong tấm áo chùng bạc màu, hấn nghển đầu nhìn thấy tôi, tôi, thầy của hấn, hùng mạnh, bị buộc hai chân, tại sao tôi lại cười, tôi nín không cười nữa. Tiếng động phát ra khi báng súng này đập vào mặt hấn mới sướng tai làm sao. Hôm nay, hôm nay, rút cuộc thế là xong và trên

khấp sa mạc, kể cả những nơi cách đây hàng giờ đường, những con chó rừng sẽ ngẩng mũi lên đánh hơi và sẽ chạy về phía nơi bữa tiệc xác chết đang đợi chúng. Thắng lợi rồi! Tôi giơ cả hai tay lên trời, bầu trời đang lui đi dần, một bóng màu tím hiện lên mờ mờ bên kia đường. Ôi, những đêm châu Âu, tổ quốc, thời thơ ấu, tại sao nước mắt tôi lại trào ra giữa lúc chiến thắng này?

Cái bóng kia nhúc nhích, không phải, tôi nghe tiếng động từ đâu đó vắng lại và kia, chính là họ. Họ đang chạy lao về phía tôi như một đàn chim đen đuôi, những vị chủ nhân của tôi họ tóm lấy tôi, ôi, họ đánh tôi, họ sợ thị trấn của họ bị tàn huỷ và vang lên những tiếng hô reo, họ sợ những tên lính đến trả thù sau hành động của tôi, tại thị trấn thiêng liêng kia. Bây giờ xin các vị cứ tự về đi, cứ đánh đập tôi đi. Chân lý thuộc về các vị kia mà! Ôi, các vị chủ nhân của tôi, họ sẽ chiến thắng được đám binh sĩ, sẽ đánh bại được lời lẽ và tình yêu thương họ sẽ lên sa mạc, sẽ băng qua biển cả, sẽ dùng những cánh buồm đen của họ dim đi làn ánh sáng của châu Âu. Các vị chủ nhân của tôi, các vị hãy đánh đi, đánh vào bụng tôi, đánh vào mắt tôi, hãy rắc muối lên khắp lục địa. Mọi cây cỏ, mọi thứ gì thanh xuân sẽ tàn lụi và từng đám người dây buộc hai chân như tôi bây giờ, sẽ bước bên cạnh tôi trong cái thế gian vắng tanh như sa mạc, dưới vầng mặt trời độc ác của thứ tín ngưỡng chân chính. Tôi không còn là kẻ duy nhất nữa. Ôi, cái ác đã tạo nên tôi, nỗi giận dữ của họ là chính đáng. Và khi họ căng hai chân hai tay trên tấm ván lính chiến, tôi cười tôi sung sướng được đóng đinh câu rút như thế này.

Sao sa mạc yên tĩnh đến thế. Đêm đã xuống và tôi nằm một mình. Tôi khát cháy cổ. Vẫn còn phải đợi. Thị trấn ở đâu? Những tiếng động rất xa. Và bọn binh sĩ khéo đã thắng rồi. Không, không thể thế được. Nếu như binh sĩ thắng thì chúng chưa đủ tàn ác, chúng không biết cách cai trị, chúng sẽ lại nói rằng cần phải tốt hơn và rồi lại vẫn có hàng triệu người bối rối giữa cái thiện và cái ác, luôn luôn bị dẫn dắt. Ôi, hồi linh vật, tại sao Ngài lại bỏ rơi tôi? Thế là hết, tôi thấy khát cháy cổ, thân thể tôi nóng như bị thiêu, đêm tối tràn vào hai mắt tôi.

Giấc mơ dài dằng dặc ấy kết thúc, tôi tỉnh dậy. Nhưng không, tôi sắp chết, trời bắt đầu sáng, ánh sáng đầu tiên của ngày này là dành cho những người sống, còn tôi thì chỉ là mặt trời trong hư ảo, là đám ruồi nhặng. Ai nói vậy? Không ai hết. Bầu trời không mở ra đối với tôi nữa rồi, không, Thượng đế đâu có lên tiếng giữa sa mạc? Nhưng tại sao vẫn có tiếng nói nào đấy văng vẳng bên tai tôi: “Nếu như mi nhận cái chết vì hận thù và sức mạnh thì ai sẽ tha thứ cho chúng ta?”. Hay đấy là cái lưỡi khác trong miệng tôi, hay kẻ kia chưa chịu từ giã cõi đời vẫn nằm dưới chân tôi và nhắc đi nhắc lại: “Dừng cảm lên, dừng cảm lên, dừng cảm lên!” ôi, nếu như tôi lại lầm lẫn nữa? Những con người ngày xưa thân ái với nhau, những kẻ tôi có thể nhờ cậy, ôi, nỗi cô đơn đừng bỏ tôi! Đây rồi, người là ai vậy, tôi tả, miệng đầy máu, ông đấy à, ông phù thủy? Vậy ra đám binh sĩ đã đánh bại được ông rồi, muối đang bốc cháy nơi kia, chính ông là kẻ tôi tôn làm ông chủ kính mến của tôi!

Hãy bỏ cái vẻ hằn thù trên khuôn mặt ông đi hãy lành
hiền đi, tôi với ông đều lầm lẫn, chúng ta hãy bắt đầu
lại, chúng ta hãy khôi phục cả thị trấn để thành một nơi
tình thương. Tôi muốn trở về nhà. Đúng, ông hãy giúp
tôi, chìa tay ra, đúng thế, đưa tay cho tôi... Một nắm cát
bị ném vào đầy miệng của tên nô lệ ba hoa.

Vũ Đình Phòng dịch

NEVADA

John Updike

Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O'Henry/Pulitzer 1991

Calp tội nghiệp! Cô vợ Sara của anh đã quyết định cưới người tình ngay sau khi họ ly hôn, nàng không muốn chờ đợi thêm dù chỉ là một ngày: căn phòng khách sạn sang trọng ở Honolulu dành cho tuần trăng mật đã được đặt từ tháng rưỡi trước. Bởi vậy Calp rút cuộc phải nhả nhận đồng ý đi đón hai cô con gái ở Reno và đưa chúng trở về Denver. Anh đã xin được đi công tác ở San-Fransisco và thuê một chiếc xe. Sara đã lên giọng giễu cợt trong điện thoại: Sao không đi bằng máy bay? Vốn một là chuyên gia trong lĩnh vực khai thác dầu mỏ nên Calp hy vọng nhờ có chuyến đi bằng ô tô này mà tận dụng được một điều lợi ích nhất định cho mình: phong cảnh bên đường hứa hẹn xoa dịu nỗi đau vì sự đổ vỡ gia đình vừa rồi. Trước khi chuyển tới Denver, nơi cuộc hôn nhân của họ tan vỡ, do không chịu được áp suất không khí miền núi cao mà họ đã chuyển về sống ở New Jersey, bởi thế hai đứa trẻ hiểu biết miền tây ít lắm.

Anh tới Reno lúc chừng năm giờ nhiều, sau khi rẽ xuôi về phía nam từ xa lộ 80. Trái ngược với suy nghĩ của Calp, anh thấy thích thành phố này. Anh tìm được ngôi nhà cần phải tìm theo địa chỉ mà Sara đã cho anh

ấy là căn nhà nghỉ xây gạch đỏ ở mé sau khách sạn dành cho các tay lái xe ô-tô, trên nóc nhô cao hình một quân cờ domino to tướng bằng điện nhấp nháy: Anh thấy sợ và khao khát cái cảm giác đau khổ dần vật sẽ đến từ cuộc gặp sắp tới với Sara - cô nàng lúc này đã li dị với anh, là người đàn bà tự do và đang sung sướng chuẩn bị đón nhận một cuộc hôn nhân mới.

Nhưng cô nàng đã ra đi trước khi anh tới. Cả hai cô con gái đang ngồi một cánh trịnh trọng trên ghế sofa bọc da đã sờn như hai cô bé bệnh nhân trong phòng chờ của bác sĩ nha khoa vậy. Polly - đã mười một tuổi - nháy bả ra đón anh. - Mẹ đi rồi, - cô bé nói, - mẹ cứ nghĩ là bố sẽ đến sớm hơn nhiều, bố ạ.

Cô bé Laura mười sáu tuổi thì đứng dậy với vẻ chậm rãi trang nghiêm, nó chỉnh lại chiếc váy và lên tiếng: - Chú Jim đi với mẹ. Mẹ bực vì bố đến chậm đấy.

Calp bắt đầu phân trần: - Nhưng bố có biết đâu là mẹ sắp xếp mọi việc chính xác đến từng giờ cơ chứ.

Có lẽ không nghe thấy những lời anh nói nên cô bé Laura nói thêm:

- Mẹ cáu giận lắm bố ạ.
- Vì bố đi vòng, bố muốn xem hồ Tahoe mà.
- Chà, bố - Laura nói - bố lúc nào cũng mê thăm thú nơi này, nơi khác.
- Thế các con đã lo lắng sao ? - Anh hỏi.
- Dạ, không ạ.

Từ căn phòng bên cạnh xuất hiện một người đàn bà thấp nhỏ có cái cằm vuông và bà ta dừng lại bên chiếc ghế sofa.

- Hai cháu ngoan lắm ông Calp ạ. Chúng cứ ngồi trong nhà yên lặng, thậm chí còn từ chối không ăn bánh kẹp. Cháu Laura liên tục bảo với em nó: "Đừng nói những điều vớ vẩn, bố nhất định sẽ đến mà". Xin giới thiệu tôi là Betsy Morgan, chúng ta đã gián tiếp quen nhau mà.

Sara đã từng nhắc tới bà ta trong các bức thư, nàng viết: "Mụ kẻ cướp già Morgan là bà chủ nhà và mụ gián điệp". Fred Calp thử nhìn mình bằng cặp mắt của bà Morgan: "Chà, một anh chồng bị cấm sừng tội nghiệp". Anh biết vậy, tuy nơi đôi mắt nhỏ tí của bà ta thoáng những nét vui vẻ, còn cái tay bà ta chìa ra bắt tay anh thì khẳng khiu như cái chân gà. Anh chỉ hỏi:

- Thế việc ở tòa diễn ra có lâu không?

Câu hỏi vang lên có vẻ xuẩn ngốc, nhưng rõ ràng là không phải là vớ vẩn tai bà Morgan.

- Vốn vẹn có bảy phút thôi. Mà trên đời có những gã quan tòa sẵn sàng hành hạ những người phụ nữ khốn khổ đến phát điên. Họ làm thế chỉ cốt để giải trí cho đỡ. Nhưng cô Sara của ông thì thật cừ. Cô ấy đã không cho họ làm như vậy.

- Vâng, chuyện đó thì cô ta giỏi lắm. Và lại càng lớn tuổi càng giỏi hơn. Ô các con gái của bố, đồ đạc của các con đâu?



- Dạ, ở đây, dưới gầm ghế ạ. Tôi có thể dành phòng này cho ông nốt đêm nay. Nhưng, ông biết đấy, hôm qua có một bà đến đây từ Connecticut, bà ấy muốn thuê phòng này trong tháng rưỡi.

- Ô, không sao đâu. Tôi sẽ cố gắng tìm cho các cháu một nơi nào đó có cả bể bơi.

- Thật tình tôi sẽ nhớ chúng lắm. - Bà chủ nhà nói và cúi xuống hôn hai cô bé. Việc ấy nom như cuộc chia tay trong khung cảnh gia đình vậy. Thậm chí, đôi mắt bà Morgan còn đăm lệ. Trong khi bị bà Morgan ôm hôn, Polly vẫn kịp nói với:

- Bọn con đã có vé đi bơi ở bể bơi "Domino" nhưng mấy gã Mẽ Tây Cơ quý sứ ấy đã đến và biến nó thành nhà tắm cho mình, bố ạ.

Họ lên đường tới khách sạn dành cho khách đi xe hơi - không phải tới khách sạn "Domino", mà tới khách sạn bên cạnh. Sau đó Laura và Calp đứng nhìn Dolly vùng vẫy trong bể bơi.

- Laura, thế con không muốn mặc đồ tắm à?

- Không ạ. Mẹ đuổi chúng con xuống bể bơi nhiều quá đến nỗi tai con vẫn còn ong cả nước.

Calp hình dung Sara nằm trên chiếc ghế xích đu ngay sát bể nàg mặc bộ đồ tắm bikini với các hoa văn màu vàng cam và huyết dụ, còn bàn tay mềm mại ướt nước của nàng giơ lên che ánh mặt trời. Những người đàn bà khác có thể có đôi chân hay bộ ngực tuyệt vời. Toàn bộ vẻ đẹp của Sara tập trung nơi đôi tay nàng: những đôi tay như thế có ở các pho tượng thời cổ đại -

kiểu diễm, cân đối dài mảnh dẻ, không một nếp nhăn nào ở hai bờ vai. Tuổi tác không hề đe dọa đôi tay ấy, mà nàng đã xấp xỉ bốn mươi tuổi rồi. Nhưng chính điều đó lại là nguyên cớ cho cuộc chia tay: Sara không định đón sinh nhật tuổi bốn mươi của mình với anh. Đường như cô nàng muốn bắt đầu lại từ đầu cuộc du lịch với hi vọng lần thứ hai này, cô sẽ gặp may mắn hơn.

Laura nói tiếp:

- Với lại, bố ạ, nếu bố muốn biết, thì con đang thấy thán.

Với vẻ vụng về tức cười, Polly quăng người từ cầu bật xuống nước rồi ngoi đầu lên, miệng cười toét qua những lọn tóc ướt sẫm lòa xòa trên mặt. Cô bé lên khỏi bể bơi và lệt xệt đi lại chỗ hai người, cô vừa thở phì phò vừa run lập cập.

Bố con mình ra chơi trò chơi điện tử đi! - Làn da sần gai ốc của cô bé khiến cho lớp lông tơ mịn nổi rõ trên thân mình.

- Phải đấy chơi ở đấy thích lắm bố ạ!

Laura làm ra bộ người lớn, trách em:

- Đừng quấy rầy bố đi, Polly. Bố còn đang mệt vì đi đường dài và vì những chuyện vừa qua đấy em biết không.

- Bố không mệt đâu. Đi đi bố nhĩ! Có thể con sẽ chẳng bao giờ được tới Reno nữa.

Ba bố con đi trong thành phố gọi họ nhớ tới một thành phố thật đặc trưng ở New Jersey. Làn không khí trong trẻo tinh khiết của chốn vắng lặng, nơi những thời

khắc ban chiều tỏa ra một ánh bàng bạc giống như làn sương mờ trên những vùng công nghiệp. Những châu hoa trên bậu cửa sổ tầng hai bên trên những cửa hàng buồn tẻ cho thấy có người sống ở đó, sau những ô cửa sổ buồng rèm. Ở đây thậm chí còn có cả nhà thờ, điều anh hoàn toàn không ngờ. Còn dòng sông nhỏ có nét gì đó giống dòng sông ở Passaick¹ đang ồn ào vui vẻ chảy dưới những cây cầu. Tòa nhà của Tòa án thành phố - với nhiều người ngày nay nó chẳng khác gì thánh địa Mekka nhìn thật khiêm nhường: ẩn khuất trong bộ mặt bằng đá hoa cương của nó là sự oai nghiêm vô hồn khác hẳn mọi ngôi nhà tòa án khác. Chỉ có mỗi con phố trung tâm của Reno, một đường phố nhộn nhịp và rực rỡ như một đám hội hóa trang, đem lại sự tương phản gay gắt vào phong cảnh chốn này. Polly kéo anh lại chỗ những chiếc cửa dẫn vào ngôi nhà mà vé vào cửa đã được đặt trước cho cô bé, rồi nhét dây vào tay anh một nắm tiền xu để anh chơi thay cho nó. Con bé say mê với những chiếc máy chơi bạc tự động lắm, nó khoải màu sắc rực rỡ nơi chúng, rồi ánh đèn nhấp nháy liên hồi cùng những tiếng thở phào nhẹ nhõm do chúng phát ra bất ngờ, tiếng tiền xu leng keng và những ánh đèn chớp sáng ở mọi góc nhà nơi gian phòng sòng bạc thâm tối này. Tất thấy những âm thanh và ánh sáng sống đôi với món quà tiếp theo của vận may. Chẳng bao lâu sau, ngay cả Calp cũng thấy thích những chiếc máy đánh bạc tự động ấy, anh khoải khi từ trong ruột chúng phát ra tiếng ọc ạch

1. Passaick - tên một con sông ở tiểu bang New Jersey.

êm ái lúc anh nhét đầy bụng chúng những đồng năm cent và kéo cần gạt. Anh thắng và nhận thưởng vài lần, ấy là một vốc tiền xu đổ ào xuống một cái máng nhỏ đã nhẵn đến bóng loáng vì hàng ngàn ngón tay từng vét ở đây. Bây giờ anh, cùng Polly đi hết gian này đến gian khác, hai bố con đã hợp thành một cặp đấu thủ hưng phấn chứa chan hy vọng. Khuôn mặt tròn nhỏ của Polly ép sát vào kính những khi cô bé dõi theo anh và những đốm lửa nhỏ bùng sáng trên màn hình khi biểu diễn một vở vanxơ đầy tình nghịch của may mắn: một, hai, ba. . . Tại một gian sòng bạc có lối bước vào ngay từ hè phố, một chiếc máy chơi bạc tự động đứng đơn độc chờ đợi những đồng đô la bằng bạc. Polly nói:

- Ở chỗ này một lần mẹ đã thắng hai chục đô la đấy!

Calp hỏi Laura khi ấy đang nhìn anh trong sự im lặng ngụ ý coi thường:

- Thế chú Jim lúc nào cũng đi với các con và mẹ hả?

- Không, chú ấy đến tuần trước. – Cô bé đưa mắt nhìn bố như muốn dò hỏi xem bố cô muốn nghe chính điều gì.

- Chú ấy sống ở khách sạn Domino.

Polly bước lại gần hơn để khỏi bỏ sót bất cứ từ nào. Calp hỏi cô bé:

- Thế con có thích chú Jim không?

Đôi mắt nhỏ của nó thật khó khăn để dứt khỏi cái kỳ quan của ngành cơ khí kia:

- Chú ấy nghiêm nghị quá? Chú ấy bảo máy chơi bạc tự động là trò bịp bợm và chú ấy quyết không chi một xu nào cho cái trò đánh bạc này.



Laura lên tiếng:

- Theo con thì chú ấy là một người buồn tẻ quá mức bố ạ.

- Chắc con nói thế để làm bố thích chứ gì?

- Không ạ. Thực sự chú ấy thật đáng ngán và tẻ nhạt. Con đã bảo thế với cả mẹ nữa.

- Lẽ ra con không nên nói vậy. Con ạ, vì đây là cuộc sống của mẹ, con can dự vào đó làm gì?

Dường như vĩa hè phố bóng loáng bởi sự sạch sẽ như nhà thương làm nổi bật nét râu rĩ trên khuôn mặt mệt mỏi của hai cô con gái. Calp nhét đồng đôla kim loại vào mồm của con quái vật sau khi tưởng tượng rằng một phần nào đó của Sara vẫn còn lại ở đó, bên trong lồng cổ máy và anh sẽ có thể tiếp xúc với nàng nhờ cái thiết bị điện tử này. Cổ máy quả là quá to. Trong ruột nó có cái gì đó chậm chậm chuyển động và kêu xèo xèo. Cái đèn nhỏ màu đỏ nhấp nháy, sau đó là đèn màu vàng, rồi đèn màu xanh. Không thắng. Quay lại, anh phiên lòng hiểu rằng nét ủ ê của Polly và Laura có nguyên nhân do những lần không may mắn của anh.

Laura nói :

- Thôi, tốt hơn là chúng ta đi đi bố ạ. Bọn con sẽ chỉ cho bố xem một chỗ người ta bán món thịt bò xông khói ngon không kém gì miền đông đâu.

Xa lộ 80 vươn càng xa hơn về miền đông thì biến thành một khoảng không trống trải nhợt nhạt mang sắc màu nhiều đoạn xám xỉ hay màu lá oải hương, những thứ màu đặc trưng cho những tấm phim âm bản màu

khi không được để phơi sáng cho đúng. Dòng sông Humboldt - River từng một thời cung cấp nguồn nước đầy sức sống cho những đàn súc vật vận chuyển của dân đi tiên phong nay chảy dọc theo xa lộ và tưới nước cho cây cỏ quật quệu của miền thung lũng, ở đó thừa thớt những đàn bò được chăn thả. Nếu như không có những con bò, không có những chiếc ô tô lượn qua mặt chúng (có cảm giác ô tô chạy với tốc độ ba mươi chứ không phải tám mươi dặm một giờ), và nếu như không có những trạm bán xăng và quán ăn nhỏ hiếm gặp trên đường vốn hứa hẹn cung cấp “các máy chơi bạc tự động” cho khách du lịch, thì tiểu bang Nevada có lẽ trông hoàn toàn không có chút sinh khí nào.

Điều đó khiến Calp thích thú, bởi vì thế anh mới có thể bình tĩnh quay lại cuốn phim hồi ức gia đình trong đầu mình. Sara đang dùng chiếc máy xén cỏ trong sân vườn nhà họ ở South - Orange. Sara đi đằng sau chiếc xe nôi màu lam trên những chiếc bánh xe màu trắng ở đường Washington thành phố New York. Sara, khi trước ngày cưới của họ - mặc chiếc váy màu xanh da lươn điểm nét xanh đang đợi anh dưới mái hiên rạp chiếu bóng ở thành phố Năm Mươi Bảy. Sara, cô chủ nhà bận rộn, mặc chiếc váy màu hồng nhạt đang len lỏi trong phòng khách chật chội của họ, tay cầm chiếc đĩa đựng món trứng nhồi thịt băm. Sara, sau bữa tiệc nhẹ hơi chệnh choáng say, mặc chiếc xuchiêng mỏng màu đen đang nhảy điệu tuyết cạnh giường ngủ. Sara mặc chiếc quần jean đang khóc và bảo rằng chẳng ai có lỗi hết, rằng anh chẳng việc gì ở đây và “tốt nhất hãy để em

yên". Sau đó nàng quăng cả một gói bơ nguyên bay qua gian bếp lên tường khiến quyển lịch in tranh tuột rơi khỏi đỉnh. Rồi vào một buổi tối mát lạnh, Sara mặc chiếc váy ngắn trông như một cô bé nữ sinh ở Denver, nàng đi tình tự, còn chiếc máy tưới đang phun nước vào bồn hoa xanh ngay trước nhà họ. Sara, ăn mặc tề chỉnh và trở nên cay độc, đang ở trong buổi tiếp khách hàng tại văn phòng luật sư vì lý do cuộc ly dị sắp đến của họ. Trên các bức tường văn phòng ấy, treo trong khung lồng kính không chỉ là những tấm văn bằng đại học mà cả các tấm huy chương được thưởng nhờ thắng cuộc trong các lần trượt tuyết. Vào một buổi sáng chủ nhật xưa kia, Sara đang mở rèm kéo và đánh thức anh dậy: ánh sáng mặt trời chiếu xuyên qua chiếc áo ngủ trong suốt của nàng. Rồi cả hai người đang ngồi ăn cơm khách tại nhà một người bạn - bất ngờ Sara ném cho anh cái nhìn đầy vẻ mưu toan. Anh không ngờ rằng lại nhớ tới nhiều đoạn hồi ức đến thế. Nhiều cảnh mới rút ra từ cuộc đời của họ cứ liên tục xuất hiện trong trí não anh. Xứ Nevada xinh đẹp vẫn uể oải trôi qua trước mắt. Trên tấm bản đồ của họ đánh dấu nhiều thành phố chết. Laura ngồi bên cạnh và đang nghiên cứu tập bản đồ.

- Bố ơi, chỗ này có một thành phố tên là Nixon.
- Chúng ta sẽ ghé qua và sẽ bày tỏ với ông ta niềm thông cảm của mình:
- Chúng ta đã đi qua rồi. Nó hơi chệch sang trái thành phố Sparks. Sắp sửa đến một đô thị thực sự là Laveloc.
- Thế cái gì là thực sự ở thành phố đó hả con?

- Thế bố cứ chạy xe thế này mà không dừng lại hay sao?

Polly ngồi ghế sau cố kìm lại những mong muốn của mình.

- Ba bố con mình đỗ lại đâu đó ăn một chút gì đi chứ?

Calp đáp:

- Lẽ ra các con phải ăn sáng no một chút.
- Nhưng con không thể chịu được món khoai tây rán.
- Nhưng con vốn thích món thịt heo xông khói mà.
- Món ấy dễ ngộp trong sốt cà chua bố ạ.

Laura nói.

- Polly, em thôi nhõng nhẽo đi ! Em cứ làm cho bố phải căng thẳng thần kinh.

Calp phản đối:

- Không, em nó không làm bố căng thẳng đâu.

Thấy thế Polly quay sang nói với chị:

- Em không thể chịu được hơn nữa đâu.
- Em ơi, chúng ta mới đi chưa được một tiếng mà.
- Nhưng mà em thấy mệt lắm rồi.

Calp cười lớn, còn Laura cau mày:

- Em lạ nhỉ. Em có còn bé đâu cơ chứ.

Polly chống chế:

- Nhưng chị không phải là vợ đâu nhé!

Cả ba cùng chìm trong im lặng.

- Chả có ai nói chị là vợ cả.



Nevada đã biến mất khỏi khuôn hình. Sara bước ra khỏi ô tô - ấy là chiếc korve cũ kĩ mui lật. Nàng bận bộ đồ tắm liền. Mái tóc nàng dài dầu nắng gắt trở nên cứng và rối bù. Nàng đang nhai xúc xích nóng dầm sốt cà chua. Calp nhìn và nom thấy những hạt cát dính bên tai nàng giống như một cái vỏ ốc mỏng mảnh.

Polly tuyên bố:

- Bố ơi, trên tấm biển đằng kia viết là ba dặm nữa sẽ có “Đồ uống mát, bánh kẹp, bia đá và các máy chơi bạc tự động” đấy.

- Lại máy chơi bạc, máy chơi bạc! - Laura bỗng đứng nổi cáu và cầu nhàu. - Vì sao thì Calp không hiểu. - Chỉ có ở mỗi cái bang xấu xa này mới có những cái máy chơi bạc với những gã đàn ông ăn mặc chẳng ra sao cả.

Calp hỏi con gái:

- Thế con không thích đến Reno à?

- Thành phố ấy tệ lắm bố ạ. Cái làm con giận nhất là mẹ cứ làm bộ làm điệu trước bất cứ gã đàn ông nào mẹ gặp.

“Làm bộ làm điệu”, “gã đàn ông” – thứ ngôn ngữ giao tiếp của phụ nữ làm thính giác Calp bưng tỉnh như phải nghe một tiếng lóng nhà binh vậy. Anh chấn chỉnh con gái với vẻ lịch sự:

- Bố nghĩ là mẹ con không làm bộ làm điệu đâu, đấy chỉ đơn giản là mẹ vui vì được thoát khỏi bố mà thôi.

- Bố ạ, bố đừng bênh mẹ. Mẹ tỏ vẻ điệu bộ và nũng nịu ngay trước khi chú Jim đến, mẹ lúc nào cũng đảo mắt mọi nơi.

- Còn chị nữa đây. - Polly xen vào cuộc nói chuyện. - Chị thì sao, tưởng là chị đứng đắn lắm đấy hả? Chị nhớ lại mà xem, lúc chị ngúng nguẩy mông trước gã người Mỹ Tây Cơ ấy thì sao!

- Chị không ngúng nguẩy mông trước ai hết. ấy là chị học lao từ trên cầu nhảy xuống. Còn em nữa, con ếch! Em cứ nhớ nhé, lúc em nhảy xuống nước thì trông em giống như một con ếch to kênh. Một chú ếch béo ú!

- Thì đã sao. Mẹ bảo là khi ở tuổi em chị cũng không phải gầy đâu nhé.

Calp liền can thiệp:

- Vào tuổi con bây giờ béo thậm chí là rất tốt đấy nhé. Nếu không khi lớn lên nữa thì chỉ còn da bọc xương thôi.

Polly cười hì hì vẻ đắc chí, Còn Laura nói:

- Đừng nịnh con bố ơi! - Rồi cô bé duỗi chân này đặt lên chân kia.

“Ừ”, Calp nghĩ, “rồi sẽ đến lúc chân của nó làm khối kẻ phát điên lên”. Laura, bằng một động tác nhanh và dứt khoát gạt lọn tóc khỏi trán - đúng lúc ấy cuộn phim lại bắt đầu: Sara ngồi trước gương... Anh có thể cứ lái xe đi thế này vĩnh viễn. Nếu như biết trước được rằng những con đường ở Nevada tốt đến nhường này thì anh có thể đi thẳng tới bang Utah hay ngoặt lên miền bắc và rẽ vào một trong những thành phố chết này. Nhưng họ đã đặt phòng ở Elko, nơi họ phải dừng lại.

Khách sạn dành cho khách đi xe hơi trông giống một khách sạn bình thường - đó là tòa nhà bốn tầng, nơi tầng một trong một căn phòng tranh tối tranh sáng của sông

bạc thấy nhấp nháy đèn trên những chiếc máy chơi bạc tự động và những chiếc áo vét màu đỏ trang trí bằng các vảy lấp lánh của các cô gái đổi tiền. Mặc dù mới chỉ ba giờ chiều nhưng Calp đã muốn đánh bạc một chút và uống thứ gì đó trong quầy bar - nơi những dây chai lấp lánh hết những nhũ đá được chiếu sáng. Nhưng hai cô con gái liền kéo anh ra phố. Khắp nơi là những ngôi nhà thấp, thành phố nhỏ này nom thoáng và nhiều khu đất trống khiến nó giống như tổ ong. Giữa con phố rộng trước khách sạn là hai khổ đường ray chạy dài. Polly thấy kinh ngạc và hứng khởi khi thấy một đoàn tàu hỏa thực sự, dài và uể oải xuất hiện nơi chân trời. Sau đó nó giạt mình dừng lại như đang trầm ngâm suy nghĩ. Rồi cả một dãy dài vô tận những toa hàng cũng trầm ngâm như thể đẩy nhau, hối thúc nhau chuyển bánh về phía tây.

Họ bước đi, dọc theo vỉa hè rộng ngập ánh nắng, và sau khi vượt một người da đỏ say rượu mặc bộ quần áo thẫm màu như màu cái bóng của chính ông ta. Họ bước vào bảo tàng công nghiệp khai mỏ của tiểu bang. Polly thì đòi được xem những thỏi vàng tự sinh lấp lánh, còn Laura ngáp dài khi nhìn những cuộn dây thép gai hoen gỉ và ngắm hình mình trong gương. Giữa bộ sưu tập các chuỗi vòng hạt của người da đỏ và những thứ đồ gia dụng của những người tiên phong mở đất thì Calp tìm thấy một cái giá trưng bày không biết vì lí do gì lại dành riêng để kỷ niệm Thomas Alva Edison¹. Khi đi nghỉ ngày chủ nhật ở bãi biển tại Red - Bank, anh cùng Sara

¹ Edison Thonlas Alva (1847 - 1931), nhà sáng chế vĩ đại người Mỹ (N.D).

và hai cô con gái trở về nhà ngang qua những núi xỉ than đen như hồ tiêu. Giờ cả ba cha con cần phải đi ngang qua hòn đảo với chòi kiểm tra tiếp theo xa lộ Jersey - hòn đảo này mang tên Edison. Sau đó họ dừng lại ăn tối ở một đảo khác được đặt tên để kỷ niệm Joyce Kilmer¹. Những gót chân trần của họ dính xuống vệt nổi trét nhựa hắc ín ở sàn bê tông nhà để xe. Theo thói quen, Sara nhai xúc xích nóng kẹp bánh mì. Nàng mặc chiếc áo tắm choàng mỏng hơi trùm mỏng tí chút. Làn da nơi đôi cánh tay tuyệt mỹ của nàng mau chóng bắt nắng dưới những tia mặt trời nóng rẫy và trở nên màu hồng nơi khuỷu. Vầng mặt trời lúc hoàng hôn làm ửng đỏ những cụm mây quần tụ trên các bể chứa dầu khổng lồ hình trụ của công ty Esso. Còn ở đây, ở Elko, mặt trời nhẹ nhàng nghỉ ngơi trên những đỉnh gờ màu đỏ thẫm của các ngọn núi xung quanh. Trên ngọn núi cao nhất, một ai đó đã khéo léo khắc, hay dính vào một chữ cái "E" thật to. Polly hỏi thế nghĩa là gì. Anh đáp:

- Có lẽ đó là dấu hiệu dành cho máy bay.

Laura giả định:

- Nếu trên các ngọn núi không có các chữ cái như vậy thì các phi công không thể phân biệt thành phố này với thành phố khác, vì từ trên cao các thành phố đều như nhau mà.

Con thích sống ở Elko. - Polly tuyên bố. - Vì sao chúng ta lại không đến sống ở đây nhỉ?

¹ Kilmer Joyce (1886 - 1918), nhà thơ Mỹ, ông nổi tiếng với bài thơ "Cây" trong tập "Cây và những bài thơ khác" (1914). (N.D)



- Nếu vậy thì bố sẽ làm gì đây?

Quả vậy, anh vốn là kỹ sư hóa làm việc trong một tổ hợp công nghiệp lớn đang có kế hoạch khai thác đá phiến ở Colorado. Polly nói:

- Bố có thể làm thợ cơ khí sửa chữa các máy chơi bạc tự động, đến đêm bố ăn mặc khác đi để không ai nhận ra được và đi đánh bạc, thế là bố sẽ kiếm được bộn tiền.

Cả hai cô con gái, Calp nghĩ đã hoàn toàn quên rằng chỉ ít lâu nữa chúng sẽ không được sống cùng nhau, và sau tiểu bang bí ẩn bụi bặm này, nói chung chúng sẽ chẳng có một tương lai nào cả. Khi họ đi qua đường sắt, anh nắm lấy tay Polly, mặc dầu đường ray xe lửa thẳng tắp và mãi cho đến tận chân trời chẳng nhìn thấy con tàu nào cả.

Laura đã làm cho Calp bối rối khi cô bé nắm tay anh ở lối vào tiệm ăn nằm sau một gian nhà tối thăm có đặt các máy chơi bạc tự động. Anh gọi whisky cho mình, và cô phục vụ hướng một cái nhìn dò hỏi tới cô con gái.

- Không, không phải, cháu nó mới mười sáu tuổi.

Khi cô phục vụ đi khuất, Laura nói:

- Mọi người đều nói rằng nhìn con lớn hơn mười sáu tuổi. ở Reno con với mẹ đều thoải mái đi khắp các quán bar - ở đó chẳng ai nói gì với con cả. Chỉ có độc một chủ quán yêu cầu con ra vì ông ta sợ bị phạt.

Polly tỏ vẻ quan tâm:

- Bố ơi, khi nào bố mới đánh bạc ở máy tự động?

- Có lẽ sau bữa tối.

- Chao ôi, thế thì phải đợi lâu quá.

- Thôi được, chơi ngay bây giờ vậy. Ta chơi trước khi người ta mang món salad tới.

Anh nốc một hơi cạn ly của mình, rời khỏi bàn, đi lại cỗ máy tự động gần nhất và dưới sự quan sát chăm chú của Polly, anh nuôi "tên cướp một tay" bằng một đồng xu hai nhăm cent. Anh không thắng được gì hết, nhưng khi đứng ở đây giữa những ánh màu đủ loại ấm áp và kích động của các đèn nhấp nháy, anh có được một sự an lòng nào đó. Để thử, Calp nhấn nút có dòng chữ "Đổi tiền", lập tức đằng sau anh có một cô gái mặc bộ áo váy đồng phục màu đỏ lấp lánh tựa những chuỗi hạt hổ phách tiến lại gần không một tiếng động. Khuôn mặt cô ta nom chưa già, mang nét đặc trưng cho phụ nữ miền tây là sự gầy gò: cặp mắt đen như than, đôi môi mím chặt cứ như cô ta sắp sửa nói: "Chà, tôi biết mà!" Nhưng Calp lập tức nhận thấy cô ta cư xử tự tin, có một thân hình khỏe mạnh và mềm dẻo, và trong trí não anh ám lên một phỏng đoán trực giác.... Bộ đồng phục bằng vải satanh màu đỏ của cô ta để lộ đôi tay để trần tới tận bờ vai. Anh chìa ra cho cô gái tờ bạc năm đô la và đề nghị đổi lấy những đồng hai nhăm cent.

Cô phục vụ đã mang món salad tới. Với hai túi đầy tiền lẻ, anh quay trở lại bàn ăn.

- Ôi bố đáng thương! - Laura thốt lên. - Cô gái điếm ấy đã thu mất hồn của bố.

- Laura, chưa chắc con đã biết một cô điếm trông thế nào đâu.

- Mẹ bảo, bất cứ người phụ nữ nào cũng là điếm, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

- Chà, con biết không, mẹ phóng đại đấy.

- Nhưng con biết, bố muốn bảo chính mẹ cũng là đồ chó cái chứ gì.

- Laura!

- Vâng, vâng bố ạ. Thế mẹ đã xử sự thế nào với bố? Và bây giờ mẹ cũng xử sự hết như thế với chú Jim.

- Bố với con có những quan niệm khác nhau về mẹ đấy. Thế con còn nhớ trông mẹ thế nào sau khi sinh con không?

- Con không muốn sống với mẹ. Khi nào bố con mình trở về Denver, con sẽ ở lại sống với bố. Con với mẹ thì chắc sẽ suốt đời cãi nhau vì đám đàn ông thôi. ở Reno đã như thế mà. Thế tất cả những điều đó dẫn đến điều gì? Khi nào con đến tuổi bốn mươi, con sẽ để nghị người tình của con bắn con.

- Thôi đi! - Polly gào đến. Đó là một tiếng rít chói tai. Một gã máu me cờ bạc giật xé tiền đặt cửa cũng gào lên như vậy. - Chị làm bộ người lớn thế là đủ rồi. Chị chỉ có cái trò khua môi múa mép thôi! Cô bé lúc này có vệt salat dính trên cằm và nước mắt long lanh trên đôi mắt đang quát chị. - Chị chỉ muốn bố mẹ lúc nào cũng cãi nhau, mà không yêu nhau thôi. Bố với mẹ đã ly dị rồi thì bây giờ sao đây?

Mỉm cười vẻ hài lòng, Laura quay lưng lại Polly và coi thường tiếng gào của cô bé. Laura vuốt bàn tay Calp.

- Ôi bố đáng thương, - cô bé thở dài, - bố già nua đáng thương của con.

Người ta đưa món bít tết ra, và nước mắt trên má Polly đã khô. Sau đó họ lại bước ra ngoài các con phố ở Elko, đi xem một bộ phim cao bồi miền viễn Tây trong rạp chiếu bóng duy nhất ở thành phố nhỏ này. Bert Lancaster thủ vai anh anh Mễ Tây Cơ bất hạnh, con người sau bao nỗi đau khổ và nhục mạ, trong số đó có cả lần bị đóng đinh câu rút trên thập tự giá, đã trở thành người trả thù tài tình và hạ sát chín tên cường đạo do một gã chủ đồn điền thuê mướn. Có lẽ Polly đã ngủ thiếp đi trong những cảnh đẫm máu nhất. Họ trở về khách sạn của mình khi trời chạng vạng và làn không khí khô khốc. Trong cả hai căn phòng kề nhau đều kê một chiếc giường đôi. Chiếc valy của Laura lại được nhét dưới gầm giường trong phòng anh. Calp bảo Laura:

- Tốt hơn là con ngủ với em nhé.
- Tại sao ạ? Chúng ta sẽ không đóng cửa và sẽ nghe thấy nếu Polly nằm mơ thấy ác mộng.
- Nhưng bố muốn đọc sách.
- Con cũng thế.
- Con cần phải ngủ. Sáng mai chúng ta sẽ đi Salt Lake City.
- Thế mà cũng gọi là chuyện quan trọng? Bố ạ, em Polly nói mê và kéo chân của con.
- Thôi con đừng tranh cãi với bố nữa. Bố sẽ đọc lâu, còn con đi ngủ đi.
- Thế còn sau đó?
- Sau đó bố sẽ xuống quầy bar uống gì đó.



Vẻ mặt của cô bé khiến anh nhớ tới cái nhìn của gã vô lại trong bộ phim khi Bert Lancaster chỉ cho gã biết là trong ngực áo mình có một khẩu colt. Calp nằm xuống giường trên tấm ga phủ và bắt đầu đọc cuốn sách nhỏ kể về những thành phố chết vừa mua ở viện bảo tàng: hóa ra là khi xưa rượu sâm banh và các dàn nhạc thính phòng được chuyển tới các vùng núi bằng những con la. Mà bây giờ ở đó chẳng còn sống dù chỉ là hậu duệ của những con la thời xưa ấy nữa. Thỉnh thoảng vọng tới tiếng còi tàu hỏa từ thế giới rộng lớn ngoài khuôn cửa sổ khách sạn. Tiếng thở trở nên đều hơn trong căn phòng bên. Anh rón rén ngón chân lại gần cửa ra vào và thấy cả hai con đều đã ngủ. Trước khi ngủ, Laura đã đọc cuốn sách mỏng về các cuộc chiến tranh với người da đỏ. Bây giờ cuốn sách đọc dở nằm trên gối gần cô bé. Những chiếc móng tay ngắn của con bé trông thật đẹp. Trên khuôn mặt thanh thần của nó nổi rõ những nốt tàn nhang, đôi má mồm mĩm, nét mềm mại buồn buồn nơi đôi môi mím lại . . . Trên khuôn mặt nhỏ của Polly mờ hoi đêm ánh lên thành một vệt mảnh. Anh không hôn Laura vì nghi ngại rằng con bé chỉ giả vờ ngủ. Anh tắt đèn trong phòng hai đứa con và bắt đầu nghĩ xem nên làm gì đây. Một đoàn tàu hỏa chạy ngang qua rúc còi ngoài cửa sổ. Cái trống vắng hoang sơ đẹp đẽ của Nevada mà có thể anh sẽ chẳng bao giờ được thấy nữa cứ bướng bỉnh lọt vào qua lớp kính cửa sổ.

Ngoài tiền sảnh, trực giác của anh lại thức tỉnh. Cô gái đối diện nhận ra anh và hỏi:

- Công việc anh thế nào?

- Bình thường. Thế cô có ngày nghỉ không?

- Vì sao cơ?

Anh bước vào quầy bar và ngồi đợi cho đến khi lượng whisky đã uống gây nên tác dụng của nó. Nhưng than ôi, bên trong anh sống dậy một tình cảm khó hiểu nào đó. Và khi anh bắt đầu uống cốc thứ hai thì cô gái ấy mặc chiếc áo vải bông ôm sát người với đôi tay áo ngắn hơi chồm phủ bờ vai ngồi sát lại với anh bên quầy bar (gã chặn bờ ngồi bên cạnh ngồi dịch ra để nhường chỗ cho cô ta). Làn da ứng hồng nơi má cô ta có lẽ xuất hiện không phải do sự kích động của anh mà là từ phía cô ta.

- Có chỗ nào để tới không?

Khi cô ta đặt cho anh câu hỏi này thì chiếc cằm của cô ta trở nên vuông vức, hết như bà Morgan khi còn trẻ.

- Có, - anh đáp, - nhưng ở đây có hai con gái của anh.

Cô gái chìa tay về phía cốc rượu của anh, anh uống nốt chỗ whisky và nói bằng thứ giọng mà rõ ràng già hơn thân thể của cô ta:

- ở đây còn vô thiên lủng phòng trống.

Calp quay trở về phòng mình lúc sáu giờ. Có lẽ anh đã làm ồn nhiều vì nơi cửa ra vào hiện ra hình người mặc chiếc áo ngủ màu trắng. Calp không thể nhận ra được nét mặt: hình bóng ấy đáng cao và tỏ ra là một phụ nữ không quen biết. Được, căn cứ theo việc người ấy đứng lạng đi về căng thẳng thì rõ ràng anh đã khiến cho cô ta sợ sệt. Được.

- Bố ạ?

- Gì hả?

- Bố vẫn khỏe chứ ạ?

- Không sao con ạ - Và anh cảm nhận thấy nơi thái dương mình những tia nắng ban mai đầu tiên. - Thế bố đã đánh thức con dậy phải không, con gái yêu? Bố xin lỗi nhé.

- Con lo cho bố đấy. - Song Laura không bước qua ngưỡng cửa.

- Con lo lắng quá sao?

- Không ạ.

- Con nghe này, con không có gì phải lo cho bố đâu. ấy là bố phải lo lắng cho con, Laura của bố ạ.

Nguyễn Chiến dịch

GẶP LẠI NHAU TRÊN ĐẠI LỘ

Heinrich Böll

Nhà văn Đức – Giải thưởng Nobel 1972

Thỉnh thoảng, khi mặt trận thực sự yên tĩnh, khi tiếng gầm của súng máy im bật và những âm thanh khô khốc ghê rợn tắt lặng báo hiệu chấm dứt đợt phản kích, khi trên chiến tuyến có cái gì đó không thể gọi tên được đương lơ lửng treo trên đầu chúng tôi - có lẽ cha ông chúng ta gọi đó là hòa bình thì chúng tôi, trong những giờ phút ấy, cũng chấm dứt giấc ngủ chập chờn hoặc trò giết chấy rận, và trung úy Hêckơ bắt đầu dùng những ngón tay dài của mình lách cách bên ổ khóa của một chiếc hòm đạn, chiếc hòm được đặt trong vách hầm. Chúng tôi gọi nó là tủ rượu, anh ta giật chiếc dây da cho chốt khóa bung ra, và trước mắt chúng tôi, tất cả sự huy hoàng của tài sản được phô diễn mời mọc: bên trái là những chai rượu của trung úy, bên phải là của tôi, còn ở giữa đó là tài sản chung, đặc biệt quý giá, nó được để dành cho những giờ phút khi mặt trận thực sự yên tĩnh.

Ở giữa những chai lọ đen trắng đựng rượu cất bằng khoai tây là hai chai cônhắc Pháp chính hiệu, thuộc loại thượng hảo hạng mà chúng tôi được uống. Nhờ những cách thức thực sự đầy bí hiểm, nhờ những khả năng biến thủ phong phú ngàn vạn lần len lách qua những

cánh rừng của sự đồi bại và đổ đốn và trong những khoảng cách nhất định, rượu Hennessy chính hiệu đã đến được những cái lỗ trú thân của chúng tôi phía nơi chúng tôi đang chiến đấu chống lại sự vô vọng, bần thủ và lữ chấy rận. Đối với cánh trai trẻ người thường lắc đầu quây quây trước bất kỳ loại rượu nào và thêm của ngọt như những đứa trẻ xanh xao hầu ăn, chúng tôi ưu ái cho họ bánh kẹo và sôcôla, đổi lấy phần chất lỏng màu vàng cao quý họ được thưởng, thật hiếm có một sự đổi chác nào lại làm cả hai bên sung sướng đến thế.

“Nhậu nào”, Hêckơ vẫn thường nói như vậy, sau khi anh ta cố gài lên cổ một chiếc nơ sạch sẽ, khoan khoái đưa tay vuốt cái cằm đã cạo râu nhẵn nhụi. Từ phía trong âm đạm của căn hầm, tôi uể oải nhồm dầy, và bằng những động tác mệt mỏi, tôi phải rơm bắm vào bộ quần phục và cũng chỉ làm một nghi lễ duy nhất mà tôi còn đủ sức thực hiện, tôi chải đầu và rửa tay trong thứ nước dùng để cạo râu của Hêckơ - thứ nước xái cả phê đựng trong vỏ đồ hộp - và rửa tay khá lâu, gần như là say đắm đến ngớ ngẩn. Hêckơ kiên nhẫn đợi cho tới khi tôi rửa sạch các móng tay, trong khi đó, anh ta kê chiếc hòm đạn như kê một chiếc bàn giữa chúng tôi và lấy khăn mùi soa lau hai chiếc ly rượu cho sạch sẽ; những chiếc ly dày thành và chắc chắn, chúng tôi bảo vệ chúng như bảo vệ thuốc hút. Khi anh ta tìm được và moi ra bao thuốc lá cỡ bự của mình từ đáy túi thì tôi cũng hoàn tất mọi công việc chuẩn bị.

Thường là về buổi chiều, chúng tôi đẩy chiếc chần che cái lỗ trú thân của chúng tôi sang một bên, và đôi khi có cả mặt trời rất khiêm nhường soi ấm chân chúng tôi. . .

Chúng tôi nhìn nhau, chạm cốc với nhau, uống và hút thuốc.

Trong sự im lặng của chúng tôi có cái gì đó trang nghiêm thật kỳ lạ. Tiếng động duy nhất từ phía địch là tiếng va đập của đầu đạn được một tay thiện xạ bắn tới, đạn bắn rất đúng giờ, đúng từng phút, và trong những khoảng cách thời gian nhất định, nó bắn đúng vào thanh gỗ chắn mô đất ở cửa hầm của chúng tôi. Với một tràng “cắc” nhẹ, gần như là âu yếm, đầu đạn trườn xuống nền đất cứng. Tôi thường liên tưởng đến một con chuột đồng, nó chạy lướt qua đường trong buổi chiều yên tĩnh, khiêm nhường và hầu như không gây ra tiếng động. Âm thanh va đập của đầu đạn chứa đựng chút gì đó như là thứ trấn an, vì nó cam đoan với chúng tôi rằng giờ phút quý giá ấy đã điểm không phải là giấc mơ, không có gì là hư không, mà là một mảnh cuộc đời thực của chúng tôi.

Sau ly thứ tư hoặc thứ năm chúng tôi mới bắt đầu nói chuyện. Dưới lớp đá sỏi mặt mỗi của con tim, nhờ có tác động của thứ nước uống kỳ diệu này, một cái gì đó thật cao quý lạ lùng được thức tỉnh, có lẽ cha ông chúng ta gọi nó là nỗi nhớ.

Chúng tôi không nói một lời nào về chiến tranh, về hiện tại của chúng tôi. Chúng tôi đã nhìn thấy quá thường xuyên và quá gần cái miệng rộng của chiến tranh, với hàm răng nhai chậm rãi và nghiền nát của nó, và trong những đêm đen khi những người bị thương ở giữa các chiến tuyến kêu la bằng hai thứ ngôn ngữ khác nhau thì hơi thở ghê rợn của nó vẫn thường làm cho con tim của chúng tôi run rẩy. Chúng tôi căm ghét

nó vô cùng, hơn cả việc chúng tôi muốn tin vào bong bóng xà phòng của những lời sáo rỗng mà bọn người dơ dáy ở đây đó vẫn thả ra, cốt làm cho một buổi “truyện tin” có giá trị.

Cả tương lai cũng không phải đối tượng của những buổi trò chuyện. Nó và một đường hầm đen ngòm đầy những góc sắc nhọn chúng tôi thường va phải, và chúng tôi sợ nó, bởi lẽ sự hiện hữu ghê sợ của chúng tôi, phải làm lính và lại phải mong ước mình thua trận, đã gặm mòn con tim của chúng tôi.

Chúng tôi nói về quá khứ, về những gì thảm hại của cái thứ mà cha ông chúng ta có lẽ gọi nó là cuộc đời, và khoảng cách duy nhất quá nhỏ nhoi của kỷ niệm con người, và những kỷ niệm bị kẹt giữa cái xác thối của một nền Cộng hòa và một con quái vật Nhà nước được bơm lên mà chúng ta phải rút túi khoản lương lính của nó.

“Cậu hãy tưởng tượng ra một quán cà phê nhỏ”, Hêkơ nói, “có thể là ở dưới những lùm cây vào mùa thu. Trong không trung phảng phất mùi ẩm ướt và lá mục, và cậu đương dịch một bài thơ của Veclen, chân cậu đi một đôi giày rất nhẹ, và sau đó khi hoàng hôn chìm vào trong mây, cậu lê bước trở về, lê bước chân, cậu hiểu không, cậu để cho chân mình lướt qua lớp lá cây ẩm ướt và nhìn thẳng vào gương mặt cái cô gái đi ngược lại phía cậu...”. Hêkơ rót đầy hai ly rượu, bàn tay bình tĩnh từ tốn như một người bác sĩ đáng yêu đang mổ cho một em bé, nâng cốc lên và chạm cốc với tôi, chúng tôi uống... “Biết đâu đấy” - anh ta tiếp - “có một cô gái lại mỉm cười với cậu, và cậu cũng mỉm cười đáp lại, rồi hai người đi

tiếp không hề quay nhìn lại. Nhưng cái nụ cười thoáng qua ấy hai người trao cho nhau sẽ không bao giờ tắt, không bao giờ, cậu hiểu chứ . . . Có lẽ nó sẽ là tín hiệu để nhận nhau của hai người, nếu hai người rồi đây gặp lại nhau trong một cuộc sống khác. . . một nụ cười thoáng qua thật đáng cười ...”. Có một chút gì đó trẻ trung thực lạ lùng trong ánh mắt. Anh ta nhìn tôi cười và tôi cũng mỉm cười, tôi cầm luôn chai rượu và rót vào các ly. Rồi chúng tôi lại uống ba hoặc bốn ly nữa, không có thứ thuốc lá nào lại thơm ngon hơn thứ thuốc được hòa trộn với hương vị quý giá của côn nhắc.

Thỉnh thoảng một phát đạn của người lính thiện xạ lại cảnh tỉnh chúng tôi, nhắc nhở rằng thời gian đương nhỏ giọt qua đi không thương tiếc, và đằng sau niềm vui và sự thụ hưởng của chúng tôi, đó là sự nghiệt ngã của cuộc đời đương đe dọa nó có thể bất cứ lúc nào cũng xé nát chúng tôi, bằng một quả đạn pháo bất chợt dội xuống, bằng tiếng kêu báo động của một người lính gác, bằng mệnh lệnh tiến công hoặc rút lui được ban ra. Chúng tôi bắt đầu uống nhanh hơn, vội hơn, những từ ngữ dữ dội hơn được nói ra và hòa lẫn vào niềm vui nhẹ nhàng trong ánh mắt chúng tôi đã pha lẫn cả cái vui và cái ghét, và mỗi khi chai rượu cạn tới đáy không thể nào tránh được thì Hêckơ trở nên buồn vô hạn, đôi mắt anh ta nhìn vào tôi bỗng bệnh như hai chiếc vòng nhưng trôi nổi và anh ta bắt đầu thâm thảo nhỏ nhẹ hầu như là ngông đại: “Cô gái ấy, cậu biết không, nhà ở cuối một đại lộ và vừa rồi, khi mình được nghỉ phép...”. Đối với tôi, câu nói đó chính là dấu hiệu chấm dứt cuộc vui... “Này



trung úy” tôi nói lạnh lùng và nghiêm giọng, “anh im đi, hiểu chưa”. Chính Hêckơ đã dặn tôi như thế: “Này, nếu tôi bắt đầu nói về một cô gái ở cuối đại lộ, cậu phải bảo tôi ngay: anh câm đi hiểu không? Cậu phải nói, cậu phải nói như thế.”

Tôi làm theo lệnh này, mặc dù thực hiện nó đối với tôi thật khó khăn, vì Hêckơ tắt ngóm ngay lập tức, mặt anh ta đỏ ra và tỉnh khô, quanh miệng anh ta hàn lên một nếp nhăn cay đắng...

Nhưng vào ngày hôm ấy mà tôi muốn kể lại mọi chuyện hoàn toàn khác bình thường. Chúng tôi nhận được đồ lót mới, đồ lót hoàn mới và cả côn nhắc nữa, tôi cạo râu, thậm chí sau đó còn rửa chân trong vỏ hộp sắt tây. Phải rồi tôi đi làm một việc như thể đã tắm rửa và thậm chí người ta còn gửi cho chúng tôi cả những đôi tất mới những đôi tất có vòng trắng vẫn còn trắng thực sự.

Hêckơ ngả người trên chỗ nằm của chúng tôi, hút thuốc và nhìn tôi rửa ráy. Ở ngoài kia vắng lặng như tờ, một sự im ắng ác độc và tê liệt một sự im ắng đầy đe dọa, và tôi nhận ra điều đó ở nơi tay Hêckơ, khi anh ta tiếp lửa cho một điếu thuốc mới bằng một điếu thuốc cũ, tôi biết anh ta đang hoang mang và sợ hãi, vì chúng tôi đều sợ hãi, tất cả những ai còn tính người đều sợ hãi.

Bỗng nhiên chúng tôi nghe thấy có tiếng rít êm nhẹ, tiếng rít quen thuộc của đầu đạn của người lính thiện xạ vẫn bắn vào mô đất và tiếng rít êm nhẹ ấy đã xóa đi tất cả mọi hãi hùng của sự im ắng đe dọa đó, và - như cùng một nhịp thở, cả hai chúng tôi cùng lúc bật lên cười,

Hêckơ nhảy căng lên, nhún nhảy, kêu tướng lên như trẻ con:

“Huara, huara? Bây giờ ta sẽ nhậu, ta sẽ uống để mừng sức khỏe của tay chiến hữu ở bên kia, mừng kẻ luôn luôn bắn một chỗ và luôn luôn bắn chệch đích”. Anh ta mở khóa, vỗ vỗ vào vai tôi, kiên nhẫn chờ cho tôi đi ủng xong và sẵn sàng ngồi vào bàn tiệc rượu. Hêckơ trải một chiến khăn mùi soa mới lên hòm đạn, lôi trong túi áo ngực ra hai miếng xì gà dài, màu nâu nhạt, thật ngoạn mục.

“Cái thứ này mới tuyệt vời”, Hêckơ vừa nói vừa cười, “côn nhắc và một miếng xì gà ngon”. Chúng tôi chạm cốc; uống và rít những hơi dài đầy khoan khoái.

“Nào cậu kể gì đi chứ”. Hêckơ nói, “cậu phải kể một chuyện gì đi chứ, bắt đầu đi?”, anh ta nhìn tôi nghiêm nghị. “Rõ khi, chưa bao giờ cậu kể chuyện gì cả, bao giờ cậu cũng để một mình tớ ba hoa”.

“Tôi không thể nói nhiều”, tôi nói nhỏ, và lúc này tôi nhìn vào anh ta, rót rượu rồi uống với anh ta, và thực là tuyệt diệu khi cái thứ nước lạnh chảy cái dòng vàng sẫm vào cơ thể. Nhưng đối với chúng tôi lại làm ấm lòng đến như thế. “Anh biết không”, tôi bắt đầu nói một cách dè dặt, “tôi trẻ hơn anh và cũng hơi già hơn anh đấy. Khi còn ở nhà trường tôi luôn luôn bị đúp, rồi tôi phải đi học nghề, định sẽ thành thợ mộc. Lúc đầu thật cay đắng, nhưng sau một năm tôi bắt đầu yêu công việc. Có cái gì đó thực tuyệt diệu, khi người ta chế biến gỗ. Anh vẽ lên giấy đẹp một bản vẽ, chuẩn bị gỗ, những thanh gỗ thật sạch, vân đẹp và anh bào lên nó thật âu yếm, trong lúc



nó đưa hương lên mũi anh. Tôi vẫn nghĩ, lẽ ra tôi có thể trở thành một người thợ mộc giỏi, nhưng khi mười chín tuổi, tôi phải vào quân dịch, và sự hoảng sợ đầu tiên sau khi tôi đi qua cổng trại lính tôi sẽ không bao giờ vượt qua được, không bao giờ, cả sáu năm rồi cũng thế, vì vậy tôi không hay nói nhiều . . . ở chỗ các anh có khác hơn..."

Hêkơ nhìn tôi vẻ nghĩ ngợi. "Thế đấy", anh ta nói "tớ nghĩ, làm thợ mộc, cũng hay đấy".

"Nhưng cậu chưa bao giờ có bạn gái hay sao?" anh ta đột ngột nói to hơn, và tôi đã cảm thấy mình sắp sửa phải chấm dứt câu chuyện. "Không bao giờ?" "Không bao giờ à?". Cậu không bao giờ ngả đầu lên bờ vai hiền dịu và ngửi hương tóc của một người con gái hay sao? . . . "Không bao giờ à?". Lần này anh ta lại rót rượu, và với hai ly cuối cùng này chai rượu cạn tới đáy, Hêkơ nhìn quanh quán với một nỗi buồn thực ghê lạnh. "Chẳng có bức tường nào để mà đập vỡ chai, gì á?" "A ha, đây rồi?" anh ta bỗng reo lên và phá lên cười thật man dại, "Để cho chiến hữu cũng được hưởng tí chứ, cho hấn bắn vỡ mấy cái chai đi!"

Anh ta bước một bước lên phía trước, đặt cái chai không đúng chỗ mà đầu đạn của tay thiện xạ thường bắn tới, và trước khi tôi kịp can ngăn, anh ta đã mở tủ rượu của chúng tôi lấy chai nữa mở nắp và rót rượu. Chúng tôi chạm cốc, ngay lúc đó có một tiếng "păng" rất êm nhẹ từ phía ngoài mô đất vọng tới, chúng tôi giật mình ngược mắt lên, chúng tôi thấy, ngay khoảnh khắc tiếp đó cái chai vẫn đứng yên, hầu như là chết cứng, nhưng rồi nửa trên của nó bỗng trượt xuống, nửa dưới

còn đứng nguyên. Mạnh võ lớn lặn xuống rãnh, lặn gần tới trước chân của chúng tôi, và tôi chỉ còn nhớ là lúc đó tôi sợ, tôi sợ từ cái khoảnh khắc ấy, khi cái chai bị bắn vỡ...

Đồng thời, một cảm giác phốt mặc đã xuyên thấu người tôi, trong khi đó tôi nốc rượu tới tấp, như Hêckơ, và hiệp lực uống cạn chai thứ hai. Vâng, vừa sợ hãi vừa phốt mặc tất cả. Cả Hêckơ cũng sợ, tôi thấy thế, chúng tôi khốn khổ tránh nhìn nhau, và hôm ấy tôi không đủ sức để ngắt lời anh ta, khi anh ta lại bắt đầu nói về một cô gái...

“Cậu biết không”, anh ta nói vội vàng, nhìn lướt qua người tôi, “cô ấy ở cuối một đại lộ, và vừa rồi lần cuối cùng khi tớ được nghỉ phép, lúc đó vào mùa thu, một mùa thu thực sự, và một buổi xế chiều, tớ không thể tả lại cho cậu hiểu là đại lộ tráng lệ đến mức nào. . .”. Một niềm hạnh phúc cuồng nhiệt, cao đẹp nhưng có chút gì đó như điên dại ánh lên trong mắt của Hêckơ, và vì nỗi niềm hạnh phúc ấy mà tôi vui vì đã không cấm đoán anh ta, còn anh ta, trong lúc nói tiếp, cố lấy tay làm các động tác như một người muốn nặn tượng, muốn tạo dáng mà không biết cách làm như thế nào, tôi cảm thấy Hêckơ đang cố tìm cách biểu đạt cho tôi hiểu về đại lộ. Tôi rót rượu, chúng tôi cùng uống vội và tôi lại rót rượu, chúng tôi lại đổ rượu vào cơ thể . . .

“Đại lộ”, Hêckơ nói khàn khàn, gần như là giật giọng, “đại lộ toàn vắng, không phải khoác lác đâu, cậu hiểu không, đơn giản là nó vàng rực lên, những cây đèn cũng nhuộm vàng và trong đó lấp loáng màu xanh xám. Tôi



sung sướng đến điên dại, trong khi tôi chậm rãi trườn dọc theo đại lộ để tới ngôi nhà đó, tôi cảm thấy mình bị bủa vây bởi cái vẻ đẹp quý giá ấy, và tôi đã hút vào trong người mình cái hạnh phúc chỉ ngậy ngất thoảng qua của đời người. Cậu hiểu không? Sự xác thực huyền ảo ấy đã xâm chiếm con người vô độ... và rồi..."

Hêcơ ngừng một lát, trong lúc anh ta lại tìm từ để nói, tôi rút đầy các ly chạm cốc với anh ta và chúng tôi lại uống. Chính trong cái khoảnh khắc ấy thì nửa dưới của cái chai trên mô đất bị vỡ tung những mảnh vỡ lăn xuống phía bên kia rãnh.

Tôi giật thót, khi thấy Hêcơ bỗng đột ngột đứng lên đu người và đẩy hẳn chiếc chân sang một bên, tôi cầm vào tay áo kéo anh ta quay lại và bây giờ tôi chợt hiểu là vì anh lo sợ suốt từ này tới giờ. "Để mặc tôi, anh ta hét, mặc mẹ tôi... tôi đi đây, tôi đi tới đại lộ . . .". Ra tới ngoài, tôi đứng cạnh anh ta, tay tôi vẫn còn cầm chai rượu. "Tôi đi đây" Hêcơ thì thầm, "tôi đi tới tận cùng, nơi có ngôi nhà ấy! Trước đó có song sắt, cô ấy ở tầng trên...". Tôi cúi xuống hoảng hốt, vì một tiếng rít lướt qua tôi và lao tới mô đất, đúng chỗ cái chai vừa đứng đó.

Hêcơ thì thảo những câu nói vô nghĩa, hào hển và lúc này một nỗi niềm hạnh phúc say đắm nhưng êm dịu phảng phất trên mặt anh, có lẽ vẫn còn đủ thời gian để kéo anh trở lại, như Hêcơ đã ra lệnh cho tôi. Trong những câu nói vô nghĩa của anh ta, lúc nào tôi cũng chỉ nghe thấy điều ấy "Tôi đi đây - đơn giản là tôi đi tới đó, nơi cô gái của tôi đang ở..."

Tôi cảm thấy mình thật hèn nhất, khi tôi ngồi xồm trên mặt đất, tay cầm chai cônhắc, và cảm thấy như mình có tội vì tôi vẫn còn tỉnh, còn tỉnh một cách man rợ, trong khi trên bộ mặt Hêckơ đã ngự trị một cơn say cuồng nhiệt, và ngọt ngào không sao tả xiết được, anh ta trừng trừng nhìn chiến tuyến bên địch ở giữa những ngôi nhà bị bắn nát và những cây hoa hướng dương thân đen, tôi chăm chăm nhìn Hêckơ, anh ta đang hút thuốc “Trung úy” tôi kêu khe khẽ, “nhậu nào, uống chú, uống...” và tôi giơ chai rượu về phía anh ta đứng, nhưng khi tôi định dừng dậy, tôi cảm thấy là mình cũng đã say, và tôi xỉ vả mình vì đã không gọi anh ta quay trở lại sớm hơn, bởi lúc này hình như đã quá muộn, anh ta không nghe tiếng gọi của tôi nữa, và đúng lúc tôi định mở miệng gọi Hêckơ một lần nữa, ít ra thì cũng dùng chai rượu để kéo anh ta ra khỏi mối hiểm họa ở trên kia, đúng lúc đó tôi nghe một tiếng “păng” của một đầu đạn nổ. Hêckơ bỗng khiếp đảm quay lại, thoáng cười mỉm với tôi, rồi anh ta đặt điếu thuốc lá đang hút dở lên mô đất, co người lại, và từ từ gục xuống... Tôi ớn lạnh trong tim, cái chai tuột khỏi tay và tôi rùng mình nhìn theo nước cônhắc đang chảy ra và khẽ kêu lúc bực, tạo thành một vũng nước. Tất cả lại trở nên im ắng, sự im ắng đầy đe dọa.

Mãi cuối cùng tôi mới dám ngược lên để nhìn mặt Hêckơ, má anh ta hóp lại, mắt đen và đỏ dần, nhưng trên gương mặt, như vẫn phảng phất một nụ cười đã ánh lên khi anh ta nói những điều ngây dại. Tôi biết là biết là Hêckơ đã chết. Nhưng tôi bỗng thét lên, gào như

một thằng điên, và phốt mặc mọi sự thận trọng tôi nhào người lên mô đất để thét sang cái lỗ ở bên cạnh: “Hainơ! Giúp với, Hainơ. Hêckơ chết rồi?”, và không đợi trả lời, tôi nấc lên, quỵ xuống đất, bị khiếp đảm bởi một sự ghê rợn, vì cái đầu của Hêckơ hơi ngẩng lên, hầu như không rõ rệt, nhưng tôi nhìn thấy thế và máu phọt ra từ đó, cùng với một chất gì đó vàng nhợt trông rờn rợn, tôi buộc phải nghĩ rằng nó là óc, nó tuôn ra và tuôn ra, và tôi chỉ còn khiếp hãi mà nghĩ rằng: cái khối máu vô tận kia ở đâu ra, chỉ từ đầu anh ta mà thôi? Khắp nơi trong cái lỗ trú thân của chúng tôi chỉ có máu, đất sét không thấm máu được nhiều và máu chảy tới chỗ tôi đương gục xuống bên một vỏ chai rượu.

Tôi hoàn toàn cô độc ở giữa thế gian này cùng với máu của Hêckơ và Hêckơ không nói, và cả cái tiếng rít êm nhẹ của tay thiện xạ kia cũng không nghe thấy nữa.

Nhưng đột nhiên tất cả sự im ắng nứt toác ra bởi một tiếng nổ thật dữ dội, tôi giật mình và lão đảo đứng lên, ngay lúc đó bị đạn bắn vào lưng, lạ thay không thấy đau tôi đổ về phía trước, đầu gục vào ngực của Hêckơ, trong khi đó thì tiếng nổ âm âm ở quanh tôi rộ lên, tiếng sủa dữ dội của súng máy phát ra từ cái lỗ của Hainơ, tiếng nổ mỗi lúc càng khùng khiếp của thứ đạn hỏa tiễn mà ta quen gọi là dàn đại phong cầm, nhưng tôi rất bình ổn: vì cùng với thứ máu đen của Hêckơ còn đọng trên nền đất trong cái lỗ trú thân của chúng tôi, có một thứ máu tươi khác đã pha trộn, thứ máu tươi đến kỳ lạ và tôi biết máu ấy còn nóng ấm, máu của tôi và tôi cứ lịm dần, lịm dần, xa mãi cho tới lúc tôi sung sướng mỉm cười đặt chân tới

của ngõ của đại lộ, nơi Hêkơ không thể miêu tả cho tôi hiểu, vì cây cối ở đây đứng trơ xương, sự cô đơn hy vọng chết đi trong tim tôi, trong lúc tôi nhìn thấy cái bóng đương vẫy gọi của Hêkơ xa lắc, xa khôn cùng, cái bóng ấy đứng ngược hướng phía ánh sáng vàng rực và êm dịu.

Quang Chiến dịch

NGƯỜI LÁNG GIỀNG XINH ĐẸP

Rabindranath Tagore

Nhà văn Ấn Độ – Giải thưởng Nobel 1913

Tình cảm của tôi đối với người góa phụ trẻ cạnh nhà chỉ là những tình cảm tôn thờ ít nhất đó là điều tôi kể với bạn bè và tự nhủ thầm với mình. Ngay Nabin, người bạn thân nhất của tôi, cũng không hay biết tí gì về tâm trạng thực sự của tôi. Và tôi cảm thấy phần nào tự hào là đã giữ được sự đắm say của mình trong sáng bằng cách giấu nó ở chỗ sâu kín nhất trong tim. Nàng như một bông hoa xêphali đầm sương, vừa mới chớm nở đã bị gãy rụng xuống đất. Quá tươi tắn và thiêng liêng đối với chiếc giường cưới trải hoa, chỗ của nàng là ở trên trời.

Nhưng sự đắm say giống như con suối trên núi, không chịu sự giam hãm ở nơi phát sinh mà phải tìm một lối thoát. Vì lẽ đó, tôi đã tìm cách thể hiện những cảm xúc của mình bằng những bài thơ, song ngòi bút miễn cưỡng của tôi không chịu viết ra những điều bóng bở đối với thân tượng của tôi.

Một chuyện kỳ lạ là đúng vào thời gian đó, anh bạn Nabin của tôi lại mắc bệnh sinh làm thơ. Nó đột ngột đến với anh như một trận động đất. Đây là cơn bệnh đầu tiên của anh chàng tội nghiệp, nên anh không chuẩn bị

tí gì về cả vắn lẫn điệu. Anh không cưỡng lại nổi vì đã bị nó mê hoặc khác nào một người đàn ông góa mê cô vợ kế.

Vì vậy Nabin đến nhờ tôi giúp. Chủ đề các bài thơ của anh thật cũ, cũ lắm, cũ mà vẫn luôn luôn mới: tất cả các bài thơ của anh đều nói về người yêu. Tôi vỗ lưng anh, đùa hỏi: "Thế nào, anh bạn, nàng là ai?".

Nabin cười trả lời: "À điều đó thì mình chưa tìm ra".

Thú thực, tôi rất khoái được giúp bạn. Như con gà ấp trứng con vịt, tôi đem hết niềm say đắm nồng nàn bị kìm hãm của mình hút sang những lời thổ lộ của Nabin. Tôi thêm thất và nhuận sắc cho các văn phẩm thô kệch của anh nhiều đến nỗi phần của tôi chiếm gần hết các bài thơ đó.

Nabin thường ngạc nhiên thốt lên:

Đúng là điều mình muốn nói mà không diễn đạt nổi. Không hiểu làm thế nào mà cậu nắm bắt được những tình cảm tinh tế này?

Với giọng nhà thơ, tôi đáp:

- Chúng sinh ra từ trí tưởng tượng của mình.

Như cậu biết, sự thật thì lặng lẽ chỉ, có tưởng tượng mới hùng hồn. Thực tế đè nén dòng tình cảm như một tảng đá, còn trí tưởng tượng mở ra cho nó một con đường.

Và anh chàng Nabin tội nghiệp áp úng: "Đúng thế, đúng thế, mình hiểu", rồi nghĩ lắm bầm: "Đúng thế, đúng thế, cậu nói đúng!".

Như tôi đã nói, ở mỗi tình của tôi có một cái gì cung kính, tế nhị khiến tôi không dám diễn đạt nó thành lời.

Nhưng, lấy Nabin làm cái màn che, không còn gì cản trở ngòi bút thao thao bất tuyệt của tôi nữa và những tình cảm thực sự nồng nàn, trào ra thành những bài thơ viết hộ người khác.

Những lúc mình mẫn, Nabin bảo: - Nhưng đây là những bài thơ của cậu đấy chứ! Để mình đăng nó dưới tên cậu.

Bậy nào - Tôi trả lời - Bạn thân mến, những bài thơ này là của cậu đấy. Mình chỉ chấm sửa đôi chút chỗ này chỗ kia thôi.

Dần dần Nabin tin là như vậy.

Tôi không chối cãi là với tâm trạng của nhà thiên văn khi quan sát bầu trời sao, thỉnh thoảng tôi có hướng con mắt về phía cửa sổ nhà bên cạnh. Và đúng là thỉnh thoảng những cái nhìn vụng trộm của tôi chụp được một hình ảnh thoáng qua. Nhưng chỉ cần thoáng nhìn trong giây lát hình ảnh cao quý của nguồn khích lệ ấy, ngay tức khắc tất cả những gì xáo trộn và vẩn đục trong tình cảm tôi trở thành êm ả thanh khiết.

Song một hôm tôi giật mình sửng sốt. Liệu tôi có thể tin được ở mắt mình không? Hôm đó là một buổi chiều hè nóng nực, trời có vẻ sắp bão mây kéo đen kịt một góc trời phía tây bắc. Giữa khung cảnh ngập trong một thứ ánh sáng kỳ lạ và đáng sợ ấy, cô láng giềng xinh đẹp của tôi đang ngược mắt nhìn lên khoảng không gian trống rỗng. Và tôi phát hiện ra trong ánh mắt xa xăm của đôi mắt đen láy ấy có một niềm khao khát vô vọng! Phải chăng, may ra, vẫn còn một quả núi lửa sôi động nào đó trong mặt trăng êm ả rực rỡ kia của tôi? Hỡi ôi, cái ánh

mắt khát khao không bến bờ kia, nó đang tung cánh bay qua các đám mây như một con chim hăm hở chắc chắn muốn tìm, không phải thiên đường, mà là tổ ấm trong một trái tim người.

Nhìn thấy khát vọng khôn tả của ánh mắt ấy, tôi khó kiềm chế được lòng mình. Tôi không còn bằng lòng với việc sửa những bài thơ thô thiển nữa. Toàn bộ con người tôi ao ước được giải bày bằng một hành động cao quý. Sau cùng, tôi nghĩ sẽ dốc hết tâm trí làm cho việc tái giá của các góa phụ được hoan nghênh và trở thành phổ biến ở nước mình. Tôi sẵn sàng không những diễn thuyết và viết báo về vấn đề này mà còn bỏ tiền của ra cho sự nghiệp ấy.

Nabin bắt đầu tranh cãi với tôi: ở góa suốt đời có một ý nghĩa thanh khiết và êm đềm dịu dàng vô hạn, một vẻ đẹp thanh bình như ở những nơi yên ngủ của những người đã khuất, lung linh dưới ánh trăng bằng bạc của ngày mười một kiêng khem¹.

Riêng cái khả năng tái hôn chẳng làm tiêu tan cái vẻ đẹp thần tiên của nó sao?

Bây giờ, kiểu nghĩ ủy mị ấy làm cho tôi tức giận liền. Thời buổi đói kém nếu có kẻ nào no thừa nói đến đồ ăn thức uống với một vẻ khinh khỉnh và khuyên nhủ người sắp chết đói hãy làm nguội cơn đói bằng hương thơm và tiếng chim hót thì ta nghĩ về hần thế nào? Tôi bực bội nói:

1. Ở Ấn Độ, ngày thứ mười một của tuần trăng được coi là ngày nhịn ăn và ăn năn hối lỗi.

- Nay Nabin, đối với người nghệ sĩ, cảnh hoang tàn có thể là đẹp đấy, nhưng người ta xây nhà không phải chủ đề cho các nghệ sĩ ngắm mà là để ở. Vì vậy phải tu sửa những ngôi nhà ấy cho tốt, cho dù vì thế mà các nghệ sĩ hậm hực. Đối với cậu, đứng xa mà lý tưởng hóa cuộc sống góa bụa thì rất dễ, nhưng cậu phải nhớ rằng, trong cảnh sống góa bụa kia có một trái tim nhạy cảm, đập dồn vì đau khổ và khao khát.

Ban đầu, tôi tưởng làm thay đổi được cách nghĩ của Nabin chắc khó, vì vậy có lẽ tôi đã nói hăng hơn mức cần thiết, nhưng sau bài diễn văn ngắn ngủi, tôi có phần ngạc nhiên khi thấy Nabin buông một tiếng thở dài trầm ngâm rồi hoàn toàn nhất trí. Phần kết bài diễn văn có sức thuyết phục hơn mà tôi định nói tiếp hóa ra không cần thiết nữa.

Khoảng một tuần sau, Nabin đến gặp tôi, bảo rằng, nếu được tôi giúp thì anh sẵn sàng mở đầu bằng cách chính anh sẽ lấy một góa phụ làm vợ.

Tôi mừng quá, vỗ vập ôm hôn anh, hứa là anh cần cho việc ấy bao nhiêu tiền tôi sẽ giúp hết. Sau đó Nabin kể với tôi câu chuyện của anh.

Tôi được biết người mà Nabin đem lòng thương mến không phải là một con người tưởng tượng. Té ra cả Nabin nữa trước đây cũng đã có thời say mê một góa phụ từ xa nhưng không thổ lộ với ai tình cảm của mình. Sau đấy, tờ báo thường đăng những bài thơ của Nabin, hay nói cho đúng hơn là những bài thơ của tôi, đã tới tay người đẹp. Và những bài thơ ấy không phải không có tác dụng.

Như Nabin cẩn thận giải thích, không phải anh đã chú tâm tiến hành chuyện yêu đương theo cách ấy. Thực ra, - anh nói, - anh hoàn toàn không biết là người góa phụ kia đọc được chữ. Nabin thường gửi qua bưu điện tờ báo đăng thơ của anh đến anh trai người góa phụ mà không đề tên người gửi. Đó chỉ là một trò ngông cuồng, một sự nhân nhượng đối với mối tình say mê tuyệt vọng của anh. Đó chỉ là những bông hoa cúng đặt trên bàn thờ. Trời Phật có biết hay không, có đến nhận đồ tế lễ hay không, chuyện ấy không phải là việc của người đi lễ.

Và Nabin đặc biệt muốn tôi hiểu rằng, khi anh dựa vào cơ này, cơ khác tìm cách làm quen với anh trai người góa phụ, anh không có ý định gì dứt khoát. Ta thường đặc biệt chú ý đến cả những ai gần gũi với người ta yêu.

Tiếp theo là một câu chuyện dài kể lại hai người đã làm quen nhau như thế nào khi người anh trai kia ốm. Sự có mặt của chính nhà thơ cố nhiên mở ra nhiều dịp bàn luận về các bài thơ, và những buổi bàn luận ấy không nhất thiết bó hẹp ở chủ đề đã làm nảy sinh ra việc bàn luận.

Sau lần thua tôi trong cuộc tranh luận mới đây, Nabin đánh bạo cầu hôn người góa phụ. Ban đầu anh không được nàng ưng thuận, nhưng khi anh triệt để sử dụng những lý lẽ hùng hồn của tôi, cộng thêm một hai giọt nước mắt của anh, thì người đẹp đã đầu hàng không điều kiện. Bây giờ, người giám hộ nàng cần một ít tiền để thu xếp công việc.

- Đây cậu cầm lấy - Tôi nói.

Nhưng, cậu biết đấy, - Nabin nói tiếp - phải mất mấy tháng nữa cha mình mới đủ người giặt để tiếp tục trợ

cấp cho mình. Trong thời gian ấy, chúng mình biết lấy gì mà sống?

Tôi lảng lạng viết cho anh bạn tờ ngân phiếu đủ số tiền cần thiết, rồi bảo: Nào, bây giờ cậu nói cho mình biết nàng là ai đi. Cậu chớ coi mình có thể là tình địch của cậu, vì mình xin thề là sẽ không làm thơ tặng nàng, và dù cho có thì cũng không gửi cho anh trai nàng, mà cho cậu!

Sao cậu lại nói thế, - Nabin nói - Mình giấu tên nàng không phải vì sợ cậu trở thành tình địch! Thực tế là nàng bị xáo động rất mạnh khi quyết định bước đi bất thường này, và yêu cầu mình chớ kể việc này với bạn bè. Nhưng nay không cần thiết nữa, vì mọi chuyện đã được thu xếp xong xuôi. Nàng ở số mười chín, ngay cạnh nhà cậu đấy thôi.

Nếu tìm tôi là một cái nồi hơi bằng sắt thì có lẽ nó đã nổ tung rồi. Tôi chỉ hỏi:

- Vậy nàng không phản đối gì chuyện tái hôn à?
- Hiện nay thì không - Nabin trả lời với một nụ cười.
- Có phải chỉ riêng những bài thơ đã gây ra sự thay đổi thân kỳ này không?
- Đúng thế, cậu biết đấy, các bài thơ của mình cũng không đến nỗi tồi, có phải không? - Nabin nói.

Tôi nguyên rửa thẩm trong bụng.

Nhưng tôi nguyên rửa ai mới được cơ chứ. Rửa Nabin à? Hay chính là rửa tôi? Rửa trời à? Tôi rửa tất cả.

Hoàng Cường dịch

NHỮNG ĐỒNG ÊQUY' CỦA CỤ ARNO

Selma Lagerlöf

Nhà văn Thụy Điển – Giải thưởng Nobel 1909

TẠI NHÀ GIÁO XỨ XONBERGA

I

Thời vua Frêdêrich đệ nhị, nước Đan Mạch còn trị vì xứ Bôhuxlăng có một bác hàng cá nghèo tên là Tôraranh sinh sống ở Marxt'răng. Bác ta người gầy còm yếu ớt. Một cánh tay bác bị liệt nên bác không chèo thuyền và đánh cá được. Bác không thể kiếm ăn trên mặt biển như mọi người dân khác trên quần đảo, nhưng bác đi khắp các miền trên cạn để bán cá muối, cá khô. Quanh năm bác đi từ làng này đến làng khác với cỗ xe chở cá, vì thế rất ít khi bác có mặt ở nhà.

Một ngày tháng hai, Tôraranh đánh chiếc xe trượt băng đi từ khu Kungxan tới giáo khu Xonberga. Mặt trời đang lặn. Con đường thật vắng vẻ. Không một người qua lại. Nhưng không vì thế mà Tôraranh phải im lặng. Trong xe, bên cạnh bác là một người bạn tốt mà bác có thể chuyện trò. Đó là một con cún mực, lông xù.

1. Một loại đồng tiền bằng bạc, có giá trị cao, thông dụng ở nhiều nước châu Âu trong thời trung cổ của cụ Arno.

Tôraranh đặt tên cho nó là Grim. Grim hầu như lúc nào cũng nằm im, đầu ngễnh lên hai chân trước, và chỉ nhấp nháy con mắt khi nghe chủ nói. Thế nhưng chỉ cần nghe thấy một tiếng động không vừa ý là nó đứng phắt dậy trong cỗ xe, hếch mũi đánh hơi và tru lên khủng khiếp hơn cả chó sói.

- Grim này, tao phải kể cho mày nghe những tin quan trọng tao vừa hay nhé, - Tôraranh nói. - Ở Kungxan cũng như ở Karêbi, người ta kể với tao rằng biển đã đóng băng rồi. Dạo này trời đẹp và yên tĩnh, chắc mày biết rõ điều đó hơn ai hết vì ngày nào mày chẳng ở trên đường. Biển đóng băng không những trong các vịnh, các eo mà còn đến tận Katogát. Tàu bè không thể qua lại giữa các đảo được nữa. Khắp nơi toàn những băng cứng nhắc, người ta có thể đi ngựa, đi xe đến tận Marxt'răng và rừng đá ngầm Patenôxte.

Con chó nghe chủ nói có vẻ thích thú. Nó nằm yên cạnh Tôraranh, nhấp nháy đôi mắt.

- Xe chúng ta hết cá rồi, - Tôraranh nói tiếp với giọng của một người muốn thuyết phục. - Nếu đến ngã tư tới, chúng ta đổi hướng, rẽ sang hướng tây về phía bờ biển thì mày thấy thế nào? Chúng ta sẽ đi qua nhà thờ Xonberga để tới Ôtxmanxkin, từ đấy tao cho rằng không quá tám dặm nữa là về đến Marxt'răng thôi. Kể ra có lần trở về nhà mà không phải đi tàu bè thì cũng thật trứ danh đấy nhỉ.

Tôraranh và con chó vượt qua cái truông rộng Karêbi, và mặc dầu trời lạnh gió, một làn hơi lạnh tràn qua truông tạt vào mặt, làm hai thầy trò đi rất vất vả.

- Có lẽ thiên hạ thấy chúng ta trở về nhà vào lúc công việc làm ăn rất thuận lợi, sẽ bảo chúng ta là đồ lười, - Tôraranh vừa nói vừa vung tay cho đỡ lạnh. Nhưng tao với mày lang thang trên đường đã mấy tuần nay rồi, vậy chúng ta cũng phải được ngồi bên lò sưởi vài hôm để xua tan cái lạnh thấu tận xương tuỷ chứ.

Thấy con chó vẫn im lặng, Tôraranh càng vững dạ. Bác vui vẻ nói tiếp: - Mẹ tao ở nhà một mình suốt thời gian qua, bà cụ rất mong chúng ta về. Vả lại sống ở Marxt'răng vào mùa đông thì thật thích thú, Grim nhỉ, phố lớn, phố nhỏ đều tấp nập những dân chài và những lái buôn nước ngoài, và trong nhà các dân chài, tối nào cũng có khiêu vũ, trong các quán rượu bia tuôn như suối... Mày không thể tưởng tượng được đâu.

Sau bài diễn thuyết đó, Tôraranh cúi xuống xem con chó có nghe mình nói không.

Con chó không ngủ và chẳng tỏ ra có một dấu hiệu phản đối nào cả, vì thế Tôraranh rẽ vào con đường đầu tiên chạy về hướng tây ra biển. Bác quất roi da vun vút bên tai con ngựa để thúc nó đi cho nhanh. - Chúng ta sắp đi qua nhà giáo sĩ xứ Xonberga, - Tôraranh nói, - tao phải vào đó để hỏi xem có phải là bằng dòng đến tận Marxt'răng không. Ở đó chắc là họ biết đấy Tôraranh nói nhỏ, không để ý xem con chó có nghe thấy hay không. Nhưng bác vừa dứt lời con chó đã chồm dậy, tru lên kinh khủng. Con ngựa nhảy sang một bên và ngay cả Tôraranh cũng hoảng hốt quay đầu nhìn lại xem có chó sói đuổi theo không. Nhưng khi nhìn thấy chính là Grim đang tru lên, bác tìm cách trấn tĩnh nó. - Grim

thân yêu, - bác nói, - tao với mày đã vào nhà giáo sĩ xứ Xonberga biết bao nhiêu lần rồi còn gì. Tao không rõ cụ Arnơ có biết rõ tình hình băng đóng ra sao không, nhưng tao biết chắc cụ ấy sẽ thết chúng ta một bữa ngon lành trước khi chúng ta lên mặt biển đóng băng. Song, những lời của Tôraranh chẳng làm yên lòng con chó. Nó vẫn héch mui đánh hơi và càng tru lên kinh khủng hơn khiến chẳng mấy chốc Tôraranh bắt đầu thấy khó chịu. Trời đã nhá nhem tối, song Tôraranh vẫn nhận ra nhà thờ Xonberga nằm giữa cánh đồng mênh mông có những ngọn đồi cây cối um tùm che chở về phía đất liền và có những vách đá trơ trụi bao bọc về phía biển. Đi một mình trong khoảng trống bao la trắng xóa này, Tôraranh cảm thấy mình nhỏ xíu như một sinh vật bé nhất, trong khi những yêu quái chui từ khu rừng tối sẫm, từ những ngọn đồi hoang vu ra và đi lờn vờn trên khoảng đất trống nhân lúc trời tối. Và trên khắp bình nguyên này, chúng chẳng thấy một ai để vỗ về cả, ngoài Tôraranh. Tuy vậy, Tôraranh vẫn tìm cách trấn an con chó. - Thôi đi Grim, có điều gì khiến mày không thích cụ Arnơ như vậy. Cụ là người giàu có nhất vùng này. Cụ thuộc dòng dõi quý tộc, nếu cụ không làm mục sư thì chắc cụ đã là một lãnh chúa có thế lực rồi. Con chó vẫn không chịu nghe. Thế là Tôraranh sốt ruột, nắm lấy cổ nó và quăng nó xuống đất.

Con chó không chạy theo xe. Nó đứng lại trên đường, tiếp tục tru lên cho tới khi chiếc xe đến trước cái cổng đen ngòm của nhà giáo sĩ, rồi tiến vào trong sân có bốn căn nhà gỗ thấp, dài bao quanh.

II

Tại nhà giáo sĩ xứ Xonberga, cụ Arno đang ngồi ăn bữa tối với cả nhà. Ngoài Tôraranh, trong phòng không có một khách lạ nào khác.

Mục sư là một cụ già tóc bạc, nhưng trông còn cường tráng, tuổi già chưa làm còng nổi thân hình cao lớn của cụ. Bà vợ của cụ ngồi bên cụ, bà bị ảnh hưởng của tuổi tác nhiều hơn. Đầu và hai bàn tay bà cứ run rẩy liên hồi, còn tai bà thì đã nghễnh ngãng. Ngồi phía bên kia mục sư là ông phó mục sư, một người còn trẻ với khuôn mặt xanh xao đây vẻ ưu tư. Ông ta có vẻ không gánh nổi mớ kiến thức mà ông đã thu thập được hồi còn đi học ở Vităngbe.

Ba nhân vật này ngồi ở phía đầu bàn ăn kê cao cao có vẻ tạo thành một nhóm riêng. Tôraranh ngồi ở phía dưới, rồi tiếp đến các gia nhân, hầu hết đã có tuổi. Ba lão bộc đều đầu hói, lưng còng mắt hấp háy và đầy nước mắt. Chỉ có hai vú già là còn tương đối trẻ và nhanh nhẹn hơn đôi chút. Tuy vậy, những tật nhược của tuổi già làm cho họ trông yếu ớt và cứng nhắc.

Ngồi phía đầu bàn bên kia là hai cô gái. Một cô là cháu gọi cụ Arno bằng ông. Cô ta chưa quá mười bốn tuổi. Tóc vàng, người thon thả, khuôn mặt còn nét trẻ con, nhưng chắc cô sẽ trở thành một thiếu nữ xinh đẹp. Bên cạnh cô là một cô gái nghèo mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống trong nhà giáo sĩ. Hai cô bé ngồi sát vào nhau, rõ là một đôi bạn chí thân.

Mọi người ngồi ăn, hoàn toàn im lặng, Tôraranh hết nhìn người này đến nhìn người khác, nhưng chẳng ai muốn nói chuyện trong bữa ăn cả.

Mấy cụ già nghĩ bụng: “Thật là phúc lớn cho ta, ta được nuôi ăn và không phải chịu cảnh đói nghèo như ta đã nhiều lần trải qua trong cuộc đời. Trong khi ăn, ta chẳng nên nghĩ tới điều gì khác ngoài việc biết ơn Chúa nhân từ”.

Tôraranh chẳng có ai để nói chuyện, nên đưa mắt nhìn khắp căn phòng. Bác nhìn chiếc lò sưởi lớn nhiều tầng xây sát tường, gần cửa ra vào, tới chiếc giường có tán che đặt trong góc phòng đối diện. Bác cũng nhìn những chiếc ghế dài kê dọc quanh tường và những cái cửa qua đó khói thoát ra ngoài, đồng thời cũng do đó mà khí lạnh mùa đông tràn vào cuộn cuộn. Ngắm nghía tất cả những cái đó, bác hàng cá Tôraranh, vốn sống trong túp lều bé nhỏ nhất, nghèo nàn nhất quần đảo, nghĩ bụng: “Nếu như mình là một người có quyền thế như cụ Arnơ, mình sẽ không chịu ở trong một căn nhà cổ lỗ sì chỉ có mỗi một phòng như thế này. Mình sẽ cho xây một tòa nhà có đầu hồi cao, có nhiều phòng như nhà của ngài thị trưởng và ngài thẩm phán ở Marxtrăng”. Song vật làm cho ông Tôraranh luôn luôn chú ý đến nhiều nhất là một cái rương bằng gỗ sồi đặt dưới chân chiếc giường có tán. Thiên hạ đồn rằng cụ Arnơ cất cả gia tài trong đó: những đồng bạc nhiều đến nỗi chất đầy đến tận miệng rương.

Và Tôraranh, con người đáng thương rất ít khi có nổi một đồng bạc trong túi, nghĩ: “Mình thật chẳng muốn có đồng của cái này. Thiên hạ đồn rằng cụ Arnơ lấy nó trong các tu viện lớn ở xứ này ngày trước, và các tu sĩ già tiên đoán rằng số tiền của đó sẽ gây tai họa cho cụ”.

Trong khi Tôraranh suy nghĩ như vậy, bác thấy bà cụ chủ nhà đưa tay lên tai để nghe cho rõ hơn, rồi quay lại phía cụ Arnơ và hỏi: “Sao họ lại mài dao ở Branchôc nhỉ?”.

Trong phòng đang yên lặng như tờ, nên mọi người rùng mình và ngược mắt nhìn lên, hoảng hốt khi nghe cụ có vẻ đang nghe cái gì, mọi người đặt thìa xuống và cũng găng lắng nghe. Mọi tiếng động đều bật đi trong phòng, trong một lúc nhưng bà chủ dường như càng lo lắng hơn. Bà đặt bàn tay mình lên cánh tay cụ Arnơ và nhắc lại:

“Tôi không hiểu sao tối nay ở Branchôc người ta cứ mài dao hoài vậy?” Tôraranh thấy cụ Arnơ vuốt ve bàn tay vợ để trấn tĩnh bà, nhưng cụ không trả lời vợ và vẫn bình tĩnh ngồi ăn.

Nhưng cụ vẫn lắng tai nghe, nước mắt trào ra, đầu và tay bà càng run rẩy nhiều hơn vì sợ hãi.

Thế là hai cô gái ở đầu bàn bên kia cũng bắt đầu khóc vì sợ.

Thế không ai nghe thấy tiếng mài ken két và tiếng giũa à? - Bà hỏi. - Không ai nghe thấy tiếng thép rít lên à?

Cụ Arnơ vẫn ngồi bình tĩnh và luôn luôn vuốt tay vợ. Cụ chưa lên tiếng thì chẳng một ai dám hé môi cả. Nhưng mọi người đều nghĩ rằng bà chủ đã cảm nhận thấy một tiếng động ghê rợn, báo trước những điều bất hạnh lớn. Máu như ngừng chảy trong mạch máu. Chẳng còn ai ăn nữa, trừ cụ Arnơ.

Mọi người nghĩ rằng trước đây bà cụ chủ là người trông nom nhà cửa, bà luôn luôn ở nhà săn sóc một cách khôn khéo và hiền hậu con cháu, đầy tớ, của cải, súc vật, nên tất cả mọi việc đều tốt đẹp. Tuy bây giờ bà đã già yếu, chắc chắn bà là người đầu tiên thấy được mối nguy đang đe dọa cả nhà. Bà chủ mỗi lúc một kinh hãi thêm. Hai tay chấp lại, bà nức nở vì tuyệt vọng, nước mắt chảy ròng ròng trên gò má nhăn nheo.

- Arơ Arnexông, thế mình không cần biết vì sao tôi sợ hãi đến thế à? - Bà rên rỉ.

Lúc đó, cụ Arơ nghiêng đầu về phía bà và nói:

- Tôi không biết vì sao mình lại hoảng hốt như vậy.

- Tôi sợ những con dao dài mà bọn chúng đang mài ở Branchôc.

- Làm sao mà mình lại nghe được tiếng mài dao ở tận Branchôc? - Cụ Arơ bật cười nói. - Cái ấp đó cách gần một dặm cơ mà. Thôi mình hãy cầm lấy thìa và ăn nốt cho xong bữa đi.

Bà chủ cố nén sợ, cầm lấy thìa định múc sữa trong bát, song thìa chỉ va vào miệng bát vì tay bà cứ run bần lên.

Mọi người đều nghe thấy tiếng va chạm, và bà chủ vội vàng đặt thìa xuống nói: "Làm sao tôi có thể ăn nổi, tôi chỉ nghe thấy tiếng ken két, rìn rít thôi!"

Lúc này cụ Arơ đẩy bát sữa ra và chấp hai tay lại. Mọi người làm theo, và ông phó mục sư bắt đầu đọc bài kinh tối. Kinh đọc xong, cụ Arơ nhìn những người ngồi quanh bàn, thấy mặt họ tái xanh và hoảng hốt, cụ nổi

giận, và bắt đầu kể về thời kì cụ mới đặt chân tới xứ Bôhuxlăng để thuyết giáo về cuộc cải cách của Ijuyte. Cụ và các môn đệ phải trốn phe cánh của giáo hoàng La Mã, chúng truy lùng cụ như lùng thú rừng.

- Thế chúng ta chẳng đã trông thấy kẻ thù rình mò khi chúng ta tới cửa Chúa đó sao? Thế chúng ta chẳng đã bị đuổi khỏi giáo khu và phải nương thân trong rừng như những kẻ không có tổ quốc đó sao? Vậy mà bây giờ chúng ta lại điên đầu lên chỉ vì một điểm gỗ hay sao?

Cụ Arnơ nói với vẻ mặt của một chủ tướng khiến mọi người lấy lại được can đảm.

- Đúng như vậy đấy, - họ nói với nhau. - Chúa đã che chở cho cụ Arnơ trong những cơn nguy nan nhất. Bàn tay Chúa bảo vệ cụ. Chúa sẽ không để cho kẻ tội lỗi của Người bị chết đâu.

III

Tôraranh vừa ra đến đường cái là con Grim chạy ngay lại và nhảy lên xe trượt. Nhưng thấy con chó đã đứng đợi bác trước nhà giáo sĩ Tôraranh lại cảm thấy lo lắng.

- Grim này, sao mày lại đứng ngoài cửa suốt buổi tối thế, sao mày không vào nhà để họ cho ăn? - Bác nói với con chó. - Một tai họa đang đe dọa cụ Arnơ chẳng? Phải chăng đây là lần cuối tao gặp cụ ấy? Song một chiến sĩ quả cảm như cụ cũng có ngày phải chết. Cụ sắp tròn chín mươi tuổi rồi còn gì.

Tôraranh đánh ngựa vào con đường đi qua ấp Brandhóc để đến Ôtxmanxkin.

Vừa tới ấp Branchôc, bác thấy trong sân có nhiều xe trượt. Ánh sáng trong nhà lọt qua những lá cửa chớp khép kín. Tôraranh nói với con Grim:

“Ở đây họ chưa ngủ đâu, tao vào hỏi xem tối nay ở đây có ai mài dao không?” Bác đánh xe áp sát khu nhà chính. Khi bác đẩy cửa bước vào, bác thấy ở đây đang có một cuộc họp mặt đông vui. Các cụ già ngồi uống bia trên những chiếc ghế dài kê dọc tường, thanh niên vui chơi ca hát ở giữa phòng.

Nhìn lướt qua, Tôraranh biết ngay ở đây chẳng ai định chuẩn bị vũ khí để làm chuyện đổ máu cả. Bác bèn khép cửa lại định bỏ đi, song ông chủ nhà đã chạy theo mời bác nghỉ chân một lát, vì dù sao bác cũng tới Branchôc rồi. Ông ta dẫn bác quay lại trong phòng.

Tôraranh tán chuyện với mấy người nông dân một lúc lâu. Họ thật là vui tính, ngay bác cũng cảm thấy vui vẻ, quên cả những linh cảm đen tối lúc trước.

Nhưng bác vẫn chưa phải là người khách cuối cùng đến dự cuộc vui này. Sau khi bác vào một lúc lâu, có hai người, một đàn ông, một đàn bà, xuất hiện trên ngưỡng cửa. Họ ăn mặc xoàng xĩnh, rụt rè đứng trong góc tường giữa lò sưởi và cửa ra vào.

Ông chủ nhà vốn vã tới đón những người khách mới, cầm tay dắt họ vào trong phòng, vừa đi vừa nói với mọi người:

- Người ta thật có lí khi nói rằng những kẻ ở gần nhất lại thường đến chậm nhất. Đây là những người hàng xóm gần nhất của tôi. Chúng tôi là những người nông dân duy nhất ở Branchôc đấy.

- Phải nói bác là người nông dân duy nhất mới đúng, - người đàn ông nói, - bác đừng coi tôi là nông dân, tôi chỉ là một người đốt than nghèo được bác cho ở nhờ trên đất của bác thôi.

Người đàn ông ngồi xuống bên Tôraranh, và hai bên nói chuyện với nhau. Người khách mới đến kể cho Tôraranh biết vì sao bác ta đến muộn. Vợ chồng bác có khách lạ đến nhà nên không dám đi đâu. Đó là ba người thợ thuộc da, họ đã ở đậu nhà bác suốt cả ngày. Sáng sớm họ đến trông họ ốm yếu và kiệt sức. Họ kể rằng họ đã ở trong rừng suốt cả tuần. Nhưng sau khi ăn uống ngủ nghỉ, họ đã lại sức. Đến chiều họ hỏi xem ấp nào lớn nhất, giàu có nhất vùng này, họ muốn tới đó may ra tìm kiếm được việc làm, bác gái trả lời rằng nhà giáo sĩ Arnơ là nơi sang trọng nhất. Thế là những người khách ấy rút ngay trong sắc ra những con dao dài và bắt đầu mài. Họ mài mất một lúc lâu. Trong khi mài nét mặt họ hung ác đến nỗi vợ chồng bác không dám đi đâu khỏi nhà.

- Tôi như còn thấy họ ngồi mài dao ken kết, - bác nói, - trông họ thật ghê gớm với bộ râu dài lâu ngày không sửa, với bộ áo da thú rách rời bần thiu. Tôi tưởng như có ba con yêu tinh đang ở nhà mình. Cuối cùng khi họ ra đi, tôi thấy nhẹ cả người.

Sau khi nghe câu chuyện trên, đến lượt Tôraranh kể cho người đốt than nghe cảnh bác được chứng kiến tại nhà giáo sĩ.

- Vậy thì đúng rồi, tối nay người ta có mài dao ở Branchoc thật, - bác vừa cười vừa kết luận. Bác đã uống nhiều rượu. Khi tới đây lòng bác rất buồn rầu bần

khoản, nên bác đã tìm cách để mị mẫn đi và cố để khuây khỏa.

- Thế là tôi thấy hoàn toàn phấn chấn hẳn lại, - bác nói, - bây giờ thì tôi rõ rồi, linh cảm của bà cụ giáo sẽ chỉ là do ba người thợ thuộc da kia mài dụng cụ của họ thôi .

IV

Quá nửa đêm một lúc lâu, một vài người trong ấp Branchôc bước ra thẳng ngựa để về nhà.

Ra tới sân, họ nhìn thấy một đám cháy lớn sáng rực trời ở hướng bắc.

Họ vội vã quay lại và kêu lớn: "Dậy đi, dậy đi, nhà giáo sĩ xứ Xonberga cháy rồi?"

Khách ở Branchôc rất đông, những người có ngựa thì nhảy ngay lên yên, phóng như bay về phía nhà giáo sĩ, còn những người khác cũng vội vàng chạy bộ theo, và tới nơi không chậm hơn mấy tí.

Tại nhà giáo sĩ, chẳng thấy ai động dậy gì cả: dường như tất cả đều ngủ yên trong nhà, mặc dù ngọn lửa bốc lên dữ dội.

Căn nhà không bén lửa . Nhưng ở cạnh tường nhà có kẻ xếp một đống củi lớn và rơm, và đã châm lửa vào đó trước đây không lâu. Ngọn lửa chỉ mới gây được thiệt hại là hun đen những cây xà nhà bằng gỗ tốt và làm tan tuyết trên mái. Nhưng nó đang bắt đầu bén vào mái rơm.

Mọi người đều đoán biết ngay rằng đây là một vụ đốt nhà gây tội ác. Không hiểu vợ chồng cụ Arnơ vẫn còn ngủ hay đã gặp bất hạnh.

Song trước khi vào trong nhà, những người đến chữa cháy phải dùng những cây sào dài gạt đồng lửa đang cháy bùng bùng cạnh tường. Họ trèo lên mái nhà, giạt những đám rơm đã bốc khói sắp sửa bùng cháy.

Rồi một vài người chạy tới cửa ra vào, định vào đánh thức cụ Arnơ dậy. Nhưng vừa đến ngưỡng cửa, người đi đầu vội đứng sang một bên, nhường chỗ cho người sau. Người tới sau, bước lên một bước, nhưng vừa nắm lấy cái then cửa anh ta lại vội tránh sang một bên dành chỗ cho người tới sau.

Ngay dưới cái ngưỡng cửa đã làm mọi người khiếp sợ này, một suối máu chảy lênh láng, cả cái then cửa cũng vấy máu.

Bỗng nhiên, cánh cửa bật mở, ông phó mục sự đâm bổ ra ngoài. Ông ta lao đảo chạy về phía những người đang đứng chen chúc bên tường. Bị một vết chém sâu vào đầu, người ông bê bết máu. Ông đứng lạng một lát, giơ tay ra hiệu im lặng, rồi nói hỗn hển:

- Đêm nay, cụ Arnơ và cả nhà cụ bị ba tên cướp giết hại, chúng trèo vào trong nhà qua lỗ hổng mái nhà phía lò sưởi. Chúng mặc áo bằng da thú có lông dài. Chúng lao vào chúng tôi như một bầy thú dữ và giết chết chúng tôi.

Ông ta không có đủ sức nói thêm, gục xuống chết ngay dưới chân mọi người. Ai nấy đi vào nhà, thấy mọi điều đều đúng khớp như lời ông phó mục sự.

Chiếc rương gỗ sồi to tướng mà cụ Arnơ cất tài sản không còn đó nữa. Bọn lưu manh đã đánh cắp con ngựa

của cụ Arnơ buộc trong chuồng và chiếc xe trượt băng đặt trong nhà chứa xe.

Dấu xe trượt in từ sân ra phía biển, xuyên qua cánh đồng của giáo xứ.

Hai mươi người lao theo dấu vết của bọn sát nhân. Còn những phụ nữ thì vào nhà chăm lo cho những người tử nạn, khiêng họ từ trong ngôi nhà ngập máu ra ngoài sân phủ tuyết trắng tinh.

Họ không tìm thấy đủ số người trong nhà. Cô gái nghèo được cụ Arnơ nuôi không có trong số người chết. Phải chăng cô đã trốn thoát, hay bọn kẻ cướp đã bắt cô đi rồi? Mọi người ngạc nhiên hỏi nhau.

Nhưng khi lục soát kĩ lại căn phòng, họ tìm thấy cô trốn trong khe hở giữa lò sưởi lớn và bức tường. Cô đã nép mình trong đó khi xảy ra cuộc tàn sát. Tuy không bị vết thương nào, cô vẫn kinh hoàng đến nỗi không còn nói nổi một câu, trả lời nổi một tiếng.

TRÊN BẾN XE TÀU

Tôraranh đưa cô gái đáng thương vừa thoát chết về nhà mình. Bác rất thương cô nên nuôi cô trong căn lều chật chội của mẹ con bác. Bác nghĩ:

“Đó là việc duy nhất mình có thể làm được để tỏ lòng biết ơn đối với cụ Arnơ, người hay mua cá của mình và cho phép mình ngồi ăn một bàn. Dù mình nghèo khổ đến thế nào chẳng nữa, mình cũng phải đưa cô bé ra thành phố với mình, hơn là để cô ấy ở lại đây với những người làm ruộng. Ở Marxt'răng có khối nhà tư sản kéch xù, cô

bé có thể tìm việc làm ở một nhà nào đấy, và kiếm sống một cách đáng trọng”.

Trong những ngày mới tới thành phố, cô gái nhỏ khóc từ sáng tới đêm. Cô than vãn đã mất tất cả những người thân yêu nhất. Song cô khóc người chị nuôi nhiều nhất, cô nói cô chỉ muốn chết theo chị cô và tiếc rằng mình đã trốn sau lò sưởi.

Khi Tôraranh ở nhà, mẹ bác im lặng nghe cô gái than vãn. Nhưng sau khi bác lại ra đi, một buổi sáng bà nói với cô:

- Enxalin này, bà không có đủ tiền để nuôi cháu ăn cháu mặc dầu trong khi cháu cứ ngồi không để nghĩ tới nỗi đau thương của mình. Cháu hãy đi với bà ra bến tàu và tập mổ cá nhé.

Từ đó, Enxalin theo bà cụ ra bến tàu và làm việc suốt ngày với mấy chị hàng cá. Phần đông họ còn trẻ và vui tính; họ hỏi Enxalin vì sao cô lại buồn rầu và ít nói. Enxalin bèn kể cho họ nghe những sự kiện mà cô vừa chứng kiến cách đây ba hôm. Cô kể chuyện về ba tên cướp đã lọt vào nhà qua lỗ hổng trên mái nhà và đã giết tất cả những người thân yêu của cô.

Trong lúc cô đang nói, một bóng đen bỗng hất xuống mặt bàn làm việc của cô.

Ngước mắt nhìn lên, cô thấy đứng trước mặt cô là ba chàng quý tộc đội mũ rộng vành và gài lông chim, mặc quần áo nhung, phồng to, viền toàn bằng lụa và vàng.

Một người có vẻ là bề trên của hai người kia. Anh ta có bộ mặt xanh xao, không để râu, mắt hờn sâu. Có vẻ

như anh ta vừa ồm dậy. Mặt khác, anh ta lại tỏ ra là một kẻ sĩ vui tính và mạnh dạn, đi dạo trên bến tàu ngập nắng như chỉ để cho mọi người ngắm bộ quần áo sang trọng và khuôn mặt điển trai của mình.

Enxalin ngừng tay làm việc và ngừng luôn cả câu chuyện đang kể. Cô há miệng, mở to đôi mắt ngắm chàng thanh niên lạ mặt. Còn anh ta thì mỉm cười với cô.

- Không phải chúng tôi đến đây cốt để làm cô sợ đâu, cô em xinh đẹp ạ - anh ta nói. - Nhưng cô cho phép chúng tôi cùng được nghe câu chuyện của cô. - Tội nghiệp Enxalin! Cả đời cô đã bao giờ được gặp một chàng trai như vậy, làm sao cô có thể thốt nên lời trước mặt anh ta! Cô đành im lặng và cúi xuống làm việc.

Song chàng trai lạ mặt kia lại nói tiếp:

- Cô em đừng sợ. Chúng tôi là những người Xcôtlen, đi phục vụ cho vua Jăng nước Thụy Điển từ hơn mười năm nay. Nay được nghỉ, chúng tôi muốn trở về nhà. Bọn tôi đã tới Marxt'răng, tìm dịp về Xcôtlen. Nhưng đến đây chúng tôi lại thấy tất cả các vịnh và các eo biển đều bị đóng băng, thế là bọn tôi phải dừng lại và chờ. Chúng tôi chẳng có việc gì làm cả, vì thế chúng tôi đi dạo chơi trên bến để gặp gỡ mọi người. Chúng tôi rất sung sướng nếu được nghe cô kể chuyện cô.

Enxalin hiểu anh ta nói vậy là để cho cô có đủ thời gian bình tĩnh lại, rồi cô tự nhủ: "Mình phải cố gắng tỏ ra là mình không đến nỗi quá ngu độn khi nói chuyện với một chàng quý tộc. Chẳng phải mình xuất thân từ

một gia đình sang trọng chứ không phải từ một gia đình ngư dân đó sao”.

Tôi đang kể vụ tàn sát khủng khiếp ở nhà giáo sĩ xứ Xonberga, - cô nói, - nhưng nhiều người khác cũng có thể kể lại sự việc.

Đúng, - chàng trai lạ trả lời, - nhưng đến bây giờ tôi mới biết rằng vẫn còn có người nhà cụ Arnơ sống sót cơ đấy.

Enxalin bèn kể lại lần nữa những hành vi tàn bạo của bọn hung đồ. Cô thuật lại việc đám gia nhân quây lại che chở cho cụ Arnơ, và việc cụ giật kiếm treo trên tường rồi nhảy xổ vào lũ sát nhân, nhưng bọn này thắng tất cả mọi người. Bà cụ chủ nhà vồ lấy thanh kiếm của chồng, xông vào bọn ác ôn, nhưng chúng chế giễu bà và đánh bà ngã gục bằng một thanh củi. Sau khi giết hết đàn ông chúng lôi phụ nữ trốn trên lò sưởi xuống và giết họ. Người bị giết sau cùng là chị nuôi yêu quý của tôi, - Enxalin nói - Chị ấy van xin chúng tha chết cho chị, hai tên trong bọn cướp muốn bằng lòng, song tên thứ ba nói rằng cần phải thủ tiêu tất cả mọi người, rồi hấn đâm dao vào tim chị tôi nuôi của tôi.

Trong lúc Enxalin kể lại cuộc tàn sát này, ba chàng quý tộc không nói một tiếng. Họ không hề đưa mắt nhìn nhau nhưng tai bị căng ra chừng như chăm chú lắm, mắt họ nãy lửa, đôi lúc môi họ hé mở để lộ hàm răng sáng loáng.

Mắt rưng rưng lệ, Enxalin không hề nhìn lên một lần nào lúc kể chuyện, nên cô không thấy người thanh niên đứng trước mặt cô có đôi mắt và hàm răng của chó sói.

- Nhưng cô làm thế nào để đạt được mục đích đó, trong khi cô chỉ là một cô gái yếu ớt?

- Nếu chúng còn sống, - Enxalin kêu lên, - tôi sẽ tìm được cách để chúng không thoát khỏi trừng phạt. Tôi thà chết còn hơn để chúng thoát. Chúng có thể mạnh hơn tôi, nhưng dù sao chúng sẽ không thoát nổi tay tôi đâu.

Người lạ mặt phá lên cười giễu cợt, nhưng Enxalin giậm chân nói:

- Nếu chúng còn sống, tôi sẽ nhớ rằng chúng đã phá tan tổ ấm của tôi, khiến cho tôi thành một cô gái khốn khổ phải ra mổ cá ngoài bến tàu lạnh giá. Tôi sẽ nhớ rằng chúng đã giết tất cả những người thân yêu của tôi. Nhất là chúng đã kéo chị nuôi tôi ra khỏi chỗ nấp, đã giết chị ấy, một người rất tốt đối với tôi.

Nhưng trước cơn giận dữ dội của cô gái nhỏ yếu này, ba người lính chiến Xcôtlen lại cười âm ỉ. Họ cảm thấy vui đến nỗi phải bỏ đi ngay để Enxalin khỏi bực mình vì mêm vui ấy. Họ rời bến tàu, đi vào một ngõ hẹp dẫn tới chợ. Họ đã đi khuất từ lâu mà Enxalin vẫn còn nghe thấy tiếng cười giễu cợt chói tai của họ.

NỮ THIÊN SỨ

Tám ngày sau khi bị giết hại, cụ Arnơ được an táng tại nhà thờ Xonherga, và cùng hôm đó, người ta triệu tập một cuộc họp lớn tại quảng trường Branchôc để mở cuộc điều tra về vụ tàn sát.

Cụ Arnơ rất có danh tiếng ở Bôhuxlăng, nên đám tang cụ rất đông, cả người ở quần đảo lẫn người trên đất

liên đều đến, cứ như một đội quân tập hợp quanh vị chỉ huy của mình. Đám người đi lại trên đường từ nhà thờ Xonberga tới Branchôc đông đến nỗi không có tác đất nào mà tuyết không bị giẫm nát.

Đến khuya, khi mọi người đã giải tán, bác bán cá Tôraranh đánh xe vào con đường chạy từ Xonberga đến Branchôc.

Ngày hôm ấy, Tôraranh đã nói chuyện với rất nhiều người. Bác đã kể đi kể lại nhiều lần hoàn cảnh cụ Arnơ bị giết. Bác đã được thết đãi no nê tại cuộc họp, và đã uống rất nhiều bia với những người khách xa.

Tôraranh thấy mệt mỏi, bèn nằm xuống trong xe. Bác cảm thấy buồn bã vì cụ Arnơ đã ra đi. Và khi tới gần nhà giáo sĩ, những ý nghĩ càng u sầu hơn ám ảnh bác.

- Grim ơi, - bác nói, nếu như tao tin vào những tiếng mài dao báo trước mà bà chủ nhà nghe thấy thì tao đã ngăn chặn được tai hoạ rồi. Tao cứ nghĩ đến chuyện đó hoài, Grim ạ, và tao rất khổ tâm, cứ như là tao đã góp phần đẩy cụ Arnơ sang thế giới bên kia ấy. Mà hãy nhớ lời tao nói với mày bây giờ: lần sau, nếu như tao nhận thấy một điềm báo trước như thế tao sẽ tin ngay và tao sẽ ra tay.

Trong khi Tôraranh nằm nửa thức nửa ngủ trong xe, con ngựa được kéo xe đi tự do, và khi tới nhà giáo sĩ Xonberga, theo thói quen, nó vượt qua cần chắn trước nhà rồi đi thẳng về phía chuồng ngựa. Tôraranh vẫn không biết gì. Mãi tới khi con ngựa dừng lại, bác mới ngồi nhòm dậy nhìn xung quanh. Bác rùng mình thấy

mình đang ở trong sân cái nhà mà cách đây mới một tuần, bao nhiêu người đã bị giết hại.

Bác vội túm lấy dây cương, định gõ cho con ngựa phải quay lại đường cái, nhưng lúc ấy, một người vồ vào vai bác làm cho bác quay đầu lại. Sau lưng bác là ông lão mã phu làm việc tại nhà giáo sĩ đã lâu lắm rồi.

- Có việc gì vội mà bác phải ra đi ngay tối nay vậy, bác Tôraranh? – Người đầy tớ già nói. - Hãy vào trong phòng đi, cụ Arnơ đang đợi bác đấy.

Không biết cơ man nào là ý nghĩ bỗng tràn ngập đầu óc Tôraranh. Bác mơ hay tỉnh đây? Lão mã phu Olốp mà bác đang thấy trước mặt bác đây, tươi tỉnh, khỏe mạnh, mới tuần trước chính bác nhìn thấy lão nằm chết bên cạnh nhiều người khác, với một vết chém toang hoác ở cổ.

Tôraranh càng nắm chặt dây cương. Tốt nhất là chạy khỏi nơi đây cho thật nhanh, bác nghĩ. Song bàn tay lão mã phu Olốp vẫn đặt trên vai bác và lão vẫn khấn khoản mời bác vào nhà.

Tôraranh nôn nóng tìm cớ để từ chối. “Tôi không định đến quấy rầy cụ Arnơ trong lúc đêm khuya khoắt này, - bác nói, - đó là tại con ngựa của tôi tự đi vào sân nhà mà tôi không biết. Tôi cần phải đi ngay để tìm chỗ ngủ lại đêm nay. Nếu cụ Arnơ muốn gặp tôi thì ngày mai tôi sẽ trở lại”.

Nói rồi, Tôraranh vươn người lên phía trước và đập dây cương vào con ngựa, giục nó đi tiếp. Song vô ích, ngay lúc ấy, lão đầy tớ đã đứng bên đầu ngựa, nắm chặt hàm thiếc, bắt nó phải đứng yên.

- Đừng có búống bình như vậy, Tôraranh, - lão nói. - Cự Arnơ vẫn chưa đi ngủ đâu. Cự đang đợi bác đấy. Bác hẳn biết rõ ở đây, bác sẽ có một chỗ nghỉ tốt chẳng kém gì ở bất kỳ nơi nào khác trong giáo khu này.

Tôraranh muốn phân trần bác không thích nghỉ đêm trong một ngôi nhà không có mái. Nhưng trước khi nói, bác ngược mắt nhìn về phía ngôi nhà, và lạ thay, ngôi nhà cổ thấp vẫn đứng sừng sững trước mặt bác, nguyên vẹn và đẹp đẽ, y như trước khi xảy ra vụ hỏa hoạn.

Bác giương to đôi mắt, dụi đi dụi lại, nhưng chẳng thể nghi ngờ gì được cả, ngôi nhà của giáo sĩ vẫn nguyên lành với mái rơm phủ đầy tuyết. Một ngọn khói vẫn luồn qua lỗ trống và những tàn lửa vẫn tóe lên. Qua những lá cửa chớp không khép kín, ánh sáng trong phòng lọt ra in trên nền tuyết bên ngoài.

Đối với một người khách đã lang thang rất lâu trên đường băng giá, chẳng có gì êm ái hơn là trông thấy ánh lửa từ một căn phòng ấm áp soi rạng bóng tối bên ngoài. Nhưng nhìn thấy thế, Tôraranh càng sợ hãi. Bác quất vào con ngựa đang đá chân lồng lên, song không thể làm cho nó rời khỏi cửa chuồng ngựa lấy một bước.

- Thôi vào đi, Tôraranh. - Lão đầy tớ lại nói. - Tôi cứ tưởng rằng không bao giờ bác lại muốn phải tự trách mình trong chuyện này nữa.

Thế là Tôraranh nhớ lại lời hứa của mình lúc ở trên đường, và, đang đứng vung roi giận dữ trên xe, bác bỗng trở nên hiền dịu như một con cừu.

- Thôi được, Olôp, tôi vào đây. - Bác vừa nói vừa nhảy xuống xe. - Quả thật, tôi không muốn phải tự trách mình trong chuyện này nữa. Hãy dẫn tôi với gặp cụ Arnơ.

Song, trong mọi chặng đường đã đi trong cuộc đời, Tôraranh chưa thấy chặng nào lại mệt nhọc vất vả bằng đoạn đường bác phải đi từ sân vào trong nhà này.

Khi cánh cửa mở ra, Tôraranh nhắm mắt lại để khỏi phải nhìn vào bên trong. Bác cố làm cho mình can đảm lên bằng cách nghĩ tới cụ Arnơ. “Cụ đã cho mình bao nhiêu bữa ăn ngon lành, cụ đã mua cá của mình ngay cả khi chạn thức ăn của cụ còn đầy ắp. Lúc còn sống, bao giờ cụ cũng đối xử tốt với mình, vậy thì bây giờ, khi đã chết, chắc cụ cũng chẳng muốn làm hại mình đâu. Có lẽ cụ muốn nhờ mình một việc gì chăng? Mình không nên quên rằng mình cần thể hiện lòng biết ơn của mình ngay cả với người đã chết”.

Thế rồi, Tôraranh mở mắt nhìn xung quanh. Trong phòng, mọi vật vẫn y nguyên như khi bác đến thăm lần vừa rồi. Bác nhận ra cái lò sưởi lớn xây liền vào tường và những tấm thảm dẹt lấy căng xung quanh căn phòng. Bác nhìn thật lâu những bức tường, trần nhà, và sàn nhà trước khi dám nhìn vào chiếc bàn và chiếc ghế mà cụ Arnơ vẫn thường ngồi.

Cuối cùng bác quyết định nhìn vào đó, và bác thấy cụ Arnơ đang ngồi bên bàn, hoàn toàn khỏe mạnh, ở giữa bà vợ và ông phó mục sư, y như tám ngày trước đây. Cụ dường như vừa mới ăn xong, cụ đã đẩy đĩa thức ăn ra, và chiếc thìa của cụ vẫn còn nằm trên bàn trước mặt cụ.

Mấy lão bộc và vú già ngồi bên cụ, nhưng vắng mặt một trong hai cô gái trẻ.

Tôraranh dừng lại hồi lâu nơi ngưỡng cửa, nhìn những người ngồi quanh bàn ăn. Tất cả mọi người đều có vẻ buồn bã lo lắng. Ngay cả cụ Arnơ trông cũng u buồn như mọi người khác, cụ phải tựa đầu vào một bàn tay.

Rồi Tôraranh thấy cụ ngẩng đầu lên:

- Anh đưa khách vào phải không, Olôp?

- Vâng, - người đầy tớ trả lời. - Đó là bác bán cá Tôraranh, hôm nay bác đã dự cuộc họp ở Branchôc.

Cặp mắt cụ Arnơ ánh lên vẻ hài lòng, và Tôraranh nghe thấy cụ nói:

“Lại gần đây chút nữa, Tôraranh, bác hãy kể cho chúng tôi nghe tin tức về cuộc họp. Tôi ngồi đợi bác từ tối tới giờ đây”.

Mọi sự diễn ra rất thật, rất tự nhiên, nên mỗi lúc Tôraranh dần dần cảm thấy vững tâm hơn. Bác mạnh bạo bước về phía cụ Arnơ và tự hỏi rằng phải chăng đó chỉ là một giấc mơ dữ dội khi bác tưởng rằng cụ Arnơ bị ám hại. Không còn nghi ngờ gì nữa, sự thật là bác đã nằm mơ.

Nhưng khi bước vào trong phòng, theo thói quen bác đưa mắt nhìn về phía cái giường có tán che, thường lúc nào cũng có cái rương lớn bên cạnh. Cái rương có đai sắt không còn ở đó nữa, và Tôraranh rùng mình khi nhận thấy nó đã biến mất.

- Tôraranh đến cho chúng ta biết những điều đã được quyết định ở cuộc họp đấy. - Cụ Arnơ nói.

Tôraranh cố làm cái việc mà mình được yêu cầu. Bác kể về cuộc họp, về cuộc điều tra, song vẫn không thể tự chủ giữ cho đôi môi khi lập bập, cho lưỡi khỏi cứng đờ. Bác ấp úng, lắp bắp.

Cụ Arnơ ngắt lời bác rất nhanh:

- Hãy nói cái chính thôi, Tôraranh ạ. Người ta đã tìm ra bọn sát hại chúng tôi và trừng trị chúng chưa?

Và Tôraranh đã dám trả lời:

- Thưa cụ chưa. Bọn sát nhân đã nằm dưới đáy vịnh Hakơ rồi. Thế thì cụ bảo làm sao xuống đấy để tìm chúng được?

Nghe Tôraranh trả lời : cụ Arnơ có vẻ hơi hoạt bát lại như xưa. Đăm mạnh xuống bàn, cụ kêu lên:

- Bác nói gì vậy, Tôraranh? Có thật là ngài pháp quan ở Bôhu đã triệu tập cuộc họp với các nhân viên pháp luật và các viên lục sự của ngài, và chẳng một ai có thể thưa với ngài là có thể tìm thấy bọn hung thủ ở đâu không?

- Thưa cụ đúng như vậy, - Tôraranh trả lời. - Không có một người đang sống nào có thể nói với ngài pháp quan điều ấy!

Cụ Arnơ cau mày lại một lúc, mắt nhìn thẳng trước mặt. Rồi cụ lại quay về phía Tôraranh:

- Ta biết bác hết lòng với ta, Tôraranh ạ. Vậy bác có thể cho ta biết ta có thể trả thù bọn giết ta bằng cách nào không?

- Thưa cụ, - Tôraranh đáp, - tôi hiểu rõ cụ muốn trả thù những kẻ độc ác đã cướp mất tính mệnh của cụ.

Nhưng trong tất cả những người đang sống trên trái đất của Chúa này, chẳng ai thể giúp cụ trong việc này được.

Nghe xong câu trả lời đó, cụ Arnơ ngồi trầm ngâm suy nghĩ, vẻ rầu rĩ. Hai người im lặng một lúc, rồi Tôraranh yêu cầu cụ Arnơ:

- Thưa cụ, tôi đã làm điều cụ mong muốn, tôi đã kể lại với cụ tình hình cuộc họp. Cụ không còn điều gì hỏi tôi nữa chứ, và cụ cho phép tôi cáo từ chứ ạ?

- Khoan đã, Tôraranh, - cụ Arnơ nói. - Trước khi đi, bác hãy cam đoan với tôi một lần nữa rằng trong số những người đang sống, không một ai có thể trả thù cho chúng tôi được.

- Nếu như tất cả mọi người ở Bôhuxlăng và Na Uy tập hợp lại để đi tìm bọn sát nhân thì họ cũng không thể tìm thấy chúng đâu.

Nhưng cụ Arnơ nói:

- Thôi được, nếu những người đang sống không có khả năng giúp chúng tôi thì chúng tôi sẽ tự giúp mình vậy.

Rồi cụ cất to tiếng đọc kinh Lạy Chúa không phải bằng tiếng Đan Mạch mà bằng tiếng La Tinh, như hồi xưa, mọi người trong nước quen làm.

Đọc mỗi tiếng cụ lại chỉ tay vào một người đang ngồi quanh bàn với cụ. Và cụ cứ làm như vậy cho đến lúc cụ cầu tiếng men. Tối đây, ngón tay trở của cụ chỉ vào cô cháu nội của cụ.

Cô gái đứng lên ngay, và cụ nói với cô:

- Cháu biết việc cháu phải làm chứ?

Cô gái liền rên rĩ và nói:

- Xin ông đừng giao cho cháu một việc như vậy. Việc ấy quá sức một con bé yếu ớt như cháu.

- Sao lại không, chính cháu phải làm nhiệm vụ này. Cụ đáp, - cháu làm là đúng, bởi vì cháu có lý do hơn ai hết để đòi được trả thù. Trong chúng ta đây không ai thiệt nhiều năm sống bằng cháu, vì cháu là người ít tuổi nhất.

- Cháu không đòi trả thù ai cả, cô gái nói.

- Thôi lên đường đi ngay, - cụ nói tiếp, - cháu sẽ không đơn độc đâu, vì cháu biết rồi đấy: Hai người tám hôm trước đây đã ngồi với chúng ta bên bàn này là ở trong số người đang sống.

Nghe nói vậy, Tôraranh đoán biết rằng cụ Arnơ chỉ định bác phải bước vào cuộc chiến đấu với bọn hung ác giết người. Bác kêu lên:

- Lạy Chúa, tôi van cụ, thưa cụ.

Ngày lúc đó, dường như bác trông thấy ngôi nhà và cụ Arnơ biến mất trong đám mây mù. Bác cảm thấy mình rơi xuống từ một độ cao ngợp người, rồi ngất ngất đi.

Lúc bác tỉnh lại thì trời đã rạng đông. Bác thấy mình nằm ngay trên mặt đất trong sân nhà giáo sĩ. Con ngựa và cỗ xe vẫn ở cạnh bác, còn con Grim thì đang ráng hết sức mà tru lên.

“Tất cả chỉ là một giấc mơ thôi, - Tôraranh tự bảo mình - mình thấy rõ như vậy”.

Ngôi nhà này vắng vẻ và đang đổ nát. Mình chẳng hề nhìn thấy cụ Arnơ, mà cũng chẳng thấy ai nữa cả.

Nhưng giấc mơ đã làm mình kinh hãi đến nỗi mình ngã lăn xuống đất”.

DUỐI ÁNH TRẮNG

Nửa tháng sau khi cụ Arnơ bị giết có đôi ba đêm trăng đẹp. Một tối nọ, Tôraranh đánh xe đi trên những con đường ngập ánh trăng. Bác cứ phải luôn tay ghìim ngựa lại tựa hồ như bác rất khó định hướng đi.

Tuy vậy, không phải bác đi xuyên qua một cánh rừng hoang vu mà trước mặt bác hình như có một cánh đồng mênh mông trên đó rải rác những gò đá nhỏ.

Một lớp tuyết lấp lánh phủ khắp rừng. Vì lặng gió nên tuyết rơi đậm và đều, không cuốn thành lốc và cũng không dồn thành đống.

Nhìn hết tầm mắt, vẫn chỉ là một khoảng trống bao la trắng xóa, vẫn chỉ những gò đá nhỏ.

Grim này, - Tôraranh lên tiếng, - nếu chiều nay, đây là lần đầu tiên chúng ta nhìn thấy vùng này, chắc chúng ta sẽ tưởng tượng là đang đi qua một cái truông lớn đấy. Nhưng cũng có thể chúng ta sẽ lấy làm lạ là tại sao mặt đất lại bằng phẳng đến thế, và trên đường lại không có những hòn đá hoặc mỏ đá nào. Chúng ta sẽ phải tự hỏi vùng này là vùng nào vậy mà không có hố, không có rào, không có lấy một cây, một ngọn cỏ khô nào chồi lên mặt tuyết. Và tại sao không hề có một dòng sông, một con suối trong khi ta vẫn thường nhìn thấy những dải nước kham cắt ngang những cánh đồng trắng xóa, ngay cả những lúc trời lạnh nhất.

Những ý nghĩ đó làm cho Tôraranh thấy rất vui và cả Grim cũng thấy hài lòng, nó nằm im không nhúc nhích trên xe, chỉ hấp háy đôi mắt. Nhưng Tôraranh vừa chấm dứt bài diễn văn của bác chưa được mấy chốc thì đã đến trước một cây hải tiêu.

- Nếu chúng ta không phải là dân vùng này, Grim ạ, - Tôraranh lại nói, - ắt chúng ta sẽ thắc mắc đây là cái truông nào mà lại dựng những cái mốc như ta thường gặp trên mặt biển. Nói cho cùng thì đây không thể là biển, và cái đồng bằng rắn chắc này không thể chỉ toàn là nước được. Thế nhưng tất cả những gò đá dường như nối liền với nhau này có phải là những hòn đảo lớn đảo nhỏ bị những đợt sóng đông ngăn cách chăng? Không, chúng ta không thể tin như vậy được, phải không Grim?

Tôraranh cười, con Grim thì vẫn nằm im. Tuy nhiên, trên đường đi tiếp, Tôraranh gặp một gò đá ngầm nhô cao, và bác phải đi vòng quanh. Bất chợt, bác kêu lên như nhìn thấy một cái gì kì diệu. Bác ngạc nhiên đến nỗi buông rơi dây cương và giơ hai tay lên trời.

- Grim ơi, mây không muốn tin rằng chúng ta đang đi trên mặt biển, vậy bây giờ chắc mây thấy rõ mây đang ở đâu chứ. Mây đứng dậy đi. Mây sẽ nhìn thấy một chiếc tàu lớn ngay trước mặt chúng ta, mây không thể phủ nhận bằng chứng này, và mây sẽ phải thú nhận rằng chúng mình đang vượt biển.

Tôraranh còn dừng xe lại một lúc nữa để ngắm con tàu đang bị băng kìm giữ. Nó có vẻ như lạc đường giữa đồng bằng tuyết phủ này.

Nhìn thấy một cột khói nhẹ bốc từ boong mũi tàu, Tôraranh bèn đến bên con tàu và lên tiếng gọi thuyền trưởng, hy vọng sẽ bán được cá cho ông ta. Giờ bác chỉ còn vài con cá thu tươi dưới sàn xe, vì suốt cả ngày hôm ấy, bác đã đi một vòng tới mọi con tàu nhỏ bị mắc băng trong quần đảo, và bác đã bán hết xe cá

Trên tàu, thuyền trưởng và các thủy thủ đang buồn đến chết được. Họ xô ra mua cá, không phải vì đang cần cá mà chỉ để có người nói chuyện.

Khi mọi người đã rời con tàu, đến bên Tôraranh, bác làm ra vẻ ngây thơ và nói chuyện về thời tiết.

- Từ xưa, chẳng có năm nào đẹp trời như năm nay. - Bác nói.

- Đã gần ba tuần nay, trời rất lạnh mà không có gió, điều đó ít xảy ra ở quần đảo này. . . .

Người thuyền trưởng vốn đang bị mắc kẹt với con tàu chở đầy cá mòi trong một cái vịnh đóng băng gần Marxtrăng đúng vào lúc ông chuẩn bị ra khơi bèn nhìn Tôraranh với vẻ mặt quàu quau và vắn lại:

- Thật đấy chứ? Thế này mà gọi là đẹp trời à?

- Tôi nói khác thế nào được? - Tôraranh hỏi lại với vẻ hồn nhiên trẻ thơ.

Trời thì sáng và xanh, gió thì lặng, ban đêm cũng đẹp như ban ngày. Chưa bao giờ tôi có thể đánh xe đi trên băng hết tuần này sang tuần khác như thế này. Ít khi biển đóng băng tới tận đây. Nếu như có năm nào biển đóng băng thì chỉ vài ngày sau là gió bão đã làm tan băng rồi.

Người thuyền trưởng vẫn u sầu rầu rĩ, ông chẳng đáp lại những lời ba hoa của Tôraranh.

Tôraranh bèn hỏi tại sao ông ta không đến Marxt'răng chơi, vì từ đây đến đó “đi bộ không quá một giờ”. Ông ta cũng không trả lời khiến Tôraranh đoán rằng ông ta không muốn rời con tàu, dù chỉ trong chốc lát, vì sợ không sẵn sàng nhổ neo ngay sau khi băng tan. “Thật ít khi mình thấy một người có đôi mắt, lộ vẻ nhớ nhà đến u sầu như vậy”. - Tôraranh nghĩ thầm.

Phải giam mình giữa những dãy núi ngầm bao nhiêu ngày này, không thể giương buồm ra khơi và mất nhiều thời gian đắm chìm trong suy tư, người thuyền trưởng nói với Tôraranh:

- Bác đã đi khắp nước và được nghe mọi chuyện, vậy bác có biết tại sao năm nay Chúa lại đóng cửa mọi đường ra biển trong một thời gian dài và giam hãm chúng tôi như thế này không?

Nghe thấy thế, Tôraranh không cười nữa, song làm như không hiểu và nói:

- Tôi không biết ông định nói gì?

- Thế này. - Thuyền trưởng nói. - Có một năm, chúng tôi bị hãm lại ở cảng Berghen suốt một tháng trời, ngày nào cũng có gió ngược đến nỗi không một chiếc thuyền nào giương buồm ra khơi được. Đó là vì có một thằng ăn cắp của nhà thờ đang ẩn náu trong một chiếc tàu đang phải nằm im đó, và nếu như không có bão to thì hẳn đã thoát khỏi vòng pháp luật rồi. Cuối cùng người ta đã tìm ra nơi hẩn trốn và người ta vừa mới dẫn hẩn lên mặt đất là trời lập tức đẹp trở lại, và gió thuận lại thổi. Bây giờ

chắc bác đã hiểu ý tôi khi tôi hỏi bác tại sao Chúa lại đóng mọi cửa ra biển?

Tôraranh đứng lặng đi một lát. Có lúc bác đã định mạnh bạo nói lên sự thật, song bác lại đổi ý.

- Vì bị giam chân mãi giữa những tảng đá này nên ông mới có những ý nghĩ u sầu đó thôi. - Bác nói. - Ông không đi Marxt'răng sao? Ở đó rất vui, ông cứ tin tôi đi. Hàng trăm người ngoại quốc đang ở đó, họ chẳng lo chuyện gì khác ngoài việc uống rượu và nhảy múa.

- Nhưng vì sao ở Marxt'răng người ta lại vui chơi dữ vậy? - Thuyền trưởng hỏi lại.

- Ô, - Tôraranh đáp, - Ở đó dân đi biển đông như kiến, tàu của họ cũng bị kẹt giữa băng như tàu của ông ấy. Có cả nhiều dân chài vừa mới đánh cá mỏi xong nhưng chưa về nhà được vì trời lạnh hơn nữa, còn có nhiều lính đánh thuê người Xcốtlen giải ngũ đến Marxt'răng để đợi dịp trở về quê hương. Ông tưởng những con người lương thiện này đều mang bộ mặt đưa đám và không nhân dịp tốt để vui sống hay sao?

- Rất có thể những người đó sẵn lòng vui chơi, song về phần tôi, tôi cho rằng cứ nằm ở đây là tốt nhất, thuyền trưởng trả lời.

Tôraranh liếc nhìn ông ta rất nhanh. Thuyền trưởng người cao và gầy, đôi mắt ông trong suốt lộ vẻ buồn phiền.

"Chẳng có ai, kể cả mình có thể làm cho con người này vui lên được". Tôraranh tự nhủ.

Song thuyền trưởng nói lại câu chuyện một lần nữa.

- Những người Xcốtlen ấy có phải là người tử tế không?

- Ông là người sẽ đưa họ về Xcốtlen chẳng? - Tôraranh hỏi lại.

- Đúng tôi chở hàng đi Erimbuộc, vừa rồi có một người Xcốtlen tới đây đề nghị tôi chở anh ta và mấy người bạn. Nhưng tôi không muốn cho một bọn mọi rợ như vậy lên tàu. Vì thế tôi nói để suy nghĩ ít hôm đã, bác có nghe nói gì về họ không? Theo ý bác, tôi có thể liệu nhận họ lên tàu được không?

- Tôi chẳng nghe nói gì về họ cả, chỉ thấy thiên hạ khen họ là những chàng trai dũng cảm. Ông có thể yên tâm mà nhận họ.

Nhưng đúng vào lúc Tôraranh nói như vậy, con chó của bác nhồm dậy trong xe, héch mũi lên trời và tru lên. Tôraranh lập tức dừng lại không dám khen những người Xcốtlen nữa. Bác nói với con chó:

- Mày làm sao thế, Grim? Chắc mày thấy tao lần chân ở đây quá lâu, tán dóc mất nhiều thời gian chứ gì?

Bác liền sửa soạn lên đường.

- Thôi, xin từ biệt các ông, - Bác nói.

Tôraranh trở về Marxt'răng qua eo biển nằm giữa hai hòn đảo Klôvuren và Kôn. Khi về gần tới thành phố, bác nhận thấy không phải chỉ có mình bác trên mặt băng. Ánh trăng sáng ngời soi vào một người đàn ông có dáng hiên ngang đang bước đi trên tuyết. Tôraranh thấy anh ta đội một chiếc mũ gài lông chim và mặc bộ quần áo phong sang trọng.

- Kìa, - Tôraranh nghĩ thầm, - đó chính là ngài Arsi chỉ huy đoàn chiến binh Xcốtlen, chiều nay đã tới tận chiếc tàu kia để tổ chức chuyến đi trở về Xcốtlen.

Tôraranh đã đến sát bên Arsi. Chiếc xe trượt đã đuổi kịp cái bóng của anh ta đổ dài trên mặt đường, và con ngựa đã nện gót trên bóng chiếc mũ lông chim.

- Grim ơi, - Tôraranh nói, - liệu chúng ta có nên hỏi xem anh ta có muốn lên xe cùng về thành phố với chúng ta không?

Ngay lập tức, con chó chồm dậy, song Tôraranh đã đặt tay lên lưng nó:

- Yên nào, Grim thân mến, tao thấy mày không thích những người Xcốtlen.

Arsi vẫn không biết Tôraranh đã đến gần. Anh ta bước đi không hề ngoái lại phía sau. Tôraranh nhẹ nhàng cho xe lượn sang bên để vượt lên trước.

Lúc ấy, bác nhìn thấy phía sau người Xcốtlen sang trọng kia có một vệt gì giống cái bóng của người khác nữa, một vật gì dài, mảnh, màu xám lướt nhẹ trên mặt tuyết, không để lại dấu chân mà cũng chẳng gây tiếng lạo xạo nào. Anh chàng Xcốtlen bước những bước dài. Anh ta chẳng hề nhìn sang hai bên. Nhưng cái bóng xám mỗi lúc một sát vào người anh ta hơn, như muốn nói thầm vào tai anh ta.

Tôraranh cho xe chạy chậm lại để đi ngang hàng với hai người kia. Và bác nhìn thấy rõ mặt người Xcốtlen dưới ánh trăng. Lông mày anh ta nhíu lại, nét mặt anh ta giận dữ dường như anh ta đang bị những ý nghĩ phiền

toái ám ảnh. Tôraranh định vượt lên trước thì bỗng người Xcốtlen quay đầu lại như thể là hắn vừa nhận ra có người theo sau.

Tôraranh trông thấy rõ ràng một cô gái mặc bộ đồ lụng thụng đang lướt sau lưng Arsi, song Arsi không trông thấy cô ta. Cô ta đứng im lặng lẽ khi Arsi quay đầu lại và cái bóng to lớn tối sầm của anh ta trùm lên người cô gái.

Arsi lại tiếp bước thật nhanh, và cô gái lại đi theo anh ta, hình như cô thì thăm điều gì đó vào tai Arsi.

Nhìn thấy thế, Tôraranh phát hoảng không thể chịu nổi, bác bật kêu lên và quất ngựa, thành thử bác đã phóng như điên về đến tận cửa nhà bác và con ngựa ướn dầm mồ hôi.

SĂN ĐUỔI

Thành phố với những ngôi nhà đủ các cỡ nằm trên phần đảo Marxt'răng hướng về trung tâm quần đảo và được nhiều đảo lớn đảo nhỏ bao bọc. Ở đó, dân cư đi lại như mắc cửi trên các đường phố lớn nhỏ. Ở đó, có bến cảng san sát tàu thuyền. Ở đó người ta ướp cá muối và mổ cá, ở đó, một ngôi nhà thờ đứng sừng sững giữa một bên là nghĩa địa, một bên là tòa thị chính, và cũng ở đó, người ta đã xây một cái chợ.

Những cây đại thụ cành lá đu đưa che mát thành phố trong những ngày hè. Ở phía tây trông ra biển, đảo Marxt'răng chẳng có đảo nào khác hoặc dãy đá ngầm nào bao bọc chỉ thấy những tảng đá trơ trụi, hoang vu,

và những doi đất nham nhỏ trườn ra trên mặt sóng. Ở đó, một vài bụi cây thanh thảo vươn những cây đầy gai mọc rậm rạp quanh những hốc rái cá, những hang cáo và những tổ vịt biển và móng biển. Song không có lấy một con đường nhỏ, một mái nhà một bóng người.

Túp lều của Tôraranh nằm trên tí đỉnh hòn đảo, một phía trông xuống thành phố và một phía trông ra một dải đất hoang vu.

Khi Enxalin mở cửa, trước mặt cô là những tảng đá lớn trơ trụi, từ đó, có thể nhìn ra xa tí về phía tây tới tận đường chân trời mờ mờ ngoài khơi dân chài đang bị băng giá giữ chân lại ở Marxt'răng đều phải đi ngang qua nhà Tôraranh để trèo lên những mỏm đá để xem xét tình hình lớp băng phủ trên các vịnh và eo biển. Enxalin thường đứng ở ngưỡng cửa túp lều, mắt theo dõi những người đang trèo lên. Lòng cô tan nát kể từ khi cô gặp phải tai họa vô biên kia. Cô nghĩ: "Sung sướng thay những người vẫn còn chút gì để mong muốn. Chứ như mình thì thật chẳng còn ao ước cái gì trên đời này nữa".

Một buổi tối, Enxalin trông thấy một người cao lớn, đội mũ gài lông chim, đứng trên tảng đá như mọi người nhìn về phía tây, phía biển khơi. Cô nhận ra ngay đó là Arsi, vị chỉ huy người Xcốtlen, kẻ đã nói chuyện với cô trên bến tàu.

Khi đi ngang qua nhà Tôraranh, anh ta ngoái đầu lại và nhìn thấy Enxalin đang đứng trước cửa, mắt đắm lệ.

- Tại sao cô lại khóc? - Anh ta hỏi và dừng lại bên cô.

Enxalin trả lời:

- Tôi khóc vì tôi chẳng còn gì để mong ước cả. Khi tôi thấy anh trèo lên những tảng đá ngấm nhìn biển khơi, tôi nghĩ:

“Chắc ở nơi đó, phía bên kia biển có một xứ sở mà anh sắp được thấy trở lại”.

Những lời nói này làm Arsi cảm động, anh ta nói:

- Bao nhiêu năm nay, chẳng ai nói với tôi về quê hương tôi cả. Có trời mà biết nhà của cha tôi bây giờ ra sao. Tôi rời nhà đi phục vụ trong quân đội nước ngoài từ khi mười bảy tuổi.

Và thế là Arsi theo Enxalin vào trong nhà, kể về nhà cha anh cho cô nghe. Enxalin ngồi lặng yên, ân cần lắng nghe Arsi kể chuyện. Mỗi lời nói của anh ta đều làm cô vui thích.

Đến lúc phải ra về, Arsi xin phép Enxalin được hôn cô. Enxalin từ chối và bước vội ra cửa, nhưng Arsi đã chặn lối định cưỡng ép cô.

Ngay lúc ấy, cánh cửa phòng bật mở, bà chủ nhà đột ngột bước vào, Arsi lùi lại và đành bắt tay từ biệt cô, rồi bước nhanh ra ngoài.

Bà mẹ Tôraranh nói với cô:

- Cháu đã nhờ người đi tìm bà thật đúng lúc. Một cô gái trẻ ở một mình trong phòng với một người đàn ông như ngài Arsi này là không nên. Cháu biết đấy, lính đánh thuê thì chẳng cần gì đến danh dự, đến lương tâm?

- Cháu đã nhờ người đi tìm bà ư? - Enxalin thốt lên, ngạc nhiên.

- Chứ sao nữa, - bà cụ trả lời. - Khi đang làm trên bến thì có một cô gái lạ mặt đến nói với bà rằng cháu nhắn bà về ngay.

- Cô gái ấy trông thế nào? - Enxalin lại hỏi.

Bà không nhìn kĩ cô ấy nên không thể tả lại được, nhưng bà để ý thấy cô ấy đi trên tuyết hết sức nhẹ nhàng, không hề có tiếng bước chân.

Nghe nói vậy, Enxalin bỗng tái mặt, cô thì thào: “Thế thì đó là một thiên thần, một thiên thần đến báo tin cho bà và đưa bà về nhà”.

II

Một ngày khác, Arsi lại tới nhà Tôraranh nói chuyện với Enxalin.

Trong nhà chỉ có hai người ngồi chuyện trò vui vẻ với nhau. Arsi nói với Enxalin rằng cô nên theo anh ta về Xcốtlen, anh sẽ xây cho cô một tòa lâu đài và cô sẽ trở thành một bà chủ lâu đài sang trọng.

Anh ta nói rằng cô sẽ có hàng trăm gia nhân phục dịch và cô sẽ được đi dự các vũ hội trong triều.

Enxalin im lặng nghe Arsi, cô không hề nghi ngờ rằng đó chỉ là những lời hươu vượn. Arsi thì nghĩ thầm rằng chưa bao giờ anh ta lại gặp một người con gái dễ đánh lừa như Enxalin.

Anh ta bỗng im bặt và nhìn vào bàn tay trái của mình.

- Có gì vậy, Arsi? - Enxalin hỏi. - Sao anh không nói gì thế? Tay anh bị đau hay sao?

Arsi bối rối quay lại và nói với cô:

- Enxalin, em có nhìn thấy những sợi tóc quấn quanh bàn tay anh không? Em có thấy cái lọn tóc màu này hay không?

Khi Arsi bắt đầu nói, Enxalin không nhìn thấy gì cả, nhưng khi Arsi sắp dứt lời, cô nhận thấy một nạm tóc tơ màu vàng quấn hai vòng quanh tay anh chàng Xcốtlen.

Cô gái sợ hãi đứng phắt dậy kêu lên:

- Arsi, những sợi tóc quấn quanh tay anh là của ai vậy?

Arsi nhìn cô, vẻ ngạc nhiên, phân vân:

- Rõ ràng đó là những sợi tóc thật, Enxalin ạ, anh cảm thấy nó mềm mại và mát rượi trong bàn tay anh. Nhưng nó ở đâu ra nhỉ?

Cô gái nhìn bàn tay chăm chú đến nỗi con mắt cô như sắp sửa rời ra.

- Tóc của chị nuôi em quấn quanh bàn tay kẻ giết chị ấy cũng y như thế đấy, - Cô nói.

Arsi bèn cười, rút nhanh tay về, và nói:

- Em và anh, Enxalin ạ, chúng ta đã hoảng sợ như trẻ con ấy. Chắc cái mà chúng ta tưởng là tóc chỉ là một tia nắng đẹp rọi qua cửa sổ thôi.

Tuy vậy, cô gái vẫn khóc và nói:

- Em cứ hình dung như mình nấp sau lò sưởi, nhìn thấy bọn giết người đang đâm chém. Than ôi, em em hi vọng cho đến phút cuối cùng bọn chúng không tìm thấy người chị nuôi yêu quý của em. Nhưng rồi một tên đã lôi chị ấy ra, và khi chị ấy cố thoát thân, hắn đã xoắn tóc

chị ấy quanh bàn tay hấn để giữ lại. Chị ấy đã quỳ xuống van xin hấn: “Tôi còn trẻ lắm, xin ông hãy cho tôi được sống, để tôi có thời gian hiểu được vì sao tôi lại tồn tại trên trái đất này. Tôi có làm hại gì ông đâu mà ông lại muốn giết tôi, mà ông không cho tôi được sống?”. Hấn đã không thèm nghe và đã giết chị ấy.

Trong khi Enxalin nói, Arsi cau mày, quay mặt đi.

- Ôi mong sao có một ngày em sẽ gặp lại hấn! - Enxalin thốt lên và nhìn Arsi, hai tay hấn nắm chặt.

- Em không thể gặp hấn được nữa đâu, - Arsi nói, - hấn đã chết rồi.

Cô gái buông người rơi xuống ghế và thốn thức.

- Arsi, Arsi, tại sao anh lại làm cho em nhớ đến những người đã khuất? Em sẽ khóc suốt cả buổi tối, suốt cả đêm nay. Anh hãy đi đi, Arsi, vì lúc này em chỉ nghĩ đến những người đã mất, em chỉ nghĩ đến tình thương mến của chị nuôi em đối với em thôi.

Arsi không an ủi nổi cô, trái lại, nước mắt và những lời than vãn của cô đã đẩy anh ta ra khỏi nhà cô, và anh ta quay về quán rượu với bạn hữu.

III

Arsi không hiểu vì sao anh ta luôn bị những ý nghĩ đen tối ám ảnh. Chúng cứ dai dẳng đeo đuổi anh ta, cả trong khi nói chuyện với Enxalin lẫn khi nhậu nhẹt với bạn hữu. Dù anh ta có đi nhảy tại các nhà dân chài hay dù có đi dạo liên miên trên mặt biển đóng băng, anh ta vẫn không tài nào dứt khỏi chúng được “Tại sao mình cứ

phải nhớ lại mãi những điều mà mình rất muốn quên đi? - Arsi nghĩ - Hình như có một người nào đấy cứ luôn luôn theo sát mình và thì thầm vào tai mình. Mình có cảm giác như người ta đang chằng lưới quanh mình để chiếm đoạt mọi ý nghĩ của mình, chỉ để lại cho mình ý nghĩ duy nhất đó. Mình không thể trông thấy kẻ săn đuổi đang chằng bẫy mình, nhưng mình nghe thấy tiếng chân khi người ấy lướt theo mình. Cứ như một họa sĩ luôn luôn đi trước mình và biến mọi cái trước mắt mình thành một bức tranh duy nhất. Dù mình nhìn lên trời hay nhìn xuống đất, mình vẫn chỉ trông thấy có một cái đó thôi. Mình tưởng như có một người thợ đá đang đục thủng trái tim mình và nhét vào đó một nỗi đau độc nhất vô song. Mình không thể trông thấy người thợ đá nhưng mình nghe tiếng anh ta đập gõ suốt ngày đêm. Người đó nói, ôi trái tim bằng đá, trái tim bằng đá, cuối cùng mây cũng phải khuất phục thôi. Cứ đục mãi cuối cùng cũng nhét được nỗi đau ấy vào mây thôi”

Arsi có hai người bạn, đó là Philip và Rêginan, lúc nào cũng cập kê bên Arsi. Họ lấy làm buồn cho Arsi cứ rầu rĩ hoài.

- Có việc gì thế - Họ hỏi Arsi. - Tại sao mắt cậu long lên mà má cậu lại tái mét đi thế?

· Arsi không muốn thú nhận điều đang day dứt trong lòng mình. Anh ta nghĩ: “Các bạn còn coi ta ra gì nếu như họ biết ta đã để cho mình có những ý nghĩ chẳng mang khí phách nam nhi như vậy. Họ sẽ không vâng lời ta nữa nếu họ biết rằng một việc làm, tuy là rất cần thiết, lại gây cho ta bao nỗi ăn năn”.

Vì họ thúc ép quá. Arsi đành trả lời để họ khỏi nghi ngờ:

- Máy ngày qua mình thấy một điều lạ lùng lắm. Mình không tài nào gần được một cô gái mà mình muốn được yêu. Lúc nào cũng như một cái gì chen vào giữa mình và cô ấy.

- Có lẽ con bé ấy không yêu cậu đó thôi! - Rêginan nói.

- Có chứ. Mình cho rằng cô ta muốn điều tốt cho mình, - Arsi trả lời, - tuy thế hình như có một cái gì đó luôn luôn che chở cho cô ta, khiến mình không thể chinh phục cô ta được.

Rêginan và Philip cùng phá lên cười và kêu lên:

- Thôi đừng lo. Chắc chắn là bọn này sẽ đem con bé ấy đến cho cậu. Chiều hôm đó, Enxalin đi một mình trong ngõ hẻm để về nhà. Cô trở về mệt mỏi sau một ngày làm việc và nghĩ thầm: "Cuộc sống này thật là vất vả, và chẳng mang lại cho mình một chút vui thích nào. Mình phát ngáy lên vì phải ngồi cả ngày giữa đông cá nặng mùi. Mình phát chán vì phải nghe những tiếng cời đùa choe choé của mấy bà. Mình cũng đâm chán về những con mòng biển háu ăn cứ bay lượn trên bàn chực cướp từng mẩu cá trong tay mình. Ôi, nếu có một người nào đó đưa cho mình đi khỏi nơi đây, mình sẽ theo anh ta đến tận cùng trời cuối đất".

Khi Enxalin đi tới quảng đường tối nhất, Rêginan và Philip từ bóng tối nhô ra, đến chào cô.

- Cô Enxalin này, - Họ nói, - Arsi nhờ chúng tôi báo tin cho cô. Anh ấy bị ốm nằm ở nhà trọ. Anh ấy rất muốn nói chuyện với cô và nhắn cô theo chúng tôi tới chỗ anh ấy.

Enxalin sợ Arsi ốm nặng, nên quay lại ngay theo mấy anh chàng quý tộc Xcótlen, tự nguyện dẫn đường cho cô.

Philip và Rêginan đi hai bên cô. Họ nhìn nhau cười và nghĩ chẳng có gì dễ hơn việc đánh lừa Enxalin.

Quay trở lại con đường vừa đi, Enxalin vội vàng rào bước, gần như nhảy. Philip và Rêginan phải sải chân bước theo để khỏi bị rớt lại phía sau.

Nhưng, trong khi Enxalin đang vội như vậy, có một vật gì lăn dưới chân cô, một vật gì đó đã bị ném ở đằng trước cô và suýt làm cô vấp ngã.

“Cái gì lăn trước chân mình thế nhỉ, - Enxalin nghĩ thầm. - Chắc là mình đã phải một hòn đá, làm nó lăn xuống dốc”. Cô đang sốt ruột đến bên Arsi và không muốn dừng lại chỉ vì cái vật đang lăn phía trước, cô liền hất nó sang bên đường. Nhưng vật đó lăn trở lại ngay lập tức, rồi lại lăn trước Enxalin trên con đường dốc đứng. Những khi vật đó va phải hòn sỏi và nảy lên, nó kêu lanh canh như tiếng một đồng tiền, và Enxahn thấy nó lấp lánh trong bóng tối.

“Đó không phải là một hòn đá thường. Mình ngờ rằng đó là một đồng bạc”. Nghĩ vậy, nhưng cô đang vội đến gặp Arsi nên chẳng để mất thời gian cúi xuống nhặt nó lên.

Song vật đó vẫn tiếp tục lăn trước mặt cô. Cô nghĩ: “Nếu mình cúi xuống nhặt đồng bạc đó lên, chắc mình sẽ đi được nhanh hơn. Và nếu như nó chẳng đáng giá thì mình sẽ vứt nó ra thật xa”

Cô liền cúi xuống nhặt đồng bạc lên. Đó là một đồng êquy lớn bằng bạc, tỏa sáng lấp lánh trong bàn tay cô.

- Cô nhặt được vật gì mà trông sáng ngời dưới ánh trắng vậy? Rêginan hỏi. Cũng vừa lúc đó ba người đi tới trước mấy căn nhà lớn, nơi ở trọ của những người nước ngoài tới Marxt'răng đánh cá. Một chiếc đèn lồng treo trước cửa ra vào rọi ánh sáng yếu ớt ra ngoài phố.

- Cô cho tôi xem vật cô nhặt được nào. - Philip dừng lại trước ngọn đèn nói.

Enxalin giơ đồng tiền ra trước ánh đèn. Song vừa mới liếc nhìn, cô đã kêu lên:

- Đó là một đồng êquy của cụ Arnơ, tôi nhận ra nó mà, đó là một đồng êquy trong số bạc của cụ Arnơ!

Rêginan ngắt lời cô:

- Cô nói gì vậy? Tại sao cô lại bảo đó là đồng êquy của cụ Arnơ? - Tôi nhận ra đồng êquy đó mà, - Enxalin nhắc lại, - tôi thường thấy cụ Arnơ cầm những đồng êquy của cụ trong tay. Chắc chắn đó là một đồng êquy của cụ Arnơ.

- Cô đừng kêu to lên như vậy, - Philip nói. - Đấy, thiên hạ không hiểu tại sao cô kêu, đang chạy tới kia kia.

Nhưng Enxalin không nghe lời Philip. Cô thấy cửa một sân nhà đang để ngỏ. Bên trong một đống lửa bập bùng giữa nhà. Nhiều người đàn ông đang ngồi quanh đống lửa chuyện trò bình thản.

Enxalin chạy tới họ, tay giơ cao đồng êquy.

- Các ông ơi, xin các ông nghe tôi nói, - cô kêu to, - giờ đây tôi biết rằng bọn người sát hại cụ Arnơ vẫn còn sống. Các ông hãy nhìn xem, tôi vừa tìm được một đồng êquy của cụ Arnơ.

Tất cả mọi người quay lại nhìn cô. Cô nhận ra có cả bác hàng cá Tôraranh cùng ngồi với đám dân chài.

- Sao cô rồi rít lên thế - Tôraranh hỏi. - Làm sao cô phân biệt được đồng êquy của cụ Arnơ với những đồng êquy khác.

- Tôi có thể nhận ra chính xác đồng êquy này giữa những đồng khác. - Enxalin nói. - Nó cũ kĩ, rất to và có một vết khắc trên mép. Cụ Arnơ nói rằng nó có từ thời các triều vua Na Uy khi xưa. Khi cần tiêu tiền, cụ Arnơ chẳng bao giờ chịu dùng đến nó.

- Nhưng cô phải nói cho chúng tôi biết cô đã lượm đồng êquy này ở đâu chứ, - một người đánh cá nói.

- Tôi nhìn thấy nó lăn ở ngoài phố ngay trước mặt tôi. Chắc một tên trong bọn sát nhân đã đánh rơi nó?

- Có lẽ cô nói đúng đấy, - Tôraranh nói. - Song đồng êquy này sẽ giúp gì được chúng ta? Chúng ta làm sao mà tìm ra bọn sát nhân chỉ với một điều là cô biết được rằng chúng đã đi trên đường phố này?

Mọi người đều cho rằng Tôraranh nói phải và họ lại ngồi xuống quanh đống lửa.

- Enxalin, cô đi với tôi về nhà chứ? - Tôraranh nói tiếp. - Con gái không nên lang thang ngoài phố vào giờ này.

Nghe Tôraranh nói thế, Enxalin quay người lại đưa mắt tìm mấy anh bạn cùng đi, song Rêginan và Philip đã biến mất từ lúc nào không biết.

TRONG QUÁN RƯỢU THỊ SẢNH

Một buổi sáng đẹp trời, bà chủ quán rượu tại tòa thị sảnh ở Marxt'răng vừa mở cửa để cọ rửa cầu thang và phòng ngoài thì thấy một cô gái nhỏ đang ngồi trên bậc cầu thang có vẻ đợi chờ. Cô mặc một chiếc áo thụng màu xám có thắt lưng ở ngang thân. Mái tóc vàng không cuộn lên mà cũng không tết, buông xõa hai bên má cô.

Khi cánh cửa mở ra, cô gái đứng dậy, bước xuống phòng ngoài. Bà chủ thấy cô đi như người trong mơ. Mắt nhìn xuống, hai cánh tay khép sát vào người, cô gái lại mặt tiến sát lại gần bà chủ quán. Cô càng lại gần bà chủ quán, càng ngạc nhiên về dáng người tha thuốt và chân tay thanh mảnh của cô. Tuy khuôn mặt cô rất xinh, nhưng có vẻ hốc hác và trong suốt như thủy tinh. Tới bên bà chủ quán, cô hỏi liệu ở quán có việc gì mà cô có thể làm được chẳng và cô xin bà nhận cô vào làm còn ở.

Bà chủ nghĩ tới những người đàn ông thô lỗ tới tới thường đến đây uống rượu vang, uống bia và bà không khỏi bật cười:

- Không. Không. Ở quán tôi không có phù hợp với một cô gái bé nhỏ như cô đâu.

Cô gái không ngược nhìn lên, đứng yên không cử động, nhưng lại cầu xin bà nhận vào làm người hầu

trong quán. Cô không yêu cầu bà nuôi ăn hoặc trả tiền công, cô chỉ muốn có việc làm.

- Không. - bà chủ nhắc lại. - Dù cô là con gái tôi đi nữa thì tôi cũng sẽ từ chối. Theo ý tôi, cô xứng đáng với những việc làm tốt hơn là làm người hầu ở quán tôi.

Cô gái nhẹ nhàng bước trở lên cầu thang. Bà chủ quán đưa mắt nhìn theo. Bà thấy cô quá bé nhỏ, quá yếu ớt để có thể tự bảo vệ, nên bà động lòng thương xót. Bà bèn gọi cô lại và nói:

- Một mình lang thang ngoài đường phố, có thể cô còn gặp nhiều nguy hiểm hơn là ở quán chúng tôi. Thôi, hôm nay cô ở lại đây, cô sẽ rửa bát đĩa, để rồi tôi xem có việc gì hợp với cô không.

Bà dẫn cô vào một gian phòng nhỏ xíu bố trí sau gian bán hàng. Gian phòng này không lớn hơn một cái tủ lá bao, nó chẳng có cửa lùa mà cũng chẳng có cửa sổ, ánh sáng lọt vào qua một cái lỗ trống trên bức tường của gian bán hàng.

- Hôm nay cô cứ ở đây, rửa tất cả những bát đĩa mà tôi sẽ đưa vào cho cô qua cái lỗ này, - bà chủ quán nói với cô gái. - Rồi tôi sẽ quyết định sau xem có thể giữ cô lại giúp việc cho tôi không.

Cô gái trẻ bước vào gian phòng hẹp, những cử động của cô hoàn toàn không gây một tiếng động. "Thật không khác nào một hồn ma lướt vào trong mờ". - Bà chủ quán nghĩ bụng.

Thế là cô ở đó suốt ngày, không nói chuyện với ai, mà cũng chẳng hề ghé mặt vào lỗ tường, để nhìn những



người ra vào quán rượu. Cô cũng không động tới thức ăn người ta đem đến cho cô.

Chẳng ai nghe thấy tiếng bát đĩa va chạm vào nhau. Nhưng mỗi khi bà chủ quán thò tay qua lỗ tường, cô gái lại trao cho bà những chồng bát đĩa đã rửa sạch bóng, không một vết bẩn.

Thế nhưng khi cầm bát đĩa để đặt lên bàn khách, bà chủ thấy nó lạnh giá trong tay, buốt thấu da thịt.

Vừa rùng mình, bà vừa nói: "Tôi có cảm tưởng như những bát đĩa này là do một người chết cầm trao cho tôi".

II

Vào một ngày không có việc làm cá ngoài bến tàu.. Enxalin ở nhà một mình, ngồi kéo sợi. Một ngọn lửa ấm áp nháy trong lò sưởi, chiếu khá sáng gian nhà. Đang làm việc Enxalin cảm thấy có một làn gió nhẹ thoảng trên trán cô tựa như có một làn hơi lạnh cô ngước mắt lên và trông thấy người chị nuôi đã chết đứng ngay trước mặt.

Enxalin đưa tay dừng guồng sợi và ngồi lặng người, mắt dán vào người chị nuôi. Thoạt đầu, cô thấy sờ sợ. Nhưng rồi cô nghĩ: "Mình không được phép sợ người chị nuôi của mình. Dù chị ấy còn sống hay đã chết, mình cũng rất sung sướng được gặp lại chị".

- Chị thân yêu ơi, - cô nói với hồn ma, - chị muốn gì em thế.

Người kia trả lời, giọng yếu ớt, không có âm sắc:

- Em Enxalin, chị xin vào làm đầy tớ tại một quán rượu. Bà chủ đã để chị đứng cả ngày rửa bát đĩa. Tối nay chị thấy mệt quá, không thể làm được nữa. Chị đến hỏi xem em có vui lòng đến giúp chị không?

Nghe những tiếng nói này, Enxalin cảm thấy có một bức màn đang trùm lấy đầu óc cô. Cô không thể nghĩ được gì nữa, không thấy ngạc nhiên mà cũng không thấy sợ hãi. Cô chỉ cảm thấy vui sướng được gặp lại người chị nuôi. Cô đáp:

- Được chứ, chị thân yêu. Em sẽ đến giúp chị ngay đây.

Hồn ma đi ra cửa và Enxalin theo sau. Nhưng khi họ sắp bước qua ngưỡng cửa, người chị nuôi nói với Enxalin:

- Em hãy mặc áo khoác vào, bên ngoài đang có bão đấy. - Hồn ma nói những câu này rõ hơn câu trước.

Enxalin với chiếc áo khoác treo trên tường xuống và khoác vào người. Cô nghĩ: "Chị ấy vẫn yêu thương mình. Chị ấy không muốn mình gặp phải điều không hay. Mình rất sung sướng được theo chị đến bất cứ nơi nào mà chị muốn".

Và, đi theo hồn ma, Enxalin rời xa dần căn lều của Tôraranh cất trên một dốc đá, rồi qua nhiều phố đi xuống phía bến cảng và chợ.

Hồn ma luôn luôn đi trước Enxalin hai bước. Gió nổi dữ dội luôn ào ào vào những phố nhỏ. Enxalin nhận thấy mỗi khi gió thổi mạnh, sắp ép cô vào tường, hồn ma lại cố sức lấy thân hình mỏng dính của mình chắn gió cho cô. Cuối cùng họ cũng tới được Tòa thị sảnh. Hồn ma bước

xuống cầu thang hầm rượu, nơi đặt quán rượu. Hồn ma ra hiệu cho Enxalin đi theo mình. Họ đang bước xuống bậc thang thì bỗng một cơn gió thổi tắt ngọn đèn treo ở phòng ngoài. Bóng tối bao phủ lấy họ. Enxalin không biết đặt chân vào đâu nữa, và hồn ma phải cầm lấy tay cô dắt đi. Khi bàn tay hồn ma chạm vào người cô lạnh ngắt. Enxalin rùng mình và run lên sợ hãi. Hồn ma vội rút tay lại và lót tay mình bằng vạt áo choàng của Enxalin, rồi mới cầm lại tay cô để dẫn đi. Song, Enxalin vẫn cảm thấy cái lạnh thấu xương qua làn áo lông có lượt vải lót.

Hồn ma dẫn Enxalin dọc theo một hành lang hẹp, rồi mở cửa đưa Enxalin vào một gian phòng nhỏ xíu tối om, chỉ mờ mờ sáng nhờ cái lỗ trống trên tường. Enxalin thấy mình đang ở trong cái nơi mà bà chủ quán bắt chị cô phải đứng rửa bát đĩa phục vụ khách. Trong bóng tối, Enxalin thấy lơ mơ một chậu nước đầy đặt trên một chiếc ghế đẩu và trên lỗ tường có rất nhiều cốc tách, bát đĩa bẩn.

- Em có thể làm việc giúp chị tối nay không, Enxalin?
- Hồn ma hỏi.

- Có chứ, chị thân yêu. Em sẽ làm tất cả những gì chị muốn.

Và cô cởi ngay áo choàng ra, xắn tay áo lên và bắt đầu rửa bát.

- Em cứ bình tĩnh và im lặng tuyệt đối, Enxalin nhé, để bà chủ khỏi biết có người đến giúp chị.

- Vâng. Em sẽ không động đậy, không nói năng gì - Enxalin trả lời.

- Vậy chị xin vĩnh biệt em, Enxalin. - Hồn ma nói, - nhưng chị còn phải dặn em một điều: Chị xin em, sau này đừng có quá giận chị nhé.

- Tại sao chị lại nói vĩnh biệt. - Enxalin nói, - tối nào em cũng đến giúp chị cơ mà.

- Không, chị chỉ cần đến em tối nay thôi. Chị tin rằng tối nay, em sẽ giúp chị được nhiều việc quan trọng đến nỗi công việc của chị nhờ thế mà kết thúc tốt đẹp.

Vừa nói chuyện với chị, Enxalin vừa cúi đầu làm việc.

Một lát yên lặng, rồi cô gái cảm thấy một làn gió nhẹ lướt qua trán giống như hồn ma đến với chị tại nhà Tôraranh. Cô ngẩng đầu lên và chỉ thấy còn lại một mình. Cô hiểu ý nghĩa của làn gió nhẹ lướt trên trán cô và nghĩ thầm: “Người chị nuôi đã chết của mình đã hôn lên trán mình trước khi ra đi đấy”.

Thoạt tiên, Enxalin rửa cho xong mấy chồng bát đĩa, cô tráng lại tất cả và lau khô. Sau đó, cô quay ra xem đã có bát đĩa bẩn mới đặt trên lỗ tường chưa. Vì không thấy gì ở đó. Cô nhòm qua lỗ vào gian hàng.

Vào giờ này, theo thường lệ thì chẳng còn ai tới quán rượu nữa. Bà chủ quán không còn đứng sau quầy và cũng chẳng còn người đẩy tổ nào trong phòng. Duy chỉ còn ba người đàn ông ngồi đằng đầu một chiếc bàn dài. Họ là khách, song ở quán hàng này họ hoàn toàn tự nhiên như ở nhà mình: một người trong bọn uống cạn vại rượu, rồi đi tới bên những thùng bia xếp chồng lên nhau cạnh quầy bán, tự rót lấy và tiếp tục uống.

Đứng sau lỗ tường, Enxalin dường như vừa từ một thế giới khác trở về. Cô vẫn nghĩ đến người chị nuôi nên chẳng hiểu rõ những điều đang diễn ra trước mắt cô.

Trong một lúc lâu, cô không nhận ra ba người đàn ông đang ngồi bên bàn kia là những người rất quen biết và thân thiết của cô: đó chẳng phải là ai khác ngoài Arsi và hai bạn của anh ta là Rêginan và Philip.

Từ mấy ngày nay, Arsi không đến thăm Enxalin, vì thế cô cảm thấy sung sướng khi trông thấy anh ta. Cô định gọi anh để nói rằng cô đang ở rất gần anh, nhưng cô chợt nghĩ là anh ta không đến thăm cô nữa, điều đó thật lạ lùng, và thế là cô im lặng.

“Có lẽ bây giờ anh ta yêu một người khác chẳng có lẽ lúc này anh ta đang nghĩ đến người đó chăng?” – Cô có nghĩ ấy vì cô thấy Arsi ngồi cách xa các bạn một chút, mắt nhìn đăm đăm, không uống rượu cũng không tham gia chuyện trò với họ. Ngay cả khi Rêginan và Philip hỏi anh, anh cũng chẳng buồn trả lời nữa.

Enxalin nghe thấy hai người kia đang cố làm cho Arsi vui vẻ lại. Họ hỏi anh tại sao không uống, họ khuyên anh nên đến thăm Enxalin, chuyện trò với cô để phấn chấn lại.

- Các cậu không phải lo lắng cho mình như vậy, - Arsi trả lời. - Mình đang nghĩ tới một cô bé khác. Lúc nào nó cũng ở trước mắt mình. Lúc nào mình cũng nghe tiếng nó văng vẳng bên tai.

Và Enxalin cảm thấy Arsi đang dán mắt vào một cây cột đỡ vòm hầm. Cô cũng nhìn theo, thấy người chị nuôi của cô đang đứng dựa cột, nhìn thẳng vào Arsi, điều mà

trước đây cô không nhận thấy. Cô đứng không nhúc nhích trong bộ đồ xám nên rất khó phân biệt cô với cây cột sau lưng cô. Enxalin đứng lảng lảng nhìn căn phòng. Người chị nuôi của cô ngược mắt nhìn Arsi khác hẳn lúc ở bên cầu thang cô ta luôn hạ mi mắt xuống. Nhưng trên gương mặt, đôi mắt là đáng sợ nhất. Enxalin thấy chúng bị chọc thủng, không có ánh mắt, và ánh sáng không phản chiếu trên con người.

Một lúc sau, Arsi lại rên rỉ: “Lúc nào mình cũng thấy con bé, nó đi theo mình khắp mọi nơi”.

Anh ta ngồi đối diện với cây cột nơi hồn ma đang đứng dựa lưng và anh ta nhìn thẳng vào đó, nhưng Enxalin biết rằng anh ta không nhìn thấy hồn ma, không nói đến hồn ma mà nói đến một người nào đó cứ luôn ám ảnh anh ta.

Từ sau lỗ tường, Enxalin theo dõi mọi điều đang xảy ra, cô nghĩ thầm rằng cô rất muốn biết ai là người mà Arsi lúc nào cũng nghĩ tới. Đột nhiên cô thấy hồn ma đến ngồi vào chiếc ghế dài sát bên Arsi và thì thầm vào tai anh ta.

Nhưng Arsi vẫn không biết rằng hồn ma đang ở sát bên anh đến thế và đang nói thầm vào tai anh. Anh ta chỉ nhận biết sự có mặt của hồn ma vì thấy mình mỗi lúc một hoảng sợ hơn, sau khi hồn ma tới ngồi bên và thì thầm vào tai Arsi được một lúc. Enxalin thấy Arsi đưa hai tay ôm đầu và khóc: “Ồi tại sao mình lại tìm thấy cô gái ấy?” – Anh ta nói. – “Mình không có điều gì phải ân hận ngoài việc mình đã không để cho cô ta được sống khi cô ta van xin mình”.

Hai người kia ngưng uống, sợ hãi đưa mắt nhìn Arsi, người đang bị nổi ân hận dày vò, nên không còn thiết gì đến khí phách nam nhi cả. Họ sững sờ một lúc, rồi một người đến quây rượu, lấy một cốc vại và rót đầy vang đỏ. Anh ta đi đến bên Arsi, vỗ vào vai Arsi và nói: “Uống đi người anh em ... Những đồng êquy của cụ Arnơ vẫn chưa hết đâu. Chừng nào chúng ta vẫn còn tiền để uống rượu như thế này thì việc gì phải ưu sầu, phiền muộn”.

Nhưng đúng lúc anh ta nói: “Uống đi người anh em, những đồng êquy của cụ Arnơ chưa hết đâu”, Enxalin thấy hồn ma đứng dậy, ra khỏi ghế băng và biến mất.

Và cũng lúc này, Enxalin lại nhìn thấy trước mặt cô là ba người đàn ông râu dài, mặc bộ quần áo bằng da thú đang đánh nhau với gia nhân của cụ Arnơ. Cô nhận ra chính chúng là những người đang ngồi trong quán rượu ở Tòa Thị sảnh, chính chúng là Arsi, Philip và Rêginan.

III

Enxalin bước ra khỏi căn phòng nhỏ, nơi cô rửa bát đĩa của quán rượu, rồi khép nhẹ cánh cửa sau lưng. Cô dừng lại trong hành lang chật hẹp kế bên, dựa lưng vào tường và đứng lặng ở đó gần một giờ đồng hồ. Lúc đó cô suy nghĩ: “Mình không thể phản anh ấy được. Có thể anh ấy phạm mọi tội ác, song mình yêu anh ấy vô cùng. Mình không thể để anh ấy phải chịu xa hình¹. Mình không có gan nhìn thấy anh ấy bị đốt chân tay”.

1. Cục hình trong đó tội nhân bị đập gãy chân tay rồi trói vào một bánh xe.

Cơn bão lớn nổi lên từ sáng càng về chiều tối càng dữ dội. Nấu mình trong bóng tối, Enxalin nghe tiếng gió gầm thét lồng lộn. “Đây là cơn bão đầu tiên của mùa xuân, - cô nghĩ. - Nó kéo đến với tất cả sức mạnh của nó để phá băng, giải thoát cho mặt biển. Vài ngày nữa, biển sẽ thông và Arsi sẽ ra đi không bao giờ trở lại đây nữa. Vậy thì bắt giam và trừng phạt anh ấy phỏng có ích gì? Cả người sống lẫn người chết, chẳng ai được lợi về việc đó cả”.

Enxalin khoác áo choàng lên người, định bụng về nhà và im lặng làm việc, không tiết lộ bí mật cho ai biết cả.

Nhưng chưa cất bước chân đi, cô đã bỏ ngay ý định đó.

Cô vẫn đứng nguyên lắng nghe tiếng bão giận và cô nghĩ rằng mùa xuân sắp đến, tuyết sẽ biến đi và màu xanh của cây cối sẽ phủ khắp mặt đất.

“Lạy Chúa thương chúng con! Mùa xuân sẽ ra sao đối với mình. – Cô tự nhủ. - Sao mùa đông lạnh lẽo này sẽ chẳng còn niềm vui nào, hạnh phúc nào đến với mình nữa. Cách đây vừa đúng một năm, mình thật vui sướng biết bao khi thấy mùa đông qua đi và mùa xuân đang đến. Mình đang nhớ có một buổi chiều trời đẹp đến nỗi mình không thể ngồi nhà được. Thế là mình nắm tay người chị nuôi của mình và hai chị em đi dạo, tìm hái những cành lộc xanh mang về trang trí trên lò sưởi.

Và Enxalin như sống lại buổi dạo chơi của họ trên mọi nẻo đường xanh rợp. Cô và người chị nuôi nhìn thấy bên đường một cây phong non đã bị đẵn. Trông vết đẵn có thể biết rằng cây mới bị đốn cách đây vài ngày. Hai cô

gái nhận ra rằng tuy thế cái cây tội nghiệp đã bắt đầu xanh tươi lại và lá đang nhú ra từ những mầm non.

Người chị nuôi của Enxalin dừng chân lại, cúi xuống cây phong non và nói: “Ôi cái cây đáng thương làm sao, mày có tội gì mà đến nỗi bị chặt rồi, mày vẫn không thể chết được? Tại sao mày lại phải đâm chồi nảy lộc, tựa như mày còn sống?”

Enxalin cười chị và trả lời: “Cái cây xanh tốt đẹp đã trở lại thế này là để cho kẻ đã hạ nó phải hiểu rằng việc hãm làm là độc ác, và phải hối hận”.

Song, chị nuôi không cười, mắt rừng rừng lệ và nói:

- Thật là một tội ác khủng khiếp khi chặt một cái cây đúng vào lúc nó đang đâm chồi mọc lá, đúng vào lúc nó đang đầy sức sống nên không thể chết được. Thật khủng khiếp khi một người phải chết mà không được yên nghỉ trong nấm mồ của mình. Những người đã chết thì không thể mong chờ điều gì tốt đẹp hơn thế nữa. Họ không thể có tình yêu, có hạnh phúc. Họ chỉ có thể mơ ước được ngủ yên lành.

- Nghe chị nói cây phong không chết được vì nó nghĩ đến kẻ hại nó, mà em phát khóc lên được, - cô nói với chị.

- Đối với một người đã bị cướp mất cuộc sống, còn có số phận nào ác nghiệt hơn là không được yên nghỉ vì còn phải săn đuổi kẻ giết mình.

Những người chết thì còn gì để mong ước hơn là được nằm ngủ yên lành.

Nhớ lại cuộc đối thoại ấy, Enxalin bật khóc, và vịn vẹo đôi tay. “Chị mình sẽ không được yên nghỉ dưới mồ

nếu như mình không phản bội người mình yêu. Nếu như mình không giúp chị ấy, chị ấy sẽ phải lang thang mãi mãi trên mặt đất này. Ôi, người chị nuôi đáng thương của em, chị còn điều gì mơ ước hơn nữa ngoài việc được yên nghỉ trong mộ, và giấc ngủ này mình chỉ có thể đem lại cho chị bằng cách nộp người mình yêu cho xa hình”.

IV

Arsi rời căn hầm, bước vào cái hành lang nhỏ hẹp. Ngọn đèn treo trên trần đã được thắp lại. Dưới ánh sáng của nó, Arsi nhìn thấy một cô gái đứng tựa lưng vào tường.

Trông cô gái tái nhợt, bất động, Arsi phát hoảng và nghĩ: “Cuối cùng thì mình trông thấy tận mắt hồn ma theo đuổi mình hàng ngày”.

Khi Arsi đi ngang qua Enxalin, anh ta vuốt tay cô gái để xem có phải thật là hồn ma đang đứng trước mặt anh ta không. Bàn tay ấy lạnh ngắt, khó có thể biết được đó là tay người chết hay tay người sống.

Nhưng khi tay Arsi chạm vào tay mình, Enxalin rụt ngay tay lại và thế là Arsi nhận ra cô. Anh ta tưởng rằng cô đến đây là vì anh, và anh thấy khoái trí được gặp lại cô. Đồng thời một ý nghĩ lướt qua trong óc anh. “Mình biết mình sẽ phải làm gì để hồn ma hết oán hờn mình và không theo đuổi mình nữa rồi”.

Anh ta cầm lấy tay Enxalin, đưa lên môi hôn. “Chúa ban phúc lành cho em vì em đã đến với anh đêm nay, Enxalin ạ”. - Anh ta nói. - Nhưng trái tim Enxalin vẫn

đau đớn. Nước mắt làm cô không cất nổi lời để nói với Arsi rằng không phải cô đến đây để tìm gặp anh.

Arsi yên lặng hồi lâu, tay vẫn nắm chặt tay Enxalin. Và anh ta dừng càng lâu trước mặt cô gái, khuôn mặt anh càng sáng bừng lên, càng đẹp thêm.

- Enxalin. - Cuối cùng anh ta nói một cách rất trịnh trọng.

- Mấy ngày qua anh không đến thăm em, vì có những ý nghĩ đen tối cứ ám ảnh anh không rời, làm anh tưởng như mình sắp mất trí. Nhưng tối nay, anh thấy khỏe hơn, cái hình ảnh vẫn hành hạ anh không xuất hiện nữa. Khi nhận ra em ở đây, trái tim anh đã báo cho anh biết anh phải làm gì để thoát khỏi vĩnh viễn những nỗi dày vò.

Anh ta cúi xuống để nhìn vào mắt Enxalin, song thấy cô vẫn nhìn xuống, anh bèn nói tiếp:

- Vì mấy ngày nay anh không đến thăm em nên em giận anh phải không, Enxalin? Nhưng anh không thể đến được, vì mỗi khi nhìn thấy em, anh lại càng nghĩ tới nỗi phiền muộn của mình. Ở bên em, anh càng nghĩ nhiều tới một cô gái mà anh đã đối xử không tốt. Anh đối xử không tốt với rất nhiều người, Enxalin ạ, song lương tâm anh chỉ cắn rứt về việc anh đã đối xử xấu với cô gái ấy.

Thấy Enxalin vẫn im lặng, Arsi bèn cầm lấy đôi tay cô, đưa lên môi hôn.

- Enxalin, em hãy nghe điều mà trái tim anh đã nói với anh khi nhìn thấy em đang đứng bên ngoài đợi anh.

Trái tim anh nói rằng anh đã làm hại một cô gái, vậy anh phải chuộc tội đối với cô ấy bằng cách đền bù cho một cô gái khác. Anh phải lấy cô gái này làm vợ, và phải đối xử tử tế sao cho cô không bao giờ buồn phiền. Anh phải trung thành với cô sao cho đến ngày cuối cùng của đời anh, anh vẫn yêu cô nồng thắm như những ngày mới cưới.

Enxalin vẫn đứng im, không nhúc nhích, Arsi đưa tay nâng cằm cô lên.

- Anh muốn biết em có nghe anh nói đấy không, Enxalin? -Arsi nói. Và anh thấy Enxalin đang thốn thức, nước mắt đầm đìa trên má.

- Tại sao em khóc, Enxalin? - Arsi hỏi.

Enxalin trả lời:

- Em khóc vì em quá yêu anh, Arsi ạ.

- Em hãy nghe bão đang gầm thét ngoài kia, - Anh ta nói. - Nó báo hiệu rằng đường biển sắp thông, tàu bè sắp có thể ra khơi đi về tổ quốc anh. Em hãy nói đi, Enxalin, em có bằng lòng theo anh về bên đó không, để bên em, anh có thể chuộc tội với một cô gái khác?

Arsi thì thầm miêu tả cho Enxalin nghe cuộc sống tuyệt diệu đang chờ đón cô. Enxalin nghĩ: "Trời ơi, giá như mình không biết tội ác của anh ấy, để theo anh ấy và sống hạnh phúc bên anh".

Arsi càng áp mình vào người cô. Và khi Enxalin đưa mắt nhìn lên, cô thấy Arsi đang cúi xuống sắp hôn lên trán cô. Đột nhiên cô nhớ đến hồn ma mới khi nãy còn ở

bên cô và hôn cô. Cô vùng ra khỏi cánh tay Arsi và kêu lên:

- Không, Arsi, em sẽ không theo anh đâu!

- Có Chứ, Enxalin, Arsi đáp. - Em phải đi với anh, nếu không đời anh sẽ chẳng còn gì nữa.

Và anh ta lại thì thầm với cô những lời còn dịu dàng ngọt ngào hơn. Và cô nghĩ: đối với Chúa cũng như đối với mọi người, để cho anh ấy có thể chuộc tội và trở thành người lương thiện chẳng hay hơn sao? Trừng phạt anh ấy, giết anh ấy thì có ích gì cho ai đâu?"

Trong khi Enxalin nghĩ vậy, có vài người đi qua đi vào quán rượu, Arsi nhận thấy họ nhìn anh và Enxalin một cách tò mò, anh bèn nói với cô:

- Nào, Enxalin, anh sẽ đưa em về nhà. Không nên để ai biết em đã đến tìm anh trong quán rượu.

Nghe nói thế, Enxalin bỗng đứng thẳng dậy, tựa như cô vừa chợt nhớ ra rằng cô có việc khác cần làm hơn là đứng nghe Arsi nói. Nhưng vừa nghĩ tới việc phải tố giác Arsi, trái tim cô đau nhói nó nói với cô rằng nếu cô trao Arsi cho đao phủ thì khác nào cô đập nát nó ra.

Arsi choàng chặt cô gái trong chiếc áo khoác của anh và đưa cô ra đường, đi với cô tới tận nhà Tôraranh. Enxalin nhận thấy một làn gió quất quá mạnh, Arsi lại chần gió cho cô. Suốt dọc đường, Enxalin tự nhủ: "Chị nuôi khốn khổ của mình không biết rằng anh ấy muốn sửa lỗi và trở thành người tốt".

Còn Arsi thì vẫn không ngọt thì thầm với Enxalin những lời ngọt ngào. Càng nghe Arsi nói, Enxalin càng

vững dạ. Cô nghĩ: “Chắc chị mình gọi mình đến chỉ để cho mình nghe thấy những lời này của Arsi. Chị ấy yêu thương mình biết bao, chị ấy không muốn mình phải đau khổ, mà chỉ muốn cho mình được sung sướng”.

Đến khi hai người dừng lại trước cửa nhà Tôraranh, Arsi còn hỏi lại một lần nữa rằng cô muốn theo anh ta về nước không, và Enxalin trả lời rằng với sự giúp đỡ của Chúa, cô sẽ đi với anh.

LINH HỒN ĐAU KHỔ

Ngày hôm sau, bão tan. Trời dịu lại, nhưng tình hình băng đóng vẫn không thay đổi, mặt biển vẫn bị kẹt như trước.

Vừa thức dậy lúc sáng, Enxalin đã nghĩ: “Điều chắc chắn là để cho kẻ có tội biết ăn năn và chịu sống theo ý Chúa thì tốt hơn là để kẻ ấy bị trừng phạt và bị xử tử”.

Sau đó, Enxalin nhận được một chiếc xuyên vàng lạ của Arsi nhờ người mang tới.

Enxalin sung sướng thấy Arsi nghĩ tới chuyện làm cô vui lòng. Cô cảm ơn người liên lạc, và nhận món quà. Nhưng khi người ấy đi xa, cô chợt nghĩ ra rằng Arsi đã mua cho cô chiếc xuyên này bằng những đồng êquy của cụ Arnơ và thế là cô thấy không còn đủ can đảm nhìn vào món đồ nữ trang này nữa. Cô giật nó ra khỏi cổ tay và ném nó ra xa.

“Cuộc đời mình sẽ ra sao nếu như lúc nào mình cũng phải nghĩ rằng mình sống bằng những đồng êquy của cụ Arnơ? Lúc đưa lên miệng bất kỳ miếng ăn nào, chẳng lẽ

mình lại không nghĩ tới những đồng tiền ăn cướp kia? Lúc mặc một chiếc áo mới chẳng nhẽ mình lại không nghe thấy có tiếng thì thầm bên tai rằng nó được sấm bằng của bất lương sao? Rõ ràng mình không thể đi theo Arsi và chung sống với anh ấy được. Mình sẽ nói với anh ấy như thế khi anh ấy tới thăm mình.

Buổi chiều, Arsi tới nhà Enxalin. Trông anh ta thật tươi tỉnh. Những ý nghĩ u sầu không còn ám ảnh anh ta nữa, và anh ta tưởng nguyên nhân của sự thay đổi dễ chịu này là việc anh hứa sẽ đem hạnh phúc đến cho một cô gái để chuộc tội với một cô gái khác.

Nhìn thấy anh và nghe anh nói. Enxalin không dám thú nhận với anh nỗi buồn khổ của cô và việc cô định chia tay với anh. Ngồi bên Arsi, cô quên hết mọi nỗi ưu tư đã dần vặt cô.

Hôm sau là ngày chủ nhật, Enxalin đến nhà thờ. Cô dự lễ buổi sáng lẫn lễ buổi chiều ở đó.

Trong buổi lễ sáng, đang chăm chú nghe mục sư thuyết giáo, bỗng nhiên cô nghe có tiếng ai thổn thức ngay bên cạnh.

Lúc đầu, cô tưởng đó là tiếng khóc của một người ngồi cùng ghế dài với cô, nhưng nhìn sang phải rồi sang trái, cô chỉ thấy toàn những bộ mặt trầm tĩnh, đầy vẻ trang trọng.

Tuy vậy, cô vẫn nghe rõ tiếng nức nở. Người khóc hình như ngồi sát cô, gần đến nỗi Enxalin tưởng chừng cứ giơ tay là có thể chạm phải.

Nghe tiếng khóc than, cô thấy chưa bao giờ ai biểu lộ nỗi buồn của mình một cách nào ruột như vậy.

“Ai mà đau đớn thảm thiết vậy? Nỗi đau khổ ấy tới mức nào mà làm rơi những giọt nước mắt cay đắng đến thế?” - Enxalin tự hỏi.

Cô quay người lại, rồi vươn mình nhìn qua ghế bên cạnh cho rõ hơn. Song ở đó cũng vậy, mọi người đều im lặng, chẳng có khuôn mặt nào đầy nước mắt. Lúc ấy, Enxalin hiểu ra rằng mọi sự tìm kiếm, thắc mắc của cô chỉ là vô ích. Tại sao cô không nhận ra ngay từ đầu ai là người khóc than bên cạnh cô nhỉ?

- Chị thân yêu ơi. - Cô thì thầm. - Tại sao chị không cho em được nhìn thấy chị như hôm kia? Chị hẳn biết rõ rằng em sẽ làm tất cả mọi việc để lau khô nước mắt cho chị.

Cô chờ đợi tiếng trả lời, song chẳng nghe thấy gì cả, cô chỉ nghe thấy tiếng nức nở của hồn ma ở sát bên cô.

Enxalin cố gắng nghe lời giảng của mục sư, song cô không thể hiểu được ông nói gì. Cô nóng ruột và thì thầm:

Nếu như có một người có đủ lí do để than khóc hơn ai hết thì người đó chính là mình. Giá chị nuôi mình không báo cho mình biết ai là những kẻ sát hại chị thì mình đã có thể ngồi đây với lòng vui sướng vô hạn.

Và càng nghe tiếng thốn thức của hồn ma, Enxalin càng thấy bất bình. Cuối cùng cô nghĩ: “Làm sao người chị mình chết đi lại có thể buộc mình tố cáo người mà mình yêu được. Nếu như chị ấy còn sống, chắc chị ấy sẽ không bao giờ chấp nhận một hành động như vậy cả!”

Mặc dù phải ngồi lì trên ghế băng, Enxalin vẫn không thể ngồi yên. Cô nghiêng người, hết nhìn phía trước lại nhìn phía sau, vịn vịn đôi tay. “Nỗi khổ tâm này sẽ đeo đẳng mình suốt cả ngày. – Cô nghĩ như vậy và mỗi lúc một thêm lo lắng. – Biết đâu rồi đây nó sẽ theo mình suốt cả cuộc đời”. Thế nhưng những tiếng nức nở bên cô lại càng ảm đạm hơn. Và sau cùng Enxalin không thể nén lòng được nữa và cô khóc theo.

“Chị mình khóc lóc thảm thiết như vậy hẳn phải gánh chịu một nỗi đau khổ ghê gớm lắm. – Cô nghĩ, - một nỗi đau khổ mà không một người nào có thể hình dung được”.

Sau buổi lễ, Enxalin bước ra khỏi nhà thờ, và cô không nghe thấy tiếng khóc nữa. Nhưng trên đường về nhà, cô chỉ khóc vì nghĩ tới người chị nuôi của cô không được yên nghỉ dưới nấm mồ.

Đến giờ lễ chiều, Enxalin lại nhớ tới nhà thờ, chỉ cốt xem chị cô có còn ngồi khóc ở đó nữa không.

Cô nghe thấy tiếng hồn ma nức nở ngay từ khi mới tới cửa và trái tim cô đau thắt lại. Cô thấy kiệt sức: mỗi lo lắng lớn nhất của cô lúc này là phải cố giúp đỡ hồn ma đang lang thang không lúc nào được nghỉ ngơi trên trần thế.

Lúc cô ở nhà thờ ra về, trời vẫn còn sáng nên cô nhìn thấy trong số những người đi trước cô, có người để lại trên mặt tuyết những dấu chân đầm máu. Cô tự hỏi: “Ai mà lại nghèo đến nỗi phải đi chân đất, để vết máu trên mặt tuyết thế nhỉ?”

Tất cả những người đi đằng trước cô đều có vẻ phong lưu. Họ mặc quần áo ấm áp và chân mang giày dép. Tuy nhiên những vết chân dính máu này vẫn còn mới nguyên. Enxalin nghĩ đó là vết chân của một người đi lẫn giữa đám đông. “Đó là một người đã bị xây sát vì phải đi một chặng đường quá dài. Cậu Chúa phù hộ cho người ấy sớm tìm được chỗ trú chân để nghỉ ngơi?”

Enxalin rất muốn biết ai là người đã phải đi một chặng đường cực nhọc đến thế, cô liền đi theo những dấu chân ấy, mặc dù làm như thế cô phải tách khỏi con đường về nhà.

Chợt cô nhận ra rằng tất cả mọi người đi lẻ về đều đã đi theo một hướng khác, chỉ có mình cô trên lối đi này. Song, những dấu chân đầm máu vẫn tiếp tục in trên tuyết.

“Đúng là chị nuôi mình đang đi đằng trước mình đó”, Enxalin nói, đồng thời cũng biết rằng mình vẫn luôn luôn tin như vậy.

“Trời ơi chị đáng thương của em, em cứ ngỡ rằng chị chỉ lướt nhẹ trên mặt đường. Thật chẳng một người sống nào có thể hiểu nổi con đường chị phải đi là nhọc nhằn biết chừng nào”.

Nước mắt tuôn rơi lã chã, Enxalin thở dài trầm nghĩ: “Ôi, chắc là chị ấy không được yên nghỉ dưới mồ. Thật đáng giận cho mình đã bắt chị cứ phải lang thang trên trần gian đến nỗi chân bật máu”.

Cô kêu lên: “Đứng lại đã chị ơi, dừng lại nghe em nói đã”.

Song càng gọi cô càng thấy những vết chân dẫm máu càng in nhanh hơn trên mặt đất, dường như hồn ma đang bước gập. “Chị ấy chạy trốn mình, chị ấy không trông mong mình giúp đỡ chút nào nữa”: - Enxalin nghĩ.

Những dấu máu làm cô phát điên phát dại, cô kêu lên: “Chị thân yêu ơi, em sẽ làm tất cả những gì chị muốn, để chị có thể yên nghỉ dưới mồ”.

Enxalin vừa nói xong thì một người đàn bà cao lớn nãy giờ vẫn đi theo cô, bước tới đặt tay lên cánh tay cô.

- Cô là ai mà vừa chạy vừa khóc vậy? - Bà ta hỏi. - Trông cô giống cô gái nhỏ hôm thứ sáu vừa rồi đến gặp tôi xin việc, rồi sau lại biến mất. Có phải chính là cô đó chăng?

- Không, không phải cháu đâu, - Enxalin nói. - Nhưng nếu bà là bà chủ quán rượu ở Tòa thị sảnh thì cháu biết người mà bà vừa nói là ai rồi.

- Vậy cô hãy nói cho tôi biết tại sao cô ấy đã ra đi không bao giờ trở lại nữa? - Người đàn bà hỏi.

Enxalin trả lời:

- Cô ấy ra đi vì cô ấy không muốn nghe câu chuyện giữa những kẻ bất lương đến quán rượu của bà.

- Có rất nhiều chàng trai ngang tàng thường lui tới quán hàng tôi, song không có kẻ bất lương nào ở đó cả. Bà chủ quán phản đối.

- Thế mà cô gái ấy đã thấy ba người đàn ông ngồi trong quán nói chuyện với nhau, - Enxalin nói. - Một người trong họ đã nói: “Uống đi cậu, những đồng êquy của cụ Arnơ vẫn chưa hết đâu”.

Nói xong câu này, Enxalin nghĩ “Tiết lộ điều mình đã nghe thấy, thế là mình cứu chị nuôi mình rồi. Bây giờ thì cầu Chúa làm cho bà chủ quán đừng tin mình để cho mình khỏi phạm tội gì cả”.

Nhưng khi nhìn thấy bà lộ rõ vẻ tin tưởng, cô lại thấy sợ hãi và muốn bỏ trốn.

Song cô chưa kịp cất chân thì bà chủ quán đã giơ bàn tay chắc nịch giữ chặt cô lại.

Này cô bé, - bà nói, - nếu cô đã nghe thấy những lời nói ấy tại quán của tôi thì cô không có lí do gì bỏ chạy cả. Trái lại, cô phải theo tôi tới gặp những người có quyền lực đang muốn bắt giữ bọn sát nhân để trừng trị.

ARSI CHẠY TRỐN

Enxalin bước vào gian phòng thấp, mình bận chiếc áo choàng dài tiến về phía bàn Arsi đang ngồi uống rượu với các bạn. Có nhiều khách hàng đang ngồi quanh mấy chiếc bàn đặt trong quán hàng, nhưng cô không chú ý đến những ánh mắt ngạc nhiên nhìn theo cô khi cô đến ngồi bên người yêu. Cô chỉ quan tâm đến một điều duy nhất: Arsi chỉ còn được tự do vài khoảnh khắc ngắn ngủi nữa thôi, và trong vài khoảnh khắc cuối cùng này cô muốn được ở bên anh. Thấy Enxalin đang ngồi bên, Arsi liền đứng dậy đưa cô sang ngồi ở chiếc bàn cuối phòng, lấp sau một cây cột. Enxalin nhận thấy Arsi có ý không hài lòng về việc cô đến tìm anh ở quán rượu, nơi mà thông thường một thiếu nữ không nên có mặt.

- Em chỉ nói chuyện với anh chốc lát thôi, Arsi ạ. - Enxalin nói. - Em muốn anh biết rằng em không thể theo anh về quê hương anh được.

Nghe Enxalin nói vậy, Arsi thấy sợ hãi, vì anh lo rằng nếu anh mất Enxalin, những ý nghĩ u tối sẽ trở lại ám ảnh anh.

- Tại sao em lại không muốn theo anh nữa: Enxalin? - Arsi hỏi. Enxalin ngồi mặt tái xanh như xác chết. Tâm trí cô rối bời đến nỗi cô hầu như không biết cô nên trả lời thế nào.

- Đi theo một anh lính thì có hay ho gì, - Cô nói. - Ai mà biết được những người như anh ta có giữ lời hứa, có giữ lòng tin hay không?

Arsi chưa kịp cãi lại thì một thủy thủ bước vào trong phòng, đến bên Arsi và nói anh ta đến theo lệnh của thuyền trưởng chiếc tàu buôn lớn đang mắc kẹt trong băng sau đảo Klôvê. Thuyền trưởng nhấn Arsi và đồng đội của anh hãy chuẩn bị hành lí và lên ngay tối nay. Bão lại đã nổi lên và biển bắt đầu tan băng về phía tây rất xa. Có thể trước khi trời sáng là đã thông lối ra khơi về Xcốtlen.

- Em có nghe anh ta nói gì không, Enxalin? - Arsi quay lại hỏi Enxalin. - Em có bằng lòng đi theo anh không?

- Không. - Enxalin trả lời, - em sẽ không đi theo anh đâu.

Nhưng trong thâm tâm, cô cảm thấy sung sướng vì cô nghĩ: "Dù sao anh ấy vẫn có khả năng rời khỏi nơi đây trước khi lính canh kịp đến bắt".

Arsi đứng dậy, đến chỗ Philip và Rêginan để báo tin anh vừa nhận được.

- Các cậu hãy về quán trọ chuẩn bị đồ đạc trước đi, mình còn phải nói với Enxalin vài lời. - Anh nói với các bạn.

Nhìn thấy Arsi quay lại, Enxalin khoát tay làm hiệu đẩy anh đi. Anh còn quay lại làm gì, Arsi. - Cô kêu lên. - Sao anh không hết sức khẩn trương lên tàu đi!

Enxalin yêu Arsi tha thiết, cô đã phản anh để cứu người chị nuôi, nhưng cô lại chẳng mong gì hơn là thấy Arsi trốn thoát.

- Trước hết, anh muốn một lần nữa xin em đi với anh, - Arsi nói.

- Nhưng anh biết rõ đấy, em không thể đi với anh được, Arsi ạ. - Enxalin nhắc lại.

- Tại sao thế? Em là một cô gái nghèo đơn độc, không có ai lo cho cuộc đời em cả. Ngược lại, nếu em đi với anh, anh sẽ làm cho em trở thành một phu nhân có quyền thế. Anh là một người thuộc dòng dõi sang trọng ở nước của anh. Em sẽ mặc lụa là trang sức bằng vàng ngọc, em sẽ dự các vũ hội trong triều.

Enxalin sợ run lên vì thấy Arsi cứ chần chừ bên cô, trong khi anh vẫn còn có thể trốn thoát. Cô cố gắng lấy lại bình tĩnh để trả lời anh:

- Anh hãy đi ngay đi, Arsi, đừng cố thuyết phục em làm gì cho mất thời giờ nữa.

- Anh muốn tâm sự với em điều này, Enxalin. - Arsi nói mỗi lúc một dịu dàng hơn. - Khi anh nhìn thấy em



lần đầu, anh chỉ muốn lừa dối và dụ dỗ em thôi. Trước đây anh hứa cho em lâu dài và của cải chỉ là để đùa chơi. Nhưng từ tối hôm kia, mọi ý định của anh đối với em đều là chân thực. Và bây giờ, anh ao ước em trở thành vợ anh. Em có thể tin lời anh nói là một sự thật, cũng như anh là một người quý tộc và một chiến sĩ.

Lúc này Enxalin nghe thấy tiếng nhiều người mang vũ khí đến quảng trường Tòa thị sảnh.

“Nếu mình chịu đi với anh ấy thì anh ấy vẫn còn có thể thoát được. - Cô nghĩ. - Từ chối anh ấy, tức là mình đẩy anh ấy vào chỗ chết. Chính là vì mình mà anh ấy ở lại đây lâu như vậy để lính canh đó có đủ thời gian đến bắt anh. Tuy thế, mình không thể đi theo kẻ đã giết hại tất cả những người thân yêu của mình”.

- Arsi, - Cô nói với hi vọng có thể làm anh sợ. - Anh không nghe thấy tiếng một toán người mang vũ khí đi qua quảng trường đó sao?

- Có, anh có nghe thấy. - Arsi đáp. - Chắc có một vụ ẩu đả xảy ra trong quán rượu. Em đừng lo, Enxalin ạ. Đó chỉ là tại có những dân chài cãi nhau vì chuyện không đâu đó thôi.

- Arsi, - Enxalin khẩn khoản nói. - Anh không nghe thấy tiếng họ đang dừng lại trước Tòa thị sảnh hay sao?

Enxalin run từ đầu đến chân, song Arsi không nhận thấy điều đó và vẫn thản nhiên.

- Thế em còn muốn họ đứng lại nơi nào nữa? - Anh ta nói. - Họ phải dẫn vào đây những kẻ phá rối trật tự để nhốt họ vào ngục tối ở Tòa thị sảnh chứ. Em đừng để ý

đến việc của họ. Enxalin ạ, mà hãy nghe anh, anh van em hãy theo anh xuống tàu.

Một lần nữa, Enxalin cố làm cho Arsi phải sợ.

- Arsi, anh không nghe thấy bọn lính đang xuống cầu thang vào phòng này sao?

- Có chứ, anh có nghe thấy. Chắc họ vào đây uống bia sau khi đã tống giam xong những người bị bắt. Thôi em đừng nghĩ tới họ nữa, Enxalin, em hãy nghĩ tới việc ngày mai chúng mình sẽ cùng nhau ra khơi trở về quê hương anh.

Enxalin tái xanh như xác chết, toàn thân run rẩy nói không thành tiếng nữa.

- Arsi, - Cô lấp bắp. - Anh không thấy họ đang nói chuyện với bà chủ quán ở đằng kia, bên quầy hàng đó sao. Chắc họ đang hỏi bà ta xem có kẻ nào trong số người họ đi tìm đang ở trong phòng này không?

- Họ đang bảo bà chủ dọn cho họ uống thứ rượu mạnh và nóng trong cái đêm gió bão này đấy thôi, - Arsi nói. - Em đừng run như vậy, Enxalin có thể đi theo anh mà không sợ gì hết. Anh xin cam đoan với em, nếu bây giờ anh trai anh muốn cưới cho anh một cô gái sang trọng nhất ở quê anh thì anh cũng sẽ từ chối. Hãy tin anh, hãy vượt biển với anh, Enxalin hạnh phúc và niềm vui sẽ chào đón em.

Mỗi lúc càng có nhiều người lính xuất hiện ở cửa ra vào: Enxalin không còn giữ nổi nỗi lo sợ của mình nữa. "Mình không thể đứng nhìn quân lính bắt anh ấy được" - Cô nghĩ vậy rồi nghiêng người về phía Arsi, cô thì

thâm: - Arsi, anh không nghe thấy bọn lính đang hỏi bà chủ quán xem những kẻ đã giết cụ Arno có ở đây không à?

Lúc này, Arsi mới đưa mắt nhìn quanh phòng, anh thấy mấy người lính đang nói chuyện với bà chủ quán, song anh vẫn không đứng dậy chạy trốn như Enxalin mong muốn; anh ngả người về phía Enxalin, nhìn cô chăm chăm.

- Enxalin, có phải chính cô đã nhận ra tôi và đã tố cáo tôi không? - Anh ta hỏi.

- Em làm việc đó chỉ vì người chị nuôi của em, để chị ấy được yên nghỉ dưới mộ, - Enxalin trả lời. - Chỉ có Chúa mới biết được em phải trả giá cái đó như thế nào. Nhưng anh hãy trốn đi, Arsi, anh vẫn còn đủ thời gian, họ chưa chặn hết các lối ra đâu.

- Ôi, con chó sói con! - Arsi nói. - Ngay khi nhìn thấy mày lần đầu tiên trên bến, tao đã nghĩ rằng tao phải giết mày rồi.

Nhưng Enxalin đã đặt tay lên cánh tay Arsi và nói:

- Anh hãy chạy đi, Arsi, em không thể chịu đựng nổi cảnh tượng họ bắt anh. Nếu anh không muốn chạy một mình, thì nhờ ơn Chúa, em sẽ đi với anh. Nhưng đừng vì em mà ở lại đây lâu hơn nữa. Arsi, em sẽ làm tất cả những gì anh muốn để cứu được tính mệnh anh.

Arsi giật mình, anh ta nói với Enxalin, giọng chua chát:

- Cô gái xinh đẹp ơi, sẽ chẳng bao giờ cô có dịp xỏ chân vào đôi giày khiêu vũ thêu chỉ vàng để dạo chơi

trong những căn phòng thênh thang của một lâu đài nữa đâu. Suốt đời cô sẽ phải ngồi mò cá ở đây, ở cái đất Marxt'răng này. Sẽ chẳng bao giờ cô lấy được một người chồng có cả một tòa lâu đài và một thái ấp nữa đâu, Enxalin ạ. Chồng cô sẽ chỉ là một anh chàng đánh cá nghèo khổ, và nhà cô sẽ chỉ là một căn lều dựng trên một gò đất trơ trụi.

- Anh không nghe thấy tiếng họ đã đặt lính canh ở tất cả các cửa và đã chĩa mũi giáo vào lối đi ở cổng lớn hay sao? - Enxalin hỏi. - Tại sao anh không mau mau thoát khỏi nơi đây? Tại sao anh không chạy trốn trên mặt băng và ẩn trên một con tàu?

- Tôi không chạy trốn chỉ vì một lí do là tôi thích ngồi lại đây tán chuyện với cô, Enxalin ạ. - Arsi nói. - Cô không nghĩ rằng, đối với tôi thế là hết mọi hi vọng cuộc đời rồi không?

- Arsi, - Enxalin thì thầm và hoảng hốt đứng dậy. - Bọn lính đã chuẩn bị xong cả rồi kìa, họ đang đến bắt anh. Anh hãy chạy ngay đi. Em sẽ tới gặp anh trên tàu, Arsi, miễn là anh chịu trốn ngay đi.

- Cô chẳng cần lo lắng như vậy, Enxalin ạ. - Arsi nói. - Chúng ta vẫn còn thời gian để nói chuyện. Bọn lính đâu dám nhảy bổ vào tôi ngay, trong phòng này, nơi mà tôi vẫn có thể tự vệ được. Họ định bắt tôi trên cái cầu thang chật hẹp của căn hầm. Họ định sẽ dùng giáo dài đâm tôi đấy. Cô mong đợi cái đó lắm phải không Enxalin?

Enxalin sợ hãi bao nhiêu, Arsi càng bình tĩnh bấy nhiêu. Cô không ngừng van vỉ anh ta chạy trốn, còn anh ta thì vẫn chế giễu cô.

- Cô đừng quá tin rằng họ sẽ bắt được tôi. Tôi đã từng gặp nhiều cảnh ngộ còn nguy ngập hơn thế này, vậy mà tôi vẫn thoát được. Cách đây vài tháng ở Thụy Điển, tôi ở trong một tình thế còn hiểm nghèo hơn. Trong triều đình có mấy tên vu cáo đã buộc tội cho đội vệ binh người Xcốtlen là bất trung với vua Jăng. Nhà vua đã tin lời chúng. Ngài đã cho bắt giam ba sĩ quan chỉ huy vào pháo đài, đuổi binh lính của họ ra khỏi vương quốc của ngài, và cho quân giám sát đến tận khi số binh lính ấy ra khỏi biên giới. . .

- Chạy đi, Arsi, - Enxalin cầu khẩn.

- Cô đừng lo cho tôi, Enxalin ạ. - Arsi cười độc ác. - Tối nay tôi đã trở lại bình thường như mọi khi. Cô gái kia không hiện lên nữa, cho nên tôi vẫn có thể thoát khỏi khốn nguy. Nhưng tôi muốn kể cho cô nghe tiếp câu chuyện ba chàng Xcốtlen bị giam trong ngục của vua Jăng đã. Khi bọn gác ngục ngủ say, họ đã lẩn ra khỏi pháo đài và trốn thoát. Nhưng chừng nào họ còn ở trong vương quốc của vua Thụy Điển họ chưa dám tiết lộ tên tuổi của họ. Không cách gì khác, họ phải lấy da thú để che thân và xưng là thợ thuộc da đi quanh vùng tìm việc làm.

Enxalin đến giờ mới nhận thấy Arsi đã thay đổi thái độ đối với cô. Cô hiểu rằng Arsi căm thù cô từ lúc anh ta biết cô đã phản bội anh ta.

- Đừng nói như vậy nữa, Arsi. - Cô nói.

- Tại sao cô lại đánh lừa tôi trong khi tôi tin cô biết chừng nào? - Arsi nói. - Bây giờ tôi lại thành con người như trước kia rồi. Tôi chẳng bán khoán là phải tha chết

cho ai nữa. Cô sẽ thấy tình hình sắp kết thúc có lợi cho tôi, như trước đây thường vẫn thế. Khi tôi và các bạn tôi đi xuyên qua nước Thụy Điển và đến đây, trên bờ biển này, tình thế của chúng tôi lại chẳng nguy ngập hay sao? Chúng tôi không có tiền để sắm quần áo nghiêm chỉnh. Chúng tôi không có tiền để trả cho cuộc hành trình về Xcốtlen. Chúng tôi không có cách nào khác là cướp số êquy của nhà giáo sĩ ở Xonherga.

- Anh đừng nói chuyện đó nữa, - Enxalin ngắt lời.

- Nói chứ, Enxalin. Cô phải nghe tôi nói đến hết. Có một điều mà cô không biết. Sau khi chúng tôi lọt vào trong nhà, trước tiên chúng tôi đánh thức cụ Arnơ dậy, bảo cụ đưa tiền cho chúng tôi. Nếu như cụ ưng thuận thì chúng tôi sẽ không làm gì cụ cả. Nhưng cụ Arnơ chống lại, vì thế chúng tôi buộc phải hạ sát cụ. Và sau khi giết cụ tất nhiên chúng tôi phải giết tất cả người nhà cụ.

Enxalin không ngắt lời Arsi nữa, nhưng cô cảm thấy lòng cô lạnh giá như một bãi sa mạc, cô run lên khi nghe Arsi nói với nét mặt ngày càng tàn bạo khát máu. Cô tự nhủ “Mình đang định làm gì thế này? Mình thật điên rồ đi yêu một kẻ đã giết tất cả những người thân yêu của mình. Cầu Chúa hãy tha tội cho con”.

- Khi chúng tôi tưởng mọi người đã chết hết, - Arsi tiếp tục nói. - Chúng tôi đã kéo cái rương tiền ra khỏi nhà, rồi chúng tôi nổi lửa, để thiên hạ tưởng rằng cụ Arnơ chết cháy trong nhà.

“Mình đã yêu một con chó sói hung dữ, - Enxalin nghĩ. - Thế mà mình đã muốn cứu hẩn thoát khỏi sự trừng phạt”.

Thế rồi chúng tôi vội vàng vượt băng đi ra biển. Chúng tôi rất yên tâm khi ngọn lửa vẫn bốc cao, nhưng khi thấy nó lụi đi thì chúng tôi bắt đầu thấy sợ. Chúng tôi đoán rằng người ta sẽ đến cứu, dập tắt đám cháy và sắp đuổi theo chúng tôi. Chúng tôi bèn quay chiếc xe trượt trở lại phía đất liền, nơi chúng tôi đã nhận ra một cửa sông phủ một lớp băng mỏng. Chúng tôi lôi rương tiền ra khỏi xe rồi thúc ngựa kéo xe về phía cửa sông, và lớp băng vỡ sứt dưới chân ngựa. Chúng tôi nhảy lên mép lớp băng, mặc cho con ngựa chết đuối. Enxalin, nếu cô không phải là một cô gái, cô sẽ hiểu rằng đó là một hành động rất dũng cảm, chúng tỏ rằng chúng tôi thật đáng mặt nam nhi.

Enxalin vẫn lặng người không nói, tim cô đau nhói. Nhưng bây giờ Arsi căm thù cô và thích làm cho cô đau khổ.

- Sau đó chúng tôi đã cưỡi thất lưng, buộc vòng quanh cái rương để kéo nó đi. Song, vì nó để lại vết trên mặt băng nên chúng tôi phải bẻ cành thông lót xuống dưới. Chúng tôi còn cởi giày đi chân đất, để thiên hạ khỏi tìm thấy dấu vết của chúng tôi.

Arسي dừng lại, nhìn Enxalin bằng con mắt giễu cợt:

- Mặc dù chúng tôi đã đi thoát, tình cảnh chúng tôi vẫn gay go. Dù đi đến đâu chẳng nữa, với những bộ quần áo bê bết máu, người ta sẽ nhận ra và bắt chúng tôi. Nhưng cô nghe tôi nói chứ, Enxalin, để rồi cô bảo cho những người đang cố săn đuổi chúng tôi biết rằng không dễ mà bắt được những chàng trai như chúng tôi đâu. Cô hãy nghe điều này nữa, trong khi chúng tôi vượt băng để đến Marxt'răng, chúng tôi đã được gặp những bạn đồng

hương của chúng tôi, chính những người đã bị vua Jăng đuổi khỏi Thụy Điển, nhưng vì biển đóng băng nên chưa thể rời Marxt'ràng được. Họ giúp chúng tôi qua cơn nguy khốn và kiếm quần áo cho chúng tôi mặc. Từ đó, chúng tôi sống yên ổn ở Marxt'ràng. Và nếu như cô không bất tín đánh lừa tôi thì sẽ chẳng có mối nguy nào đe dọa chúng tôi cả.

Enxalin vẫn câm lặng. Cô đau đớn quá. Cô cảm thấy tim cô hầu như ngưng đập.

Nhưng Arsi vẫn đẩy ghế đứng dậy và thét:

- Và ngay cả tôi nay cũng chẳng thể có điều gì không hay xảy ra cho chúng tôi cả, Enxalin ạ.

Vừa nói, anh ta vừa dang tay nắm lấy người Enxalin nhấc bổng lên. Giờ cô lên trước mặt mình như một cái lá chắn, Arsi chạy qua gian phòng thấp tiến về phía cửa. Máy người lính gác cửa chìa mũi giáo dài vào người Arsi, nhưng không dám đâm vì sợ bị thương Enxalin.

Khi Arsi chạy tới cầu thang hẹp, anh ta vẫn giữ Enxalin về phía trước như vậy. Cô che cho anh ta còn vững hơn một chiếc áo giáp tốt nhất, bởi vì những người lính gác lối đi không thể sử dụng vũ khí của mình. Cứ thế, Arsi lên gần hết cầu thang, và Enxalin đã cảm thấy gió lạnh ngoài trời thổi vào mặt.

Cô không còn yêu Arsi chút nào nữa, một mối tử thù dâng trào xâm chiếm lòng cô, và cô chỉ còn thấy Arsi là một tên sát nhân ghê tởm. Thấy hấn sắp chạy thoát vì hấn dùng người cô để che chở cho hấn, cô giờ tay nắm lấy một lưỡi giáo của lính gác, chìa thẳng mũi nhọn vào tim mình. "Rút cuộc, mình muốn xử sự sao cho hành

động của mình giúp ích cho chị nuôi của mình”, - Enxalin nghĩ vậy. Và khi Arsi chạy thêm một bước nữa trên cầu thang, mũi giáo xuyên vào tim Enxalin.

Arsi đã lên hết cầu thang. Nhưng người lính lùi lại khi nhìn thấy Enxalin bị thương, và thế là kẻ sát nhân trốn thoát.

Khi Arsi chạy tới quảng trường, anh ta nghe thấy tiếng kêu vọng tới từ một phố nhỏ:

- Cứu lấy người anh em! Cứu lấy người anh em? Vì Xcốtlen, vì Xcốtlen !

Đó là Philip và Rêginan đã kịp tập hợp đám lính Xcốtlen và cùng họ chạy tới cứu Arsi.

Arsi lao về phía họ kêu vang lên:

- Đến đây, đến đây? Vì Xcốtlen, vì Xcốtlen!

TRÊN BĂNG

· Arsi chạy trên băng, tay vẫn giữ chặt Enxalin.

Philip và Rêginan quây lấy hấn, họ muốn kể cho hấn nghe họ đã phát hiện ra âm mưu vây bắt, đã chuyển được cái rương nặng đựng những đồng êquy lên tàu và tập hợp được bọn đồng hương ra sao. Song Arsi không để ý nghe họ nói.

- Cậu mang gì trong tay vậy? - Rêginan hỏi.

- Enxalin đấy - Arsi trả lời. - Mình sẽ đưa cô ấy về Xcốtlen. Mình không muốn để cô ấy lại đây sau khi mình đi. Ở đây, mãi mãi cô ấy sẽ chỉ là một cô gái mồ côi nghèo.

- Chắc như vậy thôi, - Rêginan nói.

- Ở đây cô ta sẽ chỉ được mặc đồ len thô, cô ta sẽ chỉ được ngủ trên một chiếc giường chật hẹp, trên những tấm ván cứng. Còn mình, mình sẽ đặt cô ấy lên những tấm đệm êm nhất, mình sẽ thừa cho cô ấy một chiếc giường ngủ bằng cẩm thạch. Mình sẽ choàng vào người cô ấy những chiếc áo lông quý, đi vào chân cô ấy những đôi giày đính kim cương.

- Cậu định đem lại cho cô ấy vinh hạnh lớn, - Rêginan nói.

- Mình không thể để cô ấy lại đây được. - Arsi nói tiếp. - Ai hơi đâu mà chăm lo một cô gái nghèo như vậy. Chẳng mấy lúc cô ấy sẽ bị mọi người bỏ rơi. Sẽ chẳng có ai đến nhà thăm cô ấy cả, sẽ chẳng có ai đến chia sẻ nỗi cô đơn của cô. Nhưng một khi mình về đến quê hương, mình sẽ xây cho cô ấy một tòa nhà thật đẹp. Tên của cô sẽ được khắc trên đá cứng để người ta không bao giờ quên cô. Ngày nào mình cũng sẽ đến với cô và xung quanh cô sẽ là cả một cảnh tượng long lẫy khiến những người ở tận xa cũng phải đến thăm cô. Đèn nến sẽ được thắp suốt ngày đêm, những lời ca điệu nhạc sẽ vang lên như trong một đám hội vĩnh cửu.

Bảo thối tạt vào mặt những người đang bước trên băng; bảo giật chiếc áo choàng của Enxalin làm nó bay phất phật như một lá cờ.

- Cậu mang Enxalin giúp mình một lát để mình sửa lại áo choàng cho cô ấy, - Arsi nói.

Rêginan đỡ lấy Enxalin. Nhưng vừa ôm cô ta trong cánh tay anh ta giật mình sợ hãi đến nỗi buông lỏng tay làm Enxalin rơi tuột xuống băng.

- Enxalin chết rồi mà mình không biết, - Rêginan nói.

TIẾNG SÓNG XÔN XAO

Suốt đêm, thuyền trưởng chiếc tàu buồm lớn đi đi lại lại mãi trên boong. Trời u ám, gió giật lồng lộn, đêm đến những cơn lốc tuyết và mưa xối xả. Thế nhưng băng vẫn cứ nhắc quanh tàu, nhẽ ra thuyền trưởng có thể vào ngủ yên trong ca bin của ông. Song, ông vẫn đứng suốt đêm. Thỉnh thoảng ông lại đặt bàn tay khum khum vào tai để nghe ngóng.

Thật khó mà biết được ông định lắng tai nghe cái gì.

Tất cả thủy thủ và hành khách đi Xcốtlen đã lên tàu. Lúc này họ đã nằm ngủ trong khoang giữa hai boong. Thuyền trưởng có thể muốn nghe những câu chuyện giữa họ với nhau. Khi cơn bão điên cuồng ập đến con tàu bị kẹt thì như thường lệ nó xô quật dữ dội như để đẩy con tàu ra khơi. Nhưng con tàu không nhúc nhích, gió bão càng đập mạnh hơn. Những cục băng dính trên buồm chĩa dây dợ va vào nhau. Mạn thuyền kêu rảng rác, rít trèo trẹo dưới sức gió ép và cột buồm phát ra những tiếng kêu khô khốc như sắp gãy gục trước những đợt tấn công dữ dội của gió.

Đêm ấy không lúc nào yên tĩnh. Đôi khi trong không gian có tiếng tuyết rít nhẹ, nhưng khi mưa ập tới thì những tiếng lộp bộp, rào rào bỗng vang lên.

Những kẻ nút trên băng nhiều dần lên, và người ta nghe thấy tiếng đại bác của những đoàn tàu chiến đánh nhau ngoài khơi.

Nhưng thuyền trưởng không để tai nghe những tiếng động ấy ông đứng suốt đêm, đến tận khi rạng đông tỏa

mờ mờ phía chân trời - thế nhưng ông vẫn chưa nghe thấy tiếng mà ông muốn nghe.

Cuối cùng, một tiếng rì rào đều đều và ngân nga vang lên trong bóng tối, tiếng rì rào dịu dịu, vuốt ve, tựa như tiếng hát từ xa.

Thế là thuyền trưởng bắt đầu chạy, ông trèo qua những chiếc ghế dài dùng để ngồi chèo đặt giữa con tàu, nơi các thủy thủ đang nằm ngủ.

- Dậy đi, - ông kêu lên. - Năm lấy sào, cầm lấy chèo, giờ thoát thân của chúng ta sắp đến rồi. Ta đã nghe thấy tiếng gầm rống của băng tan. Ta đã nghe thấy tiếng reo của sóng nước.

Mọi người choàng dậy. Ai nấy vội vàng chạy về vị trí của mình dọc theo con tàu trong ánh bình minh đang lên chậm chậm.

Khi trời đã sáng khá rõ để có thể thấy tình hình đã xảy ra trong đêm vừa qua thì rõ ràng là băng đã tan trong các vịnh, các eo biển, ra tận ngoài khơi. Nhưng trong cái vịnh mà chiếc tàu buồm này bị giam chân mặt băng không có đến một kẽ nứt nhỏ, nó vẫn phẳng lì và rắn chắc.

Một bức tường băng lớn đứng sừng sững trong eo biển trấn cửa vịnh. Ở phía bên ngoài, những làn sóng nô đùa thỏa thích, liên tiếp tung những tảng băng nổi bập bênh vào bức thành băng. Ở xa hơn nữa, vô số cánh buồm chen chúc nhau trong một eo biển. Tất cả những người đánh cá bị băng giữ lại ở Marxt'răng đang hồi hả ra khơi. Biển đang nổi sóng lừng, và những mảnh băng vẫn còn dập dềnh trên sóng. Nhưng dân chài lưới không

muốn đợi đến lúc bão tan hẳn, nên họ đã nhanh chóng lên đường. Họ đứng trước mũi thuyền chăm chú quan sát các đợt sóng. Họ dùng mái chèo gạt những cục băng nhỏ ra xa, nhưng khi có những tảng băng lớn xô đến trước mặt, họ quay bánh lái cho thuyền chuyển sang hướng khác.

Thuyền trưởng chiếc tàu buồm trèo lên boong thượng, nhìn dõi theo những con thuyền đánh cá. Ông thấy lối đi của họ thật nguy hiểm, nhưng họ cũng lần lượt ra thoát và tới gần biển khơi.

Đứng ngắm cảnh buồm đang lướt về phía mặt nước xanh thuyền trưởng ao ước cũng được ra đi đến nổi trào nước mắt.

Vậy mà tàu của ông vẫn không nhúc nhích, và trước mặt ông băng vẫn chồng chất thành một bức tường ngày càng cao.

Ở nơi xa khơi, không phải chỉ có những tàu thuyền đang lênh đênh trên sóng, mà còn có những núi băng nhỏ trắng toát trôi bập bênh. Đó là những tảng băng lớn bị dồn dập vào nhau, và lúc này chúng đang trôi dạt về phương nam. Dưới ánh mặt trời sớm mai, chúng lấp lánh như bạc và đôi khi ánh hồng lên, tựa như chúng được phủ một lớp hoa hồng.

Chen vào tiếng gió bão âm âm, có những tiếng gọi dội lên. Khi thì chúng hóa thành một tiếng hát du dương, khi thì chúng vang âm như tiếng kèn đồng. Những tiếng gọi ấy thức tỉnh niềm vui, dường như mọi trái tim đều mở rộng để đón nghe chúng. Chúng phát ra từ những

đôi cánh của một đàn thiên nga đang từ phương nam xa xăm bay tới.

Khi thuyền trưởng thấy những núi băng trôi về phương nam và đàn thiên nga bay về phương bắc, ông cảm thấy khát khao được ra khơi đến nỗi ông bất giác vận vẹo đôi tay, ông nói: “Thật khổ cho ta vẫn còn phải giam chân ở đây. Đến khi nào băng mới tan trong vịnh nhĩ? Ta còn phải đợi chờ bao nhiêu ngày nữa?”

Đang lúc mông lung suy nghĩ như vậy, ông nhìn thấy một người đàn ông đang đánh xe trượt băng đi tới. Người này đến từ một eo biển hẹp trong vùng Marxt'răng. Bác ta lướt trên băng không chút do dự, như không hề biết rằng sóng đã chở tàu thuyền đi.

Khi đến bên chiếc tàu buồm bác ta ngẩng đầu lên gọi thuyền trưởng:

- Này ông bạn thân mến, bị kìm chân giữa lớp băng này ông đã có gì ăn chưa? Ông có muốn mua cá mòi muối, cá thu khô hay trạch hun khói không? Thuyền trưởng không thềm trả lời, ông ta giơ nắm đấm lên và buột ra một tiếng rủa. Bác hàng cá bèn nhảy xuống xe, mang đặt trước mặt con ngựa của bác một bó cỏ khô, rồi trèo lên boong chiếc tàu buồm. Đến bên thuyền trưởng bác nói bằng một giọng nghiêm trang:

- Hôm nay tôi đến đây không phải để bán cá dâu. Song, tôi biết ông là một con người lương thiện, kính Chúa, vì thế tôi xin ông hãy giúp tôi tìm một cô gái mà hôm qua bọn lính đánh thuê người Xcốtlen đã mang lên tàu ông.

- Tôi không hề biết cô gái nào được đưa lên tàu tôi cả, thuyền trưởng trả lời. - Đêm qua, tôi không nghe thấy có tiếng phụ nữ nào ở đây cả.

- Tôi là Tôraranh, làm nghề bán cá, - Bác ta lại nói. - Chắc ông cũng đã nghe nói về tôi. Chính tôi đã ăn tối với cụ Arnơ ở Xonberga cái đêm cụ bị giết hại. Từ dạo đó tôi nuôi cô cháu của cụ Arnơ trong nhà tôi. Nhưng tối qua, cô ấy đã bị bọn người giết cụ Arnơ bắt và chắc chắn là chúng đã đưa cô ấy lên tàu này.

- Vậy thế bọn giết cụ Arnơ đang ở trên tàu của tôi à? - Thuyền trưởng thốt lên sợ hãi.

- Ông cũng biết tôi là một kẻ thân nghèo phận hèn, - Tôraranh đáp. - Tôi bị liệt một cánh tay, nên rất ngại, chẳng dám liều mình làm một việc mạo hiểm. Từ hai tuần nay, tôi đã biết ai là người đã giết cụ Arnơ, nhưng tôi không dám trả thù họ. Chính vì tôi chậm trễ như vậy nên chúng đã trốn thoát, và có dịp bắt đi cô gái ấy. Bây giờ tôi đã quyết định không thể để mình phải tự trách móc dằn vặt trong việc này nữa, ít ra tôi cũng phải cố cứu lấy cô gái.

- Nếu như bọn sát nhân đang ở trên tàu này thì tại sao đội lính canh không đến đây bắt họ?

- Tôi đã cầu xin, van nài họ suốt cả đêm qua, và cả sáng nay nữa, song họ không dám mạo hiểm đến đây. Họ nói rằng ở đây có hàng trăm lính đánh thuê đung đầu với chúng thì rất nguy hiểm. Cho nên tôi nghĩ rằng nhờ ơn Chúa, cho nên tôi phải đến đây một mình để xin ông giúp tôi tìm cô gái, vì tôi biết ông là một người kính

Chúa. Song, thuyền trưởng lại không hề quan tâm đến chuyện cô gái, ông chỉ nghĩ tới bọn sát nhân.

- Tại sao bác biết rằng bọn sát nhân đang ở trên tàu tôi? - Ông hỏi. Tôraranh đưa tay chỉ cái rương lớn bằng gỗ sồi đặt giữa những chiếc ghế dài dùng để ngồi chèo thuyền.

- Đã bao lần tôi nhìn thấy chiếc rương này ở nhà cụ Arno rồi nên tôi không thể nhầm lẫn được. - Tôraranh đáp. - Nó đựng những đồng êquy của cụ Arno, và những đồng tiền ấy ở đâu thì tất nhiên bọn sát nhân phải ở đó.

- Cái rương này là của Arsi và hai anh bạn của hắn là Rêginan và Philip, - Thuyền trưởng nói.

- Đúng, - Tôraranh nhìn thẳng vào mắt thuyền trưởng đáp. - Cái rương ấy là của Arsi, Philip và Rêginan. Thuyền trưởng đưa mắt nhìn xung quanh, rồi mới lên tiếng hỏi:

- Vậy theo bác, khi nào băng mới tan trong vịnh?

- Năm nay, ở đây xảy ra điều kì lạ, - Tôraranh trả lời, - Thường thường vịnh này được thông rất sớm, vì dòng nước ở đây chảy rất mạnh. Nhưng trong tình trạng hiện tại thì ông phải chú ý để khỏi bị ép vào bờ khi băng bắt đầu nhúc nhích.

- Tôi cũng chỉ lo chuyện đó, - Thuyền trưởng đáp. Rồi ông lại im lặng hồi lâu, mắt hướng nhìn ra biển. Mặt trời buổi sáng rực rỡ trên cao, tỏa những tia nắng lấp lánh trên sóng nước. Những tàu bè đã được tự do đang lướt về khắp các ngã, những con chim biển từ phương nam bay về cất cánh kêu vui sướng. Cá lượn lơ ngang

mặt nước, thỉnh thoảng quẫy vọt lên cao, lóng lánh trên sông, như say sưa sau một thời gian dài bị giam hãm dưới lớp băng. Những con mòng biển trước đây phải đi kiếm ăn tít xa ngoài mép băng nay trở về đất liền từng đàn để kiếm ăn ở nơi quen thuộc. Thuyền trưởng bồn chồn trước những cảnh tượng đó. Ông nói: “VẬY RA TA LÀ BẠN BÈ CỦA NHỮNG KẺ SÁT NHÂN, NHỮNG KẺ BẤT LƯƠNG ? TA CÓ NÊN NHẮM MẮT ĐỂ KHỎI THẤY VÌ SAO CHÚA ĐÓNG CỬA BIỂN HÂM TÀU TA LẠI KHÔNG? TA CÓ NÊN CHẾT CHO BỌN SÁT NHÂN ĐANG ẨN NẤU TRÊN TÀU CỦA TA KHÔNG?”. Nghĩ vậy, ông đến nói với các thủy thủ:

- Bây giờ thì ta đã biết vì sao chúng ta bị băng giam chân trong khi mọi tàu bè khác đã được ra khơi. Đó là vì một bọn sát nhân, một bọn bất lương đang ở trên tàu của chúng ta. Nói rồi, thuyền trưởng đến gặp bọn lính Xcốtlen vẫn đang ngủ trong khoang giữa hai boong tàu. Ông nói với họ:

- Hỡi các bạn! Các bạn hãy nằm yên một lát nữa, dù cho các bạn nghe thấy tiếng kêu, tiếng náo động trên tàu. Chúng ta phải vâng theo những lời cảnh cáo của Chúa và không được dung túng cho những kẻ bất lương đang ở bên chúng ta. Nếu các bạn chịu nghe tôi, tôi hứa sẽ cho chuyển đến chỗ các bạn cái rương đựng những đồng êquy của cụ Arnơ, để các bạn có thể chia nhau. Rồi ông quay lại nói với Tôraranh:

- Bác hãy quay về xe và quăng cá ra ngoài đi, bác sẽ phải chờ một thứ khác đó. Sau đó, thuyền trưởng và các thủy thủ xông vào buồng của Arsi và hai bạn hấn. Họ trói chặt cả ba tên Xcốtlen còn đang ngủ say. Khi ba tên

tĩnh lại, định chống lại, các thủy thủ liền dùng rìu và giáo đánh chúng. Thuyền trưởng nói:

- Chúng mày là những kẻ sát nhân, những kẻ bất lương. Làm sao chúng mày dám tin là sẽ thoát khỏi lưới trời? Chúng mày không hiểu rằng vì chúng mày mà Chúa đã đóng cửa biển lại hay sao? Lúc đó, ba tên cố gọi to đồng đội tới cứu họ. Song thuyền trưởng nói:

- Thôi, chúng mày đừng gọi nữa, họ sẽ không đến đâu. Ta đã cho họ những đồng êquy của cụ Arnơ để họ chia nhau rồi, và hiện họ đang bận lấy mũ đóng tiền. Chúng mày đã phạm tội ác vì những đồng êquy này, và cũng vì những đồng tiền ấy mà chúng mày bị trừng phạt. Tôraranh chưa kịp dỡ hết cá ra khỏi xe thì thuyền trưởng cùng các thủy thủ đã từ trên tàu bước xuống mặt băng. Họ dẫn theo ba người bị trói gô, thân mình trông thật thảm hại vì bị đánh, và những vết thương đã làm cho chúng yếu đi.

- Chúa đã không hoài công mà gọi bảo ta, - Thuyền trưởng nói. - Ngay khi ta biết được ý Người, ta đã vâng theo lời Người. Họ lôi ba tên tù lên xe trượt của Tôraranh và Tôraranh chở chúng về tận Marxt'răng qua những vịnh hẹp và những eo biển còn bị đóng băng. Đến buổi chiều, thuyền trưởng trèo lên tầng thượng của con tàu và nhìn ra biển. Song, vẫn chẳng có gì thay đổi quanh con tàu, bức tường băng vẫn mỗi lúc một cao hơn. Ông bỗng nhận ra một đoàn người rất đông đang tiến về phía con tàu của ông. Đó là toàn thể phụ nữ ở Marxt'răng cả già lẫn trẻ. Họ mặc đồ tang và dẫn theo vài thiếu niên

khiêng một cái cáng. Khi đến bên con tàu, họ nói với thuyền trưởng:

- Chúng tôi đến đây để tìm một cô gái đã chết. Bọn sát nhân đã thú nhận rằng cô ấy đã hi sinh tính mệnh để chúng không thể thoát khỏi sự trừng phạt. Tất cả phụ nữ ở Marxt'răng chúng tôi đến đây tìm cô gái ấy để rước về thành phố của chúng tôi với tất cả vinh dự xứng đáng với cô ấy. Họ tìm thấy Enxalin. Họ đưa cô lên bờ và mang về Marxt'răng. Tất cả phụ nữ đều khóc cô, người đã yêu một kẻ bất lương và đã hiến cả cuộc đời của mình để đẩy người mình yêu dẫu đến chỗ chết. Trong khi đoàn phụ nữ trở về Marxt'răng thì gió bão và sóng biển liên phá vỡ mặt băng mà họ vừa bước chân qua, và khi họ đưa Enxalin về đến thành phố thì mặt biển cũng hoàn toàn thông tàu bè.

Tô Chương dịch

TAI NẠN

Cao Hành Kiện
Nhà văn Trung Quốc - Giải thưởng Nobel - 2000

Sự việc xảy ra như sau:

Lúc đó là 5 giờ chiều: bên trong cửa hàng chữa radio nằm ở đường Đức Thắng, vang lên bốn tiếng tuýt của đồng hồ điểm giờ. Bên ngoài gió nổi lên làm tung bụi từ đồng cát xám đổ trước cửa nhà sách Tân Hoa phía bên kia con đường lúc đó đang được sửa chữa lại. Bụi đất dấy lên một vòng cung trên mặt đường nhựa. Thế rồi cát cũng rơi xuống và bụi cũng lắng đi. Lúc này vẫn chưa phải là mùa gió cát, trời mới chỉ vừa ấm lại thôi. Vài người cưỡi xe đạp còn khoác trên người áo choàng màu xám lúc giao mùa, trong khi các cô gái đi ngang đường đang diện áo mùa xuân xanh nhạt. Bộ hành và người đi xe đạp cứ tuôn đi không ngớt thành một dòng liên tục, nhưng đường chưa bị nghẽn như vào giờ cao điểm lúc tan tầm.

Lúc nào cũng có một số người đi làm về sớm hơn mọi người, còn một số khác thì đang được nghỉ việc. Họ đi trên đại lộ này. Ngày nào cũng thế, cứ vào tầm này những xe buýt đều lưng lửng người, không chật quá và cũng không ít quá. Tất cả những chỗ ngồi đều có người

và một vài người phải đứng, bám vào những tay cầm, mặt hướng ra phía cửa sổ.

Một chiếc xe đạp kéo theo chiếc xe trẻ con bên trên che tấm bạt carô xanh đỏ đi chéo sang đường. Ngồi trên xe đạp là một người đàn ông. Từ phía đối diện là một chiếc xe buýt hai toa đang tiến lại với một vận tốc lớn, thật ra nó vẫn đi chậm hơn chiếc xe màu xanh nhạt đang vượt chiếc xe đạp, nhưng có lẽ mấy cỗ xe này đã vượt quá vận tốc cho phép trong thành phố. Người cưỡi xe đạp gò lưng chúi ra đằng trước, cố đạp sang đường, và chiếc xe con lao vút vượt qua nó. Chiếc xe buýt đã đến trước mặt, người đi xe đạp do dự một lúc nhưng không có vẻ muốn phanh lại. Anh ta vẫn cứ tiếp tục lừ lừ sang đường, chiếc xe buýt, bám còi inh ỏi nhưng không giảm tốc độ. Chiếc xe đạp ra đến vạch vôi giữa đường, gió lúc ấy đã ngớt và mọi người đã nhìn rõ hơn. Người đi xe đạp không nháy mắt, anh ta ngẩng cao đầu. Đó là một người khoảng bốn mươi tuổi, một cái mũ cát két trật ra sau gáy cho thấy đầu đã bắt đầu hói. Chắc chắn anh ta thấy ô tô buýt đang chạy thẳng về phía mình cũng như đã nghe thấy tiếng còi của nó. Anh ta do dự một lúc và có vẻ muốn phanh. Chiếc xe đạp đi chậm hẳn lại, nhưng vẫn lăn bánh. Chiếc xe buýt bóp còi liên tục, nhưng chiếc xe đạp vẫn tiếp tục tiến. Một đứa trẻ khoảng hai, ba tuổi, mặt hồng hào ngồi dưới tấm bạt. Tiếng phanh xe ken két hòa lẫn tiếng còi xe. Chiếc xe buýt lao tới trong tiếng ồn ào càng lúc càng inh tai. Cái bánh trước của chiếc xe đạp đã nằm trong tầm tiến của chiếc xe buýt. Tiếng phanh và tiếng còi xe càng trở nên dữ dội. Chiếc xe buýt tuy đã

chậm lại, nhưng cái đầu xe như một bức tường thẳng đứng vẫn tiếp tục lao tới một cách ghê rợn. Lúc chiếc xe buýt và xe đạp sắp sửa va vào nhau, một người đàn bà đang đi ở vạch sang đường kêu lên một tiếng thất thanh. Người đi bộ, đi xe đạp nín thở chờ xem chuyện gì sắp xảy ra. Cái bánh trước của xe đạp đã vượt ra khỏi đầu xe buýt. Người đi xe đạp nhấn hết sức lực xuống bàn đạp - anh ta có lẽ còn đủ thì giờ để vượt qua, nhưng anh ta bỗng giơ tay về phía cái xe trẻ con căng bạt ca rô đằng sau như thể muốn đẩy nó ra. Tay anh ta vừa chạm được vào nó thì nó đã bị tung lên trời. Một bánh xe rơi ra và nảy trên mặt đường. Người đàn ông giơ tay lên trời và ngã xuống bên cạnh, nhưng chân anh ta bị kẹt lại. Giữa tiếng còi, tiếng phanh xe, tiếng kêu thất thanh của phụ nữ và tiếng rú kinh hồn của những người nhìn thấy cảnh tượng, người đàn ông đã bị bánh xe buýt cán lên. Cái xe đạp cong queo còn tiếp tục chạy trên đường khoảng hơn mười thước rồi mới ngã xuống.

Trên vỉa hè hai bên đại lộ, người bộ hành đứng như trời trồng và người đi xe đạp đều dừng lại, xuống xe. Toàn quang cảnh bỗng yên lặng như tờ. Chỉ còn nghe thấy một điệp khúc lê rê phát ra từ cửa tiệm chứa radio:

Em nhớ không,

Em và anh, chúng ta gặp nhau dưới vòm cầu đầy sương mù...

Có lẽ đây là cuộn băng của một ca sỹ Hồng Kông nào đó kiểu Đặng Lệ Quân. Cái bánh trước xe buýt dừng lại trong một vũng máu hồng. Từ tám thông hơi ở đầu xe máu nhỏ giọt xuống thân người chết. Người đầu tiên đến

gần là lái xe buýt, vừa nhảy từ cabin xuống. Rồi những kẻ bàng quan chạy ùa đến, một số người khác bu quanh chiếc xe trẻ con đang nằm cạnh miệng cống. Một người đàn bà bế đứa bé lên lòng vừa đong đưa, vừa xem xét.

- Nó chết chưa?

- Nó chết rồi?

- Nó chết chưa?

Những tiếng thì thầm nổi lên chung quanh. Đứa bé mắt nhắm nghiền, dưới làn da mịn và nhợt nhạt nổi lên những gân máu nhỏ nhạt. Trên người nó không có một vết máu nào, mà trông bề ngoài cũng chẳng có một vết thương nào.

- Đừng để cho nó trốn?

- Gọi cảnh sát.

- Cứ để y nguyên hiện trường? Đừng đi, để nguyên hiện trường.

Đám đông vây quanh đầu xe buýt, một người ở ngoài vòng, tò mò, cúi xuống nâng cái xe đạp cong queo lên. Khi ông ta để xuống, cái chuông xe còn vang lên một tiếng.

- Tôi bóp còi và phanh đẩy chứ, mọi người đều thấy rõ. Ông này lao vào xe như thể là muốn tự tử đấy. Đâu phải lỗi tại tôi. - Bằng một giọng khàn khàn, người tài xế tìm cách chống chế. - Bà con làm chứng cho tôi, bà con đều thấy rõ đấy.

- Lui ra, lui ra! Tất cả lui ra! - Một cái mũ cảnh sát xuất hiện trong đám đông.

- Phải cứu đứa bé. Ai có thể chặn một cái xe lại để đưa nó đến bệnh viện không? - Một giọng đàn ông lên tiếng.

Một thanh niên mặc áo da nâu giơ tay lên và chạy ra giữa đường: Một chiếc Toyota đi ngang bóp còi inh ỏi trong đám đông. Rồi một chiếc xe tải nhỏ cũng dừng lại. Qua cánh cửa chiếc xe buýt gây ra tai nạn, người ta thấy hành khách đang bàn tán với người bán vé. Một xe điện bánh hơi đi qua, nó bị những người hành khách xe buýt vây lấy và ùa vào mấy cái cửa vừa mở trong tiếng ồn ào.

Không bao giờ, không bao giờ tôi quên...

Những âm thanh nổi của bài hát bị chìm trong tiếng lao xao. Máu vẫn tiếp tục chảy và bốc lên mùi tanh nồng.

Oe...Một tiếng khóc trẻ con bật lên. Đó là tiếng oe oe của đứa trẻ đã ngất đi vừa tỉnh dậy ôi trời ơi, may quá!

- Nó vẫn còn sống!

Có những tiếng reo mừng vang lên giữa tiếng khóc trẻ con càng ngày càng to. Cả đám đông sống động hẳn ra như vừa được giải thoát. Thế là họ lại đến vây quanh thi thể kẻ xấu số.

Tu út, tu út, tu út...

Một xe công an mang đèn quay màu xanh trườn tới. Mọi người dạt ra nhường lối cho bốn cảnh sát nhảy từ xe xuống. Hai người trong bọn họ tay khua dùi cui để dân đám đông ra.

Con đường hoàn toàn bị nghẽn. Một hàng xe kéo dài về hai hướng. Một bản hòa tấu kèn ô tô thay thế cho

tiếng người ồn ào. Ngay lúc ấy, một cảnh sát ra đứng giữa đường bắt đầu ra hiệu bằng hai tay đeo găng trắng.

Cảnh sát gọi cô bán vé xe buýt xuống. Cô này giải thích gì đó một cách miễn cưỡng rồi đón lấy đứa bé từ một bà đương bế, leo lên chiếc xe tải nhỏ. Xe nổ máy, dưới sự chỉ đường của đôi găng tay, chiếc xe đem đi theo nó tiếng khóc dữ dội của đứa trẻ thơ.

Cảnh sát lại bắt đầu vẫy vẫy dùi cui, đám đông tò mò dàn ra thành một hình chữ nhật quanh cái xe đạp cong queo.

Ngay lúc đó, phía bên này đại lộ, người ta có thể nhìn thấy anh lái xe lau mồ hôi bằng cái mũ cát két vải thô. Một người cảnh sát hỏi cung anh ta. Anh ta chìa cái bằng lái bọc trong bì nhựa đỏ, nhưng người cảnh sát không thêm cầm. Anh ta cãi vãi một cách bực dọc với nhân viên cảnh sát.

- Còn có gì để mà giải thích? Nó cán người ta rõ ràng ra thế rồi. Một giọng ồm ồm của một thanh niên đang đẩy xe chen vào.

- Người này tìm cái chết đấy chứ! Người ta đã bóp còi và phanh như thế mà cũng không tránh lại còn lặn vào xe. - Một người bán vé đeo một tấm che tay vừa bước xuống xe cãi lại.

- Giữa đại lộ, thanh thiên bạch nhật, một người kéo một đứa bé, có mắt mù mới không nhìn thấy được. - Trong đám đông có tiếng người giận dữ cất lên.

- Mấy thằng tài xế này, chúng có sợ gì mà không cán người, chúng có chết đâu - Một giọng mỉa mai chế giễu.

- Tội nghiệp, nếu ông ta không kéo theo đứa bé thì chắc đã vượt qua đường được rồi.
- Thế còn có thể cứu được ông ta không?
- Ốc vỡ ra rồi à?
- Tôi nghe thấy kêu rộp một cái...
- Nghe thấy tiếng à?
- Vâng, nghe rộp một cái....
- Thôi, đừng nói nữa, nghe kinh quá!
- Ối giờ ơi mấy người thật, việc đã xong rồi mà!
- Nó khóc kìa.
- Thăng tài xế.
- Ngồi xồm, cúi đầu, anh tài xế giấu đôi mắt mình dưới mũ cát két.
- Đúng rồi, ai mà cố ý.
- Chẳng qua là số không may mới xảy ra...
- Có kéo theo một đứa bé à? Thế đứa bé đâu? Nó đâu?
- Những người vừa mới tới lại đồn dập hỏi.
- Thật là số mệnh, sai một ly đi một dặm.
- May mà thoát được một mạng.
- Cái ông người lớn bị chết!
- Chắc là bố thằng bé?
- Tại sao lại kéo theo một cái xe trẻ con như thế. Ngay cả đi xe đạp một mình có khi còn bị tai nạn nữa là.
- Có lẽ ông ta vừa đón con từ vườn trẻ ra.
- Đúng rồi, vườn trẻ bây giờ họ không giữ trẻ con suốt ngày đâu?

- Thậm chí người ta nhận cho là đã may rồi.

- Hay lắm đấy mà cứ chúi mũi vào. Đấy rồi cứ mà chạy lung tung sang đường đi. - Một người đàn ông vừa nói, vừa kéo tay một đứa bé từ đám đông ra.

Ca sĩ Hồng Kông đã ngừng hát. Đám đông tụ họp lại trên thềm cửa hàng chữa radio.

Một chiếc xe cứu thương trên gấn đèn quay chạy tới. Những người khiêng cáng mặc áo blu trắng đem xác chết vào xe. Đám người trên thềm cửa hàng đại lộ kiếng chân nhìn. Một người đầu bếp phốp pháp, bụng quần tạp dề, từ bên một quán ăn nhỏ xông ra xem chuyện gì.

- Chuyện gì thế tai nạn à? Có người bị xe cán?

- Hai bố con, một người chết.

- Người nào?

- Ông bố.

- Còn đứa con?

- Không việc gì.

- Ghê thế, thế nó không nắm tay bố nó à?

- Bố nó đã đẩy nó ra được.

- Cứ đời này đến đời sau lại càng tệ hại. Cái đứa con đó, cứ xem là nuôi thật phí công.

- Không biết gì thì đừng nói lung tung.

- Ai nói lung tung?

- Tôi có nói anh đâu.

- Người ta đem đứa bé đi rồi.

- A, thế còn có một đứa bé nữa à?

- Một số người khác vừa kéo đến.
- Làm gì mà xô đẩy thế.
- Tôi đẩy à?
- Không có gì để xem cả đâu. Đi đi, giải tán, giải tán!

Bên ngoài vòng, mấy người đàn ông nắm tay lôi mấy người đứng trong đám đông ra. Đó là những nhân viên của toán tuyên truyền cổ động an toàn giao thông tay đeo băng đỏ. Bọn người này còn dữ hơn cả cảnh sát.

Người tài xế bị tổng vào trong xe cảnh sát. Anh ta có vẻ muốn kháng cự, nhưng vẫn bị đẩy vào. Người đi bộ bắt đầu tản ra, nhiều người đi xe đạp đã leo lên xe, người xem bắt đầu rẽ đám, nhưng vẫn còn những người đến sau dựng xe, hoặc từ vỉa hè bước xuống lòng đường xem hiện trường. Một phía của đại lộ, cái hàng xe lớn, bé, xe buýt nhỏ, xe đạp, xe điện bánh hơi, chậm chậm đi qua như một đám rước cạnh cái xe trẻ con bị lật bên cạnh miệng cống với tấm bạt carô xanh đỏ rách mướp. Nhiều người đứng trên bậc thềm cửa hàng đã vào bên trong hoặc bỏ đi.

Khi đám đông đã tan, một ít kẻ tò mò còn đứng lại, một cảnh sát đo những khoảng cách bằng thước dây, một nhân viên khác đứng hí hoáy ghi chép gì đó vào sổ. Cái vũng máu dưới bánh xe buýt đã bắt đầu đông đặc, trở thành màu sẫm. Một cô bán vé còn ngồi lại trên xe nhìn ra con đường bằng đôi mắt không hồn. Phía trước, chiếc xe điện bánh hơi đi ngang, tất cả mọi khuôn mặt đều nhìn ra ngoài. Vài người còn thò hẳn ra cửa sổ. Lúc giờ tan tầm vừa điểm, người đi bộ trên vỉa hè và người đi

xe đạp càng đông hơn, nhưng họ bị cảnh sát và nhân viên tuyên truyền an toàn giao thông chặn lại.

- Có tai nạn à?
- Có nhiều người chết không?
- Chắc chắn rồi, bao nhiêu máu thế này.

Hôm kia, mới có một đứa trẻ mười sáu tuổi mới bị tai nạn trên đường Kiện Khang, người ta đem nó đi nhà thương, nhưng nó đã chết, nghe nói đó là con một thì phải.

- Thời này gia đình nào mà không có con một?
- Ôi dè, không biết rồi bố mẹ nó sống thế nào sau cái chuyện đó?
- Nếu vấn đề giao thông mà không giải quyết được thì các tai nạn vẫn tiếp tục.
- Đúng rồi, còn nhiều là đằng khác.
- Hàng ngày, lúc tan trường, cứ lúc nào thằng Chí Minh nhà tôi mà chậm về là tôi cứ lo ngay ngáy....
- Bà còn may mà có con trai, đối với bọn con gái cha mẹ còn lo hơn.
- Này, này, ta chụp một cái ảnh nhé?
- Bây giờ thì còn gì mà chụp.
- Thế nó cố ý cán người ta à?
- Tìm nó mà hỏi!
- Hình như nó không tông vào thì phải, chứ không thì làm sao mà nó cán lên người ta.
- Tôi cũng thế, cũng chỉ mới đi qua đây thôi.

- Bọn tài xế lái xe cứ như điên, họ chẳng bao giờ nhường đường cho mình đâu, mình không tránh thì chỉ có toi với chúng nó.

- Nhiều thằng đúng là bọn sát nhân, nếu xảy ra tai nạn với chúng thì chỉ có chết.

- Biết làm thế nào, con người ta có số cả. Trong làng tôi có một anh thợ mộc, tay này cừ lắm, chỉ tội mắc tật nghiện rượu. Một hôm đi làm về, say rượu thế nào không biết mà bị ngã, đầu đập vào một hòn đá nhọn...

- Từ hai hôm nay không hiểu sao em cứ máy mắt liên tục.

- Cả hai mắt à?

- Khi đi trên đường dừng có nghĩ vẩn vơ những điều không hay. Còn em nữa, bao nhiêu lâu nay anh thấy em...

- Có việc gì đâu.

- Lúc nào mà tai nạn xảy ra thì đã muộn rồi. Anh không thể chịu nổi cảnh ấy đâu!

- Đừng anh, người ta nhìn mình kìa.

Đôi trai gái đưa mắt nhìn nhau rồi dắt tay nhau đi xa dần. Người ta đã chụp xong ảnh hiện trường. Người cảnh sát sau khi đo đạc, đã rắc cát lên những vết máu. Gió đã lặng xuống: Trời càng lúc càng tối. Cô bán vé xe, ngồi cạnh cửa xe buýt đang thắp một ngọn đèn để đếm tiền trong két của mình. Một cảnh sát bỏ cái xác xe đập vào trong xe. Hai nhân viên an toàn giao thông thì khiêng cái xe trẻ con. Rồi tất cả cùng rời hiện trường.

Giờ này độ chùng đã vào giờ cơm tối. Chỉ còn lại mỗi cô bán vé xe đang dài cổ chờ gần cửa xe buýt, có lẽ chờ nhà kho xe gửi một tài xế khác để đem xe về. Và trong số người qua lại, chỉ còn một vài người nhìn cái xe buýt với dáng điệu tìm hiểu sao nó lại dừng ở đó giữa đường, và không có hành khách. Trời tối thẫm lại và chẳng còn ai chú ý đến vệt máu nằm dưới lớp đất cát rải trước đầu xe.

Sau đó, đèn đường sáng lên và chiếc xe buýt cũng đi mất. Giao thông trở lại bình thường, như không có gì xảy ra. Khoảng nửa đêm, lúc đường phố thưa người, phía xa xa bên cạnh cột đèn giao thông nhấp nháy, mọi người có thể đọc được một tấm biển xanh chữ trắng treo trên bờ rào sắt: "Vì hạnh phúc của mình và của người khác, hãy tuân thủ luật giao thông". Một chiếc xe vệ sinh thành phố từ từ đi đến rồi chậm lại ở chỗ xảy ra tai nạn. Ở đó, nó tăng sức nước ở vòi xịt để rửa sạch vệt máu trên mặt đường nhựa.

Nhân viên quét dọn vừa rửa lòng đường này có lẽ không ngờ được là cách đây vài giờ một tai nạn đã xảy ra và một người đáng thương đã thiệt mạng ở đây. Mà người ấy là ai? Trong thành phố cả mấy triệu người này, có lẽ chỉ có gia đình và thân nhân người ấy mới biết người ấy là ai và lúc này có thể họ vẫn còn chưa biết được hung tin. Vì không có một giấy tờ gì cho phép xác minh thân phận trên người kẻ xấu số. May ra đứa bé – người chết có lẽ là cha của nó – lúc hoàn hồn có thể gọi được tên bố nó. Người này chắc phải có vợ. Vì ông ta phải làm cái nhiệm vụ của một người mẹ chắc phải là một người tốt

và chắc chắn là một người chồng tốt. Vì ông ta yêu con, nên chắc chắn cũng yêu vợ, nhưng vợ ông có yêu ông không? Nếu cô yêu chồng tại sao cô không làm nhiệm vụ người mẹ? Đời của anh ta chắc không lấy gì làm vui, nếu không tại sao lại lơ đãng như vậy? Phải chăng điểm yếu của bản chất anh ta có lẽ là tính hay do dự. Phải chăng anh ta đang bị giày vò bởi một chuyện gì đó? Hay là anh ta đã bị số mệnh bắt như thế. Tuy nhiên, nếu anh ta rời khỏi nhà chậm hơn một tý, hay lên đường sớm hơn một tý, hay sau khi đón con, anh đạp xe nhanh hơn hay chậm hơn một tý, hoặc giả ở nhà trẻ, cô nuôi dạy trẻ nói với anh ta một hai câu, hoặc trên đường anh đi, anh gặp được một người quen gọi anh lại thì anh đâu có gặp cái tai họa này. Không có việc gì mà bảo là không tránh được cả. Anh ta có bị cái bệnh nan y nào bắt phải chết đâu! Cái chết, không ai tránh được, nhưng chết yếu, người ta có thể tránh được. Và trong trường hợp này, nếu anh ta không chết trong một tai nạn thì rồi sẽ chết ở đâu? Trong thành phố này, những tai nạn trở thành tất yếu, nhưng có thành phố nào mà không có tai nạn? Tất cả những thành phố lớn đều có một xác suất chết vì tai nạn, mà dù cho cái xác suất này chỉ là một phần triệu thì trong một thành phố lớn như thành phố này, mỗi ngày một người vẫn có khả năng mất mạng vì nó. Và trong trường hợp này, chính anh ta đã là kẻ không may đó. Không biết anh ta có linh cảm điều sắp xảy ra cho mình hay không? Anh ta nghĩ gì lúc việc ấy sắp xảy đến cho anh ta? Có lẽ anh ta cũng chẳng có thì giờ nghĩ đến điều gì cả mà cũng không hiểu sự bất hạnh nào sẽ giáng xuống đầu mình. Đối với anh ta, chắc chắn không có

điều bất hạnh nào có thể lớn hơn, ngay cả khi anh ta chỉ là đại diện của một trường hợp trên một triệu người, một hạt cát. Tuy nhiên lúc chết, ai cũng thấy là anh ta nghĩ đến đứa con - nếu đúng đứa trẻ là con anh sự hy sinh của anh chẳng phải là tuyệt vời? Không phải chỉ có tuyệt vời mà còn có cả một phần của bản năng. Một bản năng của người cha. Người ta chỉ nói đến bản năng người mẹ, thế mà vẫn có những người mẹ bỏ rơi con. Hy sinh thân mình cho con quả là một việc tuyệt vời. Tuy nhiên, sự hy sinh này đáng lẽ có thể hoàn toàn tránh được nếu anh ta chỉ đi hơi sớm hay hơi muộn một tý nếu anh ta bớt đáng trí hơn một tí, nếu anh ta bớt bận lòng hơn, nếu anh ta bớt do dự hơn, linh hoạt hơn. Tất cả những nhân tố này tích lũy lại đã đưa anh đến chỗ chết và cái điều bất hạnh đó đã trở thành tất yếu. Rồi người ta lại quay về với triết học. Nhưng cuộc đời lại không phải là triết học, mặc dù triết học vẫn đến từ tri thức mà con người lấy từ cuộc đời. Đáng lẽ không nên đưa vào thống kê những tai nạn xe cộ trên đời, đó phải là công việc của cục giao thông hay cảnh sát. Dĩ nhiên điều đó cũng có thể trở thành tin vật trên mặt báo. Nó cũng có thể làm chất liệu văn chương để trở thành một câu chuyện cảm động nhờ vào óc tưởng tượng. Điều đó lại thuộc về lĩnh vực sáng tác. Nhưng ở đây chỉ là quá trình một tai nạn được kể lại, một cái tai nạn xảy ra vào lúc 5 giờ chiều trên đại lộ Đức Thắng, ở quãng có cái tiệm chữa radio mà thôi.

Nguyễn Hồi Thủ dịch

MỤC LỤC

Nô lệ của tình yêu.....	3
--------------------------------	----------

Knut Hamsun - Nhà văn Na Uy - Giải thưởng Nobel 1920
Đào Minh Hiệp dịch

Từ con.....	15
--------------------	-----------

Rabindranath Tagore - Nhà văn Ấn Độ – Giải thưởng Nobel 1913
Nguyễn Tâm dịch

Ông đại biểu.....	27
--------------------------	-----------

Maxvon Der Grun - Nhà văn Đức - Giải thưởng A.v. Droste/
Hil Shoff 1981
Thanh Quân dịch

Mẹ	38
-----------------	-----------

Cao Hành Kiện - Nhà văn Trung Quốc – Giải thưởng Nobel 2000
Trinh Bảo dịch

Lá số tử vi	53
--------------------------	-----------

Rabindranath Tagore - Nhà văn Ấn Độ – Giải thưởng Nobel 1913
Hoàng Cường dịch

Mây và mặt trời.....	65
-----------------------------	-----------

Rabindranath Tagore - Nhà văn Ấn Độ – Giải thưởng Nobel 1913
Hoàng Cường dịch

Tuổi trẻ, tuổi vàng son.....105

Hermann Hesse - Nhà văn Đức – Giải thưởng Nobel 1946/
Goethe 1946
Trần Phong Giao – Hoàng Hưng *dịch*

Bưu phẩm và vết son môi..... 157

I. Abuziarov - Nhà văn Nga – Giải thưởng Iuri Kazakov - 2005
Đào Minh Hiệp *dịch*

Đông Joăng thanh minh.....180

George B.Shaw - Nhà văn Anh – Giải thưởng Nobel 1925
Xuân Oanh *dịch*

Con ngựa trắng 214

Thom Jones - Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O'Henry/
Sách quốc gia Mỹ 1993
Phan Thu Hiền *dịch*

Loại một người tình ra khỏi danh sách ngắn..... 235

Doris Lessing - Nhà văn Anh – Giải thưởng Nobel 2007
Lê Huy Bắc *dịch*

Trò chơi..... 277

Terry Bain - Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O' Henry 2003
Nguyễn Thị Hiền Thảo *dịch*

Thần chết thường ẩn sau ái tình..... 288

Gabriel Garcia Marquez - Nhà văn Colombia – Giải thưởng
Nobel 1982
Nguyễn Trung Đức *dịch*

Sự tích núi lửa.....302

Miguel Angel Asturias - Nhà văn Guatemala – Giải thưởng Nobel 1967
Nguyễn Trung Đức *dịch*

Những cuộc đời bị phù phép.....308

Nadine Gordimer- Nhà văn Nam Phi – Nobel 1991
Dương Tường *dịch*

Kẻ phản bội hay một linh hồn bối rối..... 323

Allbert Camus - Nhà văn Pháp - Nobel 1957
Vũ Đình Phòng *dịch*

Nevada..... 349

John Updike - Nhà văn Mỹ – Giải thưởng O’Henry/Pulitzer 1991
Nguyễn Chiến *dịch*

Gặp lại nhau trên đại lộ 371

Heinrich Böll - Nhà văn Đức – Giải thưởng Nobel 1972
Quang Chiến *dịch*

Người láng giềng xinh đẹp..... 384

Rabindranath Tagore - Nhà văn Ấn Độ – Giải thưởng Nobel 1913
Hoàng Cường *dịch*

Những đồng êquy của cụ Arnơ..... 391

Selma Lagerlof - Nhà văn Thụy Điển – Giải thưởng Nobel 1909
Tô Chương *dịch*

Tai nạn 479

Cao Hành Kiện - Nhà văn Trung Quốc - Giải thưởng Nobel - 2000
Nguyễn Hồi Thủ *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 04 7 161 518 - 04 7 161 190 - Fax: 04 8 294 781

Email: nxbvanhoc@hn.vnn.vn

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 08. 8469859; Fax: 08 8483481

ĐÔNG JOĂNG THANH MINH

*Tuyển truyện ngắn đặc sắc của các tác giả đoạt giải
Nobel, O'Henry, sách quốc gia Mỹ...*

Chịu trách nhiệm xuất bản

NGUYỄN CỪ

Biên tập: Phạm Thanh Điệp

Trình bày & vẽ bìa: NS Đống Đa

Sửa bản in: NS Đống Đa

TỔNG PHÁT HÀNH

MIỀN BẮC:

NHÀ SÁCH ĐỐNG ĐA

834 Đường Láng - Đống Đa - HN

ĐT: (04) 37752939 - Fax (84.4) 37755723

E-mail: sachdongda@gmail.com

MIỀN NAM:

CÔNG TY TNHH SÁCH PHƯƠNG NAM

940 đường Ba Tháng Hai, phường 15, quận 11 Tp. HCM

ĐT: (08) 8663447 - 8663448 - Fax: (84.8) 8663449

Website: www.phuongnamvb.com

In 1.000 cuốn, khổ 14.5x20.5cm, tại Xưởng in Báo Thể Thao Việt Nam.
Giấy phép xuất bản số: 575-2008/CXB/19-76/VH do CXB cấp ngày 21/8/2008.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2008.

Đông Joăng

THANH MINH



Nhưng hắn không thể mỉm cười. Mặt hắn danh lại với kiểu cách tự trọng lồ bịch. Chẳng phải tại nàng đang theo dõi âm mưu của hắn; nét mặt gây buồn cười, nàng đã phô cho hắn thấy lúc này, đã cho thấy điều đó. Mà chỉ tại vì quyết tâm sống còn của hắn để đạt mục đích, hắn sắp sửa chiếm đoạt nàng. Hắn sẽ không về. Nhưng hắn có cảm giác như thể đang giữ một chùm chìa khóa nhưng không biết phải chọn cái nào. Hắn nhắc cái ghế nhỏ thứ hai ngồi đối diện với Barbara, đẩy cái bàn cà phê sang một bên để tiện bề thực hiện ý đồ. Hắn ngồi trên ghế, cúi người tới trước, cầm cả hai bàn tay nàng và nói: “Cứng à, đừng bắt anh về nhà nghe, đừng nghe, anh xin em đó”.

Tổng phát hành tại:
Nhà sách Đồng Đa - 834 Đường Láng - Hà Nội
Tel: 04.37752939 - Fax: 04.37755723
Email: sachdongda@gmail.com

Công ty TNHH sách Phương Nam
940 Đường Ba Tháng Hai, phường 15, quận 11, TP. HCM
ĐT: (08) 38663447 - 39616759 - Fax: (84.8) 38663449
Website: www.phuonngnamvh.com



Đông Joăng thanh minh



8 935077 063219

Giá: 78.000 VNĐ